

NGUYỄN VĂN MINH



dòng họ
NGÔ ĐÌNH
ước mơ chưa đạt

dòng họ ngô đình ước mơ chưa đạt

dòng họ ngô đình
ước mơ chưa đạt
nguyễn văn minh

bìa: *Midway Press*

trình bày: *Midway Press*, hình bìa tư liệu

nguồn: **internet**

ấn hành: *Anywhere*

Copyright © 2003 by **nguyen van minh**

**dòng họ ngô đình
ước mơ chưa đạt**
nguyễn văn minh

Lời giới thiệu của Gs Tiến Sĩ NGUYỄN XUÂN VINH

Cuốn sách này không phải là một tập hồi ký theo nghĩa thông thường của những sách tự viết về cuộc đời của những chính trị gia trong đó sự việc thường được trình bày theo một góc độ nhìn có lợi cho uy tín của tác giả. Ông Nguyễn Văn Minh chỉ là một Đại Úy trong Quân Đội Quốc Gia Việt Nam trong thời gian tám năm (1955 – 1963) có những diễn biến được mô tả trong cuốn hồi ức này, nhưng ông lại ở một vị trí đặc biệt để biết nhiều chuyện khi ông được biệt phái để làm việc trong văn phòng của ông Ngô Đình Cẩn, người em giáp út của cố Tổng Thống Ngô Đình Diệm. Sau khi nền Đệ Nhất Cộng Hòa cáo chung, ông trở về với quân đội và nhiệm vụ cuối cùng với cấp bậc Trung tá trong Quân Lực VNCH là Chỉ Huy Trưởng Trung Tâm Huấn Luyện Hạ Sĩ Quan Chiến Tranh Chính Trị. Gần

muời năm trong lao tù Cộng Sản đã cho tác giả thấy thấm thía nỗi đau khi còn những ước mơ chưa đạt, ước mơ của mọi người dân Việt Nam mong nhìn thấy đất nước được thực sự Độc Lập, Tự Do, Dân Chủ và Phú Cường.

Cũng vì mong muốn cho ước mơ đó chóng thành hiện thực mà ông Nguyễn Văn Minh đã viết cuốn hồi ức này. Theo ý nghĩ của tác giả, nếu sự thực được phơi bày và làm sáng tỏ, thì những người dù có tôn giáo khác biệt nhưng cùng đứng chung một chiến tuyến quốc gia chống lại sự thống trị của cộng sản Việt Nam trên đất nước sẽ hiểu nhau hơn mà cùng nhau sát cánh trên con đường tranh đấu cho một tương lai dân chủ cho quê hương.

Tôi chia sẻ ý nghĩ của tác giả là phải có sự đoàn kết của toàn dân mới gây được sự kính nể của đồng minh, tiêu diệt được Cộng Sản và quang phục quê hương. Và cũng tin rằng mục đích xóa bỏ những nghi ngờ giữa các tôn giáo nhằm đạt tới Xây Dựng Tình Đoàn Kết Quốc Gia mà tác giả đã nói lên hết sự thực và tình hình đất nước và tình người mà tác giả đã quan sát và cảm nhận được trong những năm suy vi của đất nước. Trong tinh thần tôn trọng sự khách quan và chính xác khi thẩm định những sự kiện lịch sử, tôi ân cần giới thiệu tập hồi ức này của ông Nguyễn Văn Minh tới độc giả ở bốn phương.

Tiến Sĩ Nguyễn Xuân Vinh

Giáo Sư danh dự

Kỹ thuật hàng không và không gian

Đại Học Michigan

Lời tựa của Hà Thượng Nhân

Cuốn sách này viết ra đã khá lâu. Tác giả đã cho tôi coi đọc trước và muốn tôi viết vài lời giới thiệu. Bấy giờ tôi đã nói với bạn tôi rằng thời gian chưa đủ “ngấm” để mọi người có thể thẩm định sự kiện lịch sử một cách khách quan và chính xác.

Tác giả đã đồng ý và sửa đi sửa lại nhiều lần, tránh những từ ngữ có thể gây phản tác dụng cho mục đích của cuốn sách là “Vun đắp tình đoàn kết quốc gia”. Nay thì nhất định sách phải được in ra. Để trả món nợ đối với một con người đã hiểu biết mình và với các thế hệ con cháu sau này.

Tôi nghĩ sự thật vẫn là sự thật. Các ông tướng lấy tiền của Mỹ có thể giết được thể xác của anh em họ Ngô, nhưng họ không thể giết được thanh danh, tinh thần và uy tín của họ Ngô. Khi các ông tướng ấy xuống tay cũng là lúc họ tự sát. Họ chết khi đang còn sống.

Muốn nói gì thì nói , miền Nam từ 1948 đến 1975, chỉ duy nhất có chế độ Ngô Đình Diệm là xứng đáng. Chỉ dưới chế độ ông, quốc gia mới có kỷ cương, có thể thống.

Không thể đem so sánh chế độ ấy với bất cứ chế độ nào từ Nguyễn Văn Xuân đến Nguyễn Văn Thiệu. Giết anh em họ Ngô, các ông tướng đã vô tình giết cái chính nghĩa quốc gia mà họ vẫn hô hào phục vụ.

Dù sao người chết cũng đã chết rồi. Chỉ có một điều đáng ân hận anh em Tổng Thống Ngô Đình Diệm còn một chính sách, một kế hoạch cần phải thực hiện.

Tổng Thống Ngô Đình Diệm cùng các ông Ngô Đình Nhu, Ngô Đình Cẩn chỉ mới lo củng cố được chính quyền. Họ chưa có thì giờ thực hiện những điều mà tác giả Nguyễn Văn Minh đề cập đến trong cuốn sách này.

Lịch sử còn đó. Không ai có thể che dấu được sự thật.

Đây là sự thật mà một người có cơ duyên đã được sống trong một thời gian dài kể cận ông Ngô Đình Cẩn kể lại.

Tác giả là người có thành tâm thiện chí. Những gì anh viết ra đều xuất phát từ chân tâm.

Đó là một điều mà tôi nghĩ chúng ta cần phải trân trọng.

San José, tháng 7-2003

Hà Thượng Nhân

Lời nói đầu

Tác giả Nguyễn Văn Minh

Sau cuộc đảo chánh ngày 1 tháng 11 năm 1963, Miền Nam Việt Nam rơi vào tình trạng hỗn loạn gần như vô luật pháp. Tình trạng phân hóa chia rẽ hiển hiện trong mọi tổ chức, mọi thành phần xã hội, nhất là tại miền Trung và đặc biệt giữa hai khối tôn giáo lớn Công Giáo và Phật Giáo.

Trong khi đó, nhiều cơ quan ngôn luận đua nhau phổ biến những tài liệu nguy tạo kích động lòng hận thù, kỳ thị tôn giáo qua những luận điệu cố tình đồng hóa giáo hội Công Giáo Việt Nam với chế độ Đệ I Cộng Hòa, với đảng Cần Lao. Riêng ông Ngô Đình Cẩn thì được mô tả như “một lãnh chúa, ngu dốt, gian ác, tham tàn,” v.v.

Tôi có cơ hội tiếp xúc với ông Cẩn ít lâu trước khi ông Ngô Đình Diệm về chấp chánh. Làm việc bên cạnh ông Cẩn từ ngày 1 tháng 1 năm 1956 đến ngày 4 tháng 11 năm 1963.

Tôi được biết về con người, về nhiều công việc ích quốc lợi dân ông Ngô Đình Cẩn đã làm, về truyền thống, nề nếp

gia đình ông; về tinh thần phục vụ và cống hiến cho đất nước và dân tộc của anh em ông.

Tôi cũng được chứng kiến, nghe biết về những biến chuyển, biến động tại miền Trung trong suốt thời Đệ I Cộng Hòa và cách đối xử, ứng phó của chính quyền.

Nhờ đó, tôi thấy được nhiều câu chuyện, nhiều bài viết, được phổ biến ở trong nước cũng như ngoài nước vào thời kỳ ấy không đúng Sự Thật, thậm chí gian xảo.

Đáng tiếc là, từ sau ngày Việt Nam Cộng Hòa bị khối Cộng sản quốc tế cưỡng chiếm, những Sự Thật đã bị xuyên tạc vẫn được một số tác giả người Việt Nam cũng như ngoại quốc, vì mục đích riêng tư, xử dụng trong tác phẩm của họ như những Thực Chứng, bất kể đến hậu quả tai hại đến tinh thần Đoàn Kết Quốc Gia, một yếu tố quyết định Sự Sống Còn của dân tộc.

Hành động xuyên tạc Sự Thật có chủ ý đối với lịch sử, và các thế hệ con cháu sau này là một Trọng Tội, và đối với những người không còn khả năng tự vệ là việc làm không lương thiện, ác độc và bất công.

Vì thế, theo lương tâm, tôi tự thấy có bốn phận phải đóng góp phần mình, mặc dầu nhỏ nhoi, vào công cuộc giải trừ những lừa dối đối với lịch sử, với các thế hệ mai sau, hóa giải những độc tố vẫn còn tiếp tục gặm nhấm, tàn phá tinh thần Đoàn Kết Quốc Gia của dân tộc.

Đó là mục đích của tập Hồi ức này.

Vài điều cần giải thích:

- Sau một vài sự kiện được kể lại, chúng tôi có trích dẫn một số tài liệu để làm sáng tỏ cho sự kiện được tường thuật, nhằm giúp cho quý độc giả nhất là quý vị cao niên,

không có điều kiện khi muốn sưu tầm đối chiếu. Hoặc quý vị nào muốn được biết về các sự kiện ấy một cách đầy đủ hơn, có thể dễ dàng tìm đọc số tài liệu được trích dẫn.

- Phần trích dẫn, chúng tôi áp dụng phương pháp không đặt chú thích ở cuối trang hoặc cuối chương. Chúng tôi ghi nguồn gốc, xuất xứ tài liệu ngay sau đoạn văn được trích dẫn, để quý độc giả dễ dàng theo dõi và luồng suy nghĩ không bị ngắt đoạn lâu khi phải lật tìm những chú thích.

Trân trọng.

California Mùa Thu 2003,

NGUYỄN VĂN MINH

Chương I. Ông Ngô Đình Cẩn

*“... Tôi nhất định ở lại làm việc.
Sống thì sống, chết thì chết. Không đi mô hết”.*

1. Duyên tri ngộ

Hạ bán năm 1950, một nguồn tin được lan truyền trong giới thanh niên Hà Nội: Tại miền Trung, Thủ Hiến Phan Văn Giáo đã tranh đấu dành được nhiều quyền độc lập rộng rãi. Trong cuộc sống thường ngày, người Pháp chỉ được hoạt động trong khu vực dành cho họ. Lính Tây muốn qua bên thành nhà Vua phải có giấy phép, v.v. Hơn một trăm thanh niên, trong đó có tôi, theo sự hướng dẫn của ông Nguyễn Văn Tố, Giám Đốc võ đường Vovinam ở đường Hàng Bông, tình nguyện vào học trường võ bị của lực lượng võ trang do Thủ Hiến Giáo thành lập: Lực Lượng Việt Binh Đoàn tại Huế. Cuối năm 1951 ra trường, tất cả khóa học của chúng tôi được chuyển qua Quân Đội Quốc Gia (QĐQG) mới thành lập, và được phân phối cho

cả ba quân khu (QKI – miền Nam, QKII -miền Trung, QKIII – miền Bắc). Tôi được phân phối về QKII và thuyền chuyển về Tiểu Đoàn 7, một trong hai Tiểu Đoàn QĐQG đầu tiên tại miền Trung thời bấy giờ.

Sau mấy tháng đi hành quân lưu động, Tiểu Đoàn 7 được điều ra đóng bảo vệ an ninh



lãnh thổ hai quận Gio Linh và Vĩnh Linh, thuộc vùng cực Bắc tỉnh Quảng Trị. Trung đội của tôi, Trung Đội 3 thuộc Đại Đội 3, đóng tại đồn Cửa Tùng (cửa sông Bến Hải) thuộc quận Vĩnh Linh. Thời buổi chiến chinh lính tráng trấn đồn mà được đóng ở chỗ này kể là thuộc loại số đỏ. Đồn đóng ngay tại khu nhà Thừa Lương (nhà nghỉ mát) của Cựu Hoàng Bảo Đại, phía Đông là biển, phía Nam là sông, hai phía Tây và Bắc, năm đồn Hương bảo vệ quanh, nên vấn đề an ninh của đồn tương đối an toàn.

Tháng 5 năm 1953, tôi được giao nhiệm vụ chỉ huy Đại Đội thay thế Trung Úy Lê Hoàng Thao, một sĩ quan người Miền Nam được thuyền chuyển về nguyên quán. Bộ Chỉ Huy Đại Đội đóng trên đồi Tân Trại, cách bờ biển Cửa Tùng chừng 4 cây số, cách quốc lộ số 1, đoạn Quảng Trị Đồng Hới cũng khoảng 4 cây số.

Vùng trách nhiệm của Đại Đội trải dọc hai bên bờ sông Bến Hải, từ bờ biển Cửa Tùng đến vùng thượng nguồn Mỹ Tá dưới chân dãy Trường Sơn. Quân số của Đại Đội trấn đóng bốn đồn: Cửa Tùng, Tân Trại, Xuân Hòa và Mỹ Tá. Mười một đồn Hương Vệ với quân số đồn ít nhất trên 20, đồn nhiều nhất trên 40, và hai pháo đài Phụ Lực Quân (partisan), mỗi pháo đài 6 người.

Một điều lạ đối với tôi, không hiểu tại sao lực lượng võ trang Việt Cộng trong khu vực này cứ theo đuổi đánh tôi hoài?

Khi tôi coi đồn Cửa Tùng, đã có lần họ tập trung lực lượng đông gấp 10 lần hơn, quyết san bằng đồn tôi. Nhưng nhờ được dân chúng mật báo cho biết trước, nên kế hoạch hành quân của họ đã bị hóa giải một cách nhẹ nhàng bằng mấy loạt trọng pháo của Tiểu Đoàn yểm trợ, bắn trúng vào điểm tập trung quân của họ.

Thời gian tôi chỉ huy Đại Đội, cuối tháng 12-1953, họ tung một cuộc tấn công thật ác liệt vào đồn Hương Vệ An Do Tây và đồn Hương Vệ lưu động đóng sát cạnh, giữa đoạn đường từ đồi Tân Trại đến Cửa Tùng. Có lúc họ đã chiếm được một trong ba pháo đài của đồn lưu động.

Đến cuối tháng 1-1954, họ lại thực hiện một cuộc bao vây đồn Hương Vệ Phan Xá, phía Tây cầu Bến Hải, buộc tôi phải đương đầu trong một tư thế hết sức nguy hiểm. Vì muốn giải vây cho đồn này tôi phải hành quân vượt sông.

Nhưng nhờ tinh thần quyết chiến của anh em binh sĩ trong Đại Đội và lòng can đảm phi thường của anh em Hương Vệ, các mưu tính của họ đều được giải tỏa với phần thua thiệt về phía họ.

Cuối tháng 3 năm 1954 tôi bị đau, được đưa vào điều trị ở Quân Y Viện Huế. Sau khi xuất viện, thời gian được nghỉ dưỡng bệnh, vợ chồng tôi đến ngụ ở phía sau nhà thờ Phú Cam, trong một căn phòng nhỏ, mượn của Đại Úy Nguyễn Văn Tú có biệt danh là Tú Kèn, vì ông này chỉ huy Ban Quân Nhạc Quân Khu II.

Chúng tôi mới ở đây được mười ngày thì một buổi chiều, Đức Giám Mục giáo phận Huế, tên Việt của Ngài là Thi, tên Pháp là Urrutia, đến thăm. Sau mấy phút hỏi thăm về tình trạng sức khỏe của tôi, Đức Cha ban phép lành cho vợ tôi khi ấy đang mang thai cháu đầu lòng, rồi Ngài kéo tay tôi nói: “Đi với Cha”.

Đức Cha Thi biết tôi vì dịp Ngài ra thăm mấy họ đạo vùng Cửa Tùng, đã đến nghỉ đêm ở đồn tôi mấy tối.

Từ nhà Đại Úy Tú đến tòa Giám Mục khoảng hơn 500 thước, hai Cha Con đi bộ, trên đường đi tôi hỏi Ngài:

- Sao Đức Cha biết mà đến thăm con ở đây?

- Không những Cha biết con ở đây mà còn biết con mới ở bệnh viện ra nữa.

Rồi Ngài hỏi tôi về tình hình vùng Cửa Tùng, đặc biệt là từ khi xảy ra hai trận đánh tại đồn An Do Tây và Phan Xá.

Đến Tòa Giám Mục, Đức Cha dẫn tôi qua thăm Cố Cả, tên Pháp là Cadière, một linh mục thuộc dòng Thừa Sai Paris và là một học giả, giới trí thức thời ấy không mấy ai không biết tiếng. Cố Cả bị Việt Minh bắt đi từ khi họ cướp chính quyền, tháng 8 năm 1945, mới được trả tự do vài tháng trước đó.

Tôi từ biệt Đức Cha và Cố Cả sau khoảng một giờ trình bày với các Ngài về tình hình vùng Cửa Tùng. Đặc biệt về

sinh hoạt của giáo xứ Di Loan, giáo xứ Cổ Cả coi sóc trước khi bị bắt, sinh quán của Đức Giám Mục Lê Hữu Từ.

Buổi sáng một ngày giữa tháng 4-1954, cô Công Tăng Tôn Nữ Tiểu Diện, em Linh Mục Bửu Đồng, hiện ở Đức, đến mời tôi qua gặp Ngài.

Tôi được quen biết Cha Bửu Đồng từ khi về coi Cửa Tùng và sau này trở nên rất thân thiết với Ngài và gia đình. Cha Bửu Đồng coi giáo xứ Phan Xá, nơi có đồn Hương Vệ bị bao vây tôi mới kể ở trên. Ông thân sinh của Ngài là cụ Ung Trạo, thường được gọi là cụ Huỳnh Trạo theo thẩm vị Hồng Lô Tự Khanh của Nam Triều. Cụ là Cha đỡ đầu của ông Ngô Đình Cẩn.

Đến gặp Cha Đồng, Ngài nói với tôi:

- Bữa qua tôi ghé vô thăm cậu Cẩn, ông hỏi có biết anh Thiếu Úy mô muốn nhà trên Đại Úy Tú mà Đức Cha mới tới thăm mấy bữa ni không? Tôi cho ông biết là anh, và cũng đã có một đôi lần tôi nói với ông về anh. Ông nhủ tôi bữa mô đưa anh xuống gặp ông, tôi hứa bữa ni. Chừ anh qua gặp ông với tôi được không?

Vì từ khi còn ngồi ghế ở nhà trường tôi đã được nghe đến danh tiếng gia đình họ Ngô, nên không một chút do dự, tôi thưa lại ngay với Cha Bửu Đồng:

- Dạ thưa Cha được chứ, con có mắc gì đâu.

Tôi đi theo Cha Bửu Đồng qua ngôi nhà xế trước mặt nhà Ngài. Chúng tôi bước vào nhà gặp lúc ông Cẩn đang hớt tóc. Sau khi chào ông Cẩn, Cha Bửu Đồng nói:

- Bữa qua Cậu nhủ tôi đưa Thiếu Úy Minh đến gặp Cậu, thì đây, Ngài cầm tay tôi, Thiếu Úy Minh đây.

Ông chỉ vào bộ trang kỳ, ông nói:

- Xin lỗi Cha, mời Cha và anh ngồi đợi cho tôi một lát.

Hớt tóc xong ông đến ngồi phía đối diện Cha Đồng và tôi, ông hỏi:

- Anh Minh đây hì? Anh mấy tuổi rồi ?

- Dạ thưa ông Cậu con 26 tuổi.

- Gia đình được mấy anh em?

- Dạ, con được bốn anh em ruột và hai đứa em con bà mẹ kế.

- Anh vô lính lâu mau rồi?

- Dạ con vô lính cuối năm 1950.

- Anh lập gia đình khi mô?

- Con lập gia đình tháng tư năm ngoái.

- Còn trẻ vậy mà lập gia đình chi sớm rứa?

- Dạ thưa ông Cậu, khi quyết định vô lính, là đã dứt khoát chọn con đường cho cuộc đời mình rồi, thì lập gia đình cho yên bề.

- Ồ, nói rứa chứ 26 tuổi lập gia đình cũng được rồi. Bậy chừ đã có vợ, mai mốt có con, lại chỉ huy đơn vị chắc mắc việc lắm hì?

- Dạ chỉ huy đại đội cũng không có gì phức tạp lắm. Và lại đóng đồn cũng không có việc gì nhiều, có điều cứ đêm đến là lại lo bị địch tấn công. Nhất là khu vực trách nhiệm của con nhiều đồn bót quá. Đồn Hương Vệ thì quá thô sơ về bố phòng cũng như vũ khí. Đồn chính qui thì đồn nọ cách đồn kia quá xa.

- Vùng ngoài nó lung chùng giữa trời giữa đất, có Hương Vệ nhiều cũng đỡ. Nhưng Hương Vệ như của Cha Đồng đây, để cho nó đến bao vây rồi giải vây thì mệt quá hì ?

Tất cả chúng tôi cùng cười. Ông Cẩn tiếp:

- Dù trách nhiệm nhỏ cũng có điều phải lo lắng. Những khi rảnh rỗi gắng học hành, đọc sách báo thêm, để mở

mang kiến thức, sau ni lên chức phải gánh trách nhiệm lớn hơn, có khả năng mà mần.

- Dạ!

Câu chuyện giữa ông Cẩn, Cha Đồng và tôi kéo dài khoảng hơn một tiếng đồng hồ thì Cha Đồng và tôi cáo từ ông. Khi chúng tôi ra đến sân, ông Cẩn dặn với:

- Khi mô rảnh anh Minh cứ vô chơi.

- Dạ! Cám ơn ông Cậu

Về lại nhà Cha Bửu Đồng, Ngài dặn tôi:

- Ông Cẩn khôn ngoan, anh ráng năng ghé thăm ông, sẽ học hỏi được nhiều điều hay đấy.

2. Các bậc sinh thành

Cụ Ngô Đình Khả

Cụ Ngô Đình Khả chánh quán làng Đại Phong, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình, miền Trung Việt Nam.

Sinh trưởng trong một gia đình nho phong, thuở thiếu thời cụ Ngô Đình Khả được hấp thụ một cách sâu sắc nền nho học Khổng-Mạnh. Khi vào học ở chủng viện, cụ được học thêm tiếng La Tinh và tiếng Pháp.

Theo Đức Tổng Giám Mục Ngô Đình Thục ghi lại, thời kỳ đó, đạo Công Giáo còn đang bị bách hại. Là một chủng sinh xuất sắc, cụ Khả được chọn đưa qua học ở Tổng Chủng Viện của dòng Thừa Sai Paris tại đảo Poulo Pinang, Mã Lai, cùng với chủng sinh nước Nhật, Tàu, Thái Lan.

Sau khi hoàn tất chương trình học ở Tổng Chủng Viện này trở về nước, thời gian thử thách để được chọn lên chức linh mục, cụ được cử phụ trách dạy môn Triết tại Đại Chủng viện Giáo Phận Huế. Qua nhiều năm dạy học, học trò của cụ nhiều người đã được thụ phong Linh Mục mà cụ vẫn không được chọn.

Một hôm, Cha Bê Trên Chung Viện gọi cụ lên bảo: “Này con, cứ thế này dù con có ở đây một trăm năm nữa con cũng không được gọi chịu chức Linh Mục. Mặc dầu con không có lỗi gì, nhưng con không có tên trong danh sách những người được chọn của Đức Cha Gaspar. Cha biết con còn một mẹ già không còn làm gì được, con hãy về chăm sóc mẹ con trong những ngày cuối đời của bà.”

Vâng lời Bê Trên, cụ trở về đời sống giáo dân. Cụ được Linh Mục chính xứ Phú Cam, Cha Allys, giới thiệu nhận thông dịch tài liệu tiếng La Tinh và tiếng Pháp cho hải quân và quân đội Pháp để sinh sống và phụng dưỡng mẹ già. Khi ấy cụ được 30 tuổi.

Cuộc đời của cụ trải qua từ nơi thôn dã thời thơ ấu, đến chốn thị thành khi ở Đại Chung Viện Huế. Hình ảnh cuộc sống cực khổ lầm than, nhiều bất công của người dân nghèo ở nông thôn cũng như thành thị, đã đưa vào đầu óc cụ nhiều suy nghĩ. Khi du học ngoại quốc, tiếp xúc với các bạn cùng trường đến từ Nhật, Tàu, Thái Lan... và trước mắt cụ là đời sống của người dân địa phương tại Mã Lai. Tuy khi ấy Mã Lai chưa phải là một nước phát triển, nhưng đời sống xã hội của người dân đã được cải thiện nhờ vào đời sống chính trị được hưởng nhiều quyền tự do hơn ở Việt Nam. Từ đó, cụ hằng mơ ước được thực hiện một cuộc cải tổ xã hội, canh tân đất nước, đem lại cho người dân Việt Nam một cuộc sống công bằng tốt đẹp hơn.

Qua những năm du học, cụ thấy rằng, nền văn hóa Âu Tây với nhiều tư tưởng khoáng đạt, đã mở ra cho các nước trong vùng kho tàng kiến thức, dân trí được nâng cao. Nhờ đó các nước này đã đạt được một số tiến bộ trong nhiều

lãnh vực: văn hóa, chính trị, xã hội và nhất là về khoa học kỹ thuật. Nhưng về mặt đạo lý, luân lý, những tư tưởng hướng thượng của văn hóa Đông Phương, rường cột của một xã hội trật tự, nền nếp, hòa ái, nét đặc thù của các dân tộc Á Đông nói chung và của Việt Nam nói riêng, thì lại bị nền văn hóa Tây Phương làm cho bị sút giảm, lu mờ và dần dà bị mai một.

Vì thế theo cụ , tại một nước bị trị và dân trí thấp kém, muốn canh tân đất nước, cải tiến xã hội phải thu hồi được Độc Lập. Nhưng muốn giữ được nền Độc Lập cần phải có nhân tài quản trị việc nước. Muốn có nhân tài thì phương cách duy nhất là mở mang và đại chúng hóa giáo dục, giúp cho thanh thiếu niên dễ dàng học hành nâng cao kiến thức. Với Việt Nam, nơi tư tưởng Âu Tây mới du nhập và đang có lợi thế phát triển, cần phải có một đường lối tạo được sự kết hợp hài hòa giữa luồng tư tưởng cổ đại Á Đông. Có như thế mới bảo tồn được những tinh túy của nền văn hóa dân tộc đã từ lâu đời xây dựng trên nền tảng tư tưởng Á Đông. Qua ý niệm này, cụ chủ trương cần phải có một hệ thống giáo dục được giảng dạy kết hợp cả hai nền văn hóa Đông và Tây.

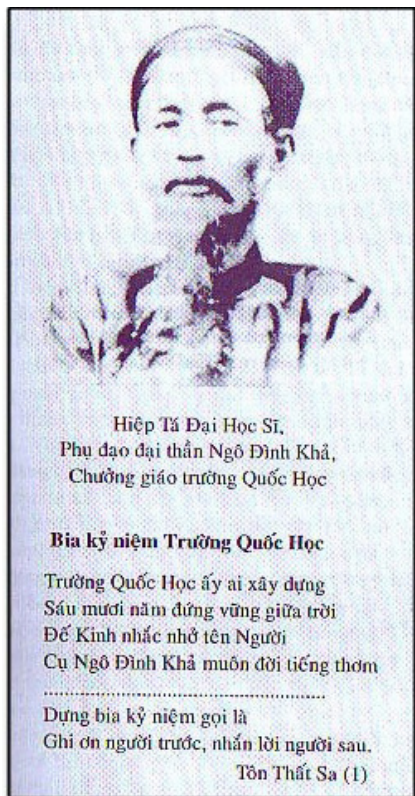
Từ nhận định ấy, khi trở về đời sống thường dân, cụ quyết tâm theo đuổi việc thực hiện một cuộc cách mạng ôn hòa theo đường lối cụ đã lựa chọn.

Thời bấy giờ, cụ là một học giả hiếm có với kiến thức sâu sắc về cả hai nền văn hóa Đông – Tây, nổi tiếng thông Nho, thông thạo tiếng Pháp và cổ ngữ La Tinh. Thêm vào đó, với những hiểu biết và kinh nghiệm thu thập được về tình hình bên ngoài qua những năm du học ngoại quốc,

cụ được Vua Đồng Khánh triệu dụng, giao phó quyền Tổng Chỉ Huy Binh Đội của Triều Đình. Nhưng chỉ sau bốn tháng, nhận thấy môi trường này không thích hợp và không giúp gì cho việc thực hiện lý tưởng của mình. Gặp lúc thân mẫu lâm trọng bệnh, cụ xin từ chức để có thể dành trọn thời giờ chăm sóc mẹ già. Sau khi thân mẫu qua đời, cụ không trở lại Triều Đình nữa và phải đợi đến trào Vua Thành Thái cụ mới có cơ hội thực hiện chủ trương của mình.

Vua Thành Thái khi lên ngôi tuy trẻ tuổi nhưng rất thông minh và giàu lòng yêu nước. Vì đã từng là nạn nhân của sự tranh chấp quyền hành trong Triều Đình và sự áp bức của chính quyền thực dân Pháp đối với Nam Triều, qua việc Vua Cha bị truất phế sau chỉ mới ba ngày mới lên ngôi Thiên Tử. Vì thế, sau khi lên ngôi, nhà Vua đã nuôi hoài bão tìm đường nâng cao dân trí, canh tân đất nước, hy vọng lấy lại phần nào quyền hành trong tay chính quyền Bảo Hộ để có thể cải tạo xã hội Việt Nam.

Khi được biết chủ trương mở mang, đại chúng hóa giáo dục theo đường hướng kết hợp hai nền văn hóa Đông-Tây của cụ Ngô Đình Khả, nhà Vua rất tâm đắc. Vì thế, khi vừa đủ tuổi (18 tuổi năm 1896) được tự quyết định việc triều chính, Vua đã triệu dụng và giao phó cho cụ trách nhiệm tổ chức và điều khiển một cơ sở Giáo Dục cấp Quốc Gia đúng theo đường lối, chủ trương của cụ. Cơ sở này được gọi là trường Quốc Học. Trong chức vụ Chương Giáo (Hiệu trưởng), cụ Khả thuyết phục được chính quyền Bảo Hộ chấp thuận cho trường được giảng dạy cả hai nền văn hóa Đông và Tây, với ba ngôn ngữ: Quốc Văn, Pháp Văn và Hán Văn.



Ảnh của Đặc San “Tiếng Sông Hương”

Sau hai năm cụ điều khiển trường Quốc Học, mến phục tài đức và lòng chung thủy, ngay thẳng của cụ và để dễ dàng tiếp xúc với cụ, Vua Thành Thái phong cụ lên chức Thượng Thư Phụ Đạo Đại Thần. Ít lâu sau cụ lại được giao phụ trách về lễ nghi và an ninh trong Triều, được phong chức Thị Vệ Đại Thần, và vào cuối trào (1902), nhà Vua lại ban tặng cụ tước vị Hiệp Tá Đại Học Sĩ.

Suốt gần 80 năm (1986-1975) tồn tại, trường Quốc Học Huế

đã cung cấp cho đất nước rất nhiều nhân tài trong mọi lãnh vực. Nhà trường đã dựng bia để nhắc nhở cho hậu thế ghi nhớ công ơn của Cụ.

Trong khi Vua, Tôi, đang âm thầm thực hiện cuộc cách mạng ôn hòa họ chủ trương thì ý đồ của họ bị bại lộ. Vua Thành Thái bị chính quyền thực dân gán cho mắc chứng bệnh điên, ép triều đình ký sớ xin Vua thoái vị rồi đưa qua an trí tại đảo Réunion. Dưới áp lực của nhà đương cuộc

Pháp, các vị Thượng Thư của Triều Đình đã ký số, chỉ một mình Thượng Thư Phụ Đạo Đại Thân Ngô Đình Khả nhất quyết khước từ không chịu ký.

Để tỏ lòng khâm phục và ngưỡng mộ một vị quan đã coi nhẹ danh lợi khi phải đối đầu với cường quyền hầu bảo toàn khí tiết và lòng chung thủy, dân chúng miền Trung truyền tụng nhau câu vè: “Đầy Vua không Khả – Đào Mả không Bại” (Thượng Thư Nguyễn Hữu Bại). Sau này khi Thượng Thư Ngô Đình Diệm treo ấn từ quan, dân chúng đã thêm vào hai câu trên một câu thứ ba: “**Hại dân không Diệm**”, và được truyền tụng cho đến ngày nay.

Cụ Tôn Thất Thiết, hiện cư ngụ tại thành phố Irvine, Orange Country, California, Hoa Kỳ, được thân phụ, cụ Tôn Thất Hân, khi ấy là Phò Quan Quận Vương, Phụ Chánh Thân Thân (Chức vụ đầu Triều, phụ tá cho Vua trong công việc Triều Chánh) kể lại:

Ngày Vua Thành Thái ra đi sống kiếp lưu đầy, toàn thể triều đình văn võ đứng hai hàng trước sảnh đình điện Thái Hòa bái biệt Vua.

Từ trong điện bước ra, Vua đến trước mặt cụ Tôn Thất Hân đứng đầu hàng Văn, từ biệt cụ, Vua nhún nhủ:

“Trong họ chỉ còn mình thầy, xin thầy ráng phù giúp Tàn Vương, giữ gìn xã tắc, bảo vệ thanh danh Hoàng Tộc.”

Rồi vua đi thẳng tới trước mặt cụ Ngô Đình Khả, đứng cách cụ Tôn Thất Hân sáu, bảy cấp. Dừng lại giã biệt, nhà Vua nói:

“Tôi cảm ơn thầy, thầy có tâm huyết, thầy ráng bảo trọng để giúp nước.”

Sau đó Vua đi thẳng không chào hỏi vị khách nào khác nữa.

Sau khi đầy Vua Thành Thái đi rồi, Thượng Thư Ngô Đình Khả bị xét xử vì đã quyết liệt chống đối bản án đầy Vua. Triều đình một lần nữa chịu sức ép của chính quyền thực dân, lột hết chức tước và quyền lợi của cụ rồi cho về hưu.

Khi còn tại chức cụ có tiếng là một vị quan thanh liêm, cương trực, gia đình đã sống một cuộc sống không mấy dư giả, nên khi cụ phải về hưu dưới áp lực và âm mưu hãm hại của Thực Dân, bị theo dõi kìm kẹp, gia đình cụ lâm vào hoàn cảnh thực sự khó khăn. Cảm phục vị đồng liêu vì khí phách, can trường mà phải chịu hoạn nạn, trong một thời gian khá dài, Cụ Tôn Thất Hân đã ngầm giúp cụ Khả mỗi tháng 10 đồng để chi dùng.

Đến trào Vua Khải Định, nhà Vua được nghe nhiều vị thượng thư trong Triều tâu trình về đức độ, tài năng công lao của cụ Khả đối với Nam Triều. Có lẽ nhờ chủ trương thân Pháp, nhà Vua đã được chính quyền bảo hộ ngầm chấp thuận cho việc phục hồi lại phẩm trật cho cụ Khả và cho cụ truy lãnh đầy đủ lương bổng của 12 năm bị huyền chức. Từ đó gia đình cụ mới thoát khỏi cảnh thiếu thốn.

Chúng tích cụ thể về sự liêm khiết của cụ Khả chính là khu dinh thự của cụ.

Khu tư dinh của Thượng Thư Ngô Đình Khả được xây cất trên một khu đất bề ngang khoảng 30 thước, chạy sâu vào khoảng 50 thước, tọa lạc trên đường Nguyễn Trường Tộ, con đường từ trước nhà thờ chính tòa Phú Cam chạy thẳng đến bờ hữu ngạn sông Hương. Cổng tư dinh được dựng trên bốn cột gỗ, mái lợp ngói, theo kiểu các dinh thự nhỏ ở Huế. Hai bên cổng là hàng rào bằng cây tươi

chạy dọc theo đường. Người địa phương gọi cây này là cây “chè tàu”.

Từ cổng đi vào là con đường đất rộng chừng hai thước, dài khoảng 10 thước, hai bên là hàng rào cây tươi cắt bằng. Bên trái là căn nhà lầu mỗi bên độ 9 thước, xây tường gạch, sườn nhà bằng gỗ, nền nhà lát gạch bông, gác bằng ván, mái lợp ngói. Phía trước nhà là một sân đất mỗi bề chừng 10 thước, kể đến là một cái hồ cạn mỗi cạnh khoảng 4 thước, giữa hồ có một hòn non bộ.

Ngôi nhà lầu này, bề ngang cũng như bề sâu đều chia làm ba gian. Bước vào nhà, gian giữa, tính theo bề ngang, hai căn ngoài để trống, căn trong cùng, trên đà treo một bức hoành phi, hai bên cột treo hai câu đối, bên trong là hương án thờ cụ Ngô Đình Khả, trên hương án là bức ảnh thờ cụ Khả cao chừng một thước. Gian bên trái, cả ba căn từ ngoài vào trong đều để trống. Gian bên phải, ở căn ngoài cùng, kê một bộ tràng kỷ cần xà cừ sơn sại; phía sau bộ tràng kỷ, ở căn thứ hai, một chiếc bàn dài kê dọc tường. Giữa hai căn thứ hai và thứ ba có vách ngăn bằng ván, chừa một cửa ra vào. Căn nhà này có một bên cửa hông đi ra sân bên cạnh và một cửa mở ra phía sau gặp cầu thang phía bên trái để lên lầu và qua ngôi nhà tranh phía bên phải. Trên lầu, hai gian bên phải và trái, tính theo bề ngang ngôi nhà, đều để trống. Gian giữa ở căn trong cùng có một bàn thờ Tổ Quốc, trên án thư có một bộ lư hương và một bộ chân đèn lớn bằng đồng. Sau án thư là một bản đồ nước Việt Nam cao khoảng hơn một thước. Trong cùng là đảng kỳ Cần Lao Nhân Vị Cách Mạng Đảng.

Bên phải căn nhà lầu từ ngoài sân nhìn vào, thụt vào ngang tường sau ngôi nhà này, là căn nhà tranh ba gian hai

chái. Phía trước là dàn cửa bằng gỗ chạy suốt ba gian theo lối cổ Việt Nam. Phía sau và hai đầu hồi vách bằng đất, mái lợp tranh, nền đất. Từ ngoài cửa đi vào, hai chái là kho để đồ đạc trong nhà, gian giữa kê một tràng kỷ mộc, phía sau là hương án thờ cụ Khả, gian bên trái là nơi bà cụ Khả nằm, gian bên phải kê một bộ sập (phản). Ngoài sân phía trước gian giữa, có một bình phong xây bằng gạch. Trước tấm bình phong là một vườn hoa mỗi bề chừng bốn thước. Sát đầu hồi ngôi nhà này, phía bên trái từ trong nhìn ra, là bếp ba gian, cũng mái tranh vách đất. Phía sau bếp là một sân rộng chừng 10×15 thước lát gạch và một nhà kho chứa lúa, dụng cụ làm ruộng và nơi làm việc của người làm trong nhà.

Sau này, mỗi dịp đi kinh lý vùng phía bắc miền Trung, Tổng Thống Ngô Đình Diệm thường ghé về lạy chào thân mẫu và nghỉ đêm tại nhà. Nhất là hàng năm vào dịp lễ giỗ Cụ Ông, anh em con cháu tề tựu về đông không có nơi nghỉ. Quan khách cũng nhiều, trong nhà không đủ chỗ tiếp. Đường từ ngoài cổng vào nhà và sân trước hay bị bùn lầy vì còn trong mùa mưa. Nhưng cũng mãi cuối năm 1956 ông Cẩn mới đổ xi măng được con đường vào nhà và sân trước. Qua năm sau mới xây lại cổng và bức tường phía đường Nguyễn Trường Tộ, thay hàng rào cây.

Dưới đây xin cống hiến quý vị độc giả một câu chuyện thật cảm động tôi mới biết được nhờ cái cổng mới này.

Sau khi cái cổng mới hoàn tất, mái cổng cũ vẫn được giữ nguyên cả khung và ngói đặt lại lên cổng mới. Tôi ngạc nhiên vì nhìn kỹ, cổng và mái không ăn khớp với nhau lắm. Một hôm vào trình công việc, vui chuyện tôi hỏi ông Cẩn:

- Thừa Cẩu, đã xây cổng mới sao lại còn giữ lại cái mái cổng cũ, trông nó không được hợp nhau lắm?

- Chú không biết, đó là một kỷ vật quý giá lắm đấy.

Và ông kể:

- Sau khi Cụ Cố lên đến Thượng thư được ít năm, bạn bè quan khách đến chơi nhiều, nhà chật chội không có nơi tiếp. Nhất là Vua Thành Thái, lâu lâu cũng qua thăm chơi với ông Khôi và Đức Cha, nên Cụ Cố đã phải mần thêm căn nhà lầu. Mần nhà xong, nhưng một thời gian lâu sau chưa mần được cổng. Vua Thành Thái biết Cụ Cố chưa có tiền, nên Vua làm tặng Cụ Cố cái cổng. Chừ ông Cụ (Tổng thống Ngô Đình Diệm) nhủ giữ cái mái cổng lại để nhớ ơn nhà Vua.

Năm 1959 ông Cẩn xây thêm được một căn nhà lầu 4 phòng ngay sát sau căn lầu cũ, và năm 1960 xây lại căn nhà bếp, mái lợp ngói, nền tráng xi măng. Đồ đạc bày biện, trang trí trong nhà vẫn giữ nguyên như trước, chẳng thay đổi gì.

Đó là cơ ngơi của một gia đình mà đời cha, gần mười năm làm Thượng Thư Triều Đình, Thầy dạy của Vua. Đến đời con suốt mười năm qua các chức vụ Tri Huyện, Tri Phủ, Án Sát, Tuần Vũ, Thượng Thư đầu Triều và 9 năm nắm quyền lãnh đạo đất nước trong chức vụ Tổng Thống.

Trở lại chuyện Thượng Thư Phụ Đạo Đại Thần Ngô Đình Khả bị cho về hưu.

Quay về đời sống thường dân trong cảnh thanh bần, cụ dốc hết sức vào việc rèn luyện con cái từ tư tưởng đến trí, đức, để sau này tiếp tục thực hiện cuộc cách mạng đang dở của cụ.

Cụ áp dụng một đường lối giáo dục con cái rất đặc biệt. Ngay từ khi còn tại chức, trong cuộc sống hàng ngày cụ không chỉ nghiêm khắc với chính mình, nêu gương một nếp sống cần kiệm, liêm khiết, trung nghĩa. Cụ bắt các con sống đúng theo khuôn mẫu ấy, nhằm hun đúc, xây đắp cho họ một lý tưởng sống vững chắc trên nền tảng một Đức Tin tôn giáo bất biến và một tinh thần nho học Khổng-Mạnh thâm sâu.

Nhờ phương pháp giáo dục có sức thuyết phục mạnh mẽ và nghiêm ngặt này mà tất cả các con của cụ, trai cũng như gái, đã có cùng một quan niệm sống, một tư tưởng, một ý thức về một cuộc cách mạng dành độc lập, canh tân đất nước, cải tiến xã hội Việt Nam với một lòng yêu nước, yêu dân chân thành. Cụ thể như trường hợp thân mẫu Đức Hồng Y Nguyễn Văn Thuận, sau ngày miền Nam sụp đổ 30-4-1975, đến định cư tại Úc, bà đã thuê người uốn hai cây cảnh trồng trước nhà thành hình hai con rồng, và hàng ngày bà tự tay chăm sóc hai cây cảnh này. Bà nói:

“Để nhắc cho con cháu sau này nhớ về quê hương Việt Nam. Chúng có thể quên bất cứ cái gì, nhưng đừng để chúng quên Đất Nước và Dân Tộc.”

Về phương diện tôn giáo, cụ là một người rất mộ đạo với sự hiểu biết thâm sâu. Đời sống của một ki-tô hữu gương mẫu với sự suy gẫm, chiêm nghiệm thâm thúy về cuộc sống hiện tại và mai sau. Cụ linh cảm được ngày lìa đời của cụ từ ba năm trước. Cụ đã cho các con biết điều này và từ đó, hàng ngày cụ đã lo chuẩn bị cho cuộc sống đời sau.

Năm cụ qua đời (1925), trước Tết ít lâu cụ bị sốt, con sốt mỗi ngày mỗi nặng hơn. Các con đưa cụ vào bệnh

viện, bác sĩ khám nghiệm cho biết cụ bị bệnh cháy phổi (Pleurisy). Thời kỳ ấy chứng bệnh này thuộc loại bệnh nan y.

Bà Nguyễn Văn Ấm, thân mẫu Đức Hồng Y Nguyễn Văn Thuận kể lại: Thời gian cụ nằm điều trị tại bệnh viện, một hôm, trong lúc các con tụ tập quanh Cụ Cố thì nhận được thư của thầy Thục từ Rôma gửi về, do người làm trong nhà đem đến. Trong thư thầy kể chuyện Đức Thánh Cha mới phong ba vị Thánh, và trong các bạn học có một thầy thân phụ mới chết vì bệnh cháy phổi. Ông Khôi đọc thư thấy nói đến chuyện chết vì bệnh cháy phổi, ông bàn với các em cháu Cụ Cố chuyện đó, sợ cụ biết chuyện, có thể không tốt cho việc chữa trị. Buổi trưa, khi ra về, ông Khôi lén để lại lá thư dưới gối cụ nằm. Buổi chiều khi các con trở vào cụ hỏi:

- Bay có để cái chi dưới gối của Thầy không?
- Dạ có để chi mô, ông Khôi thưa lại.
- Phải có cái chi! Trưa nì cái gối bị nâng lên hạ xuống ba lần và Thầy thấy rõ ràng ba bàn tay gio lên ban phép lành cho Thầy.

Nghe vậy ông Khôi đành lấy thư của thầy Thục ra đọc cho cụ nghe. Nghe xong cụ bảo:

- Rửa là dấu Chúa cho Thầy biết sẽ chết trong dịp này, Thôi, bây giờ đưa Thầy về nhà lo chuẩn bị mọi chuyện.

Về đến nhà bệnh tình cụ trở nên nguy kịch, cụ phải thở bằng bình dưỡng khí. Cảm thấy đã đến giờ lià đời, cụ gọi các con đến bên giường để chúc lành cho từng người nhưng theo thông lệ thì phải có một người thay mặt cho tất cả đứng ra xin. Anh chị em xin cụ chỉ định một người,

cụ chi bà (thân mẫu Đức Hồng Y Nguyễn Văn Thuận). Sau khi bà đứng ra xin cụ chúc lành cho các con, anh chị em lần lượt đến quỳ trước giường cụ nằm, cụ đặt tay lên đầu chúc lành cho từng người một. Sau khi đã chúc lành cho các con, cụ trở lại cho họ phải tiếp tục thực hiện lý tưởng của cụ. Với ông Luyện cụ dặn; *“Phải đưa thằng Luyện qua Pháp học. Để ở nhà mẹ chiều như rứa sẽ hư.”* Đặc biệt với ông Diệm cụ trối; *“Diệm, con có đủ đức tính cần thiết để trở thành người lãnh đạo tốt, con phải lãnh đạo.”* Và cụ nói với tất cả các con: *“Các con phải cùng với nó (ông Diệm) tranh đấu dành lại một nền độc lập hoàn toàn, thì mới thực hiện được công cuộc cải tạo xã hội xóa bỏ được bất công được.”* Tất cả các con cụ đã thể sẽ cùng với ông Diệm thực hiện bằng được ước nguyện của cụ.

Sau khi cụ Ngô Đình Khả qua đời, trong trách nhiệm quyền huynh thế phụ, quyền này được tuyệt đối tôn trọng trong gia đình họ Ngô, ông Ngô Đình Khôi thực hiện ngay những lời trăng trối của thân phụ. Trước hết, ông đưa ông Ngô Đình Luyện qua Pháp du học. Với những người còn lại trong gia đình, ông không bỏ lỡ dịp họp mặt nào mà không nhắc nhở họ, đặc biệt với ông Diệm, ông Nhu, ông Cẩn, phải sống cho ước vọng của cha.

Cụ Bà Ngô Đình Khả

Cụ Bà Ngô Đình Khả – nhũ danh Phạm Thị Thân, chánh quán làng Phú Cam, quận Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên. Sinh trưởng trong gia đình công giáo rất ngoan đạo, cụ có một người chị gái: bà Cửu Bích, một người em gái: bà Hương Đăng, và hai người em trai: ông Cửu Nguyên và ông Khóa Hành. Từ nhỏ đã được tiếng là thùy mị, nét na.

Kết hôn với Cụ Ông Ngô Đình Khả, cụ sinh hạ được chín người con, sáu trai, ba gái:

- Ngô Đình Khôi
- Ngô Đình Thị Giao, tức bà Thừa Tùng
- Ngô Đình Thực
- Ngô Đình Diệm
- Ngô Đình Thị Hiệp, tức bà Nguyễn Văn Ấm, thân mẫu

Đức Hồng Y Nguyễn Văn Thuận.

- Ngô Đình Thị Hoàng, tức bà Cả Lễ (Nguyễn Văn Lễ)
- Ngô Đình Nhu
- Ngô Đình Cẩn
- Ngô Đình Luyện

Từ khi lập gia đình cho đến khi hết đời, cụ là một bà mẹ thánh thiện, phúc hậu, giàu lòng bác ái. Đức Tổng Giám Mục Ngô Đình Thực ghi lại: “Tôi trung thành được với On Gọi của tôi là nhờ lời cầu nguyện và lòng bác ái “anh hùng” đối với người nghèo của mẹ tôi.”

Một bà cụ hiện ở Việt Nam, bà Đốc Bình, cùng trang lứa và là bạn thân thiết với thân mẫu Đức Hồng Y Nguyễn Văn Thuận kể rằng, hồi còn nhỏ bà thường xuống nhà Cụ Cố chơi, đôi lần chị em ham chơi, la lối, leo trèo, bà cụ chỉ gọi vào ôn tồn khuyên nhủ, nặng lắm cụ cũng chỉ đe đánh đòn. Chưa bao giờ cụ dùng đến roi vọt hay la mắng lớn tiếng.

Sau khi Cụ Ông mất, vì phải lao tâm lao lực nuôi dạy con cái, cuối thập niên 40, cụ ngã bệnh và bị liệt nửa người. Từ đó cụ phải nằm một chỗ không đi lại được.

Vì là con gái, trong thời của cụ ít được học hành, nhưng cụ cũng có trí nhớ thông minh sáng suốt kỳ lạ. Một hôm

vui chuyện, ông Cẩn thích thú kể cho tôi nghe hai câu chuyện dưới đây:

Đầu năm 1958, dịp về dự lễ giỗ Cụ Ông, Tổng Thống Diệm cho ông Cẩn một áo choàng (overcoat) khá đẹp. Tổng Thống đưa cái áo cho bà cụ coi trước khi trao cho ông Cẩn. Bà cụ khen cái áo đẹp quá, bắt ông Cẩn treo trên cột nhà ngay cuối giường nằm để bà canh chừng cho kéo mất.

Thấy bà cụ thích và quý cái áo đó quá, năm sau gần đến ngày giỗ Cụ Ông, ông Cẩn nảy ý tinh nghịch lừa lúc bà cụ ngủ lấy cái áo dấu đi. Khi bà cụ thức dậy không thấy cái áo, bà kêu ông Cẩn hỏi, ông giả bộ hốt hoảng: Cái áo vẫn treo ở đây mà rằng chừ mất mô rồi? Bà cụ kêu lên: Lạy Chúa tôi! Cái áo quý rửa mà để đứa mô lấy mất chừ mần rằng có tiền mua cái khác.

Mấy ngày sau Tổng Thống Diệm về vào vấn an bà cụ, vừa thấy ông cụ hỏi:

- Anh đã về đó hi? Nè, anh có tiền cho thằng Cẩn một vài đồng chi, đừng nó mua cái áo choàng khác. Cái áo năm rồi anh cho nó, đứa mô lấy cắp mất rồi chừ lạnh không có áo mà mang, tội nghiệp nó.

Tổng Thống Diệm ngó qua ông Cẩn, ông tủm tỉm cười. Hiểu ý, Tổng Thống thưa lại: Không phải mất mô, chú Cẩn nó giỡn mẹ đó.

Bà cụ thở dài:

- Rửa mà nó nói với tôi đứa mô lấy mất rồi.

Ông cười thích thú và kể tiếp: Năm rửa chú chi cũng biết hết đấy. Hồi 1954, ông Cụ (Tổng Thống Diệm) mới ở ngoại quốc về ra vấn an bà, vừa vô tới chỗ bà nằm chưa kịp nói chi, bà hỏi liền:

- Anh về mần chi rứa?

- Dạ, mấy năm rồi đi xa chừ con mới về được, con ra coi mẹ đặng có khoẻ không.

- Anh về mần chính phủ phải không?

- Dạ, thưa mẹ phải.

- Ủi chao! Tình hình lúc ni như biển động, sóng to gió lớn, mình thì nhỏ bé như cái lá tre mần rằng mà chèo chống cho nổi! Anh có coi mần được chi không mà về?

- Thưa mẹ, con biết tình hình lúc ni khó khăn lắm, đã không ai dám đứng ra mần, mình mà cũng không dám đứng ra nữa bỏ dân bỏ nước cho ai, Mẹ? Xin mẹ cứ yên tâm cầu nguyện cho con, có Chúa giúp con sẽ mần được.

Ông Cẩn tiếp:

- Lạ lùng, trong nhà không hề có ai nói chuyện tình hình tình huống chi với bà khi mợ, rằng mà biết rứa?

Cụ quả là bậc hiền mẫu, cụ sống một đời âm thầm, đức hạnh, và nhu mì. Tuy ở địa vị cao sang cụ vẫn sống bình dị, không giao du đua đòi lối sống của nhiều vị mệnh phụ thời bấy giờ.

Đời cụ cũng kết thúc trong âm thầm, lặng lẽ và khiêm tốn như cuộc sống của cụ.

Sau ngày đảo chánh 1-11-1963, cụ được đưa vào Sài Gòn, họ cho bà Nguyễn Văn Ấm, thân mẫu Đức Hồng Y Nguyễn Văn Thuận, nhận về chăm sóc. Cụ qua đời tại Sài Gòn ngày 2-1-1964, hơn ba tháng trước khi ông Ngô Đình Cẩn, người con thứ ba của cụ bị giết.

3. Con Người

Ông Ngô Đình Cẩn là con trai thứ năm của Cụ Ngô Đình Khả. Ông sinh năm 1911 tại Làng Phú Cam, Huyện

Hương Thủy, Tỉnh Thừa Thiên. Từ nhỏ ông học tại Trường Pellerin, trường của các Thầy Dòng Lasan.

Cố Đại Tá Nguyễn Thế Như, bạn học cùng lớp với ông Cẩn từ những lớp dự bị đến hết bậc tiểu học, khi còn sinh thời, được tôi hỏi về ông Cẩn, ông Như kể lại:

Suốt trong những năm cùng học, ông và ông Cẩn là hai người bạn thân như hình với bóng. Nhà hai người cùng ở trên bờ sông Bến Ngự, cách nhau chừng hơn 400 thước. Từ nhà ông Cẩn đến trường phải đi qua nhà ông, nên sáng nào ông Cẩn cũng ghé đón ông cùng đi. Cả hai cùng rất mê môn bóng tròn, nên hầu như không Thứ Năm, Chủ Nhật nào là không đi đá bóng. Bao giờ ông cũng là thủ môn và ông Cẩn là hậu vệ. Ông Cẩn học rất sáng nhưng tính năng động và ham chơi nên học hơi chậm. Hết bậc Tiểu Học, ông vào Tiểu Chủng Viện An Ninh tu học. Ông Cẩn vẫn tiếp tục học Trường Pellerin.

Tướng Trần Văn Đôn, Tư Lệnh Quân Đoàn I Vùng I Chiến Thuật tại Huế từ cuối năm 1957 đến cuối năm 1962, một trong những nhân vật đầu não của cuộc đảo chánh ngày 1 tháng 11 năm 1963 đưa đến cái chết cho ông Cẩn. Trong hồi ký viết bằng tiếng Mỹ “*Our Endless War*” tôi xin tạm dịch: “Cuộc Chiến Tranh Bất Tận Của Chúng Tôi”, ông Đôn nhìn nhận ông Cẩn là người “có nhân cách, thông minh sắc sảo”. (trang 56)

Khi Cụ Ngô Đình Khả qua đời, năm 1925, anh em trong gia đình mỗi người một nơi. Thầy Ngô Đình Thục đang du học tại Roma. Hai ông Ngô Đình Khôi và Ngô Đình Diệm làm quan. Ông Ngô Đình Nhu học tại Tiểu Chủng Viện An Ninh (Cửa Tùng). Ở nhà chỉ còn mấy người chị gái và hai

anh em Ngô Đình Cẩn và Ngô Đình Luyện. Ông Luyện khi ấy mới 10 tuổi, vì là con út, được mẹ rất cưng chiều, nên trước khi qua đời Cụ Khả đã trăng trối: “Phải đưa thằng Luyện ra ngoại quốc học, để ở nhà mẹ chiều như rứa sẽ hư”. Sau khi ông Luyện được ra ngoại quốc học, thấy mẹ lúc nào cũng buồn rầu vì nhớ thương em, từ đó ông Cẩn gần như không khi nào rời xa mẹ.

Ông Cẩn là một người có cuộc sống bình dị. Nếp sống của ông gần gũi với hàng dân dã hơn là với giới quyền quý như nguồn gốc của ông.

Như Đại Tá Như nói, ông rất năng động, ít khi tôi thấy ông ngồi không. Ngoài những lúc tiếp khách, đôi khi coi giấy tờ, ông thường ở vườn rau sau nhà hoặc ngồi vót nan đan rổ đan thúng với người làm trong nhà. Mùa gặt, có lần tôi thấy ông cũng xắn quần áo cào rơm cào lúa với họ. Thú tiêu khiển của ông là nuôi thú vật, hươu nai, chim và đi câu. Ông nuôi hươu với mục đích hàng năm lấy lộc nhưng làm thuốc cho thân mẫu. Ông ăn mặc rất sơ sài. Từ khi gặp ông lần đầu cho đến lần cuối cùng, tại nơi ông tạm lánh sau ngày đảo chánh 1.11.1963, khi nào tôi cũng thấy ông mặc bộ bà ba bằng lụa, không bao giờ mặc âu phục, hút thuốc Cẩm Lệ, (loại thuốc trồng tại địa phương và vắn bằng tay), ăn trầu. Khi di chuyển ông chỉ dùng xe jeep, không khi nào đi xe du lịch. Không biết ai đó đã biếu ông một xe du lịch hiệu Mercedes, ông không dùng mà đem tặng cho Bác Sĩ Lê Khắc Quyến là bác sĩ chăm sóc sức khỏe cho thân mẫu ông.

Ông sống cởi mở, không chịu gò bó cả trong công việc, không câu nệ những thủ tục gây cản trở cho hiệu quả của

công việc. Ông thường nói: “Tôi là cán bộ cách mạng không phải là công chức hành chánh”. Ông có Đảng tính rất cao, rất tôn trọng đoàn thể, tình nghĩa với đồng chí, với những người đã từng hợp tác với ông. Ông có cái nhìn rộng rãi về cuộc sống, không quá cổ hũ, khát khe như người ta đồn đại. Dưới đây là một vài câu chuyện điển hình:

1. – Một dịp đầu năm, nếu tôi nhớ không lầm, năm 1959, đoàn hát cải lương Thanh Minh Thanh Nga ra trình diễn tại Huế. Một buổi sáng vào trình công việc, tôi đang nói chuyện với ông Cẩn thì một vị chức sắc hành chánh địa phương bước vào. Câu chuyện đầu tiên ông nói với ông Cẩn: “Khi hôm đoàn cải lương Thanh Minh Thanh Nga mời chúng tôi dự buổi trình diễn ra mắt, ông Đôn (Tướng Trần Văn Đôn) dẫn theo một đoàn bốn năm bà”.

Có lẽ hiểu ý vị này muốn tố ông Tướng có số đào hoa, đã mang nhiều tai tiếng về vụ đàn bà con gái, ông Cẩn nói: “Hắn là Tây con mà bắt hắn sống như thầy tu mô được. Trong giao dịch mình cũng nên rộng rãi một chút”.

2. – Dịp Tết Âm Lịch năm 1960, ba vị sĩ quan cao cấp, Đại Tá Nguyễn Văn Y, Tổng Giám Đốc Công An Cảnh Sát, Thiếu Tá Nguyễn Quốc Hoàng, Tỉnh Trưởng Phan Thiết, hiện ở Thành Phố San Clemente, Orange County, California, Thiếu Tá Trần Khắc Kính, Phó Giám Đốc Sở Liên Lạc, tiền thân của Lực Lượng Đặc Biệt, hiện ở Thành Phố Huntington Beach, Orange County, California, (cấp bậc cuối cùng của Thiếu Tá Hoàng là Trung Tá, Thiếu Tá Kính là Đại Tá), ba ông từ Sài Gòn ra chúc Tết ông Cẩn cùng một ngày. Riêng Thiếu Tá Trần Khắc Kính đến với tư cách Bí Thư Khu Bộ Phan Tây Hồ, đại diện cho Khu Bộ

Đảng Cần Lao Nhân Vị Cách Mạng Sài Gòn và Ban V, tức Quân Ủy Đảng Cần Lao.

Vì muốn tiết kiệm thì giờ cho cả chủ lẫn khách, tôi hướng dẫn cả ba vị vào gặp ông Cần cùng một lúc và trình rõ với ông: Thiếu Tá Kính là Bí Thư Khu Bộ Phan Tây Hồ Sài Gòn, đại diện Ban V. Ông Cần mặc áo dài, đội khăn đóng ra tiếp khách. Hai vị Thiếu Tá đứng hơi lùi về phía sau có ý nhường cho Đại Tá Y, vị cao cấp nhất thay mặt mừng tuổi ông. Nhưng ông Cần đã bỏ qua Đại Tá Y, đến thẳng trước mặt Thiếu Tá Kính: “Tôi cảm ơn đồng chí đã thay mặt anh em đồng chí trong Nam ra thăm tôi...” rồi mới tới nhận lời chúc của Đại Tá Y và Thiếu Tá Hoàng.

3. – Một cán bộ cao cấp của đảng Cần Lao đã bị báo cáo có can dự vào âm mưu ném bom Dinh Độc Lập năm 1962 do nhóm Quốc Dân Đảng của ông Nguyễn Văn Lục chủ mưu. Nhưng cán bộ này nguyên gốc là đảng viên Quốc Dân Đảng gia nhập và hoạt động tích cực trong đảng Cần Lao Nhân Vị. Do đó, ông đã sai anh Hồ Đắc Trọng vào trình Tổng Thống Diệm xin cứu xét trường hợp của cán bộ này. Anh này đã được Tổng Thống ra lệnh cho Tổng Nha Công An Cảnh Sát trả tự do ngay sau đó.

Đảng viên này đã mất trong trại tù cải tạo của Cộng Sản năm 1976. Tôn trọng vong linh anh và thông cảm sự đau buồn của gia đình anh, tôi xin được miễn nêu tên anh ở đây.

4. – Đầu năm 1955, khi lực lượng đảng Đại Việt miền Trung tại Tỉnh Quảng Trị ly khai chống Chính Phủ Ngô Đình Diệm. Ông Trần Diễm, một đảng viên trong thành phần lãnh đạo đảng Đại Việt, đang giữ chức Tỉnh Trưởng.

Ông Điền trước kia đã hợp tác với ông Ngô Đình Cẩn trong cuộc vận động cho giải pháp Ngô Đình Diệm. Vì vậy, sau khi lực lượng ly khai bị dẹp, những người chủ mưu bị đưa ra tòa án xét xử, ông Điền bị kết án 7 năm tù ở. Ông Ngô Đình Cẩn giữ đúng lời hứa “không quên sự hợp tác trước kia...”, ông đã can thiệp và ông Trần Điền không phải ở tù ngày nào. Ông còn sắp xếp cho ông Điền làm Giám Học và dạy tại Trường Tư Thục Bình Minh để sinh sống. Còn tất cả những người khác, tuy phải ở tù nhưng ông cũng đã can thiệp cho họ được tổ chức thành một tổ do ông Nguyễn Văn Mân làm Tổ Trưởng (thời Đệ II Cộng Hòa, ông Mân làm Thượng Nghị Sĩ trong liên danh đảng Đại Việt) đi rừng đốn cây về làm đồ mộc, chặt củi, đem về bán. Tất cả tiền thu được từ những sản phẩm này họ được hưởng trọn để giúp gia đình.

Thiết tưởng cũng nên nói thêm ở đây về cách đối xử của gia đình họ Ngô với Bà Từ Cung, thân mẫu Cựu Hoàng Bảo Đại.

Một vị cán bộ kỳ cựu của ông Cẩn, cựu Đại Tá Phùng Ngọc Trung, kể lại với tôi rằng: Trong dịp về lạy chào thân mẫu trước khi bốn ba hải ngoại (1950), ông Ngô Đình Diệm đã dặn dò ông Cẩn phải thường xuyên thăm hỏi Bà Từ Cung, thân mẫu Cựu Hoàng Bảo Đại và chỉ định ông Trung trách nhiệm liên lạc giữa ông Cẩn và Bà Từ Cung.

Cảm kích trước lòng chung thủy của gia đình họ Ngô, một hôm Bà Từ Cung đích thân đến thăm và tặng cho Bà Cụ Ngô Đình Khả hai cây gắm. Ông Cẩn mặc áo thụng, đội khăn đóng đưa Bà Cụ lên căn giữa ngôi nhà chính đón tiếp Bà Từ Cung. Khi hai bà chuyện vãn, ông Cẩn đứng khoanh

tay đứng cạnh Bà Cụ. Ông Trung lo hầu trà hai bà. Trong lúc chuyện vãn, Bà Từ Cung gọi Bà Cụ Khả bằng Thím, còn Bà Cụ Khả vẫn một mực cung kính “Tàu Ngài”.

Sau này, trong suốt thời Đệ I Cộng Hòa, gia đình Tổng Thống Diệm vẫn giữ lòng kính trọng Bà Từ Cung như trước kia. Hằng năm, vào các dịp Tết, ông Cẩn vẫn không quên cho người đem lễ vật: Rượu, thịt, nếp, gạo... đến biếu Bà. Người thường được ông Cẩn nhờ làm việc này là Thiếu Tá Phan Xuân, Tỉnh Đoàn Trưởng Bảo An Thừa Thiên. Cụ Thiếu Tá Xuân hiện ở Thành Phố Garden Grove, Orange County, California.

Tôi được biết, gia đình họ Ngô đã luôn luôn tỏ lòng kính trọng, giữ đúng lễ nghi theo truyền thống Việt Nam đối với Bà Từ Cung một phần là để nhớ ơn Vua Khải Định đã phục hồi phẩm vị cho Cụ Ngô Đình Khả. Riêng ông Diệm tuy không đồng ý với lập trường chính trị của Cụ Hoàng Bảo Đại nhưng ông vẫn luôn giữ đúng lễ phép với Cụ Hoàng. Ông Trần Trung Dung kể lại với tôi, sau khi lấy lại được Dinh Độc Lập, số anh em theo ông Diệm từ ngoại quốc về ở cả trong Dinh cùng với ông Diệm và ông Nhu, ông Luyện. Tất cả đều ở bên cánh phải, bên cánh trái bỏ trống. Vì chật chội và muốn được thoải mái hơn, ông Dung và một số anh em đề nghị ông Diệm qua ở bên cánh trái, ông trả lời:

“Không được. Bên đó phải dành để khi Quốc Trưởng về có nơi để Ngài ngự cho xứng đáng”.

Ông Cẩn cũng còn là một người con chí hiếu. Một cử chỉ của ông đối với thân mẫu đã gây xúc động mạnh cho những người được chứng kiến:

Như thông lệ từ khi Bà Cụ Khả bị đau liệt nửa người, mỗi sáng Chủ Nhật, khi Linh Mục vào dâng Thánh Lễ cho Bà Cụ, Cô Nguyễn Thị Kinh con Bà Thận chị họ ông Cẩn, người hàng ngày hầu hạ Bà Cụ, bồng Bà lên ngồi trên ghế trước bàn thờ và đứng sau lưng vịn hai vai Bà để Bà khỏi té. Khoảng giữa năm 1962, một buổi sáng Chủ Nhật, không biết cô sợ ý thế nào để Bà Cụ té sấp xuống ghế quỳ trước mặt.

Sau khi Bà được Bác Sĩ Quyến băng bó vết sưng ở trán, ông Cẩn mặc áo thụng, đội khăn đóng, đến trước giường Bà Cụ nằm, quỳ phục xuống, khấu lạy ba lạy, vừa lạy vừa khóc, nghẹn ngào xin mẹ tha tội.

Ngay đến những giờ phút nguy hiểm nhất của đời ông, sáng ngày 2. 11. 1963, khi được Tòa Lãnh Sự Mỹ tại Huế mời qua tỵ nạn, mặc dầu đã biết tin Tổng Thống Diệm và ông Cố Vấn Nhu đã bị sát hại, ông cũng đòi Tòa Lãnh Sự phải nhận cả Bà Cụ thì ông mới qua.

Với ông Cẩn, không phải chỉ riêng bản thân ông hết lòng cúc cung phụng dưỡng mẹ già, mà bất cứ người nào, từ con cháu trong nhà đến người ngoài, ai phụ giúp ông trong việc chăm sóc, phục vụ Bà Cụ, đều được ông đối xử và đền đáp cách đặc biệt. Việc ông tặng Bác Sĩ Quyến, Bác Sĩ săn sóc sức khỏe cho Bà Cụ chiếc xe du lịch hiệu Mercedes vào thời điểm cuối thập niên 50 là một bằng chứng. Một điều đáng tiếc là lòng hiếu thảo của ông Cẩn đã bị một vài người trong thân tộc từng phụ giúp ông trong việc phụng dưỡng Bà Cụ Khả lợi dụng. Họ lấy danh nghĩa ông làm những chuyện thất nhân tâm gây không ít tai tiếng cho ông.

Trong giao dịch, ông có cách đối xử với mọi người rất đặc biệt. Tất cả những người đã từng giao dịch, tiếp xúc nhiều với ông Ngô Đình Cẩn, đều gọi ông là “ông Tam Thế”, nghĩa là không hiểu được ông, không nắm bắt được ý muốn đích thực của ông. Nhưng bất cứ ai đến gặp ông, khi trở ra, nếu không hoàn toàn thì cũng một phần, được thỏa mãn.

Tôi được nghe nhiều người dân địa phương nói, từ khi còn trẻ ông đã rất lạnh lợi và có tài biến báo. Vì vậy mà nhiều người khi gặp chuyện khó khăn, đã đến nhờ ông giúp giải quyết.

Để quý độc giả có thêm yếu tố đánh giá về một con người mà sau khi ngã ngựa, đã từng bị gọi là “Lãnh Chúa” Miền Trung. Sau đây, tôi xin trích dẫn nhận xét về con người ông Ngô Đình Cẩn của một vài người bạn từ hồi nhỏ và đồng chí kỳ cựu, từng cộng tác hoạt động với ông Cẩn từ khi Thượng Thư Ngô Đình Diệm mới treo ấn từ quan, và một số dữ kiện, tài liệu, chứng minh cho những việc ích quốc lợi dân ông Cẩn đã làm.

1. – Cố Đại Tá Nguyễn Thế Như, tôi đã đề cập ở trên, một người thực sự bị thất sủng trong thời Đệ I Cộng Hòa, sau một thời gian giữ chức Tư Lệnh Lữ Đoàn Phòng Vệ Tổng Thống Phủ. Khi còn sinh thời, được tôi hỏi về ông Ngô Đình Cẩn, trong thư trả lời, ngay đầu thư Đại Tá Như viết:

“Thời Đệ I Cộng Hòa, người đời ít ai biết đến Cựu Cẩn, có chăng thì có tại miền Trung, mà có biết thì biết việc trái của Cựu nhiều hơn việc tốt, mà đã chắc gì những việc trái đó do Cựu tự làm, mà là bọn tay sai, thậm chí một số sĩ

quan và Tỉnh Trưởng vào ra nịnh bợ làm sai rồi đổ lỗi cho Cậu”

Nhận xét của cựu Đại Tá Nguyễn Thế Nhu trên đây là một nhận xét rất có giá trị, theo những gì tôi được biết về con người ông Ngô Đình Cẩn.

2. – Mùa Hè năm 1996, được tin cựu Đại Tá Phùng Ngọc Trung, hiện ở Pháp, qua thăm người em là cựu Trung Tá Phùng Ngọc Bang, ở Thành Phố Garden Grove, Orange County, California, tôi đến thăm ông. Vì quá lâu ngày, từ năm 1960 đến nay mới gặp nhau, chúng tôi ôn lại nhiều chuyện cũ từ gần bốn mươi năm qua.

Sau khi thổ lộ với tôi một số uẩn khúc đối với ông Cẩn, mà ông Trung cho biết chưa hề nói ra với bất cứ một người nào, ông kể cho ta nghe, có lần ông Cẩn đã tâm sự với ông rằng:

“Trong số anh em, ta thấy chú mi có tình có nghĩa. Mình làm cách mạng có khi phải ác, khi làm ác có thể có lầm lẫn. Mai mốt ta chết và mi cũng sẽ chết. Ta thì không con cái chi, mi nhớ nói con mi thấp cho ta một nén nhang”.

Sau khi nghe ông Trung kể lại lời tâm sự trên đây của ông Cẩn, tôi hỏi ông:

- Bác đã cộng tác với ông Cẩn từ khi ông Cụ (Tổng Thống Diệm) còn hoạt động trong bí mật. Bác được các ông coi như người thân trong gia đình, dĩ nhiên sự hiểu biết của bác về các ông hơn tôi gặp nhiều lần. Xin bác thẳng thắn cho biết ý kiến về nhận xét sau đây đúng hay sai.

- Ông Cậu miệng thì ác, nhưng tâm không ác. Rất tình nghĩa và rất tôn trọng lễ giáo.

Ông Trung đứng bật dậy trước mặt người em, bước lại xiết chặt tay tôi nói:

- Đúng! Toa nói đúng! Moa hoàn toàn đồng ý với toa.

Tướng cũng cần phải nói thêm rằng, cựu Đại Tá Phùng Ngọc Trung là bạn đồng ngũ và rất thân thiết với Tướng Đỗ Mậu. Hồi Pháp thuộc, hai ông cùng ở trong một cơ đội khổ xanh. Hai người cùng biết và theo phò Thượng Thư Ngô Đình Diệm từ khoảng năm 1942. Ông Trung là người được cả gia đình Tổng Thống Diệm, nhất là ông Cẩn, tin yêu hơn tất cả các bạn bè của ông, nhưng ông lại không được may mắn như ông Mậu. Giữa năm 1960, đang giữ chức vụ Giám Đốc Ngành Hành Chánh Tài Chánh Quân Khu II thì một việc không đẹp chạm đến tự ái và danh dự của ông do cơ quan Anh Ninh địa phương tạo ra, mà ông tưởng là họ đã làm theo lệnh của ông Cẩn, mặc dù ông Cẩn đã xác quyết với người bạn của ông Trung, ông Huỳnh Hữu Hiến, rằng ông không hay biết gì về việc ấy. Sau đó ít lâu lại xảy ra việc ông Trung phải rời nhiệm sở đi nhận một nhiệm vụ khác. Những sự kiện này đã làm cho ông có cảm tưởng bị thất sủng. Mặc dầu theo tôi, đây chỉ là một sự trùng hợp không may. Nhưng với ông Trung thì lại là một nỗi u uất mà cho đến bây giờ ông vẫn chưa giải tỏa được. Trong đầu ông luôn luôn lẩn quất ý nghĩ. Lúc nào mình cũng ăn ở hết lòng hết dạ với ông Cựu mà sao lại đối xử như vậy?

Qua buổi tâm tình này, tôi nhận thấy nơi cựu Đại Tá Phùng Ngọc Trung một tư cách đáng quý. Tuy luôn mang trong mình một tâm trạng u uất cho đến nay, nhưng ông vẫn im lặng, không có hành động “trở giáo” ồn ào như một số người khác đã làm. Và ông còn thẳng thắn nhìn nhận: “Ông Cẩn ác khẩu nhưng không ác tâm và có tình có nghĩa”.

Sau cuộc đảo chánh 1.11.1963, một số người và sách báo đã nói nhiều đến xấu xa, tội lỗi cho ông Ngô Đình Cẩn. Ngoài những điều bịa đặt, một vài điều đã được thổi phồng lên một cách quá đáng, hoặc có ý diễn dịch sai lạc. Ví dụ như:

Về “*khu nhà mát*” (cụm từ Tướng Đôn dùng để chỉ 3 căn nhà lá, mỗi căn vuông vức mỗi bề 4 thước) của ông Cẩn tại bờ phía Tây Phá Tam Giang đã được Tướng Đôn viết trong hồi ký “Việt Nam Nhân Chứng” nói là: “*trên bờ biển Thuận An*”. Những đoạn văn Tướng Đôn tả địa điểm của mấy căn nhà này đọc lên nghe quả là thơ mộng. Nhưng rất đáng tiếc đó toàn là những điều sai sự thật. Rất nhiều người, từ hàng Bộ Trưởng, Tướng lãnh đến hàng thứ dân đã đến gặp ông Cẩn tại khu này. Và chắc chắn không ai không biết con đường dẫn vào mấy căn nhà ấy là một con đường cụt, chẳng có cây cối gì. Đến năm 1960 ông Cẩn mới cho ươm trồng khoảng hơn 10 gốc dừa, cuối năm 1963, số dừa này cao chưa đến một thước thì làm sao có được “*những hàng dừa rũ lá*”. Con đường này chỉ trải đá, chứ không phải là “*đường trải nhựa*”. Phía bên phải con đường chẳng làm gì có “*bãi cát trắng phau*” mà chỉ có cánh đồng sinh lầy. Phía bên trái cũng chẳng làm gì có “*nước biển trong xanh ôm lấy con đường*” mà chỉ có nước Phá Tam Giang ở gần bờ, nước cạn, lộ rõ màu đen lờ lờ của bùn... Tướng Đôn còn viết:

“*Tôi phải cho lính lấy đá về xây một vườn cây trên nước, quanh nhà có một dãy tường bằng đá bao bọc cho các ghe thuyền không được đến gần. Trên dãy tường đó đã rải rác các chòi canh...*” (trang 109)

Nếu quả thật Tướng Đôn đã cho xây một vườn cây trên nước và một dãy tường bao quanh khu nhà này, thì dãy tường ấy phải dài tối thiểu từ hai đến ba trăm thước.

Tại Việt Nam vào thời kỳ ấy, không biết Tướng Đôn đã dùng kỹ thuật nào để ngăn nước mà xây được một vườn cây và dãy tường dưới dòng nước Phá Tam Giang?

Hoặc như vụ khám phá mìn lưới gián điệp Pháp tại miền Trung và tổ chức điệp báo và quân báo Việt Cộng tại cả miền Trung và miền Nam. Hai vụ này được Tướng Mậu, trong hồi ký *“Việt Nam máu lửa quê hương tôi”* khẳng định là những vụ “bày ra” để bắt bớ giam cầm, tổng tiếm những người giàu có. Tôi sẽ nói về hai vụ trên đây trong một phần sau.

Trong các sách báo viết về Tổng Thống Ngô Đình Diệm, về Đệ Nhất Cộng Hòa Việt Nam mà tôi đã đọc, tôi rất lấy làm tiếc về cuốn Nhật Ký của Đỗ Thọ “*Nhật Ký Đỗ Thọ*”. Đỗ Thọ là một Đại Úy Không Quân được một người bạn cùng khóa, Đại Úy Lê Công Hoàn, Sĩ Quan Tùy Viên của Tổng Thống Diệm giới thiệu và được Tổng Thống nhận cho làm Sĩ Quan Tùy Viên từ tháng 3.1961. (Đại Úy Hoàn có cấp bậc cuối cùng là Trung Tá, anh mất tại Sài Gòn cuối năm 1991 sau mười hai năm ở tù cải tạo Cộng Sản). Đại Úy Thọ đã đi theo Tổng Thống Diệm cho đến khi ông bị đẩy lên xe M113 sáng ngày 2.11.1963. Đầu năm 1964 anh bị tử nạn khi chiếc máy bay anh lái từ Sài Gòn ra đón Tướng Nguyễn Khánh tại Huế bị rơi dọc đường. Cuốn *“Nhật Ký Đỗ Thọ”* được phổ biến năm 1970, tức là sáu năm sau khi anh bị tai nạn.

Đọc Nhật Ký Đỗ Thọ, tôi cảm phục thấy anh *“không thể đồng lõa với bóng đêm”* (trang 285) đã viết về Tổng Thống

Ngô Đình Diệm khá vô tư và trung thực, theo những gì tôi biết về ông, mặc dù rất ít, nhất là về cá tính của ông. Anh đã giải bày được lòng tôn kính, dạ trung thành, đối với một vị Tổng Thống mà anh được gần gũi trong chức vụ Sĩ Quan Tùy Viên gần ba năm. Anh nhận thấy ở ông những đức tính cao cả: **Hết lòng yêu nước, thương dân, đức độ, đôn hậu.**

Nhưng điều đáng tiếc là nhiều phần khác trong Nhật Ký của anh đã được viết thiếu trung thực. Như đoạn anh viết về ngày Tết tại nhà ông Cẩn:

“Nào là Bộ Trưởng, Tướng, Tá từ Trung Ương ra, từ địa phương đến, tất cả đều đến bái lạy chúc thọ Cụ Bà Ngô Đình Khả, sau khi toàn gia đình họ Ngô đã “lạy sống” Cụ Bà. Nào là câu đối, trướng liễn, quà ngon vật lạ dâng lên gia đình họ Ngô nhiều đến nỗi chỉ quà của cấp Trung Ương mới để trong nhà ông Cẩn, còn quà của cấp Tỉnh, cấp Quận và địa phương phải để trên Văn Phòng Chỉ Đạo. Những món quà tặng nhiều lúc rất kỳ lạ... (trang 31).

Đặc biệt như đoạn viết sau đây:

“Tối hôm đó, sau giờ giao thừa Tổng Thống Diệm đọc lại những câu đối, trướng liễn để coi có đứa nào nó chơi chữ với gia đình ông không. Tuy nhiên cái Tết, tôi theo chân Tổng Thống về Huế và sau phút đọc lại câu đối, ông rất thỏa mãn với những bày tôi trung thành”. (trang 32)

Đọc đoạn Nhật Ký Đỗ Thọ trên đây, tôi không biết Đỗ Thọ thực sự viết được bao nhiêu trang trong cuốn Nhật Ký mang tên anh? Vì đoạn này nhất định không phải anh viết. Là Sĩ Quan Tùy Viên của Tổng Thống Diệm hơn hai năm, mặc dù chỉ trải qua hai cái Tết. Nhưng anh không thể

không biết rằng, Tổng Thống Diệm không bao giờ về Huế ngày 30 Tết. Vì Tổng Thống phải có mặt ở Sài Gòn sáng mồng một Tết để nhận lời chúc đầu năm của Chính Phủ, Quốc Hội, của Ngoại Giao Đoàn, v.v. rồi mới về Huế. Vì vậy mà không bao giờ ông về Huế trước trưa ngày mồng một Tết. Do đó, làm sao ông lại có thể đi coi câu đối, trướng liễn, sau giờ giao thừa được?

Về vấn đề quà cáp, làm việc ở văn phòng ông Cẩn suốt từ khi văn phòng hoạt động cho đến ngày nền Đệ I Cộng Hòa bị lật đổ, không có dịp Tết nào tôi không có mặt ở Huế. Tôi không hề thấy ai đem biếu ông Cẩn câu đối, trướng liễn bao giờ. Vật lạ như trăn, hươu sao, cả cạp con nưa, thì có. Nhưng không phải là quà Tết, mà là khi một chính quyền địa phương miền Núi bắt được những loại thú rừng ấy đem biếu ông. Và tại Văn Phòng Chỉ Đạo, nơi chúng tôi làm việc, chưa hề bao giờ chất chứa quà cáp của ông Cẩn, dù chỉ một vài món.

Theo tôi, đoạn viết nêu trên và phần được viết về những việc, những sự kiện ngoài những gì Đỗ Thọ nói về Tổng Thống Diệm, chắc đã được ai đó viết thay anh sau khi anh bị tử nạn. Rất tiếc những phần ấy đã viết thiếu trung thực làm cho cuốn Nhật Ký của anh mất đi khá nhiều tín độ.

Riêng về vấn đề tiền bạc, ông Ngô Đình Cẩn cũng là người mang nhiều tai tiếng nhất trong các anh em Tổng Thống Ngô Đình Diệm. Tài sản của ông có những gì? Sau khi đảo chánh thành công, các Tướng đảo chánh đã cho thành lập cả một Ủy Ban để điều tra về tài sản nhà Ngô, họ đã tìm kiếm được bao nhiêu vàng bạc của nhà Ngô nói chung, của ông Cẩn nói riêng? Kết quả điều tra, báo chí thời ấy đã đăng tải. Mọi người đều đã biết.

Tướng Đôn nói Tướng Khánh cho Tướng Phát đến nhờ Bà Trần Trung Dung vào khám Chí Hòa nói ông Cẩn trao 6 triệu đô la trong Ngân Hàng Thụy Sĩ cho ông Khánh thì ông Khánh sẽ bí mật cho đưa ông Cẩn ra ngoại quốc. (*Việt Nam Nhân Chứng*, trang 248-249). Trong một lần đến thăm ông Trần Trung Dung ở nhà dưỡng lão trên Đường 13, Thành Phố Westminster, tôi có hỏi ông về chuyện này và được ông kể lại như sau:

“Một hôm vào buổi sáng, tôi và nhà tôi đang ngồi uống trà, Lâm Văn Phát Tổng Trưởng Nội Vụ của Khánh đến. Anh ta xin tôi cho phép được nói chuyện riêng với nhà tôi, tôi đồng ý. Sau khi anh ta về rồi nhà tôi cho biết, anh ta được Khánh sai tới nhờ vào Chí Hòa yêu cầu ông Cẩn trao số tiền 6 triệu đô la ông để ngân hàng Thụy Sĩ cho anh ta (Khánh). Nếu ông Cẩn chịu thì anh ta (Khánh) sẽ cho người bí mật đưa ông ra ngoại quốc. Hôm sau nhà tôi vào gặp ông Cẩn nói lại chuyện Khánh yêu cầu, ông nói “Tao bây chừ còn tiền bạc mô nữa mà cho chúng nó”.

Tôi hỏi ông Dung: Còn chuyện ông Đôn nói ông Cẩu bảo nếu bà nhà nhận thì ông giao cho. Điều đó có không?

Ông Dung trả lời: “Làm gì có chuyện đó” Và ông nói thêm: “Thời đó làm sao mà có được số tiền lớn như vậy được”.

Tôi cũng được Linh Mục Tuyên Úy của ông Cẩn và Thầy Edmond, Quản Lý Tỉnh Dòng Chúa Cứu Thế Việt Nam, người giữ sổ sách chi thu mọi nguồn tài chánh của Tỉnh Dòng, hiện ở Chi Dòng Long Beach, xác nhận: Ông Cẩn không hề cho Nhà Dòng số tiền 6 triệu đô la bao giờ.

Ông Cẩn còn bị nghi ngờ là đã có con với một người đàn bà trong thân tộc. Chuyện này một vài người gần gũi trong

gia đình ông cũng nghi ngờ như vậy. Một lần gặp Linh Mục Ngô Văn Trọng, Cha Phó Xứ Phú Cam trong thập niên 40, người hàng tuần đến giải tội và cho Bà Cụ Ngô Đình Khả và ông Cẩn rước lễ. Khi tôi đề cập đến chuyện này, ngài chỉ nói với tôi: “Ông Cẩn là người có lương tâm rất nhiệm nhặt”. Vì theo luật đạo, vị Linh Mục dù phải chết cũng không được tiết lộ TỘI một tín hữu đã xưng với mình trong tòa giải tội. Vì thế, Cha Trọng không thể nói rõ về tội của ông Cẩn, nhưng câu nói trên đây đủ cho thấy ông Cẩn bị nghi oan. (Cha Trọng hiện ngụ tại Thành Phố Graden Grove, Orange Couty California)

Với ông Ngô Đình Cẩn, ngoài những thiếu sót, sai lầm của một con người như mọi con người bình thường, theo sự hiểu biết của tôi, một yếu tố quan trọng đã góp phần chính yếu vào việc tô vẽ hình ảnh ông thành một con người hung bạo, tàn ác còn hơn một bạo chúa thời Trung Cổ, là mối oán thù tích tụ từ những vụ như vụ gián điệp Pháp, những thành quả mà sách lược chống Cộng của chế độ Đệ I Cộng Hòa, do ông điều phối tại miền Trung đã thu lượm được. Và đặc biệt là từ vụ phá vỡ hai màng lưới gián điệp và quân báo của Việt Cộng hoạt động tại miền Nam Việt Nam.

4. Công việc

Theo lời ông Cẩn kể lại thì, sau khi từ quan ông Ngô Đình Diệm thường tiếp xúc với các nhà hoạt động cách mạng đương thời như các Cụ Phan Bội Châu, Huỳnh Thúc Kháng, Phan Chu Trinh, v.v. Ông Ngô Đình Diệm đặc biệt kính phục Cụ Phan Bội Châu nên rất năng lui tới với Cụ, mặc dù khi ấy Cụ đang bị thực dân Pháp quản thúc tại Bến Ngự.

Nhằm bảo toàn tổ chức phòng khi rủi ro một cơ sở bị khám phá, các nhà cách mạng của ta hồi ấy hoạt động theo phương thức NGĂN CÁCH một cách rất chặt chẽ.

Ông Ngô Đình Cẩn, qua vai trò liên lạc viên của ông Ngô Đình Diệm, được Cụ Phan biết và thương, nên Cụ đã truyền dạy cho ông nhiều điều. Từ đó, ông chịu ảnh hưởng sâu đậm phương thức hoạt động của Cụ và phương thức ấy đã thành nếp trong cuộc đời hoạt động của ông. Đến nổi, khi đã có chính quyền, phương thức NGĂN CÁCH trong hoạt động vẫn được ông triệt để áp dụng. Vì ông làm việc theo phương thức ấy, nên ít ai biết được hết các công việc của ông.

Phương thức hoạt động NGĂN CÁCH và không câu nệ những nguyên tắc quá phức tạp, làm giảm hiệu năng công tác đã góp phần khá lớn trong việc đem lại cho chính sách chống Cộng Sản của Chính Phủ thời ấy tại miền Trung do ông điều phối, những kết quả ngoạn mục. Nhưng nó cũng là một khuyết điểm khá lớn, tạo môi trường thuận lợi cho bọn thời cơ chủ nghĩa lớn nhỏ, lợi dụng khai thác, làm những việc bất nhân tâm, gây tai tiếng, oán thù cho ông và ảnh hưởng xấu đến chế độ.

Ngoài ra, tôi thấy cũng cần phải nói đến một tài năng đặc biệt mà ông Ngô Đình Cẩn và anh em gia đình họ Ngô đã được Trời ban cho, đó là “trí thông minh và một trí nhớ tuyệt luân”.

Ông Cẩn là người vốn bị khinh chê ít học. Quả thật, so với các anh em trong gia đình, ông là người được học hành ít nhất. Nhưng về phần thông minh và trí nhớ thì ông cũng được hưởng lộc như các anh em ông.

Trong suốt tám năm làm việc với ông, riêng trong phần vụ của tôi, không bao giờ tôi phải làm phúc trình, phân tách dài dòng về bất cứ một vấn đề gì. Trường hợp có vấn đề khúc mắc, phức tạp, tôi chỉ cần tóm tắt trong một hai trang vở học trò. Cuối ngày, tôi đem vào để dưới gối trên giường ngủ của ông. Vậy mà khi đề cập, hoặc tiếp xúc với những người liên quan đến những vấn đề ấy, ông đã nói lại và giải đáp không sót một chi tiết nào.

Ông Ngô Đình Cẩn được rèn luyện theo cùng một khuôn mẫu và chịu ảnh hưởng hoàn toàn tinh thần cách mạng của thân phụ như tất cả các anh chị em ông. Do đó, họ đều có cùng một chí hướng, một quyết tâm: Tiếp tục thực hiện lý tưởng cách mạng của thân phụ. Vì vậy và vì vâng giữ lời trăng trối của thân phụ mà tất cả anh em ông, mỗi người đều đã hăng say làm việc hết khả năng của mình để yểm trợ ông Ngô Đình Diệm khi ông gánh vác trọng trách lãnh đạo đất nước. Và đó là lý do mà các ông bị công kích là gia đình trị.

Tại miền Trung, từ khi ông Ngô Đình Diệm bôn ba hải ngoại đến khi về chấp chánh, ông Cẩn vẫn âm thầm tiến hành công việc quảng bá tư tưởng, đường lối đấu tranh, tổ chức cơ sở. Ông đã tổ chức được một hệ thống đảng “Cần Lao Nhân Vị Cách Mạng” khá vững mạnh và rộng rãi trong nhiều cơ sở của chính quyền, quân đội và các giai tầng xã hội.

Tôi bắt đầu được biết đến những hoạt động của ông Ngô Đình Diệm tại miền Trung.

Như tôi đã kể lại trong “Duyên Tri Ngô”, tôi được biết ông Ngô Đình Cẩn trong thời gian nghỉ dưỡng bệnh tại

Huế, tháng 4. 1954. Một hôm vào đầu tháng 6, khoảng chín mười giờ sáng, anh Nguyễn Văn Ái con bà Luyến chị họ ông Cẩn, đến tìm tôi cho biết ông Cẩn muốn gặp. Tôi đến gặp ông, ông hỏi:

- Răng chừ anh ra lại Tiểu Đoàn?

- Dạ, cuối tháng sáu này.

- Rửa thì cũng gần đến rồi.

- Dạ.

- Anh có thể ra sớm hơn được không?

- Dạ, nếu có chuyện chi cần thì con có thể ra bất cứ lúc nào.

- Có chuyện ni tôi biết anh có thể mần được, nhưng không biết anh có chịu mần không?

- Dạ, ông Cậu cứ cho biết, việc gì làm được con sẽ cố gắng hết sức.

- Hiện nay ông Bảo Đại đang mời ông Cự (ông Ngô Đình Diệm) ra mần Thủ Tướng. Ông Cự chưa thuận vì còn một vài điều kiện chưa được thỏa mần. Mặt khác, ông Cự xa nhà lâu ngày không rõ tình hình nhân sự và dân tâm bên ni lắm, nên còn ngần ngại. Bây chừ mình phải phát động một phong trào dân chúng ủng hộ và yêu cầu ông Cự về chấp chánh, để ông Cự yên tâm trở về.

Tôi muốn nhờ anh phụ trách khu vực ngoài nó. Tổ chức cho rải truyền đơn, trương biểu ngữ với nội dung đại ý: “Toàn dân ủng hộ Chí Sĩ Ngô Đình Diệm”, “Yêu cầu Chí Sĩ Ngô Đình Diệm về chấp chánh,” v. v. Nếu biểu tình được càng tốt. Anh mần được chú?

- Dạ, việc đó con có thể làm được, vì vùng Cửa Tùng con nắm vững cả.

- Rửa thì anh về thu xếp đi càng sớm càng tốt, công chuyện gấp lắm. Cứ tổ chức sẵn sàng như ý tôi mới nói, đợi khi mô anh nhận được một điện tín viết: “bien arrivé Ai”, thì anh cho phát động.

- Dạ, con sẽ cố gắng hết sức.

- Gửi điện tín cho anh địa chỉ ra rằng?

Tôi ghi vào miếng giấy nhỏ: “Lnt. Nguyễn Văn Minh. KBC...” đưa cho ông.

- Ông Cậu cứ cho ghi địa chỉ như thế này là con nhận được. Con sẽ coi máy bay hoặc xe đò, bên nào tiện thì con đi. Ra bây giờ con chưa về Tiểu Đoàn ngay được vì phải đợi chuyển xe tiếp tế của Séc-tơ, thường là vào cuối tháng (séc-tơ là tiếng Pháp Serteur, sau này Quân Đội Việt Nam dùng danh từ Tiểu Khu). Nhưng ở Đông Hà con có thể liên lạc được với vùng Cửa Tùng dễ dàng.

- Nếu anh đi xe đò, đến Mỹ Chánh ghé gặp Hoàng Ngọc Trợ, Quận Trưởng, (ông Trợ hiện ở San José California Hoa Kỳ) tới Quảng Trị vô gặp Nguyễn Đình Cẩn, Trưởng Ty Tài Chánh, nói hai anh ấy cùng làm như tôi đã nhủ anh.

Trước khi tôi ra về, ông đưa cho tôi bản điều lệ của “Cán Lao Nhân Vị Cách Mạng Đảng” và dặn: “khi mô rảnh anh đọc kỹ cái ni nghe”.

Tôi về nhà cho vợ tôi biết vì có việc cần tôi phải trở về Tiểu Đoàn ngay, và qua gởi gắm vợ tôi cho Bà Cụ thân mẫu của Cha Bửu Đồng nhờ Bà săn sóc giùm, vì vợ tôi sắp sinh cháu đầu lòng. Tôi lấy vé máy bay đi Đông Hà ngày 5 tháng 6. Sau khi lấy vé, tôi vào tin cho ông Cẩn biết ngày tôi đi và đi bằng máy bay, nên không ghé Mỹ Chánh và Quảng Trị được.

Đến Đông Hà trưa ngày 5 tháng 6, sau khi trình diện hậu cứ Tiểu Đoàn, tôi viết thư và ra chợ nhờ một người dân ở Cửa Tùng vào bán cá, đem về cho ông Nguyễn Văn Tâm, Xã Trưởng Xã An Ninh Thượng, một vị Xã Trưởng uy tín nhất vùng và tôi tin tưởng hơn cả. Tôi nhờ ông Tâm chuẩn bị ngay những điều ông Cẩn đã nói với tôi, đồng thời thông báo cho các Xã khác cũng chuẩn bị như vậy. Tôi sẽ cho biết ngày giờ phát động chiến dịch sau.

Chiều ngày 9 tháng 6, tôi nhận được bức điện tín “bien arrivé, Ái”. Hôm sau tôi nhắn ông Tâm cho phát động chiến dịch.

Sau này được biết, vì thời gian chuẩn bị quá ngắn, tôi không có mặt tại chỗ, nên chiến dịch tuy được phát động nhưng không được rầm rộ như ý. Lần thứ hai tôi được biết đến công việc của ông Cẩn là vụ đối phó với phe nhóm Tướng Nguyễn Văn Linh.

Nằm đợi ở hậu cứ Tiểu Đoàn tại Đông Hà gần ba tuần lễ, ngày 24.6.54 tôi theo đoàn xe tiếp tế của Séc-tơ về lại Tiểu Đoàn đóng cạnh Quận Lý Vĩnh Linh. Ngay chiều hôm ấy, ông Tiểu Đoàn Trưởng đưa tôi vào chỉ huy Đại Đội 4 thay Trung Úy Bùi Xuân Lăng được chuyển về Trường Võ Bị Đà Lạt (cấp bậc cuối cùng của Trung Úy Lăng là Đại Tá. Ông đã định cư ở Hoa Kỳ theo diện HO). Đại Đội đóng trên Đồi 46, gần Quận Lý Gio Linh, cách bờ phía Nam sông Bến Hải chừng bốn cây số.

Ngày 1 tháng 8.1954, Hiệp Định Geneva có hiệu lực. Sau mấy tuần lễ mệt nhọc đón đồng bào di cư từ phía bờ Bắc sông Bến Hải qua, Đại Đội tôi theo Tiểu Đoàn chuyển về đồn trú tại Diêm Sanh, Thủ Phủ của Phủ Hải

Lăng. Đây là nơi trị nhậm đầu tiên của Tổng Thống Ngô Đình Diệm khi ông được phong phẩm hàm Tri Phủ. Diệm Sanh cách Thị Xã Quảng Trị 10 cây số về phía Nam. Các Đại Đội khác đều đóng quân trong cùng Doanh Trại với Tiểu Đoàn cảnh Quốc Lộ 1. Riêng Đại Đội của tôi được đưa xuống đóng tại Đồn Thi Ông, cách Quốc Lộ 1 về phía biển bốn cây số, phụ trách thêm Đồn Cù Hoan, nằm giữa Diệm Sanh và Thi Ông.

Tưởng bị đày, không dè tôi lại hên, được sống như đơn vị biệt lập. Thời gian này, quân nhân các cấp từ lớn đến nhỏ đều coi như thời gian được nghỉ ngơi, sau những năm chiến đấu mệt mỏi. Các đơn vị không có hoạt động gì ngoài việc canh gác bảo vệ đồn trại.

Lúc này cuộc đối đầu với Thủ Tướng Ngô Đình Diệm của Tướng Nguyễn Văn Hinh đã thật sự ồn ào và gay gắt. Một hôm vào đầu tháng 10.1954, lúc đó khoảng ba, bốn giờ chiều, tôi đang nghỉ ở nhà, anh Ái cháu ông Cẩn lại đến kiếm mời tôi xuống gặp ông. Tôi vào gặp ông Cẩn, sau vài câu hỏi thăm vợ con tôi, ông hỏi:

- Anh đã đọc cái tập nhỏ tôi đưa cho anh bữa trước chưa?

- Dạ, con đọc rồi.

- Lâu ni anh đã hợp tác với tôi, chừ tôi quyết định thầu nhận anh vô Đảng Cần Lao Nhân Vị Cách Mạng, anh có ưng không?

- Dạ, thưa ông Cựu ung chứ ạ!

Ông đứng dậy:

- Anh đi theo tôi.

Ông dẫn tôi lên lầu. Trên lầu, ở phần trong cùng của căn giữa có một bàn thờ Tổ Quốc. Trên án thư, ngoài hết

là một hộp đựng thanh đoản kiếm bằng bạc, tượng trưng uy quyền của Đảng (ông Cần cho biết thanh kiếm này do Cụ Phan Bội Châu trao lại), kế đến là bộ lư hương và hai chân nến lớn bằng đồng, phía sau là bản đồ Việt Nam, trong cùng là đảng kỳ của Đảng Cần Lao Nhân Vị Cách Mạng rộng kín bề ngang cạnh nhà, dài chấm đến sàn. Cờ được chia làm hai phần theo chiều dọc, nửa đỏ, nửa xanh lá mạ. Trên nền xanh có ba ngôi sao đỏ xếp theo hình tam giác. Ông với tay lấy cái áo dài đen treo trên cột nhà cạnh bàn thờ, mặc vào chỉnh tề, thấp nền lên, chỉ cho tôi cách thức tuyên thệ rồi ông thực hiện nghi thức gia nhập Đảng cho tôi.

Trở xuống, ông nói với tôi:

- Tình hình giữa Ông Cụ và Nguyễn Văn Hình gay go quá. Phe cánh của hần ở đây có quyền hành, gây cho mình nhiều khó khăn. Số anh em cốt cán trong Quân Đội đều bị Trương Văn Xương, (Đại Tá Tư Lệnh Quân Khu II lúc ấy) gọi lên dần mặt và cho người theo dõi rất quá. Chừ họ không hoạt động chi được cả. Chú (ông không gọi tôi bằng anh nữa) tính coi có cách chi giải tỏa bớt tình trạng ni được không?

Sau một phút suy nghĩ, tôi thưa lại:

- Thưa ông Cậu, câu chuyện hơi đột ngột, ngay bây giờ con chưa nghĩ ra được cách gì. Xin ông Cậu cho con về suy tính, sáng mai con sẽ xuống thưa lại.

- Được, chú ráng nghe.

Về nhà suy lui tính tới, tôi thấy phải có thêm người rồi mới tính tới làm gì, chứ một mình không thể làm gì được. Mà thêm người thì làm sao phải kiếm được người hoàn

toàn tin cậy, công việc mới không bị lộ. Vì tình hình như ông Cẩn vừa cho biết, chắc chắn khu vực Phú Cam, đặc biệt khu nhà ông, bị canh chừng gắt gao lắm.

Mọi óc “điểm danh” bạn bè, tôi tìm được hai bạn thân là sĩ quan cùng Tiểu Đoàn có thể đáp ứng yêu cầu của tôi. Một anh thường xuyên ngậm thuốc “liều” là Trần Quốc Thái, Sĩ Quan Truyền Tin Tiểu Đoàn đang nghỉ bệnh tại Huế. Anh kia thuộc loại như người xưa dạy: “Tắm ngấm tắm ngấm, đá ngấm chết voi” là Nguyễn Hoàng Bảo. Anh Thái có nhiều sáng kiến và rất hăng hái, sau này làm Quận Trưởng Quận Hương Trà Tỉnh Thừa Thiên, rồi Quận Điện Bàn, Tỉnh Quảng Nam. Tại cả hai nơi, anh đã lập được thành tích xuất sắc trong chiến dịch tố Cộng (anh Thái mới mất cuối tháng 11. 2001 tại Orange County, California). Anh Bảo là Sĩ Quan Trừ Bị khóa 1 Nam Định, Trung Đội Trưởng thay tôi ở Đồn Cửa Tùng khi tôi coi Đại Đội 3 và nay là Đại Đội Trưởng Đại Đội này. Sau này anh làm Tiểu Đoàn Trưởng Tiểu Đoàn 45, đóng tại khu nhà máy vôi Long Thọ, Huế (anh Bảo mất vì bệnh tim năm 1964, vợ con anh hiện định cư tại Cannada). Tôi vội lái xe đi kiếm, may mắn gặp được cả hai ở nhà. Tôi “bốc” hai anh chàng lên xe nói là đi bát phở, nhưng tôi đưa về nhà tôi, kể lại việc ông Cẩn mới nói với tôi về đề nghị cả ba người cùng hợp lực làm một cái gì.

Sau một hồi bàn tính, theo ý kiến của anh Thái, chúng tôi, đồng thuận làm một tờ báo bí mật, lấy tên là TRANH ĐẤU. Số báo đầu, bài vở phải được ít nhất hai mươi trang, in ronéo. Riêng tờ bìa sẽ tìm cách thêm in hàng hoàng.

Sau hôm sau, 8 giờ tôi vào gặp ông Cẩn:

- Thưa ông Cậu, việc ông Cậu nói chiều bữa qua, con đã bàn với hai người bạn thân, là Sĩ Quan cùng Tiểu Đoàn. Chúng con xin ông Cậu giúp phương tiện cho tụi con làm một tờ báo bí mật. Vì cách đó không những mình làm cho nhóm Hình, Xương thấy, ngoài nhóm họ đã biết và đang theo dõi, trong Quân Đội còn có những nhóm khác ủng hộ Ông Cụt và sẽ làm cho nhiều người chú ý đến việc ủng hộ Ông Cụt nữa.

Ông suy nghĩ một chút:

- Ủ, mần như rửa được đó.

- Để thực hiện tờ báo, xin ông Cậu cho chúng con số vật liệu ghi trong miếng giấy này:

1. – Máy đánh chữ nhỏ.
2. – Một máy in ronéo nhỏ.
3. – Một hộp giấy than
4. – Một hộp giấy đánh máy.
5. – 15 ram giấy và 5 ống mực ronéo.

Nhận miếng giấy từ tay tôi, đọc qua, ông nói:

- Được rồi, chú cứ về, chiều tôi sẽ cho đưa những thứ nì qua cho chú.

Chiều hôm đó, trời vừa chạng vạng tối, hai vợ chồng tôi đang chơi với cháu bé trong hàng hiên trước nhà, thấy một xe xích lô từ từ dừng trước cổng. Một thanh niên từ trên xe bước xuống, tôi nhận ra đó là Ái cháu ông Cẩn. Đến gần tôi, Ái nói nhỏ:

- Ông Cậu nhủ chở ít đồ qua cho anh.

- Anh cho xe vô hẻm trước hiên này đi.

Xe vô trước thềm nhà, Ái xách vô 2 bao bố. Sau khi Ái ra về, tôi mở bao ra coi, đó là một máy đánh chữ loại xách tay

hiệu Jappy, một máy quay ronéo hiệu Everest cũng loại xách tay, giấy mực... đầy đủ như tôi đã xin. Xếp các thứ vào phòng xong, tôi lái xe đi báo cho Thái và Bảo biết để bắt đầu viết bài. Chúng tôi hẹn nhau sau ba ngày sẽ tập trung bài tại nhà tôi và tính chuyện ấn hành.

Tối ngày thứ ba chúng tôi gặp nhau, bài vở dồi dào. Nhưng khi đề cập đến vấn đề đánh máy chúng tôi mới ngó ra là cả ba người chẳng ai biết xử dụng máy chữ. Nếu xài cách đánh “mổ cò” thì đến bao giờ báo mới “ra mắt” độc giả được. Tôi phải cầu cứu vợ tôi. Và từ hôm ấy, những ngày tôi nghỉ ở nhà, trừ những lúc vợ tôi phải lo cho cháu bé những việc mà tôi không làm được, tôi phải trông coi nó, ru nó ngủ, v.v. để vợ tôi đánh máy giúp. Mất hơn một tuần lễ thì số báo ra mắt hoàn tất. Số đầu này chúng tôi “phát hành” 500 tờ, mỗi tờ 20 trang.

Tôi đem một tờ qua cho ông Cẩn coi thử. Cầm tờ báo ngấm nghĩa rồi mở ra đọc lướt qua một hai trang, ông tùm tùm cười:

- Được, các chú hẳn được lắm. Răng chừ mới phổ biến?

- Dạ, việc phổ biến con đề nghị: Để đánh lạc hướng theo dõi, truy tìm của nhóm Hình, Xương, con sẽ đưa qua ông Cậu 400 tờ. Xin ông Cậu cho đưa số này vô phổ biến trong các Tỉnh phía Nam càng xa càng tốt như Phú Yên, Nha Trang chẳng hạn. Khi nào ông Cậu được anh em ở Đà Nẵng, Quảng Nam báo cáo đã nhận được báo, ông Cậu cho con biết, con sẽ phổ biến từ đây ra Quảng Trị 100 số còn lại.

- Ừ được.

- Tối nay xin ông Cậu cho anh Ái qua nhà con như bữa đem phương tiện cho tụi con.

- Được, tối Ái nó lên.

Khoảng 8 giờ tối Ái đến bằng chiếc xe xích lô như bữa trước, nhận 400 số báo trong cái bao bố và lên xe đi ra yên ổn. Chừng hai tuần lễ sau Ái lại đến kêu tôi xuống gặp ông Cẩn. Vừa thấy tôi ông Cẩn cười vui vẻ:

- Chú cho phổ biến báo phía ngoài ni đi, trong tề anh em nhận được cả rồi, phấn khởi lắm. Mà chú mô viết mấy bài chửi bọn đó thậm tệ quá rứa?

- Dạ, mấy bài ấy do Trần Quốc Thái viết.

- Chú ni hung dữ hê!

Nội dung tờ báo của chúng tôi mang nhiều tính chất giỡn cợt có pha chút màu “dao búa”, đã làm cho một số sĩ quan cao cấp trong nhóm Hình-Xương lên ruột. Riêng ông Tiểu Đoàn Trưởng của chúng tôi, một đêm, sau khi đọc số báo đầu tiên do ông Hạ Sĩ già tùy phái tên Lợi, kín đáo đặt dưới gối của ông vào buổi tối, sáng hôm sau ông tuyên bố bị đau nặng cần về Huế chữa bệnh. Ông giao quyền chỉ huy Tiểu Đoàn cho sĩ quan phụ tá, Trung Úy Phan Văn Kế, rồi ra đi và đi luôn không trở lại nữa. Chỉ vì trong số báo ấy anh Trần Quốc Thái đã viết một bài dài như bài số, kể rõ mọi hành động không mấy sáng sủa của ông với hai câu kết:

Nhất độc là rắn hoa mai

Thứ nhì D. bụng, thứ ba chó càn.

Việc phát hành tờ ĐẤU TRANH là việc làm khá liều lĩnh của ba chúng tôi. Một công việc đã đem lại cho bọn tôi nhiều hồi hộp mà cũng nhiều thích thú. Theo dõi phản ứng của nhóm Hình-Xương chúng tôi được an tâm phần nào. Vì hướng tìm kiếm, truy lùng của họ được

hướng vào Trung Tá Lê Văn Nghiêm, Lữ Đoàn Trưởng Lữ Đoàn Lưu Động 21 (G. M. 21, viết tắt của tiếng Pháp Groupement mobile 21). Họ cho rằng chỉ có Trung Tá Nghiêm trong cuộc hành quân Atlante (cuộc hành quân tại Phú Yên, trước ngày Hiệp Định Geneva được ký kết) đã bắt được máy in của địch, mới có phương tiện làm được tờ báo như vậy.

Chúng tôi tiếp tục cho ra báo bất định kỳ khi một tuần, khi mười ngày, khi ba tuần một số. Mỗi kỳ, chúng tôi đều được ông Cẩn cung cấp đầy đủ mọi vật liệu. Một thời gian sau, đầu tháng 12 Tướng Hình phải rời Việt Nam theo lệnh của Quốc Trưởng Bảo Đại, các hoạt động mưu phản của phe nhóm ông được giải quyết. Chúng tôi ngưng phát hành tờ TRANH ĐẤU, sau khi cho ra số báo Xuân Ất Mùi (1955).

Lực lượng hai đảng Đại Việt và Quốc Dân đảng ly khai

Sau khi Việt Minh phát động cuộc kháng chiến toàn quốc (19.12.1946), ông Ngô Đình Diệm khi ấy đang ở Hà Nội, được Đô Đốc Thierry D'Argenlieu, Cao Ủy Pháp tại Đông Dương mời đứng ra thành lập Chính Phủ, hợp tác với người Pháp để bảo toàn quyền lợi của hai phía Việt-Pháp. Ông Diệm đã từ chối lời mời này vì điều kiện: "*Việt Nam phải được độc lập hoàn toàn và toàn vẹn lãnh thổ*" không được thỏa mãn.

Liên sau đó, ông tập hợp các cộng sự viên tại Ấp Ngã Tư Sở ở ngoại ô Hà Nội, tuyên bố rõ kế hoạch xây dựng đất nước trong mọi lãnh vực kinh tế, chính trị xã hội. Kế hoạch này nhằm mục đích thiết lập một xã hội dân chủ, tự do công bằng, nâng cao đời sống của người dân để

chống lại chủ trương vô sản hóa nhân dân của Cộng Sản. Ông minh định lập trường phải tranh đấu chống thực dân Pháp cho đến khi dành lại được độc lập hoàn toàn. Vì theo ông, đó là con đường duy nhất để giải thoát đất nước về mọi mặt. Bao lâu mục đích ấy chưa đạt được, thì không thể làm được bất cứ điều gì ích lợi cho dân.

Thấy rõ tham vọng của thực dân Pháp, và sự nguy hại của chủ nghĩa Cộng Sản, ông cho biết cuộc tranh đấu sẽ rất cam go, đòi hỏi nhiều hy sinh, cần phải được mọi người Việt Nam không phân biệt tôn giáo, đảng phái yểm trợ. Để phổ biến lập trường và nhận định trên, ông ủy thác cho ông Ngô Đình Nhu chịu trách nhiệm tại miền Nam. Ông Ngô Đình Cẩn đảm nhiệm miền Trung. Hai ông Trần Trung Dung và Nguyễn Đình Thuần trách nhiệm xuất bản một tờ báo tại Hà Nội. Các ông Lê Quang Luật, Hoàng Bá Chương tức Vinh, Vũ Văn Cương tức Tâm, nghiên cứu thành lập một đoàn thể chính trị có thể tập hợp được toàn dân tham gia cuộc tranh đấu và xây dựng một chế độ “Dân Chủ Xã Hội” cho Việt Nam sau khi thu hồi được Độc Lập. Ba nhân vật này đã thành lập Đảng Xã Hội Công Giáo nhằm thực hiện các mục tiêu hầu đạt mục đích ông Diệm đề ra. Nhưng sau ba tháng hoạt động, nhận thấy danh từ Công Giáo đã làm trở ngại việc tập hợp những lực lượng chống cộng ngoài Công Giáo như: Liên Hiệp 3 Hội Cựu Chiến Binh Cứu Quốc của các ông Bạch Văn Sâm, Trần Xuân Diên và Nguyễn Văn Mẫn và Mặt Trận Liên Tôn Chống Cộng của Thượng Tọa Thích Tâm Châu mặc dầu các tổ chức này rất tán thành đường lối đấu tranh và chủ trương xây dựng đất nước của ông Diệm. Vì thế ba ông nói

trên đã đổi tên Đảng Xã Hội Công Giáo thành Phong Trào Dân Chúng Liên Hiệp. (*Vietnam's War*, trang 156)

Được giao đảm trách Miền Trung, ông Ngô Đình Cẩn đã tích cực hoạt động theo đường lối đã được ông Diệm hoạch định. Ông tập hợp những người từng ủng hộ ông Diệm. Phổ biến tư tưởng, lập trường, đường lối đấu tranh, kế hoạch xây dựng đất nước. Ông cũng đã tranh thủ được sự ủng hộ và liên kết của hai đảng Đại Việt và Quốc Dân Đảng tại địa phương.

Khi chấp chánh, tháng 7 năm 1954, Thủ Tướng Ngô Đình Diệm đã thực hiện ngay chủ trương ông hằng theo đuổi: Tạo tình đoàn kết toàn dân, không phân biệt tôn giáo, đảng phái. Ông trao quyền quản trị Tỉnh Quảng Trị cho đảng Đại Việt, hai Tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi cho Quốc Dân Đảng. Các chức vụ Tỉnh Trưởng, Quận Trưởng, cũng như Công An Cảnh Sát, Lực Lượng Võ Trang, đều do các đảng này cử người nắm giữ. Một đảng viên Quốc Dân Đảng, ông Nguyễn Chũ, được giao phó chức vụ Giám Đốc Nha Công An Cảnh Sát Trung Nguyên Trung Phần.

Nhưng thế đoàn kết này chỉ duy trì được có 8 tháng với đảng Đại Việt và 9 tháng với Quốc Dân Đảng. Chủ trương đoàn kết này thất bại đã gây cho Chính Phủ nhiều khó khăn trong tình hình lúc ấy. Ông Ngô Đình Cẩn đã phải bỏ nhiều công sức cố gắng cứu vãn sự đổ vỡ tai hại này. Nhưng việc dàn xếp đã thất bại với đảng Đại Việt chỉ thành công được với Quốc Dân Đảng.

Từ sau khi giải quyết xong vụ ly khai của hai đảng Đại Việt và Quốc Dân Đảng, mỗi lần đề cập đến vấn đề đối lập, ông Cẩn đều nói: “Quan niệm về đối lập của người mình

còn non nớt quá, hễ cứ nói đối lập là nghĩ ngay đến việc phải làm mọi cách, bất kể luật pháp, để cướp cho được chính quyền. Đối lập ở nước mình chỉ gây thêm khó khăn, chẳng giúp ích chi cho công cuộc chung”.

Thành lập văn phòng

Qua những biến cố vừa kể trên đây, các đoàn thể, hội đoàn tại miền Trung và Cao Nguyên Trung Phần đều thấy cần phải tái tạo sự đoàn kết đã bị sút mẻ, tạo sức mạnh dồn mọi nỗ lực vào công cuộc chống cộng, ổn định tình hình hầu thực hiện cuộc cách mạng cải tạo xã hội, canh tân đất nước. Các tổ chức này đã đồng thuận mời ông Ngô Đình Cẩn làm Cố Vấn Chỉ Đạo chung. Vì vậy, ông đã thành lập một văn phòng lấy tên là: “Văn Phòng Cố Vấn Chỉ Đạo các Đoàn Thể Chính Trị Trung và Cao Nguyên Trung Phần”, để phụ giúp ông trong nhiệm vụ này. Ông Cẩn đã xin Quân Đội biệt phái tôi đến làm việc tại văn phòng của ông. Khi ấy tôi đang làm việc ở Văn Phòng Phong Trào Cách Mạng Quốc Gia Quân Khu II với Thiếu Tá Nguyễn Ngọc Khôi Tổng Thư Ký Phong Trào. (Ông Khôi có cấp bậc sau cùng là Đại Tá, hiện ở Thành Phố Garden Grove, Orange County, California, Hoa Kỳ).

Văn Phòng Cố Vấn Chỉ Đạo (thường được gọi tắt như vậy) được đặt tại một căn nhà ba tầng lầu ngay sát cạnh nhà ông Cẩn. Căn nhà này do ông Nguyễn Văn Bửu, một nhà thầu khoán giàu có và là cháu rể ông Cẩn cho mượn.

Về nhân sự khi thành lập văn phòng gồm có:

- Ông Đào Hữu Dương, một Luật Sư từ Sài Gòn ra. Trước kia ông Dương đã có thời gian làm Thẩm Phán tại Tòa Án Huế.

- Ông Phạm Văn Nhu, một nhà giáo chuyên nghiệp, đã từng là Giám Đốc Nha Học Chánh Trung Phần, cựu Nghị Sĩ khối Liên Hiệp Pháp.

- Phía Hành Chánh có ông Hồ Đắc Trọng (hiện ở Thành Phố Gardena, Los Angeles County, California, Hoa Kỳ).

- Phía Quân Sự có tôi.

Mỗi bên có một số nhân viên bốn năm người.

Văn Phòng chính thức hoạt động từ ngày 1.1.1956. Ngày khai trương văn phòng có đầy đủ đại diện các đoàn thể, hội đoàn tham dự.

Khi cuộc bầu cử Quốc Hội Lập Hiến được tổ chức, tháng 3.1956, hai ông Đào Hữu Dương và Phạm Văn Nhu đều ra ứng cử và đã đắc cử. Từ đó hai ông làm việc ở Quốc Hội không phụ trách gì ở văn phòng Cố Vấn Chỉ Đạo nữa. Tại văn phòng này chỉ còn lại ông Hồ Đắc Trọng và tôi. Hai anh em chúng tôi tuy có phối hợp trong công việc, nhưng mỗi người biệt lập phụ trách công việc theo lãnh vực của mình và thi hành những việc được ông Cử giao cho.

Hoạt động của văn phòng

Ngoài công việc thường ngày, tùy tình hình, tùy lãnh vực công việc, ông Cử thường giao cho ông Trọng hoặc tôi một số công việc riêng biệt.

Thời gian này có lẽ ông Cử đã được giao nhiệm vụ đặc trách về đoàn thể, nên ông bắt đầu thực hiện việc kiểm tra và chỉnh đốn Đảng Cử Lao, vì trong hai năm 1955-1956 Đảng đã phát triển quá nhanh.

Mở đầu chương trình này, cuối năm 1957, sau vụ Tổng Thống Diệm bị ám sát hụt tại Hội Chợ Kinh Tế Ban Mê Thuột, ông chỉ thị cho tôi vào Sài Gòn để cùng với Trung

Tá Lê Quang Tung, Chỉ Huy Trưởng Liên Đội Quan Sát (tiền thân của Lực Lượng Đặc Biệt) lên xem xét tại chỗ tình hình Ban Mê Thuột, thăm các cơ sở Đảng tại đây và sau đó, các cơ sở tại Sài Gòn.

Một ngày sau khi từ Ban Mê Thuột trở về Sài Gòn, tôi đến gặp đại diện các cơ sở Đảng thuộc nhóm ông Đào Hữu Dương tại nhà ông, số 9B Đường Tú Xương Sài Gòn. Sau đó, tôi được ông đưa đến sinh hoạt với một số Chi Bộ ở khu vực Chí Hòa và ngã tư Bảy Hiền. Hôm sau nữa, tôi được Bác Sĩ Trần Kim Tuyến cho Đại Úy Nguyễn Thành Hoàng hướng dẫn đi thăm một số cơ sở thuộc nhóm của ông.

Tại cả hai nhóm, cán bộ, đảng viên đều hết sức hăng say và nhiệt tình. Nhưng vấn đề gai góc nhất mà tôi nhận thấy là việc giải quyết đưa lại sự thống nhất lãnh đạo tại Sài Gòn.

Trở về Huế, khi báo cáo kết quả chuyến đi, tôi đã đặc biệt trình bày về tình hình này với ông Cẩn. Ông nói đảng mô cũng rúa, khi đã có chính quyền rồi là bắt đầu chia rẽ vì tranh dành ảnh hưởng, quyền lợi. Tình trạng này phải từ từ giải quyết mới được.

Thường thì một hai năm ông lại sai chúng tôi đi thăm cơ sở tại các Tỉnh một lần. Riêng tôi, ngoài lần đi năm 1957 vừa kể ở trên, năm 1958 được chỉ định đi cùng với ông Nguyễn Văn Hà, Phó Tỉnh Trưởng Tỉnh Thừa Thiên. Năm 1960 đi cùng với ông Hồ Đắc Trọng và năm 1961 đi một mình. Mỗi chuyến đi như thế, chúng tôi không có đủ thì giờ và đủ sức đến hết mọi cơ sở, thu thập được hết mọi tin tức, ý kiến, nhận xét sâu sát được mọi khía cạnh về

mọi vấn đề: Nhân sự, tình hình các mặt, v.v. Chưa kể đến việc đụng phải bức tường “thủ khẩu” của địa phương như trường hợp sau đây:

Giữa năm 1962, nhân một chuyến vào công tác tại Đà Nẵng, tôi gặp Đại Úy Nguyễn Hữu Tiến, Trưởng Khu XII An Ninh Quân Đội kiêm Ty An Ninh Quân Đội Đà Nẵng, được anh cho biết: Tại địa phương, có một người tên là Duyên (nếu tôi nhớ không lầm) xưng là mật vụ đặc biệt của ông Cố Vấn. Trong nhà y thiết trí một bàn thờ Tổ Quốc ngay giữa nhà, trên bàn thờ có ảnh ông Cố Vấn. Hắn đã làm tiền nhiều người bằng nhiều hình thức, đến các cơ quan xin thầu đủ thứ nói là để gây quỹ cho đoàn thể và hoạt động tình báo. Anh Tiến hỏi tôi: Anh này có phải là mật vụ của ông cố Vấn thật không?

Nghe câu chuyện tôi nghi ngay anh chàng này chỉ là một tên bịp, nhưng lại tự hỏi: Nếu hắn bịp thì ông Thị Trưởng là người đã từng đứng đầu ngành Hành Chánh tại Thừa Thiên, có thể gặp ông Cẩn bất cứ khi nào để hỏi. Rồi còn các cơ sở đoàn thể dân sự, các cơ quan Công An Cảnh Sát địa phương không ai biết hành động của tên Duyên này sao? Tại sao không cơ quan nào thắc mắc, báo cáo? Hay hắn là người của ông Cẩu thật?

Tôi hỏi lại anh Tiến:

- Hắn làm như vậy lâu chưa?
- Khá lâu rồi mà chẳng ai dám đụng tới hắn. Mấy lần thấy chuồng quá, tôi đã định tóm cổ hắn, rồi tới đầu thì tới, nhưng lại không dám làm ầu.
- Thôi được, tôi nói với anh Tiến, ngay sau đây anh cho người theo dõi sát hắn đi, chiều về tôi sẽ hỏi ông Cố Vấn

ngay và sẽ tin lại cho anh nội trong tối nay.

Buổi chiều về tới Huế, tôi vào gặp ông Cẩn, sau khi báo cáo kết quả công việc, tôi hỏi ông:

- Trong Đà Nẵng có một người tên là Duyên, xưng là mật vụ đặc biệt của Cậu. Trong nhà hần có đặt một bàn thờ Tổ Quốc, trên bàn thờ có ảnh của Cậu. Bàn thờ được đặt ngay giữa nhà, bước qua cửa là thấy ngay, nên khi hần xưng là mật vụ đặc biệt của Cậu ai cũng sợ.

- Mần chi có chuyện nó. Mấy đứa mần tào lao như rửa mà mấy chú cũng còn hỏi tôi nữa. Làm mật vụ mà khoe khoang trống trải như rửa thì dù có mật vụ thật cũng cứ bắt cổ nó lại, cần chi phải hỏi.

- Con sẽ tin cho An Ninh Quân Đội nhờ bắt hần ngay tối nay.

- Bắt ngay đi. Hỏi cho ra tổ chức mô, người mô nhủ hần mần như rửa?

Chùng một tuần lễ sau anh Tiến gửi cho tôi bản khai cung của tên Duyên. Tên này là một đoàn viên Phong Trào Cách Mạng Quốc Gia địa phương. Trong một dịp đến nhà ông Chủ Tịch, hần đã đánh cắp được tấm ảnh ông Cẩn. Ban đầu hần chỉ muốn dùng tấm ảnh hù cho thiên hạ ngán chơi thôi. Không dè, dần dà một số dân làm ăn, nhất là những bàn tay không được trơn tru lắm, đã đến xin được nấp bóng hần. Thấy có vẻ ngon ăn mà lại “hách” nữa, thế là hần làm tới luôn. Những người làm ăn có uy tín ở Đà Nẵng thời ấy như ông bà Lâm Mỹ Bạch Tuyết (hiện ở Thành Phố Fountain Valley), ông Huy (ở Thành Phố Santa Ana, Orange County, California, Hoa Kỳ) đều có nghe biết chuyện mạo danh của tên Duyên.

Một vụ lợi dụng lớn như vụ tên Duyên trên đây, xảy ra ngay giữa một Thành Phố chỉ cách Huế có 100 cây số mà còn không đến được tới tai ông Cẩn. Thì việc ông ở những nơi xa xôi, trong các làng xã, nhất là lại tận trên Cao Nguyên hay là trong miền Nam, cũng là điều dễ hiểu. Đó là hậu quả của thái độ “thủ khẩu như bình” vì sợ bị phiền phức, oán thù, của chính quyền, cán bộ có trách nhiệm tại các địa phương. Thái độ này đã cho thấy rõ tinh thần “cách mạng” của một số không nhỏ đảng viên đảng Cẩn Lao có chức có quyền hồi đó. Nó đã làm thui chột thiện chí của nhiều cán bộ trung và cấp nhỏ, làm cho Đảng Cẩn Lao từ năm 1962, gần như hoàn toàn bị tê liệt. Đây là biểu hiện tinh thần của một xã hội chậm tiến.

Mở mang giáo dục

Tất cả các anh em trong gia đình họ Ngô đều có chung một quyết tâm: Thực hiện tiếp nối đường lối cách mạng của thân phụ. Một trong những điểm then chốt của đường lối cách mạng này là mở mang giáo dục, nâng cao dân trí, đào tạo nhân tài. Vì vậy khi nắm chính quyền, tuy tình hình dân trí của ta đã khá hơn nhiều so với thời Cụ Ngô Đình Khả làm Thượng Thư, Chính Phủ của Tổng Thống Ngô Đình Diệm cũng vẫn đặt việc mở mang giáo dục là một trong những ưu tiên hàng đầu.

Một sự thật không ai có thể phủ nhận: Dưới thời Đệ I Cộng Hòa, mặc dầu phải đương đầu với cuộc chiến tranh phá hoại của Cộng Sản, hệ thống trường ốc, từ Tiểu Học đến Đại Học công, tư đã được mở mang hết sức rộng rãi trong toàn miền Nam. Sách lược xây dựng đất nước cũng đã được đặt trên nền tảng giáo dục.

Về Hành Chánh, Trường Quốc Gia Hành Chánh được cải tiến từ trường sở đến chương trình giảng huấn, để có khả năng đào tạo những nhà cai trị cấp Tỉnh, cấp căn bản của một nền hành chánh độc lập.

Về Quân Sự, Trường Võ Bị Quốc Gia Đà Lạt được cải tiến toàn diện, từ cơ sở đến chương trình đào luyện, nhằm đào tạo những sĩ quan chỉ huy đơn vị Quân Đội không chỉ về kỹ thuật chiến tranh, mà cả về khả năng văn hóa, hiểu biết tổng quát, để khi ra chỉ huy, họ có thể đứng ngang hàng với hàng ngũ sĩ quan của bất kỳ một quốc gia tiên tiến nào. Do chủ trương đó mà tổ chức Trường Võ Bị Quốc Gia đã có thêm Ban Văn Hóa Vụ. Chương trình huấn luyện được tăng từ hai đến bốn năm. Các Sinh Viên Sĩ Quan trúng tuyển kỳ thi văn hóa cuối khóa được cấp bằng Cử Nhân Khoa Học Ứng Dụng. Trường Võ Bị Quốc Gia Đà Lạt đã trở thành một Học Viện Quân Sự lớn nhất vùng Đông Nam Á thời bấy giờ.

Về Kỹ Thuật, Trường Kỹ Thuật Phú Thọ đã cải tiến chương trình giảng dạy, để không chỉ đào tạo cấp chuyên viên, mà đào tạo đến cấp kỹ sư cho các ngành chuyên môn.

Môn học “Đạo Đức Chỉ Huy” là một đề tài trọng yếu hàng đầu trong chương trình giảng dạy tại cả ba Trường trên đây.

Tại Huế, ông Cẩn đã tích cực thực hiện chủ trương mở mang giáo dục bằng cách tự tổ chức một số trường tư. Có lần ông nói với tôi, mở được trường học càng nhiều càng tốt. Có nhiều trường học không những chỉ giúp cho tuổi trẻ dễ dàng trong việc học hành, mở mang kiến thức mà còn từ đó, mình có thể lựa chọn được những thành phần

có được các đức tính cần thiết, để đào tạo thành các nhà lãnh đạo sau này. Nếu mình có được 10 trường học, mỗi trường có 10 lớp, chọn trong mỗi lớp 1 hoặc 2 học sinh giỏi, hạnh kiểm tốt và có một số đức tính cần thiết, trường trích tiền lời, cấp học bổng cho chúng học đến thành tài, kể cả cho đi du học. Như vậy trong vòng 10 năm, ít nhất mình cũng có được một nửa số đó là cán bộ đủ tài đức, phục vụ cho guồng máy lãnh đạo quốc gia.

Thực hiện chủ trương này, năm 1957 ông mua lại một ngôi trường nhỏ có sáu lớp học của ông Hồ Đình Xuân (ông Xuân hiện ở Pháp), tại Đường Hàng Bè, Thành Phố Huế. Ông đặt tên Trường là Bình Minh và nhờ Linh Mục Nguyễn Văn Lập làm Hiệu Trưởng. Dịp lễ Giáng Sinh năm ấy, ông chỉ thị cho tôi tổ chức lễ tại Trường và cho học sinh ăn liên hoan mừng lễ. Đêm hôm đó mặc dầu trời mưa, ông cũng đã đến dự lễ và tiệc liên hoan với học sinh. Vị Linh Mục chủ lễ đêm hôm đó là Cha Nguyễn Văn Thuận, tức Đức Cố Hồng Y Nguyễn Văn Thuận sau này.

Qua năm 1958, ông mua lại ngôi trường Hồ Đắc Hàm trên Đường Lý Thường Kiệt. Ngôi trường này khi ấy do Sở Truyền Tin Quân Khu II trú đóng. Ông đã can thiệp với Quân Khu cấp một địa điểm khác cho Sở Truyền Tin và mở cơ sở chính của Trường Bình Minh tại đó. Trường cũ ở Đường Hàng Bè trở thành chi nhánh. Từ đó hệ thống Trường Bình Minh được giao cho Kỹ Sư Trần Quang Ngọc, Dân Biểu Quốc Hội làm Hiệu Trưởng trực tiếp quản lý và điều hành.

Ông Trần Diên, một lãnh tụ Đại Việt miền Trung bị án 7 năm tù, đã được ông Cẩn không những cho dạy mà còn đặt làm Giám Học tại trường này, thay vì ở tù.

Trong thời gian này ông cũng đã yểm trợ cho Hội Đồng Hương Quảng Bình mở một Trường Trung Học trong khu vực Thành Nội. (khu vực bên trong vòng thành bao quanh khu cung điện Nhà Vua và trụ sở các Bộ).

Năm 1960 ông chỉ thị cho tôi kiểm địa điểm mở một trường riêng cho nữ sinh. Tôi đã tìm đến trụ sở Hội Bắc Việt Tương Tế nằm trên Đường Phan Đình Phùng. Trụ sở khi ấy đang được Quân Đội thuê làm cư xá cho sĩ quan và Đại Úy Hồ Ngọc Tâm đang cư ngụ tại đó (Đại Úy Tâm cấp bậc sau cùng là Đại Tá, hiện ở Thành Phố Westminster, Orange County, California). Tôi phải xin Quân Khu cấp cho gia đình Đại Úy Tâm một căn nhà khác, cấp tốc xây thêm 3 phòng học, nhờ một Giáo Sư Pháp Văn uy tín tại Huế, ông Trần Văn Thông (hiện ở Việt Nam) làm Hiệu Trưởng và điều hành. Trường mang tên là Trường Nữ Trung Học Mê Linh. Cũng trong năm này ông đã yểm trợ cho một số Giáo Sư mở một Trường Trung Học nữa trong khu Tây Lộc cũng nằm trong khuôn viên Thành Nội.

Song song với việc tổ chức mấy Trường tại Huế, ông vẫn nghĩ đến việc tổ chức một vài trường thật quy mô ở Sài Gòn. Vì theo ông, Sài Gòn đông người, thanh thiếu niên phạm pháp. Ông chỉ thị cho tôi kiểm người hợp tác thực hiện kế hoạch này. Qua mấy người bạn là Giáo Sư Trường Trung Học Trung Thu tại Sài Gòn, trong số đó có anh Bùi Văn Thường (hiện định cư tại TB Oregon), tôi đã gặp được anh Nguyễn Văn Thúc (hiện còn ở Việt Nam). Giám Đốc Trường Trung Học tu thực Hoàng Việt, trên Đường Phan Đình Phùng gần chợ Vườn Chuối. Anh Thúc một người có tài tổ chức, thích làm những việc có quy mô lớn, sẵn sàng đứng ra thực hiện kế hoạch mở trường học

tại Sài Gòn của ông Cần. Tiếc vì vấn đề tài chánh không giải quyết được, nên kế hoạch đã không được thực hiện.

Trong đường hướng giáo dục, ông có quan niệm rất thực tiễn về việc đào tạo thanh thiếu niên. Theo ông, cần tổ chức cho học sinh đi du ngoạn, sinh hoạt trại tại các vùng thôn quê, tạo dịp cho học sinh thấy được phong cảnh sông núi, đất nước, tiếp xúc được với người dân thôn quê, sau này khi làm việc, họ dễ thông cảm với dân chúng hơn. Đây là điểm thể hiện rõ rệt đường lối mở mang dân trí, đào tạo nhân tài và tinh thần yêu quê hương, đất nước và dân tộc mà ông cũng như anh em ông đã nhận được từ thân phụ.

Cụ Ngô Đình Khả khi giữ nhiệm vụ Trường Giáo Trường Quốc Học Huế, cùng với Cụ Tiểu Cao Nguyễn Văn Mại, Quản Giáo, hai Cụ luôn luôn khuyến khích học trò học Quốc Ngữ. Ngoài ra, mỗi ngày Chủ Nhật hai Cụ thường dẫn học trò đi thưởng ngoạn các danh lam thắng cảnh của chốn Kinh Đô. Theo hai Cụ, đó là cách tốt nhất để khơi động lòng yêu đất nước quê hương cho tuổi trẻ.

Nhiều lần ông bảo tôi khuyến khích các trường tôi quen biết tại Sài Gòn tổ chức cho học sinh du học sinh du ngoạn các thắng cảnh Huế. Nhưng việc tổ chức một cuộc đi chơi xa cả mấy trăm cây số, cho hàng trăm học sinh là một việc không dễ dàng thực hiện về các mặt: Phương tiện di chuyển, nơi ăn chốn nghỉ... chưa kể đến vấn đề an ninh, vấn đề những rủi ro có thể xảy ra dọc đường. Vì vậy mà việc thuyết phục các trường tổ chức những cuộc du ngoạn như thế thật hết sức khó khăn. Tôi lại đến với anh Thúc và được anh đồng ý tiên phong tổ chức “cuộc du ngoạn mẫu”.

Hè 1960 anh Thúc đã đưa hơn 200 học sinh Trường Hoàng Việt của anh ra du ngoại Huế. Ông Cử đài thọ phần lớn phí tổn cho cuộc du ngoại này. Đoàn học sinh ở lại đi thăm các thắng cảnh Huế 4 ngày. Phương tiện di chuyển được Quân Đội yểm trợ. Nơi tạm trú được Trường Bình Linh (Trường Pellerin cũ) cho mượn khu nhà của học sinh nội trú. Được yểm trợ tiền ăn, học sinh được tổ chức thành từng toán thay phiên tự đi chợ, nấu ăn.

Ngày cuối, trước khi trở về Sài Gòn, họ cắm trại tại Lăng Minh Mạng, ông Cử cho hạ bò, heo... đãi họ ăn bữa trưa và tối hôm ấy. Buổi trưa ông đến ăn cơm và chuyện trò với họ, hỏi thăm gia đình từng em rất cởi mở và bình dị.

Mùa mưa năm 1962, vùng Hà Úc, bên bờ phía Đông Phá Tam Giang bị lụt, mùa lụt sắp đến ngày gặt bị ngập úng. Ông Cử chỉ thị cho tôi lo phương tiện chở Đoàn Thanh Niên Thiện Chí từ Sài Gòn ra giúp dân chúng thu hoạch kịp trước kia lúa bị hư thối. Theo ông, đây là cơ hội tạo dịp cho thanh niên thành thị thấy sự vất vả, khổ cực của dân chúng thôn quê. Vì là một đòi hỏi cấp bách, tôi đã phải xin Bộ Tổng Tham Mưu cấp một chuyến máy bay quân sự chở hơn 20 anh em đoàn viên do anh Đoàn Trưởng Nguyễn Hy Văn, Sinh Viên Khoa Kiến Trúc Trường Đại Học Sài Gòn hướng dẫn ra giúp họ. Trong số đoàn viên có một Linh Mục Chúa Cứu Thế mà tôi không còn nhớ tên. Anh Nguyễn Hy Văn hiện định cư tại Tiểu Bang Washington.

Qua Lào bảo vệ “Tây Trường Sơn”

Ngày 20.7.1954 Hiệp định Đình Chiến được ký kết giữa Pháp và Việt Minh tại Geneva, chia nước Việt Nam làm hai phần tại vĩ tuyến 17, lấy sông Bến Hải làm đường ranh

phân chia hai miền Nam-Bắc. Thấy rõ mưu đồ của các phe ký kết hiệp định, Thủ Tướng Ngô Đình Diệm tuyên bố: “Nội dung bản Hiệp định đã chất chứa mầm mống một cuộc chiến tranh khác tàn bạo hơn”. Đồng thời, Bộ Ngoại Giao ra tuyên ngôn cực lực phản đối chính phủ Pháp về việc tự ý thỏa hiệp chia đất cho Cộng Sản trái với nguyện vọng Độc Lập-Thống Nhất đất nước của nhân dân Việt Nam, ấn định ngày tổng tuyển cử mà không tham khảo với Chính Phủ Việt Nam. Thủ Tướng Diệm cũng minh định lập trường không có trách nhiệm thi hành một hiệp định mà Chính Phủ của ông không được thảo luận và không ký.

Sau đó, để đối phó với một cuộc chiến tranh như đã tiên kiến, Chính Phủ đã cho áp dụng nhiều kế hoạch nhằm ngăn chặn mọi ngã đường Cộng Sản miền Bắc có thể sử dụng để xâm nhập, liên lạc, tiếp viện quân và chiến cụ cho chiến trường miền Nam khi họ phát động cuộc chiến. Các vị lãnh đạo Chính Phủ Việt Nam lúc bấy giờ đều thấy rõ, dãy Núi Trường Sơn là con đường tiếp tế, xâm nhập từ Bắc vào Nam có tính cách chiến lược quan trọng và an toàn nhất. Nếu Bắc Việt sử dụng được con đường này thì phần thắng trong cuộc chiến Quốc-Cộng sẽ lọt vào tay họ.

Để bảo vệ con đường chiến lược sinh tử này, năm 1956 Tổng Thống Diệm chỉ thị cho Quân Khu I thành lập hai đoàn đi thám sát sườn Núi phía Đông thuộc phần đất Việt Nam. Đoàn thứ nhất phụ trách đoạn đường từ sông Bến Hải vào đến địa giới Tỉnh Quảng Nam. Đoàn thứ hai phụ trách đoạn đường thuộc địa phận Tỉnh Quảng Nam vào đến Tỉnh Kontum. Hai đoàn này có nhiệm vụ thám sát những con đường mòn dọc dãy Trường Sơn trong lãnh

thổ Việt Nam sang đến biên giới Lào do Phủ Tổng Thống hướng dẫn, tiếp xúc với đồng bào Thượng sống sâu trong các vùng rừng núi hiểm trở, tìm hiểu cuộc sống và các sinh hoạt của họ, dò tìm những con đường bộ đội Cộng Sản thường sử dụng trong cuộc chiến trước đó. Đoàn thứ nhất đã mất một năm và đoàn thứ hai mất hai năm rưỡi để hoàn thành công tác.

Nhưng muốn cho công cuộc bảo vệ con đường chiến lược này đạt hiệu quả, Việt Nam cần phải kiểm soát được cả phần phía Tây Trường Sơn thuộc lãnh thổ lân quốc Ai Lao. Đây là vấn đề gai góc mà Chính Phủ Việt Nam khi ấy không thể giải quyết được bằng đường lối ngoại giao. Vì các Chính Phủ Hoàng Gia Lào thời bấy giờ đều theo đuổi chính sách trung lập thân Pháp, thiên cộng, không hỗ trợ bất cứ một hoạt động chống cộng nào của Chính Phủ Việt Nam. Vì vậy, ông Ngô Đình Cẩn đã đề nghị một kế hoạch bắt thân với các lực lượng chống cộng ở Lào. Cùng lúc, thuyết phục họ hợp tác tổ chức một hệ thống an ninh chung theo dõi mọi hoạt động của lực lượng Cộng Sản Bắc Việt dọc con đường này. Và ông xin lãnh trách nhiệm thực hiện kế hoạch.

Được Tổng Thống Diệm chấp thuận, ông Cẩn khai thác ngay tình trạng của những người miền Bắc vượt Núi Trường Sơn qua Lào tìm đường di cư vào miền Nam để thi hành nhiệm vụ ông đã nhận lãnh.

Do tình hình từ giữa năm 1955, Cảng Hải Phòng bị đóng sau thời hạn 300 ngày quy định trong Hiệp định đình chiến Geneva cho dân hai miền Nam, Bắc được quyền di chuyển đến vùng họ chọn để sinh sống. Nhiều

đồng bào miền Bắc, nhất là đồng bào ở các Tỉnh hai bên ranh giới Bắc và Trung Phần, gặp nhiều trở ngại từ phía chính quyền Cộng Sản, không kịp di chuyển trong thời hạn được phép. Sau này họ phải dùng đủ mọi phương tiện, bằng đủ mọi cách, vượt biển, vượt rừng, vượt núi, để có thể thoát khỏi vùng Cộng Sản kiểm soát, trong đó có cách vượt biên giới tại vùng phía Bắc miền Trung qua Lào, rồi từ Lào đi vào miền Nam.

Các Chính Phủ Hoàng Gia Lào từ Thủ Tướng Souvana Phouma đến Thủ Tướng Cathay đều giữ lập trường trung lập. Họ không trả những người vượt biên về cho Bắc Việt, nhưng bắt phải tập trung được đủ 50 người họ mới đưa về Sài Gòn một lần. Thời gian chờ đợi cho có đủ số người, vấn đề ăn ở, những người vượt biên phải tự túc. Vì vậy họ đã bị thiếu ăn thiếu mặc một cách bi đát.

Khi biết rõ được tình hình trên đây, ông Cẩn cho hai ông Lê Đình Huệ (mới mất tại Việt Nam tháng 7. 2001) và Hoàng Ngọc Trờ, đem 300.000 đồng lên xin chính quyền địa phương cho phép tổ chức một nhà tạm trú cho đồng bào vượt biên tại Thị Trấn Thakhet. Gửi lại Việt kiều ở đó một số tiền nhờ săn sóc, nuôi ăn, giúp đỡ đồng bào trong khi họ chờ đợi được đưa về Sài Gòn. Thakhet ở vị trí xế bên trên, về phía Bắc, Thị Xã Đồng Hới, Tỉnh Quảng Bình, gần những nơi cửa ngõ từ các Tỉnh cực Bắc Trung Phần mở vào đất Lào. Đây là địa điểm thuận tiện nhất cho việc đón đồng bào vượt biên và liên lạc với nội địa miền Bắc.

Sau khi đã thiết lập được nơi tạm trú cho đồng bào vượt biên, ông Ngô Đình Cẩn cho ông Huệ tiếp tục lui tới giúp đỡ công việc săn sóc đồng bào và qua công việc này, liên

lạc kết thân với các chính khách chống cộng tại Lào. Đồng thời tìm hiểu nhân sự giúp bộ phận tình báo đặt một cơ sở tại Thakhet. Từ giữa năm 1956 đến đầu năm 1959, dưới các Chính Phủ Trung Lập Lào, hoạt động của cơ sở tại Thakhet là thiết lập các đường dây liên lạc từ Lào vào nội địa Bắc Việt Nam thu thập tin tức và đưa nhân viên tình báo xâm nhập miền Bắc. Công tác theo dõi đường xâm nhập vào miền Nam của lực lượng Cộng Sản bắc việt từ đất Lào tuy bị hạn chế vì không được chính quyền Lào yểm trợ, nhưng cũng đã thu đạt được nhiều kết quả tốt. Qua tin tức tiếp nhận được từ toán công tác tại Thakhet, kết hợp với kết quả thu thập được của hai đoàn thám sát của Quân Đoàn I, cuối năm 1958 đầu năm 1959, Tổng Thống Diệm đã quyết định cho đại tu những đoạn Quốc Lộ 14 đã có và làm mới phần chạy qua các Tỉnh Quảng Nam, Thừa Thiên đến Ashao-A Luoi Tỉnh Quảng Trị. Năm Quận miền Núi (4 tại Quảng Nam và 1 tại Thừa Thiên) và hơn mười Đồn sơn cước được thiết lập trong hai Tỉnh này. Nha Công Tác Xã Hội Miền Thượng được chuyển từ Đà Lạt ra Huế.

Đầu năm 1957, một hôm vào trình công việc, khi chào ông để trở ra ông bảo tôi:

- Chú coi xem trong số cán bộ sĩ quan của mình có ai rành tiếng Lào không?

- Dạ, có Đại Úy Lê Quang Hồng, Trưởng Phòng Nhất Sư Đoàn 2.

- Mai chú đem lý lịch của anh ta xuống cho tôi coi.

Trước kia tôi chỉ biết Đại Úy Hồng, Trưởng Phòng Nhất Sư Đoàn 2 Bộ Binh tại Đà Nẵng, sinh trưởng tại Lào suốt thời niên thiếu anh sống và học ở Lào. Nhưng chừng

hai tháng trước, nhân đưa cô cháu từ bên Lào về chơi ra thường ngoạn thắng cảnh Huế, anh Hồng đã dẫn cô lại thăm chúng tôi. Trong dịp này tôi được biết rõ thêm, anh nói tiếng Lào như người Lào, biết rành rẽ phong tục tập quán của họ và nhất là anh có nhiều bạn học và học trò đang làm việc trong các cơ quan Chính Phủ, trong Quốc Hội Lào. Sáng hôm sau đem phiếu lý lịch của anh Hồng qua trình ông Cẩn, đợi ông coi xong tôi trình thêm các chi tiết vừa kể. Ông bảo tôi:

- Chủ nên viết thư ngay cho ông Thung, (Trung Tá Đình Sơn Thung Giám Đốc Nha Nhân Viên Bộ Quốc Phòng) nhủ trình lý lịch Đại Úy Hồng lên Tổng Thống ngay. Nhớ nói Thung trình rõ với Tổng Thống, đây là Sĩ Quan tôi đã trình xin cho qua làm việc tại Tòa Đại Sứ của mình ở Lào.

Khoảng một tháng sau, anh Hồng ra chào ông Cẩn trước khi qua làm việc tại Phòng Tùy Viên Quân Sự Tòa Đại Sứ Việt Nam tại Vạn Tượng (Vientianne). Anh Hồng đã mất năm 1980 khi đang bị tù cải tạo cùng với tôi tại trại Tân Lập, Tỉnh Vĩnh Phú, Bắc Việt.

Thời gian này ông Lê Văn Huệ đã kết thân được với nhóm chính khách Hữu phái và Tướng lãnh chống cộng tại Lào do Hoàng Thân Chau Boun Oum, thường được gọi là Roi de Champassak (Vua miền Hạ Lào) và Đại Tá Phoumi Nosavan lãnh đạo.

Hạ bán niên năm 1958, sau khi Đại Tá Phoumi Nosavan vinh thăng Thiếu Tướng, làm Bộ Trưởng Quốc Phòng được ít lâu, một hôm, khoảng bốn giờ chiều, ông Cẩn gọi tôi bảo:

- Lâu ni mình đã liên lạc nhiều với phe Hữu Lào, Lê Đình Huệ đã tiếp xúc với tất cả các Tướng lãnh và nhân

vật phe Hữu, mọi chuyện đã sắp xếp xong xuôi. Chú về sửa soạn mai đi với Huệ một chuyến cho biết tình hình bên nó. Và ông cho tôi biết, Tổng Thống chấp thuận cung cấp cho họ số vũ khí, quân trang và tất cả những thứ quân đội Pháp để lại và huấn luyện chuyên môn bất cứ ngành nào cho sĩ quan của họ, nếu họ cần. Tóm lại tất cả những đồ về quân sự họ cần mà không đụng chạm tới đồ Mỹ viện trợ thì mình sẵn sàng cung cấp hết. Chỉ yêu cầu họ một điều là cho phép mình tổ chức một mạng lưới tình báo để bảo vệ an ninh mạng sườn phía Tây dãy Núi Trường Sơn. Nếu họ đồng ý cùng tổ chức chung, mình sẽ yểm trợ thêm kinh phí và những gì họ cần để thực hiện mạng lưới tình báo này.

Đại để như rứa, chú để ý thăm dò lập trường của các Tướng khác ngoài Tướng Phoumi, nếu gặp họ. Chú cũng cho họ biết tôi rất sẵn sàng chu cấp nơi ăn ở, mọi chi phí về học hành, và săn sóc chu đáo cho con các Tướng lãnh và các nhân vật phe Hữu muốn giữ qua học ở đây. Nói xong ông đưa cho tôi một cái hộp nhỏ dài.

- Chú đem theo cái này nói tôi tặng Tướng Phoumi, chúc cho sự lãnh đạo của ông mỗi ngày thêm vững mạnh.

Tôi mở ra coi, đó là cây gậy chỉ huy bằng đồi mồi có gắn 2 ngôi sao bạc.

Khoảng 6 giờ chiều ông Huệ đến cho tôi biết, ông đã xin ông Cẩn cho tôi đi với ông qua Lào một chuyến và hẹn năm giờ sáng hôm sau đến đón tôi. Vì theo ông cần phải đi sớm để kịp đến Savanakheth trước khi trời tối.

Sáng hôm sau, năm giờ ông Huệ đến đón tôi. Chúng tôi tới biên giới khoảng 11 giờ. Qua cầu biên giới chúng tôi được một Trung Tá quân đội Hoàng Gia Lào đón. Ông

Huệ giới thiệu với tôi đó là Trung Tá Thông Thanh, Tiểu Khu Trưởng Tiểu Khu Tchépone. Trung Tá Thông Thanh hướng dẫn chúng tôi về Bộ Chỉ Huy Tiểu Khu mời ăn cơm trưa. Khoảng hơn 12 giờ, từ già Trung Tá Thông Thanh chúng tôi trực chỉ Savanakhet. Đến Savanakhet khoảng hơn 6 giờ chiều, chúng tôi tới nghỉ đêm tại nhà một Việt kiều. Chín giờ sáng hôm sau, một máy bay C47 đến đưa chúng tôi đi Vạn Tượng. Tại đây chúng tôi ngụ tại một khách sạn nhỏ. Ba giờ chiều chúng tôi đến Phòng Tùy Viên Quân Sự Tòa Đại Sứ Việt Nam xin cho Đại Úy Lê Hồng Quang cùng đi với chúng tôi trong những ngày chúng tôi ở Vạn Tượng. Bốn giờ, chúng tôi đến thăm Tướng Phoumi Nosavan tại tư dinh của ông, bên ngoài không có gì lộng lẫy, cổng không có lính gác, cánh cổng mở rộng, người tài xế đưa chúng tôi vào thẳng trong sân phía sau. Từ trong xe chúng tôi thấy có một người đàn bà trạc khoảng 40 tuổi ngồi dưới thềm nhà cầu nối nhà trên với khu nhà bếp, ông Huệ nói với tôi:

- Bà Phoumi ngồi đó kìa bác.

- Trời! Bà Thiếu Tướng Tổng Trưởng mà xuề xòa quá nhỉ?

Anh Hồng giải thích:

- Người Lào họ sống mộc mạc thế đấy anh ạ!

Ra khỏi xe ba chúng tôi tới chào bà. Vừa lúc ấy Tướng Phoumi cũng về tới, ông người to con, nước da bánh mật trông rắn chắc, mắt nhỏ hơi xếch, đúng dáng con nhà võ. Ông mời chúng tôi vào nhà.

Sau khi được ông Huệ giới thiệu với Tướng Phoumi, tôi chào ông, nói mấy lời chúc mừng ông vinh thăng. Sau

đó tôi trao chiếc hộp nhỏ cho ông, chuyển lời ông Cần gửi cầu chúc ông.

Ông mời chúng tôi qua quây rượu tiếp tục câu chuyện và thảo luận. Sau khi ông Huệ nhắc lại những điều đã thảo luận với Tướng Phoumi trong những lần trước, tôi tiếp thêm những điều ông Cần dặn. Tướng Phoumi tỏ ra rất thỏa mãn và vui vẻ đồng ý cho tổ chức một màn lưới tình báo hỗn hợp Lào-Việt để bảo vệ an ninh chung dọc biên giới chạy dài theo phía Tây dãy Trường Sơn.

Chúng tôi cáo biệt Tướng Phoumi lúc khoảng 7 giờ tối.

Sáng hôm sau, 9 giờ chúng tôi đến thăm Tướng Ouane Ratthikoune, Tổng Tham Mưu Trưởng Quân Đội Hoàng Gia Lào. Xe chở chúng tôi băng qua khu đồi nơi hàng năm được dùng tổ chức hội chợ Tết That Luang, đi vào con đường độc đạo qua một khu ruộng khá rộng để đến khu biệt thự phía bên kia.

Lại một cảnh tượng biểu hiện cuộc sống vô tư, thanh thản của giới quyền cao chức trọng trong xã hội Lào.

Số là khi xe bắt đầu đi vào con đường độc đạo, trông thấy một ngôi biệt thự 3 tầng lầu ở đầu đường phía bên kia, cao và bề thế hơn tất cả các biệt thự cùng dãy, tôi hỏi ông Huệ:

- Tu dinh Tướng Ouane Ratthikoune là ngôi nhà lầu kia phải không bác?

- Không, đó là nhà của một Đại Úy Công Binh đấy.

Tới đầu đường, xe quẹo phải, tiến vào sân một biệt thự trệt khiêm nhường hơn nhiều, sát cạnh ngôi biệt thự lầu vừa kể. Xuống xe chúng tôi được một người đàn ông hướng dẫn vào phòng khách. Chừng vài phút sau Tướng Ouane Ratthikoune từ một phòng bên cạnh bước ra.

Sau khi nghe ông Huệ thuật lại cuộc gặp gỡ giữa Tướng Phoumi và chúng tôi chiều hôm trước, Tướng Ratthikoune hoàn toàn đồng ý những gì Tướng Phoumi đã nói với chúng tôi và ông thêm:

- Quả thật những nhu cầu của Quân Đội chúng tôi thật là cấp bách. Lính Pathet Lào được sĩ quan của quân đội Cộng Sản ở ngay trong khu của họ huấn luyện kỹ càng. Đặc biệt là có nhiều đơn vị quân Cộng Sản Việt Nam trà trộn, nên hoạt động của họ từ những ngày gần đây trở nên mạnh và rất nguy hiểm. Để đối phó với tình hình này, chúng tôi phải tuyển mộ thêm quân. Vì vậy đồ trang bị của Quân Đội chúng tôi đã thiếu hụt lại càng thiếu hụt thêm. Tàn binh không đủ thì giờ để được huấn luyện chu đáo. Chúng tôi hết sức lo ngại về tình hình này.

Và cũng như Tướng Phoumi, ông rất mong muốn có một tổ chức an ninh hỗ tương dọc biên giới hai nước theo dãy Núi Trường Sơn.

Sau một vài trao đổi về quan niệm hợp tác và về tình hình, chúng tôi rời tư dinh Tướng Ouane Ratthikoune lúc gần 12 giờ.

Trong những ngày ở lại Vạn Tượng, ngoài hai vị Tướng lãnh vừa kể, chúng tôi cũng đã được gặp thăm một vài chính khách Lào như cựu Thủ Tướng Cathay. Tôi được nghe vị cựu Thủ Tướng này là người gốc Việt Nam, tên Việt của ông là “Cả Tài”. Ông Cathay quả có tác phong một chánh khách, ông nói chuyện chậm rãi, từ tốn. Ông không ưa Cộng Sản nhưng lập trường không cứng rắn và cương quyết như hai vị Tướng chúng tôi đã được gặp.

Buổi tối trước ngày rời Vạn Tượng, chúng tôi được một

gia đình Việt kiểu gốc Bắc Việt, mời ăn một bữa cơm bình dân có riêu cua chính hiệu, ăn với rau diếp thái nhỏ. Một món ăn rất bình dân, rẻ tiền, có thể nói là không tốn tiền. Vì chỉ cần một người xách giỏ ra đồng lúa chùng một tiếng đồng hồ là có một giỏ cua. Và mất nửa tiếng đồng hồ nữa là cả gia đình có một nồi riêu cua thơm phức, gạch cua nổi vàng, béo ngậy, ngon không tả được. Bữa cơm này gọi lại cho tôi nhiều hình ảnh thân thương thời thơ ấu, làm tôi nhớ tới làng quê tôi quá chùng.

Sau ba ngày ở Vạn Tượng, sáng ngày thứ tư, Tướng Phoumi cho máy bay đưa chúng tôi về lại Savanakhet. Tại sân bay Vạn Tượng chúng tôi được gặp Hoàng Thân Chau Boun Oum, lãnh tụ của phe Hữu Lào, ông người to lớn, giọng nói sang sảng. Cũng như các vị Tướng lãnh chúng tôi đã được gặp, ông tỏ ý rất mong sự hợp tác giữa Việt Nam và Lào sớm được thực hiện.

Về lại Savanakhet, sáng hôm sau chúng tôi đến thăm Tướng Rattanasammy Sing, Tư Lệnh Quân Khu III, tức Quân Khu Savanakhet, tại ngôi nhà mát của ông. Một ngôi nhà sàn dựng trên một hồ rộng có thả sen thật thơ mộng, ở vùng ngoại ô Savanakhet, trên đường từ biên giới Việt-Lào đến Savanakhet. Buổi tối chúng tôi được ông Boun Thong, bào huynh phu nhân Tướng Phoumi Nosavan, mời dự bữa cơm gia đình. Trong bữa cơm này tôi được gặp ba vị Tư Lệnh Quân Khu của Quân Đội Lào, các Tướng: Sing vừa kể trên, Kouprasit Abhay và Bounpone Makthepharak, chỉ thiếu có Tướng Amkha, Tư Lệnh Quân Khu Bắc Lào. Theo ông Boun Thong, vì tình hình an ninh khu vực, Tướng Amkha không rời Quân Khu được.

Quả đúng như Tướng Phoumi đã nói với chúng tôi, các vị Tư Lệnh này đều rất nôn nóng sớm nhận được sự hỗ trợ từ phía Việt Nam.

Đến đây, thiết tưởng tôi nên kể hầu quý độc giả mẫu chuyện vui trong bữa ăn cuối cùng này tại xứ Lào, như lời già biệt những người con yêu của dân tộc Lào hiếu hòa và rất hiếu khách, mà tôi đã được hân hạnh gặp gỡ chỉ một lần. Vì không bao giờ còn cơ hội cho tôi có thể gặp lại họ.

Thực khách trong bữa ăn có một vị nữ lưu duy nhất là bà Boun Thong. Bà mang hai giòng máu Lào-Pháp, duyên dáng, hoạt bát, gần như bà đóng vai “hoạt náo viên” trong bữa ăn. Khi biết tôi là người miền Bắc Việt Nam lại đã từng học tại Hà Nội, bà tự giới thiệu là cựu học sinh Trường Sainte Marie, (trường của các nữ tu Dòng Bác Ái Thánh Phaolô) bà đã trải qua suốt thời niên thiếu tại trường này. Bà đã rành rẽ và còn nhớ những món quà mà giới học sinh mọi thời của Hà Nội rất ham thích như: Thịt bò khô, bánh tôm, phá xang v.v. Bà hỏi tôi có hay ăn những món ấy không? Và bà rất lấy làm thích thú khi tôi trả lời: Tôi là khách thường trực của “bánh tôm Cổ Ngư”.

Để đáp lễ, tôi hỏi lại bà: Bà còn nhớ “sấu dầm” không? (Trái sấu ngâm với thứ nước ngọt do người Tàu chế biến, một món quà luôn được các nữ sinh tận tình chiêu cố) Mọi người trong bàn tiệc đều phá lên cười khi tôi giả giọng người rao bán món quà này.

Như để tỏ lòng khâm phục sự hiểu biết “rộng rãi” của tôi, bà đã tiếp cho tôi một chú ếch nhồi thịt do chính tay bà làm.

Cũng như món riêu cua của miền quê tôi, những món đặc sản của mỗi miền, mỗi món đều có một hương vị đặc

biệt, nó làm cho thực khách không thể quên được miền đất đã đi qua.

Về lại Huế, sáng hôm sau tôi vào báo cáo với ông Cẩn kết quả chuyến đi. Sau khi nghe tôi trình bày, ông chỉ thị cho tôi:

- Chú về viết phúc trình lên ông Cự (Tổng Thống Diệm) ngay, nhấn mạnh vào tinh thần các Tướng lãnh và sự khẩn thiết của họ. Xin ông Cự chỉ thị Quân Đội đáp ứng yêu cầu của họ càng sớm càng tốt kéo lỗ cơ hội. Chiều đưa vô cho tôi.

Ít lâu sau Đại Úy Nguyễn Đình Chi, Sĩ Quan An Ninh Quân Đội thuộc Khu XI An Ninh Quân Đội ở Huế, được đưa qua tăng cường cho Phòng Tùy Viên Quân Sự Tòa Đại Sứ Việt Nam tại Vạn Tượng. Ông phụ trách chỉ huy mạng lưới tình báo hỗn hợp Lào-Việt vừa được thành lập từ việc mở rộng cơ sở tổ chức tại Thakhek năm 1956. (Đại Úy Chi có cấp bậc sau cùng là Trung Tá. Ông tự sát trưa ngày 30.4.1975 tại Cục An Ninh Quân Đội) Từ khi được chính thức tổ chức thành mạng lưới này mở rộng tại nhiều vùng, đặc biệt dọc hành lang Trường Sơn xuống đến Paksé miền Nam Lào. Hoạt động của mạng lưới này đã phát hiện nhiều vụ xâm nhập của lực lượng Cộng Sản bắc việt, giúp cho chính quyền Lào ngăn chặn được nhiều cuộc xâm nhập của Cộng Sản bắc việt nhằm hỗ trợ Pathet Lào tấn công quân phe Hữu. Đặc biệt khi Hà Nội mở chiến dịch khởi sự công trình thực hiện đường mòn Hồ chí Minh vào hạ bán niên 1959, các lực lượng có nhiệm vụ ngăn chặn xâm nhập đã nhận được nhiều tin tức giá trị của mạng lưới này. Giữa năm 1962, khi Lào bị Trung Lập hóa, mạng lưới này đã phải ngưng hoạt động.

Tiếp đến là các đồ quân trang, quân dụng, súng đạn, quân đội Pháp để lại được “viện trợ” cho quân đội bạn qua ngã đường số 9. Ba xe GMC của Tiểu Đoàn Pháo Binh Quân Khu II biệt phái, được sơn màu dân sự, đảm trách việc chuyên chở trong nhiều tháng. (Tiểu Đoàn Trưởng Tiểu Đoàn Pháo Binh này là Đại Úy Lê Văn Trang, có cấp bậc sau cùng là Đại Tá, hiện ở Tiểu Bang Virginia, Hoa Kỳ). Đến đầu năm 1959 Trung Tâm Huấn Luyện Sĩ Quan Chiến Tranh Tâm Lý của Đại Úy Cao Đăng Tường (cấp bậc sau cùng là Đại Tá hiện ở Dallas, Texas) tiếp nhận toán sĩ quan đầu tiên của Quân Đội Hoàng Gia Lào qua thụ huấn về kỹ thuật Thông Tin Tuyên Truyền, Tâm Lý Chiến và Dân Sự Vụ. Một số ít hơn được học về các ngành chuyên môn khác. Một số con cái các Tướng lãnh Lào cũng được đưa về học tại Huế. Họ được sắp xếp cho ăn ở trong gia đình ông Lê Đình Huệ.

Sự hợp tác giữa Việt Nam và Lào đang đi vào thời kỳ thật sự tốt đẹp thì chính tình Lào xảy ra những biến động bất lợi cho Hữu phái.

Hạ bán niên 1960, trong lúc tại Hoa Kỳ cuộc tranh cử Tổng Thống bước vào giai đoạn chót với những hoạt động ráo riết và quyết liệt, thì tại Lào, khối cộng yểm trợ thúc đẩy Coongle, một Đại Úy Nhảy Dù, làm cuộc đảo chánh Chính Phủ Phoumi Nosavan. Sau khi tuyên bố đảo chánh, Coongle kêu gọi Bắc Việt hỗ trợ để đối phó với sự phản công của phe Hữu. Hành động trên đây của Coongle cốt để hợp pháp và công khai hóa sự xâm nhập đất Lào của lực lượng Cộng Sản bắc Việt. Tiếp theo biến cố này là cuộc thoát ngục rất “đúng lúc” của ông Hoàng Souphanouvong,

lãnh tụ Pathet Lào (Cộng Sản Lào). Sau đó, một chính phủ gọi là Liên Hiệp do ông Souvana Phouma, một cựu Thủ Tướng có lập trường trung lập thiên cộng cầm đầu được thành lập. Năm chính quyền, Phouma liền mở rộng cửa cho khối cộng chiếm đóng lãnh thổ Lào bằng việc chính thức yêu cầu Liên xô và Trung quốc viện trợ. Đến tháng 12.1960 Tướng Phoumi Nosavan lấy lại được quyền hành thì Coongle đem Tiểu Đoàn Nhảy Dù của ông ta chính thức gia nhập lực lượng Phathet Lào.

Với đồ quân viện của Liên xô, Trung cộng, quân lính của Việt Cộng, Lào cộng xua quân mở nhiều cuộc tấn công lớn, trong khi quân của phe Hữu chưa đủ cứng cáp. Cuối năm 1960 Lào cộng đánh chiếm cứ điểm Sầm Nứa, qua đầu năm 1961 tiến chiếm khu vực cánh đồng Chum và gần một chục Thị Trấn trong vùng Bắc Lào. Tình hình mỗi ngày thêm nguy ngập, Tướng Phoumi Nosavan đích thân qua Sài Gòn cầu viện. Quân trang quân dụng của quân đội Pháp còn lại từ các kho Trung Ương được cấp tốc chuyển qua cho quân đội Lào bằng nhiều phương tiện. Sự yểm trợ này đem lại hiệu quả về mặt tinh thần cho họ nhiều hơn là mặt thực dụng của đồ “viện trợ”. Phản thiếu cương quyết của tân chính phủ Kennedy, lực lượng phe Hữu Lào suy sụp nhanh chóng.

Khi lên nắm quyền, để đối phó với Cộng Sản, Tổng Thống Kennedy chủ trương “Phải trang bị Thanh Guom và cảnh Ô Liu cùng một trật”. Nhưng rất tiếc, “Thanh Guom” này đã bị gãy ngay trong cuộc thị uy đầu tay của ông tại Vịnh Con Heo vào cuối tháng 4.1961. Thất bại này đã ảnh hưởng nặng nề lên quyết định giải quyết tình hình Lào của ông.

Trong chiến lược ngăn chặn Cộng Sản ở vùng Đông Nam Á, Tổng Thống Kennedy vốn chủ trương không nên can thiệp vào Lào vì đường tiếp tế khó khăn. Sau thất bại trên đây, ông liền thực hiện ngay chủ trương ấy bằng cách cho đem “Cành Ô Liu” cắm lên xứ Lào. Việc dàn xếp một cuộc hòa đàm để Trung Lập hóa Lào quốc được tăng tốc độ.

Cuộc hòa đàm khởi sự vào giữa năm 1961 tại Geneva và kết thúc bằng một Hiệp định Trung lập hóa nước Lào được ký kết vào tháng 7.1962. Phe Hữu Lào bị hy sinh.

Tại Sài Gòn các vị lãnh đạo Đệ I Cộng Hòa hết sức bất bình với việc ký kết bản hiệp định này. Họ thấy trước hiểm họa Bản Hiệp Định sẽ đem lại cho miền Nam Việt Nam, khi con đường huyết mạch xâm nhập Bắc-Nam, “hành lang Trường Sơn” sẽ được bỏ ngõ cho Cộng Sản bắc việt.

Điều khoản then chốt của hiệp định này là, quân đội ngoại quốc thuộc cả hai phe tự do và Cộng Sản phải rút hết khỏi Lào. Chính quyền Kennedy với chủ trương không can thiệp vào Lào, đã thi hành Hiệp định một cách hết sức đúng đắn, rút hết lực lượng và nhân viên khỏi xứ Lào theo đúng lịch trình ấn định trong thỏa hiệp. Họ cũng làm ngơ trước những vi phạm thỏa hiệp của khối cộng, để cho phe Hữu Lào tự lực cánh sinh chiến đấu một mình.

Trong khi đó quân đội Pathet Lào không những được bộ đội Cộng Sản Bắc Việt vẫn trà trộn bên trong, họ còn được khối cộng tăng viện nhiều hơn qua ngã Bắc Việt mà không gặp phải bất cứ sự phản kháng nào.

Tướng Phoumi Nosavan và các Tướng lãnh phe Hữu đã phải huy động toàn lực, tận dụng tất cả những gì họ có,

chống trả hậu quả của hiệp định quái ác ấy. Họ cố gắng cầm cự với hy vọng chờ ngày những người bạn Việt Nam ca khúc khải hoàn.

Nhưng thật bất hạnh! Niềm hy vọng của họ đã mau tan thành mây khói. Vì chỉ hơn một năm sau, ngày 1.11.1963, nền Đệ I Cộng Hòa Việt Nam, người bạn chân thành tận tụy duy nhất của họ cũng lại bị chính quyền của Tổng Thống Kennedy hủy diệt một cách còn phũ phàng, tàn nhẫn hơn họ nữa.

Lực lượng phe Hữu Lào trong cảnh đơn độc đã hoàn toàn bị tê liệt. Bị rơi vào tình cảnh tuyệt vọng. Tướng Phoumi Nosavan đành qua sống lưu vong tại Thái Lan năm 1964 và mất tại đó.

Vụ gián điệp Pháp

Thượng bán niên năm 1957, tôi nghe loáng thoáng trong công tác điều tra phanh phui một tổ chức gián điệp do Pháp gài lại trước khi rút đi, một vài viên chức hữu trách lợi dụng chức vụ làm tiền các phạm nhân.

Một người khá thân tín của ông Cẩn lúc ấy cũng đã bị ông loại bỏ. Vì người này mưu tính làm tiền ông Nguyễn Văn Yển, chủ khách sạn Morin Frères can tội làm kinh tài cho tổ chức gián điệp Pháp.

Khi được biết một người thân cận của mình mưu tính đặt giá cho việc xin cho ông Yển được tại ngoại, ông Cẩn đã nhờ Khu An Ninh Quân Đội tìm cách ghi âm cuộc trả giá. Hai người thực hiện việc ghi âm này là Trung Úy Lê Văn Phó (cấp bậc cuối cùng là Trung Tá, hiện định cư tại San Jose, California Hoa Kỳ) và Thượng Sĩ Phạm Văn Vệ (cấp bậc cuối cùng là Đại Úy, hiện ở Thành Phố Westminster,

Organge County, California) Sau khi nhận được cuốn băng, ông Cẩn đã mời người can dự đến cho nghe và từ đó ông không còn tin dùng người đó nữa.

Qua vụ trên đây, ông Cẩn thấy phải ngăn chặn ngay việc sách nhiễu phạm nhân để bảo đảm cho việc khám phá vấn đề quan trọng này đạt kết quả tối đa. Ông yêu cầu Nha Công An Cảnh Sát giao hồ sơ nội vụ cho anh Phan Quang Đông, Trưởng Ban đặc trách miền Bắc của Sở Nghiên Cứu Chính Trị và Xã Hội Phủ Tổng Thống thụ lý với toàn bộ nhân viên Ban Khai Thác của Nha này.

Anh Phan Quang Đông là người Nghệ An. Khi Hiệp định Geneva được thi hành, anh bị kẹt lại ở vùng quê. Trên đường vượt biên giới qua Lào để vào miền Nam, khi vượt dãy Núi Trường Sơn có ngày anh đã phải ăn cỏ để sống. Giữa năm 1955 anh được Sở Nghiên Cứu Chính Trị Xã Hội Phủ Tổng Thống tuyển dụng và gửi đi học về phản gián. Sau khi mãn khóa học anh được đưa ra Huế phụ trách mạng lưới phía Bắc Trung Phần, hoạt động hướng vào nội địa miền Bắc Việt Nam.

Thời gian phụ trách phanh phui vụ gián điệp này, một đôi lần đến nhà tôi chơi, anh Đông có kể sơ qua về diễn tiến và kết quả cuộc điều tra. Tôi nghe vậy cũng biết vậy thôi, không để ý đi sâu vào công việc anh đã được giao. Vì đó là cách làm việc của ông Cẩn như tôi đã nói ở đầu phần này. Hơn nữa lại là việc bên dân sự, tôi không có trách nhiệm gì trong đó.

Nhưng khoảng tháng 9.1961 một buổi sáng, Đại Ủy Phạm Bá Thích Trưởng Khu 11 An Ninh Quân Đội Huế đến văn phòng nói với tôi:

- Anh Minh à! Tôi mới nhận được lệnh Nha bắt làm việc ni mà thấy khó quá, anh biểu tôi phải mần răng đây?

Vừa nói anh vừa đưa cho tôi một công điện mang nội dung: “Thừa lệnh Thượng Cấp Tối Cao, yêu cầu quý Khu tái điều tra vụ gián điệp Pháp, phúc trình kết quả trong thời gian sớm nhất”. Người gửi là Đại Tá Đỗ Mậu Giám Đốc An Ninh Quân Đội. Đưa trả công điện lại cho anh Thích tôi nói với anh:

- Lệnh của Tổng Thống thì ai cũng phải thi hành. Ông Cố Vấn cũng vậy thôi. Nhưng để khỏi xảy ra hiểu lầm giữa anh và anh Đông, bây giờ anh đem công điện này ra cho anh Đông coi và cho anh ấy biết, anh sẽ xin gặp ông Cố Vấn để xin chỉ thị. Sau đó hai anh em cùng hợp tác thi hành lệnh của Tổng Thống theo chỉ thị của ông Cố Vấn. Sau khi gặp anh Đông rồi, anh trở lại đây tôi sẽ đưa anh vào gặp ông Cố Vấn.

Khi anh Thích trở lại, tôi cầm tấm bì đựng công điện dẫn anh xuống gặp ông Cẩn. Vào nhà trên không thấy ông, tôi đi thẳng ra ngôi nhà tranh nhỏ phía sau vườn, ông đang ngồi vót nan cho người làm trong nhà đan thúng. Như mọi lần, thấy tôi vào có cầm giấy tờ, ông đứng dậy đi ra gần khóm tre cạnh đó. Ông hỏi tôi:

- Có chi rứa chú?

- Thưa Cậu, có lệnh Tổng Thống chỉ thị tái điều tra vụ gián điệp Pháp. Tôi mở tấm bì đọc công điện cho ông nghe. Đọc xong công điện tôi trình tiếp: Con nghe nói vì có người làm đơn khiếu oan. (trước đó ít lâu tôi có nghe phong thanh trong vụ gián điệp Pháp có hai người làm đơn kêu oan).

Ông đổi sắc mặt, nghiêm giọng nói:

- Chết cha! Răng mà lại mần oan cho người ta!

Rồi ông bảo tôi:

- Chú ra nói với Đông, Thích cần bắt cứ hồ sơ nào phải đưa qua đây đủ, cần gấp bất cứ ai phải cho gấp.

Quay qua anh Thích ông nói:

- Còn chú, ra nói với Đông, hai anh em phối hợp với nhau mần lại vụ này cho thật cẩn thận, không được để oan cho một người mô. Mình mần oan cho một người, thì Chúa Ngài phạt không phải chỉ đời mình mà thôi, mà cả đến đời con đời cháu mình nữa đấy.

Kết quả cuộc tái điều tra thế nào tôi không được rõ. (Đại Úy Thích có cấp bậc sau cùng là Trung Tá. Sau 30.4.1975 bị tù cải tạo và mất giữa năm 1983 trong thời gian được tạm tha về nhà chữa bệnh).

Sau này hỏi lại ông Hồ Đắc Trọng, ông Trần Văn Hương, Trưởng Ty Cảnh Sát Huế thời gian khám phá ra vụ này, hiện ở Long Beach, California và ông NTT, Trưởng Phòng Hành Chánh Nha Cảnh Sát Thương Nghiệp Thành Phố hiện còn ở Việt Nam, tôi được biết:

Trong một cuộc kiểm soát sổ gia đình tại khu Bao Vinh, thuộc Quận Ba Đình, Thị Xã Huế, Cảnh Sát bắt được một bức thư nội dung có nhiều điểm khả nghi. Từ đó theo dõi, điều tra mới phát giác ra đầu mối một mạng lưới gián điệp, do Pháp tổ chức cài lại trước khi rút lui đi.

Ban đầu, nội vụ được Ban Điều Tra của Nha Công An, Cảnh Sát do ông Vũ Đình Ban thụ lý. Nhưng như tôi vừa nói ở trên, ông Cẩn đã yêu cầu chuyển nội vụ qua cho anh Phan Quang Đông tiếp tục thụ lý chính là để tránh tình

trạng một vài người có ý muốn lợi dụng chức vụ, quyền thế làm tiền các nạn nhân.

Liên quan trong vụ này có một số người Việt Nam có quốc tịch Pháp, tất cả đều là nhân viên công an từ thời Pháp. Chính phủ Pháp đã can thiệp xin nhận và đưa toàn bộ gia đình họ về Pháp. Người đầu đàn của nhóm này là ông Mathieu Trọng, người làng Phú Cam.

Ông Hồ Đắc Trọng, người có mặt trong phiên tòa cuối cùng xử anh Phan Quang Đông với tư cách nhân chứng kể lại: Trong phiên tòa bữa ấy, anh Phan Quang Đông đã trình trước tòa rằng:

- Tổng Trưởng Tài Chánh Pháp đã qua thương lượng và viện trợ cho Chính Phủ Việt Nam Cộng Hòa 10 đầu máy xe lửa chạy bằng dầu cặn (diesel).

- Ông Nguyễn Văn Yển, người phụ trách kinh tài của tổ chức gián điệp Pháp đã giao nạp hơn một triệu đồng (1.000.000). Tôi trình sự việc cho ông Cẩn, ông bảo tôi giữ và dùng số tiền ấy để nuôi ăn những người bị bắt.

Ông Trọng cho biết thêm:

“Anh Đông đã xuất trình trước Tòa sổ sách chi tiêu số tiền này. Nhưng lời khai của anh Đông đã bị Tòa bỏ qua không xét tới”.

Tôi được Trung Tá Lê Thiện Phước hiện ở Thành Phố Garden Grove, Orange County, California kể lại: “Trong những năm ở tù cải tạo, có thời gian tôi (Trung Tá Thiện Phước) đã ở chung trại với cựu Trung Tá P. C. C, một sĩ quan thuộc Phòng Nhì Quân Đoàn I được cử làm Trưởng Ty Cảnh Sát Huế sau cuộc đảo chánh 1.11.1963. Khi ấy anh PTC, có cấp bậc Trung Úy. Anh C. đã nói với tôi:

“Tôi khám xét nhà Phan Quang Đông chẳng thấy gì ngoài các hồ sơ hoạt động đưa người ra Bắc. Tôi biết việc bắt Phan Quang Đông là tầm bậy, nhưng lúc đó làm sao dám nói ra”.

Mùa Hè năm 1996, trong một chuyến qua thăm mấy người bà con tại Orange County, California, Linh Mục Đỗ Bá Ái, nguyên Giám Đốc Sở Tuyên Ủy Công Giáo Quận Khu II thời Đệ Nhất Cộng Hòa, hiện định cư theo diện cự tù cải tạo, tại Tiểu Bang Pennsylvania, Hoa Kỳ, đến thăm tôi. Lâu ngày mới gặp nhau, hai cha con tôi nói đủ thứ chuyện từ quá khứ đến hiện tại và cả tương lai nữa. Trong những chuyện thời xa xưa Cha kể lại, tôi được biết thêm một điều khá quan trọng liên quan đến vụ án “gián điệp miền Trung” trên đây. Cha Ái kể rằng:

“Đại Ủy Phạm Bá Thích sau khi được Đại Tá Đỗ Mậu thừa lệnh Tổng Thống, chỉ thị tái điều tra vụ “gián điệp miền Trung” đã rất lo lắng. Mặc dù là Trưởng Khu An Ninh Quân Đội, Đại Ủy Thích cũng chỉ biết và có ý nghĩ không mấy tốt đẹp về vụ này như phần đông các người khác, kể cả nhiều viên chức chính quyền. Nhất là nội vụ lại được anh Phan Quang Đông làm việc trực tiếp với ông Cẩn. Vì vậy, anh lúng túng không biết phải làm sao, anh đã chạy đến xin Cha Ái giúp ý kiến.

Cha Ái cũng nghĩ rằng, việc của ông Cẩn làm mà đụng đến ông thì sẽ gây ra nhiều rắc rối. Vì thế Cha thấy cần phải được hoàn toàn bình tĩnh và thanh thản, mới hy vọng giúp cho anh Thích những ý kiến hữu ích. Cha nói với anh: “Bây giờ Cha con mình làm một tuần ba ngày, xin Thánh Linh Chúa soi sáng cho biết phải làm thế nào. Trong ba ngày này Cha sẽ dâng thánh lễ cầu nguyện theo ý đó”.

Cha Ái cũng cho tôi biết, chính ngài là linh hướng của gia đình cựu Trung Úy Kỳ. Ngài biết việc cựu Trung Úy Kỳ làm đơn khiếu nại bị bắt oan và đã nhờ Cha Nguyễn Văn Tin, một bạn học cùng lớp với Đức Giám Mục Ngô Đình Thục hồi nhỏ, chuyển đến xin Đức Tổng Giám Mục giúp trình với Tổng Thống.

Như tôi vừa kể ở trên, ông Cẩn rất ngạc nhiên khi được biết có người bị bắt oan trong vụ này. Điều tôi muốn nói ở đây là sự việc xảy ra rõ ràng như vậy, chính ông Đỗ Mậu thừa lệnh Tổng Thống Diệm, ra lệnh cho Đại Úy Thích tái điều tra vụ “gián điệp miền Trung” vậy mà trong hồi ký “Việt Nam máu lửa quê hương tôi” của ông, ông lại viết rằng:

“... không ngờ vào năm 1963, khi Giám Mục Ngô Đình Thục hoán chuyển ra Huế... Đầu năm 1963, những nạn nhân của vụ án, nhân dịp anh em Ngô Đình Cẩn và Ngô Đình Thục đang mâu thuẫn nhau vì tranh lợi nên họ lợi dụng thế yếu của Cẩn trước uy quyền của Thục, và lợi dụng Thục cũng là tay tham lam vô độ, bèn khơi lại nỗi oan ức từng làm tan nát gia đình họ và nhờ một Linh Mục tên Kỳ (vốn là cộng sự viên thân tín của Thục) vận động với Thục để nhờ giải oan. Ngô Đình Thục tức tốc ra lệnh cho Đại Úy Trần Thích, Chánh Sở An Ninh Quân Đội tại Huế thụ lý nội vụ. Vì là vấn đề tế nhị, Thích bèn bay vào Sài Gòn để xin chỉ thị của tôi”. (trang 532)

Chỉ đọc 10 dòng trong hồi ký *Việt Nam máu lửa quê hương tôi* của ông Đỗ Mậu được trích dẫn trên đây, người ta đã thấy năm điểm sai không thể chấp nhận được đối với một vị Giám Đốc ngành An Ninh Quân Đội.

1. – Đức Tổng Giám Mục Ngô Đình Thục từ Giáo Phận Vĩnh Long ra trị nhậm Tổng Giáo Phận Huế từ ngày 12 tháng 4 năm 1961, chứ không phải “vào năm 1963”.

2. – Người có tên là Kỷ, là một trong hai người làm đơn khiếu oan, cựu Trung Úy, chứ không phải là “linh mục tên Kỷ vốn là chân tay thân tín của Thục...” Cả Giáo Phận Huế thời ấy không có Linh Mục nào tên là Kỷ.

3. – Chính Đại Tá Đỗ Mậu, Giám Đốc Nha An Ninh Quân Đội, thừa lệnh Tổng Thống ra lệnh cho Trưởng Khu An Ninh Quân Đội Huế, Đại Úy Phạm Bá Thích, tái điều tra vụ án gián điệp miền Trung chứ không phải “Ngô Đình Thục tức tốc ra lệnh cho Đại Úy Trần Thích”

4. – Đại Úy Trưởng Khu 11 (không phải Sở) An Ninh Quân Đội kiêm Trưởng Ty An Ninh Quân Đội Huế lúc ấy là Phạm Bá Thích, chứ không phải là “Trần Thích”. Đại Úy Thích có cấp bậc cuối cùng là Trung Tá, đã mất trong thời gian ở tù cải tạo. Bà quả phụ cựu Trung Tá Phạm Bá Thích hiện định cư tại Los Angeles County, California.

5. – “Chánh Sở An Ninh Quân Đội tại Huế” Dưới thời Đệ I Cộng Hòa, Nha An Ninh Quân Đội do Đại Tá Đỗ Mậu làm Giám Đốc, chỉ có Khu An Ninh Quân Đội, phụ trách vùng lãnh thổ trách nhiệm của một Sư Đoàn. Tại mỗi Tiểu Khu, tức Tỉnh, có một Ty An Ninh Quân Đội, không có cấp “Sở”. Chế độ “Sở An Ninh” chỉ mới được thành lập dưới thời Đệ II Cộng Hòa.

Vốn vẹn chỉ trong có 10 dòng chữ, ông Đỗ Mậu đã viết sai năm điểm, mà trong đó hết bốn điểm nằm trong phạm vi trách nhiệm và quyền hạn của ông. Vậy cuốn hồi ký *Việt Nam máu lửa quê hương tôi* của ông dày tới trên 1.000 trang, không dưới 30.000 dòng, sẽ có bao nhiêu điều sai?

Đoàn Công Tác Đặc Biệt (miền Trung)

Lý do thành lập. Ông Ngô Đình Cẩn thành lập Đoàn Công Tác Đặc Biệt là để thực hiện một chính sách chiêu hồi đặc biệt do ông đề xướng. Chính sách chiêu hồi này được hình thành từ những nhận định sau đây của ông:

- Rất nhiều người tham gia cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp dưới sự lãnh đạo của đảng Cộng Sản, không phải là đảng viên Cộng Sản. Tham gia kháng chiến họ hy sinh mọi thứ, tiền của, tình cảm, gia đình, chiến đấu hết sức hăng say và dũng cảm. Điều đó chứng tỏ họ có một khát vọng Độc Lập, Tự Do lớn lao và một lòng yêu nước chân thành.

- Thành phần này là những người đã từng trải và chịu đựng được những gian lao của chiến đấu. Nhất là họ thấu hiểu quy luật hoạt động, chiến thuật, chiến lược, những bế tắc, những mâu thuẫn nội bộ của Cộng Sản, cũng như tâm trạng những người kháng chiến không Cộng Sản.

- Nếu thuyết phục được họ trở về hợp tác chống lại Cộng Sản, thì công cuộc chống cộng sẽ đạt hiệu quả cao hơn.

- Chiến dịch Tố Cộng bắt đầu đi vào giai đoạn quyết liệt, cần phải mở ra cho thành phần này một lối thoát, đưa họ ra khỏi mê hồn trận của chiêu bài “chống Pháp, chống Mỹ cứu nước” của đảng Cộng Sản. Đồng thời tạo điều kiện cho họ tham gia phục vụ đất nước trong công cuộc giữ gìn Độc Lập, Chủ quyền, xây dựng Tự Do, Dân Chủ của Dân Tộc.

Thượng bán niên năm 1957, ông đề nghị lên Tổng Thống Diệm xin cho ông thực hiện một chính sách được ông gọi là: “Chiêu Mồi Và Sử Dụng Những Người Kháng

Chiến Cũ”. Để giúp thành phần này dễ dàng thấu hiểu và chấp nhận chính sách, ông cho áp dụng kỹ thuật khai thác và chế độ giam giữ đặc biệt đối với những người bị bắt. Danh từ CHIÊU MỜI sau được đổi là CẢI TẠO theo đề nghị của các cán bộ cựu Kháng Chiến (Cải Tạo Và Sử Dụng Những Người Kháng Chiến Cũ)

Sau khi đề nghị của ông được Tổng Thống Diệm chấp thuận, ông giao cho ông Dương Văn Hiếu, một nhân viên thuộc Nha Công An Cảnh Sát Trung Nguyên Trung Phần thành lập một Đoàn Công Tác tạm thời đảm nhiệm việc thực hiện Chính Sách ông đề ra.

Nhờ được thực hiện một cách thật thông minh với một tinh thần chống cộng cao độ, chính sách đã thu đạt kết quả hết sức khích lệ, đưa đến việc chính thức thành lập Đoàn Công Tác này.

Đoàn Công Tác Đặc Biệt được tổ chức rất đơn giản nhẹ nhàng. Nhân viên gồm có 10 người, kể cả Trưởng Đoàn, do Nha Công An Cảnh Sát Trung Nguyên Trung Phần cung cấp. Sau đợt “ra quân” lần đầu, một số cán bộ Cộng Sản bị bắt đã nhận ra và chấp nhận cộng tác với Đoàn để thực hiện Chính Sách. Vì có sự kết hợp hai thành phần “Nhân viên Chính Phủ và cựu cán bộ kháng chiến”, mà Đoàn được gọi là “Đoàn Công Tác Đặc Biệt”. Nhưng Đoàn Công Tác này thường được gọi là “Đoàn Công Tác Đặc Biệt Miền Trung” vì được thành lập và xuất phát từ Miền Trung.

Đoàn Công Tác Đặc Biệt Miền Trung đã lập được thành tích làm ngạc nhiên mọi người chỉ trong hai năm hoạt động. Thành quả hai năm hoạt động của Đoàn đã được người Cộng Sản thừa nhận là “kỳ diệu”. Nhưng với những

người Quốc Gia, cho đến ngày nay, nói đến Đoàn Công Tác Đặc Biệt Miền Trung nhiều người ở trong cũng như ở ngoài nước, kể cả các viên chức chính quyền, vẫn chưa biết đó là tổ chức gì. Một số người khác đã từng nghe, biết đến Đoàn Công Tác Đặc Biệt Miền Trung, nhất là những người đã đọc hồi ký, sách báo của các tác giả từng tham gia trực tiếp hoặc gián tiếp vào việc lật đổ Chế Độ Đệ I Cộng Hòa, có thể vẫn còn nghĩ rằng: Đó chỉ là một tổ chức được ông Ngô Đình Cẩn lập ra để chuyên theo dõi, bắt cóc, thủ tiêu!

Đối lập và tống tiền những người giàu có. Đây là âm hưởng của một luồng dư luận ngấm ngấm nhưng được loan truyền rộng rãi từ sau khi Đoàn Công Tác Đặc Biệt Miền Trung được hình thành và hoạt động, giữa năm 1957. Nhất là từ khi Đoàn này được chính thức thành lập và vào hoạt động tại miền Nam, đầu năm 1958.

Sau khi đảo chánh 1.11.1963, một số báo chí tại miền Nam hồi ấy đã đưa nhau như mở một chiến dịch, khai thác thổi phồng dư luận này cùng với vụ án gián điệp Pháp tại miền Trung. Chắc nhiều người còn chưa quên những dư luận thật rùng rợn như:

- Tại Huế thì, hàng ngàn bàn tay của những người bị bắt giam chết, còn nhầy nhụa tại Khu Chín Hầm. Đào được hàng trăm xác người chôn dưới các gốc cây trong vườn nhà ông Cẩn. Tại mỗi gốc cam chôn sống một tăng ni còn đang đứng chấp tay niệm Phật v.v.

- Tại Sài Gòn thì, Đoàn Công Tác Đặc Biệt Miền Trung bắt cóc, tống tiền, giết người, thủ tiêu đối lập rồi quăng xác xuống hồ ác xít trong hầm P42 ở Sở Thú để phi tang, v.v.

Tôi xin được mở dấu ngoặc ở đây để nói qua về Khu Chín Hầm.

Có tài liệu viết và nhiều người nói, 9 cái hầm này do ông Cẩn làm ra để giam giữ những người đối lập. Điều đó hoàn toàn sai sự thật. Chín cái hầm này do quân đội Nhật xây cất để chứa đạn, thời kỳ họ chiếm đóng Việt Nam. Hầm được xây khoét vào sườn một khu đồi trọc gần Đán Nam Giao, bỏ trống từ lâu, không có cái nào còn cửa. Điều này có lẽ không mấy người dân xứ Huế sống trong khu vực Nam Giao không biết.

Năm 1957 hay 1958 tôi không nhớ chính xác, ông Cẩn mua lại ngôi nhà của một người Tàu trên quả đồi đối diện với Khu Chín Hầm. Ông cho lắp cửa có song sắt trong 9 cái hầm ấy, mục đích để làm chuồng nhốt số hươu ông đang nuôi trong vườn tại nhà ở Phú Cam. Hầm có chiều cao chừng hai thước, chiều ngang khoảng 4 thước, sâu vào chừng 6 thước. Sau này có mấy cán bộ cao cấp của Việt Cộng bị Đoàn Công Tác Đặc Biệt bắt, không chịu hợp tác trong Chính Sách Cải Tạo và Sử dụng những người Kháng Chiến cũ. Vì phải giữ bí mật việc họ đã bị bắt, nên họ được biệt giam trong mấy cái hầm này.

Về nguồn gốc ngôi nhà, tôi được ông Cao Xuân Vỹ cho biết: “Nguyên thủy ngôi nhà này là của ông Tấn, cháu một bà thiếp Cụ Phò Quan Quân Vương Tôn Thất Hân, ông ngoại của ông. Bà thiếp này người miền Nam. Khi bà từ miền Nam ra Huế, ông Tấn cùng với hai người em đi theo bà. Ông Tấn đã trưng mua khu đồi ở khoảng giữa Đán Nam Giao và Núi Ngự Bình, khai khẩn làm một trang trại. Ông xây một ngôi Nhà Thờ Họ, căn trước có bàn thờ, căn

sau liền tường với căn trước hoàn toàn trống, trên quả đồi cạnh con đường từ Đán Nam Giao qua Núi Ngự Bình. Ngôi nhà rộng rãi có trang bị máy điện riêng. Thời gian Nhật chiếm đóng Việt Nam, tại Huế một bộ phận quan trọng quân đội của họ đã đóng ở ngôi nhà này. Họ xây 9 cái hầm ở quả đồi đối diện, phía bên kia đường để tránh đạn.

Khi ông Cẩn mua lại, ngôi nhà hoàn toàn trống không có đồ đạc, đồ trang trí gì. Máy quả đồi chỉ còn là đồi trọc tro trụi.

Sở dĩ có người tin vào những luồng dư luận trên đây vì họ chỉ nghe chuyện có những người bị bắt một cách bí mật. Từ gia đình, người thân, đến cơ quan quản trị những người ấy cũng không biết họ bị bắt và giam giữ ở đâu. Người chỉ huy một vài cơ quan an ninh cấp trung ương được biết về cách thức hoạt động của Đoàn Công Tác Đặc Biệt Miền Trung, nhưng họ cũng không hiểu rành rẽ về Chính Sách Cải Tạo và Sử dụng những người Kháng Chiến cũ.

Riêng Tướng Đỗ Mậu, mặc dù ông đã biết công việc của Đoàn Công Tác Đặc Biệt Miền Trung qua việc tên Thiếu Úy Lê Hữu Thúy, một điệp viên của Việt Cộng được ông đặt làm Trưởng Phòng An Ninh Quân Đội của ông, đã bị Đoàn này phát hiện và bắt. Nhưng trong hồi ký *“Việt Nam máu lửa quê hương tôi”* của ông, nơi trang 533, hoạt động của họ vẫn được ông gọi là việc “Bày ra vụ Việt Cộng nằm vùng”, vu khống bắt bớ một số nhà giàu, giam cầm, tra tấn để làm tiền. Đoạn này được viết khá tinh vi, có liệt kê tên tuổi một vài nạn nhân hằn hoi, làm cho lòng tin của người đọc rất dễ bị chinh phục.

Trong khi đó, phía Cộng Sản, sau khi chiếm được miền Nam, nhu cầu tuyên truyền kích động nhằm phục vụ cho

cuộc chiến không còn nữa, đã có tới bốn cuốn sách được phát hành nói về Chánh Sách Cải Tạo Và Sử Dụng Những Người Kháng Chiến Cũ và Đoàn Công Tác Đặc Biệt Miền Trung. Họ nhìn nhận đó là một Chánh Sách “mới lạ” về tổ chức, “kỳ diệu và nguy hiểm” về hiệu quả. Đoàn Công Tác Đặc Biệt Miền Trung được họ đánh giá là “Một ngành An Ninh đích thực, có một không hai”.

Trong bốn cuốn sách đó, có hai cuốn do cơ quan nhà nước biên soạn và ấn hành:

1. – Ngành công an ấn hành cuốn “Truyện tư liệu” nhan đề Đoàn Mật Vụ Của Ngô Đình Cẩn, tác giả: Văn Phan. Sách dùng làm tài liệu cho nhân viên của họ học tập về “tổ chức”, “nghệp vụ”, của Đoàn Công Tác Đặc Biệt Miền Trung. Vì được soạn để dùng làm tài liệu học tập, nên bên cạnh những sự thật được trưng dẫn để nghiên cứu và rút kinh nghiệm là luận điệu tuyên truyền để củng cố lập trường của nhân viên.

2. – Nhà xuất bản Quân Đội Nhân Dân phổ biến một bộ tiểu thuyết nhiều tập tựa đề “Đường thời đại”, tác giả là Đặng Đình Loan. Bộ tiểu thuyết nhằm đề cao ngành tình báo, gián điệp của Cộng Sản trong cuộc “kháng chiến chống Mỹ cứu nước”. Tập 1 nói về thời Đệ I Cộng Hòa Việt Nam, đề cập tới Đoàn Công Tác Đặc Biệt Miền Trung. Ba tập sau nói về thành tích của hoạt động tình báo gián điệp Cộng Sản thời Đệ II Cộng Hòa. Nhưng nội dung toàn bộ tiểu thuyết này gồm “toàn những chuyện tưởng tượng, hư cấu, hoang đường”. (Nhận xét của Dư Văn Chất, một cán bộ tình báo cao cấp Việt Cộng)

3. – Cuốn thứ ba, tác giả là nữ trung tá tình báo gián

điệp Việt Cộng Đinh Thị Vân, tức Trần Thị Mỹ, một nữ sĩ quan của tổ chức tình báo chiến lược Việt Cộng hoạt động tại miền Nam đã từng bị Đoàn Công Tác Đặc Biệt Miền Trung bắt. Sau ngày 30.4.1975, cô viết và phổ biến cuốn *“Cuộc chiến tranh đặc biệt”*, thể loại hồi ký.

Theo một số cựu Sĩ Quan Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa đã được đọc cuốn hồi ký này trong trại cải tạo kể lại, nội dung hồi ký bày tỏ sự kinh ngạc trước hiệu quả chống Cộng của Chính Sách Cải Tạo Và Sử Dụng Những Người Kháng Chiến Cũ của miền Nam. Họ hoảng sợ trước đường lối, phương pháp thực hiện Chính Sách này của Đoàn Công Tác Đặc Biệt Miền Trung.

Số sĩ quan có tinh thần chống cộng quyết liệt, vô tư, đã có những phản ứng tích cực sau khi đọc cuốn hồi ký này, như trường hợp dưới đây.

Trung Tá N. khi còn là Trung Úy, đã từng làm việc dưới quyền Đại Tá Dương Hiếu Nghĩa, sau khi đọc hết cuốn truyện, anh cầm cuốn sách đến gặp Đại Tá Nghĩa đang bị giam cùng trại. Và sau đây là cuộc đối đáp giữa hai người:

- Thưa ông thầy, nhiều người nói ông thầy có nhúng tay vào việc giết Tổng Thống Diệm và ông Nhu, chuyện ấy có đúng không?

- Không đúng. Tôi không có nhúng tay vào việc này.

- Vậy ai đã giết các ông ấy, ông thầy có biết không?

- Tôi biết, nhưng lúc này chưa thể nói ra được.

- Đến bao giờ ông thầy nói được?

- Có ngày tôi sẽ nói ra cho mọi người biết.

- Xin lỗi ông thầy, anh gio cuốn sách lên, chế độ các ông ấy chống Cộng hữu hiệu như vậy mà giết người ta đi, để

bây giờ phải vô ngôi tù cả đám như thế này. Tất cả những đứa dính vào vụ này, từ thằng Dương Văn Minh trở xuống, tôi gọi bằng “thằng” hết.

Một trong những người được chứng kiến cuộc đối đáp này là cựu Trung Tá Lê Thiện Phước.

4. – Cuốn thứ bốn được viết bởi nhóm cán bộ tình báo chiến lược, quân báo và các ngành khác của Việt Cộng từng bị Đoàn Công Tác Đặc Biệt Miền Trung bắt và cải tạo, không thực tâm chuyển hướng. Sách được viết theo thể loại “Tiểu thuyết hồi ký” nhan đề Bội Phản hay Chân Chính. Người chấp bút là Du văn Chất, tức Văn Tiến Mạnh, tức nhân vật Hoàng Ngọc Văn trong truyện, một cán bộ kỳ cựu của ngành tình báo chiến lược Việt Cộng đã bị Đoàn Công Tác Đặc Biệt Miền Trung bắt.

Lý do nhóm này phải thực hiện tài liệu trên đây là vì ngay sau khi được ông Tổng Trưởng Nội Vụ Hà Thúc Ký trả tự do, tháng 5 năm 1964, tất cả bọn họ đều trở lại hoạt động trong ngành cũ một cách rất tích cực. Một thời gian sau, ngoài Vũ Ngọc Nhạ và cụm tình báo A22 của y đã lọt được vào Dinh Độc Lập của Tổng Thống Thiệu, hầu hết nhóm này đều có mặt, hướng dẫn các toán quân Việt Cộng xâm nhập Sài Gòn trong vụ tấn công Tết Mậu Thân. Và ngày 30.4.1975 họ đều ở trong đoàn quân tiên phong tiến vào Sài Gòn, hoặc hướng dẫn những đám quân chúng đi đón các toán quân này. Sau đó, tất cả đều được thăng cấp thăng trật, được bầu chọn vào những chức vụ quan trọng trong Thành Phố Sài Gòn, quốc hội, trung ương đảng.

Nhưng chỉ 5 năm sau, năm 1980, theo chủ trương “làm sạch và củng cố đảng” của ban tổ chức đảng Cộng Sản, tất

cả số cán bộ này đều bị thanh trừng. Người thì bị khai trừ khỏi đảng, người thì bị tước lột hết cấp bậc, quyền lợi, vì bị ban tổ chức đảng cho là “có vấn đề chính trị”. Nghĩa là họ bị nghi ngờ là những thành phần đã đầu hàng, nhận hợp tác với ông Nhu, ông Cẩn, ở lại để phá đảng từ trong nội bộ.

Vì thế, họ đã kiên trì tụ họp nhau mỗi tuần lễ một lần vào chiều thứ năm, suốt ba năm, tại nhà Ngô Duy Trinh, tức Ba Trinh, một cựu “tù mật vụ”, ở số 63 Đường Bàn Cờ. Mục đích việc tụ họp là để ghi lại các thực trạng nói lên những khía cạnh mới lạ, cực kỳ nguy hiểm của chính sách “Cải Tạo Và Sử Dụng Những Người Kháng Chiến Cũ”, mà họ đã kiên cường và mưu trí vượt qua để giữ lòng trung thành với đảng. Đồng thời họ chỉ trích nặng nề sự sai lầm trong chính sách cán bộ của ban lãnh đạo đảng Cộng Sản.

Một điểm nữa liên quan đến “*Bội phản hay chân chính*” thiết tưởng cũng cần phải nói đến đó là: Vì nội dung có nhiều đoạn tỏ rõ thái độ bất mãn, phục dịch, chê đảng, phê bình gay gắt chính sách sai lầm của đảng nên nguyên bản tài liệu được dùng trích dẫn trong tập hồi ức này không được phép ấn hành, mặc dù có thơ yêu cầu của ông Mười Hương, ủy viên dự khuyết trung ương đảng, cựu “tù mật vụ”. Hạ bán niên 1992, nhóm cựu “tù mật vụ” đã phải đánh máy và in ronéo khoảng 100 bản, gửi cho các ủy viên bộ chính trị, ban bí thư trung ương đảng và các ban, cục trong đảng, v. v. Phổ biến rất hạn chế ra ngoài.

Đến cuối năm 1993, tài liệu này được nhà xuất bản Hà Nội đưa ra làm “tác phẩm dự thi văn học” với nhan đề “Người Chân Chính”. Sau khi tác phẩm đã được sửa chữa, cắt bỏ những phần mang nội dung “phạm húy”.

Chính thức thành lập “Đoàn Công Tác Đặc Biệt”

Xin được nhắc lại về phương pháp làm việc của ông Ngô Đình Cẩn là NGĂN CÁCH. Vì vậy, cũng như vụ gián điệp Pháp với ông Phan Quang Đông, về Đoàn Công Tác Đặc Biệt với ông Dương Văn Hiếu, tôi cũng chỉ biết ông Cẩn đã thành lập một đoàn công tác và giao cho ông Dương Văn Hiếu điều khiển để thực hiện Chánh Sách “Chiêu Mồi Và Sử Dụng Những Người Kháng Chiến Cũ”. Nhưng về hoạt động của Đoàn này thì tôi cũng chỉ biết một cách khái quát. Một đôi lần ông Hiếu có nói chuyện thoáng qua nhưng tôi không tìm hiểu sâu vào công việc ông đã được ông Cẩn trực tiếp giao phó.

Khi quyết định thực hiện tập hồi ức này, tôi đã liên lạc tiếp xúc với ông Hiếu và được ông viết lại việc được ông Ngô Đình Cẩn chọn và giao trách nhiệm thực hiện chính sách “Chiêu Mồi Và Sử Dụng Những Người Kháng Chiến Cũ”, và thành quả của Chính Sách này sau hai năm được áp dụng như sau:

“Giữa năm 1957, tôi đang giữ nhiệm vụ Trưởng Ban Khai Thác Nha Công An Cảnh Sát Trung Phần thì được cử giữ chức Trưởng Ty Công An Tỉnh Thừa Thiên, kiêm Trưởng Ban Khai Thác Nha.

Sau khi nhận nhiệm sở, chỉnh đốn nội bộ, sắp xếp lại công việc và duyệt xét lại tình hình an ninh trong phạm vi lãnh thổ trách nhiệm, tôi đã cùng một số nhân viên xuống làm việc với Chi Công An Quận Phú Lộc thuộc Tỉnh Thừa Thiên. Vì tôi đã có rất nhiều tài liệu cũng như tin tức về căn cứ địa Việt Cộng đóng sâu trong vùng Núi Cầu Hai thuộc Quận này. Và Đèo Phước Tượng trên đoạn đường

Quốc Lộ số 1 từ Huế vào Đà Nẵng, chính là nơi Việt Cộng dùng làm điểm đưa đón cán bộ của tỉnh ủy ra vào căn cứ và nhận đồ tiếp tế.

Để có thể nắm được chính xác các hoạt động của tỉnh ủy Việt Cộng Thừa Thiên và quận ủy Việt Cộng Phú Lộc, kế hoạch đánh tình báo viên của ta vào các tổ, nhóm làm rừng, các gia đình có quan hệ thân thuộc bà con với cán bộ Việt Cộng thoát ly lên Núi, để tạo điều kiện xâm nhập làm nội gián trong các tuyến giao liên và hàng ngũ Việt Cộng được thực hiện.

Chỉ trong một thời gian, kế hoạch xâm nhập vào hàng ngũ Việt Cộng đã diễn biến đúng như ý ta muốn. Chúng ta đã phát hiện được tình hình hoạt động của Việt Cộng về mọi mặt.

Song song việc bủa lưới, phục kích, theo dõi tuyến giao thông của tỉnh và thành ủy Việt Cộng Huế từ Đà Nẵng ra Huế và ngược lại. Tôi phái một toán đặc nhiệm võ trang với ống viễn kính đi sâu vào vùng Núi Cầu Hai để theo dõi số cán bộ Việt Cộng phụ trách đường giây giao liên từ căn cứ địa ra điểm hẹn tại ven rừng Quận Phú Lộc nhận đồ tiếp tế.

Đội Đặc Nhiệm phát hiện một toán cán bộ trở về lại căn cứ xuất phát sau khi nhận đồ tiếp tế, đã theo dõi bám sát và truy kích vào Động Hang Đá. Mục đích của ta là bắt tên Lê Lén, bí thư tỉnh ủy Việt Cộng Thừa Thiên.

Nhưng đây chỉ là trạm giao liên tiền phương của căn cứ tỉnh ủy Việt Cộng Thừa Thiên. Kết quả ta tịch thu được 2 bao bố giấy bạc Đông Dương 100 đồng đã hết hạn đổi, tỉnh ủy chưa kịp chuyển ra cho cơ sở ở Thành Phố, một số tài liệu và 3 cái vòng ni lông.

Nghiên cứu số tài liệu tịch thu được, cùng với kết quả khai thác một số cơ sở cán bộ thuộc tuyến giao liên của tỉnh và thành ủy Việt Cộng Huế bị bắt trong kế hoạch bủa lưới phục kích truy bắt nói trên, một số cán bộ thuộc thành ủy Việt Cộng Huế dưới đây bị bắt:

- Nguyễn Đình Chon, thành ủy viên Thành Ủy Huế.
- Phan Thị Chanh, quận ủy viên Quận Tả Ngạn.
- Lê Thị Hòa, quận ủy Quận Hữu Ngạn.

Một số đông cán bộ thuộc chi ủy chợ Đông Ba, số cơ sở trong các trường Trung Học và một số cán bộ nằm trong các nghiệp đoàn độ 50 người.

Theo chính sách “Chiêu Mồi Và Sử Dụng Những Người Kháng Chiến Cũ” do ông Ngô Đình Cẩn đề ra, tôi đã khai thác các cán bộ cấp ủy thuộc đảng bộ thành ủy Việt Cộng Huế bị bắt bằng phương pháp:

- Mạn đàm, trao đổi, tranh luận, khai thông tư tưởng, cởi mở với đối tượng.

- Truy nguyên động cơ đưa đẩy đối tượng tham gia kháng chiến chống Nhật, chống Pháp.

- Đề cao tinh thần yêu nước, ý thức cách mạng đấu tranh cho Độc Lập Quốc Gia, cho Tự Do, Dân Chủ, Hạnh Phúc của nhân dân.

- Giải quyết những lo lắng, ưu tư về gia đình cho đối tượng...

- Nêu những sai lầm của chủ nghĩa Cộng Sản... đồng thời bảo đảm, theo khả năng, sẽ trả lại chức vụ, cấp bậc, trong guồng máy chính quyền Quốc Gia.

Phương pháp khai thác này đã tỏ ra hiệu nghiệm đem lại kết quả rất tốt đẹp. Một số cấp ủy thuộc đảng bộ tỉnh

ủy Việt Cộng Thừa Thiên được phát hiện và số dưới đây đã bị bắt:

- Lê Minh Đạt tức Đạm, phó bí thư tỉnh ủy Tỉnh Đảng Bộ Thừa Thiên.

- Lê Phước Thường, tỉnh ủy viên Tỉnh Đảng Bộ Thừa Thiên. (Lê Phước Thường, một người cựu kháng chiến cảm phục ông Ngô Đình Cẩn đến độ, sau 30.4.1975, ở trong tù cải tạo luôn luôn sẵn sàng đánh lộn với người nào nói xấu ông Cẩn hoặc Đoàn Công Tác Đặc Biệt Miền Trung. Người từng chứng kiến những vụ đánh lộn của Lê Phước Thường là cựu Trung Tá Lê Thiện Phước, ở tù chung với Thường). *(ghi chú của người viết)*.

- Nguyễn Đà, tỉnh ủy viên Tỉnh Đảng Bộ Thừa Thiên.

- Lê Tú, tỉnh ủy viên Tỉnh Đảng Bộ Thừa Thiên.

Đặc biệt, Nguyễn Đà đã được trung ương đưa ra Bắc và được đi học lớp chính trị Mác-lê tại Bắc Kinh, Trung quốc. Khi trở về Hà Nội được điều động qua Nha Liên Lạc, tức Cục Tình Báo Chiến Lược, tham dự khóa huấn luyện tình báo đặc biệt. Sau đó y được đưa trở lại Thừa Thiên, Trung Phần, để dựa vào địa bàn cũ hồi y còn là bí thư huyện ủy miền Núi, phụ trách tổ chức đường giao thông xuyên sơn ra Bắc Việt.

- Nguyễn Đình Chơn, thành ủy viên Thành Ủy Huế là người đầu tiên thực tâm chuyển hướng đã được trả cấp bậc Thiếu Tá Cảnh Sát, làm Trưởng Ty Cảnh Sát Đặc Biệt Gia Định cho đến ngày 30.4.1975, đi tù cải tạo và hiện đã định cư tại Hoa Kỳ theo diện H. O.

Qua kết quả tốt đẹp gặt hái được ngay từ bước đầu của việc áp dụng chính sách “Chiêu Mồi Và Sử Dụng Những

Người Kháng Chiến Cũ”, dịp Tết năm 1958 ông Ngô Đình Cẩn đích thân đến thăm số cán bộ Cộng Sản bị bắt, đã chuyển hướng cũng như chưa chuyển hướng tại lao xá Ty Công An Thừa Thiên, ông nói với họ đại ý:

“Bữa ni tôi đến thăm anh em vì được ông Hiếu, Trưởng Ty báo cáo: Tất cả anh em ở đây đều là những người có thiện chí, có tinh thần quốc gia cao. Tôi đến với mục đích “chiêu mời” (ông không dùng chữ chiêu hồi) anh em về với Quốc Gia, về hợp tác với chúng tôi, chúng ta cùng nhau xây dựng một chế độ thực sự tự do, thực sự dân chủ. Cùng nhau cải tổ cái xã hội lạc hậu chông chất quá nhiều bất công lưu cữu từ bao đời nay, cho nhân dân, đã được độc lập rồi, phải được sống xứng đáng với vị thế của mình, của một con người hoàn toàn Độc Lập, Tự Do Hạnh Phúc. Trước đây tôi cũng đã từng tham gia kháng chiến như anh em. Khi nó chúng ta hăng say lao mình vào phong trào kháng chiến chỉ vì lý tưởng dành lại Độc Lập cho đất nước, Tự Do Hạnh Phúc cho nhân dân. Nhưng rồi đảng Cộng Sản đã lợi dụng tinh thần ấy biến người kháng chiến thành cán bộ phục vụ cho đảng. Biến cuộc kháng chiến của toàn dân thành cuộc kháng chiến để thiết lập chủ nghĩa Cộng Sản quốc tế, một chủ nghĩa phi dân tộc, trên quê hương chúng ta. Tôi may mắn có điều kiện không bị họ gán cho cái đuôi “Cộng Sản”. Còn anh em, tôi biết vì quá hăng say với lý tưởng Độc Lập, Tự Do nên đã không nhận ra chủ nghĩa Cộng Sản là một chủ nghĩa phi dân tộc. Anh em chiến đấu, anh em hy sinh mọi thứ, có người hy sinh cả vợ con đi chiến đấu, vì anh em nghĩ rằng mình chiến đấu cho quê hương, cho đất nước, cho xóm làng, cho vợ con gia đình mình. Nhưng anh em thử nhìn kỹ lại quá trình

chiến đấu của mình coi. Đã bao nhiêu lần người Cộng Sản nói với chúng ta rằng: Chúng ta phải hy sinh, phải chiến đấu vì lý tưởng “Quốc tế vô sản” chứ có khi mô họ nói chúng ta chiến đấu vì lý tưởng “Quốc Gia Dân Tộc” mô nà. Trong khi chính bản thân mình, vợ con, hàng xóm, đất nước mình còn bị bao nhiêu tầng lớp bất công đè nén, còn đang nghèo đói tan hoang vì hậu quả chính sách bóc lột của thực dân từ bao nhiêu đời để lại. Mình không lo chiến đấu để xóa bỏ những thứ đó cho chính mình, cho vợ con, xóm làng đất nước mình, mà lại lo chiến đấu giải phóng cho ai, cho giới vô sản quốc tế, thì anh em thử nghĩ coi, chủ nghĩa ấy có phải là chủ nghĩa vì Quốc Gia Việt Nam, vì Dân Tộc Việt Nam, tức là vì bản thân anh em, vì vợ con anh em không?

Tôi mong anh em suy nghĩ cho thật kỹ lưỡng, thật thấu đáo, để mà dứt bỏ cái đuôi Cộng Sản đã bị người ta lừa bịp rập vô cho anh em. Rồi mình cùng nhau chiến đấu, chiến đấu cận lực, xây dựng một đất nước thực sự Độc Lập, Tự Do, Dân Chủ. Một xã hội thực sự công bằng, hạnh phúc, ấm no cho chính mình, vợ con, xóm làng, dân tộc mình thụ hưởng.

Tôi đến đây với anh em, tôi tự ví mình như một cái bánh, có bao nhiêu lớp lá bao bên ngoài tôi đều bóc ra hết cho anh em thấy cái chất thật bên trong của cái bánh này. Về phía anh em, tôi cũng yêu cầu anh em như rúa. Mình hãy và phải thiệt thà với nhau. Không che đậy, không dấu diếm một điểm nào, dù là nhỏ. Có nhu thế thì sự hợp tác mới bình đẳng, mới công bằng, mới bền chặt, mới đem lại kết quả như chúng ta mong muốn.

Tôi nói sự hợp tác công bằng là có ý nói rằng: Khi anh em đã dứt bỏ cái đuôi Cộng Sản, chỉ còn giữ lại nguyên thuần cái lý tưởng chiến đấu vì Quốc Gia, Dân Tộc, về hợp tác với chúng tôi, cùng nhau xây dựng đất nước như tôi mới nói, thì mỗi người, sẽ được trao phó nhiệm vụ, hưởng thụ quyền lợi, đúng với khả năng của mình, như bất cứ một cán bộ, một công chức nào đã phục vụ chính thể Quốc Gia từ trước tới chừ. Ông Hiếu, Trưởng Ty Công An đây là người thường xuyên làm việc, ăn ở với anh em, có trách nhiệm đề nghị khi mô, nhiệm vụ chi, trao cho ai...”

Và sau khi giải thích cho họ lý do phải cần đến viện trợ Mỹ, cái thế phải giữ với chính quyền Mỹ để bảo toàn nền Độc Lập và Chủ Quyền của mình, ông tuyên bố:

Vì sự nồng nhiệt hưởng ứng Chính Sách “Chiêu Mồi” mà theo đề nghị của anh em, được sửa là “*Cải Tạo Và Sử Dụng Những Người Kháng Chiến Cũ*”, bữa ni tôi quyết định thành lập Đoàn Công Tác gồm hai thành phần:

- Thành phần thứ nhất gồm có cán bộ đã làm việc với anh em lâu ni.
- Thành phần thứ hai gồm những anh em đã hiểu thấu đáo, chấp nhận chính sách, nhiệt thành hợp tác thực hiện chính sách.

Do sự kết hợp Đặc Biệt này, Đoàn Công Tác này được gọi là “Đoàn Công Tác Đặc Biệt”.

Ông Hiếu chỉ huy và chịu trách nhiệm về cả hai thành phần. Anh em cùng nhau làm việc, không có sự phân biệt hay cách biệt nào giữa hai thành phần. Mỗi công việc, mỗi kế hoạch đều cùng nhau bàn bạc, cùng nhau thực hiện.

Anh em phải nhớ rằng, nhiệm vụ chính của Đoàn không phải là lũng tục bắt cán bộ Cộng Sản. Mà là phát

hiện, phát giác, rồi chiêu mời các anh em ấy về hợp tác, cùng với mình xây dựng đất nước, cải tạo cái xã hội lạc hậu, bất công này”.

Hiệu quả của chánh sách “Cải Tạo Và Sử Dụng Những Người Kháng Chiến Cũ” đối với những cán bộ Cộng Sản không hưởng ứng chính sách

Nội dung của Chính Sách Cải Tạo Và Sử Dụng Những Người Kháng Chiến Cũ, ngoài phần kế sách dành cho những người hưởng ứng chính sách, thật tâm chuyển hướng vừa được ông Dương Văn Hiếu lược thuật trên đây, Chính Sách cũng đã tiên liệu một kế sách dành cho những cán bộ Cộng Sản không hưởng ứng Chính Sách, không chuyển hướng.

Sau đây là hiệu quả của kế sách ấy do chính những cán bộ đảng viên Cộng Sản trung kiên, không chấp nhận Chính Sách, không thật tâm chuyển hướng, ghi lại trong những tài liệu được liệt kê trong phần đầu mục này. Vì giới hạn của tập hồi ức, ở đây tôi chỉ xin trích lược một số đoạn trong các tài liệu ấy, đặc biệt trong hai tài liệu “*Đoàn Mật Vụ Của Ngô Đình Cẩn*” và “*Bội phản hay chân chính*”. Hy vọng qua sự thú nhận của đối phương, quý độc giả có thêm dữ kiện hầu có thể tìm hiểu cận kề và đánh giá đúng đắn về Chính Sách “Cải Tạo Và Sử Dụng Những Người Kháng Chiến Cũ” về “Đoàn Công Tác Đặc Biệt Miền Trung” và về người đã khai sinh ra Chính Sách và Đoàn Công Tác này: Ông Ngô Đình Cẩn.

A- Về Chính Sách Cải Tạo Và Sử Dụng Những Người Kháng Chiến Cũ và Đoàn Công Tác Đặc Biệt

Tổ Chức: Đây là một ngành an ninh đích thực, nhưng là một “siêu tổ chức” với nhiều đặc thù mà không có bộ

máy nào của Ngụy so sánh được. Nó tập trung quyền lực cao độ, cực quyền, với các phương pháp hoạt động hết sức tinh vi, hiểm độc. (“Bội phản hay chân chính”. Trang 2)

Chế Độ Giam Giữ: Trong cái nhà tù không song sắt, Công An Mật Vụ cùng với kháng chiến Việt Cộng ăn chung ngủ chung, chơi chung và công tác chung. Chuyện khó tin mà có thật và chỉ có được trong thời điểm lịch sử nhất định. Bắt đầu từ cuộc đấu tranh chính trị đòi hiệp thương tổng tuyển cử cho tới tiếng súng đồng khởi hạ màn kết thúc. (“Bội phản hay chân chính”: Trang 2)

... Giam giữ gì mà trống trải thế này? Nhà tù không song sắt, không cửa đóng, không then cài, toang hoác đầu hồi là một khung cửa trống để ra vào, cửa sổ thì không chắn song, cánh cửa chỉ là hai miếng ván ép khép hờ, một trại giam không song sắt, chuyện khó tin mà có thật. (“Bội phản hay chân chính”: Trang 36)

Bên trong trại, nhân viên và tù nhân ăn chung, ở chung, chơi chung, ngủ chung với nhau. Ra ngoài trại, họ trang phục như mọi người thường, giản dị, bình thường, không người áp giải, không người bị còng. Họ chở nhau trên xe gắn máy như đôi bạn thân thiết, hàng ngày đi về có nhau. Chỉ có người trong cuộc hiểu rõ. Ngay đến các cơ quan chính quyền Nha Công An Nam Phần, Cảnh Sát Đô Thành và An Ninh Quân Đội đều không được phép biết họ là ai, dân thường làm sao biết được. Không phải là người ở trong cuộc, chẳng ai tin là có thật một trăm phần trăm. (“Bội phản hay chân chính”: Trang 45)

Số người bị bắt sống chung trong một phòng không khóa cửa, được phát giường bạt, chăn màn. Ăn uống có

khẩu phần khá. Mọi sinh hoạt trong trại đều do người bị giam tự quản lý. (*"Bội phần hay chân chính": Trang 101*)

Sinh Hoạt Của Nhà Giam: Sáng sớm ngủ dậy ba bốn giờ, hay bốn năm giờ, hoặc năm sáu giờ v. v. tùy thích. Miễn là nếu còn sớm quá thì đừng khuấy động mắt giấc ngủ của người khác. Muốn tập thể dục thì tập, chẳng tập thì thôi. Muốn nhóm tý bếp lửa uống trà thì cứ tự nhiên, thoải mái. Sau đó lác đác người trước kẻ sau, lục tục dậy, đánh răng rửa mặt, làm vệ sinh cá nhân. Khoảng 6 giờ 30 hoặc 7 giờ, Tổ cử người đi lãnh về phát mỗi người một ổ bánh mì với hai miếng đường thẻ. Đây là phần ăn điểm tâm. Nếu bạn ghiền thuốc lá có quyền cắt khẩu phần ăn sáng, lấy tiền gửi mua thuốc rê, thuốc điếu hoặc làm gì thì làm. Nếu có nhiều tiền, muốn ăn sáng thì chờ chú ba Hải Nam mở cửa căng tin sẽ có bánh mì với hột gà "ốp la", cà phê sữa, thuốc lá thơm... 7 giờ 30 bộ máy khởi động. Trước hết là văn phòng, các Ban, cán bộ sử dụng (là số người nhận chuyển hướng được Đoàn Công Tác sử dụng) lục tục kéo lên văn phòng...

Trại Viên: (tức là người tù) ở các tổ, nhiều tổ trong một toán, cũng phải dậy, sắp xếp mùng mền, quần áo cho ngay ngắn. Những ai có tên kêu lên Ban Cải Tạo làm việc thì lên, còn không thì mình tự đặt ra cho mình một nội dung sinh hoạt, học văn hóa hay sinh ngữ, học chuyên môn như kế toán, thêu đặc biệt việc thêu thùa phát triển mạnh trong cả tù nhân nam giới. Anh em thêu gởi về nhà làm quà tặng người thân, ngoài ra còn có thể nhờ các thầy chú hoặc những anh em đi chợ bán rế giùm, lấy tiền mua thuốc hút hoặc vật dụng cần thiết. Những người khai báo

bổ sung được Toán Trưởng giao giấy bút ngồi viết ngay ở chỗ mình ngủ. Viết xong, nộp cho Toán Trưởng mang lên Ban Cải Tạo hoặc Ban Nghiên Cứu. Những ai chưa ổn định có thể rủ nhau đánh cờ tướng, lên thư viện đọc sách. Hết giờ hành chánh, nghỉ trưa tới 13 giờ 30 chiều rồi làm việc lại. Ngày này lặp lại qua ngày khác giống như ngoài đời... mỗi người ăn 35 đồng một ngày, ăn cho bằng hết thì mức ăn cao chẳng có lạ gì: Sáng điểm tâm, cơm trưa, chiều, gạo trắng, thức ăn 3 món 2 mặn 1 canh và có cả đồ ăn tráng miệng, chuối hoặc đu đủ. Báo cáo tài chánh công khai luôn có dư. Cuối tuần trại viên được tổ chức một bữa đặc biệt có cả bia con cộp “La Rue” với tiêu chuẩn 1 chai hai người. Vẫn còn dư, mỗi tối cuối tháng lại tổ chức cháo gà hoặc chè đường (*“Bội phản hay chân chính”*: Trang 186)

Nghiệp Vụ:

a. – Phát Hiện Và Truy Bắt: Dù chúng nắm Cảnh Sát trong tay, nhưng chúng không bắt công khai mà tổ chức bắt bí mật, có tính cách lựa chọn hình thức sao cho thích hợp để tiếp tục đánh phá cách mạng thật bất ngờ nhằm hiệu quả lớn nhất. (*“Mật Vụ Ngô Đình Cẩn”*: Trang 62)

Bắt tại nhà, thường không giữ được bí mật, nhất là đối với người nhà kẻ bị bắt. Muốn giữ kín âm mưu lâu dài, bọn chúng hay bố trí theo dõi đối tượng sát từng bước rồi tìm chỗ thuận lợi ập tới “bắt cóc”. Làm như vậy ngay từ người bị bắt cũng không kịp đối phó, không thể báo động cho đồng chí hay cơ sở... (*“Mật Vụ Ngô Đình Cẩn”*: Trang 63)

Điều quan trọng nhất của việc tổ chức bắt cách này và nhanh chóng biến được người bị bắt thành tay sai là chúng giữ bí mật việc đầu hàng của những người này với

tổ chức và quản chúng cách mạng. Ngay giữa các cán bộ và cơ sở đầu hàng với nhau chúng cũng tuyệt đối giữ bí mật, không cho ai đã đầu hàng. Nhiều trường hợp chúng thông qua những cán bộ, cơ sở này để phát hiện những cán bộ, cơ sở khác rồi tổ chức bắt bí mật ở một chỗ khác mà ngay kẻ chỉ điểm cũng không biết bọn chúng có bắt hay không. Trong tình cảnh bị ngăn cách tối đa như vậy, nhiều đồng chí ta không thể có những thông tin để phán đoán, đối phó được. Một số người bị bắt, bị chúng hù dọa, đưa nhiều chi tiết khó biện bạch thì hoang mang, mau chóng chịu đầu hàng.

Với thủ đoạn bắt bí mật và theo dõi truy bắt liên tiếp theo cách này, “Đoàn Công Tác” đã tạo nên cả một mạng lưới phục kích, bao vây cán bộ cách mạng từ chính đường dây giao liên và cơ sở cũ mà cách mạng đã dày công tổ chức. Với những cán bộ thoát ly hoạt động sâu trong lòng địch, bọn chúng bắt được thì khống chế, bắt viết tờ cam đoan rồi thả ngay, cho lên đường đi “hoạt động” như cũ. Thế là chúng cài thêm một mật báo viên chui vào nội bộ cách mạng. (“*Mật Vụ Ngô Đình Cẩn*”: Trang 64-65)

Có trường hợp một cán bộ bị bắt đã khai khớp hẹn sắp tới để đón một cán bộ khác vào họp tại một địa điểm ở nội thành. Bọn Dương Văn Hiếu bèn bố trí kế hoạch cho tên phản bội đúng ngày quy định, đến khớp hẹn để bắt người cán bộ vào họp, nhưng chúng làm như đi đón. Đến nỗi khi đưa về trại giam, mấy tên “chuyển hướng” cho anh cán bộ nọ biết rằng anh đã bị bắt, anh vẫn không tin mà còn cho rằng các đồng chí trong tổ chức định thử thách tinh thần mình. (“*Mật Vụ Ngô Đình Cẩn*”: Trang 102)

b. – Khai Thác, Thẩm Vấn: Đoàn Công Tác không thẩm vấn người bị bắt theo kiểu hỏi cung thông thường của bọn công an Ngụy vẫn làm. Bước đầu tiên là chúng dụ dỗ chuyển hướng. Chúng thường dùng những kẻ đã từng là cán bộ cấp trên để thuyết phục dụ dỗ cấp dưới nếu bị bắt. Dùng số đông những người từng có cương vị cùng công tác với nhau để lôi kéo. Người bị bắt thấy trước mắt mình là các đồng chí, không khí giống như sinh hoạt ở tổ chức cũ, chứ “không phải” là địch. Thậm chí còn có người mơ hồ tưởng là những “đồng chí”, người lãnh đạo mình trước kia, nay đang vạch cho mình nghe những lý thuyết mới trong tình hình mới, với một tinh thần hăng say đáng tin cậy...

Đối với một số cán bộ quan trọng, chúng bố trí công phu hơn. Ngay khi anh bị bắt về, tên Trưởng Đoàn Dương Văn Hiếu hoặc các phụ tá của hắn gấp gờ đón tiếp. Bọn này đã để công nghiên cứu về anh, trong câu chuyện mở đầu, chúng khéo léo đề cập đến một số chi tiết quan trọng về anh, làm cho anh giật mình tự hỏi không biết chúng đã nắm về mình đến mức độ nào? Rồi chúng tảng lờ, thả luận điệu “chuyển hướng” để mua chuộc dụ dỗ...

Chúng tỏ ra không nóng n nóng, không vội mọi tin hoạt động của người bị bắt mà còn cho phép nêu thắc mắc để chúng giải thích, khuyên người bị bắt an tâm trao đổi ý kiến. Chỉ khi nào người bị bắt tự giác chấp nhận chuyển hướng thì vấn đề khai thác sẽ là nhiệm vụ tự nguyện, là bốn phần. Đến bước này bọn nhân viên cải tạo của địch mới làm việc hướng dẫn cho anh viết bản tự khai theo yêu cầu của chúng.

Trong thực tế đấu tranh của cán bộ bị bắt, có nhiều tình hình phức tạp. Ngay trong số đầu hàng chuyển hướng

cũng có mức độ khác nhau. Bọn địch căn cứ từng trường hợp mà có đối sách rõ ràng. (*“Mật Vụ Ngô Đình Cẩn”: Trang 102-104*)

Đối với những người không thể mua chuộc dụ dỗ được, bọn địch sử dụng tập thể bọn chuyển hướng để hoặc rì rả khuyên nhủ lôi cuốn, hoặc làm cái việc “xa luân chiến” để giải thích chính sách chuyển hướng, tranh luận áp đảo các thắc mắc, phản ứng của người bị bắt. (*“Mật Vụ Ngô Đình Cẩn”: Trang 113*)

Khai thác chung chung để tìm kiếm chung chung như hồi kháng chiến chẳng nghĩa gì cả. Bây giờ trình độ nghiệp vụ người ta có nhiều kinh nghiệm cao hơn, khai thác có điểm để tìm tòi xác minh cụ thể, không phải chuyện thường nữa... (*“Bội phản hay chân chính”: Trang 104*)

Một điều đơn giản nhất Văn ngày càng thấy rõ đây là cuộc đối mặt với nhiều loại đối thủ mà anh chưa hề hiểu biết bao giờ, cũng chưa hề có kinh nghiệm của bè bạn lần bản thân...

Tới giờ phút này, Văn thấy rất rõ là tất cả những điều anh thâm lượm, hiểu biết, nghe ngóng về điều tra, khai thác của ngành an ninh địch đều sai hết. (*“Bội phản hay chân chính”: Trang 105*)

Phải chi nó đánh đập, tra tấn, đàng này không. Nó không nện vào thể xác mà nhắm thẳng vào yếu huyệt của niềm tin: “Không có hiệp thương, tổng tuyển cử gì hết. Xem ai làm gì ai? Kia coi cái cách ruộng đất, kia coi dân chúng bỏ chạy di cư, kia coi thành phần giai cấp...” tiếng nói của Hiếu (Dương Văn) hôm nào vẫn còn lùng bùng trong lỗ tai anh, như dao đâm vào lòng anh mà lại... có phần là sự thật. (*“Bội phản hay chân chính”. Trang 113*)

... Quan trọng thứ nhì là Ban Cải Tạo. Nhiệm vụ hoàn toàn như Ban Khai Thác lấy cung của Công An. Chỉ khác là bên Công An bắt buộc phải khai, không thì phải “oánh” cho khai, khai rồi “oánh” nữa cho khai thêm nữa... Và đến lúc không có gì để khai thêm nữa thì kết thúc, ký cung. Đã ký cung là dứt điểm, dù ai phát hiện, khai báo thêm nữa về anh thì cũng cho qua, chẳng còn bận tâm tới nữa. Đảng này thì khác. Làm với phương pháp “khoa học”, “nhân đạo”, giới thiệu chính sách mới của cậu Cẩn với những người kháng chiến cũ, mời về hợp tác, sử dụng cho công cuộc “xây dựng chế độ tự do dân chủ ở miền Nam”. Nếu ai chưa tin, hoài nghi điều gì thì cán bộ cải tạo thuyết giảng cho họ tin. Gặp những ai không chịu, chống đối, thì cán bộ cải tạo lấy lý lẽ tranh luận, chiến thắng đối phương bằng lý luận “đường lối quốc gia”. (*“Bội phản hay chân chính”*: Trang 191)

Bài học sờ sờ còn đó: Khu 5 tình báo, thủ biên, v.v. kéo nhau cả đám vào tù Mật Vụ, khai báo còn đầy đủ hơn cả tụi buôn lậu. (*“Bội phản hay chân chính”*: Trang 195)

... Nói như vậy không có nghĩa là phủ định những gì là độc đáo, tinh hoa (về thủ đoạn nghiệp vụ) của “Đoàn công tác”, một cơ quan mật vụ có một không hai. (*“Mật Vụ Ngô Đình Cẩn”*: Trang 203)

Dưới con mắt của người Cộng Sản, chính sách Cải Tạo Và Sử Dụng Những Người Kháng Chiến Cũ không chỉ là một “chính sách” mà nó còn là một ý thức hệ, một đường lối đầy tính cách mạng... như Nguyễn Đình Chon (Chân) trình bày dưới đây:

“... Chính từ bối cảnh đó (bối cảnh cơ sở Cộng Sản tại miền Trung bị Chiến Dịch Tổ Cộng phá sạch, cán bộ Cộng

Sản bị nhân dân coi như ruồi nhặng) mà chính sách đối với những người kháng chiến cũ đã được khai sinh, hình thành và mở rộng vào đến trong Nam như hiện nay. Nó là sự phát triển tất yếu của cả nước. Đây không phải chỉ là yêu cầu của nhà cầm quyền mà thực ra chính là vấn đề thiết thân của nhân dân và cán bộ trong vùng giải phóng cũ và rộng ra là của cả nhân dân và cán bộ miền Trung. Từ mâu thuẫn đối kháng, hai bên đã cố công tìm được một lối ra là của cả nhân dân và cán bộ miền Trung. Từ mâu thuẫn đối kháng, hai bên đã cố công tìm được một lối ra chung, đó là chính sách đối với những người kháng chiến cũ. Anh (Văn) nên chú ý điểm then chốt này, nếu có trao đổi là ở điểm này. Sau này nếu gặp lại đảng, chúng tôi cũng sẽ yêu cầu được tranh luận dân chủ điểm cơ bản này...

Để tôi trình bày tình hình miền Trung cho anh nghe. Tôi gặp cả chục mạng cán bộ tình báo các anh mà chẳng ai nắm được tình hình miền Trung. Thật tội nghiệp cho cái quê hương lạc lõng của mình. Điều quan trọng hơn cả là nếu anh không hiểu bối cảnh lịch sử thì làm sao anh hiểu nổi chính sách mới của Cựu Cảnh. (*"Bội phản hay chân chính"*: Trang 98, 99)

Sau khi trình bày tình hình cực kỳ bi đát đối với các cán bộ Cộng Sản tại miền Trung, một tình hình mà cán bộ Cộng Sản bị "nhân dân coi chẳng khác gì ruồi nhặng" (*"Bội phản hay chân chính"*: Trang 104)

Chân tiếp:

Đó, tình hình miền Trung như vậy... Tôi cùng một số đồng chí cũ, cũng là những cán bộ có trách nhiệm với đồng bào địa phương mình, cùng ở trong một hoàn cảnh

ngộ, giam cầm chung tại lao Ty Công An Thừa Thiên và Nha Công An Trung Phần. Chúng tôi trao đổi, hội ý với nhau, không chúng tôi không nhân danh đảng hoặc đoàn thể nào hết, chúng tôi chỉ nhân danh nhân dân địa phương trong đó có chính chúng tôi, để tìm lối ra khỏi ngõ cụt, thoát khỏi sự bế tắc ngột ngạt ngày càng đi vào đường tự sát, để chẳng giải quyết được gì cả.

Chúng tôi, một số đồng chí cũ trong ban chấp hành đảng bộ Tỉnh Thừa Thiên, trong ban thành ủy Huế, Đà Nẵng, cán bộ phụ trách quân báo liên khu 5 và ban địch tình của liên khu ủy, sau đó có thêm một số cán bộ tình báo cục trung ương và đồng chí phó bí thư tỉnh ủy Thừa Thiên cùng nhau tham khảo, trao đổi, cuối cùng đề ra luận điểm căn bản cho đường lối cách mạng hòa hợp dân tộc trước đặc điểm của tình hình mới là: “Chính sách chuyển hướng và sử dụng những người kháng chiến cũ”.

Chúng tôi cử đại diện gặp Trưởng Ty Công An Thừa Thiên và Giám Đốc Công An Trung Việt, sau đó được ông Cố Vấn Chính Trị Ngô Đình Cẩn đích thân tiếp xúc. Sau nhiều cuộc trao đổi, bàn bạc và tranh luận mạnh bạo thẳng thắn, hai bên nhứt trí một chính sách chung với tên gọi là “Chính Sách Cải Tạo (danh từ ông Cẩn dùng là Chiêu Mời) Và Sử Dụng Những Người Kháng Chiến Cũ”. Chúng tôi quan niệm đây là một chủ trương, một ý thức hệ, một đường lối đầy tính cách mạng xây dựng, hòa hợp dân tộc... Người ta đang cần chúng ta để xây dựng cuộc sống yên lành của nhân dân, không lý do gì chúng ta cứ khuấy đảo để gây tang tóc cho nhân dân. (*“Bội phản hay chân chính”*: Trang 109)

Phải công nhận bọn mật vụ Ngô Đình Cẩn có giỏi thật. Văn nghĩ thầm. Tại sao mình không dám nói là địch giỏi mà cứ phải vòng quanh chơi chữ để hạ thấp nó xuống và tìm cách che đậy, tự tôn mình lên? Nó nắm vững tổ chức mình, phương châm công tác, quy luật hoạt động tới tâm lý và quy luật tư tưởng. Nó rành cả cách đảng ta xử lý cán bộ bị bắt và sau khi ra tù. Mình đánh giá địch quá thấp, chỉ vì bảo thủ, giáo điều, một chiều, chỉ vì bất động trong khi địch thì thiên biến vạn hóa, đặc biệt về ngành an ninh, tình báo, công an. (*Bội phản hay chân chính*: Trang 113)

B. – Hiệu quả của chính sách “Cải Tạo Và Sử Dụng Những Người Kháng Chiến Cũ” đối với số cán bộ Cộng Sản không thật lòng hưởng ứng chính sách

Phần dưới đây tôi xin được trích lược một số đoạn trong tiểu thuyết hồi ký *“Bội phản hay chân chính”*, nói lên những hậu quả mà Chính Sách Cải Tạo Và Sử Dụng Những Người Kháng Chiến Cũ để lại cho số cán bộ Cộng Sản đã bị Đoàn Công Tác Đặc Biệt bắt không thật tâm chuyển hướng, còn ở lại với đảng đến sau ngày 30.4.1975. Bắt đầu từ việc Dư Văn Chất, tức Hoàng Vọc Văn trong truyện, đến gặp Nguyễn Đình Chon. Chất là một cán bộ tình báo chiến lược kỳ cựu của Cộng Sản từng bị Đoàn Công Tác Đặc Biệt Miền Trung bắt. Thời gian bị giam giữ, y đã nhận hợp tác viết bài cho tờ báo “Chuyển Hướng” của trại. Nhưng sau khi được trả tự do (tháng 5.1964), là một cán bộ tình báo gián điệp già dặn, y đoán biết trước được thắng lợi của Cộng Sản nên hăng say tái hoạt động trong ngành cũ. Được nhóm cựu “Tù Mật Vụ Ngô Đình Cẩn Dương Văn Hiếu” giao việc chấp bút tiểu thuyết hồi ký *“Bội phản hay*

chân chính”, Chất tìm gặp Nguyễn Đình Chơn mời tham gia nhóm của y, nhưng Chơn từ chối.

Nguyễn Đình Chơn, một thành ủy viên thành ủy Huế, bị Đoàn Công Tác Đặc Biệt Miền Trung bắt, đã hưởng ứng Chính Sách Cải Tạo Và Sử Dụng Những Người Kháng Chiến Cũ, thực tâm chuyển hướng, được trả cấp bậc Thiếu Tá, giữ chức Trưởng Ty Cảnh Sát Đặc Biệt Gia Định đến ngày 30.4.1975. Sau đó, anh chấp nhận đi tù cải tạo và hiện định cư tại Hoa Kỳ. Cuộc gặp gỡ diễn ra vào giữa năm 1989, lúc đó cũng là lúc Thiếu Tá Nguyễn Đình Chơn chuẩn bị xuất cảnh qua Mỹ theo diện cựu tù cải tạo, thường được gọi là diện H. O.

Sau khi nghe Chất, tức Văn trong truyện, kể về việc y ở tù rồi ra tù, vào tù lại rồi lại ra tù... Chơn hỏi:

- Thế phe đảo chánh thuộc cánh nào mà lại thả các anh? Không dễ gì đâu.

- Chuyện hơi dài, tóm tắt là thế này... lập tức sau ngày Diệm đổ, bọn mình (Hoàng Ngọc Văn và nhóm tù của Đoàn Công Tác Đặc Biệt Miền Trung) đấu tranh gắt gủ kiêu với chính quyền mới. Anh thấy đó, toát khỏi nanh vuốt Mặt Vụ là khỏe re. Chỉ một chút xíu dân chủ với nhân quyền thôi là bọn chúng kệt ngay, kiếm hoài không đâu có hồ sơ hay bút tích nói về bọn này. Viên Trung Ủy phe đảo chánh tiếp quản Ty Công An Huế phui tay, cho giải hết cả đám “tù lậu” về trả Tổng Nha Công An Sài Gòn. Tới đâu bọn mình cũng la làng: Đây là anh em trí thức dân chủ bị chính quyền độc tài khủng bố, vu cáo, bắt bất hợp pháp, không làm hồ sơ, không có án tòa, v.v. mà đúng căn bọn độc tài là thế thật, thẳng chó nào cũng như thẳng nấy thôi.

Về tới khám Cộng Hòa thuộc Tổng Nha Công An, đứng vào lúc Hà Thúc Ký làm Bộ Trưởng Nội Vụ đi thị sát trại giam, thăm hỏi và nhận diện tù nhân. Thấy người cùng đảng phái với y là y lấy ra ngay lập tức, không có oong đờ gì hết, vì y cũng thấy tình thế bấp bênh. Hà Thúc Ký nhận ra tôi, trao đổi ba điều bốn chuyện rồi y ra lệnh ngay cho đám tùy tùng: “Các ông này bất cứ tội danh là gì, với thời gian giam giữ từ 1958 tới nay là 1964 đã qua thời hạn của người ta. Cho làm ngay thủ tục, thả hết. Đề trình hồ sơ tôi ký lệnh tha”. Cũng ngon đó chứ anh Chân. Hấn lạ gì mình, hỏi ở Vân Đồn hẳn thừa biết mình là Việt Cộng. Nếu nó cũng đem lập trường cứng ngắc, quan điểm đảng phái hẹp hòi, cục đoan thì còn khuya hẳn mới thả.

- Anh Chân còn nhớ Hà Thúc Ký không?

- Nhớ chứ, 1958 Ký bị nhốt biệt phòng cạnh anh chứ gì. Ký là lãnh tụ Đại Việt chỉ huy chiến khu Ba Lòng ở miền Trung. Lúc đó Ký bị bộ phận khác bắt, gửi ở Vân Đồn chứ không thuộc quyền Dương Văn Hiếu.

- Ra tù mình liên lạc ngay được với tổ chức, hoạt động trở lại. (*“Bội phản hay chân chính”*: Trang 6)

Về trường hợp Đặng An, thiếu tá quân báo Việt Cộng, Văn (Chất) kể:

“Tháng 5 năm 1964, anh (Đặng An) và tôi (Dư Văn Chất) được ra khỏi tù. Anh được lệnh trở ra căn cứ công tác tại phòng quân báo miền. Anh đổi bí danh Năm Ân, công tác liên tục từ đó đến 1975. Ngày 30 tháng tư, cùng với đoàn giải phóng quân tiến vào Sài Gòn, thiếu tá Đặng An tới tìm tôi tại nhà riêng. Cũng vào dịp này, Thiếu Tá Lê Chân bước ra trình diện cách mạng và đi cải tạo. Sau

đó Đặng An chỉ huy đơn vị đặc biệt lên chiến trường K (Kampuchia.) Đơn vị của anh lập được nhiều chiến công lớn tạo nền cho việc thành lập chính quyền mới tại đây nên được tuyên dương. Thấm thoát bước vào đầu thập niên 80, tình thế ổn định vững chắc, chủ trương củng cố nội bộ và chấn chỉnh đảng được tiến hành. Mở đầu là những cuộc xác minh với thực chất những cuộc rà soát, hài tội xưa tích cũ của những người bị giặc cầm tù, sau đó là sự thanh trừng từng bước. Đùng một cái, đảng ủy viên thiếu tá Đặng An nhận được quyết định về vườn nghỉ hưu, kèm theo bản án khai trừ đảng với bản luận tội thời gian Đặng An ở tù Mật Vụ. Thật kinh khủng cái phiên tòa nội bộ. Nó tồi tệ hơn cả phiên xử một tên cướp cạn hay một gái điếm, vì tại đây bị can còn được cãi theo luật, còn có luật sư biện hộ, còn được quý vị thẩm phán biết luật để thi hành luật, còn có bồi thẩm đoàn và có cử tọa, dư luận. Những người có trách nhiệm coi sinh mạng chính trị của đồng chí mình quá rẻ mạt, sau khi cách mạng đã thành công, sau khi đã đoạt được chính quyền vào tay mình. Anh em chúng tôi xót thương cho người đồng chí được toàn thể bạn tù mến mộ, ngay cả kẻ địch cũng vị nể. Anh quý và kiên quyết bảo vệ sinh mạng chính trị còn hơn cả thân xác anh. Tới khi trở về với ta, anh lại cầm đầu cầm cổ phục vụ như “trâu”, cuối cùng “người trâu” cũng bị chém... bức phần hồn. Cái xác mất hồn thiếu tá Đặng An sống vất vơ vất vương chuối ngày còn lại cuối đời. May mắn cho anh là còn có dịp lên tiếng kể lại cho nhóm tù nhân chính trị chúng tôi được nghe trong hai buổi họp, có băng ghi âm, để nói lại với những ai còn chút thiện tâm nếu muốn sửa

sai, đổi mới. Hết thấy mọi người ở tù Mật Vụ chẳng ai làm lộn tinh thần và tư cách của Đặng An. Mọi người còn nhớ đầu thập niên 60 tại Trại Lê Văn Duyệt là lúc Lê Chân đi xuống, ngày càng lún sâu xuống hố phản bội, còn Đặng An vững vàng đấu tranh, vươn lên tồn tại, trở về với đảng. Nghe tin ta mất đi một cốt cán, mọi người bàng hoàng, luyến tiếc và tủi thẹn. Ai nấy nín khe, chỉ dám lén lút xầm xì: “chỉ vì cái khuôn sáo duy ý chí cực đoan trong chính sách cán bộ mà liệng luôn cả cái vốn quý nhất”.

Tháng Tư 1990 Đặng An chết. Chúng tôi gồm sáu đồng chí cùng tù Mang Cá với anh trước đây lật đặt về quê vợ anh ở Long Thành để tiễn xác anh về lòng đất mẹ. Vợ anh, chị công nhân đồn điền cao su Bình Sơn, các con anh và lính đơn vị cũ của anh kể lại cho chúng tôi thu vào băng ghi âm để nhờ chuyển lời với đảng rằng: Anh ra đi tức tuổi ấu ưc, không chịu nhắm mắt, tội nghiệp lắm. Cứ hể đôi lúc hồi tỉnh là miệng lại lắp bắp chỉ hỏi một điều duy nhất “Sao? đã kiếm được Hoàng Ngọc Văn để nhờ chuyển hồ sơ khiếu nại với đảng chưa?” Tôi nhớ hai câu thơ của ai đó:

Nát thân nát cả tâm hồn

Lẫn trong cái chết vẫn còn cái đau.

Tôi hoa mắt nhìn thấy Chân đang ngồi trước mặt, tôi muốn thét vào tai y: “Ví thử không có cuộc thử lửa ở Mật Vụ, cứ cái cương vị thành ủy viên năm 1954 mà đi lên thì bây giờ cũng lại ngồi lên đầu, cuồi lên cổ anh em, rồi đem cái giọng lưỡi quan điểm và lập trường cực đoan quy chụp hết người này đến người khác chứ thua chi ai. Hãy so sánh kia: Một đảng bất khuất, tồn tại, thì sống nhục, chết tủi, với một đảng xuống dốc, suy sụp, thì lúc nào cũng phây phây”.

Qua những giọt lệ ứ đọng quanh khóe mắt, tôi nhìn thấy nét mặt phồn phơ của Chân mà lòng dạ chán chường, thoáng hiện ra trong trí tưởng tượng chiếc phản lực cơ khổng lồ với hình ảnh gia đình Chân tay xách nách mang tíu tít treo vọi lên thang máy bay. Con đại bàng găm rú vang trời, thoát một cái đã nâng bổng mọi người vút lên mấy tầng mây xanh. Còn trở lại bọn tôi với cổ quan tài mộc mạc ép chặt cái hình hài bé nhỏ Đặng An mặt mày trắng bệch, hai mắt trợn trừng, miệng thều thào hỏi “Sao, đã chuyển hồ sơ khiếu nại với đảng chưa?”

“Ông sẽ cho chúng mày chết hết. Không chết cũng tàn ma dại... Không chết bây giờ thì về với đảng chúng mày, mày cũng chết, chết khổ chết sờ, chết day chết dứt... xem ai thắng ai!” Lời nguyên của Mật vụ còn nguyên đó. Tôi muốn nói nhỏ với oan hồn “Chết là được giải thoát đó, Đặng An!”

“Ồi chào! Anh Sáu, anh ác độc thiệt tình”. Miền Nam vừa mới được giải phóng, tại hội nghị cán bộ chủ chốt họp ở Thủ Đức, anh Sáu Thọ phát biểu: “Chín mươi phần trăm cán bộ đảng viên bị bắt, tù đầy dưới chế độ Mỹ Ngụy, có vấn đề chính trị”. Anh có biết câu nói của anh gây tác hại thế nào không? Hàng bao nhiêu đảng viên bị bao nỗi oan khiên, nhân phẩm bị xúc phạm và đã tạo ra nhiều mối quan hệ phức tạp trong nội bộ đảng.

Bằng tác phẩm này tôi muốn nói với đảng, với người thân bè bạn, với người yêu và kẻ ghét. Nói thay cho người đã chết và cho cả người còn sống. (*“Bội phản hay chân chính”*: Trang 9)

Trong chương cuối của *“Bội phản hay chân chính”*, trước khi kể tên một loạt cựu tù “Mật Vụ Ngô Đình Cẩn-Dương Văn Hiếu” bị đảng thi hành kỷ luật, Chất viết:

Với tinh thần triệt để tránh hậu họa, quân đảo chánh thiết lập ngay tòa đại hình kêu án tử hình Ngô Đình Cẩn, lãnh chúa miền Trung.

Chuyện tù Mật Vụ Ngô Đình Cẩn tưởng chừng tới đó kết thúc. Tổ chức Mật Vụ Cẩn tan rã và những người tù Mật Vụ nhờ thế mà thoát chết. Ấy thế mà chưa hết, câu chuyện của những người tù Mật Vụ vẫn còn dài dài chưa dứt.

30 tháng Tư năm 1975, Sài Gòn giải phóng, tôi biết mình thoát chết. Lần này thoát hẳn. Suốt 21 năm hoạt động vùng địch, lúc nào tôi cũng ở trong tư thế bị bắt. Địch bắt tôi rồi thả, rồi lại bị bắt, tất cả là 3 lần: 1958-1964, 1968 và 1969-1972. Ý nghĩ đầu tiên nổi bật nhất của tôi, khi đất nước được giải phóng hoàn toàn thật đơn giản, còn địch, có hoạt động, còn bị bắt, nay hết địch, hết bị bắt.

Những cựu tù nhân chính trị tìm nhau, nghe tin của nhau, để biết ai còn ai mất. Anh em vẫn tiếp tục công tác, người nào cũng có vai trò trong việc truy quét tàn dư của chế độ cũ. Công cuộc ổn định tình hình được tiến hành nhanh, chúng ta có một nhà nước thống nhất và một chế độ thống nhất. Như lời khẳng định của vị lãnh đạo cao nhất: “Không kẻ thù nào dám đụng tới ta ít nhất trong vòng 50 năm”. Nhân dân cả nước tự hào, xứng đáng tự hào.

Ông bà ta thường nói “vào tù ra tội”, tôi không hề tin là ta cũng vậy.

Rồi Chắt cho biết lý do Đặng An bị nghi ngờ và bị thanh trừng:

Sáng hôm đó, tại văn phòng, tôi đang bận rộn công việc thì một đại úy trình giấy giới thiệu của cục bảo vệ bộ quốc phòng muốn nhờ tôi cho biết về Đặng An trong thời gian ở

tù để giúp cho việc xử lý của anh dễ dàng, phân minh. Tôi hơi ngạc nhiên hỏi viên đại úy:

- Ừ! Tôi tưởng Đặng An đã được xử lý rồi mà? Nay anh ấy được thăng thiếu tá, thế là chậm và thiệt thòi cho anh ấy lắm đại úy ạ! Chẳng qua cũng vì cái kiếp tù đây. Tôi được biết hiện nay thiếu tá Đặng An chỉ huy một đơn vị làm nghĩa vụ quốc tế, có chiến công lớn và đang nằm trong đảng ủy của đơn vị, sao còn nói điều xử lý? Đã xử lý rồi còn xử lý lại à?

... Tôi kể chuyện Đặng An một cách hăng say cho anh đại úy này nghe. Sau cùng, anh chỉ hỏi tôi hai điều: Tại sao địch cho Đặng An ăn cơm trắng và tại sao địch cho Đặng An xà bông thơm”. (*Bội phản hay chân chính*: Trang 220)

Trường hợp Vũ Ngọc Nhạ. Chết đến thăm Nhạ, gặp lúc Nhạ đi vắng. Chết hỏi thăm thằng nhỏ về bố nó. Thằng nhỏ trả lời:

“Tính bác khác hẳn ba cháu. Ông già thận trọng dần dần lắm, có lẽ hoàn cảnh ông phải vậy. Cháu xin phép hỏi thật bác: Bác và ba cháu đi chiến đấu như thế, bây giờ được cái gì? Hỏi còn địch mẹ cháu cũng công tác với ba cháu. Bây giờ mẹ cháu phải ra chợ bán, nhật từng đồng không đủ ăn, vậy mà còn phải nuôi ông ở Viện (bệnh viện). Ông tự vận mấy lần, may cứu kịp. Nay ông yếu lắm”.

Từ khi được thằng con anh hỏi thằng mặt tôi như vậy, tôi chủ tâm tìm hiểu và vắt vắt lắm mới được rõ... thì ra hồn ma thằng Cẩn đã nhập vào anh em mình. Hồn ma Ngô Đình Cẩn nhập ngay vào những đồng chí cùng tù với Nhạ, cùng ở trong ban tổng kết cục 2 và hồn ma thằng Cẩn quay ông “cố vấn” không biết đường nào mà trả lời. Ông “cố vấn” Nhạ chứng minh bằng thuốc an thần để mong được

“ngủm” cho sớm yên thân. (*“Bội phản hay chân chính”*: Trang 222)

Về trường hợp Mười Hương, người chỉ huy mảng lưới tình báo chiến lược của Bắc Việt hoạt động tại miền Nam Việt Nam và hai nước Miên-Lào, Chết kể:

Hãy bỏ qua những gì anh đã bị xúc phạm từ sau khi địch phóng thích, về với ngành cũ, khi đó là cục 2, rồi anh chuyển ngành. Chỉ khi trở lại trận địa miền Nam, năm 1968, thì anh lại được yên ổn tinh thần để công tác. Sau ngày giải phóng, chưa bao lâu, vấn đề bắt đầu nổi lên khi anh là ứng cử viên được ban tổ chức trung ương giới thiệu vào ban chấp hành trung ương khóa 4. Mọi người tù của chế độ cũ đều có hồ sơ của địch để lại, chỉ riêng anh Mười là không có, tổ chức tìm hoài không thấy mà hỏi thẳng anh thì không tiện. Được tin, anh Mười chỉ có cách cho kiếm tên Trần Ngọc Trí, một anh giáo học bình thường tham gia phong trào bảo vệ hòa bình năm 1955, bị bắt vì tình nghi chính trị chỉ có thể thôi (đó là anh Mười), hồ sơ còn nằm trong đồng nội vụ Tổng Nha Công An Ngụy. Ngoài ra không còn chữ nào về Mười Hương nữa. Anh Sáu Thọ mừng anh Mười đắc cử ủy viên trung ương đảng bằng một lời chân thành: “Cậu chỉ cho anh em kiếm được cái tên Trí đó, mình mừng quá, chứ không thì chẳng biết phải làm thế nào”. Vấn đề Mười Hương càng trở nên phức tạp hơn vào dịp đại hội đảng bộ thành phố Hồ Chí Minh trước kỳ họp đại hội V và VI của đảng, vì Mười Hương trở thành ứng cử viên vào chức vụ cao hơn trong đảng...

Khoảng giữa năm 1981, tôi hết sức ngạc nhiên khi có đồng chí tới gặp tôi thăm hỏi để xác minh, thẩm tra những

vấn đề của đồng chí Trần Quốc Hương, ủy viên trung ương đảng. Nguyên do có những con người rất “nặng ký” làm đơn tố giác và cho tài liệu phát hiện về đồng chí Mười Hương đại để như sau:

1. – Đồng chí Mười Hương có lý lịch chính trị không trong sạch, khi bị bắt ở Trại Lê Văn Duyệt được địch cho hưởng chế độ đặc biệt, viết báo *Chuyển Hướng* và nhận làm việc với Ngô Đình Nhu...

2. – Nguyễn Tư Thái tức Thái Đen khai với cơ quan an ninh của ta là được Phan Khanh bàn giao lại một số cơ sở đầu hàng, phản bội làm tay sai cho chúng, đứng đầu số là Phan Văn Trí tức Mười Hương.

3. – Phát hiện xung quanh việc Nhu, Cần gặp Mười Hương tại nhà mát ở Thuận An, Huế. Tất cả những người còn sống đã khai chuyện này. Viên chức địch khai Mười Hương ngoan cố, có nghĩa ngoan cường, không khai báo, không hợp tác, không chuyển hướng, từ đầu tới chót. Anh em tù nhân ta khai: Mười Hương bất khuất, nêu cao lập trường khí tiết. Nay người ta đặt vấn đề: Thế còn lúc Nhu, Cần gặp bí mật, gặp riêng, Mười Hương thì nội dung đó ra sao?

4. – Kết luận: “Một điều xin lưu ý các đồng chí. Trang 8 của tài liệu phát hiện về đồng chí Mười Hương có liên quan đến lịch sử chính trị của đồng chí ấy, hành động hiện nay nó chứng minh và gắn liền với việc làm của đồng chí khi nhận việc với Ngô Đình Nhu, đây là những hành động phá hoại hiện hành một cách hợp pháp với cương vị của đồng chí. Cá nhân đồng chí Mười Hương là như vậy, nhưng vấn đề hết sức quan trọng là đồng chí đã tổ chức bộ máy rất nguy hiểm mà tác hại của nó không thể lường hết được... “

“Thu tổ cáo, nên dẫn chúng Mười Hương đã lợi dụng chức quyền phá chính sách cán bộ của đảng, làm cho bộ máy không hoạt động được, làm cho đảng, làm cho bộ máy không hoạt động được, làm cho đảng ta không trong sạch, thiếu vững mạnh, cụ thể là Mười Hương đã lợi dụng các chức vụ của mình để hoạt động phá hoại một cách hợp pháp, biểu hiệu qua việc xem xét xử trí cán bộ đảng viên bị bắt, bị tù có vấn đề chính trị, bao che họ và cài họ vào các cơ quan lãnh đạo đảng và nhà nước của thành phố và các quận huyện và các ban ngành như tiểu ban bảo vệ đảng, ban tổ chức thành ủy, sở công an, sở giáo dục, sở nhà đất v.v. (Những người được coi là “đồng dạng” với Mười Hương kê tên trong một danh sách gồm 21 trường hợp)”

“Mười Hương lại được bầu chọn vào ban chấp hành đảng bộ thành phố Hồ Chí Minh và là đại biểu dự đại hội toàn quốc và đắc cử ủy viên ban chấp hành trung ương khóa 5. Năm 1982, Mười Hương được điều ra Hà Nội. Tháng 6 năm 1983, trước ngày khai mạc đại hội một ngày, không biết con sẻ nào đã gáy vào tai đồng chí có trách nhiệm ra sao đó mà đồng chí đã kêu trưởng ban tổ chức trung ương đến ra lệnh: Báo cho Mười Hương phải rút tên khỏi danh sách ứng cử ban chấp hành đảng bộ Hà Nội...

Tôi buồn rầu nói với anh bạn: “Quả thật, đến thế này thì quá cỡ, không còn gì để nói thêm nữa”. (*Bội phản hay chân chính*: Trang 229)

Riêng với Đoàn Công Tác Đặc Biệt Miền Trung người Cộng Sản không chỉ nhìn nhận là “một cơ quan an ninh đích thực” một “cơ quan mật vụ có một không hai”. Mà về mặt trình độ nghiệp vụ và hiệu quả, nó còn là một sự kiện “kỳ diệu” đối với họ:

“Thành tích chống cộng của Mặt Vụ Ngô Đình Cẩn-Dương Văn Hiếu thật kỳ diệu. Chúng đánh thắng vào các cơ quan đầu não của các đảng bộ miền Trung như liên khu ủy 5, tỉnh ủy Thừa Thiên, thành ủy Huế rồi Đà Nẵng. Tiến xuống phía Nam, chúng tấn công cơ sở đặc khu Sài Gòn-Chợ Lớn, Thủ Biên, Cần Thơ. Nổi bật nhất là Mặt Vụ Miền Trung đánh bắt gọn các lưới tình báo chiến lược của ta trải suốt từ Bến Hải đến Sài Gòn trong vòng chỉ có một năm”. (*“Bội phản hay chân chính”*: Trang 2)

“Phải công nhận bọn Mặt Vụ Ngô Đình Cẩn có giỏi thật. Văn nghệ thâm. Tại sao mình không dám nói là địch giỏi (nếu thực nó giỏi) mà cứ phải vòng quanh chơi chữ để hạ thấp nó xuống và tìm cách che đậy, tự tôn mình lên? Nó nắm vững mình từ tổ chức, phương châm công tác, quy luật hoạt động tới tâm lý và quy luật tư tưởng. Nó rành cả cách đảng ta xử lý cán bộ bị bắt và sau khi ra tù. Mình đánh giá địch quá thấp, chỉ vì bảo thủ, giáo điều, một chiều, chỉ vì bất động trong khi địch thì thiên biến vạn hóa, đặc biệt về ngành an ninh, tình báo, công an”. (*“Bội phản hay chân chính”*. Trang 113)

Công cuộc chống cộng của miền Nam đang thu đạt nhiều kết quả trong mọi lãnh vực qua quốc sách “Áp Chiến Lược” và hiệu quả của “Chánh Sách Cải Tạo Và Sử Dụng Những Người Kháng Chiến Cũ”. Một kết quả mà ông Lê Duẩn, tổng bí thư đảng Cộng Sản Việt Nam đã phải thú nhận trong “Thư vào Nam” (Chỉ thị hướng dẫn đường lối hoạt động cho lực lượng Cộng Sản tại miền Nam chống phá Áp Chiến Lược), gửi cho Mười Cúc, tức Nguyễn Văn Linh, khi ấy là xứ ủy Nam bộ, Thư đề tháng 7 năm 1962 có đoạn viết:

“Đã có lúc ở Nam Bộ cũng như ở khu 5 (miền Trung), tình hình khó khăn đến mức tưởng như cách mạng không thể duy trì và phát triển được”.

Tiếc rằng sau khi lật đổ được chế độ Đế I Cộng Hòa, các Tướng đảo chánh không ý thức được tầm vóc của các Chính Sách Ấp Chiến Lược và Cải Tạo Và Sử Dụng Những Người Kháng Chiến Cũ, nên việc đầu tiên các ông làm là: Hủy bỏ chương trình Ấp Chiến Lược. Bắt giam tất cả nhân viên Đoàn Công Tác Đặc Biệt, trả tự do tất cả các cán bộ tình báo chiến lược và quân báo Việt Cộng đang bị giam giữ. Trong khi đó, các ông không biết làm sao điều hành quốc gia, tăng gia nỗ lực chiến tranh, mọi việc đều trông chờ sự chỉ dẫn của người Mỹ. Xin hãy nghe người Cộng Sản nói:

“Song kết quả chúng thu được không như chúng mong muốn... Vì khi chế độ Diệm bị lật đổ, nhóm đảo chánh không tiếp thu được trọn vẹn công việc của “Đoàn Công Tác”. (*“Mật Vụ Ngô Đình Cẩn”: Trang 152*)

“Sau Diệm, chế độ Ngụy phoi trần bộ mặt tay sai Mỹ không thể ngụy trang nổi. Trong các cơ quan an ninh, cảnh sát, người Mỹ thọc tay xuống đến Quận Huyện cùng tham gia từng vụ việc...

Thế nhưng trong giới an ninh, cảnh sát Ngụy và cả chủ Mỹ của nó vẫn luyện tiếc “Đoàn Công Tác...”

“Công việc đánh phá cách mạng đang dở dang được nghiên cứu chấp nối... Thế nhưng chúng đã phải chùn lại trước nhiều trở ngại không được vượt qua. Trở ngại lớn nhất và chủ yếu là tổ chức và quyền hành của “Đoàn Công Tác” trước đây to lớn quá, nó trực thuộc chóp bu Diệm,

Nhu, Cần, lại không bị ràng buộc hạn chế gì về cơ cấu pháp lý và hành chánh...” (*“Mật Vụ Ngô Đình Cần”*: Trang 204)

“Tuy vậy về các mặt hoạt động nghiệp vụ, các cơ quan an ninh tình báo nguy, nhất là ngành cảnh sát đặc biệt, vẫn rút kinh nghiệm qua hoạt động của Đoàn Công Tác để vận dụng vào việc đánh phá cách mạng”. (*“Mật Vụ Ngô Đình Cần”*: Trang 206)

Cuộc binh biến 11.11.1960

Cuộc binh biến ngày 11 tháng 11 năm 1960 do một nhóm sĩ quan cấp Tá chủ động. Ba sĩ quan cầm đầu vụ này là Trung Tá Vương Văn Đông, Trung Tá Nguyễn Triệu Hồng và Thiếu Tá Nguyễn Huy Lợi. Lực lượng quân sự chính yếu của cuộc binh biến là 3 Tiểu Đoàn Nhảy Dù và 1 Tiểu Đoàn Thủy Quân Lục Chiến.

Cuộc binh biến ngày 11.11.1960 xảy ra hoàn toàn bất ngờ đối với miền Trung.

Khi nhận được tin có binh biến đang xảy ra tại Sài Gòn, tôi trình cho ông Cần biết, đồng thời cũng cho ông hay Tư Lệnh Quân Khu, Tướng Đôn và hai Tư Lệnh Sư Đoàn I và II đều đang ở Sài Gòn.

Theo chỉ thị của ông, tôi mời Đại Tá Trần Văn Trung, túc Trung Tướng Trung sau này, khi ấy đang phụ trách Thanh Niên Cộng Hòa Miền Trung, hiện ở Pháp, qua tạm nắm quyền chỉ huy Sư Đoàn I. Thiếu Tá Nguyễn Ấm, hiện ở Việt Nam, lúc ấy đang chỉ huy một Trung Đoàn của Sư Đoàn II, tạm nắm quyền chỉ huy Sư Đoàn II.

Mặt khác, đường giây điện thoại của văn phòng liên lạc với Sài Gòn không bị trở ngại nên chúng tôi theo dõi được đều đặn diễn tiến tình hình.

Nhờ vậy mà tình hình tại miền Trung hoàn toàn yên tĩnh trong biến động này.

Sau khi trật tự được văn hồi, tình hình hoàn toàn ổn định, ông Cẩn sai tôi đem 300.000 đồng vào Sài Gòn trao cho Tướng Nguyễn Khánh, khi ấy là Tham Mưu Trưởng Bộ Tổng Tham Mưu, Đại Tá Trần Thiện Khiêm, Tư Lệnh Sư Đoàn 21 Bộ Binh và Đại Tá Lâm Văn Phát, Tổng Giám Đốc Bảo An, mỗi vị 100.000 đồng để khao quân. Tôi đã trao số tiền này cho ba vị tại tư thất Đại Tá Trần Thiện Khiêm trong khu Cư Xá Sĩ Quan cấp tá Bộ Tổng Tham Mưu.

Lực lượng võ trang nhân dân

Lý do khiến ông Ngô Đình Cẩn đưa ra một kế hoạch chống du kích Cộng Sản được gọi là “Lực Lượng Võ Trang Nhân Dân” là vì: Theo quy định của Hiệp định Geneva, trong thời hạn 300 ngày kể từ ngày Hiệp định có hiệu lực, ngày 27.7 tại miền Bắc, ngày 1 tháng 8 tại miền Trung và ngày 11.8 tại miền Nam, các lực lượng của phía quốc gia và quân đội Pháp tại miền Bắc, rút vào phía Nam vĩ tuyến 17 qua cửa khẩu Hải Phòng. Các lực lượng Việt Cộng tại miền Nam vĩ tuyến 17, qua hai cửa khẩu Cà Mau và Phú Yên. Chính quyền Quốc Gia tiếp thu vùng Cà Mau tháng 2 năm 1955 và ba Tỉnh Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên tháng 4 cùng năm.

Một thời gian ngắn sau khi việc rút lực lượng của hai bên hoàn tất, tại những vùng chính quyền Quốc Gia mới tiếp thu, nổi lên phong trào đấu tranh chính trị đòi hiệp thương, tổng tuyển cử, v.v.

Biết rằng, phong trào này do cán bộ Việt Cộng được gài lại từ địa phương khơi động và lãnh đạo, theo kế hoạch

của Cộng Sản Hà Nội. Nhằm đối phó với tình hình này. Chiến Dịch Tổ Cộng được phát động.

Sau hai năm thực hiện, chiến dịch đã loại trừ phần lớn số cán bộ Việt Cộng được gài lại thành thị đến nông thôn, đặc biệt là tại miền Trung. Tình hình tại đây được nhóm cán bộ tình báo chiến lược bị Đoàn Công Tác Đặc Biệt Miền Trung bắt kể lại trong hồi ký *“Bội phản hay chân chính”* như sau:

“Một anh cán bộ hoạt động sâu trong phong trào bám sát nhân dân, cùng quần chúng tranh đấu ăn thua, giáp mặt với đối phương không biết bao nhiêu trăm trận thắng thua không còn thời giờ để kiểm, vì tranh chấp nổ ra từng giờ từng phút trong mọi vấn đề sinh hoạt thường ngày của người dân tự do nay bị kiểm thúc lại... Tới khi khoanh vùng cơ sở bị đánh tan tành xí quách, bám trụ trong dân không nổi nữa, anh ta phải bật lên núi. Bám núi, anh cán bộ vẫn chỉ đạo phong trào ở đồng bằng. Đối phương bao núi, cắt đường liên lạc tiếp tế. Lương thực cạn dần, liên lạc tắc nghẽn. Cuộc sống ngày một trở thành vô nghĩa nếu cứ bám trụ trên núi cao, trong rừng sâu, quanh quần với cây rừng và khí đột... Hết gạo, hết lương khô, hết muối, hết mọi thứ. Đói quá, không tính thì chết đói, không lẽ chết đói để giữ vững khí tiết người vô sản? Xuống núi, thế nào cũng bị bắt, anh cán bộ biết chắc như vậy...” (*“Bội phản hay chân chính”*: Trang 102).

Đường sông Bến Hải tắc nghẽn hoàn toàn, con kiến bây giờ cũng không chui qua lọt... đường núi vừa bị Công An và Quân Đội Ngõ Đình Cẩn chặn, phá tanh bành... Mình xây không kịp chúng phá. (*“Bội phản hay chân chính”*: Trang 154)

Liên sau đó, hai mảng lưới “tình báo chiến lược” và “quân báo” từ Bến Hải vào đến Sài Gòn bị Đoàn Công Tác Đặc Biệt Miền Trung đánh bắt gọn vào hạ bán niên năm 1958.

Tướng Văn Tiến Dũng tư lệnh đoàn quân chà đạp Hiệp định Paris tiến chiếm miền Nam ngày 30 tháng 4 năm 1975. Trong cuốn *“Về cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước”*, xuất bản năm 1996, ông ghi theo những số liệu mới nhất của bộ chính trị ban chấp hành trung ương đảng Cộng Sản về tổn thất của lực lượng Cộng Sản tại miền Nam như sau:

“Chỉ tính trong 4 năm từ 1955-1958 cả miền Nam tổn thất 9 phần 10 số cán bộ, đảng viên. Ở Nam Bộ khoảng 7 vạn cán bộ, đảng viên ta bị địch giết, gần 90 vạn cán bộ, nhân dân bị bắt giữ, bị tù đày, gần 20 vạn bị địch tra tấn thành tàn tật. Chỉ còn 5 ngàn đảng viên so với 60 ngàn trước đó. Có nơi như Tiền Giang chỉ còn 921 gia đình, Biên Hòa mỗi nơi còn 1 chi bộ đảng.

Ở khu 5 (lúc này gồm cả Trị-Thiên và cực Nam Trung Bộ) khoảng 40% tỉnh ủy viên, 60% huyện ủy viên, 70% chi ủy viên xã bị bắt, bị giết. Có Tỉnh chỉ còn 2-3 chi bộ. Riêng Trị-Thiên chỉ còn 160 so với 23.400 đảng viên trước đó”. (*“Về cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước”*: Trang 16)

Tướng Dũng viết tiếp:

“Trên cơ sở đúc kết kinh nghiệm thực tiễn của 4 năm đấu tranh đầy hy sinh, gian khổ và nghiên cứu những kiến nghị khẩn thiết của nhiều cấp ủy đảng cán bộ và đảng viên. Bộ chính trị đã tập trung sức và trí tuệ chuẩn bị một giải pháp cơ bản cho cách mạng miền Nam để trình ban chấp hành trung ương”.

Tháng 1 năm 1956 ban chấp hành trung ương đảng Cộng Sản họp hội nghị lần thứ 15 (khóa 2) dưới sự chủ tọa của ông Hồ chí Minh, ban hành nghị quyết 15/59 xác định đường lối cách mạng Việt Nam tại miền Nam là:

“Con đường cách mạng bạo lực. Căn cứ vào tình hình cụ thể lúc này, ta chủ trương lấy sức mạnh của quần chúng, dựa vào lực lượng chính trị của quần chúng là chủ yếu, kết hợp với lực lượng vũ trang để đánh đổ ách thống trị của đế quốc và phong kiến, dựng lên chính quyền cách mạng của nhân dân”. (*“Về cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước”*: Trang 18)

Xin nhắc lại hình thức đấu tranh vũ trang vốn bị trung ương đảng Cộng Sản họp lần thứ 6, tháng 7.1954 và bộ chính trị họp tháng 9 cùng năm cấm sử dụng tại miền Nam từ khi thi hành Hiệp định Geneva.

Sau khi nghị quyết này được phổ biến, số cán bộ Việt Cộng được gài lại tại miền Nam lọt lưới Phong Trào Tổ Cộng, bắt đầu moi vũ khí đã chôn dấu lên, gia tăng các hoạt động khủng bố, bắt cóc, ám sát, viên chức chính quyền, đặc biệt là nhân viên xã ấp và những người hợp tác với Chính Phủ trong các vùng xa xôi hẻo lánh. Đồng thời, với súng đạn được tiếp tế thêm từ Hà Nội, họ mở các trận phục kích, tấn công thăm dò. Mở màn là cuộc phục kích một đơn vị của Sư Đoàn 23, tháng 9. 1959. Rồi đến cuộc tấn công một Trung Đoàn của Sư Đoàn 21 đóng tại Trảng Súp, Tỉnh Tây Ninh dịp Tết Nguyên Đán Canh Tý 1960. Cùng trong tháng này tấn công Thị Xã Đồng Xoài. Các cuộc phục kích, đặt mìn trên các trục giao thông chính cũng gia tăng, gây nên tình trạng bất an khắp nơi. Tiếp

đến là trận Ấp Bắc, được một số báo chí Mỹ tường thuật và thổi phồng một cách thiên vị, gây xôn xao dư luận trong và ngoài nước.

Tại miền Trung, suốt thời gian này, tình hình an ninh vẫn được duy trì tốt. Nhưng qua năm 1961, nhận thấy cường độ phá hoại, khủng bố, ám sát của Việt Cộng gia tăng nhanh chóng. Đặc biệt, đầu năm Quận Hậu Đức thuộc Tỉnh Quảng Nam bị tấn công và thất thủ, Quận Trường tử trận. Cuối năm, Quận Ba To thuộc Tỉnh Quảng Ngãi bị tấn công, cũng thất thủ, Phó Tỉnh Trưởng Nội An tử trận, Quận Trưởng mất tích...

Trước tình hình này, ông Ngô Đình Cẩn nhận định rằng: Bộ đội chính quy và địa phương của Cộng Sản có thể mở được những cuộc tấn công lớn và có kết quả như vậy là nhờ có lực lượng du kích làm tai mắt. Muốn ngăn chặn được những cuộc tấn công như vậy phải vô hiệu hóa được lực lượng du kích. Tại các xã, ấp, nơi nào cũng có những thành phần có tinh thần chống cộng quyết liệt, có những gia đình có hận thù sâu sắc với Việt Cộng. Nhưng vì không có phương tiện tự vệ, nên họ không dám ra mặt chống lại bọn du kích. Vì thế, phải vô trang cho các thành phần này để thực hiện kế hoạch vô hiệu hóa du kích.

Từ nhận định trên đây, ông Cẩn đề ra kế hoạch vô trang nhân dân, cung cấp một cách kín đáo cho những thành phần kể trên các loại vũ khí cá nhân rất nhẹ, với mục đích:

- Giúp họ phương tiện tự vệ chống lại khủng bố.
- Diệt du kích.

Kế hoạch được Tổng Thống Diệm chấp thuận cho thực hiện thử nghiệm tại miền Trung, gồm các Tỉnh thuộc

Trung và Cao Nguyên Trung Phần. Ông Hoàng Trọng Bá, Chủ tịch Phong Trào Cách Mạng Quốc Gia Tỉnh Thừa Thiên, Dân Biểu Quốc Hội, được ông giao nhiệm vụ phụ trách Phong Trào này. (ông Bá bị Việt Cộng đập bể đầu chết trong lao xá Thừa Thiên trong trận Tết Mậu Thân, 1968)

Khởi sự việc thực hiện kế hoạch, một mặt ông yêu cầu ông Bá đi họp với Ban Chấp Hành Phong Trào các Tỉnh, thuyết trình cho họ thấu triệt kế hoạch, tuyển chọn người. Một mặt ông nhờ Tỉnh Đoàn Bảo An Tỉnh Thừa Thiên dựng một trại huấn luyện sơ sài, nhà tranh vách nứa, tại Xã Long Hồ, Quận Hương Trà, Tỉnh Thừa Thiên. Đồng thời xin Quân Khu II cung cấp một bộ phận điều hành trại. Đại Tá Tư Lệnh Sư Đoàn I Nguyễn Văn Thiệu, tức Tổng Thống Thiệu sau này, đã biệt phái Trung Úy Ngô Văn Khoách và một Hạ Sĩ Quan qua phụ trách công tác này. Công tác huấn luyện được một toán huấn luyện viên của Lực Lượng Đặc Biệt do Trung Úy Ngụy Hiền chỉ huy từ Sài Gòn gửi ra, đảm trách. (Trung Úy Hiền có cấp bậc sau cùng là Trung Tá, hiện định cư tại Los Angeles County, California).

Để có phương tiện huấn luyện và võ trang cho lực lượng này, ông yêu cầu Bộ Nội Vụ mời hai cố vấn của Bộ là ông Lucien O'Connein (người móc nối số tướng lãnh thực hiện cuộc đảo chánh 1. 11. 1963) và ông Ralph Jonhson, ra họp với Ban Phụ Trách Lực Lượng tại Huế để xin yểm trợ. Ngay trong phiên họp đầu tiên, hai viên chức này đã bị nhận định của ông Cần thuyết phục hoàn toàn. Sau đó, ông Ralph Jonhson giữ vai trò cố vấn cho Lực Lượng.

Đến cuối năm 1962 thì Lực Lượng Võ Trang Nhân Dân

đã thực sự hoạt động có hiệu quả các Tỉnh Trung Nguyên Trung Phần và đầu năm 1963, tại hai Tỉnh Tuyên Đức và Lâm Đồng thuộc Tỉnh Cao Nguyên.

Hiệu quả của Lực Lượng Võ Trang Nhân Dân đã lôi cuốn sự chú ý của Ngũ Giác Đài. Đầu năm 1963, Bộ Quốc Phòng Hoa Kỳ phái hai viên chức qua nghiên cứu về tổ chức và hoạt động của Lực Lượng. Ngày họ đến Huế, ông Mullen, Phó Lãnh Sự Mỹ mời tôi dùng cơm tối với họ tại tư thất của ông. Trong cuộc gặp gỡ này, họ tìm hiểu rất kỹ lưỡng về đường lối tổ chức, phương thức điều hành, tuyển chọn, huấn luyện, hoạt động, v.v. của Lực Lượng Võ Trang Nhân Dân.

Một sự trùng hợp lý thú xảy ra ngay đêm hôm đó. Tại một Ấp phía Tây phi trường Phú Bài, đi sâu vào gần chân núi, Lực Lượng Võ Trang Nhân Dân đã hạ được 2 tên du kích. Sáng hôm sau được tin báo, tôi đã mời ông Phó Lãnh Sự Mullen và hai viên chức này đi cùng với ông Hoàng Trọng Bá, tôi và nhân viên hữu trách Quận Hương Thủy, đến quan sát hiện trường. Tại đây, nhân viên Quận đã dò hỏi dân chúng trong Ấp, nhưng không ai biết lực lượng nào đã hạ 2 tên du kích.

Ông Mười Hương, người chỉ huy mạng lưới tình báo chiến lược của Hà Nội tại miền Nam và hai nước Miên, Lào, quý độc giả đã thấy tên trong danh sách số cán bộ tình báo chiến lược của Cộng Sản tại miền Nam bị Đoàn Công Tác Đặc Biệt của ông Cẩn bắt. Ông Hương bị bắt giữ từ 1958, được chính quyền và các Tướng đảo chánh trả tự do tháng 5. 1964. Trong thời gian bị giam giữ ông Hương nói về ông Ngô Đình Cẩn như sau:

“Hồi xưa (những năm 40) có lúc từ Phúc Yên về Hà Nội nếu không tính thời gian sao cho kịp đến nhà cơ sở thì đêm xuống không biết ở đâu. Tôi đã từng có cảm giác cô đơn lạnh lùng khi phong trào đi xuống. Thế nhưng hồi ấy cũng không đen tối bằng sau này (những năm 1957-1959)...” Ông bảo: *“Chúng ta lâu nay cứ chê bai thằng Cẩn, rằng nó đi guốc mộc, miệng nhai trầu bồm bồm..., chê như vậy không đúng đâu. Thằng Cẩn giỏi lắm, có mưu trí lắm”.*

Chương II. Biến cố “cờ Phật giáo”

1. Tổng Thống Ngô Đình Diệm với các tôn giáo

Ngay từ khi chủ nghĩa Cộng Sản, một chủ nghĩa chủ trương vô thần xuất hiện tại Việt Nam (1930), không chỉ riêng ông Ngô Đình Diệm, mà tất cả các anh em ông đều đã chú tâm đến việc nghiên cứu tìm một sách lược đối phó với chủ nghĩa vô cùng tai hại này. Họ quan niệm rõ ràng rằng: Niềm tin tôn giáo là sức mạnh vô địch trong cuộc chiến chống lại chủ thuyết vô thần nguy hiểm ấy.

Vì thế, khi nhận trách nhiệm lãnh đạo đất nước trong tình hình cuộc chiến Quốc-Cộng đang có nhiều bất lợi cho phía Quốc Gia, nhất là khi đất nước bị chia đôi bởi hiệp định Geneva, Thủ Tướng Ngô Đình Diệm tiên kiến một cuộc chiến tranh khó khăn và tàn khốc hơn do Cộng Sản Bắc Việt điều khiển sẽ xảy ra tại miền Nam sau khi

hiệp định này được thi hành. Để đối phó với cuộc chiến do một chủ nghĩa mang tính giáo điều hướng dẫn, ông đã chuẩn bị “*sức mạnh vô địch*” bằng chính sách đặc biệt quan tâm đến vấn đề bảo vệ, củng cố, phát triển niềm tin tôn giáo, tạo sự hòa đồng giữa các tôn giáo, hậu xây dựng khối đoàn kết toàn dân trong toàn miền Nam.

Bảo vệ, củng cố, phát triển niềm tin

Cụ thể, đối với đồng bào Thượng, mặc dầu niềm tin của họ mang nhiều sắc thái mê tín, dị đoan, vẫn được Chính Phủ tôn trọng. Vì vậy trong chương trình Thăng Tiến đồng bào Thượng tại các địa phương cũng như chương trình giáo dục văn hóa và huấn nghệ cho thanh niên Thượng của Nha Công Tác Xã Hội Miền Thượng, vấn đề niềm tin của họ không hề bao giờ được đề cập tới. Với hai tôn giáo mới được thiết lập tại miền Nam: Cao Đài Giáo và Phật Giáo Hòa Hảo, Thủ Tướng Diệm đã có quyết định và hành động quyết liệt đối với tổ chức võ trang của họ vì mục đích thống nhất Quân Đội, tập trung sức mạnh Quốc Gia, như quan niệm được ông xác định ngay từ khi bắt đầu bước vào con đường tranh đấu giành lại độc lập và chủ quyền cho đất nước. Quan niệm này được ông xác định lại trước Quốc Trưởng Bảo Đại khi ông nhận trách nhiệm đứng thành lập Chính Phủ, tháng 6. 1954 “*Một nước mạnh, có uy tín, cần phải có một đạo quân mạnh và kỷ luật*” . (Con Rồng Việt Nam. Trang 526) Nhưng với tổ chức và các sinh hoạt thuần túy tôn giáo của họ, vẫn được Chính Phủ triệt để tôn trọng và khuyến khích. Đoạn viết của ông Lâm Thành Nĩ, cháu nội một vị Khai Đạo của Cao Đài Giáo, tác giả cuốn *Thực Trạng Của Cuộc Chiến Tranh Việt Nam*, được trích dẫn trong phần này là một bằng chứng.

Công bằng đối xử, tạo sự hòa đồng với Công giáo

a. – Dưới thời Pháp thuộc và qua các Chính Phủ dưới thời Quốc Trưởng Bảo Đại, Giáo Hội Công Giáo vẫn được hưởng quyền tự do mở các Chủng Viện để đào tạo Linh Mục, Tu Sĩ. Chương trình giảng dạy không phải chịu sự kiểm soát của Chính Phủ.

Đến thời Đệ I Cộng Hòa, cuối tháng 11.1956, Tổng Thống Diệm đã ban hành Đạo Dụ 57/4, xóa bỏ quy chế này. Đạo Dụ ấn định: *“Không ai được mở trường tư mà không có giấy phép của Chính Phủ. Các trường được phép mở phải chịu sự kiểm soát của Chính Phủ về nhân viên, chương trình giảng huấn”*.

Việc ban hành Đạo Dụ này đã gây nên một làn sóng phản đối dữ dội trong giới Công Giáo. Đầu năm 1957 Hội Đồng Giám Mục Việt Nam, trong đó có Giám Mục Ngô Đình Thục, họp ra thông báo dẫn chiếu điều 17 Hiến Pháp, lên án Đạo Dụ 57/4 là vi phạm tự do tín ngưỡng và yêu cầu xóa bỏ tất cả những điều khoản liên quan đến các Chủng Viện.

Nhưng khi được giải thích và nhìn ra mục đích của Đạo Dụ là tạo sự hòa đồng giữa các tôn giáo, gây tình đoàn kết toàn dân, nhằm bảo vệ quyền lợi tối thượng của đất nước. Đạo Dụ đã được giới Công Giáo nghiêm chỉnh thi hành.

b. – Cụu Trung Tá Phạm Xuân Ninh tức nhà thơ Hà Thượng Nhân, một thi văn sĩ lão thành có nhiều uy tín và rất được nể trọng trong giới văn nghệ sĩ cũng như trong chính giới tại miền Nam thời xưa, cũng như tại hải ngoại ngày nay, một tín đồ Phật Giáo, Tổng Giám Đốc hệ thống Truyền Thanh Quốc Gia thời Đệ I Cộng Hòa. Trong một

dịp lễ giỗ Tổng Thống Ngô Đình Diệm, ông đã viết mấy bài đăng trong Đặc San ngày lễ nói về một số đức tính của Tổng Thống. Trong đó có bài viết về vấn đề “*kỳ thị tôn giáo*” như sau:

“Một hôm, một vị Linh Mục đến Đài Phát Thanh đề nghị với tôi cho chuyển mục “*Tiếng nói Công Giáo*” sang tần số A, tức là tần số Quốc Gia. Tôi trả lời rằng, làm như thế bắt buộc phải cho tiếng nói của các tôn giáo khác cũng được hưởng một quy chế tương tự. Điều đó không thể thực hiện được. Ít hôm sau tôi được giấy nói của ông Nguyễn Đình Thuần bảo: Tổng Thống đã chấp thuận cho “*Tiếng nói Công Giáo*” được phát thanh trên tầng số A. Tôi thưa là việc đó rất quan trọng, phải có công văn minh xác, chứ tôi không thể thi hành theo khẩu lệnh. Ông Thuần gửi văn thư tới. Vị Linh Mục hôm trước cũng tới. Tôi nói: Để tôi xin trình diện Tổng Thống rồi mới quyết định. Ông Thuần gọi tôi vào tỏ ý bất bình vì tôi ngoan cố bất tuân thượng lệnh. Tôi trình bày lý do và xin phép ông cho tôi trình thẳng Tổng Thống. Ông gắt lên: “*Anh muốn làm gì đó thì làm*”.

Ngay khi tôi gặp, Tổng Thống đã hỏi: “*Tại rằng các Cha làm việc đạo đức mà lại cấm?*”

Tôi thưa rằng: Trong nước có nhiều tôn giáo khác nhau. Nếu nay lại để cho Công Giáo được đài ngộ đặc biệt thì lòng dân sẽ bất bình, nghĩ là Tổng Thống là Công Giáo nên quá thiên về đạo giáo của mình. Chúng tôi thiết nghĩ Đạo Chúa là Đạo Tình Thương, vậy thì dùng mục “*Tiếng Vọng Tình Thương*” rồi muốn nói gì thì nói. Tổng Thống ngồi lặng một lúc rồi gật đầu:

“Anh về bàn lại với các Cha. Đừng quá sốt sắng về việc đạo mà xảy ra chuyện kỳ thị tôn giáo”.

Tôi ra về trình lại với ông Thuần. Ông Thuần ngạc nhiên hỏi: “*Anh nói gì mà Tổng Thống lại đổi ý như vậy?*” Tôi nói: Thưa việc này mới nhìn có vẻ tầm thường, nhưng suy nghĩ kỹ thì là cực kỳ nghiêm trọng. Vấn đề tôn giáo là một vấn đề vô cùng phức tạp. Rất nhiều vị tu hành vì quá sốt sắng với việc đạo, mà làm hại đến uy tín của chế độ.

Ông Thuần tỏ ý khen ngợi tôi đã dám thẳng thắn nói lên sự thật, nói lên ý kiến đúng đắn của mình.

Tôi nghĩ, chỉ vì nhiều người muốn cho xong chuyện, nên tìm cách bung bít sự thật, chứ Tổng Thống Diệm là người lúc nào cũng muốn nghe lẽ phải và sự thật.

Bọn người bung bít sự thật chính là bọn phản bội. Nước mất phần lớn là vì bọn người ấy.”

Với Cao Đài giáo

Tại chương nói về “*Kỳ thị tôn giáo*” trong tác phẩm nhan đề *Thực Trạng Của Cuộc Chiến Tranh Việt Nam*, tác giả Lâm Thành Nĩ, đã viết một đoạn như sau:

“Riêng vấn đề Pháp nạn của Phật Giáo hồi năm 1963. Theo ý nghĩ thô thiển của chúng tôi thì có lẽ mọi người trong chúng ta, ai cũng đồng ý rằng. Nếu thật sự nó chỉ có đơn giản, và nếu đúng là ông Ngô Đình Cẩn lạm dụng quyền hành ra lệnh cấm không cho treo cờ Phật Giáo. Rồi kể đến Tổng Thống Ngô Đình Diệm không chịu nhìn nhận sự sai sót để hòa giải về vấn đề này, thì thật là một chuyện đáng tiếc. Và Phật Giáo đứng lên tranh đấu thì rõ là một việc làm thật chánh đáng, một hành động can đảm mà chắc ai cũng khâm phục. Nhưng khi tình hình đã rối ren

rồi, Cộng Sản xen vào xúi bẩy, gây rối, chế thêm dầu vào lửa để hưởng cái “lộc” trước cảnh “cò nghiêng tranh nhau ngư ông đắc lợi” là điều không thể nào tránh khỏi. Hơn thế nữa có du luận cho rằng một số lãnh tụ tranh đấu lại là Cộng Sản?! Một số khác thì vô tình làm theo kế hoạch của Cộng Sản?!

Còn cá nhân Tổng Thống Ngô Đình Diệm có chủ trương kỳ thị tôn giáo hay không? Xin mời quý vị xem vài giai thoại dưới đây, để rồi tự mình trả lời cho cái thắc mắc của mình một phần nào.

Vào tháng 10 năm 1963. Tôi có dịp đọc một cột báo của một nhật báo xuất bản vào thời điểm ấy. Tờ báo viết, vì lâu quá tôi không nhớ rõ từng chi tiết nên xin lập lại với sự dè dặt.

“Bất thần Tổng Thống lên xe đi, cũng bất thần Tổng Thống ra lệnh cho xe ngừng lại... Ông bước vào một tiệm may ở vùng Phú Nhuận, tay chỉ xấp vải để trong tủ kiếng, miệng hỏi chủ tiệm:

- Hiện nay, một bộ đồ Veston bằng vải đó giá bao nhiêu tiền?...

Xe đang chạy ngang qua một chùa Phật thấy treo cả hai lá cờ, cờ Quốc Gia và cờ Phật... Ông bước xuống xe vào chùa thăm, thấy các vị tu sĩ vui vẻ đón tiếp ông... Về Dinh, trưa hôm ấy Tổng Thống ăn một bữa cơm thật ngon miệng”.

“Đến chuyện trong nhà, ông nội của chúng tôi là một chức sắc cao cấp của Đạo Cao Đài mà chắc một số chính khách, kể cả các vị Đại Sứ Hoa Kỳ của Tòa Đại Sứ Mỹ ở Sài Gòn trong khoảng thời gian từ năm 1955 đến 1963 có lẽ

cũng không xa lạ gì ông... (đoạn này ghi tên các nhà lãnh đạo đất nước, một số chính khách, các nhà lãnh đạo tôn giáo, các vị Đại Sư v.v. ông nội tác giả đã từng hội kiến, xin được miễn trích dẫn).

Sở dĩ tôi nêu lên một danh sách dài dằng dặc như thế, là nhằm mục đích nói lên rằng: Nếu ông là người hay ăn nói xằng bậy, chuyện có nói không, chuyện không nói có Thì ông không thể nào được quý vị lãnh đạo có tầm cỡ trên tiếp kiến, đàm đạo.

Đó là ông Khai Đạo Phạm Tấn Đài của Đạo Cao Đài. Trong những lúc trò chuyện với con cháu ở gia đình, có lần ông nói với tôi về cố Tổng Thống Ngô Đình Diệm:

Trong một lần tiếp phái đoàn Cao Đài đến thăm xã giao tại Dinh Độc Lập. Ông Ngô Đình Diệm nói trước phái đoàn rằng:

“Tôi kính trọng quý Ngài. Một số Linh Mục Công Giáo hãy gặp tôi thì xin phép được xổ số Tombola để có tiền xây dựng Nhà Thờ. Tôi nói Cao Đài người ta đâu có Tombola, mà tôi thấy họ cất thêm Thánh Thất mới đều đều”.

Với thái độ đượm vẻ thoải mái hiện rõ trên gương mặt một cách khác thường ông nói tiếp: “Rồi với nụ cười ngộ nghĩnh, vừa hóm hình và vừa chua chát, ông Ngô Đình Diệm kết luận: ‘Cứ Tombola! Tombola mới xây dựng được Nhà Thờ.’”

Xuyên qua việc làm và vài câu nói trên. Xin quý vị thử nghĩ xem đức độ lãnh đạo cũng như lập trường đối với Tôn Giáo của cố Tổng Thống Đệ I Cộng Hòa, ông Ngô Đình Diệm ra sao? Có kỳ thị hay không? Hay là những khuyết điểm, những sai lầm phần lớn là do những người chung

quanh hoặc bên lề. Cố Tổng Thống cũng còn là một người có những đức tính cao quý của một con người trung thực trước những thực tế. Thực tế này được cựu Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu xác nhận lại bằng lời nói với một người cố vấn của ông và ông này thuật lại với ông của chúng tôi:

“Minh giúp gì cho Cao Đài họ cũng không chịu nhận. Nhìn kỹ cũng không thấy họ lấy gì của phía bên kia (Cộng Sản). Thế mà mỗi lần lên thăm, thấy họ lại hoàn tất hoặc đang xây dựng một công trình đồ sộ mới, *người của họ thật là có tinh thần*”.

Ngoài ra việc cố Tổng Thống dùng Bác Sĩ Trần Kim Tuyến. Ông này đã từng chống một số Linh Mục người Pháp, giữ một chức vụ quan trọng ở bên cạnh mình. Điều này cũng cho thấy một phần nào, có lẽ ông không phải là người sùng đạo đến mù quáng mà chỉ là con chiên ngoan đạo, một người tín ngưỡng. (*“Thực Trạng Cuộc Chiến Tranh Việt Nam”: Trang 263*).

Với Phật giáo

Phật Giáo là một tôn giáo du nhập Việt Nam lâu đời, đã đi sâu vào tâm thức và đời sống người dân, có một khối tín đồ quan trọng. Nhưng ông Diệm nhìn thấy Phật Giáo tổ chức quá lỏng lẻo, có thể là một môi trường thuận lợi cho đối phương xâm nhập, lợi dụng làm bình phong thực hiện cuộc chiến tranh khuynh đảo và nổi dậy dưới danh nghĩa “*nhân dân*” . Nếu để địch lợi dụng được môi trường này, nó sẽ tạo nên mối nguy hiểm lớn lao cho cuộc chiến chống Cộng Sản tại miền Nam. Thêm vào đó, vốn có nhiều thiện cảm với các tăng sĩ qua những liên hệ trong thời kỳ hoạt động bí mật sau khi treo ấn từ quan, Tổng Thống Diệm đã dành cho Phật Giáo rất nhiều quan tâm và ưu đãi.

Ngay từ những năm đầu của chế độ, Tổng Thống Diệm đã áp dụng một chính sách đặc biệt đối với Phật Giáo nhằm giúp họ phát triển và kiện toàn tổ chức.

Thực hiện chính sách này, tại Sài Gòn, Tổng Thống Diệm đã giúp đỡ một phần tài chánh khích lệ Hội Phật Học Nam Phần do ông Mai Thọ Truyền, một cư sĩ, làm Hội Trưởng, xây cất chùa Xá Lợi dùng làm nơi nghiên cứu, học hỏi giáo lý, mở rộng kiến thức, củng cố niềm tin nơi tín đồ Phật Giáo. (chùa Xá Lợi được xây cất giữa năm 1958). Theo ông Phạm Minh Chiêu, cựu Phó Giám Đốc Sở Nghiên Cứu Chính Trị và Xã Hội Phủ Tổng Thống, hiện cư ngụ tại Thành Phố Orange County, California, thì số tiền giúp xây chùa Xá Lợi là hai triệu đồng (2.000.000), được trích từ ngân quỹ của Sở Nghiên Cứu Chính Trị Xã Hội Phủ Tổng Thống (Theo giá sinh hoạt tại Việt Nam khi ấy, 1 mỹ kim bằng 35 đồng bạc Việt Nam). Tôi cũng được ông Hoàng Quang Chính, Chánh Văn Phòng Sở Nghiên Cứu Chính Trị Xã Hội Phủ Tổng Thống, hiện cư ngụ tại Thành Phố Orange County, California, cho biết, chính ông là người đã đem số tiền trên đây trao cho ông Mai Thọ Truyền, người chủ trì việc xây cất chùa Xá Lợi.

Ông Huỳnh Văn Lang nguyên Tổng Giám Đốc Viện Hối Đoái Quốc Gia, trong hồi ký *Nhân Chứng Một Chế Độ* kể lại rằng, về thời gian ông không còn nhớ chính xác nhưng sự việc thì rõ ràng. Khoảng năm 1959-1960 Thượng Tọa Thích Tâm Giác đứng tên chung với bà Đức Âm, nhạc mẫu của ông Lang, xin mua khu đất của Nha Thương Cảng thuộc Bộ Tài Chánh, bên bờ lạch sát đầu Cầu Công Lý để xây chùa. Lô đất rộng trên dưới một mẫu tây đang được dân chúng xung quanh trồng rau muống. Ông Bộ Trưởng

Tài Chánh không dám quyết định, đưa ra trình trước Hội Đồng Tối Cao Tiên Tệ do Tổng Thống chủ tọa. Trong buổi họp, ông Huỳnh Văn Lang, Tổng Thư Ký Hội Đồng, đề nghị xin Tổng Thống Diệm chấp thuận để họ xây chùa. Và ông ghi lại:

“Không ngần ngại một chút, ông Diệm cho chỉ thị ngay:
- Làm chùa thì cho ngay đi.

Và ngay sau buổi họp, Bộ Tài Chánh đã làm giấy bán lô đất cho Thượng Tọa Thích Tâm Giác và bà Đức Âm với tượng trưng một đồng bạc”. (*Nhân Chứng Một Chế Độ*: Tập 1. Trang 463)

Sau khi Tổng Thống Ngô Đình Diệm bị lật đổ và sát hại, chùa Vĩnh Nghiêm đã được xây cất trên lô đất này.

Tại Huế, qua cơ sở Phật Giáo chùa Từ Đàm mà người đại diện là Thượng Tọa Thích Trí Quang tại chùa này, ông Ngô Đình Cẩn đã tích cực giúp đỡ Phật Giáo phát triển bằng cách cung cấp tài chánh, vật liệu, dụng cụ, góp thêm vào việc xây cất nơi thờ tự tại một số cơ sở mới thành lập, trùng tu những chùa miếu bị hư hại đổ nát, thực hiện đồ thờ cúng. Vấn đề tài chánh thường được cung cấp trực tiếp từ ông Cẩn và qua các ông Đại Biểu Chính Phủ hoặc Tỉnh Trưởng sở tại. Ông Nguyễn Đình Long chủ tiệm Thăng Long trên đường Phan Bội Châu Huế, đã được trúng thầu khai thác củi trong kế hoạch khai quang mật khu Hòa Mỹ của Việt Cộng, thuộc Quận Phong Điền Tỉnh Thừa Thiên, với điều kiện mỗi tháng cung cấp cho Thượng Tọa Trí Quang ba mươi ngàn đồng (30. 000). Quận Trưởng Quận Phong Điền khi ấy là ông Hoàng Ngọc Trạo, người cho đầu thầu công tác khai quang này, hiện ở San José, California.

Một điều rất đặc biệt, để có vật liệu đúc chuông cho một số chùa mới xây cất, ông Cẩn đã yêu cầu Đại Đội Quân Cụ Quân Khu II bằng mọi cách, cung cấp vỏ đạn đồng cho Thượng Tọa Trí Quang. Công việc này thật khó khăn, vì thời kỳ ấy người Mỹ chỉ cung cấp súng đạn cho Quân Đội Việt Nam sử dụng trong công tác huấn luyện, nên việc cấp phát đạn dược rất hạn chế, kèm theo nhiều thể thức kiểm soát hết sức chặt chẽ. Tuy vậy, anh em Quân Nhân thuộc Đại Đội Quân Cụ cũng đã tìm cách thực hiện được lời yêu cầu của ông Cẩn. Hai người phụ trách công việc này là Trung Úy Ngô Văn Điều, cấp bậc sau cùng là Trung Tá, hiện cư ngụ tại Thành Phố Garden Grove, Orange County, California và Thượng Sĩ Nguyễn Hiệp, không rõ cấp bậc sau cùng, hiện ở Úc Châu. Cả hai người cùng là tín đồ Công Giáo.

Được chính quyền tích cực giúp đỡ, Phật Giáo miền Trung phát triển mạnh, có thêm nhiều cơ sở, chùa miếu mới. Từ đó, uy tín của các vị tăng sĩ chùa Từ Đàm, đặc biệt là Thượng Tọa Trí Quang, mỗi ngày một lớn thêm trong giới Phật Giáo. Riêng Thượng Tọa Trí Quang được mặc nhiên coi là đại diện chính thức cho cả khối Phật Giáo Miền Trung đối với chánh quyền, Thượng Tọa đã từng đến nhà ông Cẩn gặp ông nhiều lần. Ngược lại, một đôi lần ông Cẩn cũng đã lui tới thăm hỏi, dùng trai với ông và các tăng sĩ tại chùa Từ Đàm. Vì vậy Thượng Tọa Thích Trí Quang đã được các vị Hòa Thượng, Thượng Tọa khác đặc biệt tin tưởng, kính nể. Uy tín của ông vượt trội hẳn trên các vị tăng sĩ khác.

Cuối năm 1956, hai Thượng Tọa Trí Quang và Thiện

Minh của chùa Từ Đàm, xin phép đi dự Đại Hội Phật Giáo thế giới tổ chức tại Tích Lan. Đơn xin xuất ngoại của hai vị bị cơ quan an ninh đề nghị bác với lý do: Hồ sơ an ninh ghi hai vị có nhiều hoạt động thiên cộng.

Hai vị đã chạy đến nhờ cậy ông Ngô Đình Cẩn và ông Cẩn đã phải viết thư riêng can thiệp với Bác Sĩ Trần Kim Tuyến. Cuối cùng hai vị đã được xuất ngoại với thông hành Công Vụ để thoát qua cửa ải “*thủ tục an ninh*”, theo sáng kiến của ông Cao Xuân Vỹ.

Giúp xây dựng Giáo hội Phật giáo

Ngoài những giúp đỡ vật chất có tính cách nhất thời kể trên. Tổng Thống Diệm còn có kế hoạch lâu dài, giúp Phật Giáo Việt Nam tổ chức thành một Giáo Hội Thống Nhất. Ông khuyến khích, yểm trợ việc đào tạo cán bộ, để có nhân sự đủ khả năng xây dựng Giáo Hội Phật Giáo thành một tổ chức chặt chẽ và vững mạnh từ căn bản.

Cuối năm 1957 đầu năm 1958, các vị tăng sĩ chùa Từ Đàm, chủ chốt là hai Thượng Tọa Trí Quang và Thiện Minh, đã nhờ ông Ung Thuyên, soạn một bản Điều Lệ xin thành lập “*Hội Phật Giáo Thống Nhất*” toàn quốc. Nội dung điều lệ hoàn toàn như điều lệ của một hội đoàn thường.

Bản Điều Lệ có kèm theo đơn xin thành lập hội, được gửi lên Bộ Nội Vụ đã quá sáu tháng mà không nhận được kết quả gì. Hai Thượng Tọa Thích Trí Thủ và Thích Thiện Minh được các vị tăng sĩ chùa Từ Đàm cử vào Sài Gòn đem theo phó bản đơn xin lập hội và điều lệ đến Quốc Hội nhờ ông Võ Như Nguyễn, Chủ Tịch Ủy Ban Nội Vụ can thiệp. (Ông Nguyễn hiện cư ngụ tại Thành Phố Lons, Pháp Quốc).

Tiếp hai tăng sĩ và sau khi coi qua Bản Điều Lệ, ông Võ Như Nguyễn hỏi Bộ Nội Vụ thì được trả lời: Việc này còn đang cứu xét. Thấy thời gian xét đơn đã quá thời hạn luật định, ông Nguyễn liền xin Tổng Thống Diệm cho hai tăng sĩ được yển kiến để đạo đạt thỉnh nguyện. Tổng Thống chấp nhận ngay và ông Nguyễn đã đích thân đưa hai tăng sĩ vào Dinh Độc Lập trình diện Tổng Thống ngay sau đó.

Sau khi nghe hai tăng sĩ trình bày sự việc và nguyện vọng, Tổng Thống bảo ông Nguyễn:

- Ông Nguyễn qua Bộ Nội Vụ lấy hồ sơ về đây cho tôi.

Trong khi Tổng Thống còn chuyện vãn với hai tăng sĩ, ông Nguyễn đem hồ sơ về trình, Tổng Thống cầm lật coi qua mấy trang rồi hỏi ông Nguyễn:

- Ông Nguyễn đọc chưa?

- Dạ thưa Tổng Thống tôi đọc rồi.

Không hỏi gì thêm, Tổng Thống phê Thuận ngay trước mặt hai Thượng Tọa Trí Thủ, Thiện Minh và ông Võ Như Nguyễn, Hồ sơ được giao trả lại cho Bộ Nội Vụ, để làm thủ tục, rồi sau đó chuyển đạt cho Hội Phật Giáo.

Rất tiếc là hai vị nhân chứng là hai Thượng Tọa kể trên đều đã viên tịch rồi. (Lời ông Võ Như Nguyễn).

Thiết tưởng cần nói thêm ở đây về việc nhóm Tranh đấu của Thượng Tọa Trí Quang đòi hủy bỏ Đạo Dụ số 10.

Đạo Dụ số 10 được Quốc Trưởng Bảo Đại ban hành tháng 8 năm 1950, ấn định các thể thức phải thực hiện khi muốn thành lập một hội đoàn và các điều lệ phải tuân thủ khi hội đã được phép thành lập. Toàn văn Đạo Dụ không một chữ nào đề cập đến vấn đề tôn giáo. Ngoại trừ và duy nhất Điều 44 trong chương Tổng Tắc của Đạo Dụ ghi:

“Chế độ đặc biệt cho các hội truyền giáo Thiên Chúa và Gia Tô và các Hoa Kiều Lý Sự Hội sẽ ấn định sau.”

Nếu hiểu Chế Độ Đặc Biệt nói trong Điều Khoản này là dành cho một Tôn Giáo, thì không lẽ Hoa Kiều Lý Sự Hội cũng là một tôn giáo?

Ngoài ra, các hội truyền giáo tại Việt Nam đã chấm dứt nhiệm vụ từ năm 1960, khi hệ thống giáo quyền Việt Nam được thiết lập.

Người ta không khỏi thắc mắc: Thượng Tọa Trí Quang người chủ chốt trong việc xin thành lập “*Hội Phật Giáo Thống Nhất*”, nếu thấy Đạo Dụ 10 là cách đối xử bất công với Phật Giáo, sao Thượng Tọa không xin hủy bỏ Đạo Dụ này khi Đạo Dụ mới được ban hành, hoặc khi xin thành lập “*Hội Phật Giáo Thống Nhất*”?

Cụ Tôn Thất Thiết, một Phật Tử thuần hành mà thân phụ là Phò Quan Quận Vương Tôn Thất Hân, người đã từng can thiệp cho Hội Chấn Hưng Phật Giáo tại miền Trung được hoạt động đầu thập niên 30, nói với tôi:

“Việc đưa ra đòi hỏi hủy bỏ Đạo Dụ 10, chỉ là kỹ thuật gây cho đồng bào Phật Giáo ấn tượng bị phân biệt đối xử để lôi cuốn họ vào cuộc tranh đấu. Đạo Dụ do Quốc Trưởng Bảo Đại ban hành từ năm 1950, nếu thấy bất công đối với Phật Giáo sao hỏi đó các Thầy không phản đối xin hủy bỏ? Rồi đến thời ông Diệm, từ năm 1954 đến 1962 cũng không xin hủy bỏ, mà phải đợi đến khi tranh đấu mới đòi?”

Sau khi Hội Phật Giáo Thống Nhất được phép thành lập, theo ông Phạm Minh Chiêu, việc tổ chức Đại Hội bầu Ban Trị Sự Trung Ương đã gặp nhiều khó khăn vì sự bất hợp tác của khối Phật Giáo miền Nam. Chính quyền đã

phải vất vả hòa giải, dàn xếp, Đại Hội mới thành hình và đưa đến kết quả, Hòa Thượng Thích Thịnh Khiết được bầu vào chức vụ Hội Chủ và Thượng Tọa Thích Trí Quang được giao nhiệm vụ Tổng Thư Ký. Cả hai vị đều thuộc Hội Phật Giáo Thống Nhất Thừa Thiên.

Sau khi Phật Giáo đã có tổ chức thống nhất, Tổng Thống Ngô Đình Diệm lại khuyến khích, cung cấp tài chánh cho các tăng ni ra ngoại quốc du học để mở mang kiến thức, giúp họ có khả năng và nâng cao trình độ cho hàng ngũ quý vị lãnh đạo Phật Giáo Việt Nam. Sau đây là một vài trường hợp.

Trong thời gian xảy ra biến động được gọi là “*Cuộc tranh đấu của Phật Giáo*”, sau vụ kiểm soát một số chùa, một hôm Tổng Thống Ngô Đình Diệm đến thăm chùa Sư Nữ tại Phú Lâm, do Sư Bà Diệu Huệ, thân mẫu nhà bác học Bửu Hội chủ trì. Sau khi được hướng dẫn đi thăm các cơ sở trong chùa. Tổng Thống nói chuyện với các Sư Nữ về tình hình đất nước, về những rắc rối đang xảy ra giữa Phật Giáo và Chính Phủ...

Tổng Thống Diệm nhắc lại những liên hệ cá nhân giữa ông với Phật Giáo, với các vị Hòa Thượng, Thượng Tọa, từ khi ông còn đang âm thầm hoạt động đấu tranh cho nền độc lập của đất nước. Thái độ đối xử và những giúp đỡ đặc biệt của ông đối với Phật Giáo từ khi về chấp chánh...

Các vị Sư Nữ đã bật khóc trước thái độ và những lời nói chân tình của Tổng Thống.

Cuộc nói chuyện vừa dứt thì một vị tăng sĩ tiến tới chào Tổng Thống. Và sau đây là mẫu đối thoại giữa Tổng Thống và vị tăng sĩ:

- Thầy đi học về khi mô vậy?

- Thưa Tổng Thống, con về gần ba tháng nay. Anh em chúng con (không nói rõ bao nhiêu người) hôm về đã có đến trình diện Tổng Thống.

- Học có được không?

- Dạ thưa, được Tổng Thống ưu ái cho đi du học, nên chúng con đã cố gắng để theo kịp bạn bè cùng khóa.

- Tiền bạc có đủ không?

- Dạ thưa cảm ơn Tổng Thống, được Tổng Thống thương cho quá đầy đủ. Ăn uống chẳng tốn bao nhiêu, chỉ tốn tiền sách vở thôi, nên số tiền Tổng Thống cho rất đầy đủ.

- Học về rồi phải đem những gì đã học được, áp dụng vô trong tổ chức của mình, từ tổ chức đến việc đào tạo cán bộ. Tôi nghĩ bên Phật Giáo nên chủ trương như bên Công Giáo, nghĩa là phải đi tu từ 9, 10 tuổi đến 30 tuổi mới thành một Linh Mục. Có như thế mới chọn lựa được kỹ càng cả về đạo đức và học vấn. Bên Công Giáo lúc sau ni có thâu nhận thanh niên vào học lên Linh Mục sau khi đã đậu tú tài. Nhưng cách đó xem ra chọn lựa không được kỹ càng bằng lớp bắt đầu đi tu từ nhỏ.

Nói đến đây, Tổng Thống bảo vị tăng sĩ:

- Thôi cố gắng làm việc tử tế.

Thiếu Tá Phạm Tường, Giám Đốc Nha Công An Cảnh Sát Cao Nguyên Trung Phần, định cư tại Thành Phố Boston, Tiểu Bang Massachusetts, Hoa Kỳ (mới mất hồi trung tuần tháng 12. 2002) và Đại Úy Lê Châu Lộc, Sĩ Quan Tùy Viên, là những người đã có mặt trong cuộc thăm viếng trên đây của Tổng Thống Diệm.

Tổng Thống Ngô Đình Diệm không những chỉ nâng đỡ Phật Giáo trong nước, mà bất cứ ai, bất kỳ ở đâu, khi niềm tin tôn giáo của họ bị chà đạp, ông đều tự thấy có bổn phận phải nâng đỡ họ.

Tôi được Thượng Nghị Sĩ Lê Châu Lộc, nguyên Sĩ Quan Tùy Viên của Tổng Thống Diệm, hiện định cư tại Hoa Kỳ, kể lại:

“Năm 1959, sau khi đắc cử Tổng Thống nhiệm kỳ hai. Ba ngày sau khi có kết quả bầu cử, Tổng Thống gọi tôi (Đại Úy Lộc) và Đại Úy Nguyễn Bằng (Sĩ Quan Cận Vệ), đi theo. Tổng Thống đến các chùa trong khu vực nội và ngoại thành Sài Gòn để cảm ơn khối Phật Giáo đã ủng hộ ông. Tại một ngôi chùa nọ, khi tiếp đón Tổng Thống, Thượng Tọa trụ trì đã trách ông rằng:

- Tổng Thống có chuyện vui mà không cho anh em chúng tôi biết để chúng tôi được cùng chung vui với Tổng Thống.

Tổng Thống trả lời:

- Có chuyện chi vui mà tôi giấu các Thầy mô?

- Dạ, thưa Tổng Thống, qua Tăng Đoàn Tích Lan, chúng tôi được biết, Tổng Thống đã tặng Đức Đạt Lai Lạt Ma một số tiền lớn.

Nghe vậy, Tổng Thống hơi đỏ mặt, ngồi lặng thinh một lúc, rồi nói:

- Vì là một việc tế nhị, tôi không muốn cho ai biết, chứ không phải có ý giấu các Thầy. Tôi có nhận được giải thưởng Leadership Magsaysay 10.000 đô la. Tôi thì không có nhu cầu chi. Gặp lúc Đức Đạt Lai Lạt Ma, vị lãnh tụ và là biểu tượng của tinh thần tranh đấu bất khuất để bảo vệ niềm tin, bảo vệ tôn giáo, bảo vệ dân tộc ngài, đang gặp

hoạn nạn, phải sống lưu vong, cần nhiều sự giúp đỡ. Tôi thấy mình có bốn phận phải giúp ngài. Tôi có nhờ Thủ Tướng Nerhu chuyển số tiền này cho ngài, nhưng ông khước từ, có lẽ ông ngại mất lòng Trung cộng, nên tôi đã phải tìm đường khác chuyển số tiền cho ngài.

Các Thầy cũng biết, mình đang phải chiến đấu chống lại một chủ nghĩa vô thần rất tàn bạo. Chỉ có niềm tin tôn giáo mới có đủ sức mạnh chống lại được với chủ nghĩa tai hại này. Vì thế, đối với việc phát huy, củng cố, bảo vệ niềm tin tôn giáo, bất kể là tôn giáo nào, mình cũng có bốn phận phải khuyến khích và giúp đỡ.

Chuyện trên đây, Thượng Tọa, nay là Hòa Thượng Thích Quảng Liên biết rõ. Vì khi Tổng Thống đến, các vị tăng sĩ đứng sắp hàng hai bên đường vào chùa đón Tổng Thống. Khi đi ngang qua Thượng Tọa Thích Quảng Liên, Tổng Thống dừng lại hỏi:

- Thầy về khi mô?

- Dạ, con mới về, chưa kịp vào chào Tổng Thống.

- Không sao. Khi mô Thầy muốn vô, nói Sĩ Quan này (Đại Úy Lộc) sắp xếp cho vô.

Mấy ngày sau Thầy Quảng Liên đã đến nhờ tôi (Đại Úy Lộc) hướng dẫn vào yết kiến Tổng Thống.

Sự việc trên đây cũng được ông Huỳnh Văn Lang ghi lại trong *Nhân Chứng Một Chế Độ*, tập ba, nơi trang 151 như sau:

“Chế độ Ngô Đình Diệm theo như tôi biết không bao giờ có kỳ thị tôn giáo, không bao giờ bắt ép người vô đạo, không bao giờ chủ trương giết hại Phật Tử. Sau đây là một tỷ dụ mà các Thầy Thích Thiện Minh, Thích Thiện Hòa,

Thích Quảng Liên có biết. Năm 1959, Tổng Thống Diệm có được giải thưởng Leadership Magsaysay, một ngàn phiếu là 15.000 US, vì là có vấn đề hối đoái, nên đã hỏi tôi phải làm sao? Tôi đề nghị: Đặc biệt Viện Hối Đoái cho phép Tổng Thống mở một trương mục gọi là Compte Etranger ở Việt Nam Thương Tín hay Ngân Hàng nào khác cũng được, để khi nào Tổng Thống dùng hay chuyển cho ai cũng được, khỏi phải chuyển qua chuyển lại mất công giấy tờ lâu lã và vô ích. Và sau đó Tổng Thống Diệm có cho tôi biết là đã gửi qua New Delhi, bảo ông Đỗ Vạn Lý đang làm Tổng Lãnh Sự, tìm thể gửi tặng Đức Dalai Lama Tây Tạng, đang tỵ nạn ở Ấn Độ. Cái nghĩa cử đó có chứng minh rằng ông Diệm không có kỳ thị tôn giáo chẳng? Ngoài ra ông Diệm cũng đã có trợ giúp một hai Đại Đức đi tu học qua Gia Nã Đại, có thể Thầy Thích Quảng Liên biết rõ điều đó, tôi cũng biết, vì có vấn đề hối đoái hay là chuyển ngân”.

2. Tại sao có qui định thể thức treo giáo kỳ và cờ hội đoàn?

Ngay từ những năm đầu của chế độ, mỗi lần đến thăm các khu định cư của đồng bào theo đạo Công Giáo, Tổng Thống Ngô Đình Diệm đều thấy họ dùng cờ Vatican để trang trí dọc những con đường ông đi qua và nơi ông đến. Tổng Thống đã chỉ thị Bộ Nội Vụ ra Nghị Định và sau đó, chính ông ban hành Sắc Lệnh ấn định thể thức treo Quốc Kỳ và các cờ Hội Đoàn, nhằm biểu lộ sự tôn kính đối với Quốc Kỳ.

Trong tác phẩm “*Ngô Đình Diệm và Nỗ Lực Hòa Bình Đang Dở*” viết bằng tiếng Pháp, Nguyễn Vy Khanh chuyển ngữ, tác giả cựu Trung Tá Nguyễn Văn Châu, Giám Đốc

Nha Chiến Tranh Tâm Lý Bộ Quốc Phòng từ 1956 đến 1962 viết:

“Nghị định do Phủ Tổng Thống ban hành vào ngày 6 tháng 5. 1963 nhắc nhở lại những biện pháp đã được quy định vào năm 1957 và 1958 về việc treo cờ của Giáo Hội”

Phân chú thích ghi:

“Các Nghị Định của Bộ Nội Vụ số 78/NV/NA/85, tháng 9 năm 1957 và số 189/BNV/NA/PS ngày 12 tháng 5 năm 1958” (sđd. Trang 216)

Khi tiếp kiến Phái Đoàn Tìm Hiểu Sự Việc của Liên Hiệp Quốc, Tổng Thống Ngô Đình Diệm đã xác minh:

“... trong một Sắc Lệnh năm trước đã ấn định thể thức treo cờ của tất cả các tôn giáo trong những buổi lễ lược ngoài trời” (“Phúc Trình Liên Hiệp Quốc”: Trang 50)

Sắc Lệnh ấn định thể thức treo Quốc Kỳ và Giáo Kỳ trong những ngày lễ lớn của các tôn giáo được Tổng Thống Diệm đề cập trên đây, nếu tôi nhớ không lầm, được ban hành vào đầu năm 1962, hơn một năm trước ngày Lễ Phật Đản năm 1963.

Như vậy, rõ ràng là thể thức treo Giáo Kỳ và cờ các Hội Đoàn đối với Quốc Kỳ, trước tiên được quy định bởi Nghị Định của Bộ Nội Vụ, sau đó, bởi Sắc Lệnh do chính Tổng Thống ký ban hành.

Nói cách khác, cờ các tôn giáo, cờ các hội đoàn, được treo trong các ngày lễ của những tổ chức này. Nhưng phải treo theo thể thức đã được quy định để biểu thị sự tôn trọng Quốc Kỳ là biểu tượng của Quốc Gia.

Một vấn đề được nêu lên: Thể thức treo cờ các tôn giáo và hội đoàn đối với Quốc Kỳ đã được quy định từ năm 1957

và được nhắc lại năm 1958 bằng Nghị Định của Bộ Nội Vụ. Vậy tại sao đến đầu năm 1962 Tổng Thống Diệm còn đích thân ban hành Sắc Lệnh về vấn đề này?

Sau đây là nguyên nhân việc ban hành Sắc Lệnh nói trên:

Tại vùng Cao Nguyên Ban Mê Thuột có một khu đồi rất đẹp được gọi là Đồi Mai, vì đây là khu mọc toàn mai rừng. Mỗi độ Tết đến, mai vàng nở rục cả một vùng trời. Khu đồi lại có độ cao có thể nhìn bao quát một vùng rộng lớn của Cao Nguyên Ban Mê Thuột đến tận hồ Lark, một thắng cảnh nổi danh của vùng Cao Nguyên Trung Phần. Dưới chân đồi là hai xứ đạo di cư. Xứ Giang Sơn do Linh Mục Phạm Hữu Nghị trông coi, (Cha Nghị bị chính quyền Cộng Sản xử bắn năm 1978 trong vụ Nhà Thờ Vinh Sơn) và Xứ Kim Long do Linh Mục Võ Quốc Ngữ cai quản. Hai Giáo Xứ hiệp lực kiến thiết khu đồi này thành một địa điểm hành hương với tượng đài Đức Mẹ Ban On cao gần 5 thước và 14 chặng đèn Thánh Giá.

Tôi được cựu Thiếu Tá Phạm Tường, Giám Đốc Nha Công An Cảnh Sát Cao Nguyên Trung Phần kể lại: Tháng 5. 1961, công trình xây dựng địa điểm hành hương trên đây hoàn tất. Muốn cho cuộc lễ khánh thành được thêm phần long trọng, Cha Nghị đã nhờ Đại Tá Tư Lệnh Sư Đoàn 23 Bộ Binh và ông (Tường), về Sài Gòn mời Tổng Thống lên chủ tọa.

Vì bận công vụ, Tổng Thống cử ông Bộ Trưởng Canh Nông đại diện, và dặn đem theo chuyên viên quay phim cuộc lễ đem về cho Tổng Thống coi.

Một buổi tối coi phim cuộc lễ khánh thành cùng với số viên chức thân cận, Bí Thư, Chánh Văn Phòng, Tùy viên...

thấy cờ Vatican được treo quá nhiều trong khi Quốc Kỳ thì hầu như không có, Tổng Thống liền chỉ thị: Viết ngay một văn thư ấn định rõ ràng thể thức treo Giáo Kỳ... Nhưng có lẽ sau một ngày mệt nhọc, dịp này viên chức trách nhiệm đã quên thi hành khẩu lệnh của Tổng Thống. Sĩ Quan Tùy Viên của Tổng Thống có mặt trong buổi coi phim này là Đại Úy Lê Châu Lộc hiện định cư tại Hoa Kỳ. (Thời Đệ II Cộng Hòa Đại Úy Lộc là Thượng Nghị Sĩ)

Tháng 8 năm 1961 ra dự lễ cung hiến Vương Cung Thánh đường La Vang, Tổng Thống Diệm thấy cảnh cờ Vatican vẫn treo quá nhiều trong khi chỉ có một lá Quốc Kỳ treo trước cửa Nhà Thờ. Trở về Sài Gòn, ông đã chỉ thị soạn thảo ngay một Sắc Lệnh quy định đầy đủ, chi tiết hơn, về cách thức treo Quốc Kỳ và cờ tôn giáo, hội đoàn trong các ngày lễ, hội của tôn giáo, hội đoàn, kích thước phải dùng cho Quốc Kỳ, Giáo Kỳ, cờ các hội đoàn, v.v. Sắc Lệnh được ban hành vào đầu năm 1962.

Mặc dầu việc phải tôn trọng Quốc Kỳ trong các cuộc lễ tôn giáo đã được nhắc nhở ngay từ những năm đầu của chế độ Đệ I Cộng Hòa (1957, 1958) bằng Nghị Định của Bộ Nội Vụ, và đến năm 1962 bằng chính Sắc Lệnh của Tổng Thống. Nhưng điều đáng buồn là, dân tộc Việt Nam sau cả ngàn năm bị ngoại bang thống trị, không những chỉ dân chúng, mà ngay cả đến trong hàng ngũ giới trí thức, giới lãnh đạo các tôn giáo, đoàn thể, không còn mấy ai ý thức được lòng tự trọng dân tộc, niềm kiêu hãnh của một đất nước thực sự Độc Lập và có chủ quyền qua biểu tượng lá Quốc Kỳ. Bởi thế, các viên chức cũng như cơ quan hữu trách đã không ý thức được tầm quan trọng của các

Nghị Định và Sắc Lệnh nói trên. Việc phổ biến, học tập về những quy định này đã không được thực hiện đúng mức, nên ý thức tôn trọng Quốc Kỳ vẫn chưa có được trong đầu óc người dân.

Ngược lại, quan niệm số lượng cờ được giăng mắc trong các dịp lễ lược, kỷ niệm, là biểu tượng sức mạnh của tôn giáo, của đoàn thể mình vẫn còn in sâu trong tâm khảm họ. Vì vậy mà trong các dịp này họ vẫn hành động theo thói quen từ lâu đời, chỉ treo cờ tôn giáo hặc hội đoàn mình.

Một trường hợp điển hình

Tháng 6 năm 1962, Dòng Chúa Cứu Thế ở Huế tổ chức cuộc rước kiệu Đức Mẹ Hằng Cứu Giúp rất trọng thể. Đoàn kiệu xuất phát từ Nhà Thờ Dòng Chúa Cứu Thế được rước đi ngang qua các đường: Khải Định, Hàm Nghi, Trần Cao Vân, Duy Tân về tập trung tại sân vận động của Nhà Dòng trên đường Khải Định. Theo thói quen như từ trước, khắp nơi quanh Nhà Thờ, trong khuôn viên, tại lễ đài, nhà giáo dân, suốt dọc lộ trình đoàn rước đi qua, chỗ nào cũng treo cờ Vatican, mặc dù Sắc Lệnh quy định thể thức treo Quốc và Giáo Kỳ mới được ban hành cách đó mấy tháng.

Được biết tình trạng này, Đức Giám Mục Ngô Đình Thục đã yêu cầu chính quyền và Nhà Dòng phải cho hạ ngay mọi lá cờ Vatican treo không đúng quy định. Ty Cảnh Sát Huế đã phái nhân viên phối hợp với Ban Tổ Chức cuộc kiệu đi hạ cờ theo yêu cầu của Đức Cha Thục.

Một số người đã tham gia việc hạ cờ Vatican treo sai quy định trên đây hiện định cư tại Hoa Kỳ, ông Hoàng Ngọc Trạo ở San José, California, ông Hồ Đắc Trọng ở Thành Phố Gradena, California.

Đến cuối năm, tháng 9 hay tháng 10, tôi không nhớ chính xác, Họ Đạo Dòng Chúa Cứu Thế làm lễ khánh thành ngôi Nhà Thờ mới. Qua kinh nghiệm trong cuộc rước kiệu kể trên, nhà giáo dân trong Họ Đạo không treo cờ Vatican, nhưng trong khuôn viên và chung quanh Nhà Thờ vẫn còn treo nhiều cờ sai quy định. Một lần nữa Đức Cha Thục lại can thiệp và Ngài cho biết chỉ đến làm phép Nhà Thờ khi việc hạ cờ treo sai quy định hoàn tất. Một Thầy Dòng từ Sài Gòn ra dự lễ khánh thành Nhà Thờ đã tham gia việc hạ cờ Vatican treo sai quy định lần này là Thầy Edmond, hiện ở Nhà Dòng Chúa Cứu Thế Long Beach.

Tiếc rằng khi “*Biến cố cờ Phật Giáo*” bùng nổ, Đức Cha Thục đã có phản ứng quá nóng nảy trong lời nói khi phát biểu về một vài vị lãnh đạo phong trào tranh đấu, cũng như đã có một số hành động đối kháng phong trào này. Mặc dầu một số Linh Mục uy tín trong Giáo Phận Huế thời bấy giờ, trong đó có cố Đức Hồng Y Nguyễn Văn Thuận và ông Ngô Đình Cẩn cố gắng can ngăn.

Hành động quá nóng nảy của Đức Cha Thục đã làm lu mờ tinh thần thượng tôn pháp luật của Đức Cha trong quyết định bắt hạ cờ Vatican tại Họ Đạo Dòng Chúa Cứu Thế Huế. Hành động này làm cho người bàng quan dễ tin vào những người xuyên tạc, cố tình diễn giải sai lạc chỉ thị của Tổng Thống Diệm nhắc phải treo cờ tôn giáo theo quy định mà vì lý do bí ẩn nào đó, viên chức thừa hành đã để đến sát ngày Lễ Phật Đản mới phổ biến. Trong khi chỉ thị này đã được Tổng Thống ban ra trước đó hơn hai tháng. Tệ hại hơn, hành động của Đức Cha Thục còn đáp ứng đúng điều ước mong thầm kín, nếu không muốn nói là mưu độc

của Thượng Tọa Trí Quang và nhóm tranh đấu quá khích. Họ đang cố tìm kiếm dữ kiện khả dĩ chứng minh tính cách chính đáng cho hành động của họ và khơi nguồn cho sự đổ kỵ Công Giáo-Phật Giáo. Vì vậy họ đã nắm bắt ngay những sự việc do Đức Cha Thục tạo ra, diễn dịch theo cung cách của họ để làm bằng chứng cho một tinh thần kỳ thị, khích động lòng tự ái tôn giáo để lôi cuốn giới lãnh đạo và đồng bào Phật Giáo nhập cuộc. Đồng thời, với sự hỗ trợ của một số cơ quan truyền thông Hoa Kỳ, họ triệt để khai thác những dữ kiện ấy để che đậy kín đáo hơn các thế lực đứng sau lưng họ, và mục đích thật của cuộc đấu tranh được họ phát động dưới “*danh nghĩa Phật Giáo*”. Mục đích này, sau khi đã huy động được một khối tín đồ đáng kể tham gia phong trào và tranh thủ được dư luận bên ngoài ủng hộ cuộc tranh đấu, Thượng Tọa Trí Quang đã không ngần ngại nói thẳng với nữ phóng viên Marguerite Higgins: “*Chúng tôi không thể dàn xếp được với Bắc Việt cho đến khi trừ khử được Diệm và Nhu*” . (*Our Vietnam Nightmare*. Trang 28)

Quyết định bắt hạ cờ Vatican trong cuộc kiêu của Họ Đạo Dòng Chúa Cứu Thế Huế và dịp lễ khánh thành ngôi Nhà Thờ mới cũng tại Họ Đạo này, có thể chứng minh rằng những phản ứng nóng nảy của Đức Cha Thục trong biến cố cờ Phật Giáo, cũng tại Huế, không phải do tinh thần kỳ thị tôn giáo. Vậy thì do đâu Đức Cha Thục lại có những phản ứng tai hại như thế?

Theo tôi, những yếu tố: Tinh thần đoàn kết hỗ trợ nhau của anh em chị em Tổng Thống Diệm trong công cuộc tranh đấu cho nền độc lập và quyền lợi đất nước theo lời

trắng trối của thân phụ, như tôi đã kể trong mục “*Con Người*” ông Ngô Đình Cẩn. Lòng tự ái gia tộc trong một con người từng được bạn bè Năm Châu nhìn nhận là thông minh xuất chúng và từ thời thơ ấu đã quen sống trong một khuôn khổ kỷ luật chặt chẽ. Tính nóng nảy, ngay thật đến ngây thơ, cư xử vụng về. Đó là những động lực đã thúc đẩy Đức Cha Thực hành động một cách thiếu suy nghĩ và vô chính trị như vậy.

3. Lý do có công điện nhắc treo cờ theo quy định dịp Lễ Phật Đản năm 1963

Ông Dương Văn Hiếu, Phụ Tá Cảnh Sát Đặc Biệt Tổng Nha Công An Cảnh Sát thời Đệ Nhị Cộng Hòa, nguyên Trưởng Đoàn Công Tác Đặc Biệt Miền Trung kể lại với tôi:

“Khoảng mười ngày sau khi xảy ra tai nạn tại Đài Phát Thanh Huế, tôi vào trình Tổng Thống một số công việc liên quan đến tình hình lúc ấy. Tổng Thống với vẻ mặt hết sức buồn phiền kể lại rằng:

Tháng 3 mới rồi tôi đi thăm Khu Dinh Điền Vị Thanh, khi đi ngang một ngôi chùa, cờ Phật Giáo treo trên cột cao giữa sân chùa, còn cờ Quốc gia bằng giấy, chỉ bằng chừng ni (vừa nói Tổng Thống vừa xòe bàn tay ra), dán trên trụ cột ngoài cổng chùa. Như rửa thì còn chi là thể thống Quốc Gia.

Khi về, tôi cho mời Đức Khâm Mạng Tòa Thánh và ông Mai Thọ Truyền (một trong hai vị Phó Hội Chủ Tổng Hội Phật Giáo Việt Nam) vô cho biết tình trạng như rửa, và yêu cầu lưu ý các giáo dân phải tôn trọng cờ Quốc Gia. Mỗi khi có lễ lược phải treo cờ tôn giáo của mình theo thể thức đã được quy định để biểu lộ sự tôn trọng đối với cờ Quốc

Gia. Đức Khâm Sứ có thừa lại, Ngài nhận thấy bên Công Giáo thiếu hướng dẫn cho các giáo dân, nên làm tượng cờ của Quốc Gia Vatican là cờ của Tòa Thánh. Giáo Hội Công Giáo không có cờ riêng. Ngài hứa sẽ lưu ý Hội Đồng Giám Mục Việt Nam vấn đề này, yêu cầu giải thích cho giáo dân biết, phải tôn trọng các quy định của Chính Phủ đối với Quốc Kỳ của nước Việt Nam trong các ngày lễ, khi muốn treo cờ Vatican. Ông Mai Thọ Truyền cũng thừa rằng, sẽ làm như bên Công Giáo.

Sau đó tôi mới bảo Quách Tòng Đức gửi công điện nhắc các Tỉnh, chú tôi có cấm cản chi mô! Không hiểu tại rằng hấn để ngày chót mới gọi công điện. Khi xảy ra chuyện tôi kêu vô hỏi, hấn xin thôi. Công chuyện đổ bể như ri rồi, xin thôi thì ích chi?”

Trên đây là lý do đưa đến việc một lần nữa, Tổng Thống Diệm chỉ thị nhắc lại việc áp dụng thể thức treo cờ tôn giáo, hội đoàn đối với Quốc Kỳ trong các ngày lễ.

Và dưới đây là nguyên văn Công Điện số 9159 đề ngày 6. 5. 1963 nhắc việc phải treo cờ Quốc Kỳ tại các nơi thờ tự:

Văn Phòng Phủ Tổng Thống trân trọng chuyển đến Quý Ông chỉ thị sau đây của Tổng Thống.

Ra chỉ thị cho các cơ quan phụng tự bất câu tôn giáo nào trên các cơ sở phụng tự (Nhà Thờ, chùa chiền...) chỉ treo cờ Quốc Gia mà thôi. Chính Phủ đã hỏi các tổ chức tôn giáo đều đồng ý là con dân trong một nước chỉ treo cờ Quốc gia. Sự treo cờ, ảnh ở phía trong thì tùy nghi (thường thì treo ảnh, có khi dán ảnh trên bức vải như lá cờ cũng có, ở các nước, dẫu phía trong nơi phụng tự, người ta cũng treo cờ Quốc Gia). Lúc trước có khi vì muốn tránh treo cờ hiệu gì khác. Nước nhà độc lập nên chỉ treo cờ Quốc gia. Các nhà tự cũng vậy. Trân Trọng.

Còn tại sao ông Quách Tòng Đức để đến trước ngày Lễ Phật Đản mới gửi công điện thì, theo nhận xét của Tướng Tôn Thất Đình:

“Tổng Thống chỉ ra khẩu lệnh. Có nghĩa là không có tính cách gấp rút, thượng khẩn hay hỏa tốc gì cả. Tự tay Tổng Thống không viết, không ký một bản văn nào... Theo tôi biết, ông rất cẩn thận ngay trong từng lời phê trong các văn kiện và rất chậm, đôi khi quá chậm vì suy nghĩ trước khi ban hành bất cứ một lệnh nào”. Và *“việc làm hết sức bất thường mà từ trước chưa bao giờ xảy ra là, ông Đức đã gọi đi một Công Điện quan trọng như vậy mà không tham khảo ý kiến ông Cố Vấn Ngô Đình Nhu”*.

Và ông Đình nêu lên nghi vấn: Lễ nào lại tự tiện đánh đi một Công Điện như vậy nếu không được tình báo Mỹ tổ chức? (*“20 Năm Binh Nghiệp”*: Trang 307)

4. Lệnh cấm treo cờ Phật Giáo?

Biến động được gọi là *“Cuộc tranh đấu của Phật Giáo”*, chống lại *“Chính sách kỳ thị tôn giáo”* của Tổng Thống Ngô Đình Diệm, được khởi động ngày 7 tháng 5 năm 1963 từ Huế, trước Lễ Phật Đản một ngày. Với lý do: Tổng Thống Ngô Đình Diệm đã ra lệnh cấm treo cờ Phật Giáo ngày Lễ Phật Đản, ngày 8 tháng 5 năm ấy.

Trước khi thuật lại diễn biến của biến động này, tôi thấy cần phải nói về những lý do được nhóm Tranh đấu của Thượng Tọa Trí Quang nêu lên để phát động vụ nổi lên chống cái mà họ gọi là *“lệnh cấm treo cờ Phật Giáo”*. Vì những lý do này đã được một số báo chí, tài liệu ngoại quốc và hồi ký của mấy giới chức Việt Nam tường thuật lại, khi đề cập đến *“vụ Phật Giáo”* năm 1963:

Thứ Nhất: Vì Đức Tổng Giám Mục Ngô Đình Thục, bào huynh của Tổng Thống Ngô Đình Diệm, tham vọng lên chức Hồng Y đã bắt Tổng Thống Diệm ra lệnh này.

Thứ Hai: Vì chỉ trước đó 2 ngày, tức ngày 5 tháng 5 Lễ Ngân Khánh Giám Mục của Đức Cha Thục được tổ chức trọng thể, cờ Vatican được treo khắp Thành Phố Huế xuống đến tận vùng Vỹ Dạ, ngoại ô Thành Phố.

Các tài liệu, sách báo, hồi ký kể trên nói rằng, những điều đó làm cho các nhà lãnh đạo Phật Giáo bất bình và coi đó là sự đối xử bất công của Tổng Thống Diệm đối với Phật Giáo.

Về lý do thứ nhất. Không ai có thể quyết đoán một điều mà nếu có, cũng chỉ có trong thâm tâm của Đức Cha Thục. Đó là điều Đức Cha Thục tham vọng lên chức Hồng Y. Hơn nữa, với Giáo Hội Công Giáo, số lượng giáo dân trong tổng số dân sinh sống trong địa hạt của Giáo Phận, không phải là điều kiện bắt buộc phải có để vị Giám Mục của Giáo Phận ấy được nâng lên hàng Hồng Y.

Về lý do thứ hai: Lý do này hoàn toàn không đúng sự thật. Vì đúng ngày Đức Cha Thục thụ phong Giám Mục được 25 năm, ngày 4 (không phải ngày 5) tháng 5 năm 1963, Lễ Ngân Khánh của Ngài được tổ chức tại Trường Đại Học Đà Lạt chứ không phải tại Huế. Lễ này được tổ chức tại Huế vào ngày Lễ kính Thánh Phêrô, Thánh bốn mạng của Ngài, ngày 24 tháng 6. Vì tình hình lúc ấy, Ngài đã không cho Giáo Phận Huế đứng ra tổ chức lễ. Cuộc lễ được số Linh Mục giáo dân phục vụ trong Tòa Tổng Giám Mục tổ chức và chỉ dành cho các Linh Mục, Tu Sĩ trong Giáo Phận tham dự lễ mừng Đức Cha. Một trong số những

giáo dân phục vụ tại Tòa Giám Mục, ở trong Ban Tổ Chức lễ ngày 24.6 là ông Hoàng Ngọc Trợ, hiện định cư tại San Jose, California.

Thượng Tọa Trí Quang đã đưa ra hai lý do nêu trên để phát động cuộc tranh đấu. Nhưng Giáo Sư Nguyễn Văn Trung Khoa Trường Đại Học Văn Khoa Sài Gòn trước 1975, trong bài viết về ông Ngô Đình Cẩn đã tiết lộ phát biểu của Thượng Tọa Trí Quang về “*vụ Phật Giáo*” như sau:

“... bài Hòa Thượng Thích Trí Quang ký thác tâm sự với tôi (Giáo Sư Trung) khẳng định các ông Diệm, Nhu, nhất là ông Cẩn, trừ ông Thục, không trách nhiệm gì trong việc gây ra vụ Phật Giáo”.

Nhưng trong Tiểu Thuyết Tự Ghi nói về vụ Phật Giáo, tập san Giao Điểm số 26.4.1997, Hòa Thượng Trí Quang lại ghi:

“Ông Ngô Đình Diệm muốn Thiên Chúa Giáo của ông độc tôn, muốn anh của ông là Ngô Đình Thục là Hồng Y Giáo Chủ nên ông kỳ thị đàn áp phật giáo”.

Diễn biến cuộc tranh đấu chống “*lệnh cấm treo cờ*”

Như mọi năm trước dưới thời Đế I Cộng Hòa, đồng bào Phật Giáo trong Thành Phố Huế cũng như mọi nơi, chuẩn bị mừng Lễ Phật Đản thứ 2507 (ngày 8.5.1963) rất náo nhiệt. Cờ Phật Giáo tung bay khắp nơi từ cả tuần lễ trước một cách rất yên ổn. Không có triệu chứng gì báo hiệu lá cờ này sẽ là nguyên nhân gây ra một biến cố làm rung động dư luận trong, ngoài nước, tạo ra hàng chuỗi biến động khác kéo dài ròng rã suốt ba năm trời. Và từ đó, lịch sử đất nước đã lật qua một trang được viết bằng

không biết bao nhiêu là máu và nước mắt cho đến ngày 30 tháng 4 năm 1975.

Ngày 7 tháng 5 năm 1963

Sáng ngày 7.5.1963, tôi đang sửa soạn đến văn phòng làm việc thì vợ tôi từ dưới nhà bếp lên hỏi:

- Sao lại có lệnh cấm treo cờ Phật Giáo ngày mai hả anh?

- Làm gì có chuyện kỳ cục như vậy!

- O (tiếng miền Trung có nghĩa là cô, bà cô) vừa đi chợ về nói, ngoài chợ họ đang rì tai rủ nhau chiều nay đi biểu tình, phản đối lệnh cấm treo cờ Phật Giáo ngày mai đấy!

Tôi hết sức ngạc nhiên tự nghĩ, làm sao lại có thể có chuyện kỳ cục như vậy được. Tôi nói với vợ tôi:

- Không có đâu, làm sao lại có chuyện kỳ cục như vậy được.

Tuy nói thế, nhưng trong đầu tôi vẫn thắc mắc: Nếu không có, thì tại sao lại có người dám đi rì tai kêu gọi biểu tình như vậy?

Trên đường đến văn phòng, tôi vào thẳng nhà ông Cẩn và hỏi ông:

- Thưa Cậu, có phải có lệnh cấm treo cờ Phật Giáo ngày Phật Đản không?

Ông tỏ vẻ ngạc nhiên nói:

- Chỉ có điện nhắc phải treo cờ theo quy định chứ hẳn chi có chuyện cấm!

- Thưa Cậu, mới tức thì, bà giúp việc ở nhà con đi chợ về nói, ngoài chợ có người đi rì tai kêu gọi chiều nay đi biểu tình chống “*Lệnh Cấm Treo Cờ Phật Giáo*”.

Ông Cẩn nói lảm rảm như chỉ để cho một mình ông nghe:

- Răng kỳ vậy?

Và ông kêu Đại Ủy Tồn Thất Độ, Trưởng Toán An Ninh, bảo mời ông Tỉnh Trưởng vào gặp ông gấp.

Chừng mười lăm phút sau, ông Tỉnh Trưởng Nguyễn Văn Đảng bước vào, ông Cẩn hỏi:

- Ngoài chợ có người đang đi phao tin có lệnh cấm treo cờ Phật Giáo trong ngày Lễ Phật Đản, và kêu gọi dân chúng chiều nay đi biểu tình chống chuyện nớ, chú có nghe chi không?

- Dạ thưa Cố Vấn tôi không nghe chi hết.

- Chú về cho xe Thông Tin đi loan báo ngay, yêu cầu đồng bào Phật Tử treo cờ mừng ngày Phật Đản như mọi năm, không có cấm cản chi hết. Rồi chú lên nói với ông Khuong, (ông Hồ Đắc Khuong Đại Biểu Chính Phủ) hai anh em gặp các Thầy trên chùa Từ Đàm, tìm cách giải tỏa nguồn tin thất thiệt này ngay đi, kéo sinh chuyện lớn đấy.

Và như thấy trước chuyện gì, ông nói tiếp:

- Chú cùng với ông Khuong nên thảo luận trước với Thượng Tọa Trí Quang về bài diễn văn ông ấy đọc trong buổi lễ sáng mai.

Lời yêu cầu của ông Cẩn đã được nhanh chóng thực hiện. Ngay buổi sáng hôm ấy, xe phóng thanh của Ty Thông Tin đi vòng khắp Thành Phố, loan báo cho dân chúng biết không có lệnh cấm treo cờ Phật Giáo trong ngày Lễ Phật Đản, và yêu cầu đồng bào Phật Tử cứ treo cờ như những năm trước. Hai ông, Đại Biểu Chính Phủ và Tỉnh Trưởng, đã thảo luận với Thượng Tọa Trí Quang về bài diễn văn Thượng Tọa sẽ đọc khai mạc buổi lễ sáng hôm sau. Đồng thời cho Đài Phát Thanh Huế ghi âm sẵn để phát lại trong chương trình phóng sự sẽ được truyền thanh vào tối ngày lễ.

Đến khoảng 10 giờ sáng, ông Bộ Trưởng Nội Vụ Bùi Văn Lương từ Sài Gòn ra gặp các vị Hòa Thượng, Thượng Tọa tại chùa Từ Đàm, giải thích về công điện nhắc việc treo cờ theo quy định. Và chỉ thị cho chính quyền địa phương không phải thi hành lệnh này trong dịp Lễ Phật Đản năm nay vì đã quá cận ngày lễ, mà cờ đã được dân chúng theo thói quen, treo trước cả tuần rồi.

Đến khoảng 5 giờ chiều, một tin gây xúc động cho đồng bào Phật Tử được loan truyền rất nhanh. Phía bên Thành Nội (Tả ngạn sông Hương) thì nghe: Cảnh Sát đang đi hạ cờ Phật Giáo bên Hữu ngạn. Phía bên chùa Từ Đàm (Hữu ngạn sông Hương) thì nghe: Cảnh Sát đã giục bỏ cờ Phật Giáo tại một ngôi chùa trong Thành Nội.

Tuy vậy, lúc ấy tin này cũng không gây nên sự náo động nào trong dân chúng. Ngoại trừ một nhóm khoảng gần một trăm công chức và sinh viên Viện Đại Học Huế, sau giờ làm việc buổi chiều, tập trung trước Tòa Hành Chánh Tỉnh, yêu cầu thu hồi *“lệnh cấm treo cờ Phật Giáo”*.

Nhưng sau khi được ông Tỉnh Trưởng ra tiếp xúc, nhắc lại thông cáo đã được xe Thông Tin loan báo nhiều lần trong ngày hôm ấy. Và cho biết không hề có lệnh cho Cảnh Sát hạ cờ Phật Giáo, số công chức và sinh viên này đã tự động giải tán ra về yên ổn.

Ngày 8 tháng 5

Ngày 8 tháng năm 1963 (15.4 năm Quý Mão), Lễ Phật Đản lần thứ 2507 được cử hành một cách rất trọng thể tại chùa Từ Đàm. Các khuôn hội trong Thành Phố Huế đều tập trung về đây dự lễ một cách êm thấm. Ngoại trừ một đám rước kiệu Phật xuất phát từ chùa Diệu Đế, nằm trên đường Nguyễn Văn Sâm, bên khu Gia Hội.

Để đến chùa Từ Đàm, đoàn rước từ chùa Diệu Đế đi qua các đường Nguyễn Văn Sầm, Trần Hưng Đạo, Lý Thường Kiệt, Nam Giao. (chùa Từ Đàm nằm trên đường này) Suốt lộ trình từ điểm xuất phát đến ngã ba Lý Thường Kiệt-Nam Giao, đoàn rước đi rất trật tự và trang nghiêm. Nhưng khi đến ngã ba Nam Giao, thay vì rẽ bên trái qua đường Nam Giao để đến chùa Từ Đàm cách chừng 300 thước, đoàn rước đi thẳng theo đường Lý Thường Kiệt đến trước Tòa Đại Biểu Chính Phủ cách đó chừng 50 thước, dừng lại, quay qua Tòa Đại Biểu phía bên phải. Lập tức, các biểu ngữ mang nội dung: “*Yêu cầu Chính Phủ thi hành chính sách tôn giáo bình đẳng*”, “*Chúng tôi không từ chối một sự hy sinh nào*”, “*Cờ Phật Giáo quốc tế không thể bị triệt hạ*”, v.v. được một số người trong đoàn rước giấu sẵn trong mình, rút ra và giương lên, hô to cho đoàn rước lặp lại nhiều lần. Có vài người ngoại quốc đi theo đoàn rước đưa máy ảnh lên chụp lia lịa. Trong số người ngoại quốc này có Bác Sĩ Wulff.

Xin được mở dấu ngoặc ở đây để nói qua về Bác Sĩ Wulff và một số đồng nghiệp của ông, Bác Sĩ Holterscheidt. Hai ông này ở trong đoàn ba Bác Sĩ được Chính Phủ Tây Đức đưa qua giúp giảng dạy tại Trường Đại Học Y Khoa Huế. Nếu tôi nhớ không lầm thì, một thời gian sau cuộc đảo chánh 1.11.1963, báo chí Sài Gòn có đăng tin: Trong một cuộc hành quân của Quân Đoàn I, một đơn vị hành quân đã bắt được tài liệu chứng minh hai ông này làm việc cho Đông Đức, và cả hai bị trục xuất khỏi Việt Nam.

Theo Phúc Trình của Phái Đoàn Liên Hiệp Quốc thì nhân chứng số 42, đã khai trước Phái Đoàn rằng: “*Hai Bác*

Sĩ luôn luôn đi sau sinh viên để thúc đẩy họ biểu tình”. (“Phúc Trình Liên Hiệp Quốc”: Trang 223)

Trong lúc đoàn rước dừng lại biểu tình trước Tòa Đại Biểu Chính Phủ, thì bên trong Tòa Đại Biểu, các viên chức cao cấp địa phương: Đại Biểu Chính Phủ, Tướng Tư Lệnh Vùng, Tỉnh Trưởng, Giám Đốc Công An Cảnh Sát đều có mặt, sẵn sàng để cùng đến dự lễ với tư cách Đại Diện Chính Quyền. Ông Đại Biểu Chính Phủ đã phải ra giải thích, dàn xếp hồi lâu đoàn rước mới trở lui đi đến chùa Từ Đàm. Các khẩu hiệu, biểu ngữ họ cầm theo, được đem trưng quanh lễ đài và sân chùa.

Khi đoàn rước di chuyển đến chùa Từ Đàm, người ta thấy một số truyền đơn có nội dung chống Chính Phủ khích động lòng tự ái tôn giáo, v.v. đã rơi rớt trên mặt đường nơi họ đứng trước Tòa Đại Biểu Chính Phủ.

Tại chùa Từ Đàm, khi mọi thành phần dự lễ đã an vị, sau một vài nghi thức mở đầu thông thường, Thượng Tọa Thích Trí Quang đọc diễn văn khai mạc buổi lễ. Nội dung bài diễn văn này hoàn toàn khác với bài đã được hai ông Đại Biểu Chính Phủ và Tỉnh Trưởng thỏa thuận với Thượng Tọa. Phần lớn nội dung bài diễn văn đã được Thượng Tọa dùng để chỉ trích nặng nề điều mà ông gọi là “*Chính sách độc tài kỳ thị tôn giáo*” của Chính Phủ, qua việc được ông diễn giải là mưu định triệt hạ cờ Phật Giáo. Mặc dầu vậy, Phái Đoàn Đại Diện Chính Quyền vẫn tham dự buổi lễ cho đến phút chót, không tỏ thái độ gì đối với bài diễn văn của Thượng Tọa Trí Quang. Ngoại trừ Trung Tá Giám Đốc Nha Công an Cảnh Sát Trần Văn Thuồng, đã bỏ ra về.

Cuối cùng, Thượng Tọa Trí Quang đưa ra 5 yêu cầu được gọi là 5 nguyện vọng:

1. – Yêu cầu Chánh Phủ thu hồi lệnh triệt hạ cờ Phật Giáo.

2. – Phật Giáo phải được hưởng chế độ đặc biệt như các đoàn truyền giáo Thiên Chúa Giáo.

3. – Yêu cầu Chánh Phủ chấm dứt các cuộc bắt bớ và đàn áp Phật Giáo đồ.

4. – Tăng ni và Phật Tử phải được tự do hành giáo và truyền giáo.

5. – Yêu cầu Chánh Phủ bồi thường xứng đáng cho gia đình những nạn nhân trong các vụ lộn xộn vừa qua, và trừng trị nghiêm khắc kẻ chủ mưu giết hại Phật Giáo đồ.

Sau khi cuộc lễ chấm dứt, ông Đại Biểu Chính Phủ, Tướng Tư Lệnh Vùng và ông Tỉnh Trưởng vào tường trình sự việc với ông Ngô Đình Cẩn.

Tôi được biết, trong ngày hôm ấy, khi gặp ông Cẩn, Thượng Tọa Trí Quang đã giải thích rằng, bài diễn văn ông đọc buổi sáng là điều bắt buộc dĩ ông phải làm, để tránh những lộn xộn có thể xảy ra trong cuộc lễ. Và ông cam kết với ông Cẩn sẽ không có chuyện gì xảy ra nữa.

Cuộc rước xe hoa

Theo chương trình ngày lễ thì buổi tối có rước xe hoa và thả đèn trên sông Hương. Đoàn xe hoa tập trung tại chùa Từ Đàm, phát xuất từ đây diễu qua các đường phố chính trong Thành Phố.

Tối hôm ấy, tôi được ông Mullen, Phó Lãnh Sự Mỹ mời dự bữa cơm tại tư thất, nhân dịp ông khoản đãi ba học sinh sắp lên đường qua Mỹ du học theo chương trình trao đổi

sinh viên học sinh giữa hai Chính Phủ Việt-Mỹ. Trong ba học sinh này có một người là con trai ông Đại Biểu Chính Phủ Hồ Đắc Khuong. Tham dự bữa cơm, ngoài ông Phó Lãnh Sự, chủ nhà, khách được mời có ba học sinh và tôi.

Nhà ông Phó Lãnh Sự tọa lạc trên bờ Tả ngạn sông Bến Ngự, gần Cầu Nam Giao, cách chùa Từ Đàm chừng 200 thước đường chim bay.

Khi chúng tôi vừa khởi sự bữa ăn, khoảng 8 giờ tối, thì nghe loa phóng thanh từ chùa Từ Đàm loan báo nhiều lần, có đoàn xe hoa từ Đà Nẵng ra diễn hành. Và yêu cầu đồng bào đang có mặt tại chùa cũng như tại các nơi xung quanh, thay vì tập trung tại đầu cầu Tràng Tiền trước Đài Phát Thanh đón đoàn xe từ Đà Nẵng ra.

Nghe thông báo, tôi hết sức ngạc nhiên vì không hề biết gì về chuyện có xe hoa từ Đà Nẵng ra.

Chúng tôi tiếp tục bữa ăn, nhưng trong bụng tôi cứ thắc mắc tại sao xe hoa từ Đà Nẵng lại ra cách đột ngột thế này? Trong khi tại Huế, như mọi năm, xe hoa đều do các đơn vị Quân Đội thực hiện. Năm nay có lẽ vì tình hình xảy ra ngày hôm trước và nhất là trong buổi sáng, nên cho đến chiều tối không thấy xe nào tập trung tại chùa Từ Đàm.

Chừng hơn một tiếng đồng hồ sau, dùng cơm xong, tôi vội cáo từ ông Phó lãnh Sự ra về vì cảm thấy bồn chồn trong bụng.

Ra khỏi tư thất ông Phó Lãnh Sự, tôi đi thẳng đến Đài Phát Thanh có ý xem tình hình ra sao. Nhưng khi còn cách đài chừng 100 thước thì tất cả các ngã đường đều kẹt cứng, không sao lái xe đến gần Đài được. Tôi quay xe trở về văn phòng, tại đây đã có mặt các ông Hoàng Trọng Bá Chủ

Tịch Phong Trào Cách Mạng Quốc Gia Tỉnh Thừa Thiên, Nguyễn Văn Hà Phó Tỉnh Trưởng và Hồ Đắc Trọng. Chúng tôi được bộ phận an ninh khu vực Đài Phát Thanh báo về cho biết, có mấy Nhà Sư đem tới đài cuộn băng ghi âm bài diễn văn Thượng Tọa Trí Quang đọc khai mạc cuộc lễ buổi sáng, yêu cầu Đài cho phát trong chương trình phóng sự ngày lễ. Quản Đốc Đài, Nhạc Sĩ Ngô Ganh, không chấp thuận vì không phải là cuộn băng đã được Đài thu âm. Bị từ chối, họ liền hô hào đám đông tiến vào chiếm Đài. Trước thái độ hung hăng của số người này và đám đông, ông Quản Đốc vội cho đóng chặt các cửa, đồng thời yêu cầu chính quyền địa phương can thiệp giải quyết tình trạng hỗn loạn phía trước. Đám đông được khích động, mỗi lúc mỗi ồn ào hơn, nhóm nhào tới cửa chính, nhóm leo lên cửa sổ, nhóm tràn lên hành lang hai bên Đài đập phá cửa sổ và hai cửa hông thông vào văn phòng đài. Có mấy người leo lên nóc Đài phát còi kêu gọi đám đông tiến tới.

Trước lời kêu cứu của Quản Đốc Đài Phát Thanh, chính quyền địa phương phía Hành chánh, ông Tỉnh Trưởng Nguyễn Văn Đẳng có một số giới chức an ninh địa phương cùng đi, đến tiếp xúc với mấy Nhà Sư đang điều động đám đông trước Đài Phát Thanh. Đồng thời cho mời Thượng tọa Trí Quang đến giúp cùng giải quyết. Phía quân sự, vì đã gần đến giờ giới nghiêm, Thiếu Tá Đặng Sỹ Tiểu Khu Trưởng Tiểu Khu Thừa Thiên kiêm Phó Tỉnh Trưởng Nội An, người chịu trách nhiệm an ninh tại địa phương, sau khi thảo luận với Đại Úy Nguyễn Phú (cấp bậc sau cùng là Trung Tá, hiện định cư tại Thành Phố Oakland, California), Quân Trấn Trưởng Quân Trấn Huế kiêm

Tiểu Khu Phó, đã báo cáo cho Tướng Lê Văn Nghiêm Tư Lệnh Quân Đoàn I, Vùng I Chiến Thuật ở Đà Nẵng biết về tình hình hỗn loạn đang xảy ra quanh Đài Phát Thanh. Tướng Nghiêm ra lệnh cho ông đến giờ giới nghiêm phải giải tán đám đông, và cho phép ông dùng một Trung Đội binh sĩ và Chi Đội Tuần Thám, loại Amtrack nhẹ không phải thiết giáp, của Tỉnh Đoàn Bảo An trong công tác này.

Qua sự việc xảy ra ngày hôm trước và trong cuộc lễ buổi sáng tại chùa Từ Đàm, là một tín đồ Công Giáo, Thiếu Tá Sỹ nhận thấy việc chỉ huy một lực lượng vũ trang, mặc dầu là lực lượng bán quân sự để giải tán đám đông này quá tế nhị và nguy hiểm. Ông đã đến gặp ông Cẩn xin cho biết nên xử trí cách nào. Ông Cẩn bảo ông:

- Chú phải tuyệt đối thận trọng.

Cựu Trung Tá Nguyễn Phú, một tín đồ Phật Giáo, kể lại:

“Sau khi nhận lệnh của Tướng Nghiêm qua điện thoại tại văn phòng của tôi ở Quân Trấn, Thiếu Tá Sỹ đã tỏ ra thật sự lo ngại đối với nhiệm vụ quá tế nhị này. Ông nói với tôi, mình phải làm sao thi hành được lệnh trên mà đừng để xảy ra chuyện gì đáng tiếc. Ông đã thảo luận hết sức kỹ lưỡng với tôi, và chúng tôi đồng ý với nhau là phải làm sao tránh dùng lực lượng vũ trang trong việc giải tán đám đông, dù là lực lượng bán quân sự. Để thực hiện được điều này, việc giải tán đám đông phải được thực hiện từng bước:

- Dùng loa phóng thanh kêu gọi dân chúng tự động giải tán.

- Nếu sự kêu gọi không kết quả sẽ dùng xe vòi rồng xịt nước.

- Cuối cùng nếu cả hai biện pháp trên không đem lại kết quả, mới dùng đến Trung Đội Tuần Thám của Bảo An. Và Thiếu Tá Sỹ đã phân công cho chúng tôi:

Tôi (cựu Trung Tá Phụ) vừa coi Quân Trấn vừa trách nhiệm về hậu cứ của Tiểu Khu, ở lại tại Bộ Chỉ Huy Tiểu Khu, tập hợp các đơn vị chính quy của Quân Trấn kiểm tra vũ khí cẩn thận. Ông đã thận trọng dặn tôi không được dùng lực lượng này trong việc đối phó với đám biểu tình. Chỉ tự vệ trường hợp Doanh Trại Tiểu Khu bị tấn công.

- Trung Úy Nguyễn Kỳ, (một Phật Tử) Chi Đội Trưởng Chi Đội Tuần Thám đem hai xe bọc sắt và xe vòi rồng sẽ đến Đài Phát Thanh cùng với ông”.

Một điều cần ghi nhận ở đây là, sau cuộc đảo chánh 1.11.1963, Thiếu Tá Đặng Sỹ bị đưa ra Tòa Án xét xử và bị kết án tù chung thân. Tại Tòa, Thiếu Tá Sỹ đã khai rõ ràng, ông được Tướng Lê Văn Nghiêm Tư Lệnh Quân Đoàn cung cấp xe bọc sắt, lính Bảo An, và ra lệnh cho ông giải tán đám biểu tình. Ông yêu cầu Tòa cho Tướng Nghiêm ra đối chất với ông, nhưng lời yêu cầu của ông đã không được chấp nhận.

Diễn biến trước Đài Phát Thanh

Các sự việc xảy ra trước Đài Phát Thanh, tôi được cựu Đại Úy Phạm Văn Vệ, khi ấy là Thượng Sĩ, nhân viên Khu 11 An Ninh Quân Đội (Huế), phụ trách an ninh tại khu vực này tối hôm ấy thuật lại như sau:

“Lúc bấy giờ tôi là Trưởng Ban Công Tác Khu 11 An Ninh Quân Đội do Đại Úy Phạm Bá Thích chỉ huy, có nhiệm vụ sưu tầm tin tức các diễn biến thời sự, chính trị, về nội tình địa phương song song với các hoạt động chống Cộng Sản xâm lược.

Nói riêng về buổi chiều ngày 8.5.1963 xảy ra vụ nổ tại Đài Phát Thanh. Theo tin tức tôi và các nhân viên thuộc quyền ghi nhận qua sự chứng kiến hoặc thu thập qua cộng tác viên, tổng hợp lại thì: Buổi sáng ngày 8.5.1963 có cuộc thuyết pháp của Thượng Tọa Thích Trí Quang tại chùa Từ Đàm. Các Thầy muốn cho phát thanh cuộc băng ghi âm nội dung buổi thuyết pháp. Đã có sự tiếp xúc và thỏa thuận giữa các Thầy và chính quyền địa phương về việc phổ biến. Dù nội dung bài thuyết pháp có lời lẽ chỉ trích chính quyền song không mạnh mẽ quá đáng và đã được đôi bên xét duyệt qua và đồng ý. Nếu mọi việc diễn tiến như đã thỏa thuận thì chắc chắn sẽ không có sự kiện gì đáng tiếc xảy ra. Ngày này, một mặt các Thầy đồng ý sẽ phát nội dung buổi thuyết pháp như đôi bên đã thỏa thuận, song mặt khác lại thực hiện một cuộn băng ghi âm khác mà nội dung đại diện chính quyền không được biết đến. Trong ngày này, khi chưa đến giờ phát thanh buổi chiều (Đài chỉ phát Sáng, Trưa và Chiều tối chứ không hoạt động suốt ngày) thì tại các chợ, phường, xóm trong Thành Phố đã có tin loan truyền kêu gọi đồng bào Phật Giáo tụ tập tại Đài Phát Thanh vào chiều tối để nghe thuyết pháp và đón xe hoa từ Đà Nẵng ra. Càng về chiều, đồng bào từ các nơi kéo về Đài Phát Thanh càng đông, trong khi đó tại chùa Từ Đàm đã có sẵn một số đồng bào cũng kéo về đài. Khi đồng bào đã tập trung đông đảo chật cả khuôn viên Đài Phát Thanh thì có mấy Phật Tử đòi ông Quản Đốc Đài cho phát cuộn băng. Ông Quản Đốc Đài đã cảnh giác nên muốn kiểm duyệt trước nội dung xem có đúng là cuộn băng đã được thỏa thuận trước hay không thì phía mấy Phật Tử

này nhất quyết không cho kiểm duyệt và dùng đám đông la hét làm áp lực buộc ông Quản Đốc phải cho phát cuốn băng họ đưa. Thế là huyền não xảy ra. Các Phật Tử la ó chống đối kịch liệt, một số định trèo lên nóc nhà treo cờ, một số khác xô đẩy định phá cửa đài (đã đóng kín).

Ngay lúc hỗn loạn, Thiếu Tá Đặng Sỹ Phó Tỉnh Trưởng Nội An đi trên một xe bọc sắt với một Trung Úy và binh sĩ tiến vào can thiệp. Xe vừa xuất hiện, Thiếu Tá Sỹ vừa cho phát loa kêu gọi đám đông giải tán thì một số thanh niên bu lại chặn đường, người tìm cách trèo lên xe, người la hét. Bị bao vây, Thiếu Tá Sỹ đứng trên xe bắn mấy phát súng lục chỉ thiên, đồng thời cho nổ mấy trái lựu đạn loại OF, gọi là lựu đạn hơi, để dọa trong khi loa kêu gọi giải tán. Một quả đã nổ cách chỗ tôi đứng chừng hơn một thước mà tôi không hề hấn gì, chỉ bị sức mạnh của hơi tạt vào người làm cho lắc lư. Đang khi một số đồng bào giao động vì tiếng súng, tiếng nổ của lựu đạn hơi, đang tản thoát lui và trên cửa Đài Phát Thanh vẫn la ó, xô đẩy cửa thì một tiếng nổ rất dữ dội lửa chớp sáng lóe lên xảy ra ngay trên thềm đài nơi cửa ra hành lang làm cho một số chết tại chỗ. Liên sau đó xe vội rống được điều động đến xịt nước giải tán đám người còn ở giữa sân. Hơn phân nửa số người bởi hoảng sợ đã bỏ chạy tản mác ra các khu vực chung quanh. Cuối cùng đám người biểu tình cũng đã giải tán.

Các bác sĩ giáo nghiệm các tử thi trong biên bản ghi là người chết vì sức ép của chất nổ cực mạnh chứ không hề có ghi vì xe tăng cán chết hoặc do súng bắn.

Những điểm tôi cần nhấn mạnh ở đây là:

* Thiếu Tá Sỹ chỉ bắn mấy phát súng lục chỉ thiên chứ

ông cũng như binh sĩ dưới quyền không bắn thẳng vào đồng bào Phật Tử.

* Lựu đạn sử dụng là loại hơi (OF), chứ không phải loại sát thương, vì không có ai bị thương tích gì. Lựu đạn chỉ được liệng vào khoảng trống chứ không vào đám đông.

* Xe bọc sắt của Thiếu Tá Sỹ chỉ tiến được vào giữa sân rất khó khăn, chứ không tiến sát vào được gần thêm đài vì kẹt đám đông.

* Sau khi đám đông giải tán, ở giữa sân không hề có dấu vết gì chứng tỏ xe đã cán chết người như một vài luận điệu hàm hồ cho rằng ông Sỹ đã dùng xe tăng cán người.

Tiếng nổ làm cho 8 em bé từ tuổi 12 đến 14 chết, trong đó có một em là con của Trung Sĩ Dương Viết Tây, phục vụ tại Khu 11 An Ninh Quân Đội Huế, một em là người Công Giáo, và một số bị thương. Ngoại trừ em bé người Công Giáo, 7 em còn lại đều thuộc Đoàn Thiếu Nhi Phật Tử. Các em đứng phía trước, bị đám đông ở phía sau đẩy tới, dồn ép quá chen chúc nên đã bị chết vì sức ép quá mạnh của chất nổ. Lúc ấy khoảng 10 giờ 30 khuya.

Các nạn nhân, người chết cũng như bị thương, đều được đưa vào bệnh viện Trung Ương Huế khám nghiệm và chữa trị”.

Đến khoảng 0 giờ 30 sáng hôm sau, mấy anh em chúng tôi còn ngồi ở văn phòng thì, Thiếu Tá Sỹ từ Đài Phát Thanh gọi điện thoại về cho biết dân chúng đã giải tán hết, tình hình đã yên tĩnh trở lại. Tôi vội lái xe ra ngay hiện trường, được Thiếu Tá Sỹ dẫn đến cho coi nơi phát ra tiếng nổ. Đó là vị trí ngay góc cửa văn phòng Đài đi ra hành lang phía Đông, tức là phía Cầu Tràng Tiền. Chất nổ tạo một lỗ

hôm tròn trên nền gạch bông, sâu chừng 1cm, rộng chừng 15cm. Cánh cửa mở ra hành lang, phía trên có hai lớp, bên ngoài là lá sách, bên trong là kính, tất cả kính đều vỡ bay đi hết, trên tường và cánh cửa không có vết thủng nào.

Ngày 9 tháng 5

Sáng ngày 9 tháng 5 Thượng Tọa Trí Quang xin được đưa tất cả số người chết về chùa Từ Đàm để tổ chức lễ cầu siêu và làm đám táng tập thể. Nhưng vì những việc thất tín ông đã làm trong mấy ngày trước nên chính quyền đề nghị để cho gia đình các nạn nhân tự lo liệu. Những người chết được đưa về gia đình. Đại diện chính quyền và đoàn thể đã đến phân ưu, ủy lạo và giúp đỡ mai táng. Việc chôn cất diễn tiến êm xuôi tốt đẹp.

Cũng trong buổi sáng này, một du luận được tung ra: Số người chết vì bị xe tăng cán. Bác Sĩ Lê Khắc Quyến Giám Đốc Bệnh Viện Trung Ương, Khoa Trưởng Trường Đại Học Y Khoa Huế, nơi có hai Bác Sĩ Wulf và Holterscheidt giảng dạy, đã cho một người bà con của ông là cựu Giám Đốc Công An Cảnh Sát Trung Nguyên Trung Phần Lê Khắc Duyệt, coi những tấm hình xe tăng cán lên xác người.

Nhưng kết quả khám nghiệm các tử thi xác định các nạn nhân bị chết vì sức ép quá mạnh của một loại chất nổ. Mặt khác, các nạn nhân bị chết đều nằm trên thảm hành lang Đài Phát Thanh. Muốn đến được địa điểm này, xe phải băng ngang qua đường Lý Thường Kiệt, qua khoảng sân trước Đài và đi xuống phía bờ sông chừng 10 thước nữa. Tất cả chiều dài đoạn đường này không dưới 40 thước, khi ấy dân chúng đứng chật như nêm cối, chen chân vào không nổi, làm sao một xe bọc sắt kênh cang lại có thể

vượt qua quãng đường này không đụng vào ai để đến cán chết mấy em bé đứng trên hành lang. Một điểm khác nữa là, mặt nền Đài Phát Thanh cao hơn mặt đất khoảng 0, 80 mét có lan can chạy suốt chiều dài hành lang. Loại xe bọc sắt với bánh cao su không thể leo lên một độ cao có thành thẳng đứng như vậy. Hơn nữa nếu xe leo lên được thì làm sao dây lan can không bị ủi sập?

Có lẽ vì những yếu tố quá rõ ràng trên đây, làm cho tấm ảnh xe tăng cán người dễ dàng bị lật tẩy, nên người ta đã không thấy nó được sử dụng.

Tôi thấy cần nói qua về Bác Sĩ Lê Khắc Quyến, một nhân vật luôn sát cánh với Thượng Tọa Thích Trí Quang trong phong trào tranh đấu mang danh Phật Giáo. Từ khi phong trào này được phát động cho đến khi bị Tướng Nguyễn Cao Kỳ dẹp tan.

Ông Quyến từng là thành viên của phong trào bảo vệ hòa bình hoạt động theo lập trường hòa bình của Cộng Sản Bắc Việt, đòi hiệp thương, tổng tuyển cử, v.v. sau khi Hiệp định Geneva được thi hành. (Mười Hương, người chỉ huy mạng lưới tình báo chiến lược của Bắc Việt tại miền Nam và hai nước Miên, Lào, cũng ở trong phong trào này). Nhóm này bị Chính Phủ của Thủ Tướng Ngô Đình Diệm quyết định tống xuất ra Bắc Việt. Một số thành viên của phong trào tại Huế, trong đó có Bác Sĩ Lê Khắc Quyến, đã quy thuận và xin Chính Phủ cho họ được ở lại miền Nam. Ông là một Bác Sĩ Việt Nam có uy tín về nghề nghiệp ở Huế, được bổ nhiệm làm Giám Đốc Bệnh Viện Huế khoảng năm 1956. Ông được ông Cử tin cậy quý mến nhờ săn sóc riêng cho Bà Cụ Ngô Đình Khả. Khi Viện Đại

Học Y Khoa Huế được thành lập ông đã dễ dàng nắm chức Khoa Trưởng. Hai Bác Sĩ người Đức Wulf và Holtescheidt gặp và làm việc với ông tại cả hai nơi Trường Y Khoa và Bệnh Viện Huế. Họ đã nhanh chóng trở nên thân thiết vì cùng có lập trường thân cộng. Vì vậy họ là những người rất hăng say trong phong trào tranh đấu mang danh Phật Giáo chống Tổng Thống Ngô Đình Diệm. Sau khi anh em Tổng Thống Diệm bị giết, ông cùng với một nhóm nhỏ Giáo Sư của Viện Đại Học Huế, dùng phương tiện của Viện Đại Học xuất bản tờ báo *Lập Trường* tích cực khích động tinh thần chia rẽ, đổ kị Công Giáo-Phật Giáo. Khi phong trào tranh đấu của Thượng Tọa Thích Trí Quang hoạt động chống Chính Phủ Nguyễn Văn Thiệu-Nguyễn Cao Kỳ, nhóm này thành lập phong trào nhân dân cứu quốc, đòi đuổi người Mỹ, tách miền Trung khỏi Chính Phủ Trung Ương Sài Gòn thì ông là chủ tịch của phong trào này.

Những ngày kế tiếp, mặc dầu bầu không khí trong Thành Phố vẫn còn vương vấn mầu u ám của tai nạn thảm khốc tại Đài Phát Thanh tối hôm 8.5, nhưng không xảy ra cuộc xáo trộn nào, tuy có tin nhóm Thượng Tọa Trí Quang đang có nhiều mưu tính.

Một tuần lễ sau, Thượng Tọa Thích Trí Quang viết thơ trình bày với ông Cần rằng, việc đưa ra 5 nguyện vọng là do bị áp lực và ông lại cam đoan không có tranh đấu gì nữa. (Trong Bạch thư phổ biến ngày 31. 12.1993, Hòa Thượng Thích Tâm Châu có nói đến việc Thượng Tọa Trí Quang gửi lá thơ này).

Tình hình lắng dịu, chỉ còn những buổi thuyết pháp, tụng kinh, được truyền qua loa phóng thanh mỗi buổi

chiều tại hai chùa Từ Đàm và Diệu Đế kéo dài chừng mười ngày. Đến cuối tháng 5 thì đột phát trở lại với những cuộc tụ họp tại một vài chùa của một số thanh niên gồm sinh viên Viện Đại Học Huế và học sinh Trung Học. Đặc biệt là tại chùa Từ Đàm, nhóm này công khai hoạt động chống Chính Phủ, gây nhiều xáo trộn, làm trở ngại cho sinh hoạt thường ngày của dân chúng không ít.

Để văn hồi trật tự, chính quyền địa phương phải nhờ Quân Đội can thiệp, giải tán những toán biểu tình ngồi lì ngoài đường gần chùa. Tướng Đỗ Cao Trí cho áp dụng biện pháp cứng rắn như cắt điện, cắt nước, đối với hai chùa Từ Đàm và Diệu Đế, nhằm chấm dứt những cuộc tụ họp bất hợp pháp tại các nơi này.

Trong thời gian này, các hoạt động chống Chính Phủ đã lan vào đến các chùa Tỉnh Hội Đà Nẵng, Nha Trang, Đà Lạt, chùa Xá Lợi tại Sài Gòn.

5. Tại sao biến động “cờ Phật giáo” được khởi động từ Huế?

Công điện nhắc nhở việc treo giáo kỳ theo quy định năm 1963 được Chính Phủ Sài Gòn gửi đến cho tất cả các Tỉnh, Thành trong toàn quốc. Không phải chỉ riêng Tỉnh Thừa Thiên và Thành Phố Huế nhận được Công Điện này. Nếu tôi nhớ không lầm thì, dưới thời Đệ I Cộng Hòa, toàn miền Nam có 44 Tỉnh Thành. Vậy tại sao việc phản đối đưa đến biến động chỉ xảy ra tại Thừa Thiên-Huế? Chính xác hơn, là xảy ra trong Thành Phố Huế?

Tôi đã được nghe nhiều người nêu lên thắc mắc trên đây, và hầu như tất cả mọi câu trả lời đều là: Vì Huế là Trung Tâm, là cái nôi của Phật Giáo.

Câu trả lời trên đây, theo tôi, không hoàn toàn đúng vì Huế chỉ là Trung Tâm Phật Giáo của miền Trung. Còn tại miền Nam, khối Phật Giáo đồ nhiều hơn và các hoạt động Phật sự cũng không kém sâu uất so với Huế. Nhưng tại tất cả mọi nơi, kể cả tại miền Trung, ngoại trừ tại Thành Phố Huế, đều yên tĩnh, không có phản ứng gì đối với việc nhắc nhở phải treo giáo kỳ theo quy định, đối với Quốc Kỳ.

Để có thể tìm được một câu trả lời chính xác hơn, đề nghị quý độc giả xét qua lý lịch của những giới chức có trách nhiệm và thẩm quyền, trong việc khởi động cũng như hòa giải biến động này, tại Tỉnh Thừa Thiên và Thành Phố Huế.

1. – Phía Khởi Động:

Người đứng đầu là Thượng Tọa Thích Trí Quang.

Thượng Tọa Trí Quang sinh năm Giáp Tý (1924), tại làng Diêm Điền, Tỉnh Quảng Bình. Thân mẫu ông là hội viên Hội Tiên Thiên Thánh Giáo (hội những người chuyên lên đồng bóng). Khi nhỏ, ông tu học tại chùa Bảo Quốc, Huế với các Thượng Tọa Thích Trí Độ, Thích Mật Thể, v.v. là những vị sáng lập Phong Trào Chấn Hưng Phật Giáo tại miền Trung.

Người ta biết rằng, Phong Trào Chấn Hưng Phật Giáo được thành lập tại Huế vào đầu thập niên 30, với Bác Sĩ Lê Đình Thám là Hội Trưởng, các sư bà Diệu Không, Thượng Tọa Thích Trí Độ, Thích Mật Thể v.v. là hội viên. Chính quyền Bảo Hộ khi ấy không chịu cấp giấy phép cho Phong Trào hoạt động, vì có nghi vấn sao đó. Nhờ có sư bà Diệu Không, một người bà con với Cụ Phò Quan Quận Vương Phụ Chánh Thân Thân Tôn Thất Hân xin Cụ can thiệp,

Phong trào mới được cấp giấy phép. Sau khi Việt Minh cướp được chính quyền, các vị kể trên, ngoại trừ sư bà Diệu Không, đều ra Hà Nội hợp tác, hoạt động với chính quyền Việt Minh. Thượng Tọa Thích Trí Quang được đi theo các vị này, và hoạt động trong hội phật giáo cứu quốc do Thượng Tọa Thích Mật Thể làm chủ tịch. Năm 1947, Thượng Tọa Trí Quang về quê tại Quảng Bình một thời gian ngắn, sau đó vào Huế, trong khi gia đình Thượng Tọa vẫn ở làng quê Diêm Điền trong vùng kiểm soát của Việt Cộng. Vào Huế, Thượng Tọa tiếp tục hoạt động trong hội phật giáo cứu quốc, bị chính quyền Pháp thời ấy bắt giam và bị quản thúc sau khi được trả tự do.

Ông Phạm Tường cựu Giám Đốc Nha Công An Cảnh Sát Cao Nguyên Trung Phần, cựu viên chức công an Tỉnh Quảng Bình cho biết, cuối năm 1953, Thượng Tọa Trí Quang đã bị Đại Úy Le Blaze Trưởng Phòng 5 Secteur Đồng Hới, (bộ phận sở công an Pháp đặt tại các Tỉnh) phối hợp với Ty công an Quảng Bình bắt hụt, khi Thượng Tọa ra gặp Thượng Tọa Thích Trí Độ từ Hà Nội vào tại làng Diêm Điền. Vì đối xung kích của hai cơ quan trên đã đụng phải lực lượng bảo vệ an ninh cho cuộc gặp gỡ này, trước khi đến được địa điểm hai vị Thượng Tọa gặp nhau.

Khi Hiệp định Geneva được ký kết, tháng 7 năm 1954, tại vùng đất sẽ được đặt thuộc quyền quản trị của chính quyền Quốc Gia (phía Nam vĩ tuyến thứ 17), nổi lên một tổ chức mang tên "*Phong trào bảo vệ hòa bình*". Lập trường của phong trào này tôi đã đề cập sơ qua trong đoạn nói về Bác Sĩ Lê Khắc Quế, chủ tịch mặt trận cứu quốc chống Chính Phủ Thiệu-Kỳ ở một phần trên. Phong trào này

hoạt động đòi hỏi Chính Phủ miền Nam phải tôn trọng Hiệp định Geneva, phải hiệp thương với Cộng Sản Bắc Việt, không trả thù những người kháng chiến, tổ chức tổng tuyển cử, v.v. đúng theo lập trường của Cộng Sản Bắc Việt. Vì vậy cuối năm 1954, chính quyền của Thủ Tướng Ngô Đình Diệm đã bắt giữ các thành viên của phong trào này và quyết định tống xuất ra Bắc. Một số thành viên của phong trào này sinh sống tại Huế, trong đó có Thượng Tọa Thích Trí Quang, Bác Sĩ Lê Khắc Quyến, Dược Sĩ Nguyễn Cao Thắng, Thầu Khoán Nguyễn Ngọc Bang, Nhà Buôn Vĩnh Cơ. Những người này đã xin Chính Phủ khoan hồng để được ở lại miền Nam. Thời Đệ I Cộng Hòa Bác Sĩ Quyến và tất cả những người kể trên đều được trọng dụng. Thời Quân Đội nắm quyền dưới cơ chế Ủy Ban Lãnh Đạo Quốc Gia với Trung Tướng Nguyễn Văn Thiệu và Ủy Ban Hành Pháp Trung Ương với Thiếu Tướng Nguyễn Cao Kỳ, Bác Sĩ Quyến là mặt trận cứu quốc của miền Trung, chống lại Chính Phủ Trung Ương.

Được ở lại miền Nam, Thượng Tọa Trí Quang đã tìm mọi cách khai thác triệt để tình đồng hương với ông Ngô Đình Cẩn, để tranh thủ lòng tin của ông.

2. – Phía Hòa Giải:

a/. Người có trách nhiệm đầu tiên về cả hai mặt Hành Chánh và Quân Sự là Tỉnh Trưởng Thừa Thiên kiêm Thị Trưởng Thành Phố Huế Nguyễn Văn Đảng.

Ông Nguyễn Văn Đảng nguyên là một nhân viên hành chánh ngạch Thừa Phái. Giữa năm 1951 ông được ông Lê Văn Đạm, Giám Đốc Nha Quản Lý Viện Trợ Kinh Tế Mỹ-Trung Việt, nhận vào cho tạm coi về nhân viên của Nha

này. Tại đây ông gặp một nữ Thư Ký tên là Lê Thị Trung, nhà ở đường Âm Hồn, trong khu Thành Nội Huế, ông đã bỏ người vợ cũ để lấy cô này. Người vợ mới này của ông cũng là hội viên Hội Tiên Thiên Thánh Giáo như thân mẫu của Thượng Tọa Trí Quang. Đến khi Chính Phủ Mỹ viện trợ trực tiếp cho Chính Phủ Việt Nam, Nha Quản Lý Viện Trợ Kinh Tế Mỹ giải tán, cô Trung được chuyển về Tòa Hành Chánh Tỉnh Thừa Thiên, nơi sau này chồng cô, ông Nguyễn Văn Đảng về giữ chức Tỉnh Trưởng.

Ông Nguyễn Văn Đảng với dáng điệu, cử chỉ, cách ăn nói có vẻ hiền hòa, nhỏ nhẹ, đã được ông Ngô Đình Cẩn đặc biệt nâng đỡ. Từ một Thừa Phái ông được cân nhắc lên dần đến Phó Tỉnh Trưởng Quảng Trị, rồi Tỉnh Trưởng Bình Định, và cuối cùng là Tỉnh Trưởng Thừa Thiên kiêm Thị Trưởng Thành Phố Huế.

Được ưu đãi như thế, nhưng bị ảnh hưởng của người vợ hội viên Hội Tiên Thiên Thánh Giáo, nên ông Đảng đã bị Hội Trưởng của hội này, ông Phạm Ngọc Đạm, một thuộc cấp của ông, điều khiển. Vì thế trước khi Tướng Trần Văn Đôn dời Quân Đoàn I vào Sài Gòn nhậm chức Tư Lệnh Lục Quân, ông Đảng đã mời Tướng Đôn đến nhà, dẫn vào một phòng có bày bàn thờ Phật. Tại đây ông Hội Trưởng Hội Tiên Thiên Thánh Giáo Phạm Ngọc Đạm đứng chờ sẵn. Khi Tướng Đôn bước vào phòng, ông Hội Trưởng mời cùng lễ Phật với ông và ông Đảng. Cuộc lễ Phật được kết thúc bằng màn ông Hội Trưởng đốt một nắm nhang đưa vào miệng nhai, trong khi nắm nhang đang cháy thành lửa ngọn. Sau khi đã nuốt nắm tàn nhang, ông Hội Trưởng quay qua phán rằng:

“Thánh Giáo có chỉ định Trung Tướng Trần Văn Đôn cầm quân đảo chánh.”

Việc này chính Tướng Đôn đã thú nhận trong hồi ký *Việt Nam Nhân Chứng* của ông. (Trang 165)

Có thể tư tưởng đảo chánh chế độ Đệ I Cộng Hòa ám ảnh đầu óc Tướng Đôn từ đó. Mặc dầu ông đã xin được gia nhập đảng Cần Lao đầu năm 1961, sau khi được ông Cẩn cứu cho khỏi bị nghi ngờ có dính líu trong cuộc binh biến ngày 11.11.1960. Ngoài ra, chắc chắn Tướng Đôn còn bị thúc đẩy tham gia đảo chánh bởi một nữ gián điệp của Việt Cộng mà ông rất si mê. Tôi sẽ đề cập tới vấn đề này trong phần viết về ông.

b/. Sau Tỉnh Trưởng sở tại, người có thẩm quyền cao nhất, có khả năng giải hóa vụ này về mặt quân sự, là vị Tư Lệnh Quân Đoàn I và Vùng I Chiến Thuật, Tướng Lê Văn Nghiêm.

Theo một số sĩ quan cao cấp xuất thân từ Huế thì, thời Đệ Nhị Thế Chiến, Tướng Nghiêm ở trong đoàn lính thợ do chính phủ bảo hộ Pháp bắt Chính Phủ Nam Triều cung cấp để đưa sang phục vụ chiến trường tại Pháp. Ông hồi hương năm 1946 với cấp bậc Thượng Sĩ. Khi người Pháp trở lại Việt Nam sau khi quân đội Anh hoàn tất nhiệm vụ giải giới quân đội Nhật, ông Nghiêm đã được ông Trần Văn Lý giới thiệu cho vào quân đội Pháp và được mang cấp bậc Thiếu Úy. Giáo Sư Học Giả Võ Long Tê cho biết: Thiếu Úy Lê Văn Nghiêm từng là Trung Đội Trưởng Trung Đội An Ninh Phủ Tổng Đốc Trung Phần thời kỳ chưa có chế độ Thủ Hiến. Khi ấy vị đứng đầu mỗi Phần được gọi là Quốc Vụ Khanh Thống Đốc và vị Phó là Thứ Ủy Khanh.

Ông Nghiêm đã để xảy ra vụ một tên lính lê dương người Áo theo Việt Cộng, lái xe vào thẳng Dinh Thống Đốc, bắn chết Thứ Ủy Khanh Hà Văn Lan ngay tại văn phòng tại Huế. Mặc dù vậy, trong thời còn quân đội viễn chinh Pháp là Trung Tá, chỉ huy Lữ Đoàn Lưu Động 21. Thời Thủ Tướng Ngô Đình Diệm, khi quân đội Pháp phải rút hết khỏi Việt Nam, ông là vị Tư Lệnh thứ hai tại Quân Khu II (Sau đổi thành Quân Khu I) sau Đại Tá Nguyễn Quang Hoàng và vinh thăng Thiếu Tướng khi đang ở chức vụ này. Sau đó ông liên tiếp giữ các chức vụ Chỉ Huy Trường Trường Sĩ Quan Trừ Bị Thủ Đức, Tư Lệnh Quân Đoàn III Chiến Thuật, và trở về lại Quân Đoàn I Vùng I Chiến Thuật tại Huế cuối năm 1962. Là một đảng viên kỳ cựu của đảng Cần Lao, năm 1955 ông đã được bầu làm Bí Thư Quân Ủy đảng Cần Lao đầu tiên và cũng là sau hết.

Ông là một Tướng lãnh trong đời binh nghiệp đã từng lập được nhiều chiến công trong cuộc chiến tranh chống Cộng Sản, được chế độ tín nhiệm. Và nếu như người ta nói, đảng Cần Lao gồm những thành phần tuyệt đối trung thành với Tổng Thống Ngô Đình Diệm, được Tổng Thống tuyệt đối tin tưởng và dùng để khống chế Quân Đội, kiểm soát chính quyền, thì Tướng Nghiêm phải là người được coi là trung thành với chế độ và được chế độ tin tưởng hơn ai hết.

Nhưng tôi được ông Hoàng Ngọc Trạo kể lại sự kiện dưới đây về ông Nghiêm mà tôi và có lẽ rất nhiều người không bao giờ nghĩ tới với vị Tướng này.

Ông Trạo kể rằng: Một cựu nhân viên phòng tình báo liên khu 5 Việt Cộng, vì lý do riêng xin được dấu tên, hỏi

chánh năm 1956, hiện định cư tại California. Khi được biết sau ngày 30.4.1975 Tướng Nghiêm không phải đi cải tạo, ông này mới tiết lộ, rằng khi ông làm trong phòng tình báo của liên khu 5 Việt Cộng, ông vẫn thường nhận được tin tức về các kế hoạch hoạt động của quân đội viễn chinh Pháp và Quân Đội Quốc Gia do ông Nghiêm báo cáo. Khi về hồi chánh phục vụ trong ngành hành chánh, thấy Tướng Nghiêm được chế độ tín nhiệm và trọng dụng, ông nghĩ rằng ông ta đã thực sự dứt bỏ quá khứ nên làm thỉnh.

Nhân chứng từ một nước trong vùng Âu Châu mới được tái định cư tại Hoa Kỳ 3, 4 năm nay. Mới đây, qua một cuộc điện đàm, ông và ông Hoàng Ngọc Trạo đều xác nhận với tôi về sự đúng đắn của sự việc kể trên.

Cựu Trung Tá Nguyễn Duy Nghệ, hiện định cư tại Thành Phố Anaheim, Orange County, nguyên là Sĩ Quan Tùy Viên phụ trách hành quân của Tướng Tôn Thất Đính cũng cho biết: Khi Tướng Tôn Thất Đính được đưa từ Quân Đoàn II về thay thế Tướng Nghiêm làm Tư Lệnh Quân Đoàn III, ông Ngô Đình Nhu đã đặc biệt lưu ý Tướng Đính về sự kiện thời gian Tướng Nghiêm làm Tư Lệnh Quân Đoàn III, mọi cuộc hành quân quan trọng đều bị tiết lộ. Vì vậy khi chỉ huy Quân Đoàn III, mỗi lần mở hành quân, Tướng Đính đều đem Sĩ Quan Trưởng Phòng 3 và Tùy Viên phụ trách hành quân về làm lệnh hành quân tại nhà. Bộ Tham Mưu, kể cả Tham Mưu Trưởng của ông, đều không được biết gì trước cuộc hành quân khai mở.

Sau khi bàn giao Quân Đoàn III cho Tướng Đính, Tướng Nghiêm lại được trở về miền Trung, giữ chức Tư Lệnh

Quân Đoàn I Vùng I Chiến Thuật. Và khi Thượng Tọa Trí Quang mở màn cuộc “*tranh đấu*” bằng chiến dịch “*chống lệnh cấm treo cờ Phật Giáo*”, thì các chỉ huy cao cấp nhất về quân sự và hành chánh tại địa phương, đều là người đứng đằng sau ông.

Tuy vậy, mãi cho đến ngày 30 tháng 4 năm 1975, có lẽ không ai nghĩ ngờ gì Tướng Nghiêm. Nhưng sau này, những người được biết Tướng Nghiêm vẫn thông dong an dưỡng tuổi già tại ngôi biệt thự tọa lạc ở góc đường Hai Bà Trưng-Phan Đình Phùng, trong khi tất cả Quân Cán Chính lớn nhỏ của Việt Nam Cộng Hòa còn ở lại, đều bị vào tù cải tạo, thì họ đều nghĩ rằng Tướng Nghiêm phải là một cán bộ hoặc đã lập được công lao với Cộng Sản nên mới được họ dành cho một chế độ đặc biệt như thế.

Ông Nguyễn Ngọc Bang một nhà thầu khoán tên tuổi ở Huế, một trong số những thành viên của phong trào “*Bảo vệ hòa bình*” đã quy thuận để được ở lại miền Nam, người trực tiếp nhận báo cáo từ Tướng Nghiêm chuyển lên mật khu cho Việt Cộng, đã xác nhận với cố Đại Tá Phan Văn Khoa: “*Ông Nghiêm là người của cách mạng, có công lớn nên không phải học tập*”. Cố Đại Tá Khoa nguyên là Cảnh Sát Viên trong Đội Cảnh Sát gác Dinh Thống Đốc Trung Phần ngày Thứ Ủy Hà Văn Lan bị sát hại. Thời Đệ II Cộng Hòa ông Khoa đã giữ chức vụ Tỉnh Trưởng Tỉnh Thừa Thiên, Thị Trưởng Thành Phố Huế. Sau ngày 30.4.1975 ông bị tù cải tạo gần 13 năm, khi được trả tự do, thấy Tướng Nghiêm không phải đi cải tạo, trong một dịp gặp ông Nguyễn Ngọc Bang đề cập tới trường hợp này, ông đã được ông Bang xác nhận như trên. Ông Khoa qua Hoa Kỳ theo diện HO, định

cư tại Thành Phố Gardena, Los Angeles County, đã qua đời cách nay 5, 6 năm vì bệnh ung thư gan.

Về phần ông Nguyễn Ngọc Bang khi hoạt động Cộng Sản của ông này bị cơ quan An Ninh phát giác, ông đã được ông Bửu Vu, Chủ tịch Hội Nguyễn Phước Tộc đứng ra bảo đảm nên đã được yên ổn làm ăn.

Qua lý lịch của ba nhân vật then chốt có thẩm quyền và trách nhiệm trong *"Biến Động Cờ Phật Giáo"* tại Huế kỳ Lễ Phật Đản năm 1963, được lược thuật trên đây, người ta có thể thấy được tại sao Biến Động này đã xảy ra tại Thành Phố Huế. Trong khi tại 43 Tỉnh, Thành khác trong toàn miền Nam, lệnh nhắc phải treo cờ Quốc Gia tại các nơi thờ tự đã không gây nên một giao động, thắc mắc nào trong giới Phật Tử.

6. Kiểm soát một số chùa

Sau khi tiếp nhận 5 nguyện vọng do nhóm Thượng Tọa Thích Trí Quang, với danh nghĩa Phật Giáo đạo đạt, Tổng Thống Diệm đã chỉ thị Chính Phủ thành lập một Ủy Ban Liên Bộ đại diện cho chính quyền. Đồng thời yêu cầu Tổng Hội Phật Giáo Việt Nam thành lập một Ủy Ban Liên Phái đại diện cho Phật Giáo toàn quốc. Hai bên cùng thương thảo giải quyết toàn bộ vấn đề.

Được biết quyết định của Chính Phủ, Thượng Tọa Trí Quang sợ một Ủy Ban Liên Phái mà thành phần sẽ do Tổng Hội Phật Giáo Việt Nam chỉ định, sẽ không đi đúng đường lối của mình. Nại có vụ rắc rối đã xảy ra giữa chính quyền và Phật Giáo tại Huế, Thượng Tọa xin ông Ngô Đình Cẩn giúp đề nghị với Tổng Thống Diệm cho Ủy Ban Liên Bộ thương thảo với Phật Giáo miền Trung chỉ đại diện cho

một Miền, nên đề nghị của Thượng Tọa Trí Quang không được Tổng Thống Diệm chấp thuận, Phật Giáo miền Trung được yêu cầu cử đại biểu tham gia phái đoàn Liên Phái Phật Giáo, để cùng giải quyết những nguyện vọng của Phật Giáo toàn quốc.

Khi buộc phải tham gia vào Ủy Ban Liên Phái, nhóm Thượng Tọa Trí Quang đã khôn khéo dùng danh nghĩa Hòa Thượng Hội Chủ Thích Tịnh Khiết, chỉ định Thượng Tọa Thích Thiện Minh của chùa Từ Đàm thay mặt, làm Chủ tịch Ủy Ban. Còn hai vị Phó Hội Chủ, Thượng Tọa Thích Tâm Châu và ông Mai Thọ Truyền chỉ là thành viên.

Trong khi Ủy Ban Liên Bộ và Ủy Ban Liên Phái Phật Giáo đang chuẩn bị cho cuộc họp đầu tiên, thì ngày 11.6.1963 xảy ra sự kiện Thượng Tọa Thích Quảng Đức được một xe hơi chở đến ngã tư Phan Đình Phùng-Lê Văn Duyệt, được dìu ra ngồi giữa ngã tư và tự thiêu.

Cuộc tự thiêu này được Giáo Sư Bùi Hữu Sùng, người tình cờ được chứng kiến từ những giây phút đầu, thuật lại với ông Nguyễn Trần tác giả hồi ký lịch sử “*Công và Tội*” như sau:

“Lúc bấy giờ, lời Cụ Sùng, tôi làm Hiệu Trưởng Trường Nguyễn Khuyến, số 68 đường Lê Văn Duyệt và 181 đường Phan Đình Phùng Sài Gòn, đối diện với Sứ Quán Cam Bốt. Sáng hôm 11.6.1963, tôi thấy Thầy Thích Tâm Châu và Thích Tâm Giác từ phía Trường Học Pháp Colette đi xe hơi tới rồi vòng quanh trước Trường Nguyễn Khuyến và Sứ Quán để dò đường. Một lát sau, độ mười chú Tiểu tới đứng thành vòng tròn giữa ngã tư. Kế tiếp một xe hơi đen hiệu Austin chạy tới rồi dừng lại. Người lái xe là ông Trần

Quang Thuận mở cửa xe, dìu một vị Sư già bước xuống rồi đưa tới để ngồi giữa vòng tròn của chú Tiểu, đoạn xe chạy đi. Vị Sư ấy mà tôi biết là Thích Quảng Đức bật quẹt lửa, nhưng không cháy. Thầy Tâm Giác liền tới quẹt diêm và châm lửa. Lửa bùng lên cao phủ cả người Thầy Quảng Đức. Trông thật là kinh khủng và thê thảm. Tôi run cả người lên và thấy một Cảnh Sát Viên đứng gác gần đó chụp mũ vào ngực khóc sụt sùi”.

Hỏi sao Cụ biết vị Sư đó là Thích Quảng Đức, Cụ Sùng trả lời:

“Vợ tôi thường đi chùa Phước Hòa trên đường Phan Đình Phùng nên nhiều lần thấy Thầy Quảng Đức ở đó. Mỗi ngày hai bữa Thầy Tâm Giác đem thức ăn tới cho Thầy”.

Tôi (Nguyễn Trân) hỏi Cụ Sùng có phải là Thầy Quảng Đức say thuốc như người ta nói không? Cụ Sùng trả lời:

“Không biết, chỉ thấy Thầy đi lão đảo và lúc ở chùa thì được biết là Thầy có bệnh”. (*Công Và Tội*: Trang 420)

Những người trong chính quyền Kennedy thuộc nhóm chủ trương phải thay Tổng Thống Diệm, đã nhanh chóng chụp lấy cơ hội này thực hiện một kế hoạch thâm độc. Bề ngoài họ công khai yêu cầu Chính Phủ Việt Nam phải nhượng bộ những đòi hỏi của các nhà lãnh đạo Phật Giáo. Nhưng bên trong họ lại nói với nhau:

“Chúng ta hiểu rõ rằng thỏa mãn những yêu sách của Phật Giáo... là khuyến khích họ yêu sách hơn nữa... nhưng chúng ta vẫn đòi hỏi Chính Phủ Việt Nam phải thỏa mãn những yêu sách ấy”. (*The Year Of The Hare*. Trang 34)

Và ngay sau khi Tổng Thống Kennedy cử ông Henri Cabot Lodge giữ chức Đại Sứ tại Việt Nam thay Đại Sứ

Frederick Nolthing, thì một nguồn tin được loan truyền rất nhanh trong dân chúng Sài Gòn và các Thành Phố lớn. Ông Lodge qua với sứ mạng tổ chức đảo chánh lật đổ Tổng Thống Ngô Đình Diệm.

Đặc biệt, vị Tân Đại Sứ của Đồng Minh Hoa Kỳ, ông Henri Cabot Lodge, khi vừa đặt chân đến Sài Gòn đã gửi ngay cho nhóm chống đối một thông điệp ủng hộ bằng một hành động đầy tính chất *“thực dân, ngạo mạn”*. Ông ta đến Sài Gòn, chưa trình Ủy Nhiệm Thư lên Chính Phủ Việt Nam, đã đến thăm Thượng Tọa Trí Quang đang ẩn nấp trong cơ quan USOM của Mỹ, chụp hình với Thượng Tọa, và ngày hôm sau tấm hình này đã được phổ biến đi khắp nơi.

Dựa vào những sự tán trợ ngầm ngấm và công khai ấy, các hoạt động của phong trào tranh đấu và những thành phần chống đối chế độ Đệ I Cộng Hòa ngày càng trở nên ồn ào và hung hãn hơn. Một số chùa đã công khai biến thành Trung Tâm phổ biến tin tức kích động, chỉ huy các cuộc biểu tình và các hoạt động chống Chính Phủ. Tập hợp nhiều thành phần không rõ lý lịch, tạo nên tình trạng vô luật pháp, gây rối loạn an ninh xã hội tại Sài Gòn và một số Thành Phố khác.

Việc biến số chùa này thành những trung tâm công khai sách động quần chúng chống lại Chính Phủ, là một âm mưu thâm độc được nhóm tranh đấu của Thượng Tọa Trí Quang đưa ra để sập bẫy Chính Phủ. Họ cố tình dựng lên những trung tâm ấy để, vì nhiệm vụ bảo vệ an ninh chung, bắt buộc chính quyền phải dẹp bỏ, họ trông mong trong cuộc dẹp bỏ những nơi này.

“Họ (lực lượng An Ninh của Chính Phủ) sẽ giết một hai người của chúng tôi”. (*Our Vietnam Nightmare*. Trang 181). Lôi Thượng Tọa Trí Quang nói với ông Denis Warner, một nhà báo người Úc.

Âm mưu thâm độc này của họ Chính Phủ cũng đã biết rất rõ, như ông Ngô Đình Nhu nói trong lễ bế giảng khóa XIII Ấp Chiến Lược ngày 23.7.1963:

“Đó là lối đấu tranh cố tạo ra tình trạng bất ổn bắt buộc lực lượng bảo vệ an ninh phải đối phó, càng bất ổn càng phải đối phó mạnh, càng đối phó mạnh càng làm cho quần chúng bất mãn và đi đến một cuộc đảo chánh”.

Nhưng vì bốn phạm bảo vệ an ninh chung, lực lượng giữ gìn an ninh của Chính Phủ không thể không hành động.

Về quyết định kiểm soát một số chùa, tôi được ông Cao Xuân Vỹ và Trung Tá Phạm Thu Đường, những người đã được đọc bản thỉnh nguyện của một số Tướng lãnh trình lên Tổng Thống Diệm, kể lại: Một số Tướng lãnh do Tướng Trần Văn Đôn dẫn đầu, đã đến gặp ông Ngô Đình Nhu nhờ ông chuyển trình Tổng Thống một thỉnh nguyện thư. Trong thỉnh nguyện thư các Tướng lãnh yêu cầu Tổng Thống phải hành động trước khi tình hình trở nên quá tồi tệ, làm phương hại đến tinh thần chiến đấu của binh sĩ. Họ yêu cầu Tổng Thống tuyên bố tình trạng thiết quân luật, giao cho Quân Đội hành động để trả chùa chiền lại cho việc thờ phụng.

Việc số Tướng lãnh này gặp ông Ngô Đình Nhu cũng được Tướng Trần Thiện Khiêm, khi ấy là Tham Muu Trưởng Liên Quân, thuật lại với bà Marguerite Higgins như sau:

“Ngày 20 tháng 8, số Tướng lãnh chủ chốt được mời vào Dinh Tổng Thống thảo luận về tình hình do các cuộc biểu tình gây nên tại các Thành Phố. Ông Ngô Đình Nhu hỏi các Tướng lãnh bây giờ phải làm gì để giải quyết tình trạng này? Người đầu tiên phát biểu ý kiến là Tướng Trần Văn Đôn. Ông Đôn nói rằng, không thể để cho những xáo trộn cứ liên tục tiếp diễn. Tình trạng hỗn loạn này làm xói mòn nghiêm trọng lòng tin của dân chúng vào uy quyền của Chính Phủ trong tin của dân chúng vào uy quyền của Chính Phủ trong khả năng kiểm soát tình hình. Phải tập trung những người điều khiển các cuộc xáo trộn này lại... chùa chiền không thể dành đặc quyền của nơi tôn nghiêm cho hành động khuynh đảo. Việt Cộng đang lợi dụng tình hình. Không thể để một nhóm được đặc quyền đòi hỏi phải có một mức độ kỷ luật nào đó ở hậu phương... Sau khi Tướng Đôn phát biểu, các Tướng lãnh đã thảo luận kỹ lưỡng về kế hoạch bắt giữ những Phật Tử khuynh đảo quá khích, trả chùa lại cho các sinh hoạt tôn giáo, hơn là để nó trở thành các trung tâm hoạt động chính trị.

Sau cuộc thảo luận, các Tướng lãnh đã quyết định đồng loạt ký tên vào bản thỉnh nguyện trình Tổng Thống Diệm cho phép họ tiến hành thực hiện kế hoạch. Bản thỉnh nguyện được trình Tổng Thống Diệm tối hôm đó, qua ông Ngô Đình Nhu... (*Our Vietnam Nightmare*, Trang 191)

Và chính Tướng Đôn, ba hôm sau, ngày 23.8, đã mời ông Conein đến Bộ Tổng Tham Mưu cho ông này biết rằng:

“Lệnh thiết quân luật ông Diệm tuyên bố trước đây, trong tháng tám là do yêu cầu của mười Tướng lãnh. Quân Đội tìm cách buộc các tăng sĩ từ các chùa ngoài Thủ Đô

vào Sài Gòn phải trở về Tỉnh hoặc Làng của họ. Khi chấp nhận yêu cầu của Quân Đội, ông Diệm đòi phải bảo đảm an toàn cho các tăng sĩ. Ông (Tổng Thống Diệm) cũng chống lại việc đóng cửa các Trường Học, vì giới trẻ cần có cơ hội tự bày tỏ ý kiến của họ. Ông Đôn cũng nhấn mạnh rằng không thể tách ông Nhu ra khỏi ông Diệm được và rằng ông Diệm không thể được thay thế bằng một Tướng lãnh hoặc một người dân sự trong vai trò Quốc Trưởng”. (*The Year Of The Hare*. Trang 55)

Tiếp nhận thỉnh nguyện của Tướng lãnh, sợ Quân Đội hành động quá mạnh, Tổng Thống Diệm đã đưa ra hai điều kiện trước khi chấp thuận lời yêu cầu của họ:

1. – Chính Phủ không thay đổi đường lối hòa giải với Phật Giáo.
2. – Quân Đội phải dàn xếp thế nào để tránh khỏi đổ máu.

Được Tổng Thống chấp thuận, tối ngày 20 tháng 8 các Tướng Trần Văn Đôn, Tôn Thất Đính, Trần Thiện Khiêm, hai Đại Tá Nguyễn Văn Y Tổng Giám Đốc Công An Cảnh Sát, Lê Quang Tung Tư Lệnh Lực Lượng Đặc Biệt đã họp với ông Cố Vấn Ngô Đình Nhu quyết định việc kiểm soát một số chùa. Khi ông Nhu nhắc lại việc phải tuân thủ hai điều kiện Tổng Thống đưa ra trong khi thực hiện việc kiểm soát chùa, các Tướng lãnh đã tỏ ra bất bằng nói: “Tổng Thống đưa ra một vấn đề nan giải”. (“Phúc Trình Liên Hiệp Quốc”: Trang 56)

Cuộc kiểm soát một số chùa đã được thực hiện đồng loạt vào những giờ đầu ngày 21.8.1963 do Cảnh Sát Dã Chiến, phối hợp với Lực Lượng Đặc Biệt tại Sài Gòn, Cảnh

Sát Dã Chiến với Quân Đội tại các nơi khác. Trong toàn miền Nam có tất cả 14 ngôi chùa bị kiểm soát.

Khi tiến vào các chùa, Lực Lượng An Ninh đã gặp phải sự kháng cự mãnh liệt. Tại chùa Từ Đàm họ đã không thể tiến vào khuôn viên chùa được. Vì không có nón sắt, họ không làm sao vượt qua được những trận mưa gạch, đá từ trong chùa ném ra. Trước tình hình ấy, Tướng Đỗ Cao Trí đã điều động Quân Đội tới, và ông mặc thường phục, đích thân đến gần chùa Từ Đàm chỉ huy cuộc hành quân.

Mục đích của cuộc kiểm soát một số chùa là vân hồi trật tự công cộng, và thanh lọc số người đang cư trú bất hợp pháp tại các nơi ấy.

Mấy vị chân tu như Tăng Thống Thích Tịnh Khiết, Hòa Thượng Tuồng Vân... được đưa đến Bệnh Viện Cộng Hòa, chăm sóc. Tổng Thống Diệm đã cử ông Tôn Thất Thiết, Chánh Sở Nội Dịch Phủ Tổng Thống đại diện lui tới thăm hỏi và chỉ thị Tổng Y Viện Cộng Hòa phải đặc biệt săn sóc các vị ấy.

Các tăng sĩ khác thuộc chùa nào đều được trả về chùa ấy. Nhưng đặc biệt, cho đến ngày cuộc đảo chánh bùng nổ, 1.11.1963, nghĩa là hơn hai tháng sau ngày kiểm soát một số chùa, vẫn còn đến gần 300 người cạo đầu, mặc áo nhà tu, nhưng không được chùa nào cũng như Ủy Ban Liên Phật Giáo nhận lãnh, vì không nơi nào có lý lịch của họ. Số người này, sau ngày 1.11.1963, đã được Hội Đồng Tướng Lãnh trả tự do và được coi như bằng chứng Chính Phủ Ngô Đình Diệm bắt bớ giam giữ các tăng sĩ Phật Giáo.

Phản Thượng Tọa Trí Quang, ông đã thoát không bị bắt giữ trong cuộc lục soát chùa Xá Lợi, nhờ một nhân

vật trong văn phòng Tổng Thống báo cho biết trước. Và tôi được Đại Tá Lê Quang Tung cho biết, Thượng Tọa Trí Quang đã trốn được qua cơ quan USOM nhờ chui qua một lỗ hổng đục sẵn từ trước trên bức tường ngăn chùa Xá Lợi với cơ quan USOM. Lỗ hổng này được che khuất bằng một cái kệ. Thoát được qua trụ sở cơ quan USOM, Thượng Tọa được Tòa Đại Sứ Mỹ bảo vệ. Họ đã từ chối lời Chính Phủ Việt Nam yêu cầu trao Thượng Tọa lại cho cơ quan hữu trách của Chính Phủ.

Những tin tức liên quan đến các hoạt động chống Chính Phủ cũng như sự kiện Thượng Tọa Quảng Đức tự thiêu và việc kiểm soát một số chùa, đã được các phóng viên ngoại quốc có mặt tại Sài Gòn, đặc biệt là số phóng viên Mỹ, nhanh chóng truyền đi những hình ảnh, tin tức, với những diễn giải hoàn toàn bất lợi cho Chính Phủ. Điều này đã làm cho dư luận tại một số nước trên thế giới, vốn không hiểu biết gì về tình hình an ninh tại Việt Nam, một nước mà tại đó, cuộc chiến tranh ý thức hệ đang diễn ra gay gắt giữa những người dân cùng một tiếng nói, một màu da. Họ không có chút hiểu biết nào về chiến thuật, chiến lược của loại chiến tranh khuynh đảo và nổi dậy do Cộng Sản chủ trương và điều khiển. Vì thế, họ đã dễ dàng tin rằng tại đây đang thực sự có một cuộc đàn áp những người theo một tôn giáo khác với tôn giáo của các Nhà Lãnh Đạo Chính Phủ.

Thêm vào đó, sau vụ kiểm soát một số chùa, ngay trong thành phần Chính Phủ cũng có những phản ứng vô cùng bất lợi cho Tổng Thống Diệm, như việc ông Vũ Văn Mẫu từ chức Bộ Ngoại Giao, ông Trần Văn Chương từ chức Đại Sứ tại Hoa Kỳ... để phản đối quyết định của Chính Phủ.

Đến nay, qua những tài liệu mật của Chính Phủ Hoa Kỳ liên quan đến việc tổ chức cuộc lật đổ Tổng Thống Ngô Đình Diệm được bạch hóa, người ta được biết các ông trên đây đã được hứa hẹn những chức vụ quan trọng trong chính quyền mới sau khi Tổng Thống Diệm bị loại.

Một điều đáng suy nghĩ đó là, mặc dù chính Tướng Trần Văn Đôn, Quyền Tham Muu Trưởng và Trần Thiện Khiêm, Tham Muu Trưởng Liên Quân, hai nhân vật chủ chốt trong cuộc đảo chánh ngày 1.11.1963 đã cho Lucien O'Connein, sĩ quan CIA đại diện Đại Sứ Lodge bên cạnh các Tướng lãnh biết, việc kiểm soát một số chùa là do thỉnh nguyện của các Tướng lãnh. Nhưng tin tức về vụ này, được phóng viên các hãng thông tấn của Hoa Kỳ gởi ra ngoài, thì lại chỉ nói đến cuộc kiểm soát chùa tại Sài Gòn, và được nhấn mạnh điểm: Do Lực Lượng Đặc Biệt, một Lực Lượng trung thành với Tổng Thống Diệm thực hiện theo lệnh của ông Ngô Đình Nhu, còn Quân Đội không can dự vào vụ này. Trong khi, ngoại trừ mấy chùa tại Sài Gòn, ở tất cả các nơi khác, cuộc kiểm soát này đều do Quân Đội thực hiện. Ngoài ra, họ cũng đã không hề nói đến những yếu tố:

- Chỉ có 14 trong 4.766 ngôi chùa lớn nhỏ trong toàn miền Nam bị kiểm soát.

- Tình hình sinh hoạt khi ấy tại 14 ngôi chùa này thực sự là những hoạt động công khai khích động, kêu gọi dân chúng nổi lên chống lại Chính Phủ, không còn là những chùa để dùng cho việc thờ phụng đích thực nữa.

7. Một số sự kiện cần được ghi lại

Để quý độc giả có thêm yếu tố nhận xét về biến động được gọi là *“Cuộc Tranh Đấu của Phật Giáo Chống Lại*

Chính Sách Kỳ Thị Tôn Giáo” của Tổng Thống Ngô Đình Diệm, do một nhóm Phật Tử quá khích được Thượng Tọa Thích Trí Quang lãnh đạo xướng xuất, tôi thấy cần ghi lại một số sự kiện sau đây:

1. – Dịp Tết năm 1961, tôi đến chúc tuổi Cụ Ung Trạo, đang nói chuyện với Cụ thì bé con nuôi của Cụ, cháu Vinh Thao, đi ngang qua, chỉ vào nó Cụ nói:

“Bữa qua bố nó, ông Hoàng Hữu Khác, (Ông Khác Chánh Án Tòa Án Huế, Thư Ký Hội Phật Giáo Thống Nhất Thừa Thiên) đến thăm tôi cho biết, ông mới đọc được thơ của Thượng Tọa Thích Trí Độ từ Hà Nội gửi cho Thượng Tọa Thích Trí Quang, Tổng Thư Ký Hội Phật Giáo Thống Nhất Thừa Thiên, chỉ thị phải tìm cách tổ chức một phong trào Phật Giáo chống Tổng Thống Diệm. Sợ bị liên lụy khi chuyện xảy ra, ông ta đã xin từ chức Thư Ký và ra khỏi Ban Trị Sự”.

2. – Báo La Pravda xuất bản tại Moscow, số ra ngày 25.10.1963, loan tin về một Hội Nghị Quốc Tế Phật Giáo Thế Giới họp tại Bắc Kinh để hỗ trợ cuộc tranh đấu của Phật Giáo Miền Nam Việt Nam như sau:

“Hội Nghị Quốc Tế Phật Giáo Thế Giới họp trong ba ngày tại Bắc Kinh, dưới sự bảo trợ của: Ủy ban quốc gia vì hòa bình của Cộng hòa nhân dân Trung quốc. Ủy ban liên đới Phi-Á Châu. Ủy ban hợp tác văn hóa và ủy ban thống nhất Phật Giáo (Trung cộng), để hỗ trợ cuộc tranh đấu của Phật Giáo miền Nam Việt Nam, với sự tham dự của các phái đoàn đến từ mười nước: Trung cộng, Cam Bốt, Indonesia, Nhật, Bắc Triều Tiên, Lào, Nepal, Pakistan, Thái lan, Bắc và Nam Việt Nam, được coi là một biến cố

lớn nhằm đưa ra đầy đủ những tội ác của ông Ngô Đình Diệm và người em, ông Nhu, đã gây nên. Và Nhà Sư Thích Thiện Hào, đại diện miền Nam Việt Nam trong Hội Nghị này tuyên bố rằng, ông Diệm và người em, ông Nhu, đã giết 159.000 người, tra tấn thành tàn tật suốt đời 672.000 người, biệt giam 370.000 Phật Giáo đồ, đốt chùa Từ Đàm và chùa Xá Lợi, và đích thân đến kiểm soát chùa Xá Lợi, nơi được coi là địa điểm chống lại sự đàn áp của chế độ Diệm mạnh nhất”. (*“Les Relations Americano-Vietnamiennes”*: Tập I. Trang 113)

3. – Trong cuộc tiếp kiến Phái Đoàn Điều Tra của Liên Hiệp Quốc, ông Ngô Đình Nhu đã trình bày với Phái Đoàn:

“... Cộng Sản tổ chức đưa cả toàn xã vào Thiên Chúa Giáo rồi dùng cái lối ấy xâm nhập vào trong xứ. Tín đồ Phật Giáo khi thấy nhiều xã vào Thiên Chúa Giáo thì lại tưởng là áp bức của Chính Phủ. Nhưng khi đọc các tài liệu người ta mới thấy như thế, và Chính Phủ không khi nào khuyến khích điều ấy, vì đó là Cộng Sản trá hình. Sự kiện này gây cho chúng tôi thiệt hại nhiều vào năm 1960 khi chiến tranh phá hoại phát khởi. Những xã nói trên đứng lên chống lại chúng tôi. Chính Phủ Diệm xích mích với Hàng Giáo Phẩm Gia Tô về phong trào rửa tội toàn khối ấy. Lực lượng an ninh phải canh chừng những xã ấy nhiều hơn xã khác”. (*“Phúc Trình Liên Hiệp Quốc”*: Trang 54)

4. – Trong cuộc hội kiến với Phái Đoàn Điều Tra của Liên Hiệp Quốc, ông Bộ Trưởng Bộ Nội Vụ Bùi Văn Lương đã trình bày:

“... Bây giờ tôi muốn nói rõ một vài điểm. Thông Tu đề ngày 6 tháng 5 đã đến Huế ngày 7 tháng 5. Tôi cũng đến

Huế lúc 10 giờ sáng ngày hôm ấy, và nửa giờ sau, các Nhà Sư lãnh đạo Phật Giáo yêu cầu được gặp tôi để nghe giải thích về nội dung và lý do của Bản Thông Tư ấy. Tôi đã giải thích đầy đủ, và tôi cũng đã chỉ thị cho chính quyền địa phương khoan thi hành, trong hiện tại, Thông Tư ấy. Khi từ sân bay đến Thị Xã Huế, tôi đã nhận thấy cờ xí đã treo lên theo quy định (thông lệ) từ trước khi bản Thông Tư ra đời, cho nên không thể bắt hạ cờ xuống ngay trong một hôm. Các nhà lãnh đạo rất sung sướng nghe tôi nói, và bảo rằng tôi đã làm cho họ hoàn toàn thỏa mãn. Cờ Phật Giáo và Quốc Kỳ đã treo lên trước ngày lễ ba hôm rồi, cho nên không có một biện pháp nào có thể bắt buộc người ta phải theo những thủ tục mà chính tôi, với tư cách Bộ Trưởng Bộ Nội Vụ đã Thông Tư.

Sau khi trở về Sài Gòn, ngày 8 tháng 5, tôi được tin những vụ lộn xộn đẫm máu xảy ra ở Huế. Tôi vô cùng ngạc nhiên và tôi lại trở ra Huế. Tôi tự hỏi tại sao lại có những vụ lộn xộn như thế, trong khi các vị Thượng Tọa đã đoan chắc với tôi là họ đã thỏa mãn. Lúc ấy tôi không thể hiểu được, nhưng về sau khi bắt giữ vài ba người, tôi nhận được tờ tự khai tay của ông Đặng Ngọc Lựu, cộng tác viên thân cận của Nhà Sư Thích Trí Quang viết ra, tôi đọc tờ khai ấy và tôi đã hiểu... trong tờ khai ông ta nói rõ rằng cuộc âm mưu (do đó mới có chữ “âm mưu” dùng trong bản tài liệu) do Việt Cộng giật dây này, đã được chuẩn bị và thỏa thuận từ năm 1960”. (*Phúc Trình Liên Hiệp Quốc*: Trang 71)

5. – Ngay sau khi xảy ra những biến cố, trước và trong ngày Lễ Phật Đản tại Huế năm 1963, một luồng dư luận được loan truyền rất nhanh trong Thành Phố Huế và các

Tỉnh lân cận nói rằng: Đức Cha Ngô Đình Thục và kỳ thị tôn giáo và tham vọng lên chức Hồng Y, không muốn thấy cờ Phật Giáo được treo quá nhiều, đã bắt Tổng Thống Ngô Đình Diệm ra lệnh triệt hạ và cấm treo cờ Phật Giáo trong ngày Lễ Phật Đản.

Trong khi đó tại miền Nam, du luận lại nói: Ngoài miền Trung, ông Ngô Đình Cẩn cấm treo cờ Phật Giáo trong ngày Lễ Phật Đản.

Tôi đã được nhiều người hỏi như vậy. Và trong *Thục Trang Của Cuộc Chiến Tranh Việt Nam*, nơi trang 263, vừa được trích dẫn ở một đoạn trên, tác giả Lâm Thành Nĩ cũng ghi như thế.

6. - Trước khi cuộc đảo chánh 1.11.1963 bùng nổ chừng một tháng, một nguồn tin rất giá trị cho biết:

Khi tiếng súng đảo chánh nổ, nhóm “*Phật Giáo Tranh Đấu*” sẽ giết Đức Cha Ngô Đình Thục.

Để tránh hậu quả không thể lường được khi xảy ra việc một vị Tổng Giám Mục Công Giáo bị giết bởi một nhóm người “*mang danh Phật Giáo*” Đức Cha Thục được khuyến cáo và Ngài đã rời Việt Nam khoảng 10 ngày trước khi cuộc đảo chánh xảy ra.

Người được biết rõ về nguồn tin này là Linh Mục Trần Đức Huynh, hiện cư ngụ tại Thành Phố Garden Grove, Orange County, California.

7. - Thiếu Tá Đặng Sỹ, trong thời gian bị giam tại lao xá Thừa Thiên (Huế), hai ông Tướng Đỗ Mậu và Nguyễn Chánh Thi đã từng vào nhà giam bảo ông: “*Anh cứ khai là Tổng Giám Mục Ngô Đình Thục và Ngô Đình Cẩn ra lệnh cho anh giết Phật Tử thì anh sẽ được tha ngay*”.

8. – Một hôm Linh Mục Hoàng Quỳnh đến đường của Bác Sĩ Tài trên đường Công Lý Sài Gòn, thăm Thượng Tọa Trí Quang đang bị Tướng Nguyễn Cao Kỳ quản thúc tại đây. Sau khi thăm hỏi chừng 10 phút tại phòng Thượng Tọa Trí Quang nằm, hai vị cùng qua thăm Thượng Tọa Thiện Minh bên Trung Tâm Thanh Niên Phật Giáo gần đó. Ngồi trong xe trên đường đến Trung Tâm Thanh Niên, khi hai vị thảo luận về tình hình đất nước và các phong trào đấu tranh, Linh Mục Hoàng Quỳnh hỏi Thượng Tọa Trí Quang:

- Thượng Tọa này, sao trong phong trào của Thượng Tọa có vẻ có nhiều Việt Cộng trà trộn quá vậy?

Thượng Tọa Trí Quang trả lời:

- Tôi cũng biết vậy mà không mần chi được. Lúc đầu mình chỉ tính lợi dụng họ, nhưng khi họ vô đồng quá rồi mình chịu, không xoay trở chi được nữa.

Người tháp tùng và lái xe đưa Linh Mục Hoàng Quỳnh và Thượng Tọa Trí Quang đi hôm ấy, đã được nghe rõ câu đối đáp trên đây là Cụ Nguyễn Văn Bách, hiện cư ngụ tại Thành Phố Westminster, Orange Couty, California.

Sự kiện này cũng được Đại Đức Thích Đức Nghiệp, phát ngôn viên chính thức của phong trào “*tranh đấu mang danh Phật Giáo*” năm 1963 xác nhận với ông Đặng Đức Khôi, nguyên Thứ Trưởng Bộ Thông Tin thời Đệ II Cộng Hòa, tại Trường Đại Học Columbia năm 1965:

“Một số người tranh đấu như Thích Trí Quang đã nhờ sự trợ lực của Cộng Sản để mau đạt được mục đích cuối cùng của họ”. (*Vietnam our Nightmare*. Trang 184)

9. - Một vị Phật Tử lão thành, định cư tại Hoa Kỳ

năm 1981, hiện cư ngụ tại Thành Phố Irvine, Orange, California cho biết:

Thời gian còn ở lại Việt Nam sau năm 1975, Cụ được gặp lại người em họ tập kết ra Bắc khi thi hành Hiệp định Geneva. Sau này xâm nhập miền Nam anh là một cán bộ cao cấp đã từng giữ chức vụ quan trọng của Cộng Sản trước ngày 30 tháng 4 năm 1975.

Khi chính quyền Cộng Sản bắt đầu áp dụng chính sách kiểm soát gắt gao gây nhiều khó khăn cho các tôn giáo, một hôm anh đến thăm Cụ, Cụ hỏi:

- Cậu nè, Phật Giáo trong Nam này đã có công nhiều với các anh. Theo tôi, cuộc tranh đấu của họ đã đem lại cho các anh nhiều thuận lợi để dành chiến thắng. Rằng bây giờ các anh lại đối xử với họ tệ như rứa?

Và Cụ được anh trả lời:

- Phật Giáo trong ni mà tranh đấu cái chi! Anh có biết không, trước đó 2 năm chúng tôi đã cho 200 công an cạo đầu, vào chùa Quán Sứ học kinh, học cách sống của các Nhà Sư, rồi đưa vô Nam phục sẵn trong một số chùa.

Sau ngày 30.4.1975, số công an này đã được tập trung ăn mừng liên hoan tại chùa Vĩnh Nghiêm Sài Gòn.

Vì vấn đề an ninh của nguồn tin còn ở Việt Nam, theo lời yêu cầu của Cụ, chúng tôi rất tiếc chưa thể tiết lộ danh tánh của nguồn tin.

Một điều đáng lưu ý là con số 200 công an được tiết lộ trên đây phù hợp với số hơn 200 người cạo đầu mặc áo tăng sĩ, bị bắt trong cuộc kiểm soát một số chùa đêm 20.8.1963, mà cho đến khi cuộc đảo chánh 1.11 bùng nổ, Ủy Ban Liên Phái Phật Giáo cũng như các chùa không nơi nào nhận lãnh, vì không có lý lịch của họ.

10. - Nhân chúng số 8, một học tăng 19 tuổi, được Phái Đoàn Điều Tra Liên Hiệp Quốc tiếp xúc, khi được ông Trưởng Phái Đoàn hỏi, xuất gia năm nào, vị học tăng này đã khai:

“Vào tháng 3 năm 1962. Đến tháng 7 năm ấy tôi đến Sài Gòn và Thượng Tọa Thích Trí Quang đã quyết định gửi tôi đến chùa Long Phước ở Bến Tre, Tỉnh Bình Định (trong tiếng Anh ghi là Bến Tra, có lẽ là Bến Đá), để tu học. Vào tháng 5. 1963 tôi được về trụ sở Tổng Hội ở Sài Gòn. Tôi ở chùa Xá Lợi để hầu hạ chư tăng. Chính ở đây tôi được nghe đến 5 nguyện vọng của Phật Giáo đồ. Ngày 30 tháng 5, tôi tham dự trong một cuộc biểu tình của Phật Giáo tại Sài Gòn và sau đó tôi về chùa Xá Lợi. Trong đêm 20.8 tôi đến chùa Ấn Quang và bị bắt vào lúc 1 giờ sáng. Tôi bị giam giữ tại một nơi mà tôi không được biết. Nhiều vị Thượng Tọa ở chùa Ấn Quang đến thăm tôi và điều đình với các giới chính quyền. Ngày hôm sau, tôi được trả lại tự do cùng với một số tăng ni khác. Tôi trở về chùa Ấn Quang và gặp được nhiều vị tăng ni. Chính ở đây tôi gặp Thượng Tọa Thích Thiện Hoa và Thượng Tọa Thích Nhật Minh lúc bấy giờ là Chủ tịch Ủy Ban Liên Hiệp Phật Giáo thuần túy. Hai Nhà Sư ấy đã tuyên bố là tất cả chư tăng phải trở về chùa của mình, vì không thể nào nuôi ăn một số đông các tăng ni như thế trong một ngôi chùa được. Chùa tôi ở xa, tôi xin ở lại Sài Gòn và tá túc tại Ni Cô Diệu Thanh, gần chùa Ấn Quang. Trong thời gian ấy tôi được nghe nói đến những sự tàn bạo mà Chính Phủ đã khủng bố Phật Giáo đồ. Chẳng hạn tôi được nghe kể lại người ta đánh đập tàn nhẫn tăng ni, đập nát những bàn tay, ngâm dưới nước hay mổ bụng

những người này. Tôi còn được biết là một số tăng ni bị bắt trở lại và một số khác bị bắt buộc phải ngưng hành đạo hay tự thiêu sống. Tin tức ấy khiến tôi phẫn uất.

Một ngày kia, trong lúc tôi đang ở Phạm gian (đường Gia Long) một thanh niên tự xưng là hội viên Tổng Hội Sinh Viên đến nói chuyện và yêu cầu tôi gia nhập vào phong trào Phật Tử. Tôi bằng lòng vì cho đó là một dịp để phụng sự chánh pháp. Người sinh viên ấy hỏi địa chỉ của tôi. Tôi trả lời rằng tôi ở nhà một Ni Cô gần chùa Ấn Quang. Ngày hôm ấy, người sinh viên ấy lại đến tìm tôi ở địa chỉ ấy và giao cho tôi một gói gồm 2 bộ quần áo. Anh ta bảo tôi Chính Phủ đang lùng bắt tăng ni. Anh ta lại thêm rằng nếu ra đường thì phải mặc một trong hai bộ quần áo ấy để người ta khỏi nhận ra mình là tu sĩ. Anh ta còn khuyên tôi nên đổi chỗ ở, tôi nên đến chùa Từ Vân đường Thái Lập Thành ở Gia Định để tránh sự dòm ngó của chính quyền. Vì thế tôi đến ở chùa Từ Vân vào ngày 20 tháng 10. Đến ngày 22.10, người sinh viên lại đến tìm tôi và tự giới thiệu là Linh. Anh ta cho biết Tổng Hội Phật Giáo đã thay đổi danh hiệu và các chi nhánh. Tổng Hội mới này làm việc cho Cộng Sản. Ngày 23.10 người ta đưa tôi đi taxi lên đường Chi Lăng ở Phú Nhuận vào trong một hồ tắm để gặp hai người. Một trong hai người này tên là Thanh và người kia là một Nhà Sư cải trang và đội một chiếc nón bằng ni lông. Họ rất vui sướng được biết tôi và cho tôi biết tin một Phái Đoàn Liên Hiệp Quốc nay mai sẽ đến Việt Nam để điều tra về mối giao thiệp giữa Chính Phủ và Phật Giáo đồ. Vì thế họ cần 10 người tình nguyện và hỏi tôi có muốn tham gia không. Quá phẫn uất về cách đối xử của

chính quyền với tăng ni, tôi đã nhận lời vì nếu không số phận tôi cũng chẳng khác gì số phận của các tăng ni ấy. Họ nói tôi sẽ được chết vì chánh pháp. Họ rất vui sướng khi nghe tôi nhận lời. Họ còn cho biết một Sư tên là Thiện Mỹ sẽ tự thiêu trước Nhà Thờ Tân Định trên đường Hai Bà Trưng, Họ yêu cầu tôi tự thiêu ngay trong ngày Lễ Quốc Khánh vì hôm ấy có đông đủ mọi người ngay cả các đại diện của Phái Đoàn Liên Hiệp Quốc. Tôi hỏi làm thế nào có thể vào khu vực cấm ấy được. Họ bảo tôi đừng lo sợ, một nhóm người phụ trách ủng hộ sự tự thiêu đã có những bố trí thích đáng cho tôi. Tôi hỏi bố trí như thế nào thì họ trả lời đến ngày 16. 10, tôi sẽ nhận được một bộ đồ trắng và một chiếc áo cà sa vàng có tằm xằng. Họ sẽ giao tôi một chiếc xe hơi có treo cờ để vào khu vực cấm. Đến nơi, tôi sẽ tự nhiên bước xuống xe do một người tài xế lái. Đoạn tôi ngồi xuống tự nhiên, mặc chiếc áo cà sa vào, quẹt diêm và châm lửa đốt quần áo. Trước khi ấy, người ta sẽ cho tôi một vài viên thuốc không sợ đau đớn. Xong xuôi, họ bảo tôi về và cho tôi 100 đồng để trả tiền xe. Ngày 24.10, người sinh viên lại đến chùa Từ Vân giao cho tôi ba bức thư, một gởi cho Tổng Thống Việt Nam Cộng Hòa. Bức thư ấy yêu cầu Chính Phủ thực hiện sự tự do tín ngưỡng và phóng thích những tăng ni đã bị giam giữ. Bức thư thứ hai gửi Thượng Tọa Thích Thiện Hòa, trụ trì chùa Ấn Quang, kết tội Thượng Tọa đã phản bội tăng ni và tín đồ Phật Giáo. Bức thư ba gửi Phái Đoàn Liên Hiệp Quốc cho họ biết lý do tôi tự thiêu. Những bức thư ấy đã được viết trước và họ yêu cầu tôi ký vào. Tôi không ngần ngại và ký vào trong tất cả ba bức thư. Người ta lại còn cho biết đến ngày 25.10

vào buổi sáng, lực lượng Cảnh Sát đến bắt tôi trước khi người sinh viên đến dẫn tôi đi. Trong xe Cảnh Sát, tôi thấy tên Hải người mà tôi đã quen trước kia ở chùa Xá Lợi. Vào ngày 23 tôi có gặp hắn tại đường Chi Lăng. Lúc ấy, chúng tôi có chuyện trò với nhau và tôi có nói là sau ngày 26 tôi sẽ không còn gặp hắn nữa. Đến lúc xe đến Đồn Cảnh Sát, tôi mới hiểu rằng chính hắn đã tố cáo tôi với Cảnh Sát. Họ giam tôi trong một căn phòng, xong đem tôi ra và giải thích là chính quyền không giết một vị Sư nào, không có một sự tàn bạo nào đã xảy ra và tất cả những câu chuyện trước kia đều là bịa đặt. Tôi biết bị lừa dối, và bây giờ tôi hiểu rõ tình thế. Về những âm mưu vừa qua, tôi có gửi cho Tổng Thống Việt Nam Cộng Hòa xin lỗi ông và giải thích về bức thư tôi gửi đến cho ông, Tôi cũng gửi một bức thư đến Phái Đoàn Liên Hiệp Quốc. Bây giờ tôi đã nhận thấy rõ ràng tình thế, nên không còn ý định tự thiêu nữa. (*"Phúc Trình Liên Hiệp Quốc": Trang 127*)

11. – Mấy ngày sau khi cuộc đảo chánh 1.11.1963 thành công, một số sinh viên bị giữ trong các cuộc biểu tình bạo động trong những ngày trước đó được trả tự do. Họ được triệu tập đến Bộ Tổng Tham Mưu để được Tướng Dương Văn Minh, Chủ Tịch Hội Đồng Tướng Lính tiếp kiến, dưới sự hướng dẫn của một sĩ quan thuộc Phòng 5/Bộ Tổng Tham Mưu. Trong khi Tướng Minh đang tiếp số sinh viên trên đây thì ông nhận được báo cáo khẩn cấp:

Có một đám đông kéo đến bao vây đòi tràn vào phá Nha Tuyên Ủy Công Giáo, tọa lạc trên đường Phan Thanh Giản, giáp đường Hai Bà Trưng. Tướng Minh nhận được báo cáo vẫn thản nhiên, không có phản ứng gì. Thấy vậy một sinh viên đứng lên nói:

“Đề nghị Trung Tướng bằng mọi cách phải ngăn chặn ngay việc này, nếu không, nó sẽ gây nên hậu quả vô cùng nguy hiểm có thể đưa đến một cuộc chiến tranh tôn giáo”.

Tướng Minh ngập ngừng một lúc, nhưng sau đó đã ra lệnh cho lực lượng an ninh phải bảo vệ Nha Tuyên Ủy Công Giáo và giải tán đám đông.

12. – Tháng 6 năm 1964, Tòa soạn nhật báo *Xây Dựng* do Linh Mục Nguyễn Quang Lãm làm Chủ Nhiệm, khi ấy còn tọa lạc tại góc đường Bùi Chu-Bùi Thị Xuân, và Trường Nguyễn Bá Tòng bên cạnh, bị một đoàn khoảng hơn 200 thanh niên hầu hết chỉ mặc một quần xà lỏn kéo tới bao vây. Nhiều lần chúng định xông vào đập phá nhưng không vượt qua được dây tường bao xung quanh hai cơ sở này. Trước thái độ bất can thiệp của Cảnh Sát trước hành động bạo loạn của nhóm người này, đồng bào Công Giáo di cư tại khu vực Hồ Nai và Ông Tạ phải đến can thiệp giải vây. Hai bên xô xát, một thanh niên bên phe “*tranh đấu*” bị tử thương vì trúng một mũi lao của phe giải vây. (lối đánh các băng cướp của dân quê miền Bắc) Xác thanh niên này được đưa về quàn tại Viện Hóa Đạo đường Trần Quốc Toàn. Đám táng được tổ chức rất long trọng, có cả vòng hoa và lời phân ưu rất trân trọng của Thủ Tướng Nguyễn Khánh.

Cụ Nguyễn Văn Bách là một trong những người ở trong tòa báo *Xây Dựng* để đối phó với nhóm “*tranh đấu*” suốt thời gian bị nhóm này vây hãm.

13. - Thời gian này, tại một số Thành Phố như Sài Gòn, Nha Trang, Đà Nẵng, Huế và tại các Tỉnh được chính quyền Quốc Gia tiếp thu sau khi Hiệp định Geneva được

thi hành như Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, tình trạng hỗn loạn ngày càng thêm trầm trọng. Những tin thất thiệt được tung ra nhằm kích động đám quần chúng của hai tôn giáo Công Giáo và Phật Giáo, lan tràn khắp nơi.

Ở khu này người ta nghe: Tối nay dân Công Giáo sẽ đến phá chùa này, đánh chùa kia.

Qua khu khác người ta lại nghe: Nhóm “*Phật Giáo Tranh Đấu*” đang chuẩn bị tối mai sẽ kéo đến phá Nhà Thờ nọ, đốt xóm Đạo kia.

Và thế là tín đồ hai bên đều vội vàng chuẩn bị khí giới, gây gộc, dao búa sẵn sàng nghênh chiến, đối phó bảo vệ Nhà Thờ, canh giữ chùa chiền.

14. – Tôi được cựu Trung Tá Nguyễn Văn Ứng, Chánh Sở I An Ninh Quân Đội tại Đà Nẵng sau ngày 1.11.1963 kể lại: Tháng 6.1964, Trung Úy Quận Trưởng Quận Duy Xuyên, Tỉnh Quảng Nam, khám phá được một tổ chức Việt Cộng, bắt được một số cán bộ. Trong số cán bộ này có hai tên là Khuôn Hội Trưởng Hội Phật Giáo tại địa phương, với đầy đủ tài liệu và vũ khí.

Nhận được báo cáo, Đại Tá Ngô Dzu, (sau này là Trung Tướng), Tư Lệnh Sư Đoàn 2 Bộ Binh và Khu 12 Chiến Thuật, đến khen thưởng gắn huy chương cho các Quân Nhân đã lập được công trạng.

Một sự ngẫu nhiên không may đối với tình hình lúc ấy là, cả Đại Tá Ngô Dzu và Trung Úy Quận Trưởng đều là tín đồ Công Giáo. Dựa vào yếu tố này, phe mang danh “*Phật Giáo Tranh Đấu*” tại Đà Nẵng do Phạm Xuân Huy và Hoàng Văn Giàu điều khiển la ầm lên:

Bọn Cần Lao Công Giáo tàn dư chế độ cũ “*trả thù Phật Giáo*”. Mặc dầu cả hai đều do chính quyền “*cách mạng*”

của các Tướng đảo chánh bổ nhiệm. (Huy sau này là Dân Biểu Quốc Hội. Giàu bị động viên, được biệt phái về Cục An Ninh Quân Đội).

Và trong một cuộc biểu tình rầm rộ sau đó, họ đã cho một nhóm vào tận Quận Duy Xuyên bắt Trung Ủy Quận Trưởng, đem về giam tại Hội Trường Thành Phố Đà Nẵng.

Điều may mắn là mặc dầu bị nhiều sách động, nhưng đại đa số cá nhân cũng như đơn vị Quân Đội vẫn còn duy trì được tinh thần đoàn kết, tôn trọng kỷ luật và bảo vệ danh dự chung. Nhờ vậy, Trung Tá Đỗ Ngọc Nhận, có cấp bậc sau cùng là Đại Tá, hiện cư ngụ tại Tiểu Bang Texas, Hoa Kỳ, Tư Lệnh Phó của Đại Tá Ngô Dzu, khi đấy đang chỉ huy hai Trung Đoàn hành quân tại Tỉnh Quảng Tín. Khi được tin về sự lộng hành của nhóm “*tranh đấu*” đối với một sĩ quan, Trung Tá Nhận liền gửi một Công Điện cho Tướng Tôn Thất Xung, Tư Lệnh Quân Đoàn I nội dung đại ý:

“Vì màu cờ sắc áo, vì danh dự Quân Đội, thỉnh cầu Thiếu Tướng Tư Lệnh giải quyết gấp vụ nhóm “*tranh đấu*” bắt giữ Trung Ủy Quận Trưởng Duy Xuyên. Nếu sau 48 tiếng đồng hồ vụ này không được giải quyết, chúng tôi, hai Trung Đoàn hiện đang hành quân sẽ rút về Đà Nẵng tự giải quyết”.

Nhận được Công Điện, Tướng Xung đã cho mời một số nhân sĩ tại Đà Nẵng và đại diện nhóm “*tranh đấu*” đến dàn xếp. Tướng Xung cũng cho họ biết thái độ cứng rắn và đoàn kết của hai Trung Đoàn dưới quyền chỉ huy của Trung Tá Nhận.

Kết quả là Trung Ủy Quận Trưởng Duy Xuyên được trả tự do và trở về nhiệm sở trước thời hạn 48 tiếng đồng hồ.

15. – Tiếp đến là vụ đánh phá và thiêu rụi hai làng của dân Công Giáo di cư từ Tỉnh Quảng Bình vào định cư tại Đà Nẵng, hai Làng Thanh Bô và Đức Lợi, xảy ra vào tháng 8 năm 1964. Vụ tàn phá hai làng trên đây đã gây chấn động trong toàn quốc. Những người thường lưu tâm đến thời cuộc lúc ấy, đã thực sự lo ngại và nghĩ rằng, nhân dân miền Nam khó lòng tránh khỏi bị sập vào cái bẫy “*chiến tranh tôn giáo*” Và nếu tình trạng ấy xảy ra thì chỉ một sớm một chiều, miền Nam sẽ lọt vào tay Cộng Sản Bắc Việt.

Để được biết rõ sự thật về vụ này, tôi đã tìm gặp cựu Trung Tá Nguyễn Văn Ứng, người đã được, nói đúng hơn, đã bị Thiếu Tướng Tôn Thất Xứng (hiện cư ngụ tại Canada) Tư Lệnh Quân Đoàn I khi ấy, bắt bằng mọi cách phải vào Thanh Bô, Đức Lợi, lấy ra cho được 5 học sinh bị dân làng bắt giữ. Để giải quyết vụ tranh chấp giữa nhóm “*tranh đấu*” và dân hai Làng Thanh Bô, Đức Lợi, cách ôn hòa.

Cựu Trung Tá Nguyễn Văn Ứng là sĩ quan Ngành An Ninh Quân Đội, từng làm việc dưới quyền Tướng Đỗ Mậu được ông rất tin dùng và quý mến. (Cựu Trung Tá Ứng mất năm 2000 tại Orange County, Carlifornia).

Khi xảy ra vụ Thanh Bô, Đức Lợi, cựu Trung Tá Ứng đang giữ chức vụ Chánh Sở I An Ninh Quân Đội tại Đà Nẵng, cấp bậc Thiếu Tá. Tôi đã được ông cho ghi âm lời tường thuật chi tiết về vụ này như dưới đây:

“Hôm ấy là ngày thi của các học sinh Trung Học. Đoàn biểu tình của nhóm “*tranh đấu*” phát xuất từ chùa Tỉnh Hội Đà Nẵng, kéo qua Trường Trung Học Phan Chu Trinh bắt các học sinh đang thi tham gia. Họ kéo đi trên đường bờ sông Đà Nẵng. Khi đi ngang qua một Cầu Lạc Bộ của

Quân Đội Mỹ đối diện với hai Làng Thanh Bô, Đức Lợi, một số người trong đoàn biểu tình đã ném đá vào Cầu Lạc Bô. Thấy vậy, một lính Mỹ đứng trên lan can bắn mấy phát súng chỉ thiên. Đoàn biểu tình chạy nhào qua phía hai làng đối diện. Một số đồng đã vào sâu trong làng.

Dân hai Làng Thanh Bô, Đức Lợi sống bằng nghề chài lưới. Vì thế, ban ngày đàn ông, trai tráng đều đi đánh cá ngoài biển hoặc trên sông. Ở nhà chỉ còn hầu hết là đàn bà và trẻ con. Nghe súng nổ, lại thấy đoàn biểu tình ồ ạt kéo vào làng, họ kéo nhau chạy xuống hầm trú ẩn mà nhà nào cũng có sẵn để tránh pháo kích của Việt Cộng. Đồng thời họ nổi hiệu báo động gọi những người đang đánh cá trở về.

Khi đoàn biểu tình ào vào làng đã làm sập hầm của một gia đình, gây thương tích cho mấy em bé nấp ở bên dưới.

Trong số dân có mặt ở trong làng lúc đó có Chuẩn Ủy Phú, nhân viên Sở I An Ninh Quân Đội. Vì cảnh hỗn loạn thường xảy ra ở Thành Phố Đà Nẵng trong thời gian ấy, Chuẩn Ủy Phú đã đem về nhà mấy trái lựu đạn và một khẩu súng lục P. 38 cốt để phòng thân. (ông Phú hiện ở Thành Phố Graden Grove) Nghe tiếng la hét có người bị thương, lại thấy đoàn biểu tình kéo vào làng càng lúc càng đông, Chuẩn Ủy Phú bắn mấy phát súng chỉ thiên để chặn lại. Vừa lúc ấy, đám đàn ông con trai tráng từ ngoài sông, biển trở về, thấy cảnh hỗn loạn, lại có người bị thương, họ liền phản ứng. Đoàn biểu tình rút ra, nhưng có 5 em học sinh bị dân làng bắt giam làm con tin.

Trở về điểm xuất phát, đoàn biểu tình mới biết thiếu mất 5 em học sinh. Họ liền huy động đám đông trở lại vây

Tòa Thị Chính và hai Làng Thanh Bô, Đức Lợi. Đồng thời Phan Xuân Huy và Hoàng Văn Giàu, hai người chỉ huy đoàn biểu tình, đến gặp Tướng Tôn Thất Xung Tư Lệnh Quân Đoàn, yêu cầu giải quyết trả 5 học sinh về cho họ.

Gần 12 giờ trưa, Tướng Xung gọi tôi (Trung Tá Ứng) đến văn phòng ra lệnh bắt tôi bằng mọi cách phải vào Thanh Bô, Đức Lợi can thiệp lãnh 5 em học sinh về trả cho đoàn biểu tình. Tôi thấy trong văn phòng Tướng Xung lúc ấy có hai Đại Tá, Nguyễn Văn Thiệu, Tư Lệnh Phó Quân Đoàn và Hải Quân Đại Tá Lê Quang Mỹ, Thị Trường, là những người trực tiếp có trách nhiệm về vấn đề an ninh tại địa phương. Tôi xin được miễn thi hành lệnh này đồng thời yêu cầu Tướng Xung giao nhiệm vụ ấy cho các vị có trách nhiệm. Nhưng Tướng Xung nói với tôi: *“Toa là người duy nhất có thể giải quyết được vụ này. Nếu toa từ chối thì 4 giờ chiều hôm nay chúng nó sẽ thánh chiến”*.

Lúc này tôi chưa hiểu câu nói của Tướng Xung. Không từ chối được, tôi đã yêu cầu ông: Nếu Thiếu Tướng bắt buộc tôi phải làm việc này thì, xin cho hai Đại Tá Thiệu và Mỹ cùng đi với tôi, để mọi quyết định của tôi tức là quyết định của Thiếu Tướng. Tránh những sự xuyên tạc, gây hiểu lầm có thể đưa đến hậu quả tai hại sau này.

Lời yêu cầu của tôi được Tướng Xung chấp thuận. Nhưng trước khi thể quyết ăn thua của hai phía, đoàn biểu tình và dân hai Làng Thanh Bô, Đức Lợi, tôi cần phải được một chúc sắc của Phật Giáo và một vị của Công Giáo cùng đi, mới có thể đi qua được đoàn biểu tình và vào được hai làng này. Tôi đến mời Đại Đức Thích Minh Chiếu Chánh Sở Tuyên Ủy Phật Giáo Quân Đoàn và Linh Mục Lê Văn

Ấn, Cha Sở Nhà Thờ Chánh Tòa Đà Nẵng, sau này là Giám Mục Giáo Phận Xuân Lộc, và được hai vị vui vẻ nhận lời cùng đi với chúng tôi.

Trên đường đi đến Thanh Bô, Đức Lợi, tôi lái xe, Cha Ấn ngồi ở giữa, nhường ghế phía ngoài cho Đại Đức Tuyên Ủy Phật Giáo, hai Đại Tá ngồi phía sau. Khi xe đi qua được nửa đoàn biểu tình, thành linh có mấy người nhào tới nói với Đại Đức Tuyên Ủy: *“Thầy không được vào trong đó. Thầy vào chúng nó sẽ giết Thầy”* và họ bỗng ông chạy đi mất. Mọi người trong xe còn chưa hết ngỡ ngàng và Cha Ấn vừa ngồi xích ra ghế mới bỏ trống thì từ trong đoàn biểu tình đánh vào trong xe một tảng đá mỗi bề chừng 30 cm, trúng ngay hộp số xe (xe jeep) chỗ Cha Ấn để chân lúc còn ngồi ở giữa. Thấy tình hình quá gay gắt và nguy hiểm, hai vị Đại Tá và Cha Ấn yêu cầu tôi trở lui.

Khoảng 5 giờ chiều, có lẽ vì mệt mỏi, nhóm biểu tình vây hai làng chỉ còn lại lúa thua ít người. Tôi liền đi mời các vị đã cùng đi buổi trưa tiếp tục trở lại Thanh Bô, Đức Lợi, nhằm giải quyết cho xong vấn đề. Nhưng tất cả đều vắng mặt, ngoại trừ Cha Ấn.

Khi tôi và Cha Ấn đến gần Thanh Bô, Đức Lợi thì thấy Đại Tá Nguyễn Chánh Thi, Tư Lệnh Sư Đoàn 1 Bộ Binh đem Tiểu Đoàn Nhảy Dù của Thiếu Tá Nguyễn Thế Quang từ Huế vào, đang dàn quân bao vây hai làng. Ông cho bắc máy phóng thanh ra lệnh cho dân trong làng phải mở cổng làng, và bỏ hết súng ống đạn dược xuống, nếu không đơn vị Dù sẽ vào bắt hết. Tôi vội báo cáo về cho Tướng Xung biết tình hình lạ lùng và bất thường này. Ông chỉ thị cho tôi mời Đại Tá Thi về Bộ Tư Lệnh Quân Đoàn gặp ông. Khi

tôi tới gặp Đại Tá Thi chuyển lệnh của Tướng Xung, ông liền văng tục trước mặt tôi và không đếm xỉa gì đến lệnh của Tư Lệnh Quân Đoàn.

Lúc đó lính Dù chỉ bao vây bên ngoài hai làng, không có hành động gì. Tôi và Cha Ấn tiếp tục đi vào trong làng. Sau khi dân làng nghe chúng tôi giải thích điều hơn lẽ thiệt, họ đã vui vẻ trao 5 em học sinh cho chúng tôi. Họ còn nấu cháo gà đãi các em trước khi trao cho chúng tôi đem các em về.

Ra khỏi Thanh Bô, Đức Lợi, tôi lái xe đưa các em tới thẳng Tòa Thị Chính, đang bị khoảng vài chục ngàn người biểu tình vây quanh, đợi tin tức chuyển đi của chúng tôi. Đưa các em ra lan can trên lầu Tòa Thị Chính đã bố trí máy phóng thanh, tôi thông báo cho đám biểu tình: *“Thay mặt cho Thiếu Tướng Tư Lệnh Quân Đoàn, tôi đã vào Thanh Bô, Đức Lợi đem 5 em học sinh về đây. Để đồng bào được biết dân chúng hai làng đã đối xử với các em thế nào trong thời gian họ giữ các em, yêu cầu các em cử một người ra kể lại cho đồng bào rõ”*.

Một trong 5 em đã đứng ra kể lại: Suốt thời gian bị dân làng giữ, các em được đối đãi rất tử tế, ăn uống đầy đủ, trước khi về dân làng còn đãi cháo gà, v.v. Nghe em nói, đoàn biểu tình tỏ ra hài lòng, họ hô lớn: Hoan hô Thiếu Tá. Nhưng tiếng hoan hô vừa dứt thì có tiếng la lên: Đả đảo học sinh giã! Vừa lúc ấy trời đổ mưa lớn, đám biểu tình tự động giải tán.

Tôi cũng như các giới chức có mặt tại Tòa Thị Chính lúc ấy cảm thấy như vừa trút bỏ được một vật gì quá nặng, đè trên ngực chúng tôi suốt ngày hôm ấy cho đến giờ này.

Mọi người ra về với cảm giác nhẹ nhõm và tất cả đều nghĩ rằng ngày hôm sau sẽ được rảnh rang hơn... .

Đêm hôm ấy, Tiểu Đoàn Dù của Thiếu Tá Vũ Thế Quang theo lệnh của Đại Tá Nguyễn Chánh Thi, án binh bất động bên ngoài hai Làng Thanh Bô, Đức Lợi. Sáng hôm sau, được sự hỗ trợ của Đại Tá Thi, nhóm “*tranh đấu*” huy động được mười ngàn người, kéo đến đi theo Đại Tá Thi vào trong làng. Đại Tá Thi đi trước, họ theo sau, phá tan hoang nhà cửa rồi nổi lửa đốt cháy rụi hết. Điều may mắn là trong đêm hôm đó, thấy lính Dù vây làng như linh cảm trước sẽ xảy ra điều chẳng lành. Lợi dụng đêm tối họ đã lặng lẽ di tản sang khu Sơn Trà phía bên kia sông. Nhờ vậy mà không có thiệt hại nhân mạng.

16. – Cựu Trung Tá Ứng kể tiếp: “*Sau vụ hai Làng Thanh Bô, Đức Lợi bị tàn phá, người dân Công Giáo tại Đà Nẵng lo sợ không biết ngày giờ nào tai họa tương tự sẽ xảy ra với họ. Vì vậy họ cũng vội thành lập một “Ủy Ban Tranh Đấu Công Giáo” gồm bảy người, nhằm phối hợp hành động của các Họ Đạo trong khu vực, để có thể đối phó với tình hình đầy bất trắc lúc bấy giờ. Khi hay tin khối Công Giáo đã thành lập Ủy Ban Tranh Đấu, nhóm “tranh đấu mang danh Phật Giáo” sau khi tìm biết được tên tuổi của bảy người trong Ủy Ban, họ liền huy động một đoàn biểu tình đi lùng bắt bảy người này.*

Vì mới được thành lập, chưa kịp phối hợp tổ chức gì ở các Họ Đạo, bảy người trong Ủy Ban Tranh Đấu Công Giáo đã phải vào xin ẩn tránh trong Tòa Giám Mục Đà Nẵng. Nhóm “tranh đấu mang danh Phật Giáo” biết đích xác được tên một trong bảy người đang ẩn tránh trong Tòa Giám Mục là anh Hoàng, chủ một tiệm may. Họ kéo tới bao vây đòi Tòa Giám

Mục phải trao anh Hoàng cho họ, nếu không họ sẽ phá Tòa Giám Mục.

Thấy tình hình quá gay gắt trước thái độ hung hãn của nhóm “*tranh đấu*” và để tránh một cuộc đụng độ giữa khối Công Giáo và nhóm tranh đấu, Tòa Giám Mục cho Linh Mục Thu Ký ra dàn xếp. Được bảo đảm sẽ không làm gì nguy hại cho anh Hoàng, Linh Mục Thu Ký trở vào dẫn anh Hoàng ra trao cho họ. Nhưng vừa nắm được tay anh Hoàng, tức thì nhóm “*tranh đấu*” xúm lại dùng gạch đá, đánh anh chết ngay bên ngoài cổng Tòa Giám Mục”

17. – Dưới thời Tướng Nguyễn Khánh nắm quyền Thủ Tướng, khối Ấn Quang, qua mấy Bộ Trưởng trong khối của họ, đã đưa ra trước Hội Đồng Bộ Trưởng một dự thảo Sắc Lệnh đặt “*Đảng Cần Lao*” ngoài vòng pháp luật, yêu cầu thông qua để trình Thủ Tướng ký ban hành.

Mấy vị Bộ Trưởng không bị ảnh hưởng của Ấn Quang, thấy được sự nguy hiểm và những hậu quả không thể lường trước được sẽ xảy ra, nếu dự thảo được Tướng Khánh chấp thuận. Các vị này vội tin cho ông Huỳnh Hữu Nghĩa, Bộ Trưởng Lao Động thời Đệ I Cộng Hòa biết. Ông Nghĩa đến trình bày sự việc với Bác Sĩ Phó Thủ Tướng Nguyễn Lưu Viên. Bác Sĩ Viên cũng có cùng quan điểm với các vị Bộ Trưởng trên đây, nên ông đã thuyết phục Tướng Khánh không ký ban hành Sắc Lệnh này.

18. - Thời gian nắm quyền Tư Lệnh Quân Đoàn I. Tướng Nguyễn Chánh Thi đã làm văn thư xin Bộ Tổng Tham Mưu cho thành lập một “*Đoàn Quân Phật Giáo*”.

Các sĩ quan có trách nhiệm nghiên cứu đề nghị của Tướng Thi, nhận thấy sự phi lý, phi nguyên tắc của việc

thành lập một “*quân đội*” trong một “*quân đội*” nên họ đã đề nghị Bộ Tổng Tham Mưu bác bỏ ý kiến của Tướng Thi.

Một sĩ quan trong Ban Nghiên Cứu này, là cựu Đại Tá Hồ Ngọc Tâm, khi ấy là Đại Úy Trưởng Ban Tư Pháp Phòng I Bộ Tổng Tham Mưu.

19. – Khi phong trào tranh đấu “*mang danh Phật Giáo*” tại miền Trung bị Tướng Nguyễn Cao Kỳ quyết định dẹp. Có lẽ cảm thấy yếu thế, các vị lãnh đạo phong trào lại đến với khối Công Giáo để tìm hậu thuẫn. Tại Sài Gòn, Thượng Tọa Thích Thiện Minh đến gặp Linh Mục Hoàng Quỳnh và Linh Mục Nguyễn Đức Nhuận. Tại Huế Thượng Tọa Trí Quang tìm gặp Linh Mục Tổng Giáo Phận Nguyễn Văn Thuận, tức Đức Cố Hồng Y Nguyễn Văn Thuận, đề nghị khối Công Giáo hợp tác chống Thiệu-Kỳ.

Ông Võ Như Nguyên khi ấy ở Huế và Linh Mục Trần Đức Huynh ở Sài Gòn đều biết rõ về những cuộc gặp gỡ và đề nghị này.

20. – Nữ phóng viên Marguerite Higgins, trong tác phẩm “*Our Vietnam Nightmare*”, Trang 271, kể lại chuyến đến thăm Việt Nam lần thứ hai của bà, kể từ khi Tổng Thống Ngô Đình Diệm bị lật đổ, tháng 11.1964, Bà thấy nhiều dấu hiệu chứng tỏ tu thế của Thượng Tọa Trí Quang đang bị xói mòn. Nhưng bà lấy làm có ý nghĩa nhất, là việc chùa Xá Lợi ly khai khỏi phong trào tranh đấu của nhóm Thượng Tọa Trí Quang. Các vị lãnh đạo Phật Giáo tại chùa này cho bà biết, họ cực lực phản đối sự bạo động và âm mưu của nhóm quá khích và Ban Trị Sự Hội Phật Giáo đã quyết định trục xuất hai Thượng Tọa Trí Quang và Tâm Châu ra khỏi chùa. Bà kể lại lời

một vị cao tăng tại chùa Xá Lợi nói với bà về sự lộng hành của Thượng Tọa Trí Quang như sau:

Chúng tôi cảm thấy ông ta (Thượng Tọa Trí Quang) đã phản bội Phật Giáo. Nếu người Mỹ biết chút ít về Phật Giáo, thì họ đã không bị lừa gạt mà nghĩ rằng, con người ấy không dùng tôn giáo của chúng tôi để làm một việc gì đó. Số người trẻ ca tụng Thích Trí Quang là anh hùng, là những người ngây thơ một cách tội nghiệp, họ không biết họ đang làm gì. Họ đang bị lợi dụng.

- Cái gì, tôi (Higgins) hỏi, có phải chắc chắn ngài muốn nói “*phản bội Phật Giáo*”?

- Có nhiều lý do để nói như vậy, vị cao tăng đáp lại. Đức Phật dạy chống lại hận thù. Đức Phật nói: “*Hận thù phải giải hóa được hận thù. Hận thù phải giải hóa bằng yêu thương*”. Đó là giới luật vĩnh cửu. Cho dù những người khác không hiểu sự điên rồ của tranh đấu đi nữa, chúng tôi cũng phải tránh điều đó. Nhưng Thích Trí Quang đang làm công việc khơi động hận thù lên, vào lúc chúng tôi cần hàn gắn mọi vết thương thay vì tạo ra những vết thương mới. Thích Trí Quang đã khơi động hận thù bằng chiến dịch chống người Công Giáo và người chế độ Diệm. Nhưng người Phật Tử luôn hòa hảo với các tôn giáo khác. Chính Đức Thích Ca luôn coi mọi người khác niềm tin là anh em. Đức Thích Ca không đòi hỏi phải chấp nhận cách mù quáng giáo huấn của ngài và cũng không bao giờ lên án giáo huấn của người khác. Đức Thích Ca nói: “*Hỡi tăng sĩ, ngay chính những lời của ta, các người cũng đừng chấp nhận chỉ vì kính trọng ta. Các người phải khảo sát nó bằng những lý luận thật cứng rắn của các người, như người thợ kim hoàn thử*

vàng bằng cách nung nó trong lửa”. Chiến dịch hận thù của Thích Trí Quang chống lại giới luật của Đức Thích Ca. Về những người thuộc chế độ Diệm, bằng cách này hay cách khác, mọi người trí thức Việt Nam đều đã phục vụ Tổng Thống Diệm. Chính Thích Trí Quang cũng từng nhận những ân huệ từ Ngô Đình Cẩn, (em Tổng Thống Diệm) người đã cung cấp tiền bạc cho chùa Từ Đàm. Đúng là ngụy thiện, khi gọi người khác là người của ông Diệm mà lại miễn trừ ông ta.

Đức Thích Ca cũng dạy rằng: *“Sự thật là đức tính cao quý nhất”*. Nhưng Thích Trí Quang truyền bá sự phỉ báng, cũng rộng rãi như truyền bá sự hận thù. Nếu ông ta là một đạo hữu dốt nát, điều đó lại khác. Thích Trí Quang có trí thông minh. Ông ta biết mình hành động ngược với giới luật của Đức Thích Ca. Vì vậy chúng tôi rất nghi ngờ.

- Tại sao không đưa ra ánh sáng tất cả những điều này? Tôi (M. Higgins) hỏi, ngài có muốn tôi nêu rõ hoặc dùng tên ngài không? Có phải mọi người thuộc chùa Xá Lợi mong muốn cho công chúng Hoa Kỳ biết sự thật không?

- Có nhiều lý do để sợ Thích Trí Quang, vị tăng sĩ trả lời. Ông ta đã sai những Phật Tử trẻ của ông ta đi đây đó, đánh đập nhiều người của chúng tôi chống đối ông. Và vì thế bề trên của chúng tôi đã cấm chúng tôi liễu lĩnh gánh chịu sự giận dữ của ông ta. Nhưng một ngày nào đó mọi người sẽ nhận ra sự thật. Ông ta đã làm cho nhiều Phật Tử xa lánh rồi.

21. - Trong Bạch Thư được Hòa Thượng Thích Tâm Châu ký tại chùa Phật Quang, Úc Châu, phổ biến ngày 31 tháng 12 năm 1993 dưới số 729-VP-TT, nói “**VỀ VẤN ĐỀ**

CHIA RẼ CỦA ẨM QUANG VỚI VIỆT NAM QUỐC TỰ” . Sau khi nói về công lao Hòa Thượng đã lãnh đạo khối Phật Giáo tranh đấu chống lại chính quyền của Tổng Thống Ngô Đình Diệm, trong mục 6, dưới tiêu đề “*ĐẠI NẠN CỦA PHẬT GIÁO VÀ ĐẤT NƯỚC*” , Hòa Thượng kể lại tình trạng Phật Giáo, sau một tháng Hòa Thượng tham dự Hội nghị thành lập Giáo Hội Tăng Già Thế Giới tại Tích Lan trở về như sau:

Khoảng tháng 7.1966, tôi đã về tới Sài Gòn, được tin đang có biểu tình trong Thành Phố Sài Gòn và một số nơi khác tại miền Trung. Tôi không hiểu, khi tôi đi vắng, ở nhà có Thượng Tọa Trí Quang, Thượng Tọa Thiện Minh, do đâu lại phát động lại phong trào tranh đấu?

Tôi về tới Việt Nam Quốc Tự, bước chân vào cửa văn phòng Viện Trưởng Viện Hóa Đạo của tôi thì, có một biểu ngữ nền vàng chữ đỏ ghi: “*MUỐN QUẦN CHÚNG TUÂN THEO KỶ LUẬT THÌ PHẢI THEO QUẦN CHÚNG*” . Tôi vào tới bàn giấy của tôi thì có một đĩa máu, một con dao và một huyết thư: “*YÊU CẦU THUỘNG TỌA TRONG VIỆN HÓA ĐẠO KHÔNG ĐƯỢC THEO THUỘNG TỌA TÂM CHÂU*” .

Tôi định lên chánh điện Việt Nam Quốc Tự lễ Phật, tại đây có mấy vị Tăng thanh niên không cho tôi vào chánh điện Việt Nam Quốc Tự và hăm dọa, ai muốn vào chùa hãy bước qua xác chết của họ.

Tôi vô cùng chán nản không biết cách nào vãn hồi trật tự được. Tôi trở về chùa Từ Quang. Về chùa Từ Quang cũng có một đĩa máu, một con dao và một huyết thư “*CẤM TÔI KHÔNG ĐƯỢC HOẠT ĐỘNG NỮA*”. Và,

người trong chùa cho biết là họ hăm dọa sẽ đốt xe, ám sát. Và chính các tăng thanh niên đang tụ tập tại Niệm Phật đường Quảng Đức (Chợ Vườn Chuối) định sang chùa Từ Quang giết tôi. May có Sư Cô Vân biết được, cấp báo cho tôi biết. Tôi trốn thoát.

Từ đó, tôi phải đi nghỉ, nay tại nhà này, mai tại nhà khác, nay tại Viện Nhu Đạo Quang Trung, mai tại Nha Tuyên Ủy Phật Giáo.

Từ đó, Việt Nam Quốc Tự bị Tăng Ni và quần chúng theo Cộng Sản nắm giữ, thao túng, liên tục ngày này qua ngày khác, ra đường Trần Quốc Toản, ngã 6 Sài Gòn-Chợ Lớn biểu tình, đá đảo và đốt hình nộm Tổng Thống Mỹ, Tướng Thiệu, Tướng Kỳ.

Phần cuối mục này Hòa Thượng Tâm Châu viết:

“Sự việc rõ ràng như thanh thiên bạch nhật, mà nhóm tranh đấu của Ấn Quang, được sự hỗ trợ ngầm của Cộng Sản nằm vùng, lái nhái vu khống cho Việt Nam Quốc Tự chia rẽ Giáo Hội, Thích Tâm Châu phá hoại và lũng đoạn Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất. Thực như câu phương ngôn của Việt Nam thường nói: *”Vừa đánh trống vừa ăn cướp, vừa ăn cướp vừa la làng”* Cây đông, lấy thịt đè người, mặc sức vu khống, thao túng không coi nhân quả là chi cả.

Cho đến nỗi những vị Tăng không biết chút gì về việc tranh đấu, việc xây dựng Giáo Hội, cũng như các vị Tăng, Ni, Phật Tử ở xa, hay sau này, cũng a dua, hùa theo sự tuyên truyền nhồi sọ của nhóm tranh đấu Ấn Quang và Cộng Sản nằm vùng trong suốt hơn 30 năm nay. Thực tội nghiệp”.

Nói thẳng thắn, cuộc chiến tranh Quốc-Cộng tại Việt Nam, không có một tôn giáo, một đoàn thể nào, không bị Cộng Sản nằm vùng gây chia rẽ phá hoại. Thiên Chúa Giáo có những cán bộ gốc nằm vùng như Vũ ngọc Nhạ, Huỳnh văn Trọng, v.v. Phật Giáo cũng vậy, Cộng Sản nằm vùng từ thượng tầng, tới hạ tầng, càng dễ dàng hơn.

Và sau khi nhắc lại lời Hòa Thượng Thích Huyền Quang thường nói đi nói lại:

“Cộng Sản từng tuyên bố: Phật Giáo Ấn Quang hai lần có công với cách mạng.”

Hòa Thượng Tâm Châu viết tiếp:

“... Ngày 30.4.1975 là ngày cáo chung của chế độ Việt Nam Cộng Hòa. Nhưng bộ mặt thân Cộng Sản đã lộ rõ nguyên hình, không ai mà không rõ.

- Khi quân Cộng Sản từ rừng về Sài Gòn, đã có gần 500 Tăng, Ni của phe tranh đấu Ấn Quang ra đón chào.

- Ngày 19.5.1975 phe tranh đấu Ấn Quang đã tổ chức mừng sinh nhật Hồ chí Minh tại chùa Ấn Quang.

Một đoạn trong phần kết của Bạch Thư, Hòa Thượng Tâm Châu viết:

“Gần một thế kỷ nay, nhân loại bị đau khổ đến cùng cực bởi nạn “*tập quyền*” của Cộng Sản. Ba mươi năm nay Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống nhất chủ trương “*tập quyền*”, chưa thấy đem lại tia hy vọng hòa hợp và an lạc cho đại chúng. Phật Giáo Việt Nam tại Hoa Kỳ triển miên trong sự chia rẽ, đã có hai, ba tổ chức thống nhất. Phật Giáo tại Úc, “*tập quyền*” thống nhất trong tay một nhân vật tham độc, thiếu tài đức, gây bè phái, kỳ thị Trung, Bắc, hãm hại huynh đệ, đồng đạo, mặc cho gần trăm ngàn Phật

Tử Việt Nam ty nạn tại Úc không nơi nương tựa, mặc cho danh dự Phật Giáo Việt Nam bị tổn thương nặng nề.

Ôi! Phật Giáo Việt Nam. Ôi! Phật Giáo Việt Nam.

Ai gây chi lắm điều đau khổ

Vũ trụ nài van đến ghen lời.

22. – Một người thân của gia đình Bác sĩ Thân Trọng Phước (xin được dấu tên) cho biết: Đầu tháng 5.1963 một toán 5 người Mỹ từ Sài Gòn ra trú tại Tòa Tổng Lãnh Sự Mỹ ở Đà Nẵng. Mấy ngày sau, một trong số 5 người này cùng với người thông dịch viên tên Thân Trọng Huế, con Bác Sĩ Thân Trọng Phước, người Huế, ra chùa Từ Đàm gặp Thượng Tọa Thích Trí Quang. Một tuần sau xảy ra biến cố “*cờ Phật Giáo*” và vụ nổ tại Đài Phát Thanh Huế. Sau đó 5 người Mỹ cùng với thông dịch viên Thân Trọng Huế trở về Sài Gòn.

Về vụ nổ này, trong hồi ký “*Công và Tội*”, tác giả Nguyễn Trần quả quyết khi mới chân ướt chân ráo tới Mỹ giữa năm 1975, ông đã được đọc bài báo do James Scott viết, đăng trên một Tập san. Qua bài báo này James Scott thú nhận chính anh là người đã ném chất nổ tại Đài Phát Thanh Huế tối ngày 8.5.1963. Lúc ấy vì tinh thần còn đang quá dao động, ông chưa nghĩ gì đến việc viết lách. Khi viết hồi ký “*Công và Tội*”, ông đã đi tìm Tập San này trong nhiều Thư Viện nhưng không thấy. Ông viết thư hỏi Bộ Quốc Phòng xin được liên lạc với Đại Úy James Scott thì được trả lời: Có hai James Scott và cả hai đều không còn hiện dịch, không có sổ hưu bổng nên không có địa chỉ.

Phải chăng Đại Úy James Scott không phải là một sĩ quan thuần túy của Quân Đội Mỹ?

Và trong “*Làm Thế Nào Để Giết Một Tổng Thống*” xuất bản từ cuối thập niên 60, Cao Thế Dung và Lương Vị Hoàng cũng đã phát giác thủ phạm vụ ném chất nổ tại Đài Phát Thanh Huế, là một Đại Úy người Mỹ tên là James Scott.

Nhưng người ta biết rằng, lúc ấy Quân Đội Mỹ ở Việt Nam qua vị Tư Lệnh của họ, Tướng Paul D. Harkins, luôn mạnh mẽ chống lại âm mưu lật đổ Tổng Thống Ngô Đình Diệm của chính quyền Kennedy, cách riêng của Đại Sứ Henry Cabot Lodge. Vậy thì làm sao một sĩ quan của ông lại có thể làm nhiệm vụ “*bắn phát súng lệnh*” để khai mào việc thực hiện âm mưu này?

Đi tìm dấu vết Đại Úy James Scott, may mắn tôi được cựu Trung Tá Lê Thiện Phước, kể lại câu chuyện sau đây:

“Trước cuộc đảo chánh 1.11.1963, tôi (Lê Thiện Phước) là Phó Tỉnh Trưởng Nội An Biên Hòa. Sau đảo chánh được chuyển chuyển về Sư Đoàn I Bộ Binh làm Sĩ Quan Thanh Tra. Trong nhiệm vụ này tôi đã quen biết tất cả các sĩ quan trong Sư Đoàn từ cấp Tiểu Đoàn Trưởng trở lên, trong đó Đại Úy Hồng Dũ Long, Tiểu Đoàn Trưởng Tiểu Đoàn 1/3. Đầu năm 1965, một buổi chiều, Đại Úy Long đến thăm tôi tại Phòng Thanh Tra Sư Đoàn. Sau giờ làm việc chúng tôi rủ nhau đi ăn cơm Âm Phủ. Khi qua Cầu Tràng Tiền ngang Đài Phát Thanh, Đại Úy Long buộc miệng nói:

- Mỗi lần qua chỗ này tôi lại nhớ đến và thương cho ông thầy cũ của tôi (Đại Úy Long trước kia là thuộc cấp của Thiếu Tá Đặng Sĩ). Tội nghiệp ông, phải mang cái án chung thân một cách oan uổng và âm mưu thâm độc của kẻ khác.

Và anh hỏi tôi:

- Anh có biết ai là thủ phạm vụ ném chất nổ tại đêm 8.5.1963 không?

- Khi nó tôi đang ở Biên Hòa. Nay nghe mỗi người nói một ngã, mần rãng mà biết được.

- Anh Đại Úy Cố Vấn của tôi đấy.

- Rãng? Anh nói rãng? Đại Úy Cố Vấn của anh là thủ phạm?

- Thì chính đương sự đã nói một cách úp mở cho tôi hiểu, anh ta là người đã ném chất nổ đêm 8.5.1963.

- Rãng! Anh ta nói với anh ra rãng?

- Cách nay chừng hai tháng, tôi mời Đại Úy Scott đi ăn cơm bên Câu Lạc Bộ Thể Thao (trên bờ Hữu ngạn Sông hương).

Khi đi ngang đây tự nhiên tôi cũng nhớ tới ông Sỹ và nói với Scott như vừa nói với anh. Scott xoay qua hỏi tôi:

- Anh có biết ông Sỹ nhiều không?

- Trước kia tôi làm việc dưới quyền ông mà.

- Tôi rất ân hận về trường hợp của ông Sỹ. Khi ấy tôi chưa vào Quân Đội. Tôi làm việc trong Tòa Tổng Lãnh Sự ở Đà Nẵng. Nhưng đêm 8.5.1963 tôi có mặt ở đây.

- Vậy anh có biết ai là thủ phạm vụ ném chất nổ đêm bữa ấy không?

Anh ta cười, không trả lời đúng câu hỏi của tôi, mà nói tiếp:

- Ai mà cho rằng Việt Cộng gây nên vụ nổ này thì thật là ngây thơ. Loại thuốc nổ ấy chỉ có CIA Mỹ mới có”.

Qua câu chuyện trên, quý độc giả đã thấy rõ sự liên hệ giữa James Scott, nhân viên Tòa Tổng Lãnh Sự Mỹ tại Đà

Nặng với 5 người Mỹ từ Sài Gòn ra ở lại đây. Và một người trong 5 người ấy đã ra gặp Thượng Tọa Trí Quang trước khi xảy ra biến cố đẫm máu trẻ thơ vô tội tại Đài Phát Thanh Huế đêm 8.5.1963. Và tại sao sau này James Scott tuy mang cấp bậc Đại Úy, nhưng không phải là sĩ quan hiện dịch, không có tên trong sổ hưu bổng của Bộ Quốc Phòng Hoa Kỳ. Và từ đó cũng thấy rõ ai là thủ phạm vụ gây ra cảnh chết chóc tang thương đêm 8.5.1963.

Khi Thượng Tọa Trí Quang vào Sài Gòn tuyệt thực chống hai Tướng Thiệu, Kỳ. Một người trong nhóm 5 người Mỹ này lại cùng với thông dịch viên Thân Trọng Huế đến gặp Thượng Tọa Trí Quang trao cho Thượng Tọa 4 triệu đồng. Mấy hôm sau Thượng Tọa Trí Quang ra lại Huế. Chừng 10 ngày sau đó, Huế và Đà Nẵng thành lập Mặt Trận Cứu Quốc, với lực lượng võ trang là Quân Đoàn Thủ Đô do Đại Tá Đàm Quang Yêu chỉ huy, tuyên bố ly khai chống lại chính phủ Trung Ương Sài Gòn.

Sau khi phong trào đấu tranh mang danh Phật Giáo của Thượng Tọa Trí Quang và đoàn quân của Đại Tá Yêu bị Tướng Nguyễn Cao Kỳ dẹp, số người Mỹ này và cả thông dịch viên Thân Trọng Huế đã di chuyển qua Thái Lan. Trước khi qua Thái Lan, anh Huế đã giới thiệu ông Trần Văn Thuởng hiện ở Tiểu Bang New Mexico thay anh, nhưng chỉ phụ trách phần quân sự. Qua Thái Lan một thời gian, anh Thân Trọng Huế bị tai nạn, khi được đưa về đến Việt Nam thì đã hôn mê và mất tại Sài Gòn.

23. - Những ai chú tâm theo dõi cuộc đối đầu giữa chính phủ Nguyễn Cao Kỳ và nhóm “*Tranh Đấu*” miền Trung hẳn đều biết, lần đầu Tướng Kỳ đưa quân ra dẹp

nhóm “*Tranh Đấu*”, đã không được người Mỹ tán đồng, không thỏa mãn những nhu cầu cần được yểm trợ. Lại gặp thêm khó khăn vì một đơn vị Quân Đội, Tiểu Đoàn 11 Biệt Động Quân ly khai tham gia phong trào tranh đấu. Rút cuộc, mới đưa được vài đơn vị ra đến Đà Nẵng, Tướng Kỳ lại phải cho lệnh trở về.

Nhưng lần thứ hai, vào trung tuần tháng 5.1966, sau khi Thượng Tọa Trí Quang phát động chiến dịch đưa bàn thờ Phật xuống đường thì tất cả đều quay ngược hẳn một trăm tám mươi độ, phi cơ, tàu thủy, v.v. được cung cấp đầy đủ theo nhu cầu. Việc chuyển quân, vũ khí, quân dụng... của Trung Ương được hoàn tất nhanh chóng.

Khi ấy, lực lượng “*Tranh Đấu*” tại miền Trung, (Huế, Đà Nẵng, Quảng Tín...) gồm có Tiểu Đoàn 11 Biệt Động Quân ly khai với Trung Ương, vào đóng quân trong chùa Tỉnh Hội Đà Nẵng, và các thanh niên “*tranh đấu*” được trang bị vũ khí lấy ra từ các kho địa phương. Lực lượng này đã thành lập một Quân Đoàn với danh xưng Quân Đoàn Trần Hưng Đạo, quyết chống lại Quân Đội từ Sài Gòn ra với khí thế lên cao ngút ngàn, tưởng chừng như không lực lượng nào có thể vượt qua nổi.

Nhưng điều làm ngạc nhiên mọi người là, khi quân của Trung Ương tới nơi thì gần như không phải giao chiến. Lực lượng “*Tranh Đấu*” tan rã nhanh đến độ không ai ngờ.

Người có công đầu trong việc tạo ra điều “*không ai ngờ*” này là cựu Trung Tá Nguyễn Thừa Dzu, hiện cư ngụ tại Thành Phố Westminster, Orange County, California.

Cựu Trung Tá Dzu kể lại với tôi:

“Khi ấy, với cấp bậc Đại Úy, tôi là Tiểu Đoàn Trưởng Tiểu Đoàn 11 Biệt Động Quân đồn trú tại Quận Tam Kỳ,

Tỉnh Quảng Tín. Khi Tướng Nguyễn Chánh Thi bị chính phủ Trung Ương giữ lại tại Sài Gòn sau một cuộc họp, nhóm tranh đấu liền hướng ngay mục tiêu xuống đường của họ vào sự kiện này, nhằm khích động dân chúng chống lại chính phủ Trung Ương. Là người khi ấy rất ngưỡng mộ Tướng Thi, tôi cho rằng mục đích của nhóm tranh đấu là chính đáng. Tôi đã đem cả đơn vị tham gia nhóm này một cách rất nhiệt tình, quyết liệt chống lại chính phủ Trung Ương. Lần đầu, Trung Ương không vận Chiến Đoàn M.48 do Trung Tá Phan Hòa Hiệp chỉ huy và một Tiểu Đoàn Thủy Quân Lục Chiến ra Đà Nẵng để dẹp nhóm tranh đấu. Để giúp “*phong trào tranh đấu*” chống lại Trung Ương, tôi điều động Tiểu Đoàn của tôi, một Chi Đoàn M.113, một Pháo Đội 105, từ Tam Kỳ ra bao vây hai đơn vị này tại Phi Trường Đà Nẵng. Tướng Wall Tư Lệnh Sư Đoàn Thủy Quân Lục Chiến Hoa Kỳ đóng tại Đà Nẵng mời tôi đến, lấy lý do kéo dài tình hình bất ổn sẽ có lợi cho đối phương, khuyên tôi đừng chống chính phủ Trung Ương, tôi không chịu. Trước quyết định chống trả của tôi, Chiến Đoàn M.48 và Tiểu Đoàn Thủy Quân Lục Chiến phải rút về. Trung Ương cho hai sĩ quan bạn tôi, Đại Úy Trần Thụy Ly và Trần Văn Duệ ra tiếp xúc thuyết phục tôi hợp tác, tôi cũng không chấp nhận.

Sau vụ này, Đại Tá Đàm Quang Yêu Tư Lệnh Biệt Khu Quảng Đà, người tích cực ủng hộ “*nhóm tranh đấu*” đưa đơn vị của tôi về Đà Nẵng. Thời gian này, với vũ khí lấy ra từ các kho của Quân Đội, tôi đã thành lập thêm một Tiểu Đoàn gồm các thanh niên của nhóm tranh đấu, và cùng với Đại Tá Yêu thành lập Quân Đoàn Trần Hưng Đạo. Đại Tá Yêu nắm quyền Tư Lệnh Quân Đoàn này.

Nhằm gây thêm thanh thế với Trung Ương, uy tín với dân chúng, nhóm tranh đấu đã mời tôi đem Bộ Chỉ Huy Tiểu Đoàn vào đóng trong chùa Tỉnh Hội Đà Nẵng, trụ sở đầu não của nhóm *“Phật Giáo tranh đấu”*. Thời gian đóng ở trong chùa, đi sát với các vị Sư, nhất là Thượng Tọa Thích Minh Chiếu, Chánh Sở Tuyên Ủy Phật Giáo Quân Đoàn I, thấy nhiều người đi ra đi vào, cạo tóc đầu, đều phải gọi là Đại Đức... mà không biết xuất thân từ đâu. Ban đêm, phía sau chùa có nhiều người vào, đều ăn mặn. Một lần, đêm khuya cùng với sĩ quan Trưởng Ban 3 Tiểu Đoàn đi kiểm soát quanh chùa, tình cờ tôi thấy dưới bàn thờ Phật chứa quá nhiều thuốc tây và truyền đơn. Tìm hiểu, tôi được biết số lượng thuốc lớn lao này là để tiếp tế vào bụng. Qua cung cách của những người lãnh đạo *“nhóm tranh đấu”*, các hoạt động trong chùa, cộng với tình hình an ninh chung suy sụp quá nhanh, tôi nhận thấy rõ ràng *“nhóm tranh đấu”*, là do Việt Cộng điều khiển, tôi quyết định rút khỏi nhóm này. Quyết định của tôi bị một sĩ quan Đại Đội Trưởng, Trung Ủy Tôn Thất Trục, người vẫn còn quyết liệt ủng hộ *“nhóm tranh đấu”*, chống đối. Viện lý do nếu đóng toàn bộ Tiểu Đoàn trong khuôn viên chùa, khi quân của Trung Ương ra bao vây, sẽ không yểm trợ được cho nhau và không có đường thoát. Tôi cho Trung Ủy Trục và Đại Đội của ông này ở lại trong chùa, còn tôi, tôi đem toàn bộ lực lượng còn lại của Tiểu Đoàn ra đóng quân ở sân vận động Đà Nẵng.

Biết được tình hình này, Trung Ương lại phái hai Đại Ủy Trần Thụy Ly và Trần Văn Duệ ra thuyết phục tôi hợp tác. Vì đã thấy rõ thực chất của *“phong trào tranh đấu”*, lần

này tôi nhận lời hợp tác với Trung Ương để giải quyết tình trạng bất ổn kéo dài quá lâu, đã gây nhiều hậu quả tai hại cho tình hình an ninh Quốc Gia.

Chúng tôi cùng nhau thảo ngay một kế hoạch hành quân. Để phòng sự chống đối của Trung Ủy Tôn Thất Trục có thể gây trở ngại cho cuộc hành quân. Nhân dịp kỷ niệm ngày thành lập Tiểu Đoàn, tôi đề nghị thăng cấp Đại Ủy giả định cho Trung Ủy Trục, đưa ông này vào làm Tiểu Đoàn Phó Tiểu Đoàn 39 Biệt Động Quân đóng tại Hội An. Đồng thời tôi biệt phái cả Đại Đội 2 của Tiểu Đoàn cho đi theo Đại Ủy Trục, với lý do giúp ông một thời gian trong nhiệm vụ mới.

Sau khi đã dẹp bỏ được trở ngại, đúng ngày giờ quy định, từ 1 đến 5 giờ sáng ngày N, tôi điều động lực lượng của Tiểu Đoàn chiếm đóng tất cả các cơ quan đầu não quân sự và hành chánh, chặn các ngã ra vào thành Phố, vây hãm tu thất các Tư Lệnh, với lý do có lực lượng Việt Cộng đột nhập Thành Phố. Trong khi đó, lực lượng của Trung Ương được chuyển vận bằng mọi phương tiện, kể cả hàng không dân sự, đổ xuống Phi Trường. Và khi trời vừa hừng sáng, họ tiến ra nhận bàn giao, thay thế Tiểu Đoàn 11 Biệt Động Quân của tôi kiểm soát toàn bộ các đơn vị Quân Đội, cơ quan hành chánh tại Đà Nẵng.

Khi đến giải tỏa chùa Tỉnh Hội Đà Nẵng, lực lượng hành quân của Trung Ương đã gặp phải sự chống cự khá mạnh từ bên trong chùa. Nhưng tuân hành lệnh của chính phủ, họ không tấn công vào chùa. Mặc dù vậy, vì lực lượng còn lại trong chùa chỉ gồm một ít thanh niên tranh đấu, và một số Quân Nhân lẻ tẻ thuộc các đơn vị

chuyên môn, không có kinh nghiệm tác chiến và tinh thần chiến đấu. Vì thế nên cuộc giải tỏa chùa, giải giới toàn thanh niên võ trang của “*nhóm tranh đấu*” không gặp khó khăn nào đáng kể.

24. - Trong bản phúc trình về tình trạng tự do tín ngưỡng trên thế giới của Bộ Ngoại Giao Hoa Kỳ năm 1999, được công bố đầu tháng 9.1999. Trong phần nói về tình trạng tự do tôn giáo ở Việt Nam dài 8 trang có đoạn viết:

“Giữa các tôn giáo ở Việt Nam hiện nay có mối quan hệ thân hữu tốt đẹp. Một số những va chạm của Phật Giáo với Công Giáo như trong thập niên 1960, chỉ là những sự kiện giới hạn ở tầm mức địa phương, và bị thúc đẩy bởi những ý đồ chính trị nhất thời”.

“Cần Lao Công giáo giết Phật tử?”

1. - Sau ngày 1 tháng 11 năm 1963, tình hình hỗn loạn xảy ra khắp nơi, nhiều cơ quan chính quyền từ địa phương lên đến Trung Ương, người ta nhận được hàng loạt đơn tố cáo: “*Cần Lao Công Giáo tiếp tục trả thù đàn áp, giết hại Phật Tử*”. Hầu hết số đơn này cũng như những đơn tố cáo chính quyền đàn áp Phật Giáo thời còn Tổng Thống Ngô Đình Diệm, đều được gửi đi từ các khuôn Hội Phật Giáo tại các Tỉnh được chính quyền Quốc Gia tiếp thu sau khi Hiệp Định Geneva được thi hành (Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên). Sau đây là một trường hợp điển hình.

Ngay sau khi nền Đệ I Cộng Hòa bị lật đổ, Thiếu Tá H. N. (còn ở Việt Nam) Trung Đoàn Trưởng, Tiểu Khu Trưởng kiêm Phó Tỉnh Trưởng Nội An một Tỉnh phía Nam Đà Nẵng bị bắt giam. Ông bị Tỉnh Hội Phật Giáo địa phương thưa: “*Sĩ quan Công Giáo, đảng viên đảng Cần Lao, đã giết một Đại Đức của Tỉnh Hội*”.

Khi nắm quyền Tư Lệnh Quân Đoàn I Quân Khu I kiêm Đại Biểu Chính Phủ Trung Nguyên Trung Phần, một hôm Tướng Nguyễn Chánh Thi đến thăm Quân Lao trong Thành Mang Cá nhỏ, ông cho kêu Thiếu Tá N. lên trình diện. Ông hỏi Thiếu Tá N.:

- Anh đã giết một Đại Đức Phật Giáo phải không?

- Thưa Trung Tướng, tôi giết một tên cán bộ Cộng Sản đội lốt tu sĩ, chứ tôi không giết Đại Đức Phật Giáo.

- Tại sao anh nói người ta là Cộng Sản?

- Thưa Trung Tướng, xin Trung Tướng bình tĩnh coi lại hồ sơ của ông này. Nếu Trung Tướng không tin thời Đệ I Cộng Hòa, xin đừng coi hồ sơ thời kỳ ấy. Trung Tướng cứ coi hồ sơ từ thời Pháp đến thời các chính phủ trước Đệ I Cộng Hòa để lại, Trung Tướng sẽ thấy tôi nói đúng hay sai.

Sau khi nghe Thiếu Tá H. N. trình bày, Tướng Thi ôm vai ông nói:

- Đúng, toa nói đúng. Trước khi ra đây, toa đã coi kỹ hồ sơ của tên này, y đúng là một cán bộ Cộng Sản quan trọng, phải giết, dù y đội lốt tu sĩ Phật Giáo. Thôi được, toa yên chí, vụ này để toa thu xếp cho.

Một tháng sau, vụ án Thiếu Tá H. N. đăng đường với tội danh: "*Cản Lao Công Giáo giết Đại Đức Phật Giáo*". Trong lúc Chánh Án và Bồi Thẩm Đoàn đang ngồi đợi giờ xử thì Đại Tá Khoan, một sĩ quan trong thành phần Bồi Thẩm Đoàn từ Đà Nẵng ra mang theo một văn thư của Tướng Thi gửi ông Chánh Án. Nhận văn thư, ông Chánh Án mở ra đọc cho Bồi Thẩm Đoàn nghe. Tướng Thi yêu cầu Tòa ngưng phiên xử, vì nội vụ cần được điều tra bổ túc. Văn thư được đóng dấu ấn Đại Biểu Chính Phủ. Ông Chánh

Án tỏ ra rất lo ngại trước quyết định của Tướng Thi. Vì ông thấy đó là một điều quá nguy hiểm trước khí thế của “*phong trào đấu tranh mang danh Phật Giáo*” lúc bấy giờ. Thấy vậy, Đại Tá Khoan đề nghị ông Chánh Án lấy ý kiến Bồi Thẩm Đoàn bằng cách bỏ phiếu kín. Kết quả, tất cả Bồi Thẩm Đoàn đều đồng ý với quyết định của Tướng Thi. Và cuối cùng, Thiếu Tá H. N. được trả tự do.

Cựu Trung Tá Lê Thiện Phước, khi ấy là Sĩ Quan Thanh Tra Sư Đoàn I Bộ Binh đã tháp tùng Tướng Thi trong cuộc thăm Quân Lao Mang Cá nhỏ và cũng là thành viên trong Bồi Thẩm Đoàn của vụ án kể trên.

2. – Tháng 4 năm 1965, Sở I An Ninh Quân Đội khám phá ra tổ chức Liên Hiệp Sinh Viên-Học Sinh của Việt Cộng trong đó có vài Phật Tử, với tài liệu đầy đủ. Chùa Tịnh Hội Đà Nẵng can thiệp yêu cầu thả những người này. Thiếu Tá Nguyễn Văn Ứng Chánh Sở không thỏa mãn với lý do: Nội Vụ đã được trình lên Tướng Thi Tư Lệnh Quân Đoàn. Mấy ngày sau, một truyền đơn được rải khắp Thành Phố Đà Nẵng. Truyền đơn mang nội dung: “*Yêu cầu Trung Tướng Nguyễn Chánh Thi phải đuổi tên Thiếu Tá Ứng ra khỏi Thành Phố. Tên Thiếu Tá Cản Lao ác ôn, tay sai Nhu-Diệm đàn áp Phật Giáo. Nếu sau 48 tiếng đồng hồ, tên Ứng còn có mặt ở Đà Nẵng, chúng tôi sẽ xin y tá huyết*”.

Cùng thời gian này, Cảnh Sát Quốc Gia Đà Nẵng bắt một tên đặc công Việt Cộng vào đặt chất nổ tại Khách Sạn Morin, nơi Quân Nhân Mỹ thường xuyên vào ăn uống. Khai thác không tìm ra được manh mối gì. Nội vụ được giao qua cho Sở An Ninh Quân Đội. Tại đây, Thiếu Tá Ứng khai thác tên đặc công, đã khám phá ra một tổ đặc công

quan trọng. Nhờ khai thác kịp thời, khối chất nổ lớn đặt trong một vỏ radio đựng trong một cái túi xách có nhãn hiệu Air Việt Nam đã được vô hiệu hóa kịp thời, tránh được một vụ phá hoại có thể gây nhiều chết chóc.

Đến 10 giờ tối ngày 29.4 Tướng Thi đích thân đến Sở An Ninh Quân Đội ra lệnh cho Thiếu Tá Ứng chuẩn bị hồ sơ, đưa tổ đặc công này ra trình diện phái đoàn báo chí từ Sài Gòn sẽ ra vào ngày hôm sau.

Chiều 30.4, trong cuộc họp báo do Tướng Thi chủ tọa, Thiếu Tá Ứng dẫn toán đặc công ra mắt các phóng viên. Tướng Thi đã hết sức hài lòng về những thú nhận của toán Việt Cộng này trước các ký giả.

Sáng hôm sau 1.5, ngày Quốc Tế Lao Động, Tướng Thi với tư cách Tư Lệnh Quân Đoàn kiêm Đại Biểu Chính Phủ, tập họp các đơn vị Quân Đội và Hành Chánh tại Bộ Tư Lệnh Quân Đoàn, khen thưởng và gắn huy chương cho các nhân viên hữu công trong vụ khám phá tổ đặc công trên đây. Thiếu Tá Ứng được tuyên dương công trạng trước Quân Đoàn, được thưởng một Anh Dũng Bội Tinh với Ngôi Sao Vàng.

Nhưng chỉ ngày hôm sau, ngày 2.5, Tướng Thi lại có một quyết định hoàn toàn trái ngược với việc ông làm hôm trước. Ông ký lệnh chuyển Thiếu Tá Ứng qua Sư Đoàn 2 Bộ Binh, cho ra khỏi Ngành An Ninh Quân Đội, mà không cho biết lý do tuyên chuyển và việc phải ra khỏi ngành chuyên môn của anh.

Để kết thúc chương này, tôi xin giới thiệu cùng quý độc giả lời một nữ trí thức và một vị Bác Sĩ trình bày trước

Phái Đoàn Đại Diện Liên Hiệp Quốc, về thái độ của Tổng Thống Ngô Đình Diệm đối với Phật Giáo và bài “*Một Thời Vang Bóng*” của Đại Sứ Hà Vĩnh Phương. Cả ba vị trên đây đều là Phật Tử thuần thành.

Riêng về Đại Sứ Hà Vĩnh Phương, khi chấp thuận đề nghị của Giáo Sư Bửu Hội, yêu cầu Liên Hiệp Quốc cử Phái Đoàn qua tìm hiểu tại chỗ về lời cáo buộc Chính Phủ Việt Nam vi phạm nhân quyền, Tổng Thống Diệm đã cử Giáo Sư Bửu Hội làm Đặc Phái Viên của Tổng Thống Việt Nam Cộng Hòa cạnh Liên Hiệp Quốc. Ông Hà Vĩnh Phương khi ấy đang là Đại Sứ Việt Nam Cộng Hòa tại Tây Đức, Đan Mạch, Na Uy và Thụy Điển, đồng thời là Đại Diện Việt Nam Cộng Hòa trong Hội Đồng Thống Đốc Cơ Quan Nguyên Tử Năng Quốc Tế, được cử Phụ Tá cho Giáo Sư Bửu Hội. Bài viết liên quan đến biến động Phật Giáo năm 1963 của ông, được đăng trong đặc san *Tiếng Sông Hương* do Hội Ái Hữu cựu Học Sinh Trường Quốc Học Huế xuất bản năm 1996, nhân dịp kỷ niệm 100 năm ngày thành lập trường này.

1. – Nhân chứng số 38: Một nữ trí thức mà lý lịch của bà và những sự kiện bà viết về cuộc Biến Động, đã được bà khai trước Phái Đoàn Liên Hiệp Quốc như dưới đây:

“Với tuổi tác, kinh nghiệm và sự nghiệp của tôi, tôi biết rõ xứ này. Tôi thuộc một dòng họ đông đảo nhất của nước Việt Nam. Đó là một vọng tộc gồm những người trí thức. Chúng tôi theo Phật Giáo và Khổng Giáo, chúng tôi thờ phụng tổ tiên và thờ Phật... Tôi muốn đem những điều hiểu biết của tôi giúp đỡ quý vị và do đó giúp đỡ thế giới và xứ sở của tôi...”

Khi được Phái Đoàn hỏi bà đã chứng kiến những biến cố nào trong tháng 5 tại Huế? Bà trả lời:

- Tôi dự lễ tại chùa Từ Đàm.
- Có gì xảy ra tại đây?
- Thầy Thích Trí Quang đã giải thích các biểu ngữ, các biểu ngữ chống Chính Phủ.
- Nói cách khác, có người đã lợi dụng buổi lễ để tuyên truyền chống Chính Phủ?
- Vâng, nhưng đó chỉ là sự khởi đầu.

Khi được hỏi về các Nhà Sư tự thiêu bà đáp:

- Nói về các vụ tự thiêu tôi muốn đề cập đến vấn đề chính trị. Trước kia, tôi là một cố vấn và ngay cả trong thời gian ấy Việt Cộng phỉnh phờ được đủ hạng người. Các lời đồn do Việt Cộng phao ra, lan tràn khắp nơi.

Ngoài ra ai cũng có thể làm Nhà Sư cả. Có những Sư thật và sư giả, Phật Tử thật và Phật tử giả. Vì không có sự kiểm soát nào trong các Nhà chùa (Chính Phủ cũng không thể kiểm soát chùa chiền) nên không có cách gì để phân biệt thật hay giả. Vậy có thể có những trá hình. Tôi dám nói rằng các Nhà Sư quá khích nhất chính là những người Cộng Sản. Những Nhà Sư thật là những người thực hành theo các đức hạnh Phật Giáo như bất bạo động, không ganh tị, từ bi.

Ở đây chúng tôi rất khoan hòa về tôn giáo. Ai cũng có thể xây chùa không cần xin phép trước. Do đó, không thể kiểm soát xem họ có Cộng Sản hay không. Tôi biết hiện giờ Việt Minh đang tìm cách gây một cuộc chiến tranh tôn giáo.

- Có phải một trong những lý do của các cuộc biểu tình là sự ưu đãi đối với người Thiên Chúa Giáo và sự ngược đãi người theo Phật Giáo không?

- Tôi rất ngạc nhiên nếu có như vậy. Trong các cơ quan và trong mọi ngành hoạt động, Phật Tử đông hơn người theo các tôn giáo khác.

- Bà giải thích thế nào về sự kiện, năm này, Chính Phủ cấm treo cờ Phật Giáo nhân ngày Khánh Đản của Đức Phật.

- Chính Phủ quyết định về các ngày vía Phật và vía Khổng Tử. Trước Chính Phủ này, các ngày ấy không phải là ngày lễ.

Tổng Thống Ngô Đình Diệm là một người theo Thiên Chúa Giáo, nhưng Tổng Thống có thái độ khoan dung với các tôn giáo khác. Trong các trại lính, có những chùa bên cạnh Nhà Thờ. Bộ Trưởng Bộ Nội Vụ ký sắc lệnh ấn định cờ Phật Giáo và Thiên Chúa Giáo có kích thước bằng nhau nhưng không được quá 2/3 cờ Quốc Gia.

Các biến cố đã xảy ra ngay trong Thành Phố. Ngày ấy, trong im trời nóng 34 độ. Dân chúng kéo cờ, và cờ Quốc gia thường thường nhỏ hơn cờ Phật Giáo. Điều ấy xảy ra nhiều Tỉnh khác, nhưng các Tỉnh Trưởng tự mình kiểm soát để Sắc Lệnh được áp dụng. Ở đây, Tỉnh Trưởng ra lệnh cho Cảnh Sát phụ trách. Trong vài trường hợp lẻ tẻ, Cảnh Sát không đối xử tử tế với quần chúng. (Báo Cáo Phái Đoàn Liên Hiệp Quốc. Trang 204)

2. – Nhân chứng số 39. Một vị Bác Sĩ mà lý lịch của ông và một vài sự kiện, nhận xét, liên quan đến lời cáo buộc Tổng Thống Ngô Đình Diệm kỳ thị Phật Giáo được ông khai trước Phái Đoàn Liên Hiệp Quốc như sau:

“Đầu tiên, tôi muốn tự giới thiệu, không phải vì khoe khoang, nhưng để làm sáng tỏ vài phương diện của vấn đề.

Tôi là Bác Sĩ. Tôi học ở Pháp. Tôi theo Phật Giáo, gia đình tôi theo Phật Giáo từ nhiều đời, em gái tôi là Ni Cô từ 1950 và từ khi ở Pháp về, tôi là Bác Sĩ chính thức của hầu hết tất cả Ni Cô và Nhà Sư ở Sài Gòn, đặc biệt, các Nhà Sư trong Giáo Hội Tăng Già Việt Nam cột trụ của phong trào Phật Giáo. Quý vị có thể hỏi các Nhà Sư kiểm chứng điều tôi nói. Tôi đã chữa bệnh cho tất cả: Ngài Hội Chủ ở Huế, Chủ tịch Ủy Ban, mọi hội viên khác, dù được tự do hay bị giam giữ và những năm sau này, thỉnh thoảng tôi chữa bệnh cho Tổng Thống Ngô Đình Diệm. Tôi đã làm trung gian giữa Tổng Thống Ngô Đình Diệm và các Phật Tử khi cần thiết. Bắt đầu phong trào tháng 5.1963, theo sự yêu cầu của các nhà lãnh đạo Phật Giáo, tôi đã đứng ra làm trung gian giữa Tổng Thống Diệm và các Phật Tử. Vâng, tôi tiếp xúc trực tiếp với chính Tổng Thống, chứ không phải với Chính Phủ...

Tôi đã tham dự nhiều cuộc hội kiến giữa Tổng Thống Ngô Đình Diệm và vài nhà lãnh đạo Phật Giáo trước biến cố 8.5. Các cuộc hội kiến được tổ chức đặc biệt, để ban cho các nhà lãnh đạo Phật Giáo vài đặc ân như cho đất, rừng hay tiền bạc để xây chùa. Tôi gặp Tổng Thống hai ba ngày sau ngày 8.5 và tôi có thể làm chứng rằng Tổng Thống xem các biến cố ấy như là một tai họa lớn nhất cho xứ sở chúng tôi. Tổng Thống đã yêu cầu tôi can thiệp, một mình hay với tất cả gia đình và bạn hữu của tôi, để hết sức giảm thiểu các hậu quả khốc hại có thể xảy ra.

Khi được hỏi: Ông bảo rằng với tư cách là Bác Sĩ, ông đã chữa bệnh cho nhiều Nhà Sư, nhất là Hòa Thượng Thích Tịnh Khiết. Hòa Thượng hiện nay gần 90 tuổi, có còn đầy

đủ khả năng không?

- Vâng, tôi muốn nói rằng Hòa Thượng Thích Tịnh Khiết vẫn còn sáng suốt, nhưng vì giáo lý của đạo ngài, Hòa Thượng từ khước mọi hoạt động trong phạm vi chính trị quốc tế. Từ khi giữ chức vụ hiện tại, Hòa Thượng không thể kiểm soát được phong trào và tôi nghĩ rằng, xem Hòa Thượng như Giáo Hoàng của Phật Giáo là một sự lầm lẫn, bởi về chính Thượng Tọa Thích Thiện Hòa, Thượng Thủ Giáo Hội Tăng Già mới là nhân vật cao nhất của Phật Giáo xứ này. Ở đây, có một điều cần cắt nghĩa. Thượng Tọa Thích Thiện Hòa trước kia là người ủng hộ Hòa Thượng Thích Tịnh Khiết và những người hầu Hòa Thượng Thích Tịnh Khiết đã đầu cơ về việc đó và làm cho những người ở Việt Nam cũng như ở ngoại quốc, tưởng rằng Hòa Thượng Thích Tịnh Khiết là nhân vật quan trọng nhất.

Và cuối cùng vị Bác Sĩ này đã trình bày trước Phái Đoàn nhận xét của ông về con người Tổng Thống Diệm đối với vấn đề tôn giáo như sau:

Vì tôi có những tiếp xúc trực tiếp với Tổng Thống, tôi có thể nói dù rằng Tổng Thống theo Thiên Chúa Giáo, Tổng Thống đã nghiên cứu các triết lý Phật Giáo và Khổng Giáo. Tổng Thống cũng không gán Thiên Chúa Giáo hơn Phật Giáo. Tổng Thống hiểu rõ các Phật Tử.

Một vài xu hướng tinh thần của Tổng Thống lại đượm màu sắc Phật Giáo hơn Thiên Chúa Giáo. Nếu các kết luận của một cuộc điều tra là có sự kỳ thị về phía Chính Phủ đối với Phật Giáo, ý kiến của tôi là Tổng Thống không theo đuổi một đường lối chính trị kỳ thị đối với Phật Giáo”. (*“Phúc Trình Liên Hiệp Quốc”*: Trang 207)

Một điều thiết tưởng quý vị độc giả cũng cần biết, đó là: Các nhân chứng đến khai trước Phái Đoàn Tìm Hiểu Sự Việc (Facht-Finding Mission) của Liên Hiệp Quốc đều là những người tự đến xin gặp Phái Đoàn, hoặc được Phái Đoàn trực tiếp mời, theo tin tức họ nhận được về sự liên hệ cũng như hiểu biết của những người này, đối với cuộc tranh đấu được gọi là “*của Phật Giáo*”. Chính quyền không được biết và cũng không được giới thiệu bất cứ người nào đến gặp Phái Đoàn. Vì vậy mà trong phúc trình, Phái Đoàn không ghi rõ tên các nhân chứng mà chỉ ghi số.

Nhờ được Chính Phủ dành cho quyền hoạt động rộng rãi và hoàn toàn tự do như vậy, Phái Đoàn đã gặp được một số Tăng sĩ, một vài sinh viên mà theo báo cáo Phái Đoàn nhận được, họ đã bị mất tích, bị thủ tiêu, v.v.

Bản phúc trình Phái Đoàn báo cáo lên Hội Đồng Liên Hiệp Quốc, đã bị áp lực từ phía Mỹ, đặc biệt là từ Đại Sứ Cabot Lodge, đã không được phổ biến cho báo chí. Vì sự thật của sự việc đã hoàn toàn trái ngược với những gì Đại Sứ Lodge và một số báo chí Hoa Kỳ đã báo cáo với Chính Phủ và nhân dân nước họ.

Và như nhiều người đã biết, những biến động được mang danh “*Cuộc tranh đấu của Phật Giáo*”, được khởi sự từ tháng 5.1963, chỉ được chấm dứt vào cuối năm 1966. Sau khi cuộc tranh đấu đã đi tới tột đỉnh của sự “*phạm thượng*” bằng hành động đưa bàn thờ Phật ra bày la liệt ngoài đường phố, đặt ảnh Đức Phật ở nhiều nơi hoàn toàn bất xứng, các tăng sĩ ra ngồi giữa đường chặn xe tăng, chặn đường tiến quân của Quân Đội miền Nam và bị Chính Phủ Nguyễn Cao Kỳ dẹp tan không nương tay.

Và rõ ràng hơn, mục đích cuộc tranh đấu của nhóm quá khích do Thượng Tọa Thích Trí Quang lãnh đạo, cũng đã được ông tiết lộ với nữ phóng viên Marguerite Higgins tại chùa Xá Lợi hồi trung tuần tháng 7.1963.

“Chúng tôi không thể dàn xếp được với Bắc Việt cho đến khi trừ khử được Diệm và Nhu”. (*Our Vietnam Nightmare*. Trang 28)

Ngoài ra, trong phong trào tranh đấu “*mang danh Phật Giáo*” do Thượng Tọa Thích Trí Quang lãnh đạo chống lại điều được gọi là “*Chính sách kỳ thị tôn giáo*” của Tổng Thống Ngô Đình Diệm, có hai nhân vật mà việc họ tham gia và rút khỏi phong trào này đã gây ra nhiều thắc mắc. Đó là ông Mai Thọ Truyền và Đại Đức Thích Đức Nghiệp.

1. – Ông Mai Thọ Truyền là Hội Trưởng Hội Phật Học Nam Việt, người đã trực tiếp nhận số tiền 2.000.000 đồng của Tổng Thống Ngô Đình Diệm giúp cho công việc xây cất chùa Xá Lợi do ông chủ xướng. Và hai tháng trước khi xảy ra biến cố “*cờ Phật Giáo*”, với tư cách là Phó Hội Chủ Hội Phật Giáo Thống Nhất Việt Nam, ông cũng đã được Tổng Thống Diệm mời vào gặp cùng với Đức Khâm Sứ Tòa Thánh Vatican, để yêu cầu lưu ý tín hữu về việc phải tôn trọng cờ Quốc Gia trong các cuộc lễ lược của mỗi tôn giáo.

Khi phong trào tranh đấu của nhóm Thượng Tọa Trí Quang nổi lên, không những ông đã làm thình về những cử chỉ vừa kể trên đây của Tổng Thống Diệm, ông còn để cho nhóm Thượng Tọa Trí Quang dùng chùa Xá Lợi làm Tổng hành dinh điều khiển cuộc đấu tranh.

Nhưng sau khi Tổng Thống Ngô Đình Diệm bị lật đổ, ông đã trực xuất Thượng Tọa Trí Quang và nhóm tranh

đấu ra khỏi chùa Xá Lợi, khi cuộc tranh đấu của nhóm này được tiếp tục.

2. – Đại Đức Thích Đức Nghiệp là “*Phát ngôn viên chính thức*” của Phong trào tranh đấu của nhóm Thượng Tọa Thích Trí Quang trong giai đoạn chống Tổng Thống Ngô Đình Diệm.

Sau khi Tổng Thống Diệm bị lật đổ, người ta thấy ông không còn giữ vai trò “*phát ngôn viên*” của phong trào này. Và một thời gian sau ông được qua Mỹ du học.

Chương III. Cuộc đảo chánh 1.11.1963

1. Tiên đảo chánh

Cuộc đảo chánh ngày 1 tháng 11 năm 1963 xảy ra không phải là chuyện bất ngờ đối với các nhà lãnh đạo Đệ I Cộng Hòa. Chỉ mấy tháng sau khi Tổng Thống Kennedy lên cầm quyền, thấy rõ đường lối của ông, họ đã đoán biết những khó khăn sẽ xảy đến đối với họ..

Sau khi nhận chính quyền, duyệt xét chiến lược ngăn chặn Cộng Sản bành trướng tại vùng Đông Nam Á, Tổng Thống Kennedy chủ trương: Không can giữ Lào Quốc để bảo vệ “*bức tường*” Nam Việt Nam, vì đường tiếp vận cho Lào khó khăn. Thay vào đó, chỉ cần bố trí một lực lượng quân sự thật hùng mạnh tại Nam Việt Nam.

Thực hiện chủ trương này, tháng 5.1961 Tổng Thống Kennedy gửi Phó Tổng Thống Jonhson qua Sài Gòn đề nghị Tổng Thống Diệm cho đưa Quân Đội Mỹ vào tham chiến tại Việt Nam. Đề nghị này bị Tổng Thống Diệm từ

chối vì sự hiện diện của Quân Đội Mỹ trên chiến trường sẽ làm cho cuộc chiến chống Cộng của Việt Nam Cộng Hòa mất chính nghĩa và đất nước mất chủ quyền.

Để dung hòa, Việt Nam đề nghị hai Chính Phủ Việt-Mỹ ký một Hiệp Ước An Ninh Hổ Tương như chính phủ Mỹ đã ký kết với chính phủ Đại Hàn.

Không chấp nhận đề nghị của Việt Nam, Hoa Kỳ đưa ra đề nghị mới: Hai nước ký một Hiệp Ước hợp tác theo hình thức “*công ty hợp doanh*” (tháng 10.1961). Áp dụng hình thức này có nghĩa là bên nào đóng góp nhiều hơn sẽ nắm quyền điều khiển cuộc chiến.

Một lần nữa sáng kiến của chính phủ Kennedy bị Tổng Thống Diệm bác khước. Vì hợp tác theo hình thức này Việt Nam sẽ mất quyền chủ động trong cuộc chiến.

Thái độ cứng rắn không khoan nhượng trong lập trường bảo vệ độc lập và chủ quyền đất nước của Tổng Thống Diệm, đã làm cho một số nhân vật trong chính phủ Kennedy hết sức tức giận. Họ đòi chính phủ Mỹ phải lập một chính quyền mới tại Việt Nam.

Biết rõ được lập trường của Tổng Thống Diệm, các nhân vật này liền thực hiện một âm mưu rất thâm độc. Họ tìm cách tạo ra những tình trạng đẩy ông vào thế phải chống lại chính quyền Mỹ, để có lý do biện hộ cho việc loại trừ ông trước công luận Hoa Kỳ.

Cuối năm 1961, chính phủ Mỹ tự ý tăng số Cố Vấn trong Quân Đội Việt Nam từ 6.000 lên 18.000 người mà không tham khảo trước với Chính Phủ Việt Nam. Với số cố vấn tăng lên gấp 3 này, họ đòi phải được đặt thêm cố vấn quân sự xuống đến cấp Tiểu Đoàn, và bên ngành Hành Chánh phải được đặt cố vấn ở cấp Tỉnh.

Khi đã đạt được cố vấn ở cấp Tỉnh, đầu năm 1963, họ đơn phương quyết định cung cấp các vật dụng viện trợ cho Chương Trình Ấp Chiến Lược thẳng đến các Tỉnh, không qua Ủy Ban Trung Ương của Chính Phủ Việt Nam Cộng Hòa.

Đến tháng 4 cùng năm, Tổng Thống Kennedy lại đòi Chính Phủ Việt Nam phải để cho Hoa Kỳ kiểm soát ngân khoản dành cho công tác chống nổi dậy, mà trong đó có 3% do ngân sách Việt Nam đóng góp.

Qua các sự kiện trên đây, âm mưu của những nhân vật chủ trương loại trừ Tổng Thống Diệm trong chính quyền Kennedy đã đạt kết quả. Họ gây ra được sự rạn nứt trầm trọng trong bang giao giữa hai chính phủ Việt Nam và Hoa Kỳ, các nhà lãnh đạo Việt Nam tỏ rõ thái độ quyết liệt chống lại lối hành xử của chính quyền Kennedy coi Việt Nam như một thuộc địa của nước Mỹ.

Từ đó, dư luận về một cuộc đảo chánh nhằm xóa bỏ chế độ Đệ I Cộng Hòa Việt Nam mỗi ngày mỗi ồn ào hơn. Trong quần chúng thành thị, người ta được nghe nói nhiều đến việc chính phủ Kennedy đã quyết định tìm cách loại bỏ Tổng Thống Ngô Đình Diệm. Nhiều giới chức Hoa Kỳ đã vô tình hay cố ý tiết lộ với các giới chức và nhân vật thân quen, gần gũi với các nhà lãnh đạo Việt Nam tin tức liên quan đến quyết định nói trên.

Ông Trần Trung Dung kể lại với tôi, Giáo Sư Fishel, nguyên Cố Vấn của Trường Quốc Gia Hành Chánh và ngành Cảnh Sát Quốc Gia, bị chấm dứt bởi hợp đồng vào trước cuối năm 1962, vì bị khám phá ra là một nhân viên CIA quan trọng. Trong một chuyến ghé qua Sài Gòn cuối

năm ấy, ông này cho ông Dung biết *“Một cuộc đảo chánh chế độ Ngô Đình Diệm sẽ xảy ra trong tháng 1 hoặc tháng 2.1963.”*

Ít lâu sau, hai người Mỹ khác, bạn thân của ông Trần Trung Dung đến Sài Gòn, ông khoản đãi họ cách trân trọng. Theo lời ông Dung, khi rượu đã ngà ngà, hai người này tiết lộ với ông: *“Việc bắt ông Diệm thôi đã dứt khoát, nếu không thôi sẽ bị giết”*.

Nhận thấy tình hình đã đến mức quá nguy hiểm, ông Dung, một mặt trình cho Tổng Thống Diệm biết, một mặt gửi phu nhân ra tin cho ông Cẩn hay. Để phòng những bất trắc có thể xảy ra khi tình hình bị xáo trộn, ông Dung đề nghị ông Cẩn tạm thời đi nghỉ bất cứ một nước nào trong Vùng Đông Nam Á như Hồng Kông, Đài Loan, Singapore v.v. đem theo vài người tín cẩn. Ông Dung sẽ nhờ bạn quen ở các nước này lo chu đáo mọi chuyện cho ông. Chừng ba bốn tháng, nếu tình hình yên ổn sẽ về lại. Được biết tình hình, ông Cẩn sau ba ngày suy nghĩ đã trả lời với bà Dung: *“Tao nhất định ở lại làm việc, sống thì sống, chết thì chết, không đi mô hết”*.

Về phần Tổng Thống Diệm, mặc dầu được biết những đe dọa và nguy hiểm đối với chế độ của mình, ông vẫn cương quyết giữ vững lập trường bảo toàn chủ quyền Quốc Gia và đường lối chính trị độc lập không nhân nhượng. Lập trường cứng rắn ấy đã làm mất đi những hậu thuẫn chính trị từ trước vẫn dành cho Tổng Thống nơi một số chính khách Hoa Kỳ và làm tăng thêm động lực thúc đẩy việc thực hiện một cuộc đảo chánh chống lại ông.

Đầu tháng 6. 1963, Linh Mục Cao Văn Luận sau khi đi một vòng mấy nước Âu Châu và Mỹ, khi trở về đã nói với

tôi: “Tình hình hết sức bất lợi và nguy hiểm lắm. Âu Châu không đến nổi chi. Nhưng tại Hoa Kỳ thì những người đã từng ủng hộ và thân thiết với ông Cu (Tổng Thống Diệm) như ông Mansfield (Thượng Nghị Sĩ) bây giờ cũng trở lại chống”.

Tiếp theo, từ thượng bán niên 1963, một chiến dịch thông tin do những phóng viên còn quá trẻ của Mỹ thực hiện. Hành động của họ, nếu không muốn nói rằng họ được sai đi dọn đường cho việc thực hiện một kế hoạch gì đó, thì người ta phải nhìn nhận rằng họ không có một chút hiểu biết nào về loại chiến tranh khuynh đảo và nổi dậy. Họ không biết hoặc không thêm quan tâm đến những yếu tố như tâm lý, nếp suy nghĩ và tôn ty trật tự xã hội theo quan niệm Khổng Giáo của Dân Tộc Việt Nam, và đặc biệt với Tổng Thống Ngô Đình Diệm. Họ đã nói, viết về chính quyền Việt Nam Cộng Hòa đủ điều theo tầm hiểu biết hạn hẹp và lối nhìn thiên kiến của họ. Đến khi vụ “*biến động cờ Phật Giáo*” bùng nổ thì những phóng viên này đã thực sự trở thành đội quân xung kích của trận chiến xóa bỏ nền Đệ I Cộng Hòa Việt Nam. Họ tích cực khai thác, sử dụng biến động này làm vũ khí đánh thẳng vào nhà lãnh đạo chế độ ngay tại Trung Tâm Thủ Đô Sài Gòn.

Khi xảy ra tai nạn bi thảm tại Đài Phát Thanh Huế, ông Ngô Đình Nhu thấy ngay âm mưu thực hiện cuộc đảo chánh chống lại nền Đệ I Cộng Hòa đã thực sự được khởi động. Ông nói với ông Cao Xuân Vỹ: “*Họ dùng tôn giáo để đánh mình thế này thì mình chết rồi*”. Và ít tuần sau, theo Đại Úy Nguyễn Ngọc Hạp, Sĩ Quan Tùy Viên của ông Nhu, trong cuộc họp hàng tuần (ngày thứ hai) tại Bộ Tổng Tham Mưu với các Tướng Lãnh, ông đã nói thẳng với họ:

“Nếu trong các anh ai thấy có khả năng đảo chánh để làm gì cho đất nước tốt hơn Chính Phủ này thì cứ làm. Tôi sẵn sàng phò tá. Nhưng nếu làm do sự xúi giục của ngoại bang thì đừng làm. Bây giờ ngoại bang nói Chính Phủ này thế này thế nọ, mai mốt họ cũng nói những chính phủ kế tiếp như vậy. Và cứ thế, đất nước sẽ rơi vào tình trạng hỗn loạn”.

Đến ngày 23.7.1963, tại Suối Lồ Ổ, khi được các Cán Bộ Xây Dựng Ấp Chiến Lược khóa XIII hỏi về tình hình những biến động được gọi là *“cuộc tranh đấu của Phật Giáo”*. Ông Nhu cũng đã công khai nói đến một âm mưu đảo chánh đang được thực hiện từ cả hai phía: Việt Nam và Mỹ.

Về phía Việt Nam, sau khi nói về kỹ thuật của cuộc *“đấu tranh mang danh Phật Giáo”* là: Cứ gây nên những xáo trộn, bắt buộc lực lượng bảo vệ an ninh phải đối phó. Càng xáo trộn càng phải đối phó, càng đối phó càng va chạm, càng gây bất mãn, phẫn nộ, tạo nên tình hình thuận lợi cho một cuộc đảo chánh, ông nói:

“... Cho nên đường lối vận động của bên Tổng Hội Phật Giáo nhằm tiến tới một cuộc đảo chính rất là tinh vi, rất có kết quả...”

Về tương lai của Tổng Hội Phật Giáo ông cũng tiên đoán:

“Theo ý tôi thì cái chính phủ này, cái chính phủ cừ như này, là Chính Phủ duy nhất có thể bảo đảm sự sinh tồn và thống nhất của Tổng Hội Phật Giáo. Cái Chính Phủ này là Chính Phủ mà Tổng Hội Phật Giáo ung lật đi, chính cái Chính Phủ này mới bảo đảm sự sống còn cho anh em bên Tổng Hội Phật Giáo. Nếu Chính Phủ này mất mà Chính Phủ khác lên thì không biết sẽ xảy ra chuyện gì đối với bên Phật Giáo”.

Về phía người Mỹ, ông nói:

“... tất cả thông tấn xã của Mỹ hoàn toàn tuyên truyền một chiều. Còn bên ta ngăn cổ kêu không thấu trời, mình nói ai mà nghe. Các thông tấn ngoại quốc hoàn toàn dìm công việc của chúng ta. Họ không nói gì đến lập trường của Chính Phủ, chỉ nói đến những gì bên Tổng Hội Phật Giáo đưa ra. Việc đó nhằm âm mưu nào thì anh em cũng dễ hiểu”.

Và trước đó, ngày 9 tháng 7 năm 1963, trong buổi lễ khai mạc lớp huấn luyện cán bộ Ấp Chiến Lược khóa XIII này, ông cũng đã tiên đoán đúng thời điểm những thế lực chủ mưu cuộc đảo chánh toan tính. Ông xác quyết:

“Chúng tôi xác nhận lại một lần nữa là, mấy tháng tới đây, cho đến cuối năm 1963 là những tháng quyết định số mạng của Dân Tộc mình”.

Với Tổng Thống Diệm, dù biết rằng lý do tôn giáo đã được khai thác trong những bất ổn này là một mối nguy quá lớn cho chế độ nhưng ông vẫn nhất quyết không nhượng bộ những đòi hỏi phạm tới chủ quyền đất nước. Ông tiếp tục giải quyết mọi vấn đề nội bộ theo đường lối của Chính Phủ.

Khi được biết có du luận nói rằng: Tổng Thống Kennedy đưa ông Henry Cabot Lodge qua làm Đại Sứ thay ông Nolting với sứ mạng tổ chức đảo chánh lật đổ mình, Tổng Thống Diệm nói với ông Nguyễn Đình Thuần:

“Họ có thể gửi qua đây một chục ông Lodge, nhưng không khi nào tôi chịu để cho người ta làm nhục tôi hay Dân Tộc mình, dù họ có chia đại bác bắn vào Dinh này”. (*The Year Of The Hare*: Trang 37)

Sau khi ông Cabot Lodge nhận chức Đại Sứ, giữa tháng 9.1963, ông Ralf Johnson, một trong hai Cố Vấn

của Bộ Nội Vụ, (người kia là ông Conein, kẻ móc nối các Tướng làm cuộc đảo chánh ngày 1.11.1963) và là Cố Vấn Lực Lượng Võ Trang Nhân Dân, ra Huế gặp tôi. Ông này vốn tính tình có vẻ còi mọ và đối với tôi khá thân tình, từ khi ông giữ vai trò Cố Vấn Lực Lượng Võ Trang Nhân Dân. Mỗi lần đến gặp tôi, vừa vào tới cổng đã giao tay chào “Hi” và cười hể hả. Lần này ông đến với vẻ mặt tỏ rõ nét suy tư khác thường. Vào trong nhà vừa ngồi xuống ghế ông nói ngay:

- Hôm nay tôi ra gặp anh vì một việc rất quan trọng.

Cướp lời ông, tôi nói đùa:

- Thấy nét mặt anh tôi biết là quan trọng rồi.

Ông lặng lẽ rút từ trong túi ra một miếng giấy đưa cho tôi:

- Anh đọc cái này đi rồi tôi sẽ cho anh biết mục đích tôi ra gặp anh hôm nay.

Miếng giấy ghi trích đoạn của hai Công Điện Hoa Thịnh Đốn gửi Tòa Đại Sứ Mỹ tại Sài Gòn. Nội dung:

1. Công điện thứ nhất: “... Nếu Diệm vẫn ngoan cố không thay đổi thì chúng ta phải chọn quyết định ngay cả Diệm cũng không được duy trì”. (Công Điện ngày 24.8.1963, bật đèn xanh cho ông Lodge khuyến khích và hỗ trợ một cuộc đảo chánh. Công Điện này đã được nhiều tài liệu nói tới).

2. Công điện thứ hai: “Phải tìm mọi cách giữ Diệm lại. Vì miền Nam Việt Nam không có Diệm thì không còn biểu tượng chống Cộng Sản”. (Công Điện này chưa thấy tài liệu nào nói đến. Một dịp đến Maryland năm 1995, tôi hỏi thăm tìm gặp ông Ralf Johnson, thì được cho biết ông Johnson đã qua đời mấy năm trước rồi).

Sau khi nhận miếng giấy tôi trao lại, ông Johnson nói:

- Anh thấy đó, chúng tôi nhận được hai lệnh trái ngược hẳn nhau. Dĩ nhiên chúng tôi phải thi hành lệnh mới nhất. Để có thể thi hành lệnh mới này, chúng tôi nghĩ chỉ có cách đề nghị Tổng Thống sửa đổi một chút trong Bản Hiến Pháp Việt Nam, để có thể đặt thêm một Thủ Tướng phụ giúp cho Tổng Thống. Giải pháp này nhằm lúc gặp tình hình quá khó khăn, chúng ta chỉ cần thay Thủ Tướng, còn Tổng Thống vẫn tại vị. Đây là một đề nghị hoàn toàn do thiện chí của chúng tôi. Và để chứng tỏ chúng tôi không có ý can thiệp vào vấn đề nội bộ của Chính Phủ Việt Nam, chúng tôi không có ý kiến gì về vấn đề nhân sự. Vị Thủ Tướng hoàn toàn do Tổng Thống tự lựa chọn và chỉ định.

Chúng tôi đã nhờ tất cả những người mà chúng tôi biết vốn được Tổng Thống nể trọng và tín nhiệm, trình với Tổng Thống đề nghị trên đây, nhưng tất cả đều không được Tổng Thống chấp thuận. Chúng tôi thấy chỉ còn một người duy nhất có thể được Tổng Thống nghe là ông Cố Vấn Ngô Đình Cẩn. Vì thế hôm nay tôi được lệnh ra đây nhờ anh trình với ông Cố Vấn đề nghị trên đây của chúng tôi.

Và ông cũng khéo léo gợi ý:

- Tôi cũng muốn nói với anh rằng, tình hình rất nghiêm trọng. Chính phủ Mỹ cử ông Cabot Lodge qua làm Đại Sứ ở đây, thì cũng không khác gì Chính Phủ Việt Nam cử ông Ngô Đình Nhu đi làm Đại Sứ ở nước nào đó.

Tôi trả lời ông Johnson:

- Vấn đề quả thật quan trọng. Tôi sẽ trình ông Cố Vấn tất cả những điều anh đã nói với tôi ngay trong chiều hôm nay. Hy vọng rằng công tác của anh sẽ đạt kết quả tốt.

Tuy nói với ông Johnson như vậy, nhưng trong đầu tôi nghi ngờ chưa chắc ông Cẩn sẽ có hành động gì đối với đề nghị vừa kể của người Mỹ. Vì lúc này ông Cẩn không còn muốn can dự gì vào công việc của chính quyền nữa.

Nhưng tôi đã nghĩ sai. Buổi chiều tôi vào trình ông Cẩn đề nghị nói trên của Tòa Đại Sứ Mỹ. Sau khi nghe tôi trình bày, ông cười khẩy nói: *“Họ muốn biến mình thành bù nhìn đây. Nhưng tình thế này thì cứ chấp nhận, khi đã ổn định, thay đổi lại mấy hồi. Không biết ông Cụ có chịu nghe ý kiến của mình không? Nhưng chú cứ nên viết thư trình ông Cụ, lát nữa đưa xuống cho tôi”*. Quả thật điều ông Cẩn nghi ngờ đã xảy ra, ý kiến của ông không được Tổng Thống Diệm chấp thuận.

Điều ông Johnson nói người Mỹ không có ý kiến về nhân vật sẽ đảm nhiệm chức vụ Thủ Tướng, vì không muốn can thiệp vào chuyện nội bộ của Chính Phủ Việt Nam. Thật ra không phải như vậy. Sau này khi một số hồ sơ mật được bạch hóa, người ta mới thấy đây chỉ là một thiện chí được nói ra cốt để che đậy một âm mưu đã được sắp đặt. Vì họ đã biết rằng, trong số các Bộ Trưởng trong Chính Phủ của Tổng Thống Diệm lúc ấy, người được ông tin tưởng nhất và có đủ yếu tố để được chỉ định giữ chức vụ Thủ Tướng, nếu ông chấp thuận đề nghị của họ, là Bộ Trưởng Phủ Tổng Thống kiêm Bộ Trưởng Phụ Tá Quốc Phòng Nguyễn Đình Thuần. Về phía họ, CIA đã nắm chắc ông Thuần, đã nhận được nhiều tin tức về nội tình Chính Phủ Việt Nam từ ông ta. Trong *“Biến Cố Chính Trị Việt Nam Hiện Đại”*, Giáo Sư Tiến Sĩ Sử Học Phạm Văn Lưu cho biết, Roger Hilsman, Phụ Tá Bộ Trưởng Ngoại Giao phụ

trách Viễn Đông Vụ tiết lộ, chính ông Thuần đã tung tin ông Nhu hút thuốc phiện nhiều, và đã trở nên điên loạn. Một số nhân vật quan trọng trong Bộ Ngoại Giao Hoa Kỳ cũng đã lựa chọn ông Thuần, để đưa ông ta lên ghế Thủ Tướng. (*“Biển Cố chính Trị Việt Nam Hiện Đại”*: Trang 237)

Riêng Tổng Thống Diệm, lúc này ông đã biết rất rõ về một âm mưu đảo chánh lật đổ chế độ và sự an nguy của cá nhân mình. Nhưng ông vẫn cương quyết bảo vệ đến cùng chủ quyền Quốc Gia, như lời ông tâm sự với ông Võ Như Nguyễn dịp ghé về chào thăm thân mẫu, nhân một chuyến kinh lý vùng Cao Nguyên vào tháng 9. 1963, mà tôi được ông kể lại như sau đây:

Lời Tổng Thống Diệm: *“Trên trường quốc tế, Hoa Kỳ đang cải tổ mọi kế hoạch cần thiết về chính trị, Việt Nam cũng là một vấn đề mà Hoa Kỳ muốn thay đổi ít nhiều.*

Chính trị gia Hoa Kỳ và tôi đã có nhiều lần đàm thoại và tranh luận quan trọng. Tôi đã thỏa mãn vài ba điều kiện và cũng không chịu chấp nhận những yêu cầu không thích hợp với chiều hướng của Đất Nước trong hiện tại.

Tôi biết những biến cố rắc rối có thể xảy ra, nhưng tôi vẫn giữ lập trường chính đáng của tôi. Những lời lẽ và cử chỉ cương nghị của tôi Hoa Kỳ không bằng lòng.

Dù gặp trường hợp khó khăn, gay gắt, hoặc nguy hiểm, tôi nhất quyết bảo tồn uy tín của Quốc Gia, của Dân Tộc, kể cả uy tín của Vị Nguyên Thủ Quốc Gia.

Năm 1961 Hoa Kỳ đã yêu cầu gửi Quân Đội sang chiến đấu trên đất nước ta. Nếu tôi nhượng bộ ngay lúc đó thì còn gì là Chính Nghĩa, còn gì là Độc Lập.

Thủ đoạn của cường quốc, đối phó cho chính đáng không

phải là dễ dàng. Thể thống của Việt Nam, dù là một Tiểu Quốc, chẳng phải là nhỏ.”

Suốt thời gian Tổng Thống tâm tình với tôi (ông Nguyễn), từ 5 giờ chiều đến 10 giờ khuya, luôn có Sĩ Quan Tùy Viên Lê Châu Lộc đứng sau lưng Tổng Thống.

Tôi xin được mở đầu ngoặc ở đây để nói sơ qua về sự liên hệ giữa Tổng Thống Diệm và ông Võ Như Nguyễn.

Ông Võ Như Nguyễn là con trai trưởng của cụ Cử Võ Bá Hạp, một nhà hoạt động cách mạng cùng thời với Cụ Phan Bội Châu và là đồng chí thiết cốt của Cụ Phan. Khi Cụ Phan bị thực dân Pháp quản thúc tại Bến Ngự, ông Nguyễn là một thiếu niên 15, 16 tuổi thường được thân phụ sai đến liên lạc, tiếp tế cho Cụ Phan. Ông đã thấy ông Ngô Đình Diệm lần đầu tiên tại nhà Cụ Phan. Và từ năm 1940, ông Nguyễn đã theo giúp ông Diệm.

Càng gần đến thời điểm thực hiện cuộc đảo chánh, người Mỹ và nhóm Tướng Lãnh âm mưu, càng áp dụng nhiều kế hoạch nhằm cô lập các nhà lãnh đạo chế độ. Một trong những kế hoạch ấy là gây nghi ngờ, chia rẽ nhau trong thành phần những người gần gũi với các vị lãnh đạo. Đồng thời làm cho các vị này giảm bớt hoặc mất lòng tin ở những người xung quanh mình. Trong số nạn nhân của kế hoạch này có tôi. Phần Trung Tá Phạm Thu Đường, Chánh Văn Phòng ông Cố Vấn Ngô Đình Nhu, trong một dịp đến thăm ông tại Boston, ông Đường buồn rầu cho tôi biết, những ngày cuối cùng trước đảo chánh, ông đã bị một vài anh em nghi ngờ, dè chừng. Ông Dương Văn Hiếu, Trưởng Đoàn Công Tác Đặc Biệt Miền Trung, người có công đem lại kết quả “*kỳ diệu*” cho chính sách “*Cải Tạo Và*

Sử Dụng Những Người Kháng Chiến Cũ” của ông Cẩn, cũng bị những hiểu lầm “*nhức đầu*” ngay từ phía ông Cẩn.

Về trường hợp của tôi, ngày 20.10.1963 tôi nhận được lệnh Tổng Thống gọi vào trình diện. Vào Sài Gòn ngày 22, sáng 23 tôi đến Dinh Gia Long xin trình diện Tổng Thống mà quên rằng ngày này là ngày kỷ niệm mừng kết quả Trưng Cầu Dân Ý 23 và Quốc Khánh 26 tháng 10. Tôi ngồi đợi trong Phòng Sĩ Quan Tùy Viên từ 9 giờ sáng đến hơn 12 giờ trưa. Ngoại Giao Đoàn, Phái Đoàn Chính Phủ, Quốc Hội và các cơ quan đoàn thể vào chúc mừng Tổng Thống liên tục, nên không có giờ nào hở để tôi có thể vào trình diện ông. Đại Úy Lê Châu Lộc Sĩ Quan Tùy viên nói với tôi: Lịch tiếp khách của Tổng Thống hôm nay phải đến 3 giờ 30 mới dứt. Anh về ăn trưa nghỉ ngơi, chừng 3 giờ lên lại thì vừa.

Nghe lời Đại Úy Lộc, 3 giờ chiều tôi lên lại Dinh Gia Long. Vừa tới Phòng Sĩ Quan Tùy Viên thì tôi thấy Tướng Tôn Thất Đính hướng dẫn Phái Đoàn Quân Đoàn III từ trong phòng khách Dinh Gia Long đi ra.

Thấy tôi, Tướng Đính bước nhanh lại nắm hai vai tôi lắc mạnh:

- Bác vô răng chừ?
- Thưa Thiếu Tướng tôi vô bữa qua.
- Vô mần chi rửa?
- Thưa Tổng Thống kêu vô trình diện, tôi chưa được gặp nên chưa biết chuyện gì.

Tướng Đính nói dồn dập: *“Được gặp bác ở đây may quá. Tôi có chuyện rất cần muốn nói với bác”*. Và ông chụp cuốn sổ trên bàn Sĩ Quan Tùy Viên, ghi số điện thoại, xé tờ giấy đưa cho tôi, ông nói:

- Đây là số điện thoại của tôi tại Bộ Tư Lệnh Quân Đoàn. Sau khi bác gặp Tổng Thống, bất cứ giờ nào, gọi cho tôi ở số điện thoại này, tôi sẽ gặp bác ngay.

Tiếp khách xong. Tổng Thống nghỉ ngơi ít phút, 4 giờ, sau khi trình, Đại Ủy Lộc dẫn tôi vào. Tổng Thống ngồi trước bàn làm việc, tôi tới gần đứng nghiêm chào xung tên trình diện theo kiểu nhà binh. Không ngước lên nhìn tôi, với giọng lạnh lùng ông hỏi:

- Nghe nói ở ngoài nó anh liên lạc với Mỹ nhiều lắm phải không?

Tôi thoáng nghĩ trong đầu, tình hình này mà đứa nào đánh mình cú đòn này thì độc thật. Nhưng tôi bình tĩnh thưa lại:

- Kính thưa Tổng Thống, ở ngoài nó, vì con có biết năm ba tiếng Mỹ, nên mỗi khi người Mỹ họ có điều chi muốn hỏi ý kiến ông Cậu, họ đều đến với con. Và khi ông Cậu có điều chi muốn nói với họ, thì con cũng phải đến với họ.

- Anh thấy thái độ của họ ra rằng?

- Kính thưa, như Tổng Thống đã biết, ngay từ khi vụ cờ Phật Giáo xảy ra, thái độ của họ rõ ràng ngả về phía chống đối.

Thấy Tổng Thống có vẻ suy nghĩ, không nói gì, tôi trình tiếp:

- Kính thưa Tổng Thống, tuy vậy nhưng hồi giữa tháng 9 mới rồi, họ có cho người ra nhờ ông Cậu con trình xin Tổng Thống thay đổi...

Tôi vừa nói đến đó thì Tổng Thống đập mạnh tay xuống bàn, dần tiếng nói với vẻ rất tức giận.

- ... Đất nước mình chứ đất nước chi họ mà họ muốn mần chi thì mần. Mai mốt tôi đuổi đi hết cho coi.

Chừng một phút sau, cơn giận hạ, Tổng Thống dịu giọng nói:

- Bữa ni gọi anh vô là có ý cho anh biết, ý tôi muốn cho chú Cẩn ngoài nó nghỉ ngơi, đừng mần việc chi nữa. Ngoài nó trước kia có công việc bên Lào, bây chừ tình hình bên Lào như rửa mình mô có mần chi được nữa. Chú Cẩn thì đau lui đau tới hoài. Tôi muốn cho chú ấy đi nghỉ một thời gian. Các anh trước ở mô chừ về lại nấy thôi.

Thấy “*tình hình*” có vẻ thuận lợi tôi trình luôn:

- Kính thưa Tổng Thống, nếu Tổng Thống đã quyết định như vậy thì xin cho con được giải ngũ. Vì khi vào lính còn được đào tạo theo lối Pháp, nay Quân Đội của mình đã được huấn luyện theo lối Mỹ. Nếu trở về lại Quân Đội mần rằng con chỉ huy được.

Tổng Thống không trả lời điều tôi xin mà lại hỏi:

- Năm nay anh mấy tuổi?

- Kính thưa Tổng Thống năm nay con 35 tuổi.

- Còn trẻ quá, giải ngũ mần chi. Để đó ta lo cho. Ừ, thôi về trình cho chú Cẩn biết tôi quyết định như rửa.

Không biết Tổng Thống có biết cách làm việc của ông Cẩn không, nhưng tôi không thấy ông nói gì rõ ràng về phía Hành Chánh của ông Hồ Đắc Trọng.

Tôi xin được mở dấu ngoặc ở đây để nói tóm tắt về lý do Tổng Thống Diệm quyết định giải tán bộ phận văn phòng của ông Cẩn do tôi phụ trách, mà tôi chỉ mới được biết cách đây ít năm.

Năm 1996 hay 1997 gì đó, tôi không nhớ chính xác cụ Đại Tá Nguyễn Mậu đã viết một bài đăng trên một nhật báo tại San Jose, nơi ông định cư. Qua bài báo này ông

Mâu xin lỗi tôi vì ông đã nhận xét và báo cáo sai lầm về tôi với Tổng Thống Diệm.

Số là, trước khi xảy ra cuộc đảo chánh 1.11.1963 chừng ba bốn tháng, Thiếu Tá Mâu từ Sài Gòn được đưa ra giữ chức Tỉnh Trưởng Thừa Thiên, Thị Trưởng Huế. Thời gian ngắn sau, ông thấy tại văn phòng ông Cần có hai người là ông Hồ Đắc Trọng và tôi, nhưng chỉ có tôi hay giao thiệp với người Mỹ. Dựa vào lý lịch của tôi, ông Mâu nghi ngờ tôi đã bị người Mỹ mua chuộc. Việc tôi hay liên lạc với người Mỹ trong tình hình lúc ấy là điều đáng nghi ngờ có hại cho chế độ. Ông đã trình Tổng Thống Diệm nhận xét của ông và đề nghị đưa tôi đi khỏi Huế.

Nghे lời ông Mâu báo cáo, Tổng Thống Diệm gọi tôi vào trình diện và tỏ rõ thái độ nghi ngờ lòng trung thành của tôi đối với ông qua việc trả tôi về lại Quân Đội.

Chắc hẳn có không ít anh em bị rơi vào tình trạng như tôi, nhưng những người báo cáo sai lầm lại không có được sự can đảm và ngay thẳng nói ra sự thật như cựu Đại Tá Nguyễn Mâu. Tôi xin thành thật cảm ơn cựu Đại Tá Nguyễn Mâu đã giải tỏa cho tôi điều thắc mắc luôn vẩn vương trong tôi từ mấy chục năm qua.

Ra khỏi Phòng Tổng Thống, nhớ lời Tướng Đính nói căn gặp, tôi vào Phòng Sĩ Quan Tùy Viên mượn điện thoại gọi cho ông. Ông mời tôi về tư dinh ở số 5 đường Nguyễn Du.

Từ Dinh Gia Long tôi lái xe thẳng đến số 5 Nguyễn Du được Đại Úy Nguyễn Duy Nghệ Tùy Viên của Tướng Đính đứng đón ngoài cổng. Anh Nghệ dẫn tôi vào phòng khách. Hai anh em chúng tôi vừa ngồi nói chuyện với nhau chừng 5 phút thì Tướng Đính về tới. Ông kéo tay tôi dẫn lên lầu,

đưa vào phòng ngủ của ông, đóng cửa lại và nói cách rất tâm tình:

“Bữa ni được gặp bác tôi mừng quá, vì có điều bực bội trong lòng mà không dám nói với ai. Khi giao cho tôi làm Tổng Trấn Sài Gòn-Gia Định, ông Cự và ông Cố Vấn (Nhu) hứa sau khi xong việc sẽ cho tôi lên Trung Tướng. Đến nay mọi việc đã giải quyết tốt đẹp thì hai ông làm lo không nói chi đến chuyện đó cả làm cho tôi bị kẹt. Một bên thì gia đình trách móc tôi là phản bội bà con, một bên thì bạn bè chúng nó chửi tôi ham tiền ham chức đàn áp Phật Giáo. Tôi vừa mắc cỡ vừa bực mình. Trong khi thấy tình hình càng lúc càng nguy hiểm và không biết nói với ai. Nếu ông Cự và ông Cố Vấn cứ đưa tình hình kéo dài như ri, thì thế nào cũng xảy ra đảo chánh. Mà có đảo chánh thì Ba Đình phải tham gia để cứu anh em, nếu không thì chết hết”.

Ông nói khá nhiều nhưng tôi thấy chung quy nhất vào hai điểm

1. Không được lên Trung Tướng
2. Tham gia đảo chánh.

Tôi hiểu ý ông muốn dò xem ông Cần cho tôi vào gặp Tổng Thống về chuyện gì. Vì trước đó ít ngày ông đã ra gặp ông Cần một cách chớp nhoáng. Có lẽ ông sợ ông Cần cho tôi vào trình ông Diệm câu chuyện ông đã trình với ông Cần trong cuộc gặp gỡ chớp nhoáng này. Nhưng ông lại khéo léo không đề cập tới việc tôi vào gặp Tổng Thống. Nuong theo sự khéo léo của ông tôi cũng lờ luôn, không đề động gì đến chuyện ấy.

Nghe Tướng Đình tâm sự, mặc dầu lúc đó trong đầu tôi đang quay cuồng nhiều ý nghĩ khó tả về thái độ của Tổng Thống Diệm đối với tôi khi tôi vào trình diện ông. Một

ý nghĩ đậm nét nhất là tôi thấy suốt 10 năm được biết và làm việc với ông Ngô Đình Cẩn, trong đó có 8 năm làm việc bên cạnh ông, có lúc vui có khi buồn, đến giờ này lòng ngay thẳng của mình vẫn không được “*bảo chứng*”. Tuy nhiên, may mắn tôi vẫn còn đủ bình tĩnh suy xét đắn đo tự nhủ, không thể hành động trái với những gì mình đã được biết về họ theo lương tâm một người Công Giáo. Tôi cố gạt qua một bên các ý nghĩ đang nhào lộn trong đầu, uốn ba tấc lưỡi để trấn tĩnh ông Đình.

Tôi nói với ông:

- Theo tôi, điều ông Cự và ông Cố Vấn hứa với Thiếu Tướng trước sau gì cũng sẽ có. Tôi nghĩ sở dĩ hai ông chưa gần lon Trung Tướng cho Thiếu Tướng là vì muốn giữ uy tín cho Chính Phủ cũng như cho chính Thiếu Tướng. Vừa mới xong việc mà thăng cấp cho Thiếu Tướng ngay thì sẽ bị hiểu lầm là Chính Phủ dùng chức quyền mua chuộc Thiếu Tướng để đàn áp Phật Giáo. Còn với Thiếu Tướng, những người chống đối sẽ hô hoán lên Thiếu Tướng là tay sai, là tên đánh mướn. Thiếu Tướng thừa biết từ Tá lên Tướng mới khó. Vậy mà với Đại Tá Tôn Thất Đình chỉ từ 6 giờ chiều bữa trước đến 6 giờ sáng bữa sau là đã có 2 sao rồi. Xin Thiếu Tướng hãy bình tĩnh, tôi sẽ cố gắng bằng mọi cách làm cho ông Cự và ông Cố Vấn hiểu hoàn cảnh của Thiếu Tướng. Riêng ông Cự, về lại Huế tôi sẽ trình cho ông biết ngay chuyện này, để ông có thể can thiệp với ông Cự và ông Cố Vấn cho Thiếu Tướng càng sớm càng hay. Còn việc Thiếu Tướng sẽ tham gia đảo chánh nếu việc ấy xảy ra, theo tôi nghĩ, bất cứ một cuộc binh biến nào xảy ra ở Sài Gòn này mà không có Thiếu Tướng tham

dự, tôi e khó thành công được. Vì ngoài Thiếu Tướng ra, quanh đây ai có đủ lực lượng làm chuyện ấy? Một lần nữa tôi xin Thiếu Tướng bình tĩnh và suy nghĩ cho thật thấu đáo về mọi quyết định của Thiếu Tướng trong lúc này. Vì theo chỗ tôi biết, tương lai của Thiếu Tướng còn dài và sáng sủa lắm.

Khi tôi cáo biệt ra về, tiễn tôi ra đến cửa ông hỏi:

- Khi mô bác về lại Huế?

- Thưa tôi còn ở lại qua ngày Quốc Khánh, sáng 27 tôi mới về.

Trên đường lái xe về nhà người bà con ở trước Trường đua Phú Thọ, tôi suy nghĩ miên man cố tìm xem vì lý do gì mà Tướng Đinh lại thổ lộ tâm tình với tôi một cách khá chân thành như vậy? Dem chuyện tham gia đảo chánh để hù dọa câu móc cặp lon Trung Tướng? Dem chuyện ông cho là thất hứa của ông Diệm và ông Nhu sang tai ông Cẩn, mong ông Cẩn can thiệp như đã can thiệp cho ông lên Thiếu Tướng, để sớm được thỏa mãn tự ái? Nhưng ông mới gặp ông Cẩn đây, không lẽ ông không biết con đường từ Phú Cam vào đến Dinh Gia Long “*bằng tuyết*” đã đóng khá dày rồi!?

Buổi tối đi ăn cơm tối với Đại Tá Lê Quang Tung tại nhà hàng Chung Nam bên cạnh trụ sở Quốc Hội, chúng tôi vào ngồi trong một phòng nhỏ. Tôi cho ông Tung biết kết quả việc tôi gặp Tổng Thống Diệm, nhưng không hé lộ tâm trạng buồn phiền của tôi lúc ấy. Tôi bình thản trao đổi với ông Tung một số sự kiện liên quan đến tình hình sôi động lúc bấy giờ. Tiếp theo tôi kể lại chi tiết câu chuyện và thái độ của Tướng Đinh khi tâm tình với tôi. Tôi đề nghị

ông Tung trình gặp với Tổng Thống Diệm và ông Cố Vấn Nhu, gán lon Trung Tướng cho ông Đính nhân ngày Quốc Khánh sắp đến.

Về thái độ của ông Đính, ông Tung nói:

- Tính ông Đính anh biết mà, bô lô ba la vậy thôi chứ không có chi mô.

- Tôi biết anh hiểu ông Đính hơn tôi. Nhưng lần này tôi thấy thái độ của ông ấy không phải bô lô bô la kiểu bốc đồng như anh em mình thường thấy đâu. Anh cần quan tâm trường hợp của ông Đính lúc này. Theo tôi, ông Cự và ông Cố Vấn đã hứa thì trước sau gì cũng phải thực hiện lời hứa. Chi bằng xin hai ông thực hiện lời hứa với ông Đính ngay lúc này đi để trừ mối họa mà anh em mình đang lo nghĩ.

- Anh yên chí đi. Mình đã có đầy đủ tin tức về nhóm phản loạn. Có kế hoạch đối phó, đợi được chấp thuận là thực hiện thôi.

Sáng hôm sau (24.10) Tướng Trần Văn Đôn, Tư Lệnh Lục Quân, cho Đại Úy Phạm Văn Tuy (còn ở Việt Nam) Chánh Văn Phòng của ông đến đón tôi lên gặp ông tại Bộ Tư Lệnh Lục Quân. Tướng Đôn lúc này nắm Quyền Tổng Tham Muu Trưởng, vì Đại Tướng Lê Văn Tỵ đi chữa bệnh tại Hoa Kỳ. Vào gặp Tướng Đôn ông hỏi tôi:

- Anh Minh đã biết ông Cự cho anh đi đâu chưa?

- Thưa Trung Tướng chưa. Chiều bữa qua khi tôi xin giải ngũ, ông Cự không cho và nói là để ông lo cho, nhưng không biết là lo thế nào.

- Chiều bữa qua ông Cự gọi tôi bảo cho anh về Trường Đà Lạt một thời gian, quan sát Sinh Viên Sĩ Quan học tập cho biết cách thức chỉ huy theo lối Mỹ. Tôi gọi báo cho thằng Huyền, nó sợ quá nói: "*Chết cha! Không biết chuyện*

chi mà lại cho ông Minh lên theo dõi tôi”. Tôi cười và nói với nó: “Yên tâm, sự việc không phải như thế đâu”.

Lúc ấy tôi chưa hiểu tại sao ông Huyền lại lo sợ khi hay tin tôi được chuyển về Trường Đà Lạt. Sau này tôi mới biết, khi ấy Đại Tá Huyền đã nằm trong tổ chức đảo chánh của Tướng Đôn rồi.

Tướng Đôn hỏi tiếp:

- Anh muốn khi nào lên Đà Lạt?

- Thừa Trung Tướng, 27 này tôi về lại Huế, sắp xếp công chuyện, thu dọn đồ đạc, thu xếp phương tiện chuyên chở, v.v. chắc cũng mất 4, 5 bữa. Đưa vợ con tôi vô đây lo nơi ăn ở, học hành cho các cháu cũng phải mất chừng mười ngày. Xin Trung Tướng cho khoảng 10 tháng 11 tôi trình diện Trường Đà Lạt.

- Được, tôi sẽ cho làm Sự Vụ Lệnh để anh trình diện Trường Đà Lạt ngày 10. Sau khi vô đây nếu thấy cần thêm thời gian, anh cho tôi biết.

Chiều 26 tháng 10, Tướng Đính lại cho xe đón tôi lên nhà và như lần trước, ông cũng dẫn tôi lên phòng ngủ nói lại những điều tâm tình đã thổ lộ. Buổi tối về nhà người bà con, qua điện thoại tôi cho Đại Tá Tung biết sự kiện này, và nhấn mạnh với ông về việc trình xin Tổng Thống Diệm gán lon Trung Tướng gấp cho ông Đính. Thấy tôi có vẻ nôn nóng, Đại Tá Tung nói:

- Anh cứ yên chí về đi, tôi sẽ thu xếp gấp việc này và sẽ tin cho anh biết kết quả.

Ngày 27 về lại Huế tôi vào trình cho ông Cẩn biết quyết định của Tổng Thống Diệm, ông ngồi lặng thinh một lúc rồi hỏi:

- Vô trong nó rồi vợ con chú nhà cửa mô mà ở?

- Thừa Cậu lúc này con cũng chưa biết nên đem theo vợ con lên Đà Lạt hay để lại ở Sài Gòn. Nhưng ở đâu thì cũng có Cư Xá Sĩ Quan.

- Xin được cư xá mà ở có dễ không? Không chi bằng có một căn nhà riêng của mình mà ở. Vô trong nó kiếm căn mô vừa vừa cỡ năm trăm ngàn, đến Đặng Văn Quốc mượn tiền mua lấy một căn. Tôi sẽ trả lại anh ta sau.

Rất tiếc tình cảm của ông Cẩn dành cho gia đình tôi mãi mãi vẫn là tình cảm. Vì thời thế đổi thay ông không kịp có cơ hội giúp chúng tôi.

Sáng 28 khi thu dọn văn phòng thấy còn mấy việc cần xin chỉ thị của ông Cẩn. Tôi xuống tìm ông thì gặp Tướng Trần Văn Đôn từ trong nhà đi ra, ông nói với tôi: Moa ra mừng sinh nhật ông Cậu, bây giờ moa phải bay vô Nha Trang phơi cặp giò, mấy tháng nay cặp giò nhức quá. Sau này trong một dịp gặp lại ông ở Sài Gòn, ông cho tôi biết chuyến đi Nha Trang của ông hôm ấy, không phải để phơi cặp giò, mà là để cho Đại Tá Nguyễn Vĩnh Xuân biết ngày giờ phát khởi cuộc đảo chánh.

Sáng 30, khoảng 10 giờ, văn phòng Tướng Đỗ Cao Trí liên lạc xin cho Tướng Khánh vào gặp ông Cẩn nội trong sáng nay vì ông phải về lại Pleiku trong ngày. Tôi mời Tướng Khánh đến ngay và lên đón ông trước sân nhà ông Cẩn. Tướng Khánh đến ôm theo bó bông Lay-on khá lớn, ông nói với tôi: *“Bữa nay trên Cao Nguyên mưa lớn mây thấp quá, moa phải tự lái máy bay lấy để ra cho kịp mừng sinh nhật ông Cậu”*. (Sinh nhật ông Cậu nhằm ngày 1.11).

Sau khi Tướng Khánh ra về, ông Cẩn bảo tôi đem một chai champagne và hai cái tre qua nhà Tướng Trí nói với

hai Tướng Trí và Khánh: *“Ông Cậu biểu hai Thiếu Tướng dùng cho vui”*.

Phản Đại Tá Lê Quang Tung, có lẽ ông biết tâm trạng của tôi đang hết sức quan tâm đến việc giải quyết tình trạng của Tướng Đính. Trưa ngày 30 tháng 10, qua văn phòng của Lục Lượng Đặc Biệt tại Huế, ông gửi cho tôi một điện văn với nội dung:

“Trong này tất cả anh em đã gặp nhau, có cả anh Đính. Rất vui về. Anh yên tâm”.

2. Ngày đảo chánh 1.11.1963 tại Huế

Ngày 1 tháng 11 hàng năm là ngày lễ kính các Thánh của người Công Giáo. Dưới chế độ Đệ I Cộng Hòa, ngày lễ này cũng như ngày Khổng Tử, ngày Thích Ca thành đạo, tất cả các cơ quan công quyền được nghỉ nửa ngày. Buổi chiều, khoảng 3 giờ, tôi ra nhà Bưu Điện gửi điện tín cho người bà con ở Sài Gòn, nhờ đón gia đình tôi tại Phi Trường Tân Sơn Nhất chiều hôm sau (2.11). Tôi vừa bước vào nhà Bưu Điện, ông Trưởng Ty vội đến gần nói nhỏ: *“May mắn quá Đại Úy ra đúng lúc. Mời Đại Úy vô văn phòng, tôi vừa nhận được một điện tín hỏa tốc, mà không biết thật hay giả nên chưa dám cho đem lên văn phòng”*. Vào văn phòng, ông Trưởng Ty rút từ hộc kéo ra đưa cho tôi một điện tín và nói: *“Đại Úy coi giùm xem điện tín này thật hay giả”*?

Tôi cầm đọc, điện tín mang nội dung: *“Thủy Quân Lục Chiến làm phản. Nhưng vẫn giữ vững tình hình”*. Bên dưới ký tên Bằng. Đọc xong, tôi nói với ông Trưởng Ty: Tôi biết ông Bằng, tôi nhận bức điện này (ông Bằng là sĩ quan hầu cận của Tổng Thống Diệm). Cầm bức điện tín tôi lái xe về thẳng nhà ông Cẩn, đọc cho ông nghe và hỏi ông:

- Thưa Cậu, bây giờ Cậu quyết định thế nào? Hay giải quyết như hồi năm 1960?

Trong vụ binh biến 11.11.1960, các Tư Lệnh Quân Đoàn, Sư Đoàn đều vắng mặt. Theo lệnh của ông Cẩn, tôi mời Đại Tá Trần Văn Trung (sau này là Trung Tướng, hiện định cư tại Pháp) đang phụ trách Thanh Niên Cộng Hòa tại miền Trung nắm quyền Tư Lệnh Sư Đoàn I, Thiếu Tá Nguyễn Ấm. Trung Đoàn Trưởng Trung Đoàn 6 của Sư Đoàn II nắm quyền Tư Lệnh Sư Đoàn này.

Nhưng lần này ông bảo tôi:

- Chú liên lạc với ông Trí xem sao.

Khi trở ra, tôi cho Đại Úy Tôn Thất Độ, Trưởng Toán An Ninh tư dinh biết tình hình và dặn ông cho tăng cường canh gác cẩn thận hơn. Lên văn phòng tôi liên lạc ngay với Tướng Trí, lúc này ông đang nắm chức Tư Lệnh Quân Đoàn và ngồi ở Đà Nẵng. Tướng Trí cho biết, ông không liên lạc được với Sài Gòn vì mọi đường dây của ông đều bị cắt. Ông đang cố gắng thiết lập một đường dây đặc biệt. Cố gắng dùng đường dây tôi thường liên lạc với Sài Gòn qua Tiểu Đoàn 1 Truyền Tin, đường dây cũng bị cắt.

Sau khi nghe được lời hiệu triệu đồng bào của Tổng Thống do Đài Phát Thanh loan tải lúc khoảng 4 giờ rưỡi chiều, ông Hồ Đắc Trọng và một vài viên chức chính quyền và dân sự tập trung đến văn phòng. Mọi người đều nôn nóng muốn được biết tình hình tại Sài Gòn, nhưng không làm sao có thể có được bất cứ một tin tức nào. Suốt buổi chiều và tối hôm đó tôi liên lạc với Tướng Trí rất nhiều lần, lần nào cũng được ông trả lời *“tôi vẫn chưa liên lạc được với Sài Gòn”*. Đường dây liên lạc của Tòa Đại Biểu Chính Phủ, Tòa Tỉnh Trưởng tất cả đều bị cắt.

Đến khoảng 11 giờ 30 khuya, Tướng Trí gọi điện thoại cho tôi, ông nói: *“Tôi vừa nhận được điện thoại của ông Đình, ông nói tôi tin cho anh nhờ anh trình với ông Cố Vấn: Trong Sài Gòn anh em đã thi hành lệnh của ông Cố Vấn”*. Tôi xuống trình lại ông Cẩn lời nhắn trình của Tướng Đình trên đây, ông nói với tôi: *“Rúa thì được rồi. Chú yên trí về đi ngủ đi”*. Và ông cũng đi vào phòng ngủ.

Trở lên văn phòng tôi chuyển cho số anh em đang có mặt, lời của ông Cẩn. Chúng tôi giải tán ra về, tuy chưa biết chuyện gì xảy ra tại Sài Gòn theo thông báo của Tướng Đình. Nhưng mọi người cũng được yên tâm phần nào trước thái độ bình tĩnh của ông Cẩn.

Sáng hôm sau, thứ bảy, ngày 2 tháng 11, tôi đang chuẩn bị lên văn phòng để liên lạc với Tướng Trí xem tình thế nào thì chuông điện thoại trong nhà tôi reo. Lúc ấy khoảng 8 giờ 30. Tôi nhấc điện thoại lên:

Đại Úy Minh tôi nghe.

Người ở đầu dây bên kia nói: Đại Úy chờ máy có Thiếu Tướng Tư Lệnh nói chuyện.

- Thiếu Tướng Trí đây anh Minh.

- Kính chào Thiếu Tướng, Đại Úy Minh tôi nghe.

- Tôi vừa được Hội Đồng Tướng Lính cho biết Tổng Thống và ông Cố Vấn Nhu đã tự tử. Hội Đồng nhờ tôi chuyển lời chia buồn tới ông Cố Vấn (Cẩn), và hứa sẽ bảo đảm an ninh hoàn toàn cho ông Cố Vấn. Nhờ anh trình lại cho ông Cố Vấn rõ. Riêng tôi, tôi xin thành thật chia buồn với ông Cố Vấn, và sẽ bảo đảm sự an toàn cho ông Cố Vấn và gia đình.

- Thưa Thiếu Tướng tôi nghe rõ. Cảm ơn Thiếu Tướng.

Bỏ điện thoại xuống, tôi vội ra xe lái lên nhà ông Cẩn. Vào đến sân, ông Cẩn đã ngồi đó trên một ghế sa lông bằng ny lông, có Cha Thuận (Đức Cố Hồng Y Nguyễn Văn Thuận) cháu ông đứng bên cạnh. Tôi tới gần trình ông hung tin. Ông tỏ vẻ sùng sốt nói:

- Răng lại có thể như rứa được!?

- Thưa Cậu, ông Cụ và ông Cố Vấn không thể nào tự tử được. Nhưng họ đã chính thức báo cho mình như vậy, thì chắc hẳn đã có chuyện gì xảy ra cho ông Cụ và ông Cố Vấn rồi.

Ông không nói gì thêm, đứng dậy đi vào trong nhà. Cha Thuận đứng lại với tôi ít phút rồi ngài cũng vào trong nhà. Tôi trở ra, lên văn phòng, mấy anh em trong văn phòng đang có mặt, tôi cho anh em ai về nhà nấy đợi xem tình hình rõ ràng ra sao.

3. Những yếu tố giúp cho cuộc đảo chánh 1.11.1963 thành công

1. Tháng 6 năm 1995 nhân một chuyến đến Boston, tôi đến thăm Trung Tá Phạm Thu Đường, được ông kể lại câu chuyện sau đây:

Cuối tháng 10. 1963, Dinh Gia Long được một Tòa Đại Sứ bạn cung cấp danh sách một số Tướng cầm đầu âm mưu đảo chánh như: Trần Văn Đôn, Dương Văn Minh, Lê Văn Kim, Mai Hữu Xuân, Đại Tá Đỗ Mậu... Một kế hoạch hành quân liền được thiết lập để vô hiệu hóa nhóm mưu phản này. Kế hoạch đã được Tổng Thống chấp thuận. Không may, cùng thời gian này, ông Châu (Trung Tá Nguyễn Văn Châu, Trưởng Phòng Tùy Viên Quân Sự tại Hoa Thịnh Đốn) từ Mỹ về dự đám tang người em là Linh Mục Nguyễn

Văn Soan thuộc Dòng Chúa Cứu Thế Sài Gòn bị tử nạn xe hơi. Ông Đỗ Mậu khi ấy có lẽ cảm thấy âm mưu tạo phản của ông đã phần nào bị lộ. Ông níu kéo, kể lể với ông Châu rằng ông bị một vài “anh em” ghét, bịa đặt báo cáo với Tổng Thống và ông Nhu, rằng ông âm mưu làm phản. Ông nhờ ông Châu thanh minh với Tổng Thống và ông Nhu giùm.

Ông Châu hoàn toàn tin tưởng ông Mậu, đã nặng lời khiển trách tôi (Đường) và số anh em trong này (Sài Gòn), về việc đối xử với ông Mậu. Đồng thời ông xin trình diện Tổng Thống và ông Nhu để trình bày sự việc, nhưng cả hai nơi đều từ chối không tiếp ông. Ông Châu liền viết một bức thư dài, kể lể tình tiết quãng đời ông và ông Mậu theo phò Tổng Thống từ những ngày còn hàn vi. Cuối cùng ông Châu xin Tổng Thống: *“Kính thưa Tổng Thống, suốt 17 năm anh Mậu đã cùng với con, chúng con theo phò và đã hết lòng phục vụ Tổng Thống qua bao nhiêu giai đoạn khó khăn nguy hiểm. Nay không lẽ ngày một ngày hai anh Mậu lại quay lại phản Tổng Thống. Kính xin Tổng Thống bình tĩnh xét lại cho, kẻo oan cho một cán bộ đã góp nhiều công lao trong công cuộc xây dựng chế độ”*. Sau khi đọc thư của ông Châu, Tổng Thống phê: *“Hủy bỏ hành quân”*.

Chuyện xin Tổng Thống Diệm cho ông Mậu trên đây, cũng được Trung Tá Châu kể lại với Thiếu Tá Nguyễn Hữu Duệ, Tư Lệnh Phó kiêm Tham Muu Trưởng Lữ Đoàn Liên Binh Phòng Vệ Tổng Thống Phủ (cấp bậc sau cùng là Đại Tá, hiện ở San Diego, California), dịp hai ông gặp nhau trong bữa cơm Trung Tá Nguyễn Ngọc Khôi Tư Lệnh Lữ Đoàn khoản đãi ông Châu sau ngày đảo chánh 1.11.1963.

2. Vào những tháng cuối trước ngày 1.11.1963, giữa anh em Tổng Thống Diệm đã không có được sự đồng nhất ý

kiến trong kế hoạch đối phó với tình hình lúc ấy. Nhưng theo tôi biết không có chuyện ông Ngô Đình Cẩn nhắn qua Đại Tá Lê Quang Tung bảo ông Đình làm đảo chánh, như ông Đình đã trả lời phỏng vấn của Đài Truyền Hình Little Sài Gòn TV tại Orange County, California tối ngày 1.12.2001.

3. Cuộc đảo chánh ngày 1.11.1963, được tổ chức chặt chẽ và tinh vi hơn cuộc binh biến ngày 11.11.1960 nhiều. Nhưng về tình hình hoạt động và khả năng của lực lượng đảo chánh trong khu vực Sài Gòn cũng như tại Bộ Tổng Tham Mưu, từ lúc tiếng súng đầu tiên nổ cho đến chiều ngày 2 tháng 11 thì không hơn gì. Cựu Đại Tá Nguyễn Hữu Duệ, một người bạn thân tôi quen biết từ lâu, chúng tôi đã cùng làm việc với nhau tại Bộ Tham Mưu Tổng Cục Chính Tranh Chính Trị từ năm 1965 đến 1973. Ngày 1.11.1963, cựu Đại Tá Duệ là Thiếu Tá Tư Lệnh Phó Lữ Đoàn Phòng Vệ Tổng Thống Phủ kiêm Tham Mưu Trưởng. Ông Duệ kể lại về tình hình tại Sài Gòn suốt thời gian xảy ra đảo chánh như sau:

Lực lượng đảo chánh chỉ có Sư Đoàn 5 là chủ lực nhưng vẫn ở ngoài Sài Gòn, và theo tôi nghĩ, dù lực lượng này có vào được Sài Gòn cũng khó mà tấn công được Dinh Gia Long.

Khi tiếng súng đảo chánh bắt đầu nổ, binh sĩ Lữ Đoàn quan sát thấy hai Đại Đội Thủy Quân Lục Chiến dàn quân trên đường Hồng Thập Tự và Nguyễn Bình Khiêm trong tư thế chuẩn bị tấn công vào Thành Cộng Hòa, họ liền bắn súng chỉ thiên cảnh cáo hai Đại Đội này. Lúc đó Dinh Gia Long không bị lực lượng nào tấn công cả. Và khi theo

dôi hành động của hai Đại Đội Thủy Quân Lục Chiến trên đây, Trung Úy Bảo, Trưởng Phòng 5 Lữ Đoàn, nhận ra mấy sĩ quan của hai đơn vị này là Sinh Viên Sĩ Quan Trường Võ Bị Đà Lạt thời gian ông là huấn luyện viên tại đó. Ông xin tôi (Thiếu Tá Duệ) cho ông ra gặp để thuyết phục, đưa họ vào gặp tôi. Chấp thuận đề nghị của Trung Úy Bảo, tôi cho một Chi Đội Thiết Giáp và hai Trung Đội bộ binh bảo vệ đưa ông ra gặp cấp chỉ huy của hai đơn vị trên.

Trung Úy Bảo đã thành công. Ông đưa hai vị Đại Đội Trưởng (Trung Úy) của hai Đại Đội Thủy Quân Lục Chiến nói trên vào gặp tôi. Họ cho tôi biết hai đơn vị của họ đang hành quân ở Tây Ninh thì được lệnh về bảo vệ Tổng Thống vì lính Lữ Đoàn làm phản.

Sau khi cho họ biết không hề có chuyện đó và cho họ coi khả năng tác chiến của Lữ Đoàn: Các súng đại liên bố trí trên các tầng lầu của Thành Cộng Hòa, lực lượng chiến xa và thiết giáp... tôi hỏi họ: Với vũ khí và chiến cụ như thế, nếu chúng tôi tấn công các anh, thì sự thiệt hại của hai Đại Đội của các anh sẽ ra sao? Và tôi đã gọi giầy nói báo cáo sự việc với Tổng Thống trước mặt họ.

Thoạt đầu tôi định cho họ vào Thành để cùng anh em Lữ Đoàn bảo vệ Tổng Thống, nhưng nghĩ lại, sợ khó chỉ huy vì Thủy Quân Lục Chiến có hệ thống chỉ huy riêng, nên tôi đã bỏ ý định ấy, và đề nghị họ tập trung anh em vào sân vận động Hoa Lu đợi lệnh. Lúc đó có một Chuẩn Úy Trung Đội Trưởng, con của một Hạ Sĩ Quan trong Ban Quân Nhạc của Lữ Đoàn xin cho Trung Đội của anh được ở lại để cùng binh sĩ Lữ Đoàn bảo vệ Tổng Thống, nhưng tôi cũng đã phải từ chối. Tất cả quân nhân của hai đơn vị

này đã thi hành lệnh tập trung một cách nghiêm chỉnh, không có cử chỉ gì tỏ ra phản kháng cả.

Đến nửa buổi chiều, pháo binh của quân đảo chánh từ xa lộ bắn vào nhiều, tôi sợ có thiệt hại cho binh sĩ hai Đại Đội Thủy Quân Lục Chiến nói trên, nên tôi ra lệnh cho họ trở về doanh trại.

Sau khi giải quyết vụ hai Đại Đội Thủy Quân Lục Chiến, tôi gọi điện thoại lên Bộ Tổng Tham Mưu gặp anh rể tôi là Đại Úy Đoàn Bá Trí, làm việc tại Phòng 4 và người em họ, Thiếu Úy Bùi Xuân Đáng, Sĩ Quan Quân Cảnh Bộ Tổng Tham Mưu, hai người này cho tôi biết, lực lượng đảo chánh chẳng có đơn vị nào cả chỉ có khoảng hai Đại Đội tân binh quân dịch của Trung Tâm Huấn Luyện Quang Trung, và một số Thiết Vận Xa, nhưng không nhiều và có vẻ chưa sẵn sàng, có mấy chiếc còn đang đổ xăng bằng thùng xăng nhỏ 20 lít.

Tôi trình lên Tổng Thống tình hình trên đây tại Bộ Tổng Tham Mưu và đề nghị: *Xin Tổng Thống rời Dinh Gia Long qua Dinh Độc Lập vì bên đó dễ phòng thủ hơn, và cho phép tôi bỏ Thành Cộng Hòa, tập trung một số lực lượng lên tấn công thẳng vào Bộ Tổng Tham Mưu mời các Tướng Lãnh về trình diện Tổng Thống.*

Tổng Thống không chấp thuận và chỉ thị cho tôi qua Sĩ Quan Tùy Viên, Đại Úy Đỗ Thọ:

“Bảo Duệ đừng nóng, Lữ Đoàn chỉ cần bảo vệ Thành Cộng Hòa và Dinh Gia Long, cố gắng tránh đừng để anh em binh sĩ phải đổ máu. Đánh vào Bộ Tổng Tham Mưu sẽ đổ vỡ sự thống nhất Quân Đội, mất tiềm năng chống Cộng. Để Tổng Thống thu xếp với các Tướng Lãnh”.

Chừng một giờ sau, tôi xin phép Tổng Thống cho chiếm lại Đài Phát Thanh, được Tổng Thống chấp thuận, tôi cử Đại Đội 2 do Đại Úy Xuân chỉ huy và một Chi Đội thiết giáp ra chiếm lại Đài Phát Thanh, họ đã chiếm được tầng dưới Đài một cách dễ dàng. Trong khi tôi còn đang phân vân, chưa quyết định cho tấn công lên tầng trên vì sợ hư máy móc, thì Trung Tá Nguyễn Văn Thiện, Chỉ Huy Trưởng Thiết Giáp Binh đem theo một số xe tăng đến Đài, với tư cách Chỉ Huy Trưởng Binh Chủng, ông ra lệnh cho Chi Đội thiết giáp của Lữ Đoàn ngưng cuộc tấn công, vì vậy mà Đại Úy Xuân không hoàn thành được nhiệm vụ.

Ngoài ra, được biết Tiểu Đoàn Biệt Động quân của Đại Úy Sơn Thương, bạn tôi, đang đóng ở Căn Cứ Chuyển Vận Sài Gòn đợi tàu ra Nha Trang để tái huấn luyện, tôi liên lạc với Đại Úy Thương để sử dụng đơn vị này, nhưng ông vắng mặt. Tôi liền nhờ em ruột tôi, Chuẩn Úy Nguyễn Sỹ Anh Trưởng Ban 3 Tiểu Đoàn thuyết phục các Sĩ Quan Đại Đội Trưởng của Tiểu Đoàn, họ rất mau mắn và hăng hái tham gia lực lượng chống đảo chánh. Được em tôi cho biết về tinh thần của họ, tôi đã cho xe chở họ về đóng tại Nha Bưu Điện trước Nhà Thờ Đức Bà để làm lực lượng trừ bị.

Tình hình trong Thành Phố Sài Gòn cho đến gần sáng ngày 2. 11, ngoài mấy Đại Đội Thủy Quân Lục Chiến di chuyển quanh khu vực, chưa có đơn vị nào của Sư Đoàn 5 Bộ Binh xâm nhập, Dinh Gia Long và Thành Cộng Hòa chưa bị tấn công. Nên theo tôi, dù Tổng Thống không dời qua Dinh Độc Lập theo đề nghị của tôi, nhưng đừng rời khỏi Dinh Gia Long thì, với lực lượng của Lữ Đoàn được tăng cường Tiểu Đoàn Biệt Động Quân của Đại Úy

Thương, việc bảo vệ Tổng Thống sẽ rất dễ dàng trong một thời gian khá lâu, và chắc chắn phe đảo chánh sẽ thất bại.

Một điểm quan trọng khác nữa cho thấy phe đảo chánh chắc chắn bị thất bại là:

Lực lượng bảo vệ các Tướng đảo chánh tại Bộ Tổng Tham Mưu cũng như lực lượng tấn công bị lừa là về bảo vệ Tổng Thống vì Lữ Đoàn làm phản. Sĩ Quan cũng như Binh Sĩ không có gì oán trách Tổng Thống, nên nếu biết đây là cuộc đảo chánh Tổng Thống thì họ sẽ không liều mạng tấn công.

Trong khi đó, binh sĩ của Lữ Đoàn đều là những người rất trung thành với Tổng Thống họ là những Quân Nhân ưu tú và giỏi chiến đấu, được lựa chọn về để bảo vệ Tổng Thống.

Vì thế, điều tôi rất lấy làm tiếc là: Nếu Tổng Thống không sợ anh em binh sĩ phải đổ máu, không sợ đánh vào Bộ Tổng Tham Mưu trong buổi chiều ngày 1. 11 thì, với tương quan lực lượng giữa hai bên đảo chánh và chống đảo chánh chênh lệch rõ rệt như vậy, tôi sẽ thắng đám đảo chánh một cách dễ dàng.

Nói như vậy không phải tôi chủ quan, vì hồi năm 1981, được cựu Nghị Sĩ Trương Tiến Đạt mời tôi tới nhà ông tại Oakland để thảo luận về việc thành lập một Mặt Trận Giải Phóng Việt Nam. Gặp Tướng Đôn tại đây, tôi hỏi thẳng ông Đôn: Nếu chiều ngày 1.11.1963 tôi đem quân Lữ Đoàn lên tấn công Bộ Tổng Tham Mưu thì sao? Ông Đôn thành thật nhìn nhận: *“Thì chắc chắn là chúng tôi thua thôi”*.

Ngoài ra, Tướng Nguyễn Văn Quan, nguyên là chỉ huy của Tướng Dương Văn Minh và là cố vấn của ông này trong cuộc đảo chánh, được ông Minh giao việc liên lạc móc nối

với các sĩ quan cấp nhỏ, nhưng hầu hết là có quân. Ông Quan rất thân thiết với cựu Đại Tá Duệ. Một thời gian sau cuộc đảo chánh 1.11.1963, trong một lần đến thăm Tướng Quan khi nhắc đến cuộc đảo chánh, ông Duệ hỏi ông:

- Thiếu Tướng thấy có đơn vị lớn nào theo đảo chánh không?

- Chỉ có đơn vị lớn nào cả. Không Quân, Hải Quân chỉ liên lạc mấy anh nhỏ. Ở các Sư Đoàn, ngoài Sư Đoàn 5 thuộc quyền Đỉnh là theo và Trung Tâm Huấn Luyện Quang Trung. Lúc nghe tin có Tiểu Đoàn Biệt Động Quân đóng ở Buu Điện để bảo vệ Tổng Thống và Sư Đoàn 5 chưa đưa được đơn vị nào vào gần để tấn công thì nhiều người sợ ra mặt, và moa nghĩ nếu như lúc ấy để họ tự do rút lui thì họ chạy cả.

Riêng về lực lượng Thiết Vận Xa bảo vệ Bộ Tổng Tham Muu hôm ấy, tôi được cựu Trung Tá Hoàng Khảm, hiện ở Thành Phố Midway City, Orange, California, kể lại như sau:

Khi ấy tôi là Trung Úy Chi Đoàn Trưởng Chi Đoàn 4/4 Thiết Vận Xa của Trung Đoàn 4 Thiết Giáp thuộc Quân Đoàn I. Chi Đoàn có 3 Chi Đội, mỗi Chi Đội có 5 Thiết Vận Xa, được tăng phái cho Sư Đoàn 7 ở Mỹ Tho. Hết thời hạn tăng phái, Chi Đoàn đang tập trung tại Bộ Chỉ Huy ở Gò Vấp đợi ngày về lại miền Trung. Sáng 1. 11 tôi được Bộ Tổng Tham Muu gọi về họp. Khi vào trình diện tại phòng họp, Tướng Dương Văn Minh ra lệnh cho tôi dùng điện thoại tại chỗ gọi về ra lệnh cho Chi Đoàn lên trình diện và đặt thuộc quyền sử dụng của Bộ Tổng Tham Muu để đi hành quân. Khi Chi Đoàn đến trình diện, được sĩ quan trong nhóm đảo chánh điều động bố trí quanh Bộ Tổng

Tham Muu, còn tôi thì bị giữ luôn trong Bộ Tổng Tham Muu suốt thời gian xảy ra đảo chánh. Tôi cũng như tất cả sĩ quan, binh sĩ trong Chi Đoàn không được hay biết gì cho đến khi tiếng súng đảo chánh nổ.

Tôi cũng được cựu Trung Tá Trần Hữu Tác, ngày 1.11.1963 là Đại Úy Liên Đoàn Phó Liên Đoàn 77/Lực Lượng Đặc Biệt, hiện ở Thành Phố Tustin, Orange County, cho biết:

Mặc dù cả 4 Đại Đội của Liên Đoàn bị Bộ Tổng Tham Muu xé ra từng Đại Đội đưa đi hành quân tại vùng Biên Hòa, nhưng số Quân Nhân còn lại tại Bộ Tư Lệnh gần 100 người, anh em xin vượt bức tường ngăn, qua tấn công thẳng vào tòa nhà chánh Bộ Tổng Tham Muu. Lời đề nghị của họ bị Trung Tá Nguyễn Hộ phụ tá Đại Tá Tung cản trở và Thiếu Tá Phạm Văn Phú (Tướng Phú sau này) Liên Đoàn Trưởng cũng tỏ vẻ ngần ngại, nên anh em không dám hành động. Nhưng nếu Lữ Đoàn lên tấn công Bộ Tổng Tham Muu thì chắc chắn số anh em chúng tôi sẽ tiếp ứng theo kế hoạch đã được chuẩn bị. Vì trong thời gian diễn biến cuộc đảo chánh chúng tôi đã liên lạc với Lữ Đoàn nhiều lần.

4. Liên lạc với Bắc Việt mưu tính trung lập hóa miền Nam?

Trên đây là lý do làm cuộc đảo chánh được các Tướng Lãnh công bố, sau khi tổ chức thành công cuộc đảo chánh lật đổ Tổng Thống Ngô Đình Diệm.

Xin được nhắc lại, ngày 11.11.1963 Tướng Tôn Thất Đính gọi tôi vào trình diện ông tại Tổng Bộ An Ninh. Tại văn phòng Tổng Trưởng, ông đã chỉ cho tôi một đồng giấy

tò để đẩy dưới sàn nhà trước bàn giấy của ông, và nói đó là tài liệu các ông (Tổng Thống Diệm và ông Cố Vấn Nhu) liên lạc với Bắc Việt. Vì các ông mưu tính Trung Lập hóa miền Nam, nên anh em Tướng Lãnh phải tổ chức đảo chánh các ông.

Một số người không hiểu biết gì hơn ngoài lời buộc tội của các Tướng đảo chánh, cũng đã vội vã kết tội việc liên lạc với Bắc Việt của ông Ngô Đình Nhu là hành động “*đâm sau lưng chiến sĩ*”.

Và cho đến ngày nay, nhiều người vẫn còn thắc mắc, tin nói ông Cố Vấn Ngô Đình Nhu đã gặp đại diện Bắc Việt có thật hay không?

Những người hiểu biết ít nhiều về tình hình Việt Nam trong những năm 1962-1963 đều thắc mắc, không hiểu tại sao các Tướng đảo chánh lại có thể đưa ra một lời buộc tội Tổng Thống Ngô Đình Diệm và ông Cố Vấn Ngô Đình Nhu một cách thiếu suy nghĩ như vậy. Vì chuyện ông Cố Vấn Ngô Đình Nhu gặp một số cán bộ cao cấp của Hà Nội, không những ông đã nói với các Tướng Lãnh trong một buổi họp hàng tuần tại Bộ Tổng Tham Mưu, (theo Đại Úy Nguyễn Ngọc Hạp, Sĩ Quan Tùy Viên của ông Cố Vấn Nhu) ông còn công khai nói tại các khóa huấn luyện Cán Bộ Xây Dựng Ấp Chiến Lược. Xin trích lược một vào đoạn sau đây.

Trong lễ bế giảng khóa XII/3 Cán Bộ Xây Dựng Ấp Chiến Lược tại suối Lồ Ổ ngày 22. 6. 1963, Ban Phụ Trách khóa học đã yêu cầu ông Ngô Đình Nhu: Xin ông Cố Vấn giúp cho anh em khóa sinh có đủ lý lẽ, lập luận, hầu có thể giải thích cho dân chúng về một dư luận nói rằng: “Việt

Nam chỉ là con chốt trên bàn cờ quốc tế. Thế giới tự do và Cộng Sản tuy chống đối nhau về ý thức hệ, nhưng họ có thể đi đến hòa giải với nhau khi đã tạo được thế quân bình. Do đó có người cho rằng, cố gắng của Việt Nam, cộng với sự trợ giúp của các bạn Mỹ, chỉ là để tăng thêm áp lực trên khối Cộng Sản. Nhưng khi đã tạo được thế quân bình, họ có thể hòa giải với nhau. Vì thế, ngày chiến thắng và con đường thoát ly của chúng ta còn xa”.

Họ đã được ông Ngô Đình Nhu trả lời:

“Câu hỏi được anh em đặt ra cũng chính là câu hỏi mà cán bộ cao cấp Cộng Sản trong mật khu đã đặt ra với tôi dưới một hình thức khác. Họ hỏi tôi: Ngày mai của Việt Nam chúng ta sẽ ra thế nào?”

Chúng ta là một nước bé nhỏ đứng giữa hai khối, chúng ta là thụ động. Nếu bên thế giới tự do tăng cường viện trợ cho ta, thì thế giới Cộng Sản cũng sẽ tăng cường viện trợ cho phía họ, hai bên cứ tăng cường như vậy sẽ đưa cái mức chiến tranh càng ngày càng lên cao, và số phận chúng ta rồi mai đây sẽ ra sao?

Quốc Sách Ấp Chiến Lược được hình thành và đang được áp dụng biến một số lực lượng của chúng ta qua thể du kích. Chúng ta cũng đang học tập để soát xét lại vấn đề ngoại viện, chính là nhằm để hạ cái mức độ chiến tranh xuống.

Tôi xin nhắc lại: Cả chính sách, cả đường lối của chúng ta là đưa ra một *“binh thư binh pháp mới”*. Binh thư binh pháp đó là mình buộc địch phải đánh trong điều kiện chiến tranh của mình. Tức là không để cho cường độ chiến tranh tăng lên vì ngoại viện, theo mức độ viện trợ từ bên ngoài.

Về vấn đề Trung Lập, trong thông điệp đọc trước Quốc Hội ngày 1.10.1962, Tổng Thống Ngô Đình Diệm khẳng định:

“Chúng ta đã cương quyết bác bỏ mọi đề nghị trung lập hóa Việt Nam do Cộng Sản trực tiếp hay gián tiếp chủ mưu”.

Với ông Ngô Đình Nhu, cuối năm đó, đúng vào thời kỳ vừa xảy ra các biến cố tại Algeria, Cuba, Pháp và đặc biệt là vụ Ấn Độ bị Trung cộng tấn công, khóa VI Cán Bộ Xây Dựng Ấp Chiến Lược được khai giảng. Đến dự lễ khai giảng ông Ngô Đình Nhu, trong bài hiểu thị, sau khi phân tách những yếu tố (Cảm Tình-Triết Lý-Chính Trị) đã được một số Quốc Gia dựa vào đó mà thực hiện Trung Lập Chế cho đất nước họ. Ông đã đặc biệt nói về chế độ Trung Lập như sau:

“Ngày nay, biến cố ở Ấn giúp chúng ta càng thấy rõ ràng hơn nữa là, đối với Cộng Sản không thể có Trung Lập được tại sao?”

Tại vì người Cộng Sản tin tưởng rằng, họ đã đạt được chân lý tuyệt đối về chính trị, mà chỉ có họ thôi, đã đạt được chân lý đó và họ có nhiệm vụ phải phát huy chân lý đó ra bằng mọi cách, nhất là bằng bạo lực. Tôi muốn nói qua về chế độ trung lập nhân dịp Trung cộng xâm lược Ấn Độ để cho anh em nhận định lại về thuyết trung lập và việc thực hành trung lập. Đó là điểm chúng ta cần học tập trong khóa VI này để cùng hiểu rằng tại sao chúng ta không theo thuyết trung lập. Không phải vì chúng ta ngoan cố, mà vì xét theo 3 phương diện đó (Cảm Tình-Triết Lý-Chính Trị) và xét về thực tại của đời sống trong thế giới hiện nay, không có thể gì mà trung lập được, nhất là đối với Cộng Sản, không có thể trung lập, vì chẳng những họ không

trung lập mà chỉ chủ trương trung lập để làm suy yếu các quốc gia khác để dễ bề thôn tính.”

Và trong lễ bế giảng khóa XII/3 Cán Bộ Xây Dựng Ấp Chiến Lược vừa nói trên, ngày 22.6.1963 ông đã nói về việc gặp một số cán bộ cao cấp Việt Cộng và nói thêm về thuyết trung lập như sau:

“Một số cán bộ cao cấp hiện còn đang ở trong hàng ngũ Việt Cộng, đang sống trong mật khu, khi gặp tôi họ đã hỏi: *“Ngày mai của Việt Nam chúng ta sẽ ra thế nào?”* Chúng tôi đã trả lời họ rằng, chúng ta sẽ không theo khối Cộng Sản, cũng không theo khối tư bản.

Họ nhìn nhận Quốc Sách Ấp Chiến Lược là một chính sách đúng. Họ phục đường lối của Chính Sách Ấp Chiến Lược là chủ trương xây dựng từ hạ tầng rồi lần lần chuyển biến lên thượng tầng. Nhưng rồi họ lại thắc mắc: *Như vậy thì triển vọng ngày mai của chúng ta, ý nghĩa của chúng ta trong lãnh vực quốc tế sẽ thế nào? Và nếu họ chuyển ra ngoài này với chúng ta rồi thì sẽ cùng nhau đi về đâu?*

Vì những người đã gặp tôi đều là những cán bộ cao cấp, người thì đã có nhiều kinh nghiệm chiến đấu tại Điện Biên Phủ, người thì đã từng đi học ở Prague, ở Moscow, ở một số các nước Cộng Sản khác. Họ là những người có nhiều kinh nghiệm và hiểu biết về chế độ Cộng Sản, nên tôi hỏi họ: Anh em nghĩ thế nào về trung lập chế? Họ trả lời:

“Trung lập chế chúng tôi đã nghĩ tất (cả), chúng tôi thấy đó chỉ là chiêu bài Cộng Sản đưa ra để nuốt sống các nước nhẹ dạ, các nước nhu nhược”.

Còn về câu hỏi họ hỏi *“Ngày mai của Việt Nam chúng ta sẽ ra thế nào?”* Câu hỏi này cho ta thấy mối ưu tư của họ, và

cũng chính là mối ưu tư của chúng ta đối với ngày mai của nước Việt Nam. Tôi đã nói với họ:

Ngày mai của nước Việt Nam là do tất cả thanh niên trong cả nước tự đứng lên làm, chứ không phải do những lực lượng hiện nay. Các lực lượng chúng ta thấy bây giờ, dù ở bên Cộng Sản hay ở bên chống Cộng, đều đã đi về già, là những lực lượng lạc hậu, chỉ có sức mạnh về hình thức thôi, chứ nội dung không có gì. Cho nên ngày mai của nước Việt Nam sẽ do các thế hệ thanh niên và những người có tâm hồn thanh niên tạo dựng”.

Chính từ ý niệm này mà ông Ngô Đình Nhu đã thành lập Đoàn Thanh Niên, Thanh Nữ Cộng Hòa.

Hơn nữa, tiến trình đi đến những cuộc tiếp xúc trực tiếp giữa ông Cố Vấn Ngô Đình Nhu và một số cán bộ cao cấp của Cộng Sản như vừa được trích lược trên đây là do yêu cầu của Hà Nội, không phải do Sài Gòn đề xuất.

Tôi được Đức Cố Hồng Y Nguyễn Văn Thuận kể lại, hồi đầu thập niên 90, trong một dịp đến Bỉ ngài đã đến thăm một vị công cán ủy viên của Nhà Vua (xin được tạm dấu tên vị này) một người trước kia rất thân thiết với Tổng Thống Ngô Đình Diệm khi ông lưu trú tại nước này, trong thời kỳ bốn ba hải ngoại. Sau khi mời khách ngồi, vị công cán ủy viên hỏi:

- Ngài có biết trước đây ai đã ngồi trên ghế ấy không?
- Thưa, chắc là Tổng Thống Diệm.
- Không phải. Đó là ghế mà cán bộ Cộng Sản Hà Nội đã ngồi để bàn tính chuyện liên lạc với Nam Việt Nam đấy.

Rõ ràng hơn nữa, vào hạ tuần tháng 9.1963, ký giả Joseph Alsop viết một bài đăng trên hai tờ báo *New York*

Herald Tribune tại Mỹ và *Le Figaro* tại Pháp, tường thuật lại hai cuộc diện kiến giữa ông với Tổng Thống Ngô Đình Diệm và Cố Vấn Ngô Đình Nhu.

Về cuộc diện kiến Tổng Thống Ngô Đình Diệm, ký giả Alsop ghi lại:

“... Tổng Thống Diệm tiết lộ cho tôi biết, ông Jacques de Buzon, Tổng Lãnh Sự Pháp tại Hà Nội đã xin phép Tổng Thống được vào Sài Gòn để thay đổi không khí đôi chút. Tôi tự hỏi, ông Diệm nói với tôi, liệu ông ta có thể đến Sài Gòn được không, một chuyến đi mà những người Cộng Sản luôn chống đối. Nhưng một điều rất lạ là, lần này họ đã để cho ông ta đi. Khi Đại Sứ Lalouette dẫn ông ta đến gặp tôi, tôi thấy ông này đã không nói với tôi chuyện gì quan trọng, ngoại trừ chuyện ông Hồ chí Minh hiện nay nói về tôi bằng một giọng điệu khác hẳn trước kia. Ông ta không còn gọi tôi là tên phản động, là con rối trong tay người Mỹ, ông de Buzon quả quyết, ngày nay ông ta gọi tôi là ‘ông Diệm tử tế, ông Diệm là người Việt Nam tốt, chung quy là một người yêu nước’. Phải nói rằng tôi hết sức ngạc nhiên khi được biết điều này”.

Tiếp theo là cuộc diện kiến ông Cố Vấn Ngô Đình Nhu được ký giả Alsop kể lại:

“Sau lời tuyên bố của Tướng de Gaulle (để nghị Trung Lập hóa Đông Dương), Đại Sứ Pháp đã đến thăm xã giao Tổng Thống Diệm, sau đó ông đã gặp ông Cố Vấn Nhu lâu hơn, yêu cầu ông đừng bỏ qua thời cơ do tuyên bố của Tướng de Gaulle đưa lại... Sau đó, do yêu cầu của Đại Sứ Lalouette, Trưởng đoàn Ba Lan trong Ủy Ban Kiểm Soát Đình Chiến, Tiến Sĩ Maneli, đã đến gặp ông Cố Vấn của Tổng Thống Diệm. Ông này không chỉ đưa ra những vấn đề và những lý lẽ như Đại Sứ

Lalouette, mà còn chuyển đạt một thông điệp do đích thân thủ tướng Bắc Việt Nam, ông Phạm văn Đồng gửi”.

Ông Nhu cho biết: Thông điệp yêu cầu tôi mở thương nghị trên căn bản đề nghị ngưng bắn của ông Hồ chí Minh (sự viện trợ từ bên ngoài phải được chấm dứt). Đó là một đề nghị hấp dẫn, nhưng tôi đành phải trả lời ông bạn Ba Lan rằng, tôi không thể mở thương nghị sau lưng người Mỹ được. Điều đó không thể đặt thành vấn đề.

Dẫu sao, ông Nhu tiếp, chúng tôi cũng đã có được một cuộc đối thoại hữu ích. Với tư cách người Cộng Sản, ông ta nhìn nhận tôi là một lý thuyết gia thực sự về du kích chiến trong thế giới không Cộng Sản. Và cho tôi biết, ông ta chờ đợi ở tôi một câu trả lời khác với câu tôi đã nói với ông ta. Ngay khi có được câu trả lời đó, ông ta sẽ gặp lại tôi và lấy máy bay đi Hà Nội ngay.

Sau đó ký giả Alsop viết:

Việc tiết lộ những sự giao dịch này đưa đến kết quả là cả hai phía cùng sẽ cục lực cải chính. Nhưng tôi đã kể lại một cách rất chính xác những điều đã được hai người trong cuộc: Tổng Thống Diệm và em ông, tự thuật. (*Les Relations Americano-Vietnamiennes: Tome I. Trang 130*)

Sự kiện cán bộ Cộng Sản gặp vị công cán ủy viên Bì, chính là đầu mối đưa đến những sự kiện vừa được lược thuật trên đây? Những sự kiện mà một số trong đó, ông Ngô Đình Nhu đã công khai nói với Cán Bộ Xây Dựng Ấp Chiến Lược và đã cho các Tướng Lãnh biết. Vậy tại sao họ lại cố tình như không biết để đưa ra lời kết tội Tổng Thống Diệm và ông Cố Vấn Nhu mưu tính trung lập hóa miền Nam? Để làm gì?

Thắc mắc trên đây được tác giả cuốn “The Year Of The Hare”, xin tạm dịch: Năm Con Thỏ Rừng, (Năm con mèo 1963) ông Francis X. Winters, Giáo Sư môn Đạo Đức và Các vấn đề quốc tế tại Trường Đại Học Georgetown, Washington D. C, thành viên Viện Quốc Tế Về Chiến Lược Học, (International Institute for Strategic Studies) trụ sở tại Luân Đôn Anh Quốc, giải đáp:

Ngay khi được tin ông Diệm đã chịu đầu hàng các Tướng đảo chánh, Ngoại Trưởng Dean Rusk gửi ngay một điện văn dài nồng nhiệt chúc mừng ông Lodge và hối thúc ông này công bố việc ông Diệm đã tham gia bàn chuyện trung lập với ông Hồ chí Minh. (*The Year Of The Hare*: Trang 106)

Dĩ nhiên, ông Lodge làm sao nói được với dân Việt Nam, nên ông đã chuyển lệnh “*cấp trên*” cho nhóm Tướng đảo chánh. Nhận được “*lệnh trên*” các ông Tướng này lập tức thi hành, vội vàng tuyên bố lý do làm đảo chánh là vì:

“*Các ông Tổng Thống Diệm và ông Nhu liên lạc với Bắc Việt mưu toan Trung Lập hóa miền Nam*”.

Mặc dù họ đã biết rõ lập trường đối với vấn đề trung lập của anh em ông Diệm từng được Tổng Thống Ngô Đình Diệm và ông Ngô Đình Nhu khẳng định như vừa được trích thuật ở trên.

Điều mỉa mai là, sau khi nhóm đảo chánh nắm quyền, họ tưởng rằng, họ đã thiết lập được một chế độ vững chắc và có tính cách đại diện cho một miền Nam hơn, họ có thể trở thành một đối lực với Mặt Trận Giải Phóng và chính phủ Hà Nội. Và khi ấy họ sẽ nhờ vào sự hợp tác tích cực của nước Pháp để thực hiện việc Trung Lập hóa Việt Nam. Khi

kế hoạch này tiết lộ đến tai người Mỹ và Hà Nội thì phản ứng của hai phía đều là: Không thỏa hiệp, không trung lập, chiến đấu đến cùng. Tại Hà Nội, thành phần chủ chiến, vì đã nắm được con bài tẩy, họ đều ngã về giải pháp tiếp tục cuộc chiến không do dự, không hạn chế, không thỏa hiệp... Họ nói rõ:

“Tính cách đại diện của chế độ miền Nam hiện nay còn thua thời ông Diệm, vì không có người nào trong chính phủ có được một chút kính trọng nào của dân chúng” (The War of the Vanquished: Trang 163)

Việc ông Rusk hối thúc ông Lodge công khai tiết lộ việc liên lạc với Bắc Việt của Tổng Thống Diệm và ông Cố Vấn Nhu kèm theo chiến dịch “bôi bẩn” hai ông bắt nguồn từ những sai lầm vô cùng nghiêm trọng ông Rusk và nhóm của ông đã phạm phải.

Là những người làm ra chính sách Việt Nam của chính phủ Kennedy mà họ không có chút hiểu biết nào về Dân Tộc và Đất Nước Việt Nam. Họ không tìm hiểu lịch sử, văn hóa, chính trị, tánh tình và thói quen của người dân và các nhà lãnh đạo bản xứ. Quá ý vào sức mạnh cơ giới và kỹ thuật tân kỳ, không đếm xia gì đến sức mạnh của tinh thần dân tộc, động cơ thúc đẩy người dân Việt Nam sẵn sàng hy sinh chống lại mọi hình thức ngoại xâm. Và vì chỉ biết nhìn mọi người theo lối nhìn của mình, nên ông Rusk và nhóm của ông đã nhìn Tổng Thống Ngô Đình Diệm và ông Cố Vấn Ngô Đình Nhu như là những trở ngại cần phải loại trừ, để chiến thắng Cộng Sản tại Việt Nam theo sự điều khiển của các ông.

Sau khi đã loại trừ được hai ông Diệm và Nhu, cần phải có lý do để chính đáng hóa hành động sát nhân, xóa mờ

tin thần “*tự lực tự cường*” mà hai ông đang cổ võ và xây dựng. Đồng thời khích động tinh thần quyết chiến của quân dân miền Nam, và nói lên quyết tâm của Hoa Kỳ hỗ trợ họ đánh Cộng Sản cho đến toàn thắng. Kế hoạch này tạo ra cho quân dân miền Nam tâm lý trông chờ và tất nhiên, sẽ rất vui mừng đón nhận sự tiếp sức của những người bạn đồng minh đến để giúp mình giải phóng đất nước khỏi ách Cộng Sản bạo tàn.

Điều đáng tiếc là, có lẽ khi ấy quân dân cả hai miền Nam Bắc Việt Nam không ai nghĩ ra rằng, khi người ta, khối tư bản cũng như khối Cộng Sản, đưa nhân lực, tiền của, súng đạn, phương tiện đến tiếp sức cho mình để “*giải phóng đất nước*”, thì cũng chính là lúc mình bị người ta đẩy vào một cuộc “*Chiến Tranh Của Những Kẻ Chiến Bại*” (War of the Vanquished) vì quyền lợi và sự tranh giành ưu thế chiến lược của họ.

(*War of the Vanquished*: Tựa đề cuốn sách nói về bản chất cuộc chiến tranh Việt Nam ông Mieczyslaw Maneli, Trưởng Đoàn Ba Lan trong Ủy Ban Quốc Tế Kiểm Soát Đình Chiến tại Việt Nam theo Hiệp định Geneva).

5. Hậu đảo chánh

Sau khi trình cho ông Cẩn biết hung tin về Tổng Thống Diệm và ông Cố Vấn Nhu, tôi lên văn phòng cho anh em trong văn phòng giải tán. Tôi trở về nhà được chừng nửa giờ, khoảng 10-11 giờ ngày 2 tháng 11, thì hai ông Lãnh Sự và Phó Lãnh Sự Mỹ đến gặp, Ông Lãnh Sự Helble cho tôi biết:

“Chúng tôi vừa nhận được lệnh Tòa Đại Sứ mời ông Cố Vấn tạm lánh qua bên Tòa Lãnh Sự chúng tôi. Chúng tôi sẽ bảo vệ ông Cố Vấn cũng như đã bảo vệ ông Thích Trí Quang”.

Và ông Phó Lãnh Sự Mullen nói với tôi:

“Riêng phần ông và gia đình ông, xin mời qua tạm trú bên nhà tôi. Chúng tôi đã có sẵn chỗ cho mọi người trong gia đình ông”.

Tôi nghĩ thầm, bây giờ đưa vợ con qua nhà ông Mullen chẳng biết họ có thể bảo vệ cho mình đến mức nào, mà lại có thể làm cho tình trạng thêm phức tạp. Tôi trả lời hai ông:

- Tôi thực sự cảm động trước hảo ý của Tòa Đại Sứ và của hai ông. Về việc Tòa Đại Sứ Hoa Kỳ mời ông Cố Vấn tạm lánh qua Tòa Đại Sứ ở đây, tôi sẽ lên trình ông Cố Vấn ngay. Riêng phần tôi, tôi xin thay mặt cả gia đình hết lòng cảm ơn lòng quảng đại của ông Mullen, đã sẵn sàng và muốn cho gia đình tôi qua tạm trú bên nhà ông trong những ngày này. Nhưng tôi xét, riêng phần tôi không có gì đáng lo ngại. Vì tôi là một quân nhân, được biệt phái đến làm việc với ông Cố Vấn, Bây giờ chuyển qua một chế độ khác, tôi lại trở về phục vụ một đơn vị Quân Đội thôi. Tôi nghĩ không có gì nguy hiểm cho chúng tôi lắm.

- Điều đó tùy ông. Nhưng tôi muốn nhắc lại rằng, khi nào ông cảm thấy nguy hiểm cho ông, bất cứ ngày hay đêm, ông hãy đem cả gia đình qua bên nhà tôi. Chúng tôi luôn sẵn sàng có đủ chỗ ăn ở cho gia đình ông.

- Ông Mullen à! Tôi hết xúc động trước lòng tốt của ông đối với chúng tôi. Tôi sẽ sẵn sàng làm phiền ông khi cảm thấy cần thiết. Cảm ơn ông rất nhiều.

Về vấn đề tỵ nạn của ông Ngô Đình Cẩn, bà Marguerite Higgins kể rằng: Đêm thứ bảy, 2.11 theo lời yêu cầu của bà Ngô Đình Nhu, bà Higgins điện thoại hỏi ông Roger

Hilsman, Phụ Tá Ngoại Trưởng Rusk, về trường hợp ông Ngô Đình Cẩn, ông Hilsman trả lời:

“Ông ta có thể được tự nạn, nếu ông ta muốn”. (VNON. Trang 225)

Sau khi hai ông Lãnh Sự và Phó Lãnh Sự rời nhà tôi, tôi lên trình ông Cẩn lời mời của Tòa Đại Sứ Hoa Kỳ, ông bảo tôi:

“Chú qua nói với họ, tôi còn bà mẹ già, tôi không thể xa mẹ tôi được. Nếu họ nhận cả bà thì tôi qua, bằng không thì thôi”.

Từ nhà ông Cẩn ra, tôi đến thẳng Tòa Lãnh Sự Mỹ, chuyển lời yêu cầu của ông Cẩn đến hai ông Lãnh Sự và Phó Lãnh Sự. Ông Lãnh Sự trả lời:

- Chúng tôi chỉ nhận được lệnh mời ông Cố Vấn. Bây giờ ông Cố Vấn muốn chúng tôi nhận cả bà mẹ thì phải chờ chúng tôi xin lệnh Tòa Đại Sứ.

- Vâng, xin ông cứ làm tất cả những gì ông cần phải làm, và xin cho tôi biết kết quả càng sớm càng tốt.

Tôi trở lại trình cho ông Cẩn biết ý kiến của ông Lãnh Sự. Trở ra, tôi lái xe đi quanh mấy đường chính trong Thành Phố, tình hình vẫn yên tĩnh không có gì náo động. Suốt buổi chiều hôm ấy tôi không dám rời nhà, có ý đợi Tòa Lãnh Sự Mỹ cho biết kết quả về lời yêu cầu của ông Cẩn. Bắt đầu khoảng hơn 3 giờ chiều, một chiến xa lâu lâu lại chạy ngang qua nhà tôi. Thấy có vẻ bất thường, tôi lái xe lên nhà ông Cẩn xem có gì xảy ra không. Gần đến nơi thấy một chiến xa đứng ngay góc ngã tư Nguyễn Trường Tộ (đường đi ngang qua nhà ông Cẩn) và Phan Chu Trinh (đường chạy dọc theo sông Bến Ngự). Chiếc thứ hai đứng trên mé đường Phan Chu Trinh, chặn lối cổng sau. Chiếc

thứ ba đứng ngay ngã ba đầu đường Nguyễn Trường Tộ, trước sân Nhà Thờ Phú Cam. Đến trước cổng chính, thấy có hai lính thiết giáp đứng gác. Tôi xuống xe xưng tên, cấp bậc và cho họ biết tôi làm việc trong văn phòng của ông Cẩn, tôi muốn vào xem ông có cần gì tôi không. Một trong hai anh lính đã nhả nhận thua lại: *“Xin Đại Úy cảm phiền, chúng em được lệnh giữ không cho bất cứ ai từ ngoài vô, hoặc từ trong ra”*.

Sau này tôi mới biết chiếc chiến xa lâu lâu chạy ngang qua nhà tôi là do lệnh của Đại Úy Nguyễn Thế Thanh, một bạn học cùng khóa với tôi. Anh Thanh có cấp bậc sau cùng là Trung Tá, hiện ở Thành Phố Westminster, Orange County. Anh Thanh là Trung Đoàn Phó Trung Đoàn 4 Thiết Giáp, khi Chi Đội 3/4 chiến xa của anh vừa được đưa qua để thành lập Chiến Đoàn 100 do Thiếu Tá Nguyễn Tuấn chỉ huy, được lệnh đến giữ an ninh khu nhà ông Cẩn, anh đã yêu cầu Chi Đội Trưởng lâu lâu cho một xe đào qua nhà tôi, để phòng có chuyện bất trắc xảy đến với gia đình tôi trong tình hình bất ổn lúc ấy.

Tuy là bạn cùng khóa, thân thiết và thường gặp nhau mỗi lần anh Thanh từ Quảng Trị về Huế thăm ông bà ngoại các con anh. Nhưng suốt những năm tôi làm việc cạnh ông Ngô Đình Cẩn, anh không hề nhờ vả bất cứ một điều lớn nhỏ gì. Vậy mà khi xảy ra những đổi thay đầy nguy hiểm, anh đã không e dè, ngang nhiên biểu lộ một tình cảm thật đặc biệt đối với tôi. Đến khi tôi được đưa vào Sài Gòn bỏ lại vợ con ở Đà Nẵng, anh đã lui tới giúp đỡ bất cứ chuyện gì vợ con tôi cần đến anh, cho đến khi vợ con tôi được an toàn vào Sài Gòn. Tôi vô cùng cảm phục tính

cương trọc và dùng khí nơi con người anh Thanh. Xin anh Thanh nhận ở đây lòng cảm mến và biết ơn vô hạn của tôi và gia đình tôi.

Bị ngăn cản không vào gặp ông Cẩn được, tôi trở về nhà ngồi đợi tin tức của Tòa Lãnh Sự Mỹ, chẳng thấy động tĩnh gì. Khoảng 7 giờ tối, Trung Tá Trần Văn Mô, cùng đi có Đại Tá Nguyễn Văn Hiếu (Tướng Hiếu sau này) Tham Mưu Trưởng Sư Đoàn I và Thiếu Tá Đào Quang Hiến Giám Đốc Nha Công An Cảnh Sát đến gặp tôi. Trung Tá Mô cho biết ông mới được bổ nhậm làm Tỉnh Trưởng Thừa Thiên kiêm Tỉnh Trưởng Huế. Đại Tá Hiếu và Thiếu Tá Hiến được cử giữ chức vụ cũ. Các ông muốn được đến ra mắt ông Cố Vấn. Tôi nghĩ thầm trong bụng, tình hình này mà các ông còn xin ra mắt ông Cố Vấn thì lạ thật.

Tôi đưa ba ông lên nhà ông Cẩn, đến cổng Trung Tá Mô cho hai anh lính thiết giáp biết ông là Tân Tỉnh Trưởng cùng với Đại Tá Tham Mưu Trưởng Sư Đoàn và Thiếu Tá Giám Đốc Công An Cảnh Sát, cản vào gặp ông Cố Vấn, hai anh lính mở cổng cho chúng tôi vào. Vào bên trong tôi mời ba ông đứng chờ trước sân để tôi mời ông Cẩn. Vào nhà trong, biết ông Cẩn đã tạm lánh đi nơi khác không còn ở nhà. Tôi nói với Đại Úy Tôn Thất Độ ra cho họ biết là ông Cẩn vì bị xúc động mạnh nên quá mệt không thể tiếp các ông được, xin hẹn lại ngày hôm sau.

Trung Tá Mô nói với tôi: Nhờ anh trình lại ông Cố Vấn, chúng tôi nhận nhiệm vụ mới, nên xin ra mắt ông Cố Vấn mà rất tiếc không được gặp. Ngày mai chúng tôi sẽ sắp xếp thì giờ xin lên chào ông Cố Vấn.

Đêm hôm ấy (2.11) tình hình trong Thành Phố Huế vẫn hoàn toàn yên tĩnh không có gì xáo trộn.

Sáng hôm sau, Chủ Nhật 3 tháng 11, tôi đang xem lễ trong Nhà Thờ Dòng Chúa Cứu Thế, một anh Quân Cảnh đến kiểm, tôi nói nhỏ:

- Thiếu Tướng Tư Lệnh Quân Đoàn muốn gặp Đại Úy.

Vì Thánh Lễ đã gần xong, tôi nói với anh Quân Cảnh:

- Nhờ anh về trình lại với Thiếu Tướng chừng mười phút nữa, Thánh Lễ kết thúc tôi sẽ lại trình diện Thiếu Tướng ngay.

Thánh Lễ chấm dứt, từ Nhà Thờ tôi đến thẳng tư dinh Tướng Trí cách đó chừng 300 thước. Bước vào phòng khách tôi thấy Tướng Trí, và ngoài Trung Tá Mô, Đại Tá Hiếu, Thiếu Tá Hiền còn có Thiếu Tá Nguyễn Tuấn, Chiến Đoàn Trưởng Chiến Đoàn 100 Thiết Giáp đã ngồi sẵn đó.

Tướng Trí mời tôi ngồi ghế bên cạnh, ông nói:

- Nhờ anh trình xin ông Cố Vấn cho tôi gặp trong sáng nay, càng sớm càng tốt, vì tình hình này thế nào cũng có biện pháp khám xét nhà cửa của ông Cố Vấn. Anh trình ông nếu có tiền bạc, quý kim gì còn cất giữ ở trong nhà đưa tôi giữ cho.

- Vâng, tôi đến trình ông Cố Vấn bây giờ và sẽ trở lại với Thiếu Tướng ngay.

Tôi trở lại Nhà Dòng Chúa Cứu Thế, vào trình ông Cảnh ý kiến và đề nghị của Tướng Trí, ông đồng ý và bảo tôi:

- Chú xuống trình xin Cha Bê Trê cho tôi tiếp ông Trí tại đây.

Tôi làm theo lời ông Cảnh rồi trở lại nhà Tướng Trí mời ông đi theo tôi.

Khi đứng dậy đi theo tôi, Tướng Trí nói với các vị Sĩ Quan hiện diện:

- Bây giờ moa đi với anh Minh, Tuấn đi theo moa còn các toa ngồi đây đợi moa.

Ra sân, Tướng Trí ra lệnh cho hai xe Quân Cảnh đi theo hộ tống. Thấy vậy, tôi đề nghị với Tướng Trí khi tới trước Nhà Dòng cho hai xe Quân Cảnh đứng ở ngoài đường, còn xe của ông và xe Thiếu Tá Tuấn tiếp tục đi vào trước thêm Nhà Dòng, Tướng Trí đã làm theo đề nghị của tôi.

Vào bên trong Nhà Dòng tôi mời Thiếu Tá Tuấn vào phòng khách bên cạnh cầu thang ngồi đợi. Tôi đưa Tướng Trí lên phòng ông Căn ở trên lầu, sau đó trở xuống ngồi nói chuyện với Thiếu Tá Tuấn.

Khoảng 15 phút sau, ông Căn nhờ một Thầy Dòng ra gọi tôi. Lên phòng ông, tôi mở cửa bước vào, ông bảo tôi:

- Chú về nhà nói với Độ dẫn vào phòng tôi, lấy cái bao bố và cái va li dưới gầm giường đem lại đây cho tôi.

Khi tôi trở ra, Tướng Trí đi theo, xuống khỏi cầu thang ông gọi Thiếu Tá Tuấn từ trong phòng khách bảo đưa tôi về nhà ông Căn. Đến nhà ông Căn tôi nói Thiếu Tá Tuấn lái xe vào lối cổng sau và ngồi trên xe đợi tôi. Vào trong nhà, tôi cho Đại Úy Độ biết lệnh của ông Căn. Hai chúng tôi cùng vào phòng ông, lấy từ dưới gầm giường ra một cái bao bố lếp xẹp, cột túm ở một góc dưới đáy, và một va-li bằng vải nhựa đốm trắng xanh nhỏ li ti, cỡ chừng 0m50 0m80. Tôi xách hai tay hai cái đem bỏ lên xe. Thiếu Tá Tuấn lái xe về lại Nhà Dòng Chúa Cứu Thế, tôi đem lên cho ông Căn và trở lui xuống ngồi nói chuyện với ông Tuấn. Chừng 10 phút sau Tướng Trí từ trên lầu đi xuống, một tay xách cái bao bố, tay kia cái va li trao cho Thiếu Tá Tuấn ra khỏi cửa, Tướng Trí nói với tôi:

- Anh Minh à! Kể từ bây giờ coi như anh trở về lại Quân Đội. Anh cứ ở đây đợi lệnh của tôi.

- Thưa Thiếu Tướng, tôi đã có lệnh Tổng Thống cho về Trường Võ Bị Đà Lạt trước khi xảy ra đảo chánh. Bây giờ xin Thiếu Tướng cho tôi đáo nhận đơn vị được không?

- Hiện nay các phi trường còn đóng cửa chưa đi được đâu.

Sau khi gặp ông Cẩn, Tướng Trí đáp phi cơ trở lại ngay Bộ Tư Lệnh Quân Đoàn tại Đà Nẵng. Buổi tối, Đại Úy Thiết Chánh Văn Phòng của Tướng Đôn, được ông Đôn để lại ở Huế, đưa đến cho tôi Công Điện Tướng Trí gọi tôi vào trình diện ông trong vòng 24 giờ. Công Điện ghi rõ *“nếu không trình diện đúng thời hạn sẽ bị coi như đào ngũ”*.

Sáng hôm sau, 4 tháng 11, sau khi dự Thánh Lễ tại Nhà Thờ Dòng Chúa Cứu Thế, tôi vào gặp ông Cẩn có ý trình cho ông biết tôi có lệnh Tướng Trí gọi vào Đà Nẵng. Tôi mở cửa phòng bước vào, ông Cẩn trong tư thế nửa nằm nửa ngồi, khuỷu tay tỳ lên gối, miệng vẫn nhai trầu cách thản nhiên. Thấy tôi vào ông nói: *“Hết rồi chú à!”* Rồi ông ngược mắt nhìn qua khung cửa sổ, như muốn phóng tầm nhìn qua khoảng không gian không mấy xa, về hướng một căn nhà tranh thấp, thường xuyên thiếu ánh sáng. Có lẽ lúc ấy ông đang nhớ đến và muốn được nhìn thấy mặt bà mẹ già đã trên 90 tuổi, bệnh hoạn gần 20 năm qua, mọi việc riêng của bà đều phải nhờ người giúp đỡ, giờ đây nằm cô quạnh một mình. Một bà mẹ ông hết lòng phụng dưỡng, và từ tấm bé, ông chưa hề một ngày xa cách. Từ khước mắt ông hai dòng nước mắt từ từ chảy dài trên má. Trước cảnh tượng ấy tôi đứng sững sờ, đến khi cảm thấy mẩn mẩn đôi môi, tôi cũng biết rằng mình cũng đang khóc.

Trần tỉnh lại, tôi trình ông lệnh Tướng Trí gọi tôi phải trình diện trong 24 giờ. Ông thở dài:

- Chú cứ đi.

Cho đến lúc ấy tình hình tại hai Sư Đoàn 1 và 2 vẫn còn yên tĩnh. Lực lượng Võ Trang Nhân Dân, ngoài Tỉnh Thừa Thiên, hai Tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi cũng vẫn giữ được liên lạc. Chiều tối hôm trước, mồng 1, Đại Úy Nguyễn Thế Thanh, Trung Đoàn Phó Trung Đoàn 4 Thiết Giáp điện thoại cho tôi biết anh cùng với Đại Úy Dung, Chi Đoàn Trưởng Chi Đoàn Chiến Xa sẵn sàng đặt Chi Đoàn dưới sự điều động của tôi. Anh đồng ý với tôi sẽ chuẩn bị mọi thứ cần thiết và sẵn sàng để có thể vào Huế bất cứ giờ nào. Sau khi “*cách mạng*” thành công, anh Thanh đã phải khốn khổ vì cú điện thoại này. Vì tên trực Tổng đài điện thoại muốn kiếm công với “*cách mạng*” đã báo cáo cuộc điện đàm của anh và tôi nêu trên. Khi Tướng Nguyễn Chánh Thi làm Tư Lệnh Quân Đoàn I, ông phạt anh 30 ngày trọng cấm, thuyền chuyển ra khỏi Vùng I Chiến Thuật trong vòng 24 tiếng đồng hồ với lý do: “*Có hành động chống đảo chánh*”. Và hậu quả của cú điện thoại đã theo đuổi anh trong suốt cả quãng đời binh nghiệp còn lại của anh. Vì nó mà sau này mấy lần anh được đề nghị thăng cấp Đại Tá tại mặt trận, nhưng đều bị Bộ Chỉ Huy Thiết Giáp phản đối với lý do: Có hành động phản “*cách mạng*”.

Tôi trình cho ông Căn rõ tình hình và các phương tiện khả dụng và ngó ý muốn có một hành động hơi liêu lĩnh. Tôi lý luận, nếu giữ được Quân Đoàn I thì các Tướng đảo chánh phải điều đình. Ông suy nghĩ một lúc rồi nói:

- Tình hình khó giải quyết nhanh chóng được. Nếu kéo dài tình trạng hỗn loạn, Việt Cộng sẽ lợi dụng và dân sẽ khổ thêm. Chú đợi tôi suy nghĩ đã.

- Tối nay là hạn chót con phải trình diện ông Trí. Nếu Cậu quyết định cho hành động, Cậu nhờ một người đến cho con biết trước 5 giờ chiều nay. Nếu không nhận được quyết định gì của Cậu, thì 5 giờ con phải đi.

- Được, chú về cứ chuẩn bị cả hai mặt.

Vì cho đến giờ ấy, Tòa Đại Sứ Mỹ vẫn chưa cho biết kết quả về lời ông Cần yêu cầu được đưa cả thân mẫu qua Tòa Lãnh Sự. Tôi hỏi ông:

- Nếu con phải đi Đà Nẵng thì việc liên lạc với Tòa Lãnh Sự Mỹ về vấn đề Cậu qua tỵ nạn bên đó, giao cho ai?

- Chú ra nói Âu Ngọc Hồ lo giùm tôi. (Ông Âu Ngọc Hồ khi ấy là Tổng Thư Ký Viện Đại Học Huế, hiện định cư tại Los Angeles).

Trở về nhà, vì đường dây điện thoại của tôi đã bị cắt, tôi đang mông lung suy nghĩ cách nào nhanh nhất để liên lạc với Đại Úy Thanh nếu ông Cần cho hành động, và phải hành động thế nào, từ đâu, cho nhanh và gọn, thì ông Mullen Phó Lãnh Sự Mỹ tới. Lúc ấy khoảng hơn 10 giờ. Ông hỏi tôi:

- Ông có lệnh Tướng Trí gọi vào Đà Nẵng trình diện phải không?

- Phải. Sao ông biết?

- Tôi biết chứ! Ông sẽ đi bằng phương tiện gì?

- Tôi đi bằng xe.

- Không được. Tình hình này ông không nên đi xe. Để tôi kiếm một máy bay đưa ông đi.

- Nhưng tôi còn phải lo một vài việc cho gia đình, khoảng 5 giờ chiều tôi mới đi được.

- Tôi sẽ liệu 5 giờ có máy bay cho ông.

- Tôi không biết làm sao diễn tả được sự xúc động của tôi. Cảm ơn ông rất nhiều. Rất nhiều.

Chừng 3 giờ chiều, Đại Úy Thiết đến nói với tôi.

- Tôi vừa nhận được lệnh của Quân Đoàn bảo báo cho cậu, 5 giờ chiều nay sẽ có máy bay đón cậu tại sân bay Thành Nội. Tôi sẽ đưa cậu đi. Tôi sẽ qua rủ Hùng (Đại Úy Ngô Văn Hùng) cùng đi cho vui.

Tôi hơi ngạc nhiên nghĩ trong bụng, tại sao ông Mullen nói lo máy bay cho mình mà bây giờ lại là lệnh của Quân Đoàn?

- Cảm ơn Thầy. Chừng 4 giờ 30 Thầy cho con đi. (Tôi vẫn xưng hô với Đại Úy Thiết là Thầy, vì ông có dạy tôi ở lớp Đệ Thất)

Những giờ phút còn lại tôi nôn nóng chờ lệnh của ông Cẩn.

Hơn 4 giờ hai Đại Úy Thiết và Hùng đến, tôi nấn ná đến hơn 4 giờ 30 vẫn không thấy động tĩnh gì. Tôi dặn dò vợ con lần chót rồi ra xe đi với hai ông. Trên đường đi tôi ghé nhà ông Âu Ngọc Hồ, không gặp ông, tôi nhắn lại Bà Hồ lời ông Cẩn nhờ ông giúp liên lạc với Tòa Lãnh Sự Mỹ. Chúng tôi đến sân bay Thành Nội vừa lúc một máy bay Cesna hạ cánh.

Gần 6 giờ đến sân bay Đà Nẵng, tôi được Thiếu Tá Trương Trùng, Trưởng Phòng Nhì Quân Đoàn đón đưa về văn phòng Tướng Trí. Sau khi chỉ ghế mời ngồi, Tướng Trí nói với tôi:

- Tôi cho đưa anh vô đây, vì tình hình này để anh ở ngoài đó nguy hiểm cho anh.

- Xin cảm ơn Trung Tướng. (hôm ấy ông Trí đã mang lon Trung Tướng)

Ông hỏi tôi:

- Anh cho tôi biết trong nhà ông Cậu có hầm vũ khí bí mật nào không?

- Thưa Trung Tướng, ngoài số súng do các Đơn Vị Trưởng đem biếu ông làm quà, mỗi khi hành quân thu được chiến lợi phẩm, để trong kho thặng ngay cổng vào. Tôi bảo đảm với Trung Tướng không có hầm chôn giấu súng ống nào cả.

- Mai mốt chắc thế nào Hội Đồng Tướng Lãnh họ cũng hỏi đến anh. Trong khi chờ đợi lệnh của họ, tôi sẽ sắp xếp cho anh làm việc tại Bộ Tham Mưu Quân Đoàn. Anh cứ an tâm làm việc bình thường. Nhưng trước hết tôi nhờ anh đi các Tỉnh kêu gọi anh em Võ Trang Nhân Dân đứng chống chính quyền mới, giao nạp vũ khí cho Quân Đội, tránh mọi hành động gây xáo trộn tình hình.

- Thưa Trung Tướng, tôi sẵn sàng thi hành lệnh của Trung Tướng. Nhưng để được an tâm làm việc, xin Trung Tướng cho tôi nghỉ ngày mai, trở ra Huế đưa vợ con tôi vô đây đã. Vì chắc Trung Tướng cũng biết, tôi không có bà con thân thuộc gì ở ngoài đó hết.

- Anh không nên ra ngoài đó. Để tôi lo cho.

Nói rồi ông bấm interphone mời Đại Tá Trần Thanh, Phòng Tham Mưu Trưởng qua, (Đại Tá Phong sau lên Tướng, bị tử nạn máy bay tại Phú Yên) ông nói với Đại Tá Phong:

- Anh Minh đã vô trình diện. Anh ấy muốn trở ra Huế đưa gia đình vô, moa thấy không nên, có thể nguy hiểm cho anh ấy. Toa coi anh cần những gì để đưa gia đình vô thì giúp cho anh ấy. Còn việc làm thì như moa đã nói, sắp xếp cho anh ấy làm việc tại Bộ Tham Mưu Quân Đoàn.

Tôi đứng dậy chào, cảm ơn Tướng Trí và đi theo Đại Tá Phong qua phòng ông. Sau khi nghe tôi trình bày nhu cầu, ông gọi điện thoại cho Đại Tá Hiếu Tham Mưu Sư Đoàn I, yêu cầu sáng hôm sau cho một Tiểu Đội đến giúp chuyển đồ đoàn và cho xe chở theo xe gia đình tôi vào Đà Nẵng.

Tối hôm ấy Thiếu Tá Trùng mời tôi về nghỉ ở nhà anh.

Khoảng 8 giờ, Đại Tá Phong gọi điện thoại đến cho biết, sáng hôm sau có chuyến bay đưa mấy ông Tỉnh Trưởng vào họp tại Bộ Tư Lệnh Quân Đoàn, ông sẽ cho đón vợ con tôi đi theo máy bay này luôn. Nhưng đến khoảng 11 giờ Đại Tá Phong lại gọi tôi đến cho hay, buổi họp của các Tỉnh Trưởng tại Quân Đoàn vào sáng hôm sau đã được hủy bỏ. Không có máy bay nào khác từ Huế vào Đà Nẵng, nên không đưa gia đình tôi vào bằng máy bay được.

Ngày hôm sau, thứ tư 6.11, vợ con tôi từ Huế vào bằng đường bộ. Chúng tôi được tạm cấp cho một căn nhà trong Cư Xá Thanh Bình. Bắt đầu ngày 7.11, Đại Tá Phong đưa tôi đến làm việc tại Phòng Hành Quân với Thiếu Tá Phạm Cao Đông. Bốn ngày sau, trưa thứ hai 11.11 tôi chưa kịp đi “*chiêu an*” Lực Lượng Vô Trang Nhân Dân mấy Tỉnh theo yêu cầu của Tướng Trí, khi trở lại Phòng Hành Quân sau bữa cơm tại Câu Lạc Bộ Sĩ Quan, Thiếu Tá Đông gọi tôi bảo đi theo anh Quân Cảnh đang đứng chờ trước cửa phòng, lên trình diện Trung Tá Tham Mưu Phó Quân

Đoàn. Vào trình diện Tham Muu Phó, Trung Tá Vũ Xuân Quang cho tôi biết:

- Quân Đoàn vừa nhận được lệnh từ Sài Gòn bảo đưa anh vào trình diện Tổng Bộ An Ninh. Anh về nhà lấy một vài thứ cần dùng hàng ngày và ra sân bay ngay, máy bay đang chờ anh ngoài đó.

Nói rồi ông đưa cho tôi một Sự Vụ Lệnh và ra lệnh cho anh Quân Cảnh:

- Anh đưa Đại Úy về nhà lấy ít đồ cần dùng, rồi đưa ông ra ngay sân bay kéo trễ.

Lần đầu tiên tôi nghe danh từ “*Tổng Bộ An Ninh*”. Lạ tai quá. Trên chiếc xe jeep, tôi ngồi cạnh tài xế, anh Quân Cảnh súng lục đeo lưng ngồi phía sau. Từ Bộ Tham Muu Quân Đoàn về nhà, rồi từ nhà ra sân bay, trong đầu tôi lờn vờn ý nghĩ, Bộ An Ninh hẳn là bao gồm các cơ quan xưa nay thường được gọi chung bằng danh từ: Cơ Quan An Ninh như Công An, Cảnh Sát, An Ninh Quân Đội, v.v. không biết mình sẽ lọt vào cơ quan nào đây?

Đến phi trường xe chạy thẳng tới chân thang máy bay, tại đây tôi gặp một Sĩ Quan rất quen thuộc cũng súng lục đeo lưng. Vị Sĩ Quan này là đảng viên Cần Lao tại Sư Đoàn II, trước ngày 1.11 vẫn thường ra liên lạc, nạp báo cáo, phúc trình làng tháng cho tôi, Trung Úy Lê Công Đắc, hiện định cư tại Orange County, California. Tôi bắt tay chào hỏi anh như bình thường. Khi lên máy bay thấy anh và anh Quân Cảnh cùng lên theo, bấy giờ tôi mới biết mình bị “*áp giải*”. Bước vào máy bay thấy hai Đại Úy Thiết và Hùng đã ngồi sẵn trên đó, tôi buộc miệng:

- Ủa! Thầy và anh cùng đi chuyến này hả?

Anh Hùng nhanh nhẩu:

- Ông Đính gọi chúng mình vào. Vậy là đủ bộ tam Xe, Pháo, Mã.

Tôi nháy mắt ra hiệu về hai người võ trang đi theo tôi, anh Hùng ồ lên một tiếng “*mặc kệ họ*”.

Khoảng 5 giờ chiều máy bay đáp xuống sân bay Tân Sơn Nhất. Chúng tôi vừa bước xuống khỏi máy bay, Thiếu Tá Tôn Thất Đình (em Tướng Đính) đến nói: Trung Tướng Tổng Trưởng cho tôi ra đón 3 Đại Úy. Ông dẫn chúng tôi đến một xe Dodge đứng gần đó mời lên. Ba chúng tôi và hai người áp giải tôi cùng lên ngồi phía sau. Khi xe chuyển bánh, tôi ghé tai nói nhỏ với anh Hùng: Để xem xe rẽ ngã nào, có rẽ qua Lê Văn Duyệt không? Tôi có ý ám chỉ nếu xe rẽ qua đường Lê Văn Duyệt là họ đưa chúng tôi vào khám Chí Hòa. Nhưng không, ra khỏi phi trường, xe chạy thẳng đường Công Lý đưa chúng tôi đến Bộ Nội Vụ, khi ấy đã được đổi là Tổng Bộ An Ninh. Xe dừng, chúng tôi xuống xe, Thiếu Tá Đình cũng từ trên xe bước xuống nói:

- Mời Đại Úy Minh lên gặp Trung Tướng Tổng Trưởng. Còn hai Đại Úy (Thiết và Hùng), xin cho tài xế biết địa chỉ để đưa hai Đại Úy về nhà.

Thiếu tá Đình dẫn tôi lên lầu, mời vào phòng khách ngồi đợi, vì Tướng Đính đang tiếp mấy nhà báo ngoại quốc. Hai người áp giải tôi cũng lên theo, đứng ở ngoài cửa.

Vào phòng đợi gặp anh Tôn Thất Chử, vừa bị cất chức Tỉnh Trưởng Pleiku sau ngày 1.11.1963, tôi mới hỏi thăm anh được vài câu thì, Tướng Đính dẫn mấy nhà báo ngoại quốc từ trong văn phòng đi ra. Thấy tôi, ông hỏi:

- Bác vô khi mô? Ai đưa bác vô?

- Thưa tôi mới vô tức thì.

- Bác đợi tôi một chút.

Sau khi tiễn mấy nhà báo đi rồi, từ dưới lầu đi lên ông vào thẳng phòng khách bắt tay tôi và hỏi:

- Ai đưa bác vô?

Tôi thoáng nghĩ trong đầu, hay nhỉ, cho lệnh gọi vô mà lại hỏi gì lạ vậy? Và thấy thái độ ông đối với tôi không có gì thay đổi, tôi trả lời vừa có ý thăm dò vừa chọc ông:

- Thì Trung Tướng cho lệnh Quân Đoàn I dẫn giải tôi vô trình diện Trung Tướng mà.

- Đưa mô, đưa mô, nói tôi ra lệnh dẫn giải bác?

Tôi chỉ ra cửa:

- Thì hai người có võ trang dẫn giải tôi từ Đà Nẵng vô kia kìa.

Ông quay phắt người lại:

- ... Ai nói tụi bay dẫn giải ông ni?

Hai người dẫn giải tôi lặng lẽ đi nhanh xuống cầu thang.

Tướng Đinh khoác vai tôi dẫn vào phòng, chỉ vào một đồng giấy tờ để dưới sàn nhà trước bàn giấy của ông:

- Đó, bác coi, toàn là tài liệu các ông liên lạc với Bắc Việt, tính Trung Lập hóa miền Nam, nên anh em Tướng Lãnh phải đảo chánh các ông.

Tôi ngắt lời ông:

- Thưa Trung Tướng, bây giờ thì mọi chuyện đã rồi. Nếu các ông có tội thì đã đền tội rồi. Bây giờ, trước hết tôi xin hết lòng cảm ơn Trung Tướng đã nhớ đến và cho đưa tôi vào đây. Phần tôi như thế này là coi như bước đầu đã được an toàn. Nhưng tôi xin phép được nhắc Trung Tướng lời Trung Tướng nói với tôi mấy bữa trước đây, nếu

Trung Tướng có tham gia đảo chánh là để cứu anh em. Vậy xin Trung Tướng đừng quên họ vì chắc giờ này, ở khắp nơi, họ đã bắt đầu gặp nhiều khó khăn và nguy hiểm lắm rồi.

- Bác yên chí, còn Ba Đình ở đây, không đũa mô dám đụng đến anh em mình mô.

Rồi ông hỏi:

- Khi đưa bác đi tụi nó có cho bác giấy tờ gì không?

- Thưa họ cấp cho tôi một Sự Vụ Lệnh. Vừa nói tôi vừa lấy tờ giấy từ trong túi ra đưa cho ông.

Mở ra đọc qua, ông với tay lên bàn bấm chuông. Người tùy phái mở cửa bước vào. Ông chỉ thị:

- Mời ông Đồng Lý Văn Phòng.

Ông Đồng Lý vào, Tướng Đình đưa tờ Sự Vụ Lệnh của tôi cho ông và ra lệnh:

- Ông đem tờ Sự vụ Lệnh này ra cho đánh máy vào phía sau: *“Đại Ủy Nguyễn Văn Minh đã trình diện Tổng Bộ An Ninh, được phép về nhà nghỉ”*. Đóng dấu sẵn đem vô tôi ký.

Trong khi chờ ông Đồng Lý vào lại, tôi ngồi nghe Tướng Đình kể về sự mệt nhọc và bận rộn của ông từ sau ngày *“cách mạng thành công”*, mà không góp thêm lời nào.

Ông Đồng Lý đem giấy Sự Vụ Lệnh của tôi vào. Tướng Đình ký tên, trao lại cho tôi, ông nói:

- Bác cứ về nhà nghỉ, có chi rắc rối cho tôi biết.

Nhìn qua khung cửa sổ thấy đèn đường đã sáng, tôi cảm ơn Tướng Đình một lần nữa, và xin phép ông ra về.

Ông hỏi:

- Bác về mô và đi bằng chi?

- Thưa Trung Tướng bây giờ tôi ra lấy taxi về nhà người bà con ở trước trường đua Phú Thọ.

Tiến tới ra cửa, ông gọi người tùy phái bảo: Ra nói Thiếu Tá Đinh đưa Đại Úy về nhà.

Về tá túc trong người bà con được ba bốn hôm thì, một buổi sáng khoảng 8, 9 giờ, Thiếu Tá Phạm Văn Tuy, Chánh Văn Phòng Tướng Trần Văn Đôn đến kiểm tôi:

- Trung Tướng bảo tớ xuống đưa cậu lên gặp ông.
- Ủa, sao ông đang biết tớ đang ở đây?
- Tớ cũng chẳng biết nữa.

Anh Tuy đưa tôi lên Bộ Tư Lệnh Lục Quân, vào gặp Tướng Đôn, ông hỏi tôi:

- Bây giờ anh có muốn lên Đà Lạt nữa không?
- Thưa Trung Tướng tình hình còn lộn xộn quá, đối với tôi lúc này, lên Đà Lạt có lẽ không được thuận tiện lắm. Nếu được, xin Trung Tướng cho tôi về một đơn vị nào ở Sài Gòn này thì tốt hơn.

Nghĩ một chút, Tướng Đôn trả lời:

- Tôi cũng không nghĩ ra nơi nào thuận tiện cho anh. Bây giờ tôi phải ra Vũng Tàu chủ tọa một buổi lễ thay cho Trung Tướng Minh. Thôi anh ra bàn với Thiết và Tuy xem nơi nào thuận tiện, nói Tuy làm giấy tôi ký cho.

Sau khi cảm ơn Tướng Đôn đã đối xử với tôi một cách thật đặc biệt, mà chính tôi lúc ấy cũng không thể ngờ được. Ra ngoài tôi cho hai ông Thiết và Tuy biết ý của Tướng Đôn. Ngay lúc ấy hai ông cũng không tìm ra được nơi nào thuận tiện cho tôi. Về nhà, buổi chiều anh Ngô Văn Hùng đến thăm, sau khi nghe tôi kể chuyện gặp Tướng Đôn anh nói:

- Bây giờ tôi đưa anh lên Đại Tá Trung, ông là Trưởng Phòng 1 Bộ Tổng Tham Mưu nay kiêm luôn Giám Đốc

Nha Nhân Viên Bộ Quốc Phòng, chắc ông có thể chỉ cho anh được.

Anh Hùng lái xe đưa tôi đến tư thất Đại Tá Trung, trong khu sĩ quan cấp Tá Bộ Tổng Tham Mưu. Chúng tôi đến vừa lúc Đại Tá Trung sắp bước lên xe đi chơi tennis. Đến chào ông, anh Hùng mau mắn kể lại việc Tướng Đôn cho tôi được chọn đơn vị. Sau chừng vài phút thấy ông chưa trả lời, sợ trễ giờ chơi của ông tôi thưa:

- Để khỏi trễ giờ của Đại Tá, xin Đại Tá cho biết ngày mai giờ nào thuận tiện, tôi sẽ trở lại xin Đại Tá chỉ cho.

- Sáng mai chừng 9 giờ, toa đến văn phòng moa trong tòa nhà chánh, bên cánh trái, lầu một, moa sẽ cho biết nên về đơn vị nào.

Chúng tôi cảm ơn chào Đại Tá Trung và ra về. Anh Hùng đưa tôi về nhà anh ở đường Chi Lăng chơi. Khi xe chúng tôi gần đến ngã tư Phú Nhuận thì Đại Tá Trung lái xe theo bóp còi gọi. Xuống xe, tôi đến cạnh xe ông, ông bảo:

- Moa nghĩ ra rồi, toa nói với văn phòng Trung Tướng Đôn làm giấy cho toa về Nha Xã Hội đi. Ông Trương Khuê Quan được lắm.

- Dạ, tôi có nghe tên ông này khi ông được Tổng Thống Diệm nhờ ra Chùa Từ Đàm tìm hiểu nguyện vọng của các vị lãnh đạo tại đây. Không biết ông có coi tôi là "*Cần Lao ác ôn*" (danh từ thời đại) không Đại Tá?

- Không đâu! Ông Quan là người hiểu biết lắm. Cứ về đó đi.

Tôi xin được mở một dấu ngoặc ở đây để nói một vài cảm nghĩ của tôi về Tướng Trần Văn Trung.

Với Trung Tướng Trần Văn Trung, tôi có thể nói không sợ ai: Ông là một vị Tướng “sạch”. Khả năng văn hóa khá cao so với một số Tướng Lính trong Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa. Tư cách, đạo đức, tình hình đồn hậu của ông, những người từng biết ông khó có thể phủ nhận. Không bao giờ ông trù ếm, trả thù ai. Ai gặp vận lao đao lận đận, ông đều mở rộng vòng tay giúp đỡ. Hầu như tất cả nhân viên dưới quyền từ Sĩ Quan, Hạ Sĩ Quan đến Binh Sĩ, ai cũng quý mến ông. Ngày mất nước, ông đã ở lại với đơn vị, với anh em cho đến khi ông Dương Văn Minh tuyên bố đầu hàng, ông mới tìm đường thoát thân và may mắn ông đã thoát. Hiện ông định cư tại Pháp.

Với tôi, ông là vị Thầy khi tôi gia nhập quân ngũ, và cũng là vị Chỉ Huy Trưởng cuối cùng trong cuộc đời binh nghiệp của tôi.

Khi nhận được lệnh chuyển về Nha Xã Hội, tôi đến trình diện Trung Tá Quan. Quả đúng như Đại Tá Trung nói, Bác Sĩ Trung Tá Trương Khuê Quan, Giám Đốc Nha Xã Hội Quân Đội là một người rất hiểu biết, sống cởi mở, bình dị thật dễ mến. Và tất cả nhân viên mọi cấp của Nha Xã Hội cũng đều rất hòa nhã. Tại đây, tôi không hề thấy một dấu chứng nào của sự kỳ thị, chia rẽ tôn giáo, cũ mới.

6. Tôi thoát hiểm

Sau ngày 1.11.1963, nhìn chung quanh, những người phục vụ gần Tổng Thống Ngô Đình Diệm, ông Cố Vấn Ngô Đình Nhu, ông Cố Vấn Ngô Đình Cẩn và mọi người “của chế độ cũ” mà tôi quen biết, tất cả đều đã bị bắt giam. Cùng ngày tôi phải vào trình diện Tướng Trí tại Đà Nẵng,

ngày 4.11, thì ông Hồ Đắc Trọng, người phụ trách phía dân sự tại văn phòng ông Ngô Đình Cẩn bị bắt. Trong hoàn cảnh ấy, mặc dầu bản thân tôi và vợ con tôi đã từ miền Trung vào được Sài Gòn yên ổn nhưng tôi vẫn chuẩn bị tinh thần luôn luôn sẵn sàng để vào “*hộp mìn*” với bạn bè trong nhà giam.

Cho đến khi sóng gió trên chính trường miền Nam tạm lắng dịu, tất cả bạn bè, người quen, thấy tôi còn “*nguyên vẹn*” không “*hề hấn xây sát gì*”, đều hết sức ngạc nhiên. Thậm chí có người còn nói rằng tôi đã theo phe “*cách mạng*”. Và chính bản thân tôi, tôi cũng chẳng hiểu tại sao lại hưởng cái may mắn lớn lao như thế? Trong khi tôi hoàn toàn thân cô thế cô, và không hề gõ cửa bất cứ một vị “*anh hùng cách mạng*” nào. Mặc dù tôi được quen biết hầu hết quý vị ấy. Vì tôi đã hiểu được mặt trái của cuộc đời trước sự đổi thay quá phũ phàng của nhân tình thế thái.

Chính vì điểm này mà tôi xin được phép lạm dụng thì giờ của quý độc giả, để ghi lại ở đây một vài nguy hiểm, phiền hà tôi đã vượt qua một cách rất “*nhẹ nhàng, trơn tru*”, ngoài sự suy nghĩ tưởng tượng của tôi. Để trước hết là tạ ơn Thượng Đế đã an bài những điều tốt lành cho con. Và thứ đến là ghi ơn tất cả các vị, các bạn bè, đã giữ nguyên vẹn tình cảm đối với tôi trong những ngày đầy bất trắc khi đất nước nổi cuộc bể dâu.

Trở lại từ khi tôi được Tướng Đỗ Cao Trí gọi vào trình diện ông tại Đà Nẵng, tôi đã ngạc nhiên khi ông Phó Lãnh Sự Mỹ đến hỏi tôi về lệnh này. Và rồi ông đã chu đáo cho một máy bay đưa tôi đi, thay vì để tôi đi đường bộ vì ông sợ sẽ có nguy hiểm cho tôi. Sau khi tôi đến Đà Nẵng, vợ

con tôi cũng được Tướng Trí và Đại Tá Trần Thanh Phong, Tham Mưu Trưởng Quân Đoàn, lo liệu cho đưa từ Huế vào cách an toàn và cấp chỗ ăn ở thật tốt đẹp.

Đến khi được đưa từ Đà Nẵng vào Sài Gòn là do lệnh của Tướng Tôn Thất Đính. Nhưng như tôi đã kể ở phần trên, khi thấy tôi có mặt tại Tổng Bộ An Ninh, Tướng Đính đã ngạc nhiên hỏi tôi: *“Bác vô khi mô? Ai đưa bác vô?”* Sau này tôi mới được biết:

Ít ngày sau khi cuộc đảo chánh thành công, Tướng Đính đã đến nhiều nơi thuyết trình về thành quả cuộc *“cách mạng”*. Khi đến Huế, gặp hai Đại Úy Thiết và Hùng, không thấy tôi, ông hỏi: Còn Minh đâu? Anh Hùng cho tôi biết tôi được Tướng Trí gọi vào Đà Nẵng rồi. Ông liền ra lệnh: *“Về Sài Gòn kêu Đại Úy Minh vào trình diện tôi”* và sau đó thì ông quên luôn. Điều này tôi không dám trách ông, vì lúc ấy ông bận rộn quá mà. May nhờ Sĩ Quan Tùy Viên của ông, Đại Úy Nguyễn Duy Nghệ, đã cẩn thận ghi ngay lệnh của ông vào sổ tay. Khi về Sài Gòn, Đại Úy Nghệ đã theo lệnh trên thực hiện các công việc: Gửi Công Điện cho Quân Đoàn I đưa tôi vào trình diện Tổng Bộ An Ninh, yêu cầu Bộ Tư Lệnh Không Quân cho máy bay ra đón, và anh còn chu đáo nhờ chính Thiếu Tá Đình, em Tướng Đính ra sân bay đón chúng tôi.

Qua đến việc Tướng Trần Văn Đôn cho tôi chọn đơn vị ở Sài Gòn, tôi đã chọn Nha Xã Hội Quân Đội và đã được chính ông ký lệnh chuyển cho về đó. Nhưng chiều 29.1.1964, ông đến thăm Nha Xã Hội, Sĩ Quan các cấp trong Nha đứng xếp hàng đón ông, trong đó có tôi. Khi cuộc thăm viếng chấm dứt, Trung Tá Giám Đốc Trương

Khuê Quan gọi tôi qua phòng cho biết, Tướng Đôn đã hỏi ông, ai cho tôi về đây? Khi được Trung Tá Quan trả lời, lệnh thuyền chuyển của tôi do ông ký. Và Trung Tá Quan diễn tả: Tướng Đôn tỏ vẻ hơi ngạc nhiên, ngúc ngúc đầu có vẻ suy nghĩ. Phải chăng cũng lại vì quá bận rộn với “*công cuộc cách mạng*” ông đã quên mất tình cảm tốt đẹp đã dành cho tôi khi mới đón nhận hào quang chiến thắng? Và đêm hôm ấy, ông là một trong số các vị “*anh hùng cách mạng*” bị hai Tướng Nguyễn Khánh và Trần Thiện Khiêm loại khỏi cuộc đua quyền lực.

Về Nha Xã Hội được khoảng hai tuần lễ, cuối tháng 11.1963 tôi nhận được giấy Nha An Ninh Quân Đội gọi trình diện. Vì chưa bao giờ làm việc với các Nha, Sở kiểu này, tôi ngây ngô nghĩ rằng Nha gọi thì lên trình diện Giám Đốc Nha. Thế là, theo ngày giờ hẹn, tôi đến Nha An Ninh Quân Đội xin vào gặp Thiếu Tá Chánh Văn Phòng, anh Trần Hữu Độ. (Anh Độ là bạn học cùng khóa với tôi ở Huế. Thiếu Tá Độ có cấp bậc sau cùng là Đại Tá, hiện định cư tại San José). Gõ cửa bước vào tôi hỏi anh Độ:

- Cậu gọi tớ có chuyện gì đây?
- Ai gọi cậu?

Vì nghĩ rằng tất cả mọi giấy tờ của Nha đều phải qua mắt Chánh Văn Phòng, tôi nói:

- O hay, Chánh Văn Phòng mà Nha gọi một Sĩ Quan đến trình diện lại không biết sao?

- Giấy gọi đâu đưa tớ coi.

Coi giấy gọi rồi, anh nói:

- May mà cậu đến đây, chứ đến đúng nơi gọi thì nó cum cậu rồi.

- Bắt tớ thì vợ con tớ đồ phải nuôi chứ ăn nhằm gì.

- Giờ này mà cậu còn nói giọng ba gai nữa.

Nói rồi anh nhắc điện thoại, quay số và hỏi:

- Các anh mời Đại Úy Minh về chuyện gì đây?

Sau khi nghe đầu dây bên kia trả lời, anh nói:

- Đại Úy Minh là bạn tôi. Tôi bảo lãnh ông ấy. Các anh có hỏi gì thì hỏi trong giờ làm việc. Ngoài giờ làm việc để ông ấy về.

Bỏ điện thoại xuống anh nói với tôi:

- Chúng nó gọi cậu theo danh sách Hội Đồng Cách Mạng yêu cầu. Nhưng tớ đã bảo chúng nó rồi, chúng nó sẽ không giữ cậu đâu. Bây giờ cậu xuống Phòng Công Tác xem nó hỏi cái gì.

Lần thứ nhất, tôi thoát không bị “cum”.

Khoảng giữa tháng 1.1964 tôi lại nhận được giấy Nha An Ninh Quân Đội gọi trình diện. Lần này trên giấy gọi ghi rõ: “Trình Diện Thiếu Tướng Giám Đốc”. Tôi đến trình diện Tướng Đỗ Mậu, được ông đối xử rất tử tế. Sau khi chỉ ghế mời ngồi, ông nói:

- Minh à! Tuy anh em mình ít gặp nhau, nhưng moa rất mến toa. Anh em cũng không ai phiền trách gì toa. Nên bữa ni moa cho gọi toa đến để khuyên toa một điều: Toa đừng mưu tính gì với các anh em cũ nữa nghe. Tình thế đã như ri rồi, toa có muốn mần chi cũng không mần được mô. Chỉ phiền và nguy hiểm cho toa thôi.

Nghe ông khuyên, tôi hết sức ngạc nhiên không biết ông muốn nói về chuyện gì. Tôi thưa lại:

- Thưa Thiếu Tướng, Thiếu Tướng muốn nói về việc gì? Tôi không hiểu!

- Thôi, toa đừng giấu moa. Moa đã nói moa rất mến toa, và vì tình anh em cũ moa mới kêu toa tới khuyên can. Nếu không, cứ để cho tụi nó hỏi toa, moa mất công mần chi.

- Tôi hết lòng cảm ơn cảm tình Thiếu Tướng dành cho tôi. Nhưng quả thật tôi không hiểu Thiếu Tướng muốn nói về việc gì, làm sao tôi biết được là việc gì mà giấu.

Có lẽ nhận ra thái độ thành thật của tôi, ông nói thẳng ra:

- Toa không mưu tính gì với đám anh em cũ, thì toa ra phi trường đón Đặng Sỹ mần chi?

- Ô! Thưa Thiếu Tướng, vậy thì tôi hiểu rồi. Xin Thiếu Tướng cho phép tôi được thưa: đứa nào đã báo cáo với Thiếu Tướng việc này theo tôi, thì một là nó ác ý muốn hại tôi, hai là nó ngu.

- Răng toa nói vậy?

- Thưa Thiếu Tướng vì nó chỉ báo cáo lý do phụ, mà lại giấu lý do chính về sự có mặt của tôi tại phi trường hôm ấy. Chắc Thiếu Tướng cũng dễ thấy, anh Sỹ bị dẫn giải chứ không phải là một hành khách bình thường, làm sao tôi biết anh đi chuyến máy bay ấy mà đón? Còn sự kiện tôi đón ba người đàn bà, một cô con gái và sáu đứa nhỏ đưa lên xe chở đi thì sao nó không báo cáo với Thiếu Tướng? Đó mới là lý do chính về sự có mặt của tôi tại phi trường hôm ấy. Những người đó là vợ, các con tôi và bà chị vợ từ Sài Gòn ra đưa vợ con tôi từ Đà Nẵng vào.

Như vậy Thiếu Tướng đã thấy lý do tôi có mặt tại phi trường hôm ấy là để đón vợ con tôi từ Đà Nẵng vào. Trong lúc tôi đứng trong phòng đợi, thì anh Sỹ được Hiến Bình áp giải đi qua. Tôi có tới bắt tay chào, hỏi thăm anh, vì dẫu

sao cũng còn tình anh em. Cũng như Thiếu Tướng đối với tôi hiện giờ thôi. Chứ đâu phải tôi mưu tính gì.

- À! Ra rứa! Nhưng dầu sao moa cũng khuyên toa không nên liên lạc nhiều với anh em cũ, không có lợi cho toa.

Lần thứ hai, tôi thoát âm mưu của một tên tiểu nhân nào đó muốn tâng công với “*cách mạng*”.

Tôi xin mở dấu ngoặc ở đây để viết đôi dòng về một sự kiện tôi được nghe trong dịp đến trình diện Tướng Mậu vừa kể trên.

Khi ngồi tại văn phòng Thiếu Tá Độ, đợi để vào trình diện Tướng Mậu, tôi được nghe hai sĩ quan mà một người tôi quen biết. Trung Úy Lê Vinh, sĩ quan ngành Quân Cụ. Sau này Trung Úy Vinh đậu bằng Cao Học Luật, đã chuyển qua ngành Ngoại Giao và qua làm việc tại Tòa Tổng Lãnh Sự Việt Nam ở Tân-Đê-Li, Ấn Độ. Ông Vinh còn ở Việt Nam. Khi đi tù cải tạo về tôi có gặp ông một lần, và được biết ông phụ trách ban kinh tế của thành đoàn thanh niên Cộng Sản Hồ chí Minh, Sài Gòn.

Sự kiện tôi được nghe Trung Úy Vinh và một số sĩ quan nữa đọc được, là bản tự khai của một thượng úy Việt Cộng, người Thượng, về hồi chánh. Viên thượng úy này khai lý do y xin hồi chánh:

“... xin hồi chánh vì khu vực hoạt động đã hoàn toàn bị tê liệt vì Ấp Chiến Lược. Có lệnh rút ra Bắc. Nhưng không muốn bỏ vợ con buôn xóm, nên xin về hồi chánh”.

Khoảng một tháng sau, tôi lại nhận được giấy Tòa Án “*Cách mạng*” gọi trình diện Dự Thẩm Phòng 1. Thú thật khi nhận được giấy gọi tôi cũng hơi “*rét*”. Nghĩ lui nghĩ tới không biết vì chuyện gì mà mình lại bị cái tòa án xử “*không theo luật*” này chiếu cố?

Đúng ngày giờ hẹn, tôi đến tòa án gặp lúc ông Dự Thẩm Phòng 1 đi vắng. Người tùy phái cho biết chừng mười phút nữa ông Dự Thẩm về, và mời tôi ngồi trên ghế đợi trước cửa phòng. Quả nhiên 10 phút sau, một người đàn ông ăn mặc chỉnh tề, tay xách cặp da đi tới. Người tùy phái cho tôi biết người đó là ông Dự Thẩm Phòng 1. Tôi đứng dậy chào, ông bước tới bắt tay tôi nói:

- Chào anh Minh. Tôi là Trần Thanh Quan đây. Anh còn nhớ tôi không?

Vì chưa nhớ ra ông, tôi chưa kịp trả lời, ông đã mở cửa:

- Mời anh vô trong mình nói chuyện.

Sau khi cả hai cùng đã “*an tọa*” tôi dè dặt thưa lại:

- Thưa xin lỗi ông Dự Thẩm, tôi nhớ mãi mại, không rõ, hình như tôi đã được gặp ông Dự Thẩm ở đâu rồi?

- Phải rồi, gặp nhau có một lần, lúc đó anh lại khách khứa nhiều quá làm sao nhớ được. Tôi là Trần Thanh Quan bạn anh Thiết. Hồi tôi bị đày ra Tòa Thượng Thẩm Huế, được anh Thiết đưa lại thăm anh một lần. Anh nhớ ra chưa?

- Thưa có phải ông Dự Thẩm trước cùng là sĩ quan ngành Quân Cự với ông Thiết?

- Đúng đấy.

- Vậy thì tôi nhớ ra rồi, thưa ông Dự Thẩm.

- Anh bị liên hệ đến vụ một ông già bị quận Hương Trà bắt và tra tấn. Gia đình nạn nhân đâm đơn kiện. Hiến Binh đang thụ lý thì anh ra lệnh ngưng điều tra và xếp nội vụ. Anh có nhớ vụ này không?

- Thưa ông Dự Thẩm tôi nhớ. Vụ này là do anh em Bảo An quận Hương Trà phục kích ban đêm, bắt được một ông

già rải truyền đơn Việt Cộng. Đưa về quận, khi hỏi cung để tìm ra đầu mối, ông không chịu khai, nhân viên thẩm vấn đã dùng biện pháp mạnh với ông, bị gia đình ông đệ đơn kiện. Khi Hiến Binh đang tiến hành cuộc điều tra thì ông Trần Quốc Thái, Quận Trưởng, đến nhờ tôi xin ông Cẩn can thiệp cho ngưng cuộc điều tra, kéo anh em mất tinh thần hết cả. Ông Cẩn chỉ thị cho tôi hỏi Hiến Binh, nếu đúng là ông này bị bắt khi đang rải truyền đơn Việt Cộng, thì yêu cầu họ xếp nội vụ. Ông nói: *“Với bọn hoạt động Cộng Sản, anh em có đối xử nặng tay một chút thì cũng bỏ qua cho người ta. Điều tra lên điều tra xuống hoài thì còn ai dám chống Cộng nữa”*. Sau khi được Hiến Binh xác nhận ông già bị bắt quả tang đang rải truyền đơn Việt Cộng, tôi có yêu cầu họ ngưng điều tra và xếp nội vụ.

- Thời gian ở Huế tuy chỉ có mấy tháng, nhưng tôi đã thấy được những điều người ta nói về ông Cẩn và anh chẳng đúng chút nào. Việc của ông Cẩn ngoài tầm tay của tôi. Nhưng với anh, để có thể dẹp hẳn hồ sơ, tôi cần phải có biên bản cuộc hỏi cung và đối chất giữa anh và người Hiến Binh phụ trách vụ này. Nhưng anh yên tâm, anh chỉ thi hành lệnh trên, chẳng có tội gì, tôi sẽ lo cho anh.

Nói rồi ông cho mời ông Thượng Sĩ Hiến Binh ngồi đợi ngoài cửa vào. Sau khi nghe hai chúng tôi đối chất theo các câu hỏi ông đưa ra, ông cho Thượng Sĩ Hiến Binh ra về. Còn tôi ngồi lại với ông, ông nói:

- Anh đợi tôi viết xong biên bản, nếu anh đồng ý thì ký, rồi về.

Sau một hồi hý hoáy viết, ông đưa cho tôi biên bản cuộc đối chất và hỏi cung viết kín 4 trang giấy và bảo tôi:

- Đây là nội dung cuộc đối chất vừa rồi, anh đọc đi. Nếu anh đồng ý thì ký vô, để tôi cho xếp hồ sơ cho rồi.

Nhận xấp giấy từ tay ông Quan, tôi cầm bút ký không đọc một chữ nào và đưa cho ông.

- Vậy là xong. Anh yên tâm về đi, không có chuyện gì nữa đâu.

Và sau đây là trường hợp ông Trần Thanh Quan biết và rồi có cảm tình với tôi.

Khoảng giữa năm 1959-1960 gì đó, tôi không nhớ chính xác ngày tháng. Một buổi chiều tôi vừa từ văn phòng về nhà thì Đại Úy Thiết đến chơi, dẫn theo một người tôi chưa hề quen biết. Ông Thiết giới thiệu: Đây là Thẩm Phán Trần Thanh Quan bạn tớ, vừa từ Sài Gòn ra, tớ đưa lại thăm cậu.

Mời hai ông vào nhà, sau một hồi thăm hỏi qua lại về gia đình, công ăn việc làm, những chuyện trời nắng trời mưa, hai ông cáo từ ra về. Mấy hôm sau ông Thiết đến chơi lại, và bây giờ ông mới cho tôi biết, tại sao đưa ông Quan lại chơi cách bất ngờ không cho tôi biết trước. Ông kể:

“Trần Thanh Quan với tớ cùng ngành Quân Cụ, cùng được đi Pháp học về Quân Cụ với nhau. Sau khi được giải ngũ hẳn học luật. Lấy được Cử Nhân Luật, thi đậu ngành Thẩm Phán, được đổi ra làm việc tại Tòa Thượng Thẩm ở đây (Huế). Khi biết hẳn bị đổi ra đây, mấy người quen đã hù hấn rằng, ra Huế toa phải nhớ làm cho được hai việc:

1. Mỗi khi đi qua nhà ông Cẩn phải xuống xe đi bộ, không thì có ngày ở tù.

2. Phải làm sao gắp cho được thằng Đại Úy Minh ở văn phòng ông Cẩn, không thì sống không yên đâu.

Hắn sợ quá, nhưng không làm sao chạy chọt cho khỏi phải ra đây được. Nên vừa tới đây, từ sân bay Phú Bài hẳn

đem cả va li, đồ đoàn đến thẳng nhà tớ, kể lại sự tình nhờ tớ chỉ vẽ và che chở.

Nghe câu chuyện bịa đặt một cách ghê gớm và tức cười quá, thấy phải cho hắn biết sự thật, tớ bảo hắn: Từ lúc cậu tới đây tới giờ, tớ chưa ra khỏi nhà và cũng chưa liên lạc điện thoại với ai. Bây giờ để cậu thấy thực hư, cậu ra xe tớ đưa cậu lên nhà ông Cẩn rồi qua nhà Minh xem sao. Tớ lái xe đưa hắn lên nhà ông Cậu, cho vào coi vườn, coi chim một vòng rồi đưa lại cậu. Trên xe về lại nhà tớ hắn cứ lắc đầu: Tại sao người ta lại có thể bày đặt ra một cách quái đản như vậy?”

Ông Quan làm việc ở Huế bao lâu, được truyền chuyển về Sài Gòn khi nào tôi không hay. Lần thứ hai tôi được gặp ông tại tòa án “*cách mạng*” như vừa kể trên.

Ít lâu sau, tôi được biết ông Quan được qua làm việc tại Tòa Đại Sứ Việt Nam tại Pháp. Hy vọng bây giờ ông cũng còn ở Pháp và đọc được những dòng này, tôi viết để bày tỏ lòng cảm ơn và cảm phục, một con người lương hảo trong giới cầm cân nảy mực, giữa thời buổi cường quyền ngồi trên công lý.

Trước khi chấm dứt mục này, tôi thấy không thể để sót, không kể ra đây một sự kiện lạ lùng đã xảy ra đến với tôi trong cả hai lần tôi gặp cảnh khó khăn nhất trong cuộc đời. Và cũng để ghi lại đây một tấm lòng quý hóa của một người anh em, mà tôi và vợ con tôi không khi nào quên ơn.

Thời gian làm việc với ông Cẩn, đôi lần vào Sài Gòn, mỗi khi tôi đi đây đó, được một người anh em, chú Trần Hữu Tuệ, cùng đi, giúp tìm những địa chỉ tôi cần đến (chú Tuệ hiện định cư tại Vancouver Canada). Sự quen biết,

tình cảm giữa anh em chúng tôi chỉ có thể. Chú Tuệ làm ăn sinh sống ở Sài Gòn. Một lần ra Huế thăm người đàn anh đang là sinh viên lớn tuổi nhất của Đại Học Luật Khoa Huế, ông Nguyễn Hữu Tiệp, chú có ghé thăm tôi. Ngoài ra giữa hai chúng tôi chẳng có tiếp xúc, liên lạc gì với nhau.

Vậy mà, trưa ngày 2.11.1963, chú từ đâu không biết, đã đến với chúng tôi: *“Em biết lúc này anh rối rắm lắm. Em ra xem anh có cần gì đến em không. Nếu anh phải vắng nhà thì xin anh cứ yên tâm. Em sẽ lo mọi chuyện cho chị và các cháu”*. Chú đã giúp đỡ vợ con tôi mọi chuyện từ Huế vào Đà Nẵng, và suốt hơn một tháng vợ con tôi ở Đà Nẵng. Khi vợ con tôi vào Sài Gòn bằng đường hàng không, thì chú đã đi theo xe chở đồ đạc của chúng tôi từ Đà Nẵng vào đến Sài Gòn.

Sáng ngày 30.4.1975, khi nghe ông Dương Văn Minh ra lệnh chuẩn bị bàn giao cho *“cách mạng”*. Tôi không gặp được Trung Tướng Trung để xin quyết định của ông về Trung Tâm Huấn Luyện Hạ Sĩ Quan Chiến Tranh Chính Trị tôi đang chỉ huy, vì ông mắc họp với ông Dương Văn Minh trong Dinh Độc Lập. Tôi tập họp toàn bộ nhân viên, khóa sinh của Trung Tâm Huấn Luyện, làm lễ chào cờ lần chót rồi ra lệnh giải tán Trung Tâm.

Về nhà chờ vợ con đi kiếm đường thoát, nhưng đã quá trễ. Tôi cùng với dòng người đồng cảnh vào tá túc trong Đại Chung Viện Sài Gòn trên đường Cường Để. Chừng hơn bốn giờ chiều, chú Tuệ lại xuất hiện: *“Chắc anh chị và các cháu từ sáng tới giờ chưa có gì ăn. Em đem đến ít ổ bánh mì, anh chị cho các cháu ăn cho đỡ đói”*. Tôi ngạc nhiên đến sững sờ: *“Sao chú biết chúng tôi ở đây mà đến?”*. Chú trả lời

tôi bằng tiếng cười hì hì: “*Để em chạy đi kiếm cho các cháu ít nước uống*”. Chú đã ở lại với chúng tôi suốt đêm hôm ấy cho đến sáng hôm sau, khi đề nghị xuống Vùng IV kiểm đường vượt biên của chú bị tôi bắt đắc dĩ từ chối. Vì qua một đêm suy nghĩ, tôi không biết gửi gắm 1 vợ, 9 đứa con với 20 bàn tay vừa yếu ớt vừa trắng trơn cho ai. Nhưng rồi tôi cũng bỏ lại vợ dại con thơ, để họ tự buôn chải trong dòng đời đảo điên một cách thật thảm hại suốt gần mười năm trường. Trong khi tôi cùng hàng chục ngàn bạn đồng ngũ đủ mọi cấp “*được học tập lao động*” trong các trại tù cải tạo Cộng Sản.

7. Ngũ “đại trụ”

Trong mục này tôi xin được đề cập tới một số quý vị Tướng Lãnh, mà tôi xin được mạn phép gọi là “*Ngũ Đại Trụ*”. Vì theo chỗ tôi cũng như nhiều người biết, quý vị là những nhân vật “*trụ cột*”, quyết định sự thành bại của cuộc đảo chánh ngày 1.11.1963 và chính lý đêm 29 rạng ngày 30.1.1964.

Nhưng trước khi nói ra đôi điều tôi được biết về quý vị, tôi xin được công khai nhìn nhận rằng, tất cả quý vị đều là ân nhân của tôi. Tôi vô cùng cảm kích và không bao giờ, cho đến bây giờ, khi viết những dòng này, tôi có thể quên được tình cảm quý vị đã dành cho tôi sau ngày 1.11.1963. Đặc biệt, với quý Cố Trung Tướng Trần Văn Đôn, cựu Trung Tướng Tôn Thất Đính và cố Thiếu Tướng Đỗ Mậu.

Tôi biết khi ghi lại những hiểu biết nhỏ nhoi của tôi hoặc trực tiếp, hoặc do lời kể của nhân chứng về quý vị, trong các phần trước và trong mục này, có những điều làm quý vị không được vừa lòng.

Nhưng kính thưa quý vị, điều đó không hề vương vấn một chút “*vô ơn bạc nghĩa* nào”. Điều đó chỉ vì, trách nhiệm và lương tâm đối với các thế hệ mai sau. Vì những thế hệ này, trong nhiệm vụ phục vụ Quê Hương và Dân Tộc, họ cần và phải được học hỏi những điều hay, cũng như những cái dở, nơi những người đi trước. Nhất là nơi những người đã từng một thời tự dằn lấy trách nhiệm đối với sự Thịnh Suy của Đất Nước, sự Tồn Vong của Dân Tộc.

Tôi thành thật kính trọng mong được quý vị thông cảm và thứ lỗi.

Trung Tướng Trần Văn Đôn

Tôi được nghe tên Tướng Trần Văn Đôn khi ông là Đại Tá Tham Muu Trưởng Bộ Tổng Tham Muu Quân Đội Quốc Gia thời Tướng Nguyễn Văn Hinh làm Tổng Tham Muu Trưởng. Sau này tên tuổi ông được nhắc đến nhiều hơn, khi ông tổ chức buổi lễ “*hỏa thiêu*” cấp hiệu của quân đội Pháp mà quân đội quốc gia vẫn mang, khi cấp hiệu này được thay thế bằng bông mai. Tôi chỉ thực sự biết và được tiếp xúc với ông, khi ông ra giữ chức Tư Lệnh Quân Khu II, giữa tháng 10.1957.

Là một Tướng Lãnh hàng đầu của Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa, ông sinh trưởng tại Pháp, học trường sĩ quan của Pháp ở Tổng và Bắc Việt năm 1944, phục vụ trong quân đội Pháp. Ông hồi Việt tịch và tiếp tục phục vụ trong Quân Đội Quốc Gia với cấp bậc Đại Tá, khi Thủ Tướng Ngô Đình Diệm thu hồi nền độc lập hoàn toàn cho đất nước.

Từ hồi xa xưa, không biết được phát minh từ giới nào, sinh viên, học sinh hay quân nhân, mà đám thanh niên

hầu như không ai không biết ba điều kiện “*phải có*”, để được lọt vào mắt xanh của các “*nàng tiên*”, “*Đẹp trai-Học giỏi-Con nhà giàu*”. Với Tướng Đôn, hai điều kiện 1 và 3 ông có dư. Riêng điều kiện 2 thì tôi không được rõ, nhưng có điều chắc, ông không phải là người kém thông minh. Và lại, điều kiện này nếu có thiếu nơi ông, thì nó đã được thay thế bằng địa vị lớn nhất nhì trong Quân Đội Quốc Gia khi trước, và Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa sau này. Vì vậy mà ông đã lọt vào mắt xanh không phải chỉ một, mà quá nhiều nàng tiên. Cũng vì vậy mà ông đã bị mang nhiều tai tiếng về vụ đàn bà con gái.

Người miền Nam thường được coi là bộc trực, thẳng thắn, nghĩ sao nói vậy nhưng trường hợp Tướng Đôn lại là một biệt lệ. Là con người đa cảm, ông cư xử rất khôn khéo, kín đáo, ít nói, rất nhã nhặn, lịch sự với mọi người kể cả hàng Binh Sĩ. Gần như ông không làm mất lòng ai bao giờ.

Sau khi ông nhận chức Tư Lệnh Quân Khu II được ít ngày, một hôm ông Căn gọi tôi bảo:

- Ông Đôn xin một sĩ quan làm Chánh Văn Phòng, chú coi trong anh em có ai không?

- Thừa Cậu, ông Đôn là Tây con, một sĩ quan làm Chánh Văn Phòng cho ông phải thông thạo tiếng Pháp mới được. Ở đây con không biết có anh em nào không. Nhưng con có ông Thầy dạy con hồi nhỏ, hiện là Sĩ Quan Quân Cụ ở Sài Gòn. Ông có bằng tú tài Pháp, đã đi Pháp học về quân Cụ, nói tiếng Pháp lưu loát.

- Chú vô Sài Gòn xin cho anh nó thuyền chuyển ra ngoài nì.

Hai ngày sau tôi vào Sài Gòn, đến gặp ông Thầy cũ của

tôi, Trung Ủy Phạm Văn Thiết, trong Khu Cư Xá Hòa Bình đối diện rạp chiếu bóng Palace ở đường Trần Hưng Đạo. Tôi phải mất gần một buổi tối mới thuyết phục được ông bỏ Sài Gòn. Ông Thiết làm Chánh Văn Phòng cho Tướng Đôn đến sau ngày đảo chánh 1.11.1963 ít lâu sau thì ông về lại ngành Quân Cụ.

Ít tháng sau, Tướng Đôn ngỏ ý xin Linh Mục Đỗ Bá Ái, Giám Đốc Tuyên Ủy Công Giáo Quân Khu II, dạy đạo và rửa tội cho ông. Cha Ái đã khuyên ông không nên gấp gáp quá, hãy bình tĩnh tìm hiểu đạo cho thấu đáo, ngài sẽ giúp ông trong chuyện đó. Ngài cũng lưu ý ông rằng, điều cốt yếu là thực sự TIN và MUỐN. Vấn đề rửa tội chưa cần thiết, vì theo ý ngài, việc ông vào Đạo Công Giáo lúc này sẽ làm mất thế giá của ông. Sau này nhiều lần gặp ngài ông Đôn không nhắc gì đến chuyện học đạo nữa.

Vì có quen biết với Ông Bà Ngô Đình Nhu và ông Ngô Đình Cẩn từ trước, nên Tướng Đôn không những được hai ông mà cả Tổng Thống Diệm có phần tin tưởng, nể trọng. Phần Tướng Đôn, trước mặt Tổng Thống Diệm và ông Nhu, ông Cẩn, ông cũng giữ được tư cách tương đối xứng đáng hơn nhiều vị tai to mặt lớn và Tướng Lanh khác.

Suốt thời gian ông giữ chức Tư Lệnh Quân Khu II, sau là Quân Đoàn I Vùng I Chiến Thuật, từ cuối 1957 đến cuối 1962, thỉnh thoảng tôi chỉ gặp ông trong nhà ông Cẩn, không có dịp gặp riêng ông bao giờ. Ngoại trừ một lần ông mời tôi dùng cơm gia đình với ông tại tư dinh. Dự bữa cơm chỉ có ông, Đại Ủy Thiết và tôi. Bữa cơm thanh đạm, đặc biệt có món cà bát sống chấm mắm tôm. Một món ăn mà tôi nghĩ, người miền Nam rất ít, có thể nói là không ai biết

thường thức. Vì đó là món chỉ dành cho người dân nghèo miền Bắc. Ông tỏ ra có cảm tình với tôi nhiều hơn chỉ từ sau cuộc binh biến 11.11.1960.

Số là khi cuộc binh biến 11.11.1960 xảy ra, không biết do ngẫu nhiên hay có mưu tính, mà các Tư Lệnh Quân Đoàn và Sư Đoàn đều về họp tại Sài Gòn. Khi vụ binh biến thất bại, vì muốn sắp xếp lại nhân sự trong các chức vụ chỉ huy, nên các vị này được yêu cầu tạm lưu lại Sài Gòn, trong đó có Tướng Đôn. Tướng Hồ Văn Tố được Bộ Tham Mưu đưa ra tạm Quyền Tư Lệnh Quân Đoàn I Vùng I Chiến Thuật. Mấy ngày sau Tướng Tôn Thất Đính cũng từ Sài Gòn ra, tạm nghỉ tại nhà vắng lai cấp Tướng, trong khi Tướng Tố cũng đang tạm trú tại đó. Ban đêm, một cuộc xô xát xảy ra giữa hai ông Tố và Đính. Sáng hôm sau khi biết sự việc, ông Cẩn nói với tôi: *“Minh muốn nâng đỡ cho Đính, mà hấn con nít quá như ri, mần rãng?”* Chú lên viết thơ trình Tổng Thống xin cho ông Đôn ra lại!

Mấy ngày sau Tướng Đôn ra nắm lại Quyền Tư Lệnh Quân Đoàn I Vùng I Chiến Thuật.

Khoảng hai tháng sau, đầu năm 1961, một hôm ông Cẩn gọi tôi bảo: Chú chuẩn bị bàn thờ Tổ Quốc trên Văn Phòng, để 10 giờ sáng mai cho ông Đôn tuyên thệ gia nhập đảng. Tôi sẽ chủ trì buổi lễ. Chú cũng chuẩn bị một tiệc trà nhỏ để sau buổi lễ anh em uống trà cho vui. Không may đêm ấy ông Cẩn bị đau bất thành linh. Sáng hôm sau ông phải ủy cho ông Nguyễn Đình Cẩn, Bí Thư Khu Bộ Phan Đình Phùng, cơ sở đảng Cẩn Lao dân sự tại Trung Phần, thay ông chủ trì buổi lễ tuyên thệ gia nhập đảng Cẩn Lao của Tướng Đôn.

Suốt 5 năm nắm quyền Tư Lệnh Quân Đoàn I Vùng I Chiến Thuật, khi ở Huế, lúc ở Đà Nẵng, Tướng Đôn luôn giữ được mối liên hệ rất tốt với ông Cẩn. Lâu lâu ông vẫn ra vào ông Cẩn một cách vui vẻ, kính cẩn. Kể cả khi ông đã rời Quân Đoàn I vào giữ chức Tư Lệnh Lục Quân tại Sài Gòn, khi Bộ Tư Lệnh này được thành lập vào cuối năm 1962. Ông đã để Đại Úy Thiết ở lại Huế, một phần là để giữ cho mối liên hệ giữa ông và ông Cẩn không bị gián đoạn và trở ngại. Và ba ngày trước ngày ông khởi động cuộc đảo chánh, ngày 28.10.1963, ông vẫn ra “*mừng sinh nhật*” ông Cẩn.

Phần ông Cẩn, cũng vẫn dành cho Tướng Đôn sự trọng nể hơn các Tướng Lãnh khác, ngoại trừ Đại Tướng Nguyễn Văn Ty. Mặc dầu Tướng Đôn hay bị tố cáo về vấn đề liên hệ với nhiều phụ nữ, nhưng ông Cẩn vẫn tỏ ra có một quan niệm rộng rãi đối với ông về vấn đề này, như tôi đã kể trong phần về con người ông Cẩn.

Được tất cả các vị lãnh đạo Đệ I Cộng Hòa nể trọng và biệt đãi như vậy nhưng, Tướng Đôn lại đã âm thầm tổ chức cuộc đảo chánh lật đổ các vị ấy như chính ông kể lại với tôi sau đây.

Sau khi ông bị hai Tướng Nguyễn Khánh và Trần Thiện Khiêm chinh lý đêm 29 rạng ngày 30.1.1964 cùng với một số bạn “*đồng hội đồng thuyền*”, bị giam lỏng và quản thúc một thời gian, rồi bị giải ngũ và được tự do. Một hôm ông cho Thiếu Tá Phạm Văn Tuy, Chánh Văn Phòng của ông, mời tôi đến ăn cơm với ông tại nhà anh, trong một hẻm nhỏ ở cuối đường Nguyễn Tri Phương gần Chợ Cá Trần Quốc Toàn. Dự bữa cơm chỉ có ông, anh Tuy và tôi. Trong bữa ăn ông đề cập đến hai việc:

Việc thứ nhất là vụ đảo chánh 1.11.1963. Đại để ông cho tôi biết phần lớn việc thực hiện cuộc đảo chánh 1.11.1963, từ sắp đặt kế hoạch, móc nối tổ chức nhân sự ở các nơi đều do ông thực hiện. Khi mọi việc đã được sắp xếp xong xuôi rồi, chỉ còn chọn ngày giờ hành động, mới đưa ông Dương Văn Minh vào, vì ông Minh từ trước vẫn được coi là đàn anh của các Tướng Lãnh, sau Đại Tướng Lê Văn Ty. Nhưng ông (Đôn) không dính dáng gì đến cái chết của Tổng Thống Diệm và ông Nhu.

Theo câu Tướng Dương Văn Minh nói với Hội Đồng Tướng Lãnh, chiều ngày 2.11.63, sau khi cuộc đảo chánh thành công: “Các “*toi*” còn cần gì “*moi*” không để “*moi*” còn đi đánh tennis”? thì điều thứ nhất trên đây có lẽ Tướng Đôn nói thật.

Tướng Đôn cũng cho tôi biết, sáng ngày 2.11, nếu Tổng Thống Diệm giữ im lặng chừng nửa tiếng đồng hồ nữa thì các Tướng đảo chánh đã chạy trốn rồi. Vì lúc 6 giờ 30 khi cánh quân của Sư Đoàn 5 chiếm được Dinh Gia Long, ông Thiệu báo cáo không thấy Tổng Thống và ông Nhu, không biết hai ông ở đâu. Các Tướng đảo chánh lúc ấy mất hết tinh thần, hốt hoảng chuẩn bị vào Bộ Tư Lệnh Không Quân để chạy sang Cao Miên hoặc Thái Lan. Vừa lúc ấy thì nhận được điện thoại Tổng Thống cho biết đang ở Nhà Thờ Cha Tam và yêu cầu đón ông về Bộ Tổng Tham Mưu.

Khi tôi hỏi lý do làm đảo chánh, ông nói:

- Một mặt vì tình hình nội bộ không giải quyết được vụ Phật Giáo. Những bất ổn càng ngày càng trầm trọng gây nhiều bất mãn. Trong khi tình hình chiến sự ở mọi nơi đều gia tăng cường độ, kể từ khi có những bất ổn nội bộ. Mặt

khác vì áp lực quá mạnh từ phía người Mỹ. Nếu còn Tổng Thống và ông Nhu thì mình sẽ không có phương tiện chiến đấu.

- Thưa, Trung Tướng nói không dính dấp gì đến cái chết của Tổng Thống và ông Nhu nghĩa là làm sao?

- Tôi thật sự ân hận về việc này. Tôi, ông Đính và ông Khiêm không hề có ý định làm hại tính mạng ông Cự và ông Cố Vấn (Nhu). Khi được biết ông Cự và ông Cố Vấn ở Nhà Thờ Cha Tam và yêu cầu đón hai ông về Bộ Tổng Tham Muu, tôi đã nói ông Đính cho người đi đón, nhưng sau đó Trung Tướng Minh dành cử người đi. Thấy ông Minh sai ông Xuân đi tôi đã nghĩ ngay đến việc phải bảo vệ hai ông. Tôi nói với Đại Tá Lắm cùng đi với ông Xuân, và yêu cầu ông Xuân phải đến gặp ông Đính trước khi đến đón ông Cự và ông Cố Vấn. Khi đoàn xe đi rồi tôi yên tâm và dọn phòng Đại Tướng Ty, cắt đường dây điện thoại, cho đặt thêm giường... để hai ông tạm nghỉ trong khi chờ máy bay đưa ra ngoại quốc. Công việc chưa xong thì tôi được báo, hai ông đã chết.

- Thưa, lúc ấy Trung Tướng có tin là hai ông tự tử không?

- Khi vừa nghe tin, tôi ra ngay phòng họp thấy ông Xuân lên báo cáo với ông Minh "*mission accomplie*" (nhiệm vụ hoàn tất) tôi biết ngay là hai ông bị giết.

- Thưa Trung Tướng, vậy tại sao Hội Đồng Tướng Lãnh lại ra thông báo là hai ông tự tử?

- Vì lúc ấy không ai ước tính được phản ứng của thế giới, của dân chúng, nhất là dân di cư, và ngay cả trong Quân Đội, nếu họ biết hai ông bị giết sẽ ra sao. Nên phải

nói như vậy để, một mặt trấn an dư luận, một mặt thăm dò phản ứng.

Việc thứ hai được ông đề cập là, đề nghị tôi hợp tác tổ chức một cuộc “đào chánh”. Chắc vì ông nghĩ rằng tôi có khả năng quy tụ được một số nhân vật và lực lượng đáng kể (Cần Lao). Ít lâu sau, thấy tôi chưa đáp ứng, ông đã nhắc lại đề nghị này trong dịp cựu Đại Tá Nguyễn Hữu Duệ và tôi đến phân ưu với ông Trần Văn Đôn khi thân phụ ông qua đời. Vì đã biết rằng khi ấy mọi việc đều do người Mỹ sắp đặt, Đại Tá Duệ và tôi bảo nhau cùng làm thỉnh trước đề nghị của Tướng Đôn.

Tôi cảm thấy chưa được thỏa mãn về những giải thích của ông. Bởi vì, ông là một Tướng Lãnh hàng đầu của Quân Đội, từng đại diện Chính Phủ và Quân Đội điều tra về tai nạn tại Đài Phát Thanh Huế đêm mùng 8.5.1963. Trước kia ông từng sinh hoạt hàng tuần với ông Ngô Đình Nhu về tình hình chính trị, quân sự trong nước và ngoại quốc. Hơn ai hết ông phải biết nguyên nhân và thực trạng của những vấn đề ông đưa ra để chứng minh cho hành động làm đảo chánh của ông, mà tôi cho là quá đơn giản và không hoàn toàn chính xác. Vì vậy, tôi vẫn thắc mắc có tìm hiểu thêm xem có động lực nào khác nữa, đã góp phần thúc đẩy ông có hành động nhiều mạo hiểm đối với bản thân ông, và thiếu thành thực đối với những người luôn thành thực với ông. Cho đến sau ngày 30.4.1975, qua một số sự kiện và đến khi được đọc Hồi Ký của ông, tôi mới thấy được những động lực này.

Chắc nhiều độc giả biết và còn nhớ, thời Đệ II Cộng Hòa, sau khi bị rút khỏi Thượng Viện, Tướng Đôn đã ra

ứng cử và đắc cử Dân Biểu tại Quảng Ngãi. Hồi ấy, trong nhiều dịp gặp gỡ riêng tư, một số bạn bè nguyên là Cán Bộ Phong Trào Cách Mạng Quốc Gia, đảng viên đảng Cần Lao, quê quán tại Quảng Ngãi và các Tỉnh thuộc Vùng I Chiến Thuật, đặt nghi vấn và hỏi tôi về sự kiện này. Vì ai cũng có thể thấy 90% dân chúng Tỉnh Quảng Ngãi không biết đến tên Tướng Đôn, nói chi đến thành tích hoạt động của ông mà bầu cho ông. Và với tình hình an ninh thời bấy giờ, làm sao Tướng Đôn đến được các Thôn xã của một Tỉnh vốn là lãnh địa của cơ quan đầu não (liên khu ủy) của liên khu 5 Việt Cộng, để vận động, ra mắt dân chúng? Về phía Quốc Gia, Quảng Ngãi là lãnh địa của Quốc Dân Đảng. Tướng Đôn không phải là đảng viên Quốc Dân Đảng. Thực tình khi ấy tôi chỉ nghĩ rằng đó là kết quả do “*phù phép*” của chính quyền.

Nhưng, sau ngày 30.4.1975, người dân Sài Gòn, nhất là giới nghệ sĩ, đều biết cô “*đệ nhất đào bi*” Kim Cương được chính quyền Cộng Sản ưu đãi đặc biệt, vì cô đã được móc nối và cộng tác với họ từ trước. Dĩ nhiên là cô được dùng để thực hiện nghiệp vụ gián điệp bằng mỹ nhân kế. Có nhiều người còn cho biết, họ đã từng thấy cô mang cấp bậc thiếu tá Cộng Sản. Từ sự kiện này, tôi nhớ lại sự liên hệ tình cảm khăng khít giữa Tướng Trần Văn Đôn và cô đào này. Họ khăng khít nhau đến độ có nhiều chuyện tình tứ, mây mưa... giữa hai người đã được ghi nhận. Một mối tình mà người ta thường gọi là: “*Già nhân ngãi, non vợ chồng*”. Tôi thấy rằng, mối tình này đã ảnh hưởng không nhỏ trên quyết định làm đảo chánh của Tướng Đôn, đã đưa ông ra ứng cử và đắc cử Dân Biểu đơn vị Quảng Ngãi.

Thi hành công tác gián điệp, cô Kim Cương khi đã “chài” được Tướng Đôn, cho dù cô có thật sự si mê ông đi nữa, thì tình yêu cô dành cho ông cũng không thể nào là thứ tình “cho không biếu không” được.

Vì vậy, việc nữ gián điệp Kim Cương dùng mối tình khăng khít cô dành cho Tướng Đôn để khai thác và ảnh hưởng trên ông trong những công việc và quyết định của ông trong các chức vụ ông nắm giữ, để mang lại lợi ích tối đa cho tổ chức của cô là điều dễ hiểu. Theo tôi, đây là động lực thứ hai, sau những hứa hẹn của chính quyền Hoa Kỳ, đã thúc đẩy Tướng Đôn tổ chức cuộc đảo chánh một cách quá liều lĩnh. Liều lĩnh với bản thân ông nếu cuộc đảo chánh bất thành. Nhất là liều lĩnh với tương lai đất nước khi ông tổ chức đảo chánh lật đổ cả một chế độ, một bộ máy điều khiển cuộc chiến chống cộng đang đi vào giai đoạn quyết liệt, chỉ vì bất bình với chế độ chứ chẳng phải vì tình hình nội bộ, tình hình an ninh, v.v. như ông đã nói với tôi. Điều này do chính Tướng Đôn thú nhận trong hồi ký *Việt Nam Nhân Chứng* của ông, khi Lucien Conein, người đại diện của Đại Sứ Cabot Lodge bên cạnh các Tướng đảo chánh hỏi ông, sáng sớm ngày 2.11:

Conein hỏi: “*Theo lời yêu cầu của chính phủ Mỹ, xin quý ông cho biết chương trình hoạt động sau khi cuộc đảo chánh hoàn thành*”.

Tướng Đôn ghi lại: “*Tôi thối thác vì thực ra chúng tôi chưa bàn với nhau gì về chương trình xây dựng sau khi đảo chánh thành công. Chúng tôi làm vì bất bình chứ chưa phải là người chính trị*”. (*Việt Nam Nhân Chứng*. Trang 227)

Một hành động có tính cách quyết định tương lai của cả một dân tộc đã được các Tướng đảo chánh ngày 1.11.1963

làm chỉ vì *“bất bình chứ không hề có một kế hoạch gì để xây dựng sau đó”*.

Hành động vô ý thức, vô chính trị của các Tướng đảo chánh được Tướng Đôn thú nhận trên đây, đã được Bắc Việt đánh giá bằng 10 năm chiến đấu của họ.

Trong bản phân tích tình hình sau chính biến 1.11.1963 tại miền Nam được Hà Nội phổ biến, để hướng dẫn cán bộ của họ khai thác những thuận lợi do chính biến này đem lại, có đoạn viết:

“Cuộc nổi dậy của nhân dân miền Nam lật đổ chế độ độc tài, khát máu, gia đình trị Diệm-Nhu đã giúp cho cuộc kháng chiến của nhân dân ta rút ngắn được ít nhất là mười năm”.

Tài liệu nói trên đây do một đơn vị Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa thuộc Quân Đoàn III bắt được trong cuộc hành quân tại mật khu Hồ Bò thời gian ngắn sau cuộc đảo chánh 1.11.1963, được giao nộp cho Phòng 2 Bộ Tổng Tham Mưu và Cục An Ninh Quân Đội.

Tôi không biết Tướng Đôn và các bạn *“đồng hội đồng thuyền”* của ông nghĩ thế nào khi đọc tài liệu này?

Tướng Tôn Thất Đính, vị Tư Lệnh các lực lượng đảo chánh, có lẽ do đọc tài liệu này mà ông đã nhìn nhận cuộc *“hành quân 1.11.1963”* là *“một thảm bại lớn lao đối với lịch sử”*... *“Ai cũng đều thất bại kể cả Hoa Kỳ là nước đồng minh, khi kẻ thù từ quốc tế đến quốc nội bắt đầu vỗ tay cho tương lai chiến thắng của chủ nghĩa Cộng Sản”*. (20 Năm Bình Nghiệp. Trang 455) Một tấm gương can đảm.

Việc Tướng Đôn chọn đơn vị bầu cử Quảng Ngãi, lãnh địa của liên khu ủy khu 5 Việt Cộng để ra ứng cử dân biểu và đã đắc cử, liệu có phải do sự sắp xếp của nữ gián điệp

Kim Cương không? Có nhiều phần chắc là phải. Vì vào Hạ Viện với cấp bậc và chức vụ ông đã từng nắm giữ trong suốt cuộc đời binh nghiệp của ông, chức Chủ Tịch Ủy Ban Quốc Phòng Hạ Viện Việt Nam Cộng Hòa làm sao lọt khỏi tay ông? Hơn nữa, ông đã nắm chức vụ này khi ở Thượng Viện. Chức vụ này ai cũng biết, là một trong những nơi mà các tổ chức tình báo và gián điệp của địch luôn luôn tận tình chiêu cố.

Tương cũng nên nói qua, tại miền Nam, thời Đệ II Cộng Hòa, Hạ Viện có hai vị Chủ Tịch Ủy Ban Quốc Phòng là cựu Trung Tướng Trần Văn Đôn, có liên hệ rất khăng khít với một nữ gián điệp của đối phương như vừa nói trên. Và vị kia là Đại Tá Đinh Văn Đệ, một cán bộ Cộng Sản nằm vùng.

Như vậy, sách lược Quốc Phòng của miền Nam còn chút gì là “MẬT” đối với đối phương nữa không?

Một sự kiện khác nữa mà theo tôi, cũng là một yếu tố giúp Tướng Đôn hăng hái tổ chức đảo chánh Tổng Thống Diệm. Đó là sự kiện ông Hội Trưởng Hội Tiên Thiên Thánh Giáo Huế, truyền lệnh thánh chỉ thị cho Tướng Đôn phải đảo chánh chế độ Ngô Đình Diệm như đã được đề cập trong phần “*Tại sao biến động cờ Phật Giáo được khởi động tại Huế*”. Vì ông tin rằng đó là sứ mạng được thần thánh trao phó.

Tóm lại, lý do khiến Tướng Trần Văn Đôn đã liều lĩnh tổ chức cuộc đảo chánh ngày 1.11.1963 là vì:

- Trên đầu ông có vị Thánh của Tiên Thiên Thánh Giáo.
- Bên phải ông người tình, gián điệp của Cộng Sản.
- Bên trái ông có ông bạn Lucien Conein, gián điệp người đồng minh vĩ đại Hoa Kỳ.

Những lý do đẹp đẽ và đơn giản như ông nói với tôi nếu có, cũng chỉ là những lý do phụ, rất phụ mà thôi.

Về tâm trạng ân hận về việc Tổng Thống Diệm và ông Cố Vấn Nhu bị sát hại của Tướng Đôn, tôi không biết mức độ thật thà của ông trong lời nói này đạt được đến mức nào. Vì trong hồi ký *Việt Nam Nhân Chứng* của ông, ông lại đã cho rằng, quyết định giết Tổng Thống Diệm và ông Cố Vấn Nhu là một quyết định khôn ngoan.

Có lẽ khi viết hồi ký, Tướng Đôn đã có một nhận định khác hẳn với tâm trạng được ông thổ lộ với tôi trước kia, vì khi ấy ông đã nhận ra sự chính xác của lời nhận xét được cựu Tổng Thống Trần Văn Hương, khi đang làm Thủ Tướng, nói với một Nhà Ngoại Giao Anh:

“Các Tướng Lãnh hàng đầu vì sợ chết, họ đã quyết định ám sát Tổng Thống Diệm và em ông. Các Tướng Lãnh biết quá rõ rằng họ bất tài, không có đạo đức và kể cả không được dân chúng hậu thuẫn, họ không thể ngăn cản một cuộc trở về ngoạn mục của Tổng Thống và ông Nhu nếu hai ông còn sống”. (Our Vietnam Nightmare. Trang 215)

Trung Tướng Tôn Thất Đính

Khi về phục vụ tại Tiểu Đoàn 7, qua số anh em binh sĩ được đưa từ Quảng Bình vào để thành lập Tiểu Đoàn này, tôi đã được nghe danh Đại Úy Tôn Thất Đính, Tiểu Đoàn Trưởng Tiểu Đoàn 12 tại Quảng Bình. Một sĩ quan trẻ, lanh lợi, nhưng tính tình thì nóng như Trương Phi.

Khi ông về làm Tư Lệnh Sư Đoàn I Bộ Binh được ít lâu, sau vụ đụng độ với Thiếu Tá Võ Văn Cảnh Trung Đoàn Trưởng Trung Đoàn 1 Sư Đoàn I, trong dịp tiếp đón Bộ Trưởng Phụ Tá Quốc Phòng Trần Trung Dung tại Trung

Đoàn này. Buổi chiều ông đến kể lại với tôi diễn tiến sự việc và cho biết ông sẽ phạt ông Trung Đoàn Trưởng này. Tôi thấy nhận xét của anh em Binh Sĩ về tính nóng nảy của ông tôi được nghe khi ở Tiểu Đoàn 7, đúng thật. Cũng may, suốt thời gian ông chỉ huy Sư Đoàn 1, ngoài vụ Thiếu Tá Cảnh, không xảy ra vụ đụng độ nào khác giữa ông và anh em Quân Nhân trong Sư Đoàn nữa.

Vì nóng nảy, nhiều tự ái và háo thắng, nên lúc nào ông cũng muốn, bằng mọi cách, vượt lên trên tất cả bạn bè. Từ tâm trạng đó, hình như ông luôn luôn bị sự thèm khát chức tước và địa vị dày vò mà không giấu giếm được.

Sau khi Đại Tá Trần Ngọc Tám được vinh thăng Thiếu Tướng, ông đã tỏ ra bực bội, bất mãn gần như công khai. Trong thời gian này, tất cả những ai có dịp tiếp xúc với ông đều nhận thấy thái độ ấy của ông. Ông Ngô Đình Cẩn biết tình trạng này, một đôi lần ông đã định can thiệp cho ông Đính, nhưng ông còn ngại vì thấy ông Đính “*tính tình còn con nít*” quá. Nhưng cuối cùng, dịp may của ông Đính cũng đã đến.

Nếu tôi nhớ không lầm thì giữa năm 1957, Tổng Thống Diệm quyết định mở con đường chiến lược xuyên sơn từ Lăng Minh Mạng lên đến vùng Ashao-Aluoi, giáp với biên giới Lào. Một địa điểm chiến lược mà sau này đã xảy ra những trận đụng độ ác liệt từng gây chấn động dư luận Việt-Mỹ, giữa quân đội Cộng Sản Bắc Việt và quân đội Mỹ. Việc thực hiện con đường được giao cho Sư Đoàn 1 Bộ Binh do Đại Tá Tôn Thất Đính, đảm trách.

Cuối mùa Hè năm 1958, công trình thực hiện con đường hoàn tất, Tổng Thống ra thị sát và khánh thành.

Buổi chiều, từ Ashao-Aluoi trở về, ông đã đi thẳng xuống nhà nghỉ của ông Cẩn ở Thuận An.

Chiều hôm ấy tôi xuống trình công việc với ông Cẩn, ông bảo tôi vào phụ ông sắp đặt lại căn phòng của ông để Tổng Thống nghỉ qua đêm. Trong lúc chúng tôi đang dọn dẹp trong phòng, thì Tổng Thống về đến. Đứng trước cửa phòng, ông tươi cười hỏi ông Cẩn:

- Ở như ri thì... tiêu, tiểu vô mô?

- Dạ thưa anh có chứ ạ!

Và ông Cẩn đi ra hướng dẫn Tổng Thống vào nhà vệ sinh, trong khi đó tôi tiếp tục dọn trong phòng. Lúc ông trở lại, tôi đề nghị với ông:

- Bữa nay ông Cự vui quá. Chắc con đường Su Đoàn 1 làm, ông Cự vừa ý lắm. Cậu xin cho ông Đính lên Tướng cho rồi. Để ông bất mãn nói lung tung hoài, bất lợi đối với anh em ở dưới.

- Ủ! Chắc ông Cự vừa ý về con đường ấy lắm. Để xin cho hấn cho rồi.

Khi Tổng Thống trở ra, ông Cẩn hướng dẫn ông đi coi quanh nhà. Vừa lúc phái đoàn tháp tùng Tổng Thống gồm một số vị Bộ Trưởng, Đại Tướng Lê Văn Tỵ, Trung Tướng Trần Văn Đôn, vào tới phòng khách. Theo Tổng Thống ra phòng khách rồi trở lui, ông Cẩn nói với tôi:

- Được rồi! Ông Cự chấp thuận cho Đính lên Tướng rồi. Sáng mai gần lon, chú về cho hấn biết cho hấn mừng.

Trong bữa tiệc anh em Su Đoàn I khoảng đỗi mừng ông vinh thăng, ông đã tuyên bố một câu làm cho anh em rất hài lòng. Ông nói: *“Cặp sao tôi nhận được bữa nay là do công lao của tất cả anh em, chứ không phải của riêng mình tôi”*.

Ít tháng sau, đầu năm 1959, ông bàn giao Sư Đoàn cho Đại Tá Nguyễn Văn Chuân và lên Cao Nguyên nhận quyền Tư Lệnh Quân Đoàn II Vùng II Chiến Thuật, thay thế Tướng Trần Ngọc Tám. Khoảng giữa năm 1959, ông Cần sai tôi lên thăm ông tại Pleiku. Sau lần này, tôi chỉ có dịp gặp lại ông mỗi lần ông ra Huế và đến chào thăm ông Cần. Cho đến bốn ngày sau khi xảy ra cuộc binh biến 11.11.1960, Tướng Đinh từ Sài Gòn ra Huế. Buổi tối Đại Úy Ngô Văn Hùng Giám Đốc Nha Công Tác Xã Hội Miền Thượng mời tôi ăn cơm với ông tại văn phòng của anh. Cơm xong, khoảng 10 giờ, tôi cáo từ ra về, ông cùng đi với tôi. Về nhà tôi, ông ngồi nói chuyện đến hơn 1 giờ sáng, uống thêm gần hết chai rượu Johnnie Walker. Kết ý câu chuyện dài mấy tiếng đồng hồ, ông chỉ trích cách làm việc thiếu chặt chẽ, tặc trách của Bộ Tổng Tham Mưu, và kết luận:

“Ba Đinh mà làm Tổng Tham Mưu Trưởng thì sức mầy mà đưa mô mần đảo chánh được”.

Từ nhà tôi ông về nghỉ ở nhà vắng lai cấp Tướng, và trong đêm đó xảy ra vụ xô xát giữa ông và Tướng Tổ như tôi đã thuật lại ở phần trên.

Đến cuộc đảo chánh 1.11.1963, việc ông tham gia cuộc đảo chánh này, ngoài phần ông hé hỏ với tôi như đã được kể lại trong mục *“Tiền Đảo Chánh”* tôi được cựu Trung Tá Nguyễn Duy Nghệ, khi ấy là Đại Úy Tùy Viên của ông, cho biết một số sự kiện như sau:

Trước ngày đảo chánh chừng một tuần, Tướng Đinh cùng với Tướng Đôn từ Sài Gòn ra Quân Đoàn I. Đến Đà Nẵng Tướng Đôn ở lại gặp Tướng Trí, Tướng Đinh bay ra Huế gặp ông Cần.

Cùng ngày, trên đường về lại Sài Gòn, ghé Đà Nẵng đón Tướng Đôn và Đại Tá Hồ Tấn Quyền Tư Lệnh Hải Quân, ghé Đà Lạt gặp Tướng Khánh tại sân bay Liên Khương.

Đêm trước ngày đảo chánh (30.11), Tướng Đính thao thức suốt đêm, ông gọi tôi (Đại Ủy Nghê) vào hỏi:

- Kế hoạch toa đã biết, toa nghĩ moa có nên làm không?

- Theo tinh thần Trung Quân, Ái Quốc, xin Thiếu Tướng xét lại. Tôi không dám có ý kiến. Đại Ủy Nghê thưa lại.

- Nhưng moa làm chuyện này là để cứu ông Cụ, với sự đồng ý của ông Cậu.

Đêm 1.1 Tướng Đính bồn khoăn lo lắng cả đêm. Ông ra lệnh cho Đại Tá Thiệu, Tư Lệnh Sư Đoàn 5, phải tìm cho được hai “*objets précieux*” (báu vật). Đến sáng, khi được Trung Tướng Đôn yêu cầu đi đón Tổng Thống và ông Nhu, ông cho lệnh sửa soạn xe Beaulieu của ông để đi đón, nhưng lấy có bạn, cử Đại Tá Lâm Văn Phát thay mặt. Ông Phát cũng sợ không dám đi. Vừa lúc ấy, Tướng Đôn điện thoại cho ông:

- Thôi toa khỏi đi. Trên này cử phái đoàn đi. Phái đoàn sẽ đến gặp toa trước khi đi.

Khi Tướng Xuân dẫn đoàn xe đi rồi, ông Đính gấn lon Tướng cho ba Đại Tá Nguyễn Văn Thiệu, Lâm Văn Phát và Nguyễn Hữu Có. Chừng 45 phút sau, khi các ông còn đang vui vẻ thì Tướng Đôn điện thoại cho Tướng Đính. Nghe điện thoại, Tướng Đính ngạc nhiên nói lớn:

- Có chuyện đó sao?

Rồi ông gọi ông Thiệu.

- Thiệu, toa nghe này!

Cầm điện thoại nghe Tướng Đôn nói, Tướng Thiệu (mới được ông Đính gấn lon) sùng sốt hỏi:

- Hai ông tự tử à?

Tướng Đính tỏ ra hết sức buồn bực, ông cho lệnh tất cả giải tán rồi ra xe lên thẳng Bộ Tổng Tham Muu.

Khi đến Bộ Tổng Tham Muu, ông Đính vừa xuống xe, ông Mậu đứng đầu quanh đó chạy ra nói:

- Hai ông nằm trong xe ở bên kia, Thiếu Tướng qua coi một chút.

Với vẻ giận dữ, Tướng Đính vung cây gậy chỉ huy đang cầm trong tay suýt trúng mặt ông Mậu.

- Coi rằng được mà coi.

Nói rồi, bỏ mặc ông Mậu đứng đó, ông đi thẳng lên phòng họp trong tòa nhà chính.

Buổi chiều, tại Bộ Tư Lệnh Quân Đoàn III, ông được Buu Điện Sài Gòn mời 8 giờ sáng hôm sau đến nhà Buu Điện, có Bà Ngô Đình Nhu từ Mỹ muốn nói chuyện với ông. Ông không chịu đến nhà Buu Điện và yêu cầu Nha Buu Điện nội trong đêm, cho thiết lập một đường dây đặc biệt từ nhà Buu Điện Sài Gòn đến Bộ Tư Lệnh Quân Đoàn III, trong Trại Lê Văn Duyệt để ông sử dụng.

Sáng hôm sau, đúng giờ Bà Ngô Đình Nhu từ Mỹ gọi về. Bà hỏi ông:

- Anh Đính! Ai cho phép anh làm như vậy?

- Thưa bà, không phải tôi.

- Không phải anh thì tôi không cần nói chuyện với anh!

Cuộc điện đàm chấm dứt.

Từ những sự kiện trên đây, có thể, việc sát hại Tổng Thống Ngô Đình Diệm và ông Cố Vấn Ngô Đình Nhu đã

xảy ra ngoài ý muốn của ba Tướng Đôn, Đính, Khiêm như Tướng Đôn nói với tôi. Ít nữa là trong dự mưu. Nó cũng giúp tôi hiểu được thái độ bình tĩnh của ông Cẩn, khi được tôi trình lại lời báo cáo của Tướng Đính, lúc gần 12 giờ đêm 1.11: “*Trong này anh em đã thi hành lệnh của ông Cố Vấn*”. Nhưng nó lại đem đến cho tôi một thắc mắc lớn khác: Tướng Đính đã theo lệnh ai hay tại sao, và ông lý luận thế nào để thuyết phục ông Cẩn mà được ông Cẩn đồng ý để ông làm đảo chánh “*cứu ông Cụ*”? Và có thật sự là có việc ấy không? Hay chỉ là vì ông Cẩn đã được biết có kế hoạch Bravo I. Bravo II?

Dù nói cách nào đi nữa để tránh né trách nhiệm đối với cái chết của Tổng Thống Diệm và ông Cố Vấn Nhu. Nhưng là những Tướng Lãnh tự cho mình là mưu trí, tài ba thao lược, trong khi đang nắm trọn Quyền và Lực trong tay, mà lại để xảy ra một sai phạm quá lớn đối với dự mưu, với lương tâm và sự liêm sỉ của mình một cách dễ dàng như thế, thì người ta khó có thể giải thích cách nào khác hơn, là phải nhìn nhận rằng, nhận xét của Cố Tổng Thống Trần Văn Hương về các Tướng làm cuộc đảo chánh ngày 1.11.1963 vừa được trích dẫn ở trên, quả thật là chính xác.

Cuốn tự truyện *20 Năm Binh Nghiệp* được Tướng Tôn Thất Đính viết sau 32 năm (66-98) ông rời quân ngũ. Vốn là một “*con sâu*” rượu, điều này tất cả những ai đã quen biết ông đều rõ. Có lẽ rượu đã tàn phá trí nhớ của ông khá nhiều, nên nhiều chuyện được ông tự thuật, ngoài những điều ông nói về Đảng và Quân Ủy Cần Lao tôi sẽ minh xác trong Chương nói Đảng Cần Lao, không được đúng lắm theo những gì tôi biết.

Tuy nhiên, tôi cũng phải nhìn nhận rằng, trong số các vị Tướng đã viết hồi ký nói về vụ đảo chánh ngày 1.11.1963, về anh em Tổng Thống Ngô Đình Diệm, Tướng Tôn Thất Đính là người còn có ít nhiều lương tri, hành văn tương đối đàng hoàng và can đảm, dám thẳng thắn nhìn nhận chính biến này không phải là một thành công, mà là một thảm bại lớn lao đối với lịch sử và đã góp phần đưa miền Nam đến cuộc đại bại sau cùng. (*20 Năm binh Nghiệp*: Trang 455)

Theo hiểu biết của tôi, với cá nhân Tướng Đính, việc quyết định tham gia vào âm mưu đảo chánh ngày 1.11.1963 là hành động đại dột nhất của đời ông. Nói cách khác, Tướng Đính là người đại dột và bị mất mát nhiều nhất khi tham gia cuộc đảo chánh ngày 1.11.1963. Nó đã làm cho mộng ước trong suốt cuộc đời binh nghiệp của ông: Chúc Tổng Tham Mưu Trưởng Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa đang ở trong tầm tay, phút chốc vượt mất và hoàn toàn bị tiêu tan. Nó đã làm cho ông mất cả danh dự, làm tắt lịm tắt cả mọi “*hào quang*” ông đã tạo được trong suốt “*20 năm binh nghiệp*”, đưa ông vào một cuộc sống càng ngày càng tối tăm hơn. Và chắc chắn tình trạng ấy sẽ kéo dài cho đến hết đời ông. Phải chăng đó là một hình phạt?

Tướng Trần Thiện Khiêm

Tôi không biết gì nhiều về Tướng Trần Thiện Khiêm người được mệnh danh “*ông ngậm miệng ăn tiền*”. Từ biệt danh này, người ta dễ dàng nhận ra ông là một mẫu người khá hiếm thấy trong giới người Nam.

Lần đầu tôi được gặp ông là vào năm 1953, khi ấy ông mang cấp bậc Đại Úy, ở trong “*ê kíp*”, “*Có-Lắm-Thiệt-*

Khiêm” từ miền Nam, cùng với Đại Tá Trương Văn Xương ra thay thế Đại Tá Nguyễn Ngọc Lễ, và “*ê kíp*” Bộ Tham Mưu Việt Binh Đoàn của ông này đi ra Bắc, Nhưng chỉ là một cuộc gặp thoáng qua do một người bạn tôi giới thiệu. Lần thứ hai tôi gặp ông là dịp sau cuộc binh biến 11.11.1960, tôi đã kể trong mục nói về cuộc binh biến này ở Chương I.

Khi xảy ra cuộc binh biến 11.11.1960, ông Khiêm đang là Đại Tá Tư Lệnh Sư Đoàn 21 kiêm quyền Tư Lệnh Quân Khu V tại Cần Thơ. Ông đã đem Sư Đoàn 21 về chống đảo chánh, trong tinh thần “*đảng viên cứu giá Lành Tự*”.

Theo ông Huỳnh Văn Lang, Tổng Giám Đốc Viện Hồi Đoái, Bí Thư Liên Kỳ Bộ Cần Lao Nam-Bắc Việt, Tướng Khiêm được ông Lang kết nạp vào đảng Cần Lao từ trước giữa năm 1955. Khi ấy ông còn là Trung Tá, không có chức vụ gì, đang đợi ra Tòa Án vì là chủ tịch đảng Con Ó của Tướng Nguyễn Văn Hinh, hoạt động chống lại Chính Phủ. Trung Tá Khiêm sinh hoạt trong Tiểu Tổ Quân Sự, còn gọi là Hội Nghiên Cứu Quân Sự của Liên Kỳ, cùng với Đại Tá Nguyễn Quang Sanh, Chỉ Huy Trưởng Hiến Binh, Trung Tá Nguyễn Hữu Phước, Tổng Nha Bảo An, Thiếu Tá Nguyễn Văn Hiệu, Sở An Ninh Bộ Nội Vụ, và sau có thêm Thiếu Tá Phạm Ngọc Thảo.

Liên Kỳ Bộ Cần Lao do ông Lang phụ trách đã giải tán từ cuối năm 1957. Nhưng khi đem quân về chống đảo chánh, Đại Tá Khiêm đã tuyên bố, ông hành động với tư cách đảng viên Cần Lao Liên Kỳ. Sau đó trong một dịp gặp lại, ông Lang hỏi ông Khiêm: Liên Kỳ giải tán lâu rồi, anh lấy danh nghĩa ai vậy? Đại Tá Khiêm xác định, ông quên việc Liên Kỳ đã giải tán, nhưng Cần Lao thì còn đứng.

Sau khi lập được thành tích này, với tính tình hòa nhã, kín miệng, tư cách đứng đắn, không bị tai tiếng gì về tiền bạc, trai gái, ông đã được Tổng Thống Diệm, ông Nhu và ông Cẩn rất quý mến và tin tưởng. Vì vậy mà có dư luận nói rằng, ông đã vào đạo Công Giáo và được Tổng Thống Diệm nhận làm con nuôi. Theo tôi được biết, quả thật đã có lần ông nghĩ ý muốn được học và theo đạo Công Giáo. Nhưng ông Ngô Đình Nhu, người cực lực chống đối việc các viên chức cao cấp trong chính quyền và Quân Đội thời bấy giờ xin vào đạo Công Giáo, đã khuyên ông bỏ ý định ấy. Một điểm đáng ghi là, Tướng Khiêm không ra Huế lần nào, nhưng có cho bà Khiêm ra nhờ phu nhân Tướng Dinh đưa đến văn phòng Cố Vấn Chỉ Đạo xin vào chào ông Cẩn. Tiếp hai bà, ông Cẩn đã tỏ rõ lòng quý mến và tin tưởng ở các đức lang quân của các bà, qua những món quà đặc sản địa phương, đúng hơn là đặc sản gia đình, gửi tặng các ông.

Nhờ ở tính ít nói, kín miệng, với nét mặt khó tìm do tư tưởng, và cách làm việc hết sức cẩn trọng của ông, Tướng Khiêm đã không để hở một mảy may nào về mưu đồ đảo chánh ngày 1.11.1963. Qua Trung Tá Phạm Thù Đường, tôi được biết, cho đến trước ngày cuộc đảo chánh bùng nổ chừng một tuần lễ, danh sách số Tướng Lãnh có ý đồ mưu phản, Dinh Gia Long có được, vẫn không thấy có tên Tướng Trần Thiện Khiêm. Đến nỗi, theo ông Dương Văn Hiếu cho tôi biết, một kế hoạch chống đảo chánh của Lực Lượng Cảnh Sát Đặc Biệt đệ trình Tổng Thống Diệm, đã được Tổng Thống giao cho Tướng Khiêm nghiên cứu để cung cấp quân số. Và cho mãi đến ngày miền Nam sụp đổ, người ta vẫn không nghe thấy ai nói đến Tướng Khiêm

đã đóng vai trò gì trong cuộc chính biến này. Phải đợi cho đến năm 1994, khi cựu Đại Tá Phạm Bá Hoa, Sĩ Quan Chánh Văn Phòng của ông cho ra mắt bà con cuốn hồi ký *Đôi Dòng Ghi Nhớ*, người ta mới bật ngửa: Chính Tướng Trần Thiện Khiêm mới là người nắm giữ vai trò “*chủ chốt*” trong cuộc đảo chánh 1.11.1963. Cũng vì sự lầm lẫn về con người Tướng Khiêm một cách quá ngây thơ mà tôi đã gặp ông lần thứ ba hồi giữa năm 1968, cũng tại nhà riêng của ông trong Bộ Tổng Tham Mưu, để làm nhíp câu đưa ông ngồi vào chiếc ghế Tổng Trưởng Nội Vụ. Khi ấy ông đang là Đại Sứ Việt Nam Cộng Hòa tại Đài Loan, còn rất e ngại đối với những thế lực chống đối tại Việt Nam. Và rồi từ Bộ Nội Vụ, ông tiến vào làm chủ nhân ông tòa nhà trước Sở Thú Sài Gòn (Phủ Thủ Tướng) cho đến đầu tháng 4.1975. Thời gian ông còn ngồi ở Bộ Nội Vụ, vì công việc, tôi gặp ông lần thứ tư, được ông tiếp rất niềm nở và lịch sự. Nhưng thấy ông quá dè dặt và thận trọng, nên từ đó không bao giờ tôi gặp lại ông nữa.

Theo tiết lộ của cựu Đại Tá Phạm Bá Hoa, một thời gian trước ngày 1.11.1963, Tướng Khiêm đã có những cuộc tiếp xúc hết sức kín đáo, với một nhân vật bí mật nào đó. Việc tiến hành cuộc tiếp xúc được sắp đặt thật cẩn trọng. Từ nhà ra đi, có hộ tống, hộ vệ đầy đủ. Đến giữa chặng đường, ông được xe lạ chờ sẵn. Từ đó, không hộ tống, không hộ vệ, một mình ông dùng xe lạ đến nơi hẹn.

Điều đó cho thấy Tướng Khiêm là người nắm giữ những bí mật then chốt của cuộc đảo chánh ngày 1.11.1963. Mong rằng cựu Đại Tướng Trần Thiện Khiêm, không giữ mãi tính cố hữu “*ngâm miệng*” đem theo những bí mật ấy

xuống mồ. Mà Đại Tướng sẽ cho bạch hóa một cách thật đầy đủ, thật trung thực những bí mật ấy, để các thế hệ con cháu có được những bài học, những kinh nghiệm quý giá, giúp họ trong trách nhiệm phục vụ đất nước và dân tộc sau này.

Tướng Nguyễn Khánh

Tướng Nguyễn Khánh được một số anh em ở Huế tặng cho biệt danh là “Ông Tá lý”.

Tôi không nhớ rõ ngày tháng, nhưng khoảng thượng bán niên năm 1956, sau khi nhận chức Tư Lệnh Sư Đoàn I Bộ Binh tại Huế, Đại Tá Nguyễn Khánh đến xin được vào chào ông Cẩn. Không biết vì muốn thử thách hay vì lý do nào khác mà ông Cẩn không chịu tiếp ông. Đại Tá Khánh liền áp dụng chính sách “lý”. Từ hôm sau, mỗi buổi sáng, đầu giờ làm việc, với quân phục chỉnh tề, ông tự lái xe đến đậu ngay trước cổng nhà ông Cẩn. Sau khi yêu cầu nhân viên gác cổng trình ông Cẩn xin cho ông gặp, ông trở vào ngồi trong xe đợi hàng tiếng đồng hồ. Không được gặp, sáng hôm sau ông lại đến. Và cứ như vậy ba bốn buổi sáng liền. Cuối cùng thì ông cũng đã được ông Cẩn tiếp.

Khi xảy ra cuộc binh biến 11.11.1960, Tướng Khánh trong chức vụ Tổng Thư Ký Thường Trực Quốc Phòng, đã nhanh nhẹn vào ngay Dinh Độc Lập. Từ trong Dinh ông đã điều binh khiển tướng, chống lại quân đảo chánh. Từ đó, cũng như Tướng Trần Thiện Khiêm, ông được Tổng Thống Diệm cũng như ông Nhu, ông Cẩn hoàn toàn tin tưởng và quý mến.

Trong cuộc đảo chánh 1.11.1963, như tôi đã thuật lại trong mục “*Tiền Đảo Chánh*”, sáng ngày 30 tháng 10 ông

còn ra chúc mừng sinh nhật ông Cẩn. Tôi không được biết nội dung cuộc gặp gỡ. Nhưng qua thái độ đặc biệt chưa từng có của ông Cẩn đối với ông, là sau khi ông ra về, ông Cẩn sai tôi đem một chai Champagne và một cặp tré qua nhà Tướng Đỗ Cao Trí (Tướng Khánh dùng cơm trưa với Tướng Trí trước khi về lại Pleiku) với lời nhắn: “Ông Cậu biểu hai Thiếu Tướng dùng cho vui”. Tôi nghĩ, hẳn đã có phải có câu chuyện gì đặc biệt trong cuộc gặp gỡ ngắn ngủi giữa ông Cẩn và ông sáng hôm ấy.

Ngày 1.11.1963, khi tiếng súng đảo chánh nổ tại Sài Gòn, Tướng Khánh đã tập họp Bộ Tham Mưu và các Đơn Vị Trưởng của Quân Đoàn II, ông tuyên bố:

“Sài Gòn đang có biến. Thủy Quân Lục Chiến Đai Phát Thanh, đang bao vây Dinh Gia Long, nội đêm nay sẽ dứt điểm. Tôi tuyên bố tình trạng khẩn trương trong toàn lãnh thổ. Kể từ giờ phút này, chỉ có cấp chỉ huy duy nhất là tôi, cấm không ai được liên lạc về Sài Gòn. Chúng ta là những thanh niên của thế hệ, chúng ta phải làm gì để sau này khỏi hổ thẹn với con cháu chúng ta”.

Sau đó ông lập một Bộ Tham Mưu nhẹ, được tăng cường Liên Đoàn 3 Thiết Giáp của Thiếu Tá Lương Bùi Tùng, vào đóng trong Đồn Diên Trà Catecka.

Trong cuộc đảo chánh lần này, bốn vị Tướng Tư Lệnh Quân Đoàn, theo cựu Đại Tá Phạm Bá Hoa, trừ Tướng Đinh Tư Lệnh Quân Đoàn III đã ở trong thành phần nhóm Tướng Lãnh đảo chánh. Tướng Trí Tư Lệnh Quân Đoàn I, gửi công điện ủng hộ. Và Tướng Huỳnh Văn Cao là người cuối cùng lên tiếng ủng hộ đảo chánh. Sau khi được tin Tổng Thống Diệm và ông Cố Vấn Nhu đã bị sát hại, Tướng Khánh nói với các Sĩ Quan trong Bộ Tham Mưu:

“Anh em ai khóc, tiếc thương Cụ Diệm thì vào phòng đóng cửa lại mà khóc. Phần tôi, không còn cách nào khác hơn là phải gọi điện về ủng hộ nhóm Dương Văn Minh”.

Cựu Thiếu Tá Đặng Đức Thắng, hiện định cư tại Thành Phố Pacoima, Los Angeles, California, một Sĩ Quan trong Bộ Tham Mưu Quân Đoàn II khi ấy biết rõ chuyện này.

Tôi có nghe một nguồn tin nói rằng, trong các kế hoạch chống lại một cuộc đảo chánh được ngoại bang hỗ trợ, ông Ngô Đình Nhu có sắp đặt với Tướng Khánh, sẽ dùng Quân Đoàn II làm điểm xuất phát của lực lượng chống đảo chánh. Kế hoạch dự phòng trường hợp các lực lượng trung thành với Tổng Thống Diệm tại Sài Gòn bị khống chế, Tổng Thống sẽ được đưa đến một nơi an toàn không xa Sài Gòn. Ông Nhu sẽ lên Pleiku và cùng Tướng Khánh chỉ huy cuộc phản công.

Thái độ, hành động và những lời tuyên bố của Tướng Khánh vừa được thuật lại trên đây, cộng với sự kiện ngày 29.10 ông Cố Vấn Nhu đột ngột gọi Sĩ Quan Tùy Viên, Đại Úy Nguyễn Ngọc Hạp vào cho biết, biến động sẽ xảy ra trong một hai ngày nữa. Ông sai Đại Úy Hạp đưa ba người con của ông lên Đà Lạt ngay trong ngày hôm ấy. Những yếu tố này làm cho nguồn tin trên đây tăng thêm độ chính xác. Tuy nhiên, đến nay chỉ còn một mình Tướng Khánh là người biết đích xác có kế hoạch ấy hay không.

Cho dù kế hoạch dùng Quân Đoàn II làm điểm phản công chống đảo chánh có hay không, cử chỉ đối xử với Tướng Khánh một cách đặc biệt khác thường của ông Cẩn ngày 30.10.1963. Và thái độ của Tướng Khánh trong thời gian diễn biến cuộc đảo chánh ngày 1.11.1963, cho

thấy Tướng Khánh không hoàn toàn tán thành một cuộc đảo chánh Tổng Thống Ngô Đình Diệm. Nhưng ông đã áp dụng chính sách bắt cá hai tay, để bên nào ăn thì ông cũng có phần. Hoặc là ông đã được ai đó nói nhỏ cho biết hoạt cảnh ngày 1.11 sẽ còn màn hai nữa. Và trong bố cục của màn hai, ông sẽ là một vai chính, như Tướng Khiêm tiết lộ với ba Sĩ Quan: Đại Tá Nguyễn Hữu Phước, Trung Tá Nguyễn Văn Phước và Trung Tá Nguyễn Đức Xích, khi ba Sĩ Quan này đến cảm ơn Tướng Khiêm vì ông đã cứu họ khỏi tay Tướng Mai Hữu Xuân. Tướng Khiêm nói:

“Thôi chuyện đã qua rồi, thương tiếc cũng không làm gì cho ông “Cụ”, ông Nhu được nữa. Nhưng còn nữa, chưa hết đâu”. (Nhân Chứng Một Chế Độ. Tập 3. Trang 261)

Sau khi đã cùng với Tướng Trần Thiện Khiêm, loại được các “anh hùng” ngày 1.11.1963, nắm trọn quyền hành trong tay. Tướng Khánh đã áp dụng một chính sách có thể gọi được là “chính sách chong chóng” gió chiều nào che chiều ấy, nhằm bảo vệ địa vị và quyền lực. Chính sách này đã khiến ông dùng quyền lực sửa đổi luật pháp để giết cho được ông Ngô Đình Cẩn. Một hành động mà tôi chắc ông không hề nghĩ tới trong buổi trưa ngày 30.10.1963, khi cùng với Tướng Đỗ Cao Trí, uống chai champagne với đồ nhậu rất bắt mắt là hai con trẻ do chính người nhà ông Cẩn làm. Chỉ vì ông nghĩ rằng xác ông Cẩn sẽ là cái bệ vững chắc cho chiếc ngai quyền lực của ông. Chính sách này cũng đã khiến ông, sau 6 tháng nắm trọn quyền hành, thay đổi cách nhìn đối với Tướng Trần Thiện Khiêm. Từ một người bạn đồng thuyền, Tướng Khiêm đã trở thành mối đe dọa nguy hiểm cho quyền lực của ông. Và Tướng

Khiêm đã bị buộc phải ra ngoại quốc sống đời lưu vong suốt thời gian cầm quyền còn lại của Tướng Khánh. Mặc dù không phải một mình Tướng Khánh buộc được Tướng Khiêm phải rời quê hương.

Cũng cần nói thêm một điều khá khôi hài Tướng Khánh đã làm theo chính sách này. Đó là ông đã ra một sắc lệnh hạ cấp bậc, giải nhiệm, các công chức mà ông gọi là: *“Đã được thăng thưởng quá lạm trong thời Ngô Triều”*. Trong khi việc thăng thưởng dưới Triều của ông, nhất là trong Quân Đội, thì không biết dùng danh từ *“quá lạm”*, đã diễn tả được đầy đủ *“tình trạng”* thăng thưởng của thời kỳ này chưa?

Cuối cùng thì chính ông cũng trở thành nạn nhân của cái *“chính sách chong chóng”* của ông. Ông phải rời bỏ quyền lực, xa lìa quê hương, để sống cuộc đời lưu vong từ đầu năm 1965 cho đến ngày nay.

Âu đây cũng là một bài học quý cho những ai toan tính xây dựng tình liên kết trên nền tảng quyền lợi cá nhân hoặc phe phái.

Tướng Đỗ Mậu

Trong số những người chủ mưu cuộc đảo chánh 1.11.1963, cho đến nay, Tướng Đỗ Mậu là người nổi tiếng nhất, nhờ cuốn hồi ký chính trị *“Việt Nam Máu Lửa Quê Hương Tôi”* của ông. Một cuốn hồi ký được nhà văn Nguyễn Đạt Thịnh diễn tả một cách rất chính xác là *“Một lời chửi rủa dài cả ngàn trang”*.

Do cái *“lời chửi rủa dài cả ngàn trang”* này, mà những người đã từng quen biết, cộng tác với ông trong nhiều thời kỳ, hiểu biết nhiều về con người ông, đã tổn khá nhiều

giấy mực nói về ông và công trình “*đặc sắc*” này của ông. Đúng hơn, là của nhóm anh em của ông, như ông thú nhận với ông Võ Như Nguyễn. Vì vậy, tôi nghĩ, ngày nay không còn ai không biết lai lịch Tướng Mậu xuất thân từ ngạch lính khố xanh dưới thời Pháp thuộc. Cuối thập niên 30, ở ngạch này, ông phục vụ tại Tòa Khâm Sát Pháp ở Huế, trong khi ông Võ Như Nguyễn là Tham Sự Hành Chánh làm việc tại đây. Sau này cả hai ông, kẻ trước người sau, cùng theo phò ông Ngô Đình Diệm.

Dịp hỷ nhật lần thứ 25 Tổng Thống Ngô Đình Diệm, báo *Văn Nghệ Tiền Phong* đã đăng bài phỏng vấn Giáo Sư Võ Như Nguyễn, do ông Từ Nguyên thực hiện. Khi được hỏi về cảm tưởng đối với cuốn hồi ký của Tướng Mậu, ông Nguyễn trả lời:

“Cảm tưởng của tôi là sách ấy được bán chạy, đồng bào mua nhiều vì ai cũng muốn biết công cuộc thời Đệ I Cộng Hòa, do một tác giả sát cánh với Cụ Ngô từ năm 1942 đến 1963 kể lại, qua sự trung thành lẫn sự... phản bội”.

Ông Nguyễn cũng đưa ra một câu hỏi:

“Trong thời gian Cụ Ngô còn là Tổng Thống, họ biết là quá xấu xa như vậy, tại sao vẫn theo “ủng hộ”?

Năm 1996 được gặp ông Nguyễn tại Mỹ, ông cho tôi biết, năm 1979, khi được ông Đỗ Mậu ngõ ý muốn viết về Tổng Thống Diệm, ông đã khuyên nên đợi thêm một thời gian nữa. Nhưng khi về lại Pháp, ông nhận được thư ông Mậu phân trần về việc nên viết cuốn hồi ký ấy. Ông Nguyễn đã trả lời trong một thư dài, và được ông Mậu phúc đáp hẹn sẽ cùng với nhóm anh em của ông viết cuốn thứ hai để bổ túc. Vì trong cuốn thứ nhất, ông Mậu đã cho in kèm các

thu từ bạn bè gửi cho ông, nên ông Nguyễn tỏ ý rất mong muốn của ông Mậu sẽ cho công bố đầy đủ bức thơ của ông trong cuốn hai. Nhưng cho đến nay điều mong muốn của ông Nguyễn vẫn không được ông Mậu thỏa mãn.

Tướng Đỗ Mậu cùng với một số bạn đồng ngũ như cựu Đại Tá Phùng Ngọc Trung, theo phò ông Ngô Đình Diệm từ năm 1942, khi đang phục vụ trong ngạch lính khố xanh.

Khi Việt Minh cướp được chính quyền, tháng 8.1945, ông Mậu đã gia nhập “*quân đội nhân dân*” của Việt Minh.

Một viên chức công an Tỉnh Quảng Bình thời chính quyền quốc gia mới được thiết lập và cũng là đồng hương với Tướng Mậu, ông Phạm Tường, cho biết: Ông Đỗ Mậu người làng Thổ Ngọa, Huyện Quảng Trạch, Tỉnh Quảng Bình, là con một địa chủ, chứ không phải con nhà nghèo như ông nói. Sau khi Việt Minh cướp được chính quyền, cha ông bị bắt, nhưng ít lâu sau được thả, khi ông về làm huyện đội trưởng dân quân Huyện Quảng Trạch.

Thời gian làm huyện đội trưởng dân quân, ông Mậu đã thâm lạm của huyện đội 10 tấn thóc và 7 triệu đồng (tiền Việt Nam). Bị giáng chức và chuyển sang làm trưởng một trại giam có tên là Trại Tranh ở Kim Lũ, thuộc Huyện Tuyên Hóa. Năm 1947, một dịp về thăm nhà, ông bị ông Nguyễn Rạng, người cùng làng, khi ấy là Bang Tá Huyện Quảng Trạch, bắt giải về Đồng Hới. Tại đây ông được tha, nhờ người em ruột của ông là Đỗ Toàn, trước là thượng sĩ khố xanh được Pháp dùng làm Quản Đốc nhà lao Đồng Hới bảo lãnh.

Danh từ “*Đỗ Mậu*” đã bị người dân vùng Duyên Hải Trung Phần, đặc biệt là tại Nha Trang, nói trại ra là “*Đỗ*

Máu”. Vì khi ông được Thủ Tướng Ngô Đình Diệm bổ nhậm làm Chỉ Huy Phó, rồi Chỉ Huy Trưởng Phân Khu Duyên Hải, ông đã áp dụng một đường lối quá cứng rắn đối với những đảng phái, lực lượng, chống lại Thủ Tướng Diệm lúc bấy giờ. Ông là một trong những người ủng hộ Thủ Tướng Diệm tích cực nhất trong thời kỳ ấy. Trong một Đại Hội Quân Cán Chính của Vùng Duyên Hải do ông tổ chức, ông đọc một diễn văn dài ca tụng tài đức, tinh thần cánh mạng, lòng yêu nước thương dân của Thủ Tướng Ngô Đình Diệm. Ông kể lại với thái độ rất hãnh diện là người được biết những chặng đường tranh đấu cho nền độc lập dân tộc, và hạnh phúc nhân dân của ông Diệm. Bài diễn văn có câu kết: *“Khí thiêng sông núi đã hun đúc nên con người Ngô Đình Diệm”*. Bài diễn văn này sau được ông in thành tập nhỏ nhan đề *Thân Thế và Sự Nghiệp Của Ngô Chí Sĩ*, dùng làm tài liệu học tập cho các cơ sở Đảng và Phong Trào Cách Mạng Quốc Gia tại Vùng Duyên Hải. Tài liệu cũng được gửi ra Huế bán cho các cơ sở Đảng và Phong Trào với giá 3 đồng một tập. Khi đề nghị tổ chức một Đại Hội Đảng Cán Lao Toàn Quân để thành lập Quân Ủy Cán Lao được ông Tổng Bí Thư Ngô Đình Nhu chấp thuận, ông Mậu đã hăng hái xung phong nhận trách nhiệm tổ chức Đại Hội này tại Bộ Chỉ Huy Phân Khu Duyên Hải của ông. Sau cuộc Đại Hội này, mỗi tham dự viên đều được ông tặng một tập *Thân Thế và Sự Nghiệp Của Ngô Chí Sĩ*.

Tôi được gặp ông Đỗ Mậu diện đối diện lần đầu và cũng là lần duy nhất suốt thời Đệ I Cộng Hòa là dịp ông ra chào ông Cán sau khi nhận chức Giám Đốc Nha An Ninh Quân Đội. Tôi được mời dự bữa tiệc đón chào ông, do Nha An

Ninh Quân Đội Đệ II Quân Khu tổ chức, tại Khách sạn Du Centre. Qua tình đồng chí, tuy cảm thấy gần gũi và thân mật, nhưng trong giao dịch tôi chưa mấy quen biết ông, nên câu chuyện giữa ông và tôi trong suốt bữa ăn không có gì là tâm tình.

Sau cuộc đảo chánh 1.11.1963, ngoài một lần tôi được ông gọi lên trình diện vì việc gặp và bắt tay chào hỏi anh Đặng Sỹ tại Phi Trường Tân Sơn Nhất, đã được kể lại trong mục “*Tôi Thoát Hiểm*”, tôi còn tình cờ được gặp ông lần thứ hai tại nhà thầy bói Bích.

Ngày Phật Đản năm 1964, khoảng 9 giờ sáng, Thiếu Tá Ngô Văn Hùng đến đón tôi đi chơi. Sau khi đi vòng vòng mấy đường phố chính Sài Gòn-Chợ Lớn coi quang cảnh ngày lễ, chúng tôi đến nhà thầy bói Bích ở cuối đường Pasteur, ngồi hút thuốc lão, nói chuyện tướng số. Chúng tôi đang mãi mê nghe thầy bói Bích giải thích về tướng mạo của một vài vị “*anh hùng 1.11*”, thì thấy một xe jeep dừng trước cửa. Từ trên xe, Tướng Mậu mặc thường phục, áo sơ mi trắng ngắn tay, quần màu xám, chân đi dép, bước xuống. Ông bước vào nhà, anh Hùng và tôi đứng dậy chào. Anh Hùng là người thân thiết với ông. Ông bước tới, vừa bắt tay chúng tôi vừa nói với vẻ hết sức bực bội:

“Moa vừa đại diện chính phủ dự lễ Phật Đản ngoài Bến Bạch Đằng về. Chán quá đi! Đã không hơn mà còn thua ngày trước nữa. Biết như ri thì moa uống công lạy thằng Đính hai lạy để mãn đảo chánh mãn chi”.

Sau khi đi cải tạo về, khoảng năm 1990, một người bạn, anh N. V. H. (còn ở Việt Nam) đưa cho tôi cuốn “*Việt Nam Máu Lửa Quê Hương Tôi*” của Tướng Đỗ Mậu và bảo tôi:

- Anh đọc xem ông Mậu nói có đúng không?

- Anh đọc chưa? Tôi hỏi.

- Đọc rồi.

- Anh thấy thế nào?

- Cứ như ông Mậu nói thì ông Diệm là người xấu xa nhất trần đời. Nhưng có một tội lớn nhất của ông Diệm lại không được ông Mậu nói tới?

- Tội gì?

- Tội ông đã dùng và tin những người như ông Đỗ Mậu chứ còn tội gì nữa!

Ngẫm nghĩ câu nói của anh bạn, tôi thấy thật thấm thía.

Cuốn sách được Việt Cộng in và cho lưu hành tại Việt Nam. Bìa sách in hình vẽ một người, đúng hơn, là một bộ xương có khuôn mặt giống như thần chết, ngồi cầm cây súng M16 chống ngược lên. Nội dung được cắt bỏ nhiều phần, nên cuốn sách chỉ có trên 600 trang. Những phần kết tội Tổng Thống Diệm diệt đối lập, đàn áp Phật Giáo và những điều bôi mọc gia đình họ Ngô, được in lại đầy đủ.

Tại Mỹ, cựu Trung Tá Nguyễn Văn Ứng, người quen biết ông Mậu từ khi còn ở Phân Khu Duyên Hải, khi mới cùng đơn vị di cư từ ngoài Bắc vào. Ông Ứng được ông Mậu rất tin tưởng và quý mến đưa về ngành An Ninh Quân Đội. Sau khi đọc cuốn “*Việt Nam Máu Lửa Quê Hương Tôi*” của vị chỉ huy cũ của mình, trong một dịp gặp tôi, nhắc đến tác phẩm này, anh đã tỏ ra hết sức bất bình về nội dung cuốn sách mà anh quả quyết 90% là bịa đặt. Đối với anh, cuốn sách phơi bày rõ ràng tính gian trá và thiếu lương thiện của ông Mậu. Anh nói:

“*Nói những chuyện không hay về người chỉ huy cũ của mình là một việc làm đáng xấu hổ. Nhưng không nói lên sự*

thật về những điều mình biết là bịa đặt, xuyên tạc một cách bất lương, để cho độc giả bị lừa gạt thì lại là một tội”.

Và trong một cuốn băng ghi âm, anh kể khá nhiều chuyện mình chứng tính nhỏ nhen hay thù vặt, dành công của người khác, khả năng yếu kém về an ninh, v.v. Nhưng không làm phí thì giờ của quý độc giả, ở đây tôi chỉ xin trích lược một số câu chuyện có “ý nghĩa” đối với những thành tích được ông khoe khoang trong hồi ký của ông mà thôi. Anh Ứng kể lại:

“Năm 1956, là Tiểu Đoàn Trưởng Tiểu Đoàn 85 đóng ở Phú Yên, tôi được Bộ Chỉ Huy Phân Khu Duyên Hải mời tham dự bữa cơm tiễn ông Mậu đi làm Tùy Viên Quân Sự tại Pháp. Trong bữa ăn ông nói với tất cả những người tham dự: *“Bây giờ tôi vào Sài Gòn không ai tiếp. Ra Huế không được tiếp. Xin các anh mỗi người nói cho tôi một tiếng, nhiều tiếng thành tiếng vang, một ngày nào đó sẽ đến tại Thượng Cấp”.*

- Thời Đệ I Cộng Hòa ông không bao giờ bỏ lỡ cơ hội để cao tinh thần chống Cộng của người Công Giáo. Hết lời tán tụng đức độ, công lao của gia đình họ Ngô. Trong các buổi học tập tại Nha An Ninh Quân Đội, hai câu phương ngôn: *“Đầy Vua không Khả, Đào mã không Bài”* đã được ông thêm vào một vẻ thứ ba: *“Hại dân không Diệm”*.

- Thời gian làm việc tại Nha An Ninh Quân Đội, là Trưởng Phòng Chính Trị, tôi thấy một điều rất khôi hài, vì theo tôi biết, phúc trình của một cơ quan, đơn vị Quân Đội, không bao giờ được kết thúc như vậy. Tại Nha An Ninh Quân Đội, mọi phúc trình lên Tổng Thống, ông đều bắt phải kết thúc bằng câu: *“Nha chúng tôi kính trình Tổng Thống nhận nơi đây lòng tri ân và sự trung thành tuyệt đối của Nha chúng tôi”*.

- Sau cuộc đảo chánh 1.11.1963, cũng trong một buổi học tập, ông đã hết lời ca tụng Tướng Dương Văn Minh, và không tiếc lời mạt sát Tổng Thống Diệm, với những tội độc tài, gia đình trị, kỳ thị tôn giáo, v.v. Một sĩ quan, Đại Úy Sinh, Trưởng Phòng Công Tác của Nha, đã phát biểu ý kiến: *“Xin Thiếu Tướng cho biết những ai là người đã từng ủng hộ ông Diệm thực hiện những tội ấy”*.

Biết Đại Úy Sinh có ý ám chỉ mình, Tướng Mậu nói: *“Hết ai để chơi rồi à anh Sinh? Răng anh lại nhè tôi mà chơi?”*

- Thời Tướng Khánh nắm quyền, là Chánh Sở I An Ninh Quân Đội tại Đà Nẵng, một hôm về Sài Gòn tôi ghé thăm ông Mậu, gặp lúc ông đang tiếp 8, 9 người khách. Ông mời tôi vào, giới thiệu với họ: Đây là Thiếu Tá Ứng, một cộng sự viên rất đặc lực của tôi, từng làm việc bên cạnh Trung Tướng từ khi ông làm Tư Lệnh Quân Đoàn II.

Nghe ông ca tụng Tướng Khánh quá mức, tôi hỏi:

- Thưa Thiếu Tướng tôi ở xa không rõ, xin Thiếu Tướng cho biết về vụ bà Phùng Há bị trở ngại bên phi trường Orly ra sao? Ông nói:

- Ô! Anh ở xa không biết, chú công lao của ông Khánh như Trời như Biển.

- Cuối năm 64 từ Đà Nẵng về, tôi ghé thăm ông Mậu, lúc ấy độ 11 giờ 30 trưa. Thấy ông đang tiếp hai người mặc đồ dân sự, tôi lui ra, ông gọi giật lại:

- Ứng! Vô đây, moa cần gấp toa.

Và ông giới thiệu với tôi, hai vị khách là hai nhà viết sử. Ngồi một lúc thấy trong nhà có tiếng động chén bát, tôi xin phép ra về, ông giữ lại ăn cơm cùng với hai vị khách. Chúng tôi vừa ăn chưa được nửa chén cơm, một trong hai vị hỏi ông Mậu:

- Thưa Thiếu Tướng, xin Thiếu Tướng cho biết vì nguyên nhân nào Thiếu Tướng làm cách mạng hạ nhà Ngô?

- Trả lời câu hỏi này, ông Mậu đã kể công lao ông theo phò ông Diệm từ khi còn trong binh đội khổ xanh, đã hoạt động ủng hộ ông suốt thời gian ông hoạt động bí mật, cho đến khi về làm Thủ Tướng và lên làm Tổng Thống. Rồi ông nêu tên hai Tướng Huỳnh Văn Cao, Hồ Văn Tổ và so sánh, những người ấy có công gì với ông Diệm mà được cho lên Tướng còn ông thì không. Vừa nghe đến đây, vị khách đã nêu lên câu hỏi, đứng dậy nói:

- Thưa Thiếu Tướng, tôi tưởng Thiếu Tướng vì Quốc Gia Dân Tộc mà làm đảo chánh hạ nhà Ngô. Hôm nay hân hạnh được nghe chính miệng Thiếu Tướng nói là, vì không được lên Tướng. Thôi, gặp Thiếu Tướng thế này là đủ rồi. Tôi xin phép cáo từ. Và vị khách đã bỏ chén com đang ăn dở, ra về.

Anh Ứng kể tiếp:

- Tôi không nhớ chính xác, nhưng khoảng cuối năm 66 đầu năm 67. Một hôm đến thăm ông, khi nói đến tình trạng xáo trộn xảy ra liên miên, ông nói: *“Nói thật với toa, ở Việt Nam này, về quân sự moa không bằng ai, chứ chính trị ai hơn moa”*.

Khi tôi ra về, ông đứng dậy tiễn, không hiểu vì lý do gì, ông chỉ vào tượng Phật để trong góc nhà, nói: *“Một ngày gần đây moa sẽ đập cái này đi, moa vào đạo Công Giáo”*.

Và vẫn chuyện Tướng Mậu viết hồi ký. Một hôm, vào tháng 3 năm 2000, tôi đến thăm ông bạn già hiện ở Thành Phố Fountain Valley, được ông đưa cho hai bản photocopy, và nói:

- Anh đọc đi rồi tôi sẽ nói cho nghe.

Hai bản này, một bản copy trang 889 và trang kế tiếp của cuốn *Việt Nam Máu Lửa Quê Hương Tôi*, ông Mậu kể chuyện Tướng Khánh sợ ông làm đảo chánh nên vào tháng 10.1964 kiếm cớ đẩy ông ra ngoại quốc bằng cách sai ông đi công tác ở Thái Lan. Đến Thái Lan ông được Tướng Thái Quang Hoàng, Đại Sứ Việt Nam tại quốc gia này, dẫn đến thăm xã giao Thủ Tướng Thái Sarit Thanarat.

Bản kia là bản photocopy hai trang 180, 181 cuốn *Thailand Today, A Visit to Modern Siam*, do Valentin Chu soạn. In tại Thomas Y. Crowell Company New York. Trong hai trang sách đó, có đoạn nói về Thủ Tướng Sarit Thanarat: Ông Sarit Thanarat là một Thống Chế của Thái Lan. Năm 1957, trước tình hình đất nước bị đe dọa bởi lực lượng Cộng Sản tại quốc nội cũng như quốc ngoại, ông đã làm một cuộc đảo chính bất bạo động, xóa bỏ Hiến Pháp. Ông nắm quyền hành động nhằm bảo vệ nền an ninh quốc gia. Năm 1959, chính quyền của ông đã đưa ra một bản Hiến Pháp tạm thời, chỉ định thành phần Quốc Hội để thi hành quyền Lập Pháp, đồng thời soạn thảo một bản Hiến Pháp mới. Thống Chế Sarit nắm quyền cho đến khi ông qua đời vào năm 1963. Sau đó, quyền Thủ Tướng được trao cho Phó Thủ Tướng là Thống Chế Thanom Kittikachorn.

Sau khi tôi đọc xong, ông bạn già nói:

- Hai bản này do ông bạn của tôi gửi cho. Ông này người Quy Nhơn, trước làm việc cho Liên Hiệp Quốc, nay đã về hưu. Sau khi đọc hồi ký của ông Mậu, thấy viết bừa bãi quá, bực mình, ông sao hai bản này gửi cho tôi, trong thư ông viết:

“Anh coi, đối với một nhân vật mà các quốc gia và tổ chức quốc tế đều biết tên biết mặt như ông Sarit Thanarat mà Đỗ

Mậu còn dám nói một cách vô tội vạ, không biết mắc cỡ rằng, đã đến thăm xã giao ông khi anh ta đến Thái Lan vào tháng 10.1964. Trong khi ông ấy đã mất từ năm 1963, nghĩa là cả năm trước rồi. Như vậy thì còn cái gì mà anh ta không dám nói. Chắc là anh ta đã đến nghĩa địa thăm xã giao Thủ Tướng Sarit Thanarat”.

Thiết tưởng cũng nên nói rõ: Lý do Tổng Thống Diệm không cho ông Đỗ Mậu lên Tướng là vì Tổng Thống muốn giữ giá trị và thể diện cho hàng Tướng Lãnh Quân Đội Quốc Gia. Tôi được Linh Mục Cao Văn Luận kể lại rằng ông Mậu có nhờ Ngài xin Tổng Thống Diệm cho ông được lên Tướng. Khi vào gặp ông Diệm, Cha Luận đã khéo léo nhắc đến công lao ông Mậu đã theo hầu ông Diệm và xin cho ông Mậu lên Tướng. Ông Diệm nói với Cha Luận:

“Cha biết tôi thương hấn lắm chứ. Nhưng cho hấn lên Tướng thì ông Giáp ông ấy cười chết và họ còn coi Tướng Lãnh của mình ra chi nữa”.

Chương iv. Cái chết của ông Ngô Đình Cẩn

1. Ai giết ông Ngô Đình Cẩn?

I. – Phía Hoa Kỳ:

Tám giờ tối ngày 4.11, Đại Sứ Lodge gửi điện văn mang số 917, báo cáo với Bộ Ngoại Giao về cuộc tiếp xúc của ông với hai Tướng Dương Văn Minh và Đôn. Tại mục 5 của điện văn, có đoạn ông đề cập tới trường hợp của ông Ngô Đình Cẩn. Theo ông: “... sẽ là một điều rất tội tệ nếu để ông Cẩn bị giết. Và việc tách ông Cẩn ra khỏi mẫu thân ông, cũng là một điều tệ hại”. Và ông được Ngoại Trưởng Rusk trả lời một công điện Hòa Tốc số 714 nội dung như sau:

“Tham chiếu công điện số 971 của ông, đoạn 5, đồng ý phải tránh mọi tổn hại cho Ngô Đình Cẩn. Tôi nghĩ rằng, nếu cần, chúng ta phải cố gắng đưa ông ta và mẹ ông ta ra khỏi nước trong thời gian sớm nhất, hãy dùng phương tiện của chúng ta nếu việc ra đi của họ là khẩn cấp. Trong khi ấy, chúng ta cần

phải làm tất cả mọi việc trong quyền hạn của chúng ta để việc bảo vệ họ được vững chắc”.

Tiếp tục theo dõi sự trao đổi giữa Tòa Lãnh Sự và Tòa Đại Sứ Mỹ với Bộ Ngoại Giao, người ta không khỏi ngạc nhiên về sự thay đổi thái độ một cách thật khó hiểu của hai cơ quan này, qua những tin tức được họ báo cáo về cấp trên của họ.

Như tôi đã kể trong mục “*Hậu Đảo Chánh*”. Khoảng 10 giờ sáng ngày 2.11, hai ông: Lãnh Sự R. Helble và Phó Lãnh Sự Mullen đến gặp tôi nhờ chuyển lời “*mời ông Cố Vấn tạm lánh qua Tòa Lãnh Sự, chúng tôi sẽ bảo vệ cho ông như đã bảo vệ ông Thích Trí Quang*”. Nhưng sau đó Tòa Lãnh Sự gửi về Bộ Ngoại Giao một công điện ghi: Control 1230, From Hue, November 2, 11, 04 AM. Nội dung công điện có đoàn sau đây:

“Chiều ngày 2.11, hai mật sứ của Ngô Đình Cẩn, em Ngô Đình Diệm, đi riêng rẽ, đến tìm hiểu thái độ của chúng tôi về khả năng cho Cẩn trú ẩn... Chúng tôi cũng nói rõ rằng... và khi Cẩn ở trong Tòa Lãnh Sự mà Chính Phủ Việt Nam đòi trao ông ta lại cho họ, Tòa Lãnh Sự không có lựa chọn nào khác hơn là phải thi hành”.

Đến 8 giờ 55 sáng ngày 3.11, Hoa Thịnh Đốn nhận được mật điện số 1398, Tòa Lãnh Sự Huế gửi báo cáo về tình hình tại Huế. Mật điện có những đoạn:

“... Sáng 3.11, Tướng Đỗ Cao Trí đã hứa chắc chắn sự an toàn cá nhân cho Cẩn, và Cẩn có vẻ tin rằng Trí thành thật. Trước đó, Trí đã thông báo cho Tòa Lãnh Sự, ông ta bảo đảm sự an toàn cá nhân cho ông Cẩn. Theo tin tức giá trị nhất(!) của chúng tôi, Cẩn còn ở tại nhà, mặc dầu có nhiều dư luận trái ngược.

Đám đông từ nhiều trăm đến nhiều ngàn người tụ tập gần suốt ngày 3.11 gần nhà Cẩn nhưng đã bị Quân Đội và xe thiết giáp chặn lại. Đám đông có vẻ chỉ vì tò mò và tỏ ra thiện cảm với Quân Đội. Tuy vậy, một số người xung quanh Huế tin rằng, Tướng Trí bây giờ kiêm nhiệm chức Đại Biểu Chính Phủ ở miền Trung, có thể đang liên kết với Cẩn để phản đảo chánh. Dân chúng nhớ Tướng Trí như một người chính yếu trong vụ đánh phá Chùa chiền, và do đó có một số lớn địa phương không tin ông ta.”

Đến 9 giờ 05 tối, Tòa Đại Sứ lại gọi về Hoa Thịnh Đốn mật điện số 1422 với nội dung:

“Những chuyện đã tìm thấy mỏ chôn tập thể trong khu vực nhà Ngô Đình Cẩn, đã lôi cuốn nhiều ngàn người đến một khu vực bị vây quanh bằng dây kẽm gai, Quân Đội và xe M113. Cho đến bây giờ, dư luận loan truyền số xác chết được che kín mặt lên đến 180. Hiện nay, Tòa Lãnh Sự chưa thể ước lượng chắc chắn được, cũng như thực sự số xác chết đã tìm được là bao nhiêu. Tuy nhiên, phần đông dân chúng dường như tin rằng đã tìm thấy một số lớn mả. Nhiều hầm chôn giấu vũ khí, và cả tài liệu Việt Cộng cũng được xác nhận đã được tìm thấy. Hầm chôn giấu vũ khí hình như có thể có.

Hậu quả của những chuyện về mả đã làm tăng sự căng thẳng vào cuối buổi chiều ngày 3.11. Dân chúng muốn tấn công nhà Cẩn, mặc dầu cảm nghĩ này hiện chưa đến độ nguy hiểm. Chắc chắn nó sẽ trở nên nguy hiểm trong ngày mai...

Một trong ba mật sứ của Cẩn, người trước kia đã tiếp xúc Tòa Lãnh Sự về việc tỵ nạn của Cẩn, chiều 3.11 cho

biết, tối 2.11 Cẩn đã trèo qua tường ra khỏi nhà, và hiện ở trong Nhà Dòng Chúa Cứu Thế Huế, có vẻ Quân Đội biết nơi ở của ông ta...

Trong khi đã làm hết sức để thi hành lệnh của Bộ, để có thể cho Cẩn trú ẩn, nhưng chuẩn cấp sự trú ẩn như vậy là điều thất nhân tâm lớn ở đây, và có thể đưa đến hậu quả nghiêm trọng đe dọa tư thế, tài sản và sinh mạng người Mỹ ở Huế”.

Nhận được hai báo cáo trên đây, Ngoại Trưởng Rusk, lúc 3 giờ 49 chiều cùng ngày 3.11, gửi công điện số 706, chỉ thị cho Lãnh Sự Mỹ ở Huế và Đại Sứ Lodge:

“Nếu Cẩn yêu cầu được trú ẩn trong tình trạng sinh mạng người Mỹ bị nguy hiểm, tiếp xúc Tướng Trí, yêu cầu một sự bảo vệ thích nghi và di chuyển Cẩn.

Với Sài Gòn. Đề nghị ông lưu tâm thực hiện việc đưa Cẩn đi lập tức”

Sau hai lần nhận được chỉ thị của Bộ Ngoại Giao phải đưa ông Cẩn đi gấp. Sáng sớm ngày 5.11, lúc 4 giờ 56, Đại Sứ Lodge gửi mật điện hỏa tốc số 930 sau đây cho Bộ Ngoại Giao:

1. – Helble báo cáo bằng điện thoại lúc gần trưa, rằng Ngô Đình Cẩn đã đến Tòa Lãnh Sự một mình lúc 10 giờ 45, rõ ràng với sự đồng ý ngầm của các giới chức địa phương. Dân chúng chưa biết sự hiện diện của ông ta (tại Tòa Lãnh Sự). Tuy nhiên, Tướng Trí biết và đã nói với Helble rằng, ông ta đã ra lệnh đưa Cẩn vào Sài Gòn trong ngày hôm nay bằng máy bay, và cho Helble biết cá nhân ông ta cũng như các Tướng Minh, Đôn và Oai bảo đảm sự an toàn cho Cẩn.

Tướng Trí bày tỏ sẽ cố gắng giữ gìn an ninh cho Tòa

Lãnh Sự nếu Cẩn ở lại đó, nhưng không thể bảo đảm điều ấy. Helble thấy phải đưa Cẩn ra khỏi khu vực Huế trong thời gian sớm nhất.

2. – Tôi đã chỉ thị cho Helble giao Cẩn cho Tướng Trí, nếu có giấy yêu cầu đưa ra những đoạn chắc với chính phủ Mỹ, bảo đảm sự an toàn cho Cẩn. Helble đã cho Trí biết những điều này, ông ta nói ông ta không có quyền làm như thế, nhưng có thể bảo đảm an toàn cho việc (ông Cẩn) đi Sài Gòn bằng máy bay Mỹ. Vì cần đưa Cẩn ra khỏi khu vực Huế tức khắc, Helble đã được phép đưa Cẩn vào Sài Gòn trong những điều kiện trên, và ông ta đang trên đường đi.

3. – Tôi đã nhận được những cam đoan bảo đảm sự an toàn cho Cẩn, và ông ta sẽ được xét xử theo luật pháp, từ cá nhân Tướng Đôn. Trên căn bản cam đoan này, Cẩn sẽ được trao cho nhà chức trách Việt Nam tại phi trường. Các giới chức quân sự không có ý muốn cho ông ta ra khỏi Việt Nam như các con ông Nhu.

Đường lối hành động trên đây dựa trên căn bản là, nếu cho ông ta trú ẩn, theo tôi hiểu, là phải bảo vệ cho ông ta thoát khỏi bị xét xử và bảo vệ an toàn cho ông ta. Vì chính phủ đã đưa ra những cam đoan giữ an toàn cho cá nhân ông ta, và ông ta sẽ được xét xử theo thủ tục pháp lý, điều đó cho tôi thấy lý do chúng ta cho ông ta trú ẩn không còn tồn tại. Tôi cũng cần nhắc rằng chúng ta có thể trở thành người biện giải cho tội ác, nếu chúng ta toan tính làm cho việc tiến hành xét xử ở đây bị trở ngại, đặc biệt vì Cẩn là khuôn mặt đáng phải chịu sự oán ghét ông ta đang nhận được.

Xin được nhắc lại:

- Sáng thứ bảy 2.11, hai ông Lãnh Sự và Phó Lãnh Sự Mỹ gặp tôi, theo lệnh Đại Sứ Lodge, mời ông Cẩn tạm lánh qua Tòa Lãnh Sự Mỹ với lời hứa sẽ bảo vệ cho ông như đã bảo vệ Thượng Tọa Thích Trí Quang.

- Tối ngày 2.11, Tân Tinh Trường Thừa Thiên, Tham Muu Trưởng Sư Đoàn I Bộ Binh và Giám Đốc Công An Cảnh Sát, đến xin ra mắt ông Cẩn và tôi còn đưa họ đến nhà ông.

- Sáng Chủ Nhật 3.11, Tướng Đỗ Cao Trí xin gặp ông Cẩn và đã được ông tiếp tại nơi ông tạm trú, Nhà Dòng Chúa Cứu Thế Huế. Trong lúc tiếp Tướng Trí, theo lệnh của ông, tôi đã về nhà ông lấy từ trong phòng ngủ của ông một cái va li và một cái bao bố đem đến Nhà Dòng cho ông, và ông đã trao hai thứ ấy cho Tướng Trí.

- 5 giờ chiều thứ hai 4.11, tôi dời Huế vào Đà Nẵng trình diện Tướng Trí theo lệnh gọi của ông.

Nói rõ hơn, suốt thời gian từ khi cuộc đảo chánh bùng nổ, 1 giờ 30 chiều ngày 1.11, cho đến 5 giờ chiều ngày 4.11.1963, tôi có mặt liên tục ở Huế, đi đi lại lại nhiều lần trên con đường từ nhà tôi, trên bờ sông Bến Ngự, cách nhà ông Cẩn, đến Dòng Chúa Cứu Thế, đến nhiều nơi khác trong Thành Phố Huế, không gặp trở ngại nào, không hề thấy chung quanh nhà ông Cẩn xảy ra những chuyện như được ghi trong báo cáo của Tòa Lãnh Sự Mỹ.

Vì thế, khi được đọc các mặt điện trên đây, báo cáo về tình hình tại Thành Phố Huế trong những ngày này, tôi hết sức ngạc nhiên về thái độ, khả năng và cách thức làm việc của Tòa Lãnh Sự và Tòa Đại Sứ Mỹ lúc bấy giờ.

Tòa Lãnh Sự chỉ cách nhà ông Cẩn khoảng một cây số.

Vậy mà họ không đủ khả năng kiểm chứng được tình trạng thực, hư của tình hình khi họ báo cáo cho Bộ Ngoại Giao?

Một nhân chứng, cựu Trung Tá Nguyễn Thừa Dzu, khi ấy là Đại Úy Tiểu Đoàn Trưởng Tiểu Đoàn 11 Biệt Động Quân, một tín đồ Phật Giáo. Đại Úy Dzu sau này đã đưa Tiểu Đoàn của ông vào đóng trong Chùa Tỉnh Hội Đà Nẵng ủng hộ nhóm Phật Giáo tranh đấu chống lại hai Tướng Thiệu-Kỳ. Ngày 2.11.1963, Tiểu Đoàn của ông đang hành quân tại Quận Tam Kỳ, Tỉnh Quảng Tín, được điều động ra đóng tại căn nhà của ông Cẩn trước khu 9 hầm. Ngày 5.11, ông đã cùng với Thiếu Tá Nguyễn Tuấn, vào nhà ông Cẩn tại Phú Cam. Ông xác nhận:

“Bên ngoài, chỉ thấy không quá 20 người vì tò mò, đứng bên bờ Tả ngạn sông An Cựu, gần đầu Cầu Phú Cam, ngó qua nhà ông Cẩn, không có cử chỉ hoặc hành động nào. Bên trong vườn, chẳng thấy hầm hố, mả mả, xác chết nào cả”.

Nói rằng những công điện Tòa Lãnh Sự Mỹ báo cáo về Hoa Thịnh Đốn có ý nói về căn nhà của ông Cẩn ở khu 9 hầm thì cũng không đúng vì:

- Trong mật điện số 917 của Đại Sứ Lodge ông ta nói rõ: *“Căn nhà ông Cẩn đang sống với mẹ ông ta”.*

- Cựu Trung Tá Nguyễn Thừa Dzu, vừa được đề cập tới ở trên, xác nhận: Trong khu nhà của ông Cẩn chẳng có mả mả hầm hố nào hết. Có một số dân tò mò đến đứng ở ngoài đường coi căn nhà và khu 9 hầm, nhưng phần đông không có hành động gì tỏ ra muốn đập phá căn nhà. Chỉ có một số cây nhỏ trồng trên đồi quanh nhà bị nhổ đi trước khi Tiểu Đoàn của ông tới.

Vậy phải chăng việc báo cáo sai lạc tình hình tại Huế của Tòa Lãnh Sự Mỹ là có chủ đích để biện minh cho việc

không thi hành lệnh của Ngoại Trưởng Rusk: Đưa ông Cẩn và thân mẫu ông ra ngoại quốc.

II. Phía Việt Nam:

Theo Tướng Trần Văn Đôn:

“Đại Úy Nhung bị bắt ít tháng sau đó (ngày Tướng Khánh chính lý 30.1.1964) vì mưu toan chống lại cuộc chính lý do Tướng Khánh điều khiển chống lại tôi (Tướng Đôn) và những người lãnh đạo cuộc đảo chánh 1.11. Tướng Khánh ra lệnh cho cơ quan An Ninh Quân Đội thẩm vấn đương sự về cái chết của ông Diệm và ông Nhu, đương sự thú nhận ông Minh Cồ (Big Minh) ra lệnh giết. Tin rằng, sẽ bị tra tấn và cuối cùng bị hành hình, Đại Úy Nhung đã tự treo cổ trong phòng giam bằng sợi dây giấy của ông ta”. (Our Endless War. Trang 112)

Từ vụ này, Tướng Khánh bị nhóm “tranh đấu mang danh Phật Giáo”, và những người vốn chống đối Tổng Thống Ngô Đình Diệm hô hoán lên rằng “đư đảng Cẩn Lao (ám chỉ Tướng Khánh) đã nắm lại chính quyền”.

Mới thâu tóm quyền hành chưa được một tháng, tình trạng bất ổn gia tăng ở mọi nơi, nay gặp thêm dư luận chống đối với lý do mang nhiều tính chất hận thù có khả năng khích thích hỗn loạn bùng lên mạnh hơn trong tình hình lúc ấy, Tướng Khánh thực sự lo sợ cho quyền lực của ông. Mặt khác, ông Đại Sứ Cabot lodge, người đỡ đầu cho Tướng Khánh, đã lấy lý do được các Tướng đảo chánh bảo đảm ông Cẩn sẽ được Tòa Án xét xử đảng hoàng, để giao cho ông các Tướng đảo chánh thay vì đưa ông và thân mẫu ông ra ngoại quốc như lệnh của Ngoại Trưởng Dean Rusk.

Trước tình hình này, có lẽ Tướng Khánh đã nghĩ rằng cách tốt nhất là lấy sinh mạng của ông Ngô Đình Cẩn để

chứng minh ông không phải là “*du đảng Cần Lao*”, đồng thời làm vừa lòng cả hai phía: Ông Cabot Lodge và nhóm tranh đấu quá khích mang danh Phật Giáo của Thượng Tọa Trí Quang, để cứu vãn và củng cố quyền lực của ông.

Từ ý nghĩ ấy, Tướng Khánh vội vã ra lệnh cho Bộ Tư Pháp đưa ông Ngô Đình Cẩn ra Tòa Án xét xử và phải kết án tử hình.

Nhưng như tôi đã ghi trong một phần trên, theo Luật gia Nguyễn Cẩn, với những tội ông Ngô Đình Cẩn bị cáo buộc, theo Bộ Luật Hình Sự được áp dụng tại Việt Nam hồi ấy, không đủ yếu tố để kết án tử hình ông. Vì vậy, Tướng Khánh lại ra lệnh cho Bộ Tư Pháp nghiên cứu soạn thảo một Sắc Luật “*bổ túc*” để có thể kết án tử hình ông Cẩn.

Sau khi ban hành “*Sắc luật bổ túc*”, ngày 20.2.1964, Tướng Khánh ký Sắc Luật số 4/64, thiết lập Tòa án cách mạng và phán quyết của Tòa này là chung thẩm. Để tình trạng giam giữ được hợp lệ trước khi đưa ông Cẩn ra xử, ngày 13.3.1964, Tòa Án ký trát tống giam ông, mặc dù ông đã bị giam từ ngày 6.11.1963.

Ngày 16.4, thành phần phiên tòa xử ông Cẩn họp tại Pháp Đình Sài Gòn, gồm có:

Chánh Thẩm: Ông Lê Văn Thu.

Phụ Thẩm Quân Nhân: Các Đại Tá, Nguyễn Văn Chuân, Đặng Văn Quang, Trương Văn Chương và Trung Tá Dương Hiếu Nghĩa.

Phụ Thẩm Nhân Dân: Các ông Nguyễn Văn Phước, Nguyễn Văn Yển, Nguyễn Hữu Bửu và Bùi Văn Nhu.

Chương Lý: Thiếu Tá Nguyễn Văn Đức.

Lục Sự: Nguyễn Văn Tâm.

2. Hai phiên tòa xử ông Ngô Đình Cẩn

Khi ông Ngô Đình Cẩn bị đưa ra Tòa Án, bà Trần Trung Dung, cháu ông, đến nhờ một số Luật Sư trước kia từng được trọng dụng, từng giữ những chức vụ quan trọng trong các cơ quan Hành Pháp cũng như Luật Pháp của Đế I Cộng Hòa, từng ra vào “*thưa*” “*bẩm*” nhờ vả, xin xỏ với ông Cẩn nhiều việc, nhưng bà đã không nhận được một sự đáp trả nào. Cuối cùng bà phải đến nhờ một Luật Sư bà chưa từng quen biết, một Luật Sư đã từng chỉ trích chế độ Đế I Cộng Hòa khi ông biện hộ cho nhóm đối lập với Tổng Thống Diệm, thường được gọi là nhóm Caravelle, và đã từng lấy làm hài lòng khi nghe tin ông Cẩn bị bắt giam, vì ảnh hưởng những bài báo nói về ông Cẩn sau ngày 1.11.1963. Vị Luật Sư ấy là Luật Sư Võ Văn Quan.

Luật Sư Quan, một Phật Tử, là Luật Sư duy nhất đã dám nhận đứng ra biện hộ cho ông Cẩn, ông bị nhiều đe dọa. Có cả một nhóm “*sinh viên*” từ Huế vào đòi đập phá văn phòng của ông.

Luật Sư Quan kể lại, khi bà Trần Trung Dung đến nhờ ông biện hộ cho ông Cẩn, ông đã nói với bà:

- ... Nói thật với bà, đối với những điều mà người ta buộc tội ông Cẩn và một khi vụ án lại được đem ra xét xử trong lúc phe Phật Giáo đang sôi sục tranh đấu này, tôi sợ không cãi cho ông Cẩn khỏi tội tử hình được.

Ông được bà Dung trả lời:

- Tôi biết rõ điều đó lắm. Gia đình tôi là một gia đình chính trị mà. Vả lại, “*người ta*” có nói với tôi phải đem ông Cựu ra xử và Tòa sẽ xử tử hình để thiên hạ đừng nói là dư đảng Cẩn Lao còn nắm quyền và bao che cho ông Cựu. Nhưng “*người*

ta” hứa rằng sau một thời gian, khi mọi sự lắng dịu rồi, sẽ có cách để âm thầm đưa ông Cậu ra ngoại quốc.

Tôi nhờ Luật sư biện hộ, trước là để cho ông Cậu thấy rằng con cháu vẫn lo lắng cho ông. Sau nữa để khi ra trước Tòa biện hộ, Luật Sư sẽ nói lên giùm ông Cậu sự tức giận đối với những kẻ trước đây nịnh bợ, luồn cúi, mang ơn, bây giờ phản phúc, trở mặt, mặt sát và còn tiếp tay để hại ông nữa.

Việc xét xử ông Ngô Đình Cẩn, được Luật Sư Quan ghi lại như sau:

Ông Cẩn có thể bị truy tố về hai tội:

Tội thứ nhất: *“Làm kinh tài bất hợp pháp, làm lung đoạn nền kinh tế quốc gia”.*

Về tội này, Luật Sư Quan viết: *“Điều làm tôi ngạc nhiên là trong hồ sơ đưa ông Cẩn ra Tòa, Cách Mạng không có tài liệu nào về vấn đề này cả”.* Về sau tội này được bỏ qua luôn, vì có quá nhiều người có thể lực có thể bị dính líu, hoặc vì có sự mua chuộc nào đó, hoặc vì chánh quyền cho rằng chỉ riêng cái tội thứ nhì cũng đủ đem lại cho ông Cẩn bản án tử hình.

Tội thứ nhì: Ông Cẩn chủ mưu bằng cách, ra lệnh cho nhân viên Công An tại miền Trung bắt giam phi pháp, cưỡng đoạt tài sản của một số thương gia, và hạ sát mấy người này để thủ tiêu chứng cứ. Các thương gia đó bị gán tội làm gián điệp cho Pháp tại miền Trung. Họ bị giam cầm và tra tấn nặng nề, có người bị bức tử, tài sản của họ bị cưỡng đoạt dưới hình thức này hay hình thức khác.

Ông Cẩn quả quyết với tôi (Luật Sư Quan) rằng ông không có nhúng tay vào mấy vụ đó. (Trong phần tường

thuật về vụ “*Gián Điệp Miền Trung*”, tôi đã kể về thái độ của ông Cẩn khi nghe nói có người bị bắt oan trong vụ này).

1. – Phiên Tòa Tại Huế

Trong việc xét xử ông Cẩn, đã xảy ra một sự kiện mà Luật Sư Quan gọi là “*Phiên Tòa Hi Hữu Tại Huế*”.

Trong khi Luật Sư Quan đang sắp xếp, chuẩn bị biện hộ cho ông Cẩn tại Tòa Sài Gòn, thì ông nhận được một án lệnh tuyên phạt, đưa vụ ông Cẩn ra xử tại tòa án cách mạng Huế. Ông đã làm ngay một biện minh trạng nạm cho phòng luận tội, với lập luận có những điểm chính như sau:

“Theo luật hình sự tố tụng, Tòa án có thẩm quyền địa hạt để xét xử là một trong những Tòa này:

1. – Tòa Án tại nơi xảy ra vụ phạm pháp.
2. – Tòa Án tại nơi can phạm bị bắt.
3. – Tòa Án tại nơi can phạm bị bắt giữ.

Đành rằng trong vụ này sự gọi là phạm pháp đã xảy ra tại Huế. Nhưng ông Cẩn bị bắt giam tại Sài Gòn, khi phi cơ chở ông đáp xuống sân bay Tân Sơn Nhất. Thêm nữa, ông đang bị giam giữ tại Sài Gòn. Vậy có nhiều điều kiện pháp lý hơn là để cho Tòa Sài Gòn có thẩm quyền địa hạt xét xử vụ này.

...

Sau hết, một điều khoản nữa trong Bộ Hình Sự Tố Tụng quy định rằng, nếu nơi Tòa Án có thẩm quyền xét xử, sự phần nộ của công chúng đối với bị cáo khiến có thể e ngại rằng, trật tự công cộng bị xáo trộn thì vụ án phải đem xét xử tại một nơi khác...

Và trong tình hình hiện tại, tại Huế vẫn có những cuộc biểu tình sôi sục lên án ông Cẩn. Vậy đây là đúng trường hợp quy định trong Bộ Hình Sự Tố Tụng và không thể đem

xử ông Cẩn ở Huế được.”

Luật Sư Quan viết tiếp: *“Chánh quyền đã có lý do bí ẩn để đưa vụ án ra Huế xét xử. Cái “luật” vô hình ấy mạnh hơn luật pháp. Biện minh trạng của tôi bị bác”*.

Quang cảnh Tòa án cách mạng Huế ngày xử ông Cẩn được Luật Sư Quan ghi lại như sau:

“Chưa 8 giờ sáng, còn hơn một giờ nữa Tòa mới họp. Nhưng chắc là đã từ lâu, một đám đông cả mấy ngàn người chen nhau đứng dưới mưa phùn gió lạnh trên các lễ đường chung quanh Tòa Án. Tất cả mọi người, già trẻ lớn bé, người nào cũng có vẻ mặt đầy căm thù. Lại có những người đi qua đi lại trong hàng ngũ của họ, thỉnh thoảng đứng lại nói chuyện, có vẻ như căn dặn, chỉ huy”.

Trong phòng xử, đúng lý, bị can phải được giải ra ngồi chờ sẵn trong Tòa từ lâu. Nhưng đến chín giờ vẫn chưa thấy giải ông Cẩn ra, Luật Sư Quan đến hỏi Ủy Viên Chính Phủ, Thiếu Tá Nguyễn Văn Đức, xem ông Cẩn được giữ ở phòng nào, để ông có thể đến nói chuyện với thân chủ. Ông này cười lắc đầu nói rằng ông cũng không biết nữa.

“Chín giờ hơn. Ông Chánh Thẩm và 8 vị Phụ Thẩm bước vô phòng xử. biết và dĩ nhiên với Luật Sư của bị can, người ta lại càng thấy không cần phải thông báo. Luật Sư Quan viết tiếp:

Nghe tiếng viên Hạ Sĩ Quan giữ chức vụ Thừa Phát Lại hô to: *“Tòa Án”* để mọi người trong phòng xử đứng dậy chào.

Đám người đứng bên ngoài đồng loạt reo hò, la hét. Trong Tòa có đặt hệ thống phóng thanh để dân chúng ở bên ngoài có thể theo dõi diễn tiến của phiên xử. Khi nghe

ông Chánh Thẩm truyền lệnh “*giải bị cáo Ngô Đình Cẩn ra Tòa*”, đám biểu tình hô to những tiếng “*đả đảo*”, rồi tràn xuống đường, vung nắm tay lên la hét cuồng nhiệt.

Nhưng vẫn không thấy giải ông Cẩn ra.

Một sĩ quan, không biết từ đâu đến, tới nói nhỏ với Thừa Phát Lại, ông này bước lên nói nhỏ với ông Chánh Thẩm. Vị này ngồi thêm một chút rồi tuyên bố là Tòa vô phòng để nghị án. Khoảng nửa giờ sau, Hạ Sĩ Quan Thừa Phát Lại đứng ra tuyên bố Tòa đình xử vì bị can chưa được giải ra đây.

Tôi chưa bao giờ thấy có một phiên Tòa nào lạ đời như vậy...

Tôi đoán rằng lúc đầu chính quyền sắp đặt giải ông Cẩn ra Huế để xét xử, sau đó do sự can thiệp trong nước hay từ nước ngoài, thấy không ổn nên dự định ấy bị bỏ. Đó là màn “*chính trị chong chóng*”, xoay chiều đổi hướng theo luồng gió của thời cơ không có một đường lối nhứt định và dứt khoát nào hết.

Theo Luật Sư Quan, vì một lý do nào đó, từ trước ngày phiên xử diễn ra tại Huế, chính quyền đã quyết định không giải ông Cẩn ra Huế xử nữa. Nhưng cũng vì một lý do nào đó, người ta đã giữ kín quyết định, không buồn thông báo cho “*ba Tòa quan lớn*” và ông Ủy Viên Chính Phủ.”

“*Vì vậy, ngày đó tại phiên xử của Tòa án cách mạng Huế, mới có diễn ra màn hài kịch có một không hai, trong lịch sử Tư Pháp của Việt Nam Cộng Hòa*”.

2. – Phiên xử tại Tòa Án Sài Gòn.

Phần nói về phiên Tòa này được Luật Sư Quan đề tựa: “***Phiên Xử Tại Sài Gòn. Bản Án Tử Hình Đã Đoán Biết Trước.***”

Luật Sư Quan viết:

“Một điều luật trong Bộ Hình Sự Tố Tụng quy định rằng, Tòa phải và chỉ căn cứ vào hồ sơ mà thôi để phán xử, thậm chí những điều gì vị Thẩm Phán tự mình biết được, nhưng không có ghi nhận trong hồ sơ, Thẩm Phán ấy cũng không được quyền căn cứ vào sự hiểu biết riêng tư đó mà xử tội”.

Luật Sư Quan cho biết, vì trong hồ sơ được Tòa Án thiết lập để truy tố ông Cẩn về tội danh thứ hai ghi ở trên, không có bút tích gì của ông Cẩn đã ra lệnh cho Công An bắt người, tra tấn, v.v. Vì thế, theo chiến thuật của Luật Sư, suốt mấy ngày bị “hầu” Tòa, mỗi lần bị cật vấn, ông Cẩn đều điềm nhiên trả lời:

“Tôi là Cố Vấn Chỉ Đạo, không phải là người cầm quyền, không phải là cấp chỉ huy của họ, làm sao tôi có thể ra lệnh cho họ được?”

Luật Sư Quan ghi tiếp:

“Suốt các phiên xử, ông Cẩn ngồi dựa vào ghế, nhìn thẳng các Phụ Thẩm Quân Nhân, mắt ông long lên sòng sọc sau cặp kính trắng. Tôi để ý thấy vài vị Phụ Thẩm Quân Nhân (xin miễn kể tên lại đây) khi tình cò ngó xuống ông Cẩn và chạm cái nhìn căn hận đó, họ bèn lên day mặt qua chỗ khác.

Có lần một nhân chứng khai rằng y có đến nhà ông Cẩn ở Phú Cam để nhận chỉ thị của ông Cẩn. Một vị Phụ Thẩm Quân Nhân, lúc đó mang cấp bậc Đại Tá và về sau đã lên cấp Tướng kể tai ông Chánh Thẩm nói nhỏ. Ông Chánh Thẩm xoay qua hỏi nhân chứng:

- Vậy anh có thể cho biết nóc nhà của ông Cẩn lợp bằng gì hay không? (Tòa muốn kiểm soát xem nhân chứng quả thật có tới nhà ông Cẩn hay không)

- Dạ, nóc nhà lợp bằng lá.

Ai nấy đều ngạc nhiên, không tin rằng ông Cẩn mà lại ở nhà lá. Nhưng vị Phụ Thảm Quân Nhân xác nhận:

- Đúng. Nhà ông Cẩn lợp bằng lá, lợp thật khéo léo và tốn kém, cho mát.

Nói tới đó, mắt ông chạm phải nhãn tuyến cảm hận của ông Cẩn, và ngơ ngàng nhìn qua chỗ khác.

Khi nói chuyện với tôi ngoài phiên tòa, ông Cẩn vừa cảm tức vừa khinh bỉ, bảo:

- Luật Sư biết không, lúc trước mấy tên đó tới lui tại nhà tôi, khúm núm xưng “con”, xin xỏ, cầu cạnh. Bây giờ bọn nó tiếp tay để ngồi phiên tòa này xử tôi, mặc dầu họ có thể từ chối. Đúng là một lũ phản phúc...

Do không có hồ sơ, không lừa được ông Cẩn vào tròng bắt ông nhận tội, nên khi buộc tội, Thiếu Tá Đức tuy nói rất hùng hồn, nhưng chỉ kết tội dựa trên lời khai của các nhân chứng.

Khi được Tòa trao lời, đứng lên biện hộ, phần chính trong lý luận biện hộ, trước hết Luật Sư Quan giải thích:

“Cố Vấn” có nghĩa là người được tham khảo ý kiến. Còn chấp nhận ý kiến ấy hay không, chịu thi hành ý kiến ấy hay không, hoàn toàn tùy thuộc nơi nhà cầm quyền, nơi Tổng Thống Ngô Đình Diệm.

Thêm nữa, “Cố Vấn Chỉ Đạo” đúng theo văn từ, chỉ được tham khảo ý kiến về đường lối tổng quát của chế độ, chứ không phải là một chuyên viên để cho ý kiến về những tiểu tiết hành chánh hay tư pháp.

Vậy, đâu là quyền ban ra chỉ thị đi sâu vào chi tiết của cuộc điều tra trong cái vụ gọi là Vụ Gián Điệp Pháp? Đó là

quyền của Tổng Trưởng Nội vụ, của Trưởng Ty Công An, nhưng nhất định không phải là thẩm quyền của Cố Vấn Chỉ Đạo.

Ủy Viên Chính Phủ chủ trương rằng bị can ra lệnh cho một số Công An viên bắt cóc, tổng tiền và thủ tiêu các nạn nhân. Nhưng tôi xin hỏi Ủy Viên Chính Phủ: Trong hồ sơ có công văn nào giao quyền cho ông Cẩn chỉ huy bộ máy tư pháp, có một chỉ thị nào do bị can ký tên ra lệnh cho các Công An viên đó hay không?

Tuyệt nhiên không có.

Không có văn thư, không có bằng có đích xác đó, Ủy Viên Chính Phủ đành phải đưa ra nhân chứng để buộc tội ông Cẩn cho được.

Nhưng nếu không được xác nhận bằng văn thư cụ thể khách quan, có gì bảo đảm rằng đó là khẩu cung của những người nói đúng sự thật, của nhân chứng vô tư, không bị chi phối vì tư lợi, không bị mua chuộc hay hăm dọa?

Những người được gọi là nhân chứng đây, thực sự họ là ai? Họ là những nhân viên Công An bị dính líu trong vụ bắt Gián Điệp Pháp. Để chạy tội cho chính mình, dĩ nhiên họ phải đổ thừa rằng, vì khiếp sợ quyền uy của em ông Tổng Thống, họ đã phải làm những gì họ đã làm. Với bất cứ phương chúc hay thủ đoạn nào, với bất cứ giá nào, họ phải tránh cho được bản án khổ sai hay tử hình cho chính họ...

Đến đây Luật Sư Quan lái sang điều ông Cẩn nhờ ông nói và chính ông cũng muốn nói. Ông biện hộ tiếp:

Mấy nhân chứng này là những người tráo trở, lật lọng, quý Tòa không thể tin vào lời nói của họ được. Họ đã từng

khúm núm xung con với những người của chế độ cũ, họ đã từng nịnh bợ đủ cách để xin xỏ ân huệ. ngày xưa họ luôn cúi bao nhiêu thì sau cuộc đảo chánh họ càng a-dua, mặt sát, chà đạp những người cũ để mong khóa lấp quá khứ gian nịnh và lập công với chế độ mới.

Ấu đó cũng là thói đời, lắm kẻ đua nhau phù thịnh, hiếm người dám phù suy.

Thời cổ La Mã có Brutus là một Tướng tài nhưng tư cách lại quá hèn hạ. Để tiến thân, Brutus theo cầu cạnh nịnh bợ Jules César, hạ mình làm một thứ con nuôi, nên được César tận tình nâng đỡ. Đến ngày phe nghịch trong Thượng Nghị Viện mưu sát, bao vây và dùng dao đâm César túi bụi, ông chống đỡ mãnh liệt. Nhưng khi nhìn thấy Brutus cũng có mặt trong đám sát nhân đó, César than: *“Cho đến con mà cũng phản cha nữa sao?”* Rồi lấy vật áo bào che mặt, buông xuôi cho kẻ nghịch chém giết.

Rất đổi danh Tướng Brutus mà còn phù thịnh bất phù suy như vậy, thì sự tráo trở, phản phúc của các nhân chứng này chỉ là sự thường tình. Sự bội nghĩa của họ tồi tệ đến nỗi khiến họ có mặc cảm đối với bị can. Trong phòng xử này, mỗi lần chạm phải cái nhìn hờn trách của ông Cẩn họ đã hổ thẹn ngó qua chỗ khác. Điều đáng buồn cho xứ sở này là còn có nhiều người tai to mặt lớn trong giới quân sự cũng như dân sự cũng có hành động, bỏ suy phù thịnh như họ.

Vậy, lời khai của những người gọi là nhân chứng này, lời khai của những người tráo trở, vong ân muốn đổ trách nhiệm cho ông Cẩn để mong thoát khỏi số phận của Phan Quang Đông, lời khai đó có tín lực gì hay không?

Hỏi, tức là trả lời.

Tóm lại, với danh vị Cố Vấn Chỉ Đạo, ông Cẩn chỉ có quyền cho ý kiến về đường lối chính trị. Và đó chỉ là ý kiến, không có hiệu lực ràng buộc gì hết. Do đó, nếu chủ trương như ông Ủy Viên Chính Phủ rằng ông Cẩn đã ra lệnh cho Công An viên bắt bớ, giam cầm, tra tấn tống tiền, bức tử nạn nhân, thì tức là đi ngược lại văn từ phân minh.

Thêm nữa, không có một công văn, một mệnh lệnh nào do ông Cẩn ký tên sai khiến những Công An viên về việc ấy, thì đâu là bằng có cụ thể về sự chủ mưu?

Rốt lại, chỉ có những lời khai suông của những người được gọi là nhân chứng. Họ là ai? Động cơ nào thúc đẩy họ ra đây để đổ tội cho ông Cẩn? Tôi đã trình bày cặn kẽ rồi, xin miễn nhắc lại đây để khỏi làm mất thì giờ của quý Tòa.

“Căn cứ vào một hồ sơ không có bằng có rõ ràng như vậy, tôi kính xin quý Tòa tuyên xử tha bổng bị can”.

Tuy đưa ra lời yêu cầu tha bổng cho ông Cẩn theo đúng pháp luật, nhưng Luật Sư Quan cho biết:

“Tôi thừa biết không bao giờ có thể có một bản án tha bổng như vậy được”.

Phần kết luận bài biện hộ, Luật Sư Quan cố tình nói lên một điều mà cả ông Cẩn và ông cùng muốn nói, đó là làm cho mọi người thấy rằng, những người ngồi phiên Tòa xử ông Cẩn, tuy nói là để phán xử công minh, nhưng thật sự họ chỉ là công cụ của chính quyền, để tuyên bản án tử hình đã được quyết định từ trước, họ chỉ là những tên đao phủ thủ không hơn không kém. Luật Sư Quan nói đại ý như sau:

- Tôi xin có lời nói sau cùng này: Trong cuộc cách mạng năm 1789 của Pháp, Quốc Hội gọi là Convention

Nationale, bầu trong thời kỳ La Terreur (Khủng Bố) gồm đa số là những người do tên độc tài khát máu Robespierre dùng áp lực để đưa vào đó. Trước khi đem Vua Louis XVI ra xét xử tại Quốc Hội. Robespierre đã tuyên bố là phải cho án tử hình. Trong phiên Tòa đặc biệt đó, nhiều người của Convention National đã cật vấn hần học, mặt sát thậm tệ Vua Louis XVI, cho biết trước rằng họ sẽ bỏ phiếu tuyên án tử hình. Khi đứng lên biện hộ cho Louis XVI, Luật Sư Sège đã can trường nói thẳng với họ: *“Je viens ici chercher des juges, mais je ne trouve que des bourreaux”*. (Tôi đến đây tìm những vị Thẩm Phán Quan, nhưng tôi chỉ gặp những tên đao phủ thủ).

Và Luật Sư Quan tả lại thái độ của ông Cẩn khi được Tòa cho nói lời cuối cùng như sau:

Khi Tòa cho ông Cẩn nói lời nói chót, Ông điềm nhiên, chậm rãi nói rằng mình vô tội, không có quyền hành, không có ra lệnh cho các Công An viên làm sự phi pháp. Ông không van xin cầu khẩn gì hết.

Ông biết cái luật chơi tàn nhẫn của chính trị và ông có vẻ điềm tĩnh chấp nhận, mặc dầu đối tượng cuộc chơi chính là sanh mạng của mình.

Sau khi nghị án tới khuya, Tòa trở ra tuyên xử tử hình.

Sau khi Tòa tuyên án, hai Cảnh Sát viên tới xốc nách đưa ông Cẩn ra xe được về lại khám Chí Hòa. Ông ngoái lại nhìn Luật Sư Quan như muốn tỏ ra cảm ơn. Luật Sư Quan đang còn đứng nhìn theo ông lùi ngùi, thì một vài đồng nghiệp, đặc biệt là Thủ Lãnh Luật Sư Đoàn Nguyễn Văn Huyền để tỏ lòng khen ngợi can đảm và sự khôn khéo của Luật Sư, đã thực hiện một cuộc biện hộ nói lên được

nhiều khía cạnh và đầy đủ ý nghĩa đối với bị can cũng như với phiên Tòa.

Sáng sớm hôm sau, mặc dầu biết rằng 99 phần thua, chỉ hy vọng 1 phần ăn, Luật Sư Quan cũng làm ngay một đơn xin ân xá đem vào khám Chí Hòa yêu cầu ông Cẩn ký, vì Luật Sư nghĩ rằng còn nước thì cứ tát. Và Luật Sư Quan thuật lại cuộc gặp gỡ ông Cẩn trong khám sau khi ông đã bị kết án tử hình như sau:

Nói chuyện với tôi ông vẫn bình tĩnh như thường lệ...

Ông nắm tay tôi nói:

- Tôi không ngờ Luật Sư biết trước rằng sẽ thua, mà vẫn tận tâm và can trường biện hộ cho tôi suốt mấy tiếng đồng hồ. Cám ơn Luật Sư lắm.

- Tôi đã thất bại, có giúp gì được cho ông đâu mà ông cám ơn.

- Luật Sư đã nói lên giùm tôi sự tức giận của tôi đối với bọn vong ân phản phúc đó. Như vậy tôi cũng mãn nguyện lắm rồi.

Tôi đưa ông ký tên vào đơn xin ân xá. Còn nước còn tát, tôi vận dụng tất cả biện pháp luật định để mong cứu tánh mạng ông, dầu là hy vọng thật mong manh.

3. Những ngày cuối đời của ông Ngô Đình Cẩn - Một bản lãnh

Hai ngày trước khi thi hành án tử hình, chính quyền đã cho thân nhân ông Ngô Đình Cẩn biết đơn xin ân xá của ông đã bị bác và ông sẽ bị hành quyết ngày 9 tháng 5 lúc 5 giờ chiều.

Tôi được chị ông, bà Nguyễn Văn Ấm, thân mẫu Đức Hồng Y Nguyễn Văn Thuận kể lại: Sau khi được cho biết

đơn xin ân xá của ông Cẩn đã bị bác, bà vào thăm ông lần chót, ngày 7.5. Mặc dù bị canh chừng gắt gao, bà cũng tìm được cách ra dấu cho ông biết ngày giờ ông bị hành hình. Ông bình tĩnh nói với bà:

- Chị đừng buồn cho em. Dấn thân vào làm chính trị là mình đã chấp nhận chuyện nó rồi, nếu mình thua. Nay mình thua thì chuyện nó phải xảy đến thôi.

Sáng hôm sau, tức trước ngày ông bị hành hình một ngày, Linh Mục Tuyên Úy của ông vào thăm, giải tội và cho ông rước Minh Thánh Chúa lần sau cùng. Sau khi nhận các phép Bí Tích, Linh Mục Tuyên Úy chưa kịp nói gì với ông thì ông đã hỏi:

- Ngày mai họ đem con đi bắn phải không Cha?
- Cậu có sợ không?
- Con không sợ chút mô hết Cha à!

Sau đó, cháu ông, bà Trần Trung Dung cũng vào thăm. Ông nói chuyện một cách thản nhiên, bình tĩnh như mọi lần vào thăm ông trước đó, ông không hề có một cử chỉ hay lời nói nào tỏ ra lo lắng sợ sệt.

Riêng Luật Sư Võ Văn Quan, Luật Sư biện hộ của ông Cẩn, đã ghi lại cuộc gặp gỡ lần chót giữa ông và ông Cẩn như sau:

“Hơn 2 tuần lễ sau đó, (từ ngày ông Cẩn bị kết án tử hình) một bữa sáng sớm, Tòa án cách mạng đưa văn thư hỏa tốc tới văn phòng tôi báo tin đơn xin ân xá của ông Cẩn đã bị bác khước và 5 giờ chiều cùng ngày đó sẽ có cuộc hành quyết tại sân ở phía sau khám Chí Hòa.

Tôi sững sờ ngồi cầm bức văn thư trong tay một lúc rồi lập tức vào Chí Hòa thăm ông Cẩn lần cuối cùng.

Thông thường, vì lý do nhân đạo muốn tránh kéo dài sự lo sợ hãi hùng của đương sự, nhà chức trách giấu nhem, chờ tới giờ phút chót mới báo tin cho tử tội biết.

Tuân theo thông lệ đó, tôi nhất định sẽ không cho ông Cẩn biết về sự hành quyết. Điều khó khăn và khổ tâm cho tôi là làm sao giấu được sự xúc động, thương cảm của mình trong lần gặp gỡ vĩnh biệt này để ông Cẩn khỏi nghi ngờ là hôm nay sẽ bị xử tử.

Khi gặp tôi, ông Cẩn vẫn có vẻ bình thường, không biểu lộ sự khiếp đảm nào cả.

Tôi đoán thăm: *“Chắc ông không biết”*.

Lần gặp gỡ này có sự thay đổi là thay vì đứng tránh ra xa, các Công an viên lại đứng khít bên ông Cẩn và tôi. Vụ án đã kết thúc, không còn vấn đề bảo mật câu chuyện giữa thân chủ và Luật Sư nữa. Cũng có thể họ đã biết sẽ có sự hành quyết nên đứng cạnh một bên để ngăn cản không cho tôi tiết lộ tin đó với ông Cẩn.

Tôi nói với ông Cẩn rằng bữa nay tôi rảnh rỗi nên tới thăm ông như thường lệ. Lần này ông và tôi trò chuyện với nhau lâu hơn mọi khi.

Trước đó, mặc dầu đôi bên là thân chủ và Luật Sư, nhưng tôi không quen ông và không phải ông đến nhờ tôi biện hộ, nên đôi bên đối với nhau có phần dè dặt. Câu chuyện chỉ xoay quanh vấn đề xả giao, hoặc chiến thuật sẽ áp dụng tại phiên Tòa.

Lần này bỗng nhiên ông Cẩn tâm sự về thân thể của ông và tiết lộ một số bí mật, câu chuyện của ông có vẻ như là một sự trắng trối.

Tôi giật mình, nói thăm: *“Chắc ông biết”*.

...

Khi ông xoay qua giải bày đường lối chính trị của mình, tôi ngạc nhiên thấy ông ăn nói mạch lạc, hoạt bát và hùng hồn. Nhắc lại những pha sát máu ông đối phó với Việt Cộng sau khi ông Diệm lên nắm chính quyền, ông khẳng định rằng phải thẳng tay với họ cũng như họ đã sát hại phe Quốc Gia không chút nương tay. Lúc nói như vậy, ông ngẩng đầu lên, mắt sáng long lanh, mặt đỏ rần, mạnh dạn gần từng tiếng nói *“Tôi cao trào cách mạng là phải đổ máu. Tôi cao trào cách mạng là phải đổ máu”...*

Rồi ông bảo tôi: *“Luật Sư đưa tôi cái danh thiếp của Luật Sư”*.

Tôi ngạc nhiên, không hiểu đến lúc này ông còn hỏi danh thiếp của tôi để làm gì, nhưng cũng chiều ý ông. Cầm tấm danh thiếp, ông lấy bút viết nơi phía sau *“Xin hết lòng đa tạ”* và ký tên, chữ nguệch ngoạc, *“Ngô Đình Cẩn”*.

Đưa danh thiếp lại cho tôi, ông nhìn tôi, anh mắt bỗng dịu lại, và nói:

- Tôi xin gửi lại chút này để xin cảm ơn Luật Sư đã hết lòng biện hộ cho tôi.

- Thật sự tôi đâu có giúp gì được cho ông. Họ vẫn xử tối đa.

- Vấn đề không phải ở đó. Viết mấy chữ này tôi muốn tỏ lòng tri ân đối với người Luật Sư không từng quen biết tôi, nhưng đã tận tình và can đảm nói lên giữa phiên Tòa những điều gì tôi muốn nói đối với chế độ này.

Lời lẽ của ông có vẻ như một sự trắng trối.

Tôi lại nghĩ thầm: *“Chắc ông biết”*.

Nhưng ông Cẩn lại tiếp tục bình tĩnh trò chuyện, lấy

giấy vắn thuốc, phì phà hút. Rồi ông lại tằm trâu, nhàn nhai bồm bồm.

Tôi lại nghĩ thầm: “Ông có cử chỉ thần nhiên như vậy, chắc ông bình thường.

Ông Cẩn đưa bàn tay mặt siết tay tôi thật chắc, chắc và lâu hơn những lần gặp gỡ trước. Đồng thời ông luôn bàn tay trái xuống dưới găm bàn, mắt ông trừng lên và liếc xuống đó làm hiệu. Tôi nhìn xuống thấy bàn tay trái xòe trăn ra tất cả năm ngón, và gật gật nhiều lần.

Cho đến bây giờ, ba mươi năm sau, ngồi viết lại những dòng này tôi như nhìn thấy rõ ràng trước mặt bàn tay ông Cẩn xòe thẳng năm ngón làm dấu hiệu cho biết ông sẽ bị hành quyết lúc năm giờ chiều ngày đó, trong khi ấy nét mặt ông bình tĩnh như thường.

Ra về, tôi không khỏi thầm phục con người can trường, biết cái chết thê thảm đang kề gang tấc mà vẫn cố gắng giữ được phong thái thần nhiên, ung dung suốt mấy tiếng đồng hồ ngồi trò chuyện với tôi”.

Những giờ phút cuối cùng của ông Ngô Đình Cẩn tại khám Chí Hòa và tại pháp trường được Luật Sư Võ Văn Quan ghi lại:

“Ba giờ chiều ngày ấy tôi trở lại khám Chí Hòa. Lần này tôi đến văn phòng ông Quản Đốc chứ không đi thẳng tới phòng giam ông Cẩn như mọi khi trước. Tại đây có Thiếu Tá Đức và một vài người nữa mà bây giờ tôi không còn nhớ rõ là ai. Mọi người có vẻ mặt nghiêm trọng như kẻ đi dự đám tang, không ai nói gì nhiều, ngoài những điều chào hỏi và vài câu chuyện xã giao. Thiếu Tá Đức và tôi, sau những đưng độ tại phiên xử, đã có sự cảm thông, không còn coi nhau như địch thủ nữa. Ông và tôi thân mật bắt tay hàn huyên.

Sau một lúc, Thiếu Tá Đức để nghị: “*Thôi mình đi. Đã tới giờ rồi*”.

Theo chân ông Quản Đốc, đoàn người bước lên cầu thang dẫn đến lầu ba, chỗ giam ông Cẩn. Tiếng những đế giày da cứng, nện trên các bậc xi măng, vang dội rộn người trong không khí bí bưng, vắng lặng và âm u của những cầu thang quanh co.

Đến nơi của phòng giam đã mở sẵn. Đoàn người lặng lẽ bước vào.

Nghe tiếng giày, ông Cẩn chắc biết rõ phái đoàn đến đây để làm gì. Ông thản nhiên không nhìn và không chào hỏi. Ông tiếp tục nằm trên giường, khép mắt, hai tay chấp trước ngực, lần chuỗi hạt có treo cây Thánh Giá nhỏ, miệng lầm rầm cầu nguyện. Vị Linh Mục đứng bên cạnh giường cùng đọc kinh với ông.

Bóng đèn điện từ trên trần nhà tỏa xuống một màu vàng vọt thê lương như ánh sáng những ngọn nến leo lét cắm trên quan tài.

Trong giờ khắc một đời người sắp thảm thiết bị hủy diệt, không khí trong phòng giam kẻ tử tội bỗng nhiên đượm vẻ vừa trang nghiêm, vừa ảm đạm, vừa rùng rợn. Căn phòng như thuộc về một cõi vô thực, cách biệt hẳn với thế gian.

Thiếu Tá Đức đến bên giường, long trọng đọc bản tuyên xử bác đơn xin ân xá của ông Cẩn, dư âm cuối cùng của bi hài kịch đã diễn tại phòng xử của Tòa án cách mạng. Những hình ảnh phiên xử thoáng hiện trong trí tôi rõ rệt, mà cũng xa xôi diệu vợi như thuộc về một kiếp khác...

Ông Cẩn im lặng nghe đọc bản án bác đơn xin ân xá.

Ông tiếp tục nằm trên giường, khép đôi mắt, không nhìn và không nói gì với Thiếu Tá Đức.

Tôi bước tới, đặt hai tay trên hai bàn tay của ông. Tay ông nóng hổi, mặt ông ửng hồng trong cơn sốt. Ông từ từ mở mắt, lặng lẽ nhìn tôi.

Quá cảm động, tôi chỉ biết nói câu an ủi tâm thường, băng quơ: *“Thôi, ông Cố Vấn đừng quá đau buồn. Trên cõi đời này, sớm hay muộn, rốt lại ai cũng phải ra đi”*.

Ông nhìn tôi điềm tĩnh nói: *“Luật Sư đừng có buồn cho tôi. Tôi đi theo mấy ông anh của tôi. Tôi trở về với Chúa. Tôi không sợ chết đâu. Nhưng tôi lo cho Luật Sư. Lúc cãi cho tôi, Luật Sư đã đụng chạm tới họ. Không biết Luật Sư ở lại có bị họ làm khó dễ hay không”*.

Tôi ứa nước mắt nói: *“Không sao đâu, ông Cố Vấn đừng lo cho tôi. Xin cầu chúc ông Cố Vấn được vào nước Chúa”*. Tôi rời khỏi giường để vị Linh Mục làm lễ và cùng cầu nguyện với ông Cẩn’.

Người viết được Linh Mục Tuyên Ủy của ông Cẩn cho biết, trước mặt mọi người, ngài đã hỏi ông Cẩn hai lần:

- Cậu có tha thứ cho những người đã làm khổ Cậu và gia đình Cậu không?

Cả hai lần ông Cẩn đều nói lớn và rõ ràng:

- Con tha thứ.

Tiếp lời Luật Sư Quan:

Khi buổi lễ hoàn tất, Thiếu Tá Đức ra lệnh đưa ông Cẩn ra khỏi phòng giam. Vì ông đau yếu nên có hai người cai ngục xốc vai ông diu xuống cầu thang. Tới dưới đất người ta đặt ông lên một cái xe brancard, đẩy đi xuất từ hành lang này qua hành lang kia bên trong khám đường (đoạn

đường dài khoảng vài trăm thước) dài vô tận. Phái đoàn đi theo sau brancard.

Suốt lộ trình ông Cẩn lâm râm cầu nguyện... .

Khi đến cửa ở cuối hành lang, người ta đỡ ông Cẩn xuống xe brancard. Ông chậm rãi bước tới cửa. Sau không khí âm u tù túng trong hành lang quanh co, chợt bước ra khỏi cửa, ánh sáng chói chang và không gian bát ngát bên ngoài làm cho choáng váng.

Cạnh bên cửa sổ, cái cọc định mạng đã đóng sừng sững xuống đất. Toán lính của đội hành quyết xếp hàng đối diện với cái cọc, súng ống sẵn sàng. Xa xa, đám quần chúng hiếu kỳ chen chúc lao xao sau hàng rào Cảnh Sát giữ trật tự. Tiếng bàn tán, reo hò của họ khi thấy ông Cẩn bước ra làm tôi nhớ lại tiếng công chúng la hét trước Pháp Đình Huế một buổi bình minh lạnh lẽo ẩm ướt mưa phùn thuở nào.

Thiếu Tá Đức và những người trong phái đoàn bước tới khán đài gần đó. Tôi ở lại, đứng bên cạnh ông Cẩn. Hai người lính bước tới dẫn ông đến cái cọc, trói ngoặc hai cánh tay ông ra sau lưng, ghì chặt vào cọc. Ông tiếp tục lâm râm cầu nguyện. Vị Linh Mục làm phép Thánh và đưa cây Thánh Giá đến miệng ông Cẩn cho ông hôn.

Một người cai ngục trẻ tuổi, mặt mày hiền lành, bước tới nói với ông Cẩn, giọng thành khẩn: *“Thưa ông tên Thánh con là Phêrô. Ông lên tới nước Chúa xin ông cầu nguyện cho con”*. Ông Cẩn lặng thinh, nhẹ nhàng gật đầu.

Tôi bước tới bên cọc, siết bàn tay bị trói của ông lần cuối cùng, nghẹn ngào, không nói được gì.

Một người lính trong đội hành quyết đem cái khăn vải

đen bước tới, toan bịt mắt ông Cẩn. Tới lúc đó ông mới không giữ im lặng nữa. Ông lắc đầu, nói lớn: “*Tôi không chịu bịt mắt. Tôi không sợ chết*”. Nhưng người ta vẫn buộc cái khăn vào, cột vụng về thành thử không phải chỉ có hai con mắt mà gần trọn cái mặt bị bịt lại... ..

Bị bịt mắt, ông Cẩn vẫn còn lên tiếng phản đối, vùng vẫy cái đầu... .

Một tiếng hô.

Một loạt súng nổ.

Đạn bắn mạnh vào làm cho thân hình người tử tội bật ngược lên, giấy này, rồi rũ xuống...

Viên Sĩ Quan Chỉ Huy Đội Hành Quyết bước tới cọc, dí súng vào màng tang ông Cẩn, lạnh lùng bắn phát đạn ân huệ. Đầu ông Cẩn giấy lên rồi gục xuống.

Hoàng hôn chập xuống, âm đạm, tang tóc.

Tối hôm đó tôi uống thuốc để cố gắng tìm giấc ngủ, nhưng vẫn trần trọc, thao thức suốt đêm.

Bao nhiêu hình ảnh của vụ án cứ mãi dồn dập, quay cuồng trong tâm trí tôi: ... Suốt thời gian đó, vô hình chung, tình cảm của tôi đối với ông lần lần thay đổi, lúc đầu, cũng như mọi người, tôi phần nộ khi đọc những bài báo tường thuật tội ác của “*Lãnh chúa miền Trung*”. Về sau, mặc dầu nhận lời bà Trần Trung Dung biện hộ cho ông Cẩn, tôi không có thiện cảm đối với ông. Những lần tiếp xúc giữa đôi bên trước khi có phiên xử chỉ lạnh nhạt xoay quanh câu chuyện xã giao và chú trọng vào chiến lược sẽ áp dụng trong phiên Tòa cách mạng. Nhưng lần lần, ngoài ý thức của tôi, sự lạnh nhạt buổi đầu đã biến thành sự khâm phục và thương tâm.

Khâm phục: Đối với người đã can trường chấp nhận cái thua trong ván bài chính trị được ăn cả ngã về không, mà đối tượng là sanh mạng của mình. Khi phải đem máu để trả nợ máu, ông đã giữ im lặng, không một lời van xin, không một tiếng than thở. Đến lúc chót, đứng trước Tiểu Đội Hành Quyết, ông khẳng khái đòi được mở mắt nhìn thẳng vào cái chết, phản đối không chịu bị mất.

Thương tâm: Đối với người sùng đạo, trước cái chết thảm thiết mà vẫn bình tĩnh đặt niềm tin nơi Đấng Thiêng Liêng.

Tôi nghĩ rằng, là con người, khi chúng kiến cái chết, nhứt là cái chết thảm thiết, của một con người bất cứ là ai, dầu người chết là kẻ gian ác chẳng nữa không người nào khỏi cảm thấy một mối thương tâm... một sự mất mát nào đó.

Do sự ngẫu nhiên của cuộc đời, mấy mươi năm sau vụ án này, tôi gặp lại bà Trần Trung Dung khi bà tới định cư tại Orlando, Florida. Bà thành là bạn thân thiết của gia đình tôi. Thịnh Thoảng khi nhắc lại chuyện xưa, bà tường thuật mọi chuyện rõ ràng hơn lúc còn ở quê nhà. Bà kể tên những người trong cuộc, kể lại những sách nhiễu tiền bạc bi ối, những thủ đoạn lừa lọc gian manh đằng sau vụ án Ngô Đình Cẩn.

Ngậm ngùi thay cho đất nước vào hồi mạt vận nên phải gặp những kẻ gian xảo, vô tài bất lương.

Kết thúc bài tường thuật về cuộc xét xử ông Ngô Đình Cẩn và coi việc ông nhận biện hộ cho ông Ngô Đình Cẩn như là một cơ may ông được gặp trong suốt đời hành nghề Luật Sư của ông, Luật Sư Quan viết:

“Mấy mươi năm hành nghề làm cho tôi thấy rằng nghề Luật Sư không phải chỉ có cái hào quang của những lúc thành công và những khi được bình vực cho người mình mến phục, mà còn kèm theo cái Nghiệp phải biện hộ cho những người mình không có cảm tình, hoặc cho những lập trường mình không tán thành. Cái Nghiệp phải chứng kiến cảnh hành quyết những người mình bắt tài không cứu được mạng sống... Cái Nghiệp đầy những lo âu, đau buồn, có khi đắm lẹ.

Nhưng càng đi sâu vào nghề và với tuổi đời càng chững chắt, tôi nhận thấy rằng đó không còn là cái nghiệp nữa, nhưng là một cơ may.

Một cơ may huyền diệu đưa tới cho tôi cho tôi những sự thử thách tuy cam go, nhưng hào hứng và sáng tạo.

Một cơ may giúp tôi có một nhân sinh quan phong phú hơn, sâu rộng hơn, giúp cho tôi nhận thức rằng ai ai cũng là một điểm linh quang của Thượng Đế, chỉ khác nhau về điểm linh quang ấy bị lu mờ ít hay nhiều bởi dục vọng của mỗi cá nhân. Nhân sinh quan đó làm cho giảm bớt tham, sân, si trong tôi, đưa tôi sự an lạc trong tâm hồn..., tất cả mọi người, đúng theo giáo lý trùng trùng duyên khởi của Đức Phật, đều có mối tương quan mật thiết với nhau, đều là bạn đồng hành trong đại trùng dương của đời sống của muôn loài vạn vật”.

Ông Huỳnh Văn Lang, người đã cùng với mấy người bạn từ ngoại quốc được Thủ Tướng Ngô Đình Diệm mời về tham chánh trong Chính Quyền của ông. Qua suốt 8 năm giữ chức Tổng Giám Đốc Viện Hối Đoái Quốc Gia, chưa bao giờ ông gặp ông Cần. Mặc dầu một dịp đến Huế, năm

1957, có người khuyên ông nên vào chào ông Ngô Đình Cẩn, nhưng ông đã từ chối. Vì ông coi ông Cẩn là người ít học, và ông lại hay khinh khỉnh với những người thiếu học thức. Sau đảo chánh 1.11.1963 ông bị bắt giam trong khám Chí Hòa nhằm thời gian ông Cẩn bị hành hình, đã viết về tư cách của ông Cẩn trong những giây phút cuối cùng của đời ông như sau:

“Tôi rất tiếc vì không gặp ông, không biết mặt ông, nhứt là sau này khi nghe người ta thuật lại lời ông nói trước khi đi ra cửa sau khám Chí Hòa để thọ hình. Theo luật nhà tù, đúng lý ra ông phải mặc áo trắng, nhưng ông đã tha thiết yêu cầu được mặc áo dài đen, ông muốn chết trong Quốc Phục Việt Nam và là áo của mẹ già ông may cho ông, khi bà còn may được. Ngoài ra ông còn tuyên bố là ông tha thứ cho những người giết ông, như người Công Giáo thường làm.

Đó là những lời yêu cầu mà Giám Thị ngục đã kể cho chúng tôi mà Cha linh hồn của ông Cẩn và bà Trần Trung Dung hay thuật lại cho bà con hay quen biết (trong đó có vợ chồng tôi) nghe, những khi mà có người muốn xin bà kể lại những giờ phút sau hết của người cậu của bà. Ông Cẩn nhận đơn bị bác của Tướng Dương Văn Minh, 4 giờ chiều và tới 7 giờ trời chưa tối, khi hai người lính cai ngục của Đại Tá Luyến, Giám Đốc ngục, lên lầu xốc ông Cẩn xuống, bỏ lên xe đẩy ra cửa sau và dìu ông ra pháp trường.

Trong giờ phút đó mà còn nói được những lời yêu cầu đó thì bạn đọc nghĩ sao về con người đó, vì ngoài tình tự quê hương, lòng tha thứ, còn có tình hiếu thảo. Về tình tự quê hương, thì bao nhiêu anh hùng Việt Nam trước khi

thọ hình còn có lắm lời thương nước thương giống nòi oanh liệt hơn ông Cẩn nhiều, nhưng có ai đã nghĩ đến mẹ mình trong giờ phút đó như Chúa Giêsu. Nhiều người có nói: Ông Cẩn là người rất hiếu thảo với mẹ. Nếu đúng vậy chắc chắn ông đã dành giây phút sau hết để đem linh hồn mình về tận Huế, hoặc giả hình ảnh bà cụ già đã hiện ra trong đầu óc ông, để rồi dần dần biến theo làn khói của miệng súng sáu kết liễu đời ông.

Trước kia tôi cho Cố Trầu là bậy, đến bây giờ tôi vẫn cho ông là bậy, tôi hay khinh khỉnh những người thiếu học thức, thiếu văn hóa mà lại nắm quyền hành to lớn, như người lính cai trị chẳng hạn. Nên tôi không bao giờ thương tiếc ông hay bênh vực ông, nhưng tôi phục ông, vì tôi sẽ không được bằng ông, nếu phải ở trong hoàn cảnh sau hết như ông. Và tôi tưởng rằng các Tướng Tá và ai ai nữa đã trách nhiệm về cái chết đó sẽ không bao giờ bằng ông, nếu phải ở trong một hoàn cảnh sau hết như ông, và những lời yêu cầu sau hết của ông có thể sẽ để nhục cho những người đã giết ông.

Năm mươi năm hay 100 năm sau này, trong lịch sử Việt Nam cái trường hợp của một Ngô Đình Cẩn có thể chỉ là một tiểu tiết không đáng hai hàng chữ. Tuy nhiên hiện giờ nhà sử hay nhà văn có muốn viết về ông Cẩn, tôi XIN, nếu có viết về nhiều tội ác của ông, cũng phải viết về cái chết của ông, người ta đã thi hành lệnh trên, lời ra pháp trường một người đã già yếu bệnh hoạn, cũng là một hình thức bán khai của những người có trách nhiệm định đoạt hay làm áp lực trách nhiệm về cái chết đó.

Ngoài ra còn phải ghi thêm những lời yêu cầu sau hết của ông, vì là những lời nhắn gửi cho những người còn

sống lại sau ông và những thế hệ kế tiếp, vì nó chứa đựng những giá trị dân tộc, cần phải giữ gìn và mắm muối lại. Có như thế, người viết văn hay viết sử mới được kể là lương thiện, cũng là công bằng, một đức tính tối thiểu, nhưng lại là quan trọng nhất, như đã có lần Giáo Sư Chính Đạo Vũ Ngự Chiêu đã nhắc nhở tôi điều đó.

Tôi có đọc lịch sử thế giới và lịch sử Giáo Hội, chưa thấy có một anh hùng nào, không có một Thánh Tử Đạo nào có một lời trời trăng hay yêu cầu gồm cả 3 ý nghĩa như thế. Ông Cẩn đã theo gương Chúa của ông. Trên thập giá, những lời sau hết của Chúa Jésus là trời gửi mẹ mình *“Gioan, đây là mẹ con”* và tha thứ *“xin Cha tha cho chúng, vì chúng không biết”*.

Ở đây không có vấn đề so sánh, vì làm sao so sánh được, vì một đảng là Thánh Chúa và siêu việt, một đảng là con người. Nhưng là một con người trong giờ phút đó còn nhớ đến mẹ mình, còn biết tha thứ và còn tha thiết tình tự quê hương, đất nước. Ông Cẩn, khi ra pháp trường đã mặc chiếc áo dài đen quốc phục, cái áo dài đen đã hóa thành một cái bóng ma lờn vờn trong giấc ngủ của tôi, nhiều đêm trong khám Chí Hòa và lâu lâu còn trở lại với tôi ở Trung Tâm Cải Huấn Tam Hiệp, Biên Hòa. Không biết vì đâu, mà xưa nay mỗi lần nói đến ông Cẩn, tôi hình dung ông là một ông già bệnh hoạn, luôn luôn ăn trâu bò bô và luôn luôn mặc chiếc áo dài đen...

Những lời yêu cầu hàm xúc cả ba giá trị ngàn đời của dân tộc nói trên, có sức đủ để xóa bỏ tất cả mọi tội ác hay lỗi lầm của ông Cẩn không? Theo tôi, có thể là chưa đủ. Tuy vậy, tôi vẫn tiếc vì không biết mặt của con người đó,

nhút là trong một cơn ác mộng, tôi muốn tìm cho ra bộ mặt thật của ông, nhưng chỉ thấy phát phối giữa đen tối bao bùng, chỉ mỗi một cái áo dài đen với những gương mặt xanh biếc ma chơi, có hình dáng của một Tướng lùn có một bộ râu dê hơi hể hể, có một Tướng vạm vỡ có bộ mặt “*bu bu*” đầy thù hận, còn có một thầy tu có cặp mắt hung hăng đầy sát khí và một Đại Sứ có một bộ mặt tướng cướp, có cái cười gian hùng...

Hai ông Tướng (oai hùng mà), một ông thầy tu (từ bi mà), và một ông Mỹ (ngoại giao mà), có thể hiện giờ bốn ông đều cho mình là vô tội, vì đã tìm được một lý do để đưa banh chuyển cho nhau. Vậy ai là người có trách nhiệm về cái chết vô ích đó, vô ích vì đã có hai mạng rồi? Nói vô ích vì chưa đúng hẳn, vì cũng là một cái chết nhục nhã cho người chết, nhưng có làm nhục nhã luôn cả những người giết ông không? Thử hỏi. (*Nhân Chứng Một Chế Độ*. Tập 1. Trang 522)

Tại phiên Tòa “*hục*” xử ông Cẩn ở Huế, có tới mấy ngàn người tập trung từ sáng sớm dưới trời mưa lạnh, và họ được chỉ huy để hò reo, la hét đả đảo, đòi xử tử ông Cẩn. Tại sân sau khám Chí Hòa, khi ông Cẩn được dẫn tới cây “*cọc tử thần*”, cũng có một số đồng chờ sẵn, hò reo vui mừng. Một hình ảnh không khác gì hình ảnh những phiên tòa nhân dân xử “*địa chủ*” trong cái được gọi là “*cải cách ruộng đất*” ở miền Bắc năm nào.

Họ thuộc thành phần nào, nhất là ở Huế? Chắc chắn thân nhân những người được gọi là “*nạn nhân trong vụ án Gián điệp Miền Trung*” không thể đông đến con số mấy ngàn người. Vậy họ từ đâu đến? Không ai biết. Nhưng người ta biết họ được chỉ huy.

Đọc phần Luật Sư Võ Văn Quan miêu tả quang cảnh phiên xử ông Cẩn tại Huế và khi ông thọ án tại sân sau khám Chí Hòa, tôi nhớ đến thời kỳ từ 1958 đến năm cuối Đệ I Cộng Hòa, những ai có điều kiện nghe đài phát thanh Hà Nội, và sau đó thêm đài giải phóng miền nam, đều biết, mỗi lần nói đến những “mất mát” của “*cách mạng miền Nam*”, họ đều đòi phải xử “*tử hình*” hai thầy trò “*Ngô Đình Cẩn và Dương Văn Hiếu*”, mà họ gọi là hai tên “*đại gian ác*”. Không biết quang cảnh xảy ra tại hai nơi kể trên, có liên hệ gì đến sự đòi hỏi của chế độ cộng sản miền Bắc, được phát thanh từ hai đài Hà Nội và mặt trận giải phóng miền nam không?

Mặc dù ông Ngô Đình Cẩn không chết cùng một lúc và cùng một cách như hai ông anh của ông, Tổng Thống Ngô Đình Diệm và ông Cố Vấn Ngô Đình Nhu. Nhưng không thể tách cái chết của ông ra là một trường hợp riêng biệt. Vì cả ba người cùng đã phải chết vì một nguyên nhân như tôi sẽ trình bày trong chương nói về Đảng Cẩn Lao. Theo hiểu biết của tôi, sự kết hợp không thể tách rời giữa ba ông Diệm, Nhu, Cẩn, là do sự sắp xếp của gia đình để thực hiện lời trăng trối của thân phụ.

Xin được nhắc lại, tất cả các con Cự Ngô Đình Khả đã thể hứa với Cự trước khi Cự trút hơi thở cuối cùng, sẽ cùng với ông Diệm thực hiện bằng được ước vọng của Cự: ***Tranh đấu dành lại một nền độc lập hoàn toàn và thực hiện cuộc cải tạo xã hội xóa bỏ bất công.***

Vì vậy, sau khi Cự Khả qua đời, ông Ngô Đình Khôi trong trách nhiệm quyền huynh thế phụ, quyền này được tôn trọng một cách tuyệt đối trong gia đình họ Ngô,

không bỏ lỡ dịp sum họp gia đình nào mà không nhắc nhở các em: “*Chúng ta phải sống cho ước vọng của cha*”, đặc biệt với các ông Diệm, Nhu, Cần là ba người con trai còn ở lại trong gia đình.

Khi chủ nghĩa cộng sản xuất hiện tại Việt Nam, năm 1930, anh em họ Ngô nhận thấy cái tạo xã hội theo chủ trương vô thần và luận điểm chuyên chính vô sản của chủ nghĩa này là điều không thể chấp nhận được. Hai ông Ngô Đình Khôi và Ngô Đình Diệm liền đưa ông Ngô Đình Nhu qua Pháp để nghiên cứu một sách lược cải tạo xã hội theo ước vọng của thân phụ. Khi ấy ông Nhu vừa hoàn tất chương trình tu học tại Tiểu Chúng Viện Anh Ninh.

Phần ông Diệm, được thân phụ trao trách nhiệm lãnh đạo cuộc tranh đấu, ông đã hy sinh mọi hạnh phúc riêng tư, hiến dâng cả cuộc đời để thực hiện ước vọng của cha. Vì thế, khi được Vua Bảo Đại vời tới giao chức Thượng Thư Bộ Lại, ông đã lấy việc “*được cải tổ xã hội Việt Nam*” làm điều kiện để nhận lãnh trách nhiệm (*Con Rồng Việt Nam*. Trang 92). Nhưng chỉ sau bốn tháng tại chức, nhận thấy quan trường dưới chế độ Bảo hộ không phải là nơi giúp ông thực hiện được lời đã thề hứa với cha, ông rũ áo từ quan, trả lại tất cả mọi chức tước được Triều Đình ban cấp từ trước (*Con Rồng Việt Nam*. Trang 92), để được tự do lựa chọn con đường hành động riêng của mình.

Bắt đầu từ thời gian này, ông Ngô Đình Cần thực sự giữ nhiệm vụ yểm trợ các anh trên con đường thực hiện lý tưởng chung. Để dễ bề thi hành phận vụ, ông đã giả từ học đường và theo gương anh, ông Ngô Đình Diệm, hy sinh hạnh phúc của riêng mình, dành hết thời giờ phụng

dưỡng mẹ già, quán xuyến việc gia đình, để các anh yên tâm thi hành phận sự của mỗi người. Ông đã phải đối phó với nhiều khó khăn nguy hiểm suốt thời gian từ khi ông Diệm thoát được cuộc vây bắt của chính quyền thực dân Pháp (tháng 3. 44), đặc biệt là với chính quyền Việt Minh, sau khi họ thủ tiêu ông Ngô Đình Khôi và người cháu đích tôn của dòng tộc họ Ngô, cậu Ngô Đình Huân, bắt và quản thúc ông Diệm tại Bắc Việt. Cùng lúc, ông vẫn thực hiện nhiệm vụ phổ biến đường lối, mục đích cuộc tranh đấu, tổ chức cơ sở, thâm nhập đồng chí tại miền Trung. Khi ông Diệm bốn ba hải ngoại, ông phụ trách thông tin qua lại giữa ông Diệm và các đồng chí, các cơ sở, thu gom tài chánh từ các bà chị, đôi khi từ các đồng chí, giúp ông Diệm có phương tiện hoạt động ở nước ngoài.

Khi ông Ngô Đình Diệm nhận lãnh trọng trách lãnh đạo Quốc Gia, ông Ngô Đình Cẩn không tham gia chính quyền, nhưng vẫn giữ nhiệm vụ yểm trợ các anh trong vị thế một người dân. Ông đã tích cực đóng góp tâm trí, công sức trong công tác xây dựng và củng cố Chế Độ Cộng Hòa, chống lại tham vọng thôn tính miền Nam của cộng sản miền Bắc, như quý độc giả đã thấy trong phần “*công việc*” của ông.

Tóm lại, từ những bước đầu trên con đường tranh đấu, đến khi nắm chính quyền, cho đến lúc bị lật đổ, ba anh em: Ngô Đình Diệm, Ngô Đình Nhu, Ngô Đình Cẩn, không khi nào xa rời nhau trong nhiệm vụ thực hiện lý tưởng cách mạng của dòng tộc họ. Họ đã cùng chia sẻ những khó khăn vất vả trong cuộc sống, cùng có những hy sinh lớn lao trong đời sống riêng tư, cùng trải qua mọi gian nguy

hiếm trên các chặng đường tranh đấu, cùng nhận lãnh những vinh quang của sự thành công bước đầu: Khai sinh, xây dựng, phát triển Chế Độ Cộng Hòa cho Việt Nam, và đã cùng chết trong uất nghẹn vì ước mơ “*Cải Tạo Xã Hội Việt Nam*” chưa đạt.

Từ khi ông Ngô Đình Cẩn bị bắt giam cho đến sau khi ông bị giết, những danh từ “*Cậu Út Trầu*”, “*Ông Cố Vấn*”, “*Lãnh Chúa Miền Trung*”, đã khá phổ biến trên một số mặt báo tại Sài Gòn. Từ những danh từ này, người ta đã tô vẽ thành những chiếc “*mặt nạ thật ghê tởm*” chụp lên mặt ông Cẩn.

Nhưng qua phần “*công việc*” của ông Ngô Đình Cẩn mà tôi đã kể lại với sự thú nhận của đối phương, và những lời tường thuật, nhận xét, của Luật Sư Võ Văn Quan và ông Huỳnh Văn Lang, quý độc giả chắc đã nhận ra con người thật Ngô Đình Cẩn.

Qua con người thật và bản lãnh của ông Cẩn, hy vọng các thế hệ đến sau, đặc biệt là những người chọn con đường chính trị để dẫn thân phục vụ Đất Nước và Dân Tộc, có thể rút ra được những bài học hữu ích.

Chương V. Cần Lao Nhân Vị Cách Mạng Đảng

1. Lý thuyết

Lý thuyết của Cần Lao Nhân Vị Cách Mạng Đảng là chủ nghĩa Nhân Vị Á Đông do ông Ngô Đình Nhu đề xướng. Cũng như tất cả các chủ nghĩa và học thuyết khác thường được ra đời do một hoàn cảnh lịch sử, chủ nghĩa Nhân Vị Á Đông được ra đời do sự đòi hỏi của hoàn cảnh lịch sử Việt Nam thời kỳ những năm 30-40.

Đầu năm 1930 đảng Cộng Sản Đông Dương (Việt, Miên, Lào), mục đích của đảng này là quảng bá và thực thi chủ nghĩa Cộng Sản, một chủ nghĩa chủ trương vô thần, vận động một cuộc cải tổ xã hội bằng thực hiện đấu tranh giai cấp, gieo rắc hận thù, xóa bỏ truyền thống, tập tục, nếp sinh hoạt, nền đạo lý của xã hội cũ. Tạo dựng một hệ thống xã hội và kinh tế mới mà trong đó mọi phương tiện sản xuất kể cả con người, cũng như sản phẩm đều là cộng hữu. Tất cả đều do nhà nước quản lý và phân phối.

Cải tổ xã hội để giải phóng con người là mục đích cuối cùng của công cuộc tranh đấu mà các con Cụ Ngô Đình Khả hằng theo đuổi để thực hiện ước vọng của Cụ. Nhưng nhận thấy cải tổ xã hội theo đường lối của đảng Cộng Sản là một việc làm cực kỳ nguy hại, nó sẽ làm sụp đổ từ nền móng, luân lý, truyền thống đạo đức của dân tộc. Nhằm tìm một đường lối cải tổ xã hội không gây ra những nguy hại như chủ nghĩa Cộng Sản, ông Ngô Đình Khả đã đưa ông Nhu qua Pháp du học.

Ông Ngô Đình Nhu khi ấy mới hai mươi tuổi, nhưng tính tình trầm tĩnh, ít nói, thích suy nghĩ và có một khả năng nhận xét, phán đoán rất khoa học. Qua Pháp, ông thi vào trường Ecole des Chartes (Cổ Điển Học Hiệu) theo môn Cổ Học để có môi trường nghiên cứu, sưu tầm các yếu tố chính trị, kinh tế, xã hội xưa và nay, khả dĩ giúp ông xây dựng được một hệ thống tư tưởng tiến bộ, nhưng phù hợp với nền kinh tế, văn hóa và hoàn cảnh xã hội của Việt Nam.

Khi đã thành tài, phải hồi hương, nhưng công việc nghiên cứu vẫn chưa hoàn tất nên, theo nhật báo *Cách Mạng Quốc gia* thời Đệ I Cộng Hòa Việt Nam, số ra ngày 25.10.1962:

“Cùng trong năm 1938, sau khi đậu Cử Nhân Văn Chương và tốt nghiệp trường Cổ Điển Học Hiệu tại Ba Lê, ông trở về phục vụ. Nhà đương cuộc Pháp mời ông đảm trách chức vụ quan trọng trong guồng máy cai trị, nhưng ông đều từ chối, chỉ nhận chức vụ hoàn toàn chuyên môn: Chánh Sự Vụ Sở Sưu Tầm Tài Liệu Tổng Quát tại Thư Viện Trung Ương Đông Dương (Hà Nội 1938-1942), để có dịp tiếp tục nghiên cứu các nền văn minh Âu, Á, các tổ chức chính trị, xã hội, kinh tế hiện đại cùng các trào lưu

tiến hóa của nhân loại. Chính nhờ ở công cuộc khảo cứu uyên thâm này và nhờ ở đức sáng tạo phong phú hiếm có mà Chủ Nghĩa Nhân Vị Á Đông đã chớm nở và phát triển mạnh mẽ.

Từ 1942 đến 1945, ông liên tiếp giữ chức Chánh Sự Vụ Sở Văn Khố và Thư Viện Trung Phần, và Tổng Giám Đốc Nha Văn Khố và Thư Viện Việt Nam.

Ông Ngô Đình Nhu đặc biệt quan tâm đến lực lượng lao động và hoạt động mạnh mẽ cho Phong Trào Nghiệp Đoàn.

Ông là người sáng lập Liên Đoàn Lao Công Việt Nam. Đường lối hoạt động của Liên Đoàn do ông hoạch định và soạn thảo.

Trong những năm 1949, 1950, tiếng tăm của ông lừng lẫy sau những buổi diễn thuyết về “Chủ Nghĩa Nhân Vị” và “Học Thuyết Xã Hội Nhân Bản” tại Đà Lạt, Hà Nội, Huế, Sài Gòn.

Năm 1950, ông Ngô Đình Nhu thành lập và là Chủ Bút Tạp Chí “Xã Hội”, mà đường lối đấu tranh đã gây một ảnh hưởng sâu rộng trong các giới thức giả Việt Nam”.

Để quý độc giả có một ý niệm khái quát về chủ nghĩa Nhân Vị Á Đông và Học Thuyết Xã Hội Nhân Bản do ông Ngô Đình Nhu đã nghiên cứu và hình thành, dưới đây, tôi xin trích nguyên văn lời ông giải thích vắn tắt về chủ nghĩa và học thuyết này, trong buổi sinh hoạt với các Cán Bộ Xây Dựng Ấp Chiến Lược Khóa VIII dành cho các Giáo Sư Đại và Trung Học, ngày 8.1.1963 tại Trung Tâm Thị Nghè và cuộc nói chuyện với Cán Bộ Xây Dựng Ấp Chiến Lược tại một Tỉnh miền Trung cũng vào đầu năm 1963.

Tại Thị Nghè, ông nói: “... mình đánh nhau với Cộng Sản, bây giờ Cộng Sản nó đánh mình với một Ý Thức Hệ, mà chúng ta không có một Ý Thức Hệ cứng rắn, rõ ràng, trong tâm trí chúng ta để đối lại, để có lẽ sống mà đánh Cộng Sản thì chúng ta sẽ bị ý thức hệ Cộng Sản lan tràn lung lạc”.

Một vị Giáo Sư, ông Vũ Quốc Thúc, hỏi:

Hỏi: Ông Cố Vấn Chính Trị có nói, có thể đây là Ý Thức Hệ (Nhân Vị) toàn diện. Chúng tôi thấy trong một Quốc Gia khó thống nhất được các Ý Thức Hệ. Về Ý Thức Hệ có người theo tôn giáo này, có người theo tôn giáo kia, có người không theo tôn giáo nào. Vì vậy, về vấn đề Ý Thức Hệ toàn diện chúng tôi thấy nó khó như vậy.

Đáp: Chúng tôi nói Ý Thức Hệ toàn diện, là có ý nói về sự toàn diện của con người. Con người có ba phương diện:

- Phương diện thứ nhất là đời sống Nội Tại (bề sâu) có: Tự do, trách nhiệm, siêu nhiên, tình thương.

- Phương diện thứ hai là đời sống Cộng Đồng (bề rộng) có: Sống với cộng đồng gia đình, cộng đồng xã hội, cộng đồng quốc gia, cộng đồng nhân loại và sống trong thiên nhiên.

- Phương diện thứ ba là đời sống Siêu Nhiên (bề cao) có: Sự hướng lên với cái gọi là Toàn Chân, Toàn Mỹ, Toàn Thiện. Cái Toàn Chân, Toàn Mỹ, Toàn Thiện đó, người này nói là Thiên Chúa, người kia nói là Thần Chủ, người nọ nói là Thượng Đế, người khác nói là Đấng Chí Tôn... cái đó mình không đi sâu vào, nhưng ai cũng biết là mình có Chiều Cao hướng lên với cái ta gọi là Toàn Chân, Toàn Thiện, Toàn Mỹ.

Cái căn bản triết lý ấy không ít thì nhiều cũng có va chạm vào các tôn giáo, tín ngưỡng cổ truyền của xứ sở.

Nhưng chuyện phải dứt khoát với một số thái độ, thái độ triết lý, tín ngưỡng hay là cảm tình cổ truyền là một cuộc Cách Mạng phải làm, không làm không được. Vì giả như có người nói rằng ta phải tôn trọng và thờ “miếng sắt”, và truyền giảng đó là một tín ngưỡng, một tôn giáo. Và nếu ta tôn trọng tín ngưỡng, tôn giáo ấy, không dám đập vào miếng sắt thì làm sao mà có kỹ nghệ hóa được... Tôi rất đồng ý với ông bạn đã nêu lên vấn đề đó, nghĩa là mình không đi sâu vào đạo giáo nào, nhưng có một số thái độ phản tiến bộ thì mình phải biến đổi... Đó là nhiệm vụ đối với Dân Tộc, mình không thể đào ngũ, không thể trốn tránh nhiệm vụ lãnh đạo của mình, nhưng phải cởi mở, vui vẻ trẻ trung, thương yêu nhau, chứ không phải đả phá làm mất lòng nhau.

Chúng ta phải nhìn nhận rằng có một số thái độ cổ truyền không thể tồn tại, vì nó chận bước tiến của dân tộc. Từ sự nhìn nhận ấy, ta ý thức được nhu cầu phải thanh toán bằng cách này hay cách khác, một số thái độ làm cản trở bước tiến của Dân Tộc, bước tiến nhằm phục vụ con người trong xã hội.

Muốn phục vụ con người trong xã hội thì con người đó phải tiến, xã hội đó phải tiến. Nhưng xã hội chỉ tiến được với những con người có ý thức nhiệm vụ. Cho nên, trên nguyên tắc, chúng ta phải nhìn nhận rằng cần phải có một ý thức hệ tiến bộ.

Ý Thức Hệ chúng tôi chủ trương là Ý Thức Hệ Nhân Vị. Về Tư Tưởng Nhân Vị có nhiều thứ. Có thứ họ căn cứ vào một tín ngưỡng hữu hình, một tín ngưỡng chắc chắn, căn bản. Có thứ lại nhuộm phần nào vô thức... Ý Thức Hệ Nhân Vị chúng tôi chủ trương nó rất rộng rãi và không cần

phải đi sâu vào các đạo giáo, tất cả các triết lý khác, có thể cùng đi với chúng ta được trong Ý Thức Hệ đó.

Hỏi: Người ta cho rằng Thuyết Nhân Vị hiện tại ở khu vực Quốc Gia của chúng ta là cái Nhân Vị của các Linh Mục đã dạy ở Vĩnh Long, thì hoàn cảnh liên đới với một tôn giáo, bởi thế cho nên chúng tôi có thắc mắc về vấn đề Nhân Vị với lại toàn diện của con người, mà ông Cố Vấn lúc đầu có đề nghị ra?

Đáp: ... tôi thấy có thắc mắc là tại vì có lớp học Nhân Vị do các ông Linh Mục ở dưới Vĩnh Long là tiêu biểu. Chúng tôi không phủ nhận công nghiệp của ai cả, nhưng chúng tôi nói để các anh em biết rằng, chúng tôi không biết gì về chuyện dạy Nhân Vị ở Trung Tâm đó, chúng tôi không theo dõi không chủ trương. Đó là một cố gắng cá nhân trước sự thiếu sót một Ý Thức Hệ. Có một số người bên Công Giáo họ đứng ra tổ chức, nội dung và đường lối học tập không liên quan gì đến Chính Phủ hay toàn dân. Đó chỉ là một sáng kiến riêng có ích.

Ta không thể nói rằng đem cái đó ra để lừa bịp người ta, bởi vì ai cũng biết đó là loại Nhân Vị Thiên Chúa Giáo. Đối với Thuyết Nhân Vị Thiên Chúa Giáo, chúng tôi cũng chưa hiểu cái đó có đúng không, chưa hiểu cái đó nó có đúng tới mức không.

Chúng ta cần minh xác, đó là một sáng kiến tư nhân, nhưng được Chính Phủ ủng hộ và giúp đỡ, vì cho đến nay, ngoài Trung Tâm ấy, chúng ta không có một nơi nào khác để bàn thảo về một Ý Thức Hệ Quốc Gia. Bây giờ chúng ta cùng nhau tổ chức trên lập trường dân tộc, để mà đặt đúng cái đường lối Nhân Vị của chúng ta.

Và trong cuộc nói chuyện tại một Tỉnh ở miền Trung cũng vào đầu năm 1963, để giúp cán bộ dễ hiểu và dễ nhớ những điểm chính yếu, thuyết Nhân Vị Á Đông do ông đề xướng được ông giản lược bằng phương trình sau đây:

TAM TÚC + TAM GIÁC = TAM NHÂN

(Chữ TAM NHÂN dùng ở đây có nghĩa là ba chiều kích của con người, như đã nói ở trên).

Và ông giải thích vắn tắt:

A-TAM TÚC:

1. **Tự Túc về Tư Tưởng** là tự mình suy luận, cân nhắc mà lựa chọn một chính nghĩa để phụng sự và một khi đã chọn rồi thì không còn lay chuyển nữa. Chính nghĩa đó là cuộc cách mạng chính trị, xã hội, quân sự mà ta đang cụ thể hóa trong các Ấp Chiến Lược. Sau đó ta tự phát huy chính nghĩa trong tâm hồn, tự học tập và tự bồi dưỡng tinh thần của ta, không cần ai thôi thúc. Tự Túc được về tinh thần, về tư tưởng, thì tất nhiên trong mọi trường hợp khó khăn ta vẫn vững tâm, hoặc dù có nội loạn ở Thủ Đô Sài Gòn chẳng nữa, thì ta cũng không bị hoang mang hay bị lung lạc. Tự Túc về Tư Tưởng để phát huy và bành trướng chủ nghĩa.

Muốn được vậy thì phải:

2. **Tự Túc về Tổ Chức và Tiếp Liệu**, là tự ta tìm tòi, phát huy sáng kiến để có nhiều nhân vật lực để hoạt động, không ỷ lại vào sự giúp đỡ của người khác. Chính Phủ chỉ cần giúp ta một số vốn căn bản, dựa vào đó ta tìm cách biến cải thêm để hành động và mở rộng phạm vi hoạt động. Chẳng hạn hiện giờ ta thiếu kẽm gai để làm Ấp Chiến Lược, thì ta cố gắng tìm vật liệu khả dĩ làm tê liệt cơ

thể bất cứ ai động đến (như đồng bào Thượng đã làm trên Cao Nguyên), hoặc dùng địa hình địa vật để lồng hệ thống bố phòng Ấp Chiến Lược vào trong đó, đỡ cần đào hào hay rào kẽm gai.

Muốn thực hiện Tự Túc về Tổ Chức thì cần phải:

3. **Tự Túc về Kỹ Thuật**, là phát huy khả năng chiến đấu và khai thác, phát triển khả năng của nhân vật lực sẵn có đến tột mức 100%.

Ba bộ phận của Tam Túc có liên hệ mật thiết với nhau, muốn Tự Túc về Tổ Chức mà không Tự Túc về Kỹ Thuật thì Tổ Chức không thành, thiếu Tự Túc Tư Tưởng thì tất nhiên sẽ không có Tự Túc Tổ Chức và Tự Túc Kỹ Thuật. Từ quan niệm Tam Túc đó phát sinh ra quan niệm Tam Giác.

B- TAM GIÁC:

1. **Cảnh giác về Sức Khỏe** (thể xác) nghĩa là không được đau ốm. Do đó ta phải tránh tất cả những việc làm phương hại cho thân xác ta như đau ốm, tử đở tường. Bảo đảm sức khỏe thì mới bảo đảm được khả năng làm tròn nhiệm vụ.

2. **Cảnh Giác về Đạo Đức và Tác Phong Đạo Đức**, vì tác phong và đạo đức là điều kiện cốt yếu của cán bộ, thiếu tác phong đạo đức sẽ chi phối tư tưởng, sẽ biến khả năng làm việc thiện ra việc ác, chưa kể việc thất nhân tâm.

3. **Cảnh giác về Trí Tuệ** là phát huy óc sáng tạo, sáng tác khả năng chiến đấu của nhân vật lực sẵn có đến tột độ.

Vậy, không có sức khỏe, đau ốm sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến óc sáng tạo và thu hẹp phạm vi hoạt động của đạo đức. Không có óc sáng tạo thì dù có sức khỏe, có đạo đức,

cũng không có khả năng bồi bổ vào sự thiếu thốn nhân vật lực, là tình trạng của một nước chậm tiến. Có sức khỏe, có óc sáng tạo, nhưng không có đạo đức, thì sức khỏe ấy, óc sáng tạo ấy, sẽ phục vụ cho phi nghĩa, không phải cho chính nghĩa.

Bởi đó cho nên ba bộ phận của Tam Giác có liên hệ mật thiết với nhau. Và, có Tam Giác mới có Tam Túc, Tam Túc và Tam Giác liên hệ chặt chẽ với nhau.

Và Tam Túc hợp với Tam Giác mới cống hiến đủ điều kiện khách quan và chủ quan cho sự thực hiện lịch sử của Tam Nhân Chủ Nghĩa. Tam Nhân Chủ Nghĩa gồm có:

a. Thực tại của con người về Bể Sâu của nó, trong đó có tự do, trách nhiệm, suy luận và tình thương.

b. Thực tại về Bể Rộng của con người là cảm thông và liên đới với các con người khác, thành ra một cộng đồng nhân vị.

c. Thực tại về Bể Cao của con người, vì con người bởi Thượng Đế mà ra, sinh ký, tử quy và sẽ trở về với Thượng Đế.

Đứng về phương diện kinh tế, xã hội, chính trị, Tam Nhân Chủ Nghĩa đó được biểu lộ ra trong danh từ

NHÂN VỊ + CỘNG ĐỒNG = ĐỒNG TIẾN

Và đang được thực hiện một cách cụ thể, dễ hiểu trong các Ấp Chiến Lược.

(Nhân Vị phải kết hợp với Cộng Đồng và ngược lại, và cùng tiến. Vì Nhân Vị không kết hợp với Cộng Đồng thì chỉ là một hình thức che đậy Cá Nhân Chủ Nghĩa quy về vị kỷ. Cộng Đồng không kết hợp với Nhân Vị thì chỉ là một Tập Thể Chủ Nghĩa trá hình nhằm nô lệ hóa con người).

Tóm lại, vốn liếng mà ta trao cho Cán Bộ được rút gọn trong phương trình:

TAM TÚC + TAM GIÁC = TAM NHÂN

Đó là căn bản tư tưởng và phương pháp hoạt động của dân tộc ta. Căn bản đó nhằm chống lại mặc cảm hòa giải, chống lại thói bất phản kháng điều ác và đầu hàng trước thời thế. Lý tưởng NHÂN VỊ cố gắng hiến cho thế hệ thanh niên và toàn thể dân tộc một lý tưởng Anh Hùng, vì nếu có những kẻ ngã quỵ và bị tiêu diệt, thường không phải vì quá bạo dạn. Chối từ nghĩa khí Anh Hùng, do dự bất quyết, biện luận mông lung giữa trận mạc, bao nhiêu thái độ xô đẩy cá nhân cũng như dân tộc tới tình trạng suy tàn, diệt vong. Đó là một sinh thái khắc khe của tạo vật, các chủng loại hèn yếu sẽ bị các chủng loại hùng mạnh tiêu diệt.

Lý tưởng NHÂN VỊ cô lại trong ý nghĩa:

Anh hùng tự lập và tự tạo thời thế.

Mỗi người Việt Nam phải là một anh hùng.

Trong Thông điệp ngày Song Thất năm 1961, Tổng Thống Diệm nói về chủ nghĩa Nhân Vị như sau:

- Đương đầu với lối tự do Tư Bản chia cách người với người và khiến người trở thành tù đầy cho lòng vị kỷ.
- Đương đầu với đường lối Mác-Xít, hạ giá con người xuống mức dụng cụ sản xuất.
- Chủ Nghĩa Nhân Vị bảo vệ tự do cá nhân lẫn lợi ích công cộng.

2. Thành lập, tổ chức và thực trạng

THÀNH LẬP:

Sau khi hoàn thành công trình nghiên cứu và hình thành Chủ Nghĩa Nhân Vị Á Đông và Học Thuyết Xã Hội

Nhân Bản, ông Ngô Đình Nhu tiến tới việc thành lập một tổ chức tập hợp, huấn luyện cán bộ, ngô hầu thực hiện công cuộc cải tổ xã hội Việt Nam trên nền tảng chủ nghĩa và học thuyết này. Mục đích chính yếu trong chương trình cải tổ xã hội của ông là thiết lập sự tôn trọng phẩm giá con người và giá trị lao động về mặt tinh thần cũng như vật chất cho hai giai cấp vốn bị coi là thấp hèn nhất trong xã hội Việt Nam, đó là giới Nông Dân và Công Nhân. Do đó, khởi đầu ông đặt tên cho tổ chức này là Đảng Công Nông. Nhưng một thời gian ngắn sau, nhận thấy danh xưng này không nói lên được đầy đủ ý nghĩa, tôn chỉ của tổ chức, nên ông đã đổi tên Đảng Công Nông thành Cần Lao Nhân Vị Cách Mạng Đảng.

Cần Lao Nhân Vị Cách Mạng Đảng với tôn chỉ:

NHÂN VỊ + CỘNG ĐỒNG = ĐỒNG TIẾN

Nhằm mục đích thực hiện một cuộc cách mạng cải tạo xã hội Việt Nam, giải quyết tình trạng nghèo nàn, lạc hậu, chậm tiến, đem lại cho Con Người phẩm giá phải có của mình, và cho giới lao động giá trị đích thực của họ. Phân chia một cách công bằng và hợp lý quyền lợi giữa nhân vị và cộng đồng. Xây dựng một Chế Độ Dân Chủ Xã Hội không Cộng Sản cho Việt Nam, tạo điều kiện tiến bộ đồng đều cho cá thể cũng như tập thể.

Sau khi thành lập Đảng Cần Lao Nhân Vị, năm 1950 ông Ngô Đình Nhu đã mở một lớp huấn luyện đầu tiên tại Đà Lạt, đào tạo một số cán bộ làm nông cốt, nhằm quảng bá Chủ Nghĩa và thực hiện Học Thuyết ông đề ra (Hai cán bộ được đào tạo trong khóa huấn luyện đầu tiên này hiện định cư tại Hoa Kỳ là ông Đỗ La Lam, ở Thành Phố Baton

Rouge, Louisiana và ông Nguyễn Hữu Khai. Ông Khai qua đời vào trung tuần tháng giêng 2002 ở Thành Phố Santa Ana, County, California). Đường lối đấu tranh của Đảng được ông tóm tắt và hệ thống hóa theo *Lược Đồ Một Cuộc Cải Tổ Cơ Cấu Xã Hội*, được phổ biến trong số ra mắt tạp chí *Xã Hội*, tháng 12.1952.

TỔ CHỨC:

Trước khi được tổ chức thống nhất thành Đảng Cần Lao Nhân Vị, tiền thân của Đảng tại cả ba miền Bắc, Trung, Nam là những phong trào, nhóm hoạt động ủng hộ đường lối đấu tranh dành lại độc lập, chủ quyền cho đất nước, chống lại cả hai chủ nghĩa: Thực dân và Cộng Sản, của ông Ngô Đình Diệm.

Tại miền Bắc, có Phong Trào Dân Chúng Liên Hiệp hoạt động ủng hộ ông Ngô Đình Diệm với các nhóm của các Linh Mục Nguyễn Văn Bàng, Lê Sương Huệ, Nguyễn Văn Thuyết, với các ông Nguyễn Đắc Am, Lê Quang Tĩnh, Thái Văn Long tức Nguyễn Tiến Lục, Hoàng Văn Bá, cô Tuyết, ông Nguyễn Văn Thuận, Dương Thiện Trù, v.v. Và các tổ chức chống cộng, ủng hộ đường lối đấu tranh của ông Diệm như tổ chức của Thượng Tọa, nay là Hòa Thượng Thích Tâm Châu, của ba Hội Cựu Chiến Binh Cứu Quốc của các ông Bạch Văn Sâm, Trần Xuân Diên và Nguyễn Văn Mẫn.

Ở miền Trung thì nòng cốt là nhóm đồng chí và đệ tử của Cụ Phan Bội Châu như ông Võ Như Nguyễn... và nhóm người thường quy tụ xung quanh ông Ngô Đình Diệm sau khi ông từ chức Thượng Thư Bộ Lại như các ông Nguyễn Hữu Khai, Tôn Thất Trạch, Nguyễn Đôn Duyệt, Trần Văn

Hướng, Nguyễn Đình Cẩn. Sau có thêm nhóm quân nhân thời pháp như các ông Lê Khuơng, Phùng Ngọc Trung, Đỗ Mậu, v.v.

Tại miền Nam có nhóm trí thức từng sinh hoạt với ông Ngô Đình Nhu, và tán thành đường lối đấu tranh của ông Diệm, tức nhóm Tinh Thần, với các Bác Sĩ Trần Văn Đổ, Nguyễn Tăng Nguyên, các ông Trần Quốc Bửu, Lê Văn Đồng, Huỳnh Hữu Nghĩa, v.v.

Khi đảng Cần Lao Nhân Vị được thành lập, năm 1950, phần đông các tổ chức và những thành phần trên đây đều là cơ sở, đảng viên đầu tiên của Đảng.

Đến đầu năm 1954 Đảng bắt đầu phát triển mạnh, đặc biệt là trong hàng ngũ Quân Đội tại miền Trung. Cố Trung Tá Nguyễn Văn Châu, khi ấy là Trung Ủy thuộc Phòng Quân Nhu Quân Khu II, người được Linh Mục Lê Sương Huệ tiến cử làm liên lạc viên cho ông Ngô Đình Diệm, thời gian ông bị ông Hồ chí Minh quản thúc tại Hà Nội (1946), được ông Ngô Đình Cẩn, với tư cách Bí Thư của Đảng, giao nhiệm vụ tổ chức đảng trong Quân Đội.

Đảng được tổ chức theo hệ thống, trên hết là **Trung Ương Đảng**, kế đến là:

Phía Dân Sự: *Liên Khu, Khu, Tỉnh, Quận và Chi Bộ.*

Phía Quân Sự: *Quân Ủy, Khu, Sư, Liên Chi, Chi Bộ và Tổ.*

Phía Quân Sự, một cuộc họp Đại Biểu Đảng trong toàn quân được tổ chức tại Nha Trang vào hạ bán niên 1955, do Trung Tá Đỗ Mậu khi ấy là Chỉ Huy Trưởng Phân Khu Duyên Hải phụ trách. Tại Đại Hội này, một Quân Ủy đã được thành lập với tên gọi là Quân Ủy Lê Lợi. Đại Hội cũng bầu ra Ban Chấp Hành đầu tiên của Quân Ủy Lê Lợi

với Bí Thư là Tướng Lê Văn Nghiêm, bí danh Minh Sơn. Ông Ngô Đình Nhu, từ Sài Gòn ra dự buổi họp bế mạc với tư cách Tổng Bí Thư, chấp nhận thành phần Ban Chấp Hành Quân Ủy và chứng kiến lễ huyết thệ tuyệt đối trung thành với Lãnh Tụ Ngô Đình Diệm và Đảng của tất cả các đảng viên tham dự cuộc họp. Năm 1957, khi Tổng Thống Ngô Đình Diệm ra lệnh cấm mọi sinh hoạt chính trị trong Quân Đội, Quân Ủy Đảng Cần Lao đã được ngưng trang dưới bí số B5 (Ban 5).

THỰC TRẠNG:

Trong những năm đầu (1954-1960) đảng sinh hoạt đều đặn, nội dung sinh hoạt tương đối có chất lượng về các mặt xây dựng cán bộ, cơ sở đảng và chính quyền. Nhưng từ năm 1961, sinh hoạt của đảng mỗi ngày mỗi lỏng lẻo, rời rạc. Sở dĩ xảy ra tình trạng này là vì:

1. Từ khi được thành lập đến khi nắm được chính quyền là một thời gian quá ngắn. Hầu hết cán bộ, đảng viên chưa học hỏi kinh nghiệm sinh hoạt đảng phái, chưa từng trải những khó khăn, gian nguy trong tranh đấu.

2. Ngay sau khi Lãnh Tụ Ngô Đình Diệm vừa nắm chính quyền, các vị lãnh đạo cũng như cán bộ, đảng viên mọi cấp đã bị công tác đối phó với những khó khăn thời cuộc cuốn hút hết thời gian. Công tác huấn luyện, đào tạo cán bộ không được thực hiện đúng quy định và yêu cầu.

3. Trong thời gian tình hình đất nước nổi lên quá nhiều khó khăn (1954-1956), một phần chi phối bởi nhu cầu đối phó với tình hình, phần khác cũng do một số cán bộ mắc bệnh chủ quan, thiếu thận trọng. Nên việc kết nạp đảng viên thường căn cứ vào cấp bậc, chức vụ hoặc

tình cảm mà bỏ qua nguyên tắc điều tra lập trường, thử thách đạo đức trong một thời gian cần thiết, trước khi chính thức kết nạp.

Tình trạng kết nạp đảng viên lệ thuộc vào tình hình và phần nào thiếu thận trọng trên đây đã tạo cơ hội cho một số bọn “thời cơ chủ nghĩa” lọt được vào đảng với mục đích bảo vệ quyền lợi cá nhân hơn là lý tưởng. Sau khi lọt được vào Đảng, để củng cố uy thế, mưu lợi cá nhân, nhóm này thường khoa trương “nhân hiệu” Cần Lao và để tỏ ra là một đảng viên trung thành, họ hay có những hành động thiếu ý thức đối với các đảng phái khác và những người có tư tưởng không đồng nhất với chính quyền. Hành động của nhóm người này cộng với tác phong của chú ngựa chỏ sắc phong Thành Hoàng về làng của một vài cán bộ được Tổng Thống Diệm tín nhiệm, đã góp phần không nhỏ vào việc tạo ra nguyên nhân làm cho một số người bất mãn với chế độ. Đồng thời làm cho người bàng quan lầm tưởng rằng Tổng Thống Diệm dùng Đảng Cần Lao khống chế chính quyền. Vì thực ra, tuy được tôn là Lãnh Tụ của Đảng, nhưng ông Diệm hoàn toàn không biết gì đến Đảng Cần Lao. Từ ngày đầu trong cuộc đời tranh đấu của ông, ông luôn giữ lập trường phải đứng trên các đảng phái để đoàn kết được toàn lực quốc gia. Ông không dành một đặc quyền nào cho đảng viên Đảng Cần Lao. Chính vì thế mà số đảng viên vào đảng vì lợi và danh đã trở lại giết ông vì ông không thỏa mãn sự thèm khát danh và lợi của họ.

4. Thêm vào những yếu tố trên đây, lệnh cấm mọi sinh hoạt chính trị trong Quân Đội của Tổng Thống Diệm đã ảnh hưởng quá mạnh trên các tổ chức và sinh hoạt của

đảng. Do lệnh này (1957), Phong Trào Cách Mạng Quốc Gia trong Quân Đội phải giải tán, các cơ sở sinh hoạt Đảng Cần Lao ở mọi cấp trong Quân Đội đều phải ngưng trệ. Vịn vào tình trạng này, nhiều cơ sở đảng đã dần dần lơ là hẳn với nhiệm vụ sinh hoạt bồi dưỡng tinh thần cán bộ.

Riêng về tình trạng phân hóa của Đảng Cần Lao tại miền Nam, có dư luận cho rằng ông Ngô Đình Cẩn gây ra tình trạng này. Vì muốn mở rộng ảnh hưởng vào miền Nam, ông Cẩn đã lập một Đảng Cần Lao riêng chống lại Đảng Cần Lao của ông Nhu. Sở dĩ có dư luận này là vì vào khoảng năm 1958-1959, ông Cẩn có chấp thuận cho ông Phan Ngọc Các tổ chức thâu nhận đảng viên cho Đảng Cần Lao tại miền Nam. Nhưng không phải để chống lại ông Nhu. Đó là điều tôi biết chắc chắn. Vì khi ông Cẩn sai tôi đưa ông Phan Ngọc Các đến giới thiệu với các ông Mai Ngọc Dục Tỉnh Trưởng Long An, Trương Hữu Diệp Tỉnh Trưởng Mỹ Tho, Lương Duy Ủy Tỉnh Trưởng Vĩnh Bình, là những đảng viên Cần Lao được chuyển từ miền Trung vào, ông đã căn dặn tôi lưu ý các vị này rằng, các cơ sở ông Phan Ngọc Các tổ chức được, đều phải sinh hoạt trong hệ thống Tỉnh Đảng Bộ địa phương. Khi đã được sự chấp thuận của ông Cẩn và được giới thiệu với một số địa phương rồi, ông Các tự xưng là đại diện cho ông Cẩn tại miền Nam làm nhiều việc tai tiếng cho ông Cẩn và chế độ. Đó chỉ là hậu quả của phương pháp làm việc NGĂN CÁCH của ông Cẩn, vì không ai kiểm soát được ông Các để ngăn chặn những hành động bất chính của ông ta.

Trước tình trạng trên đây của Đảng Cần Lao, đầu tháng 7.1961, ông Ngô Đình Nhu ra Huế ở lại mười ngày. Sau đó,

tôi được biết có kế hoạch tổng cải tổ và thành lập một Đảng Cần Lao mới, cấp tiến và chặt chẽ hơn. Tại miền Trung và Cao Nguyên Trung Phần, đã tiến hành ngay cuộc rà soát lại tình trạng nội bộ Đảng, để sẵn sàng thực hiện kế hoạch. Nhưng rồi tình hình biến chuyển quá nhanh, kế hoạch này đã không thực hiện được.

Đến đây, theo lời yêu cầu của nhiều đảng viên Cần Lao cũ từ nhiều nơi đòi hỏi, sau khi họ đọc cuốn tự truyện của Tướng Tôn Thất Định, tôi cần phải làm sáng tỏ việc Tướng Định gia nhập Đảng Cần Lao, và về tổ chức “Quân Ủy Cần Lao”, được ông đề cập đến trong tự truyện *20 Năm Bình Nghiệp* của ông. Vì nó đã được viết một cách thiếu rõ ràng, không chính xác. Hơn nữa còn chất chứa nhiều ác ý.

A. Tại Chương IV, ông kể lại cuộc lễ tuyên thệ gia nhập Đảng Cần Lao của ông. Tôi hết sức ngạc nhiên, không hiểu tại sao Tướng Định lại có thể kể lại một buổi lễ tuyên thệ không hề có như thế.

Ông Định nói rằng, buổi lễ tuyên thệ được tổ chức một cách bí mật cuối năm 1957, tại một biệt thự gần Trường Thiên Hựu (Providence), trụ sở bí mật của Đảng Cần Lao, do Đại Ủy Lê Quang Tung tổ chức và hướng dẫn ông. Tại trụ sở bí mật này ông thấy:

“Một bàn thờ Tổ Quốc rất lạ lùng: Quốc Kỳ và Đảng Kỳ được treo song song, nhưng Đảng Kỳ gồm hai màu xanh lá cây và đỏ. Trên bàn thờ có tượng Chúa Gêsu, chân dung của Tổng Thống Ngô Đình Diệm, và một bộ tam sên cùng một thanh guom”. (*20 Năm Bình Nghiệp*. Trang 86)

1. Từ cuối năm 1956, Đại Ủy Lê Quang Tung đã được lên Thiếu Tá và mang luôn cấp bậc Trung Tá giả định, vào

nhận chức Giám Đốc Tổng Nha Nghiên Huấn Bộ Quốc Phòng thay thế Đại Tá Lê Văn Lung tại Sài Gòn. Làm sao cuối năm 1957 còn Đại Úy Lê Quang Tung nào ở Huế hướng dẫn và tổ chức lễ tuyên thệ cho ông? Trường hợp Tướng Đinh có được ông Cẩn đặc cách cho tuyên thệ gia nhập Đảng, thì Bí Thư cơ sở Đảng tại Sư Đoàn I Bộ Binh khi ấy là cựu Đại Tá Hồ Ngọc Tâm và tôi, trong nhiệm vụ Ủy Viên Thường Trực Khu Bộ Trần Hưng Đạo (Cơ sở Đảng Cần Lao tại Quân Khu II, sau đổi thành Quân Đoàn I Vùng I Chiến Thuật), không thể không được biết.

2. Một điểm khác nữa. Từ đầu năm 1956, khi ông Ngô Đình Cẩn chính thức mở Văn Phòng Cố Vấn Chỉ Đạo, tại văn phòng này đã dành trọn tầng lầu hai, thiết trí một bàn thờ Tổ Quốc rất trang trọng và rộng rãi. Mọi cuộc lễ tuyên thệ của các đảng viên có cấp bậc và chức vụ cao, hành chánh cũng như quân sự, đều được tổ chức tại đây, như trường hợp Tướng Đôn tôi vừa kể lại ở trên. Làm sao Tướng Đinh lại phải tuyên thệ tại một “trụ sở bí mật” với bàn thờ Tổ Quốc có ảnh Chúa Gêssu trên đó?

3. Thật ra Tướng Đinh đã được tuyên thệ gia nhập Đảng Cần Lao từ tháng 9. 1956, ngay trong tư dinh của ông, trước nhà ga xe lửa Đà Nẵng, khi ông đang là Tư Lệnh Sư Đoàn II Bộ Binh. Sau lễ tuyên thệ, cơ sở Đảng tại Sư Đoàn đã đãi ông bữa tiệc thịt dê nữa. Người đứng tổ chức buổi lễ tuyên thệ này cho ông, và tiệc mừng đồng chí Văn Anh là cựu Đại Úy Lê Tuệ Tĩnh, có bí danh là Lê Hùng Phong, hiện định cư tại thành Phố Lakewood, Colorado. Đồng chí Lê Hùng Phong sau này là Ủy Viên Thường Trực Sư Bộ Trần Quốc Toàn, tức cơ sở Đảng Cần Lao tại Sư Đoàn

II Bộ Binh. Không biết Tướng Đính còn nhớ “đồng chí” này của ông không? Nhiều đảng viên Cần Lao tại Sư Đoàn II Bộ Binh khi trước, hiện định cư tại California và một số Tiểu Bang khác, đã yêu cầu tôi phải làm sáng tỏ những điều Tướng Đính nói không đúng.

Tại sao Tướng Đính lại có thể quên một cuộc lễ tuyên thệ mà ông được trân trọng như thế, để tưởng tượng ra một cuộc lễ tuyên thệ với những chi tiết không đúng sự thật một cách thiếu đúng đắn như vậy? Để làm gì?

B. Trong Chương VI, Tướng Đính nói Quân Ủy đã họp mật ở Ban Mê Thuột vào tháng 3.1962, “phân phối quyền Tư Lệnh” Quân Khu cho bốn Tướng, Nghiêm, Đính, Khánh, Cao. Trong khi Quân Ủy chính thức và duy nhất của Đảng Cần Lao khi ấy chỉ còn cái tên, với người phụ trách là cố Đại Tá Lê Quang Tung, và hai Ủy Viên là cố Trung Tá Phạm Thù Đường và cựu Đại Tá Trần Khắc Kính, đều không hoạt động gì từ cả năm trước.

Rồi trong Chương kế tiếp ông nói, trong bốn Tướng này “thì riêng có Tướng Lê Văn Nghiêm là không thuộc Đảng Cần Lao, và ông chưa bao giờ tham gia vào bất cứ một sinh hoạt nào của Quân Ủy, từ khi cầm quyền chỉ huy các đại đơn vị cho đến lúc bấy giờ”. (*20 Năm Binh Nghiệp*. Trang 224)

C. Đến Chương XI, được ông dành riêng cho “Quân Ủy Cần Lao” với các mục “Quân Ủy quyết định ra tay” gọi Phật Giáo là “bọn nội thù”, “Cần Lao biểu dương quyền lực”, “Kế hoạch tấn công Phật Giáo”, “Cuộc đánh phá Chùa chiền” v.v. Cái Quân Ủy này lại còn ra cả “văn bản mật” chỉ thị cho Quân Đội, Công An, Cảnh Sát đánh phá

Chùa chiến. Tướng Đinh nói, sau khi tuyên hệ gia nhập Đảng, ông được bổ sung vào Quân Ủy. Việc này tôi nghĩ là không có. Và nếu có như ông nói, thì ông có chịu trách nhiệm về những quyết định ông vừa kể trên đây của cái Quân Ủy mà ông là Ủy Viên không?

Tôi không biết các Chương, Mục trên đây do ông tự viết hay nó đã được ai viết thay cho ông? Nếu Tướng Đinh tự viết những Mục và Chương này, thì không lẽ trí nhớ của ông đã suy tàn đến độ, không những đã quên ngày và nơi ông được tuyên thệ gia nhập Đảng Cần Lao. Ông còn không nhớ cả việc ông đã lấy làm “hết sức vinh dự”, được hướng dẫn Đoàn Đại Biểu Đảng Cần Lao tại Cao Nguyên về dự họp Đại Hội Đảng Toàn Quân tổ chức tại Nha Trang cuối năm 1955. Mặc dầu khi ấy ông mới chỉ là một đảng viên dự bị với bí danh là Văn Anh. Ông cũng không nhớ cả việc trong cuộc Đại Hội này, ông Đỗ Mậu, khi ấy là Trung Tá, người trách nhiệm tổ chức Đại Hội, đã giới thiệu ông với Đại Hội: “Đồng chí Văn Anh thời xưa thân Tây, Pháp rất tin cậy. Nguyễn Văn Hinh khi phải ra đi đã nói với đồng chí “À bientôt” (Thời gian ngắn nữa sẽ gặp lại). Nhưng bây giờ đồng chí hoàn toàn khác rồi”. Điều đặc biệt là ông cũng không nhớ rằng: “Toàn thể Đại Biểu tham dự cuộc Đại Hội này, trong đó có ông, đã giao tay bầu đồng chí Minh Sơn tức Tướng Lê Văn Nghiêm, Tư Lệnh Quân Khu II, Bí Thư Khu Bộ Trần Hưng Đạo” vào chức vụ Bí Thư Quân Ủy. Mặc dầu Tướng Nghiêm không có mặt trong cuộc Đại Hội.

Đây là Quân Ủy duy nhất được bầu lần đầu tiên, và cũng là lần sau hết. Những người trong đoàn Đại Biểu

của Đảng tại Quân Khu I tham dự Đại Hội này như các cựu Đại Tá Trần Khắc Kính, Nguyễn Ngọc Khôi v.v. hiện ở Orange County, California. Ông Đình cũng quên luôn cả việc tất cả mọi người tham dự Đại Hội, trong đó có ông, đã huyết thệ tuyệt đối trung thành với Đảng, với Lãnh Tụ Ngô Đình Diệm.

Những người từng là Ủy Viên trong Ban Chấp Hành và từng giữ chức Ủy Viên Thường Trực Quân Ủy Cần Lao từ khi nó được khai sinh, như cựu Đại Tá Trần Khắc Kính, cố Trung Tá Phạm Thứ Đường, đã hết sức ngạc nhiên về những điều Tướng Đình nói về Đảng và Quân Ủy Cần Lao trong hồi ký của ông. Cố Trung Tá Phạm Thứ Đường lúc còn sinh thời, khi nói đến vụ Quân Ủy họp tại Ban Mê Thuột đã xác nhận với tôi: “Quân Ủy khi ấy còn ai nữa đâu mà họp”.

Sau cuộc đảo chánh 1.11.1963, người dân miền Nam được nghe một danh từ bậm trợn: “Cần Lao Công Giáo”. Danh từ này được “sáng chế” nhằm thực hiện một âm mưu thâm độc, phá vỡ khối đoàn kết quốc gia, đặc biệt giữa hai tôn giáo lớn: Công Giáo và Phật Giáo. Âm mưu này đã được nhóm đảng viên Cần Lao phản Đảng nhanh chóng phụ họa sử dụng và phổ biến, để che đậy và khóa lấp tội phản bội của họ.

Đọc những gì được viết về Đảng Cần Lao, đặc biệt Mục viết về “Nhập Đảng Cần Lao” và Chương viết về “Quân Ủy Cần Lao” của Tướng Tôn Thất Đình, tức đảng viên Cần Lao cao cấp Văn Anh, người ta không thể không nghĩ rằng nó đã được viết theo sự chỉ đạo của âm mưu này.

Vì nếu quả thực có một tổ chức Cần Lao Công Giáo được các vị Lãnh Đạo Đệ I Cộng Hòa Việt Nam tín cẩn

hơn, thì liệu các đảng viên Cần Lao cao cấp không Công Giáo, Trần Văn Đôn, Trần Thiện Khiêm, Nguyễn Ngọc Lễ (tôi quên bí danh) Văn Anh Tôn Thất Đính, Hoàng Linh Đỗ Mậu... có được giao cho nắm giữ những chức vụ quan trọng tín cẩn nhất để nhờ đó, được yên ổn thực hiện thành công âm mưu đảo chánh, giết Lãnh Tụ ngày 1.11.1963 không?

Cần Lao Nhân Vị Cách Mạng Đảng, tuy chỉ nắm chính quyền trong một thời gian ngắn ngủi, nhưng là đảng chính trị đầu tiên đã có công lãnh đạo toàn dân thu hồi Độc Lập hoàn toàn và Chủ Quyền trọn vẹn cho đất nước. Cần Lao Nhân Vị Cách Mạng Đảng phục vụ những giá trị, quyền lợi đích thực của Con Người, của Tổ Quốc với một Lý Tưởng và một Tôn Chỉ cao đẹp (NHÂN VỊ, CỘNG ĐỒNG, ĐỒNG TIẾN) mà ngày nay đang được một số nhà Lãnh Đạo hàng đầu thế giới đề cập tới. Làm sao thiết lập được một Xã Hội mà trong đó, cá nhân mỗi con người (nhân vị) phải được tôn trọng, không bị lợi dụng để che đậy cho chủ trương Cá Nhân Chủ Nghĩa (Tu Bản) biến con người thành lợi khí phục vụ cho quyền lợi vị kỷ. Một Xã Hội mà trong đó, tập thể (cộng đồng), không được dùng làm bình phong che đậy mưu đồ nô lệ hóa con người, để phục vụ cho quyền lợi phe phái (Cộng Sản).

Vì thế, tôi rất đồng ý với những lời ông Huỳnh Văn Lang, trong tư cách Bí Thư, ghi tặng tập ba hồi ký *Nhân Chứng Một Chế Độ* cho các đồng chí trong Liên Kỳ Bộ Cần Lao Nam Bắc Việt của ông sau đây:

“Nếu chưa phải là sự hạnh diện, thì chắc chắn không bao giờ là sự tủi hổ, mà vẫn luôn luôn thân tình vì đã một

thời cùng chung một lý tưởng xây dựng”. (*Nhân Chứng Một Chế Độ*. Tập Ba. Trang 3)

Đúng vậy. Tuy bị phản bội từ nhiều phía và sự non yếu của tổ chức, không thực hiện được Lý Tưởng của mình, Tôn Chi của Đảng nhưng đối với các đảng viên chân chính của Đảng Cần Lao, “nếu chưa phải là sự hãnh diện, thì chắc chắn cũng không bao giờ là sự tủi hổ”, vì luôn tôn thờ một “Lý Tưởng Xây Dựng” thật sự Cao Đẹp, và hết lòng phục vụ Đất Nước, Dân Tộc theo một Tôn Chỉ mà cho đến nay vẫn là tối hảo.

Hy vọng với phần tóm lược ngắn gọn của ông Ngô Đình Nhu về Chủ Thuyết Nhân Vị Á Đông, và phần lược thuật về thực trạng của Đảng Cần Lao trên đây, có thể cống hiến được cho quý độc giả một ý niệm khái quát về Chủ Thuyết nói trên và một cái nhìn đúng đắn về Cần Lao Nhân Vị Cách Mạng Đảng.

Chủ nghĩa Nhân Vị Á Đông và học thuyết Xã Hội Nhân Bản được các nhà lãnh đạo Đệ I Cộng Hòa dùng làm nền tảng xây dựng một chế độ Dân Chủ Xã Hội không Cộng Sản cho Việt Nam. Một chế độ mà mục đích tối hậu là gỡ bỏ mọi hình thức thống trị, thiết lập công bằng xã hội, tôn trọng nhân phẩm.

Qua tập hồi ức quý độc giả đã thấy Tổng Thống Diệm và ông Cố Vấn Nhu công khai nói về hình thái và bản chất của chế độ này, đặc biệt trong phần ông Nhu nói về chủ nghĩa Nhân Vị Á Đông.

Sau khi ổn định tình hình chính trị cùng lúc ông định nơi sinh sống cho hơn một triệu đồng bào từ miền Bắc di cư vào, cả hai công việc đã được hoàn tất tốt đẹp ngoài sự

ước tính của mọi người, được cả thế giới khâm phục, công cuộc xây dựng Chế Độ Dân Chủ Xã Hội không Cộng Sản cho Việt Nam được thực hiện trong tinh thần một cuộc Cách Mạng Cải Tạo Xã Hội. Trong hoàn cảnh đất nước vừa thoát khỏi ách thống trị của ngoại bang suốt thời gian dài cả ngàn năm, đời sống dân chúng nghèo nàn, lạc hậu cả về tinh thần lẫn vật chất, tệ đoan và bất công xã hội chồng chất, việc thực hiện cuộc Cách Mạng này đã được chia ra nhiều giai đoạn.

Trước hết là xây dựng tinh thần và cơ sở căn bản

Thành lập các tổ chức bảo vệ quyền làm việc, công nhận giá trị lao động, quyền hưởng thụ lợi phúc chung một cách công bằng của giới công nhân.

Cải tiến quy chế đã có, soạn quy chế mới quy chế chưa có dành cho các nghiệp đoàn, các giới chức, các ngành nghề chuyên biệt. Cải tổ các chương trình giáo dục phổ thông, đào tạo cán bộ quân sự, hành chánh, trên căn bản Quốc Gia hoàn toàn độc lập có chủ quyền.

Thực hiện Chương Trình Phát Triển Cộng Đồng, chính phủ cung cấp phương tiện, nhân dân đóng góp công sức thực hiện các tiện nghi công cộng: Bệnh Xá, Nhà Hộ Sinh, Trường Học cho các Cộng Đồng Xã Ấp, tu mở, khai mở hệ thống giao thông thủy, bộ từ những Xã Ấp nhỏ bé xa xôi nhất đến các Thị Trấn, Thị Xã. Chương Trình nhằm đem đến cho nông dân từ những vùng hẻo lánh nhất, các tiện nghi tối thiểu của đời sống, tạo điều kiện cho họ tiếp xúc với nếp sống văn minh tiến bộ hơn, dễ dàng chuyên chở sản phẩm làm ra đến thẳng các nơi tiêu thụ để khuyến khích phát triển kinh tế cá thể, và tạo cho họ cơ hội tự

quản trị những công trình đã thực hiện được với sự trợ giúp của chính phủ.

Sau đó, chính sách cải cách điền địa được ban hành, trưng mua ruộng đất của điền chủ phân chia cho tá điền. Thực hiện kế hoạch cân bằng mật độ dân chúng với tài nguyên và diện tích canh tác. Các chương trình khu Trù Mật và Dinh Điền được tổ chức với phương châm “đưa văn minh về nông thôn”. Nghĩa là xây dựng nông thôn thành những trung tâm sinh hoạt với đầy đủ các tiện nghi cơ bản, Trường Học, Nhà Hộ Sinh, Bệnh Xá, Phòng Thông Tin, Chợ, Nhà máy phát điện v.v. làm mô hình xây dựng xã hội Việt Nam sau này. Thực hiện hệ thống tưới nước ngọt, tiêu nước mặn để gia tăng diện tích canh tác.

Tiếp theo là tiến hành kỹ nghệ hóa đất nước

Đường Xa Lộ biên Hòa được xây dựng, tái thiết đường xe lửa xuyên Việt và Quốc Lộ số I.

Điện khí hóa miền Nam với đập thủy điện Đa Nhim được xây dựng bằng tiền bồi thường chiến tranh của chính phủ Nhật Bản. Dự án xây cất đập thủy điện thứ hai tại Trị An đã được duyệt y (Địa điểm chính phủ Cộng Sản xây cất đập thủy điện hiện nay). Xây dựng khu kỹ nghệ Biên Hòa, nhà máy xi măng Hà Tiên.

Tại miền Trung, *công cuộc khai thác mỏ than Nông Sơn* tại vùng núi Quận Quế Sơn Tỉnh Quảng Nam phát triển mạnh. Chương trình điện khí hóa miền Trung với một đập thủy điện xây cất tại vùng đầu nguồn Sông Thu Bồn và dự án xây dựng khu kỹ nghệ An Hòa tại Quận Duy Xuyên Tỉnh Quảng Nam đã được chuẩn thuận. Dự án xây dựng nguồn điện lực thứ hai cho miền Trung với một nhà

máy nhiệt điện vận hành bằng nguyên liệu từ mỏ than Nông Sơn và một số nhà máy sản xuất phân bón, tơ sợi, lắp ráp xe đạp tại Quảng Nam, nhà máy đường tại Quảng Ngãi cũng đã được duyệt y.

Thành lập Nguyên Tử Lực Cuộc. Xây cất lò phản ứng hạt nhân tại Đà Lạt.

Cuối cùng là “*Ấp Chiến Lược*” được xây dựng để xây đắp nền móng vững chắc có thể chế dân chủ từ hạ tầng xã ấp trở lên, sắp đặt lại nấc thang giá trị trong xã hội. Từ cổ xưa, Binh được xếp hàng cuối cùng trong nấc thang giá trị của xã hội. Nay Binh (gồm tất cả những người trực tiếp đánh các thứ giặc: Chia rẽ, Chậm tiến, Cộng Sản) đứng hàng thứ nhất trong nấc thang giá trị của xã hội. Gia đình họ đứng hàng thứ hai và bản cổ nông đứng hàng thứ ba. Đồng thời áp dụng binh thu binh pháp mới hạ thấp dần mức độ chiến tranh, giảm bớt ngoại viện, hóa giải cuộc đụng độ giữa hai thế lực siêu cường: Tư Bản-Cộng Sản.

Các chương trình nói trên sẽ được trình bày đầy đủ trong tài liệu Quốc Sách Ấp Chiến Lược.

Vì chủ trương một chế độ mà bản chất đi ngược lại với quyền lợi của cả hai thế lực siêu cường cùng đang hiện diện trên đất nước Việt Nam, nên anh em Tổng Thống Ngô Đình Diệm đã bị hòng súng từ cả hai phía nhắm bắn.

Họ đã không được sống trong một xã hội Việt Nam giàu mạnh, công bằng, đoàn kết, nhân phẩm được tôn trọng như lòng họ mơ ước, nhưng họ đã tạo dựng được một “Tinh Thần Độc Lập với Chủ Quyền Quốc Gia Trọn Vẹn” như một gia tài trân quý của các thế hệ mai sau.

Thay lời kết

Qua tập hồi ức nhỏ này, chúng tôi hy vọng đã cung cấp được cho quý độc giả một số dữ kiện, tuy nhỏ nhoi, nhưng hoàn toàn trung thực, liên quan đến những biến cố dẫn đến sự sụp đổ của Chế Độ Đệ I Cộng Hòa Việt Nam. Làm sụp đổ hoàn toàn một sách lược đang phục vụ dân tộc hữu hiệu, phù hợp với tình trạng đất nước. Và tiếp theo đó là hàng chuỗi biến động kéo dài nhiều năm, tạo ra tình trạng bỏ ngõ miền Nam, trong lúc cuộc chiến Quốc-Cộng đang ở trong giai đoạn gay go có tính cách quyết định.

Đón bắt ngay thời cơ. Bắc Việt núp dưới bóng cờ “mặt trận giải phóng miền nam”, với sự trợ giúp của khối Cộng, đưa lực lượng võ trang xâm nhập chiếm cứ nhiều vùng thôn quê, truy diệt các thành phần quốc gia chống Cộng ở hạ tầng cơ sở xã ấp. Họ mở nhiều cuộc tấn công tàn bạo gây nhiều tổn thất vật chất và tinh thần cho Quân Đội và nhân dân miền Nam. Trong khi đó, tại thành thị cảnh xáo

trộn xảy ra mỗi ngày. Tình hình an ninh chung suy đồi đến mức nguy ngập.

Tình trạng chín mất một còn của miền Nam đem đến cho Đồng Minh Hoa Kỳ cơ hội đưa quân vào “cứu gỡ” và điều khiển cuộc chiến. Đất nước Việt Nam biến thành võ đài của cuộc đọ sức Tư Bản – Cộng Sản kéo dài gần 12 năm, vì sự tranh giành quyền lợi và ưu thế chiến lược của các siêu cường. Một cuộc đọ sức tàn khốc đã cướp đi sinh mạng của 58.000 thanh niên Hoa Kỳ, gần 5.000 thanh niên các nước Đồng Minh Thái Lan, Úc, Tân Tây Lan, Đại Hàn, chưa kể số bị thương tật, Việt Nam Cộng Hòa hơn 220.000 Chiến Sĩ hy sinh chưa kể số bị thương tật, gần 1.500.000 thường dân bị chết và bị thương nặng, nhẹ. Tại miền Bắc, theo sự tiết lộ của tướng Võ nguyên Giáp, tính đến sau trận Tết Mậu Thân (1968) quân đội miền Bắc đã bị thiệt hại 800.000 người, chưa tính đến số bộ đội bị thương và số thường dân bị tử vong và thương tật, số này có tài liệu nói đến con số trên 3.000.000 người. Riêng Hoa Kỳ còn phải gánh chịu 300.000 người thương tật, và chỉ tiêu trung bình mỗi ngày 1.500.000 đô la cho chiến trường Việt Nam vào thời điểm 1972.

Và cuộc đọ sức kinh hoàng này chỉ được chấm dứt, sau khi đất nước Việt Nam nhỏ bé đã phải hứng chịu một số bom đạn nhiều gấp 3 lần rưỡi số bom đạn Hoa Kỳ đã sử dụng trong trận Đệ Nhị Thế Chiến, và sự thống trị của chủ nghĩa Cộng Sản trên toàn lãnh thổ Việt Nam.

Sau khi đọc Bản Phúc Trình của Phái Đoàn Tìm Hiểu Sự Việc của Liên Hiệp Quốc về lời tố cáo vi phạm nhân quyền tại Việt Nam của chế độ Ngô Đình Diệm, Thượng Nghị Sĩ Thomas J. Dodd Chủ Tịch Ủy Ban Tư Pháp Thượng Viện

Hoa Kỳ, đã viết thơ yêu cầu Thượng Nghị Sĩ Chủ Tịch Ủy Ban Nội Vụ cho phổ biến Phúc Trình này. Trong thơ có đoạn viết: *“Giờ đây chúng ta lại là nạn nhân của một sự lừa dối khác...”*

Chính sự lừa dối này và số người nhiều tham vọng nhưng ít lòng yêu nước, tự biến mình thành công cụ của các thế lực ngoại bang, đã đổ xuống trên đầu nhân dân Hoa Kỳ và nhất là nhân dân Việt Nam bất kể tôn giáo, đảng phái, Cộng Sản hay chống cộng, những thảm họa khủng khiếp kể trên.

Người Việt Nam luôn mang trong mình niềm Tự Hào là một Dân Tộc đã có hơn bốn ngàn năm Văn Hiến, một Dân Tộc có một kho tàng tinh thần vô giá: Luôn tôn trọng Lễ Giáo, Hiền Hòa, yêu chuộng Hòa Bình và lẽ Công Bằng.

Đặt trên nền tảng Tự Hào và Tinh Thần ấy, chúng tôi hy vọng những dữ kiện được ghi lại trong tập sách nhỏ này sẽ được quý độc giả, đặc biệt là quý sử gia, các nhà nghiên cứu đón nhận như những đốm sáng. Đốm sáng tuy rất nhỏ, nhưng chúng tôi tin rằng nó có thể giúp cho công trình tìm kiếm, khám phá những Sự Thật còn bị ẩn giấu, che đậy mà quý vị đang tiến hành, được dễ dàng hơn, bớt được phần nào khổ nhọc. Và từ khám phá ấy quý vị sẽ có những nhận xét, phê phán công bằng, chính xác về:

- Thực chất những biến động được diễn biến dưới nhiều hình thức, được khởi sự từ những ngày tháng cuối cùng của chế độ Đệ I Cộng Hòa và cho đến ngày 30 tháng 4 năm 1975...

- Hậu quả của những biến động ấy.

- Thủ phạm đã gây ra các biến động mở đầu những trang sử Việt Nam được viết bằng máu và nước mắt của

hàng triệu con dân Việt Nam, của hàng trăm ngàn thanh niên, cô nhi quả phụ Hoa Kỳ và các nước Đồng Minh. Và nó còn đem lại cho Hoa Kỳ mối nhục lịch sử: Lần đầu tiên bại trận kể từ khi lập quốc.

Theo thiện ý của chúng tôi, vì chỉ có những nhận xét, phê phán công minh của quý vị, mới có đủ sức mạnh:

- Xua tan màn khói “lừa dối” đã che phủ Sự Thật từ bao nhiêu năm qua.

- Hóa giải nỗi oan khiên của bao oan hồn mà hình hài đã bị vùi lấp rải rác khắp nơi, từ thành thị, thôn quê đến núi rừng, sông biển Việt Nam.

- Tái tạo tình đoàn kết ruột thịt giữa mọi người Việt Nam bất kể tôn giáo, tín ngưỡng đảng phái, giai cấp từ Nam chí Bắc.

- Giúp cho các thế hệ mai sau thấy được Sự Thật, tránh được những sai lầm của cha ông, xóa bỏ được những hận thù vô bằng do một âm mưu thâm độc được cả bạn lẫn thù hợp lực tạo ra. Nhờ đó, các thế hệ này có thêm vô tư, sáng suốt, không biến mình thành công cụ cho bất cứ thế lực nào trong khi gánh vác trách nhiệm phục vụ Quê Hương, Dân Tộc hay Tập Thể.

Được như vậy, Dân Tộc Việt Nam mới có được nguồn sức mạnh có khả năng triệt tiêu thủ phạm tạo ra cuộc sống tối tăm, tù hãm, bất công triền miên cho Dân, cho Nước. Tình trạng Nghèo đói, Lạc hậu, Chậm tiến.

Nhờ đó, tương lai Đất Nước mới mong thoát khỏi vòng lệ thuộc, và đồng bào mới được bảo đảm không bị vướng mắc vào những hệ lụy bi thảm một cách oan uổng.

Ước gì con dân Việt Nam ở khắp nơi sớm được thấy ngày Đại Phúc ấy.

Phụ bản

Phụ Bản 1

tổ chức, hoạt động “Đoàn công tác đặc biệt” và hiệu quả của “Chính sách cải tạo và sử dụng những người kháng chiến cũ”

TỔ CHỨC: Đoàn Công Tác Đặc Biệt gồm 10 nhân viên, kể cả Trưởng Đoàn, chưa kể số cán bộ Việt cộng đã chuyển hướng, được tổ chức thành 4 Ban:

- Ban Nghiên Cứu.
- Ban Tuyên Huấn.
- Ban Cải Tạo.
- Ban Quản Trị.

HOẠT ĐỘNG: Đoàn hoạt động theo một phương thức đặc biệt. Kỹ thuật khai thác, chế độ giam giữ cũng đặc biệt. Không giam giữ trong các nhà lao, không cùm, không

còng. Không có chế độ sinh hoạt khác biệt giữa cán bộ của Đoàn với cán bộ cộng sản đã chuyển hướng.

Do phương pháp khai thác độc đáo, chế độ nhà tù đặc biệt chưa từng có, chính sách Cải Tạo và Sử Dụng Những Người Kháng Chiến Cũ đã thu đạt kết quả gây ngạc nhiên cho mọi người.

Các cơ sở Việt cộng tại các Tỉnh sau đây lần lượt bị phá vỡ trong một thời gian kỷ lục. (một năm)

Tỉnh đảng bộ Quảng Trị:

- Trần Quang (Quan): Thường vụ tỉnh đảng bộ Quảng Trị.

Đặc biệt, Quang được đảng bộ liên khu ủy 5 điều động phụ trách các lưới điệp báo hoạt động tại các thành phố thuộc liên khu ủy 5. Gồm các Tỉnh, Thành Phố từ Quảng Trị đến Phan Thiết và Cao Nguyên Trung Phần.

Các cán bộ cấp Huyện, Xã, bị phát hiện được giao cho Tỉnh Quảng Trị bắt và xử trí.

Tỉnh đảng bộ Quảng Nam:

- Nguyễn Tấn: Tỉnh ủy viên

- Nguyễn Ngạn: Bí thư huyện ủy miền núi.

- Nguyễn Thuấn: Huyện ủy viên

Danh sách một số cán bộ cấp huyện và xã được giao cho Ty Công An Tỉnh Quảng Nam bắt và xử trí.

Đảng bộ thành ủy Đà Nẵng:

- Hoàng minh Đức: Thành ủy viên

- Một số cán bộ nghiệp đoàn và học sinh vận.

Tỉnh đảng bộ Phú Yên:

- Trần (?)Độc: Bí thư tỉnh ủy Phú Yên.

Tỉnh đảng bộ Long An

- Thường vụ tỉnh ủy Long An, bị bắt trong lúc gặp cán bộ giao liên trong rạp chiếu bóng Đại Nam ở Đường Trần Hưng Đạo.

Tỉnh đảng bộ Thủ Biên:

- Nguyễn Văn Lạc: Huyện ủy viên Thủ Biên.

- Nguyễn Năm, tự Năm Hồng: Huyện ủy viên Thủ Đức.

Tỉnh đảng bộ Phước Long:

- Chín Thịnh: Bí thư tỉnh ủy Phước Long.

Tỉnh đảng bộ Cần Thơ:

Riêng tại Tỉnh Cần Thơ, Đoàn Công Tác Đặc Biệt đã đặt trụ sở tại đây một thời gian để truy bắt và hệ thống hóa tổ chức đảng bộ Việt cộng Tỉnh này, sau đó giao cho Tỉnh Trưởng, Thiếu Tá Trần Cửu Thiên, tự xử trí. Tổ chức các khóa cải tạo tư tưởng.

Vì Đoàn Công Tác Đặc Biệt với số nhân viên chỉ có 10 người, kể cả Trưởng Đoàn, không đủ khả năng canh giữ, khai thác số cán bộ Việt cộng bị phát hiện quá đông, nên tất cả danh sách cán bộ từ cấp huyện trở xuống, nhất là cấp xã phải giao cho các Tỉnh tự xử trí. Số cán bộ cấp Tỉnh bị bắt nhiều hơn số kể trên đây, vì quá nhiều và quá lâu ngày tôi (Duong Văn Hiếu) không nhớ hết.

Đặc khu ủy Sài Gòn-Chợ Lớn:

1.- Nguyễn Vinh Nghiệp tức Sáu Tường: Cán bộ đặc khu ủy Sài Gòn.

Sau 1975 Sáu Tường là ủy viên thường vụ thành ủy thành phố Hồ Chí Minh (Sài Gòn), trưởng ban tổ chức phụ trách chính sách đảng, nhưng ít lâu sau bị thất sủng, vì đảng bộ thành ủy cho rằng y đã được Mười Hương cài vào để phá hoại vì y đã cùng ở tù “Mật Vụ Ngô Đình Cẩn-Duong Văn

Hiếu” với Mười Hương. Mấy năm sau Sáu Tường mới được xác minh “không có vấn đề”, được phục hồi.

2.- Hàn Tường Vũ tức Hai Vũ: Cán bộ đặc khu Sài Gòn. Sau khi Việt cộng chiếm miền Nam. Hai Vũ được chọn và đăc cử vào Quốc Hội khóa 8, được phát thẻ 40 năm tuổi đảng, nhưng rồi cũng bị thất sủng. Hai ngày trước khi lên máy bay đi Hà Nội họp phiên đầu tiên của Quốc Hội, y được ban tổ chức gọi lên bảo làm đơn xin rút tên vì khi ở tù Mật Vụ có vấn đề nghi vấn.

3.- Tư Hùng: Cán bộ đặc khu Sài Gòn. Sau vụ đảo chánh 1963, được trả tự do, y tái hoạt động. Trong trận Tết Mậu Thân, y đã lái chiếc xe chở toán biệt động tấn công Tòa Đại Sứ Mỹ tại Sài Gòn.

4. - Chi ủy đảng bộ Việt cộng trong Tổng Liên Đoàn Lao Công Việt Nam.

Toàn bộ chi ủy Việt cộng hoạt động trong Tổng Liên Đoàn Lao Công của ông Trần Quốc Bửu, đã bị Đoàn Công Tác Đặc Biệt Miền Trung bắt. Số cán bộ thuộc chi ủy này nắm giữ hầu hết các chức vụ điều hành hoạt động của Tổng Liên Đoàn, vì vậy đã bị ông Trần Quốc Bửu phản ứng rất mãnh liệt.

Sau khi chi ủy cộng sản tại Tổng Liên Đoàn Lao Công bị bắt, ông Trần Quốc Bửu đã gởi thơ cho ông Ngô Đình Nhu. Bức thơ có nội dung đại ý như sau:

Bác Sĩ Trần Kim Tuyến đã ra lệnh cho Dương Văn Hiếu đến Tổng Liên Đoàn Lao Công ở Đường Lê Văn Duyệt Sài Gòn, lấy danh nghĩa bắt Việt cộng để khủng bố Tổng Liên Đoàn Lao Công. Tuyến có mục đích nói Tổng Liên Đoàn Lao Công dung chứa Việt cộng nằm vùng để sách động

đình công bãi thị chống Chính Phủ. Vậy giữa Tôi và Tuyền ông Cố Vấn chọn lấy một người mà thôi. Trong thơ ông còn quả quyết, số cán bộ của Tổng Liên Đoàn Lao Công bị bắt đã bị đánh đập tàn nhẫn, máu me đầy cả mặt và ướt cả áo, dân chúng bu quanh xem rất bất mãn.

Sau khi đọc thơ của ông Trần Quốc Bửu, ông Ngô Đình Nhu đã phê: “Bảo Dương Văn Hiếu đừng nghe Trần Kim Tuyền lấy danh nghĩa bắt Việt cộng để khủng bố Trần Quốc Bửu. Phải làm bản kiểm thảo sự việc đã xảy ra và phúc trình ngay”. Bút phê trên đã được văn phòng ông Nhu trích gửi cho Đoàn Công Tác Đặc Biệt Miền Trung.

Nhận được văn thư của văn phòng ông Cố Vấn Ngô Đình Nhu với trích dẫn bút phê ghi trên, tôi (Hiếu) đã làm một phúc trình dài ghi rõ mọi chi tiết sự việc, liệt kê danh sách 11 nhân viên Tổng Liên Đoàn Lao Công bị bắt đang giữ nhiệm vụ điều hành các Ban thuộc Tổng Liên Đoàn như: Văn phòng, Kiểm tra, Tổ chức, Giám thị, v.v. Tất cả số nhân viên này đều nằm trong tổ chức chi ủy đảng bộ Việt cộng tại Tổng Liên Đoàn Lao Công Việt Nam của ông Trần Quốc Bửu. Kèm theo bản tự khai của họ, họ đã công nhận đã hoạt động trong hệ thống tổ chức đảng ủy khu ủy Việt cộng Sài Gòn-Chợ Lớn.

Một điểm rắc rối làm cho Bác Sĩ Trần Kim Tuyền bị ông Trần Quốc Bửu tố oan, và ông Ngô Đình Nhu thì lại nghĩ rằng tôi (Hiếu) đã nghe Bác Sĩ Tuyền, lấy cớ bắt Việt cộng dấn mặt ông Bửu.

Sự thể xảy ra như vậy là vì trên mặt pháp lý, Đoàn Công Tác Đặc Biệt Miền Trung không phải là một cơ quan chính thức giữ phần an ninh của Sài Gòn, nên khi công tác, phải

dùng Sự Vụ Lệnh và giấy mời của Sở Nghiên Cứu Chính Trị và Xã Hội của Bác Sĩ Trần Kim Tuyến để mời hoặc bắt giữ các nghi can.

Để giải tỏa sự hiểu lầm giữa Bác Sĩ Tuyến và ông Bửu với Đoàn Công Tác Đặc Biệt Miền Trung, ông Cố Vấn Nhu đã chấp thuận đề nghị của tôi (Hiếu), cho lập một Tiểu Ban điều tra nội vụ gồm thành phần như sau:

- a.- Đại diện ông Trần Quốc Bửu.
- b.- Đại diện Sở Liên Lạc. (Đại Tá Lê Quang Tung)
- c.- Đoàn Công Tác Đặc Biệt Miền Trung.

Đến làm việc tại Trại Lê Văn Duyệt. Mười một nhân viên Tổng Liên Đoàn Lao Công được gọi lên đối chất trước Ban Điều Tra và để Đại Diện ông Bửu trực tiếp hỏi các bị can. Kết quả cả 11 can phạm đều thú nhận họ là đảng viên cộng sản của chi ủy đảng bộ hoạt động trong Tổng Liên Đoàn Lao Công. Họ cũng xác nhận không hề bị tra tấn đánh đập gì như ông Bửu đã viết trong thư gửi cho ông Cố Vấn Ngô Đình Nhu.

Biên bản buổi làm việc của Tiểu Ban điều tra được trình cho ông Cố Vấn Nhu và các giới chức liên hệ, đã giải tỏa được sự hiểu lầm của nhiều phía.

- 5.- Chi ủy Việt cộng phụ trách Chợ Bến Thành.
- 6.- Chi ủy Việt cộng phụ trách Bến Tàu Khánh Hội.

7.- Các cơ sở sinh viên hoạt động trong tổ chức hội sinh viên yêu nước, hội ký giả yêu nước. Phần lớn số sinh viên và ký giả chỉ phải dự một khóa cải tạo rồi được trả tự do theo lệnh của Tổng Thống và ông Cố Vấn Ngô Đình Nhu.

Lần đầu tiên Đoàn Công Tác Đặc Biệt Miền Trung mời một số Giáo Sư và anh chị em sinh viên có liên quan đến

hoạt động trí vận vào Trung Tâm Lê Văn Duyệt. Chúng tôi giới thiệu Chính Sách Chiêu Mời Và Sử Dụng Những Người Kháng Chiến Cũ về hợp tác xây dựng chế độ Dân Chủ, Tự Do ở miền Nam của ông Ngô Đình Cẩn.

Thoạt tiên nghe chúng tôi giới thiệu như vậy, phản động các anh chị em sinh viên có cử chỉ và thái độ ngạc nhiên, đối phó, tránh né, hỏi lại chúng tôi: Xin cho biết anh chị em bị mời về đây vì tội gì?

Tôi (Hiếu) đã giải thích và mạn đàm với họ, sau đó đưa họ đi tham quan sinh hoạt của Trung Tâm và trò chuyện đến hết giờ hành chánh thì cho tất cả các Giáo Sư và anh chị em sinh viên ra về, sau khi đã ấn định ngày gặp nhau lại tại Trung Tâm.

Điều làm cho họ ngạc nhiên nhất là tại sao đã bị bắt về tội hoạt động cho cộng sản mà không bị giam giữ, lại cho về nhà, rồi lại quy định ngày giờ đến sinh hoạt tại Trung Tâm?

Trong buổi sinh hoạt đầu tiên tôi (Hiếu) yêu cầu một Nữ Giáo Sư hai Trường Gia Long và Đức Trí là chị Bình Minh và một nữ sinh viên tên Hòa, con ông Nguyễn Xuân Quyền, Tổng Giám Đốc Điền Địa Việt Nam Cộng Hòa, cho biết lý do nào đã thúc đẩy các chị hoạt động cho cộng sản? Đề nghị cho biết động cơ chính xuất phát từ tư tưởng, để cùng tranh luận.

Tôi (Hiếu) cũng cho họ biết phương thức sinh hoạt của Trung Tâm là hai bên được tự do đưa ra những đề tài, những vấn đề mà mình thấy cần trao đổi, cần tranh luận.

Thỉnh thoảng để cổ súy cho cuộc tranh luận được sôi nổi, hào hứng, tôi (Hiếu) nói: Các anh chị có lối tranh

luận và lý luận một chiều giống hệt như cán bộ, công chức của Mỹ Ngụy, hễ ai ý kiến khác mình thì quy kết tu tưởng người ta là phản động, là cộng sản ngay. Thế là họ cười ầm cả lên và từ đó các Giáo Su và anh chị em sinh viên rất có cảm tình với Đoàn Công Tác. Các lần trao đổi, thảo luận tiếp theo, tu tưởng các Giáo Su và anh chị em sinh viên rất cởi mở. Họ rất ngạc nhiên về phương cách làm việc của Đoàn Công Tác Đặc Biệt Miền Trung và câu trả lời của tôi là: Đó là chính sách mới của ông Ngô Đình Cẩn, “Chiêu Mồi Và Sử Dụng Những Người Kháng Chiến Cũ” về hợp tác xây dựng chế độ dân chủ, tự do ở miền Nam.

Mỗi tháng, các Giáo Su và anh em sinh viên tập hợp tại Trung Tâm Lê Văn Duyệt một lần để sinh hoạt chính trị và tổ chức sinh hoạt văn nghệ hết sức vui vẻ.

Riêng một số gồm 7 Giáo Su, tôi (Hiếu) đã xin Tổng Thống tiếp kiến họ vào buổi chiều một ngày (tôi không còn nhớ chính xác ngày nào) trong tháng 2.1962. Sau một giờ chuyện văn rất thân mật, Tổng Thống tiễn họ ra đến sân cỏ trước Dinh còn đứng nói chuyện với họ thêm 30 phút nữa.

Đảng bộ Việt cộng liên khu ủy 5.

(gồm các Tỉnh từ Quảng Trị đến Phan Thiết và Cao Nguyên Trung Phần)

1.- Tư Lung: Thường vụ liên khu ủy 5 Việt cộng bị bắt năm 1958 tại Đường Cống Quỳnh Sài Gòn. Y là cán bộ cao cấp nhất của Việt cộng tại miền Nam bị bắt. Nhiệm vụ của y là chỉ đạo và điều hành các tỉnh đảng bộ thuộc liên khu 5. Mỗi lần đi công tác, y thường đi với một cơ sở tên là Đỗ Hải, cùng với vợ và 2 con nhỏ của Đỗ Hải, dưới hình thức gia đình để làm bình phong, y đóng vai ông nội.

2.- Nguyễn Lâm tự Bé: Trưởng ban điệp báo liên khu 5, chỉ huy ngành điệp báo tại các thành phố, bị bắt tháng 12.1957 tại Sài Gòn.

3.- Trần Quang tức Quan: Thường vụ tỉnh ủy Việt cộng Quảng Trị. Y được đảng bộ liên khu 5 điều động về phụ tá cho Nguyễn Lâm tự Bé, hoạt động điệp báo tại các thành phố. Y là trưởng ty công an Việt cộng hồi kháng Pháp.

Cục tình báo chiến lược Việt cộng tức nha liên lạc (cục trưởng Trần Hiệu)

1.- Trần quốc Hương tức Mười Hương tự Trần ngọc Trí. Trình độ đảng: Khu ủy viên, là chính ủy, đặc phái đại diện cục tình báo chiến lược Việt cộng vào Nam trực tiếp chỉ đạo, kiểm tra và tổ chức ngành tình báo chiến lược và hai nước Miên-Lào. Đồng thời phối hợp với ban địch tình của cục R để chia sẻ tin tức hoạt động hậu địch. Mục đích giúp cho trung ương đảng hoạch định chiến thuật, chiến lược đúng, đối phó với Việt Nam Cộng Hòa và Đồng Minh.

Nhưng vào các năm 1957-1958, tình hình biến chuyển quá nhanh mà phần bất lợi về phía cộng sản. Ngành tình báo chiến lược và đảng bộ Việt cộng liên khu ủy 5 đã bị Đoàn Công Tác Đặc Biệt Miền Trung đánh phá ác liệt, họ tiến về phía Nam, đánh phá đặc khu ủy Sài Gòn-Chợ Lớn và các Tỉnh Nam Phần, gây tổn thất nặng nề cho đảng bộ Việt cộng tại miền Nam.

Trước tình hình nguy ngập ấy, Trần Quốc Hương quyết định phải trở về Bắc hội diện với trung ương mới báo cáo được tường tận để trung ương có thể đưa ra phương sách đối phó cụ thể và thích hợp. Y chưa kịp đi thì đã bị Đoàn Công Tác Đặc Biệt Miền Trung bắt tại Sài Gòn, tháng 6.1958.

2.- Trần Tấn Chỉ tức Thư Sinh: Nguyên phó trưởng ban tình báo Hải Phòng, Bắc Việt. Đương sự thuộc loại cán bộ có kinh nghiệm nghề nghiệp cao trong ngành tình báo chiến lược, có trình độ văn hóa cao, lanh lẹ, thông minh. Y được trung ương chọn cho theo học lớp Hoa ngữ để đào tạo cấp tốc một số thông dịch viên cho các cơ quan trung ương hầu đáp ứng nhu cầu mới. Trần Tấn Chỉ trở thành cán bộ thông dịch duy nhất của cục trưởng cục tình báo với các cố vấn Trung Cộng.

Sau hiệp định Geneva, Trần Hiệu, cục trưởng chủ trương vét số tiểu tư sản, trí thức, có văn hóa để tung vào miền Nam cho dễ chức nghiệp hóa và hợp với sinh hoạt của Thành phố. Vì vậy Trần Tấn Chỉ theo đợt di cư năm 1954 vào Sài Gòn, và đã xin được vào làm việc tại cơ quan USIS của Tòa Đại Sứ Hoa Kỳ tại Sài Gòn. Y bị Đoàn Công Tác Đặc Biệt Miền Trung bắt năm 1958 trên đường từ Cơ Quan USIS, đi về nhà sau giờ làm việc.

3.- Nguyễn Đức Quảng tức Minh Vân: Quân hàm Đại Tá, nguyên là trưởng ban tình báo Hồng-Quảng, được cục tình báo chiến lược trung ương tung vào Nam theo làn sóng di cư năm 1954, Y bị bắt tháng 1.1958, được giải ra Trung Tâm Cải Tạo Tòa Khâm (cơ sở Tòa Khâm sứ Trung Kỳ cũ) ở Huế.

Sau khi chế độ Đệ I Cộng Hòa bị lật đổ, Minh Vân cùng với số “Tù Mật Vụ” được giải giao về Nha Tổng Giám Đốc Công An Cảnh Sát Sài Gòn và được trả tự do giữa năm 1964. Minh Tâm trở về ngành cũ hoạt động, sau khi cộng sản thôn tính miền Nam, y cũng đã phải chịu chung số phận như các “Tù Mật Vụ” khác, bị đặt nhiều nghi vấn,

bị kiểm thảo và cuối cùng cho về hưu với lý do: “lịch sử chính trị của đương sự có liên can đến “Tù Mật Vụ Ngô Đình Cẩn và Dương Văn Hiếu”.

4.- Trang Công Doanh, tức Đại Tá Văn Quang: Cán bộ kỳ cựu của ngành tình báo chiến lược Việt cộng. Đã được tham dự khóa huấn luyện đặc biệt về tình báo tại cục trung ương do các cố vấn Trung Cộng hướng dẫn. Trình độ văn hóa cao, thông minh, lanh lợi, đã được tung vào hoạt động hậu địch thời kháng chiến chống Pháp, đạt thành tích rất cao.

Sau hiệp định Geneva, Đại Tá Văn Quang được trung ương điều vào Sài Gòn theo làn sóng di cư 1954. Cơ sở địa phương có nhiệm vụ tìm phương cách chúc nghiệp hóa cho y vào đảng bộ đặc khu ủy Sài Gòn-Chợ Lớn. Cơ sở này đã xin được cho y vào làm việc trong Tòa Đại Sứ Mỹ tại Sài Gòn. Y bị Đoàn Công Tác Đặc Biệt Miền Trung bắt trên đường đi tới Cơ Quan USOM của Tòa Đại Sứ Mỹ để làm việc.

Đại Tá Văn Quang bị bắt chưa được nửa ngày thì Đại Sứ Hoa Kỳ Elbridge Durbrow xin gặp Tổng Thống Diệm và đưa ra lời phản kháng việc Đoàn Công Tác Đặc Biệt Miền Trung bắt giữ nhân viên Tòa Đại Sứ mà không cho biết lý do, đồng thời yêu cầu Tổng Thống cho biết Văn Quang đã phạm tội gì? Và ông ngồi đợi văn phòng Tổng Thống để xin được coi hồ sơ tội trạng của Trang Công Doanh tức Văn Quang.

Mặc dù Đoàn Công Tác Đặc Biệt Miền Trung đã lập hồ sơ đương sự với đầy đủ tin tức và những lời khai của đồng bọn phát giác về hoạt động tình báo của y, nhưng muốn

chứng minh Trang Công Doanh, tức Đại Tá Văn Quang đích thực phạm tội hoạt động gián điệp, để Tòa Đại Sứ Hoa Kỳ không bị ảnh hưởng những luận điệu xuyên tạc của các phe phái đối lập, của những viên chức mang sẵn ác cảm với Đoàn, bằng lời khai tự thú của y trên giấy trắng mực đen. Phiên một nổi là y bị cảm cúm chưa khỏi lại thêm cơn sốt vì bệnh hoa liễu hành, nhưng vì hoạt động gián điệp của y đã quá rõ ràng nên khi được tôi (Hiếu) cho gặp những cơ sở đã bị bắt, y tự động xin giấy mực khai báo và nhìn nhận y đã được cục trưởng Trần Hiệu tung vào miền Nam hoạt động gián điệp. Hồ sơ được đưa vào trình Tổng Thống và Đại Sứ Mỹ được thông báo tại chỗ, lý do Đoàn Công Tác Đặc Biệt Miền Trung bắt giữ Trang Công Doanh.

Cũng như các đồng bọn. sau ngày đảo chánh 1.11.1963, Trang Công Doanh được đưa từ Trung Tâm Cải Tạo Tòa Khâm Huế về Nha Tổng Giám Đốc Công An Cảnh Sát Sài Gòn và được trả tự do vào giữa năm 1964.

Trở về ngành cũ, Tỉnh Báo Chiến Lược, hoạt động lại rất hăng say. Tuy cũng bị kiểm thảo, nhưng vì nhu cầu công tác lúc bấy giờ, đương sự vẫn được trọng dụng. Khi Việt cộng tiến chiếm Cao Mên, Trang Công Doanh tức Đại Tá Văn Quang được trung ương chỉ định sang chỉ huy ngành tình báo tại Nam Vang. Nhưng sau khi đã củng cố chính quyền vững mạnh rồi, năm 1980, trung ương đảng cộng sản tiến hành kế hoạch trong sạch đảng, chấn chỉnh nội bộ, củng cố đảng, tất cả các “Tù Mật Vụ Ngô Đình Cẩn-Dương Văn Hiếu” đều bị đặt thành vấn đề nghi vấn, thế là Trang Công Doanh tức Đại Tá Văn Quang bị cho về hưu non.

5.- Lê Thanh Đường: Phái khiển tình báo, tình báo chiến lược, được trung ương tung vào Nam theo đợt di cư 1954, được chức nghiệp hóa nhân viên Nha Tổng Giám Đốc Công Chánh Sài Gòn, bị Đoàn Công Tác Đặc Biệt Miền Trung bắt năm 1959.

6.- Tôn Hoàng: Phái khiển tình báo, tình báo chiến lược Hà Nội, đã hoạt động hậu địch vùng Bắc Hà Nội thời kháng chiến chống Pháp, vào Nam theo đợt di cư 1954. Y là cựu công chức thời Pháp, thành phần tiểu tư sản, trình độ văn hóa cao, rất thích hợp với những hoạt động tại thành phố. Chức nghiệp hóa Chánh Sự Vụ tại Bộ Tài Chánh, bị bắt tại Sài Gòn năm 1959.

7.- Mạc Ly: Phái khiển tình báo tình báo chiến lược, vào Nam dịp di cư năm 1954. Nguyên trước được bố trí làm cán bộ giao thông trong cụm tình báo chiến lược vùng Bắc Hà Nội, bị bắt năm 1959 tại Sài Gòn.

8.- Du Văn Chất: Nguyên trưởng ban tình báo vùng Bắc Hà Nội, hoạt động hậu địch thời kháng chiến chống Pháp trước năm 1954.

Y đã tham dự rất nhiều trong các âm mưu tiêu diệt các thành phần đảng phái quốc gia ở Hà Nội hồi ông Hồ chí Minh kêu gọi đoàn kết thành lập chính phủ liên hiệp.

Du Văn Chất được Trần Hiệu cục trưởng tình báo chiến lược, Việt cộng tung vào Nam theo phong trào di cư 1954 để làm trưởng lưới. Y đã tìm cách chức nghiệp hóa vào làm nhân viên Tổng Nha Công Chánh và Giao Thông, Sở Trảng Tiền Sài Gòn.

Y bị Đoàn Công Tác Đặc Biệt Miền Trung bắt ngày 24.11.1958 tại Sài Gòn giam tại trại Vân Đồn rồi chuyển

sang Trung Tâm Cải Tạo Lê Văn Duyệt, sau cùng y được đưa ra Trung Tâm Cải Tạo Tòa Khâm Huế.

Sau cuộc đảo chánh 1.11.1963, Tướng Mai Hữu Xuân Tân Tổng Giám Đốc Công An Cảnh Sát Sài Gòn của chính quyền Dương Văn Minh ra lệnh giải Du Văn Chất và đồng bọn thuộc các ngành tình báo khu 5, tình báo chiến lược, cục 2 quân báo trung ương Việt cộng về Tổng Nha Công An Cảnh Sát Sài Gòn. Tại đây, bọn y được trả tự do vào tháng 6 năm 1964.

Được tự do, Du Văn Chất trở ra mặt khu nhiều lần và nhận công tác hoạt động lại, y đã tham dự Việt cộng tấn công vào Sài Gòn hồi Tết Mậu Thân cũng như đã hướng dẫn tiền quân Việt cộng vào chiếm Sài Gòn ngày 30.4.1975.

Sau 30.4.1975 Du Văn Chất được tuyển chọn giữ chức vụ ủy viên thành ủy đảng bộ thành phố Hồ chí Minh kiêm nhiệm chức trưởng ban tuyên huấn thành ủy.

Nhưng chưa được bao lâu, trong đợt thanh lọc đảng năm 1980, Du Văn Chất đã bị tước luôn cả hai chức vụ thành ủy viên và trưởng ban tuyên huấn thành ủy Hồ Chí Minh. Dương sự chỉ còn được giữ lại duy nhất tấm thẻ 40 năm tuổi đảng, với lý do được nêu lên là trong thời gian bị bắt, bị giam giữ, y đã phụ trách tờ Bích Báo “Chuyển Hướng” cổ võ cho chánh sách Chiêu Mời Và Sử Dụng Những Người Kháng Chiến Cũ của Mặt Vụ Ngô Đình Cẩn.

9.- Bảo Việt: Phái khiển cục tình báo chiến lược, cũng được tung vào Nam dịp di cư 1954, bị Đoàn Công Tác Đặc Biệt Miền Trung bắt tháng 11.1957.

10.- Trịnh Thiện Hùng, tự Hát Hét: Nguyên trưởng ban tình báo Nam Định, tốt nghiệp khóa chính trị Trường

Chính năm 1951-1952, được đưa vào Nam hoạt động. Y bị Đoàn Công Tác Đặc Biệt Miền Trung bắt năm 1958.

11.- Hoàng Thành: Phái khiển cục tình báo chiến lược.

12.- Nguyễn Tam: Phái khiển cục tình báo chiến lược, cấp trưởng ban.

13.- Nguyễn Văn Thế: Phái khiển cục tình báo chiến lược.

14.- Hoàng Hồ: Phái khiển cục tình báo chiến lược, chủ nhiệm tuần báo *Trình Thám* ở Sài Gòn. (Thời Đệ II Cộng Hòa, Hoàng Hồ là dân biểu Quốc Hội)

15.- Nguyễn Văn Hội: Trưởng phòng giao thông cục tình báo chiến lược. Trước năm 1954, y là trưởng ban điệp báo của liên khu ủy 5, sau năm 1954 y được trung ương điều động về làm trưởng phòng giao thông cục tình báo chiến lược. Nhiệm vụ của Hội là tổ chức hệ thống giao thông của cục tình báo chiến lược tại miền Nam và hai nước Miền, Lào.

16.- Nguyễn Văn Phận tự Minh: Trung tá, nguyên trung đoàn trưởng Thủ Biên, tập kết ra Bắc, được chuyển ngành qua cục tình báo chiến lược. Sau khi được dự lớp huấn luyện tình báo, được đưa trở lại miền Nam hoạt động với nhiệm vụ: Tỉnh thì hoạt động tình báo. Động thì chỉ huy lực lượng quân sự vùng Thủ-Biên.

Địa bàn giao thông tình báo chiến lược.

1.- Địa bàn giao thông Quảng Trị.

2.- Địa bàn giao thông Huế.

3.- Địa bàn giao thông bản lẻ Đà Nẵng.

4.- Địa bàn giao thông Sài Gòn.

Cán bộ giao thông tình báo chiến lược bị bắt

1.- Tư Đặng: Địa bàn bản lẻ Đà Nẵng.

2.- Bích: Địa bàn Huế.

3.- Tân: Địa bàn Quảng Trị.

4.- Quý tức Độ: Địa bàn Sài Gòn.

Cục 2 quân báo Việt cộng.

(Tổ chức quân báo Việt cộng hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam Cộng Hòa)

Đại Tá Lê Câu: Chỉ huy cục 2 quân báo Việt cộng, căn cứ địa đóng tại vùng núi Tỉnh Pleiku, thuộc Cao Nguyên Trung Phần, có một tiểu đội võ trang bảo vệ, có điện đài để liên lạc với cục trưởng, Đại Tá Lê Trọng Nghĩa.

Trước 1954, Lê Câu là Thiếu Tá quân báo phụ trách các lưới quân báo Việt cộng hoạt động trong khu vực liên Tỉnh: Bình-Trị-Thiên-Quảng-Đà, tức là các Tỉnh Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên, Quảng Nam và Đà Nẵng.

Bị bắt năm 1961 khi y đột xuất từ căn cứ về Sài Gòn để thu thập tài liệu tại nhà Phạm Bá Lương, Công Cán Ủy Viên Bộ Ngoại Giao Việt Nam Cộng Hòa thời kỳ ông Vũ Văn Mẫu làm Ngoại Trưởng. Đương sự bị đưa ra Côn Đảo.

Năm 1975 khi Việt cộng đã chiếm được miền Nam, các phạm nhân tại Côn Đảo tôn Đại Tá Lê Câu làm chúa đảo. Ủy ban tiếp quản Sài Gòn tổ chức lễ đón chào Đại Tá Lê Câu từ Côn Đảo trở về Sài Gòn rất trọng thể. Trung ương đảng cử Lê Câu giữ chức tổng thanh tra ngành cảnh sát công an. Được ít năm sau Đại Tá Lê Câu bị thất sủng vì cục bảo vệ đảng thẩm tra quá trình lịch sử chính trị của đương sự đã đặt nhiều nghi vấn về y, vì có liên hệ đến “Tù Mật Vụ Ngô Đình Cẩn-Dương Văn Hiếu”.

Đại Tá Lê Câu đã bị khai trừ khỏi đảng, tước hết quyền lợi, y phải ngồi vá lốp xe tại Đường Trần Quốc Toàn Sài Gòn và đi buôn củi để kiếm sống.

Cán bộ thuộc cục 2 quân báo bị bắt.

1.- Đại Tá: Lê Câu, chỉ huy cục 2 quân báo miền Nam.
(lãnh thổ Việt Nam Cộng Hòa)

2.- Thiếu Tá: Trần quang Tính, Nguyễn Văn Thiện,
Trương Thành, cựu trưởng ban.

3.- Trung tá: Lê thiên Tào, Nguyễn Tiến, Trần thị Mỹ
tức Đinh thị Vân.

4.- Phái khiển: Trần Ngọc Hiền, em Trung Tá Việt Nam
Cộng Hòa Trần Ngọc Châu, Tỉnh Trưởng Kiến Hòa.

5.- Đại úy: Tạ Hấn

6.- Thiếu Úy: Lê Hữu Thúy, Trưởng Phòng An Ninh
Quân Đội (điệp viên)

7.- Đại Úy (VNCH): Nguyễn Văn Nam, nội tuyến.

Thường thì Trung Úy Đạt bên Nha An Ninh Quân Đội An Ninh Quân Đội của Đại Tá Đỗ Mậu, vẫn sang liên lạc với Đoàn Công Tác Đặc Biệt Miền Trung để xin các tài liệu liên quan đến các sĩ quan hoạt động cho Việt cộng để theo dõi và xử trí. Vì vậy mà vô tình khi tài liệu đến tay Thiếu Úy Lê Hữu Thúy, thì chính y đã thông báo, hoặc báo động bằng một hình thức nào đó như vô tình để cho chạy. Sau khi Đoàn Công Tác Đặc Biệt Miền Trung phát hiện Lê Hữu Thúy là một điệp viên của cục 2 quân báo, tôi đã trực tiếp trình Tổng Thống xin phép được bắt y cách kín đáo để điều tra. Kết quả là số sĩ quan như Trung Úy Thịnh làm ở Phòng 1 Bộ Tổng Tham Mưu đã cầu cứu bên tình báo chiến lược liên lạc với xứ ủy, xin giao liên dẫn cả gia đình y

ra mặt khu Bồi Lôi, vì y sợ Đoàn Công Tác Đặc Biệt Miền Trung bắt.

Riêng Đại Úy Nguyễn Văn Nam, đã bị một nữ sĩ quan quân báo mua chuộc, y thị đã mua cho Đại Úy Nam một xe Peugeot 403 mới. Khi Thiếu Úy Lê Hữu Thúy bị bắt, Đoàn Công Tác Đặc Biệt Miền Trung mới kiểm tra lại tất cả các tin tức tài liệu đã phổ biến cho Trung Úy Đạt và An Ninh Quân Đội, như Phòng 1 Bộ Tổng Tham Mưu, Phòng Bản Đồ Bộ Tổng Tham Mưu, một số sĩ quan phục vụ tại Quân Đoàn III, bằng cách nhờ Đại Tá Phước Trưởng Phòng 2 xem lại thì Đại Tá Phước cho biết: Số sĩ quan có tên trong danh sách do Đoàn Công Tác Đặc Biệt Miền Trung gửi tới vì bị tình nghi hoạt động cho tình báo Việt cộng, đã đào ngũ hết. Lê Hữu Thúy được tra hỏi về số sĩ quan bên Quân Đội đào ngũ có phải do y thông báo cho họ biết hoạt động cộng sản của họ đã bị bại lộ không? Dương sự nhất mực khai không biết gì hết.

Cũng như vụ bắt chỉ ủy Việt cộng ở Tổng Liên Đoàn Lao Công của ông Trần Quốc Bửu, vụ bắt Lê Hữu Thúy, Đoàn Công Tác Đặc Biệt Miền Trung đã bị Đại Tá Đỗ Mậu Giám Đốc Nha Quân Đội phản ứng mạnh. Trước hết ông vào gặp Bộ Trưởng Phủ Tổng Thống kiêm Bộ Trưởng Phụ Tá Quốc Phòng Nguyễn Đình Thuần, đả kích nặng nề Đoàn Công Tác Đặc Biệt Miền Trung như: Ý thế làm phách không coi ai ra gì, bắt cóc cả sĩ quan An Ninh Quân Đội, không chịu hợp tác cho biết Lê Hữu Thúy bị bắt vì tội gì v.v. mục đích gây cho ông Thuần ác cảm với Đoàn Công Tác Đặc Biệt để ông Thuần hậu thuẫn cho ông trước Tổng Thống. Sau đó ông vào trình Tổng Thống: Dương Văn Hiếu bắt cóc Thiếu

Úy Lê Hữu Thúy mà không báo, cũng không cộng tác với Nha An Ninh Quân Đội. Nghe Đại Tá Đỗ Mậu trình bày xong, Tổng Thống nói: Ông Hiếu trước khi bắt Lê Hữu Thúy có xin phép tôi. Tôi quên chưa nói cho Đại Tá biết. Nghe nói hần (Thúy) làm gián điệp cho Hà Nội, Hiếu có trình tôi hồ sơ của Lê Hữu Thúy.

Những điều kể trên đây đã được Tổng Thống nói với tôi khi tôi vào trình một số công việc khác.

Từ sau vụ Lê Hữu Thúy bị bắt vì sự liên lạc về công tác giữa Nha An Ninh Quân Đội và Đoàn Công Tác Đặc Biệt Miền Trung bị cắt đứt hần.

Lê Hữu Thúy được giải ra Huế để điều tra thêm, vì y có liên hệ đến số cán bộ tình báo đang bị giam tại đó.

Sau ngày 1.11.1963, Lê Hữu Thúy được trả tự do, y trở lại tiếp tục hoạt động cho Việt cộng.

Năm 1969 Lê Hữu Thúy bị bắt cùng với Vũ Ngọc Nhạ, cố vấn của Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu về tội hoạt động cho tình báo chiến lược Việt cộng. Lúc đó Lê Hữu Thúy đã được Nhạ giới thiệu vào làm Chánh Sự Vụ Bộ Chiêu Hồi.

Bộ phận giao thông đường thủy của cục 2 quân báo Việt cộng.

1.- Thiếu Úy: Đặng An, tên thật Trương Văn Quý. Thuyền trưởng

2.- Trung Úy: Hà Phượng, thuyền phó. Trần Đáng, Trần Tâm, Trần Di, tổ viên.

Bộ phận giao thông đường thủy gồm 5 thành viên trên đây, dân gốc Phú Yên, làm nghề đánh cá biển, đã qua khóa huấn luyện tại cục 2 về ngành quân báo và giao thông. Các đương sự bị bắt tại bờ biển Đà Nẵng với vũ khí và điện đài.

Từ trước, hai ngành tình báo chiến lược và quân báo của Việt cộng vẫn tự hào rằng: Tổ chức điệp báo của họ rất khoa học: “đơn tuyến, chia cách, nhẹ nhõm, bảo mật đến mức tối đa”, và rằng: Các Cơ Quan An Ninh của Việt Nam Cộng Hòa, nhất là Công An Cảnh Sát không phải là đối tượng của họ.

Vì cao ngạo như thế nên khi các cán bộ chỉ huy hai ngành tình báo chiến lược và quân báo của họ bị bắt, toàn bộ tổ chức tình báo chiến lược của họ bị sụp đổ, kéo theo cả hệ thống đảng bộ liên khu ủy 5 và một phần xứ ủy nam bộ. Phạm Hùng, ủy viên bộ chính trị, trưởng ban miền nam phải xin triệu tập bộ chính trị để nghe y báo cáo về tình hình miền Nam.

Kết quả, Trần Hiệu cục trưởng cục tình báo chiến lược, tức nha liên lạc, bị hạ tầng công tác với lý do: Yếu kém về kỹ thuật, vụng về, sơ hở về tổ chức nên bị địch phá vỡ, cán bộ bị bắt. Và kể từ cuối năm 1959, Đại Tá Lê Trọng Nghĩa kiêm nhiệm luôn cục tình báo chiến lược để sắp xếp tổ chức lại.

Đại Tá Lê Trọng Nghĩa là phe cánh của Phạm Hùng, nên nhân cơ hội xảy ra sự kiện mạng lưới tình báo chiến lược bị phá, Phạm Hùng với tư cách ủy viên bộ chính trị, trưởng ban đặc trách miền nam, đổ hết lên đầu Trần Hiệu để có cơ hạ tầng công tác y và cho phe cánh của mình là Đại Tá Lê Trọng Nghĩa nắm luôn quyền chỉ huy mạng lưới tình báo chiến lược.

Nhưng rồi Đại Tá Nghĩa cũng chẳng hơn gì Trần Hiệu, cũng mang bệnh chủ quan, không giữ được sự kín đáo, thận trọng đúng với đòi hỏi nghiệp vụ “tình báo”. Nhờ vậy

mà Đoàn Công Tác Đặc Biệt Miền Trung đã phá luôn được mào lưới quân báo của Đại Tá Lê Trọng Nghĩa.

Điệp viên Phạm Bá Lương bị phát giác.

Trong phần kể về việc đánh phá mào lưới quân báo của Việt cộng ở trên, tôi đã nói: Đại Tá Lê Cầu, chỉ huy cuộc 2 quân báo, tức tổ chức quân báo của Việt cộng hoạt động tại miền Nam, bị Đoàn Công Tác Đặc Biệt Miền Trung bắt khi y đột xuất đến nhà Phạm Bá Lương Công Cán Ủy Viên Bộ Ngoại Giao Việt Nam Cộng Hòa tại Sài Gòn, thời ông Vũ Văn Mẫu làm Bộ Trưởng để thu thập tài liệu.

Việc khám phá ra Phạm Bá Lương là điệp viên của Việt cộng diễn tiến như sau:

Đại Tá Lê Trọng Nghĩa, cục trưởng cục quân báo trung ương điều động Thiếu Tá Trần Quang Tính vào miền Nam. Trước khi lên đường, Thiếu Tá Tính đến văn phòng cục chào từ biệt Đại Tá Nghĩa và nhận thêm chỉ thị mới.

Trên bàn giấy Đại Tá nghĩa có sẵn bản báo cáo từ miền Nam gửi về kèm theo nguyên bản “Kế Hoạch Kinh Tế Stanley-Vũ Quốc Thúc”. Đại Tá Nghĩa chỉ vào bản kế hoạch khoe: Cục chúng ta có cơ sở rất quan trọng cung cấp cả kế hoạch Kinh Tế của miền Nam do Bạch Cung yểm trợ. Kế hoạch được các chuyên gia kinh tế của Mỹ do Tiến Sĩ Kinh Tế Stanley được Tòa Bạch Ốc gửi qua giúp Diệm cùng soạn thảo với các chuyên gia kinh tế của miền Nam do Vũ Quốc Thúc hướng dẫn. Vì vậy kế hoạch được gọi là “Kế Hoạch Kinh Tế Stanley-Vũ Quốc Thúc”.

Thiếu Tá Trần Quang Tính vào Nam được ít lâu thì bị Đoàn Công Tác Đặc Biệt Miền Trung bắt. Dương sự đã báo cáo chi tiết điều mà chính y đã mắt thấy tai nghe lúc đến chào biệt Đại Tá Nghĩa trước khi lên đường vào Nam.

Từ sự kiện này, Đoàn Công Tác Đặc Biệt Miền Trung đã khẩn cấp điều tra thành phần có trách nhiệm về bản thảo Kế Hoạch Kinh Tế Stanley-Vũ Quốc Thúc. Và tôi tường trình sự việc lên Tổng Thống, đồng thời xin được mặt cung cấp hồ sơ các viên chức cao cấp của Bộ Ngoại Giao Việt Nam Cộng Hòa để thẩm tra.

Kết quả cuộc điều tra được biết, Phạm Bá Lương Công Cán Ủy Viên Bộ Ngoại Giao Việt Nam Cộng Hòa hiện còn một bà mẹ ruột ở Hà Nội, y còn có người bà con thân thuộc là Công Cán Ủy Viên tại Bộ Nội Vụ Việt Nam Cộng Hòa. Ngoài ra Lương và mẹ thường gửi thơ qua Pháp nhờ người quen làm trung gian chuyển thơ từ qua lại thăm hỏi nhau.

Kế hoạch bắt giam Phạm Bá Lương:

Nhằm tìm tên phái kiểm trực tiếp chỉ huy Phạm Bá Lương, muốn vậy, việc bắt y phải được sắp đặt và giữ tuyệt đối bí mật, không một người nào không có phận sự trong việc bắt giữ kể cả cơ quan quản trị và những người hàng ngày làm việc bên cạnh, cũng như gia đình vợ con y được biết. Vì thế mà ngay Ngoại Trưởng Vũ Văn Mẫu cũng không được thông báo về việc này.

Lợi dụng việc Chính Phủ Việt Nam Cộng Hòa mới được chính phủ Thái Lan thông báo, họ sẽ tống xuất một số Việt kiều đang sinh sống tại vùng Đông-Bắc Thái Lan về Việt Nam, vì số Việt kiều này thân cộng, ủng hộ cộng sản Bắc Việt. Tôi liền đề nghị xin Phủ Tổng Thống chỉ thị Bộ Ngoại Giao cử ông Phạm Bá Lương Công Cán Ủy Viên, chuyên về Công Pháp Quốc Tế, cùng đi với một viên chức Phủ Tổng Thống, ông Dương Văn Hiếu, qua Tòa Đại Sứ Việt Nam Cộng Hòa tại Thái Lan bàn thảo tại chỗ về vấn đề trên và tường trình về Tổng Thống.

Khi Sự Vụ Lệnh, Lộ Trình Thu, giấy máy bay đã đầy đủ, đến ngày giờ lên đường, xe chở ông Dương Văn Hiếu và Phạm Bá Lương thay vì ra phi trường thì đi thẳng đến một địa điểm định trước. Cuộc đối thoại bắt đầu vào thẳng vấn đề, Phạm Bá Lương bị buộc tội đã gửi bản Kế Hoạch Kinh Tế Stanley-Vũ Quốc Thúc và các tài liệu liên quan đến công tác đối ngoại của Việt Nam Cộng Hòa cho cục 2 quân báo Việt cộng tại Hà Nội, và bị cật vấn làm thế nào, qua ai mà y đã gửi được bản Kế Hoạch ra cho Hà Nội.

Qua các cuộc mạn đàm với Phạm Bá Lương, tôi giải quyết các thắc mắc, lo lắng sợ hãi, về tương lai, về gia đình để ổn định tâm lý cho đương sự.

Cuối cùng Phạm Bá Lương đã thú nhận việc làm nội gián cho cục tình báo Việt cộng tại Hà Nội, và đã cung cấp các tài liệu đối ngoại cũng như bản văn Kế Hoạch Kinh Tế Stanley-Vũ Quốc Thúc của Việt Nam Cộng Hòa cho họ.

Dương sự xác nhận Việt cộng đã lợi dụng tình cảm mẫu tử của y, móc nối với mẹ ruột y, giúp đỡ vật chất, vận dụng tranh thủ, giáo dục, khống chế thơ tín liên lạc giữa hai mẹ con để buộc y phải cộng tác hoạt động cho chúng. Và xin được cộng tác với Đoàn Công Tác Đặc Biệt Miền Trung để thực hiện kế hoạch bủa lưới phục kích bắt tên phái khiến chỉ đạo công tác y.

Phạm Bá Lương trình bày chi tiết về tất cả hoạt động của y với cơ quan điệp báo của Việt cộng. Chúng làm việc rất thận trọng và kỹ lưỡng nên việc chuyển tài liệu không có quy định thời gian cán bộ cộng sản tới lấy. Họ đến nhà bắt chọt, lấy tài liệu, phổ biến đại cương chỉ thị mới cho Phạm Bá Lương rồi đi ngay.

Được yêu cầu tả hình dáng tên cán bộ Việt cộng thường đột xuất đến nhà y nhận tài liệu, Phạm Bá Lương mô tả: Người dong dong, tuổi độ 38-40, mặt rỗ nhẹ vì bị bệnh đậu mùa, giọng nói phát âm Quảng Nam, Lương gọi y là “anh Hai”.

Thời gian liên lạc nhận tài liệu không hề được quy định, nhưng có những ám hiệu như sau:

- Nếu có tài liệu quan trọng cần chuyển gấp, thì ám tín hiệu duy nhất là: Tắt bảng kềm hình con chó đóng trước cổng sẽ được bẻ cong ở phía bên mặt, còn nếu bẻ cong bên góc trái, báo hiệu cho biết là có tài liệu sẵn ở trong nhà.

Những ám tín hiệu khác thì dùng cửa sổ trên lầu:

- Đóng cánh cửa bên phải, là dấu báo cho biết có nhân viên An Ninh xuất hiện trong khu phố nhiều lần, có nhân viên theo dõi, bị Cảnh Sát mời, không nên vào nhà, không nên xuất hiện ở khu vực các phố gần nhà y ở.

- Đóng cánh cửa bên trái, là dấu báo cho biết không có giấu hiệu gì nguy hiểm, mọi sự bình thường, có thể vào trong nhà y.

- Trường hợp Phạm Bá Lương bị cơ quan An Ninh bắt, thì ám hiệu đặc biệt báo cho cục quân báo biết là: Chữ thập vẽ bằng phấn trắng trên cột đèn điện, phía mặt đường, tại Đường Pétrus Ký, chỗ tiếp giáp với Đường Phan Đình Phùng Sài Gòn.

Đại Tá Lê Cầu chỉ huy cục 2 quân báo Việt cộng bị bắt.

Phạm Bá Lương nhận tội và xin cộng tác với Đoàn Công Tác Đặc Biệt Miền Trung để bắt “anh Hai”, cấp chỉ huy trực tiếp của y. Sau khi nghe Lương mô tả vóc dáng và giọng nói của tên phái khiến quân báo đã từng về nhà y lấy

tài liệu và chỉ thị cho Lương mục tiêu công tác mới. Đoàn Công Tác Đặc Biệt Miền Trung khẳng định “anh Hai” đó chính là Đại Tá Lê Câu, chỉ huy cục 2 quân báo Việt cộng tại miền Nam, căn cứ đóng tại vùng núi Pleiku.

Vì Phạm Bá Lương là một điệp viên đã chức nghiệp hóa nằm trong Bộ Ngoại Giao, có chức vụ cao, đã cung cấp nhiều tài liệu có giá trị về chiến lược, và những công tác đối ngoại của Việt Nam Cộng Hòa, nên Đại Tá Lê Trọng Nghĩa, cục trưởng cục quân báo trung ương chỉ thị cho Đại Tá Lê Câu phải trực tiếp chỉ đạo Lương.

Phạm Bá Lương được trả tự do đúng theo kế hoạch định trước. Thời gian giữ y để điều tra, Bộ Ngoại Giao không hay biết. Ngay cả gia đình vợ con y cũng không biết gì.

Kế hoạch giăng bẫy bắt Đại Tá Lê Câu đã 5 tháng trôi qua, y chưa một lần đột xuất về Sài Gòn để đến nhà Lương. Kế hoạch được đem ra mổ xẻ, nhiều giả thuyết được đưa ra duyệt xét. Trọng tâm là tăng cường kiểm soát, kỹ thuật theo dõi phải thay đổi, tập trung công sức hoạt động của cơ quan vào các ngày lễ lớn, đặc biệt là vào lúc tranh tối tranh sáng, vào các ngày nghỉ cuối tuần, vì Lê Câu có thể nghỉ, phần lớn nhân viên An Ninh của ta lơ là, bỏ bê công tác đi ăn chơi hoặc về nhà nghỉ sớm.

Quả thật, hơn một tháng sau khi Đoàn Công Tác Đặc Biệt Miền Trung duyệt xét lại kế hoạch, thì bộ phận theo dõi trên đường phố phát hiện một chiếc xe máy dầu đã chạy qua các phố quanh Đường Phan Đình Phùng, chỗ nhà Phạm Bá Lương, nhiều lần, lúc đó vào khoảng hơn 5 giờ chiều ngày thứ bảy. Đúng lúc trời đổ tối đèn trên đường phố vừa bật sáng, một chiếc xe taxi chạy trên đường Pétrus

Ký đến góc Pétrus Ký-Phan Đình Phùng thì dừng lại, một người đàn ông từ trong xe mở cửa bước xuống, thả bộ trên vỉa hè Đường Phan Đình Phùng, đi được chừng 200 thước đến khúc đối diện nhà Phạm Bá Lương ở bên kia đường, y vừa bước xuống định băng qua đường vào nhà Phạm Bá Lương thì nhân viên Đoàn Công Tác Đặc Biệt Miền Trung tiến tới khoác tay dìu y lên xe taxi đi về cơ quan.

Vũ Ngọc Nhạ

Vũ Ngọc Nhạ là điệp viên thuộc cục tình báo chiến lược, nhưng đến cuối phần này mới được đề cập tới.

Một mặt, vì y đã được cơ quan tình báo chiến lược Việt cộng sử dụng trong các hoạt động điệp báo tại những vùng có tình hình đặc biệt từ những ngày đầu của cuộc chiến tranh Pháp-Việt Minh, cho đến khi bị bắt lần thứ hai, lúc đã lọt được vào đến tận Dinh Độc Lập, với chức vụ Cố Vấn của Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu. Nhờ vào hành động phản đạo, tướng mạo lù đù nhưng lại rất láu cá, mặc dù chẳng được huấn luyện gì về tình báo.

Mặt khác, nhân vật Vũ Ngọc Nhạ, sau ngày 30.4.1975, phần tự “đánh bóng”, phần được đảng “đánh bóng” quá lố, đến mức khôi hài. Phong quân hàm thiếu tướng cho y, viết cuộc đời “điệp viên” của y thành truyện và còn cho dàn dựng thành phim. Mặc dầu tập truyện được cả một ban biên tập của đảng bố cục và thực hiện dưới cái tên Hữu Mai, nhưng từ đầu đến cuối chỉ là những sự bịa đặt, tưởng tượng, có chỗ ấu trĩ, có nơi rất ngây ngô, với toàn bộ thật trắng trợn.

Vì vậy, tôi thấy cần phải nói rõ hơn về tình hình từng giai đoạn đã đưa đẩy y từ một tên bộ đội trở thành một

điệp viên được đưa vào hoạt động tại Hà Nội, rồi Phát Diệm và Sài Gòn, cho đến khi bị bắt lần thứ hai, bị kết án tù chung thân khổ sai, và cuối cùng được trao trả cho Bắc Việt theo thỏa hiệp trao trả tù binh của hiệp định Paris.

Nhưng trước khi nói về lý lịch và hoạt động điệp báo của y, tôi xin được kể một vài điều khôi hài do y, hoặc do nhóm chuyên viên “hóa trang” của y tô vẽ cho y, để quý độc giả giải trí ít phút.

Vũ Ngọc Nhạ bị Đoàn Công Tác Đặc Biệt Miền Trung bắt năm 1958. Năm 1961, sau khi chấp nhận chuyển hướng và hợp tác với Đoàn Công Tác Đặc Biệt Miền Trung, y được chuyển từ trại cải tạo Tòa Khâm Huế, về Sài Gòn, sống với gia đình và hàng tháng phải trình diện báo cáo công tác với tôi (Hiếu). Vậy mà y dám huênh hoang là đã làm Cố Vấn cho Tổng Thống Ngô Đình Diệm từ năm 1960.

Vũ Ngọc Nhạ khoác lác với nguyệt san *Thế Giới Mới* của cộng sản như sau:

“Năm 1960, một vị Linh Mục đã chuyển tới tay Tổng Thống Diệm một tập tài liệu với bọc ngoài ghi hai chữ “Quốc Sách”. Chưa đầy một tuần sau, Ngô Đình Nhu đích thân đi mời tác giả tập tài liệu vào Dinh để gặp Tổng Thống”.

Đọc đoạn báo này, người dân đã sinh sống ở miền Nam thời Đệ I Cộng Hòa, dù chưa một lần trực tiếp tiếp xúc với Tổng Thống Ngô Đình Diệm hay ông Cố Vấn Ngô Đình Nhu, cũng khó mà nín cười được. Vì ai lại không biết, ông Ngô Đình Nhu đâu phải là con người nhẹ dạ, bồng bột như thế. Dù cho kế hoạch của Nhạ có sâu sắc bao nhiêu đi nữa.

Và Nhạ còn tiếp:

“Tôi trở thành quân sư của Tổng Thống từ đấy, ông Nhạ mỉm cười nói, cũng từ đấy trong Dinh Độc Lập, ngoài

Ngô Đình Nhu còn có thêm một ông cố vấn nữa: Vũ Ngọc Nhạ. Trong Dinh cũng có thêm một con rỗng, ngoài con Bạch Long Ngô Đình Diệm, con Thanh Long Ngô Đình Nhu, còn có thêm con Hoàng Long Vũ Ngọc Nhạ”.

Cá nhân Vũ Ngọc Nhạ khoác lác là điều dễ hiểu. Điều khó hiểu là sau ngày 30.4.1975, có lẽ còn đang bị chóa mắt vì hào quang chiến thắng, cơ quan tuyên truyền của nhà nước cộng sản đã cho ra đời cuốn tiểu thuyết hồi ký mang tên Nhạ, nhan đề “ông cố vấn”, để tên người viết là Hữu Mai. Cuốn sách nói về những kỳ công của con “rỗng vàng” Vũ Ngọc Nhạ trong hoạt động tình báo chiến lược, tại miền Nam Việt Nam thời Đệ I và Đệ II Cộng Hòa.

Một điểm “ngộ nghĩnh” tụt tở cáo sự láo khoét của mình (hay là của nhóm thợ hóa trang) là: Trong cuốn hồi ký này Nhạ kể, tài liệu “quốc sách” đã được y nhờ ông Lê Văn Dư, Trưởng Ty Công An Thừa Thiên lúc bấy giờ, trình cho ông Ngô Đình Cẩn, và được ông Cẩn chuyển vào Sài Gòn. (*Hồi ký của một điệp viên*. Trang 60) chứ không phải do một vị Linh Mục như y nói với nguyệt san *Thế Giới Mới* vừa kể trên đây.

Cuốn truyện được đóng thành phim. Cuộc đời con “rỗng vàng” tưởng là lên hương từ đó. Không dè chỉ 5 năm sau, năm 1980 cũng như các “đồng chí” khác, bị đảng rà soát lại lý lịch chính trị “con rỗng vàng” đã bị lộ chân tướng là loại “vàng mã” (vàng giả làm bằng giấy người ta đem đốt sau khi cúng người chết) chứ không phải vàng thật, do chính những cán bộ cộng sản đã cùng ở tù Mật Vụ Ngô Đình Cẩn với Nhạ khai báo với đảng. Không còn đường chối cãi, con “rỗng” phải tự vẫn 3 lần mà vẫn không chết. Có lẽ “nợ đời” còn quá nặng.

Vũ Ngọc Nhạ người Tỉnh Thái Bình, Bắc Việt, gốc Công Giáo. Hồi nhỏ vì nhà nghèo, Nhạ chỉ học qua bậc tiểu học rồi đi làm kiếm sống và tham gia bộ đội Việt Minh khi Việt Minh cướp chính quyền năm 1945.

Tháng 12.1946, chiến tranh Pháp-Việt bùng nổ, chính quyền Việt Minh rút khỏi Hà Nội. Vì nhu cầu nắm bắt địch tình. Trần Hiệu được ủy thác tổ chức cục tình báo chiến lược, tung người vào hoạt động gián điệp trong vùng Pháp chiếm đóng, gọi là vùng hậu địch.

Vũ Ngọc Nhạ, là tín đồ Công Giáo, với dáng vẻ bề ngoài nhỏ thó, điệu bộ quê mùa chất phác, ăn nói nhỏ nhẹ. Nhưng bên trong, Nhạ lại chứa đựng nhiều chất láu cá, lưu manh, đáp ứng đúng nhu cầu của cơ quan tình báo Việt cộng đang cần một mẫu người như thế để hoạt động trong vùng Pháp chiếm đóng. Vì vậy, ít lâu sau, Nhạ khi ấy đang ở trong bộ đội Việt cộng, được đưa vào công tác hậu địch tại Hà Nội. Đến khi khu an toàn Phát Diệm được thiết lập, Nhạ lại được rút từ vùng hậu địch Hà Nội đưa về đây.

Để quý độc giả, đặc biệt là độc giả thuộc các thế hệ sau thấy được lý do tại sao “Khu An Toàn Phát Diệm” được chính ông Hồ chí Minh chấp thuận cho thành lập mà lại bị Việt cộng coi như “vùng địch” cần thiết phải tổ chức hoạt động “tình báo gián điệp” trong đó. Tôi xin được kể sơ qua về tình hình đã đưa đến việc thiết lập khu an toàn này.

Ngay từ khi mặt trận Việt Minh với chủ tịch là ông Hồ Chí Minh cướp được chính quyền, tháng 8 năm 1945. Nhiều người đã nghi ông ta chính là Nguyễn Ái Quốc, một cán bộ cộng sản quốc tế, và Việt Minh là đảng cộng sản trá hình, nhưng chưa có bằng chứng gì cụ thể. Đến ngày lễ

thụ phong của Đức Cha Lê Hữu Từ, ông Nguyễn Mạnh Hà, một thành viên trong phái đoàn chính phủ Hồ Chí Minh về Phát Diệm dự lễ. Ông Hà đã cho các Giám Mục và Linh Mục Tổng Đại Diện các Giáo Phận hiện diện biết: “Đích thực chính phủ Việt Minh là cộng sản”.

Đã được biết chắc chắn bộ mặt thật của ông Hồ Chí Minh, ngay sau lễ tấn phong Đức Cha Từ, các Giám Mục và Linh Mục Tổng Đại Diện họp quyết định: Tại tất cả các Giáo Phận trong toàn quốc, nhất loạt thành lập Liên Đoàn Công Giáo đứng ngoài chính quyền, đồng thời tổ chức một bộ phận mang tên “Công Giáo Cứu Quốc” nằm trong mặt trận Việt Minh. Hai tổ chức hoạt động song hành để đối phó với cộng sản.

Càng về sau, bộ mặt cộng sản của Việt Minh càng lộ rõ. Sự liên hệ giữa họ với khối Công Giáo, đặc biệt là tại hai Giáo Phận Phát Diệm và Bùi Chu mỗi ngày thêm căng thẳng.

Hạ bán niên 1947, vụ Đức Cha Lê Hữu Từ bị ám sát hụt trong lúc ngài đang chủ trì lễ an táng anh Tống Viết Dung, một cán bộ Công Giáo bị công an Việt cộng bắt và tra tấn đến chết, làm tràn ly nước đã quá đầy. Dân chúng hộ tống Đức Cha từ địa điểm hành lễ trở về lại Tòa Giám Mục có chủ tịch ủy ban hành-kháng (hành chánh-kháng chiến) Huyện Kim Sơn, Nguyễn Ngọc Ái cùng đi. Đang đi song hàng với Đức Cha, không biết vô tình hay cố ý, y đã lui lại phía sau lưng ngài. Dân chúng tưởng y định thực hiện bằng được mưu đồ ám hại Đức Cha, họ liền xúm lại đánh y chết ngay tại chỗ và bắt giữ một số nhân viên công an.

Trước sự kiện này, ông Hồ Chí Minh thấy cần phải

tránh tình trạng có thể đưa đến một cuộc đối đầu công khai giữa toàn thể khối Công Giáo với chính quyền của ông, một chính quyền mà ông đang phải tìm cách che giấu bộ mặt thật “cộng sản” ông Hồ Chí Minh, một mặt ra lệnh cho chính quyền Tỉnh Ninh Bình đến hòa giải, xin Đức Cha chỉ thị giáo dân tha cho những người bị bắt, đồng thời thông báo: “chủ tịch Hồ Chí Minh sẽ gọi phái đoàn cao cấp về trình với Cố Vấn (Đức Cha Từ là Cố Vấn Tối Cao của chính phủ và của riêng ông Hồ chí Minh) một giải pháp có lợi cho cả đôi bên”.

Cuối tháng 9.1947, chính phủ cử một phái đoàn do Linh Mục Phạm Bá Trục, đại biểu quốc hội, quốc vụ khanh, dẫn đầu về Phát Diệm hội kiến với Đức Cha Từ. Linh Mục Trục chuyển trình một văn thư do chủ tịch Hồ Chí Minh ký, đề nghị đặt toàn Huyện Kim Sơn gồm 40 xã ấp với dân số khoảng 150.000 người dưới quyền cai trị của Cố Vấn Lê Hữu Từ, Cố Vấn toàn quyền tổ chức. Các cơ quan hành chánh, quân sự... của chính quyền sẽ rút đi hết.

Ông Hồ Chí Minh tưởng đó là miếng mồi ngon, đưa ra để xấp bẫy vị Cố Vấn của mình. Nhưng Đức Cha Từ đã sáng suốt nhìn thấy mưu mô hiểm độc của họ Hồ. Tuy vậy, vì thấy cần phải có một khu vực khả dĩ làm nơi ẩn tránh an toàn tạm thời cho những thành phần quốc gia đang bị Việt Minh cộng sản truy diệt. Đức Cha lợi dụng ngay âm mưu ấy, thực hiện cho Phát Diệm một khu an toàn bằng cách yêu cầu công khai hóa vấn đề này.

Trước lời yêu cầu ấy, Linh Mục Phạm Bá Trục, với quyền quốc vụ khanh, được ông Hồ Chí Minh ủy nhiệm toàn quyền, triệu tập chính quyền Huyện Kim Sơn, hành

chánh, công an, bộ đội, với sự tham dự của đại diện Công Giáo và Phật Giáo trong huyện, tuyên đọc văn thư của ông Hồ Chí Minh giao Quận Kim Sơn cho Cố Vấn Lê Hữu Từ toàn quyền cai trị.

Nhưng khi phát biểu, đại diện Cố Vấn Lê Hữu Từ xin từ chối quyền cai trị toàn Quận Kim Sơn. Ông chỉ xin nhận lãnh trách nhiệm trên một khu vực nhỏ để tượng trưng lòng biết ơn của Đức Cha đối với sự ưu ái đặc biệt chủ tịch Hồ Chí Minh đã dành cho ngài với điều kiện. Trong khu vực này, Giám Mục Cố Vấn có toàn quyền tổ chức những cơ cấu cần thiết cho việc an ninh và sinh hoạt. Nhân viên và cán bộ của chính quyền không được xâm nhập khi chưa có phép của Cố Vấn. Khu vực này là Xã Phát Diệm, với diện tích chừng 3 cây số vuông.

Lời yêu cầu này quá khiêm nhượng so với đề nghị do chính ông Hồ Chí Minh đưa ra. Vì vậy ông ta đã phải buộc lòng chấp nhận, và “Khu An Toàn Phát Diệm” được khai sinh từ đó.

Với hệ thống tổ chức rất chặt chẽ, tinh thần chống cộng sản hết sức hăng say của Liên Đoàn Công Giáo tại hai Giáo Phận Phát Diệm và Bùi Chu, nhiều vụ đụng chạm giữa công an Việt Minh và Lực Lượng Tự Vệ của Liên Đoàn đã xảy ra. Nay lại thua trí Đức Cha Từ, bề ngoài phải bưng bít chấp nhận cho thành lập một khu vực An Toàn có quyền bất khả xâm phạm đối với chính quyền. Nhưng bề trong, việc hòa hợp với khối Công Giáo là chuyện không thể có. Vì vậy đối với chính quyền của ông Hồ Chí Minh, việc phải nắm bắt được tình hình “thực” bên trong khu An Toàn, phải biết được thực lực của Liên Đoàn Công Giáo

cũng như ý đồ của cấp lãnh đạo khu An Toàn, đã trở thành một nhu cầu lớn lao và cấp thiết. Chính vì nhu cầu và môi trường đặc biệt này mà Vũ Ngọc Nhạ được tuyển chọn.

Vũ Ngọc Nhạ đang hoạt động trong vùng Hà Nội, được đưa về vùng Huyện Kim Sơn Phát Diệm. Y đã vào khu vực Phát Diệm như một giáo dân bình thường và hoạt động cho cục tình báo chiến lược. Vì biết, sống và hoạt động trong lòng một khu vực mà ngàn người như một, tinh thần chống cộng luôn luôn sôi sục, thì việc bảo mật hành hung là một điều tối hệ trọng. Hơn nữa, cũng nhằm để phòng Nhạ có thể trở thành điệp viên nhị trùng của khối Công Giáo, Trần Hiệu cục trưởng cục tình báo chiến lược đã trực tiếp điều khiển y.

Nhiệm vụ chính yếu của Nhạ là “chui sâu, trèo cao” vào các hoạt động của Giám Mục Lê Hữu Từ và Linh Mục Hoàng Quỳnh, Thủ Lãnh Lục Lượng Tự Vệ Công Giáo Phát Diệm. Nhưng vì khả năng quá yếu kém, y đã không thực hiện được nhiệm vụ này. Suốt thời gian từ khi khu An Toàn được thiết lập, cho đến khi di cư vào Nam, trong Tổng Bộ Tự Vệ, không ai biết mặt mũi Vũ Ngọc Nhạ là tên nào. Ông Phan Khiêm, hiện đang định cư tại Thành Phố Santa Ana, người cận vệ đặc biệt của Linh Mục Hoàng Quỳnh, ngày đêm ở sát cạnh Linh Mục. Khi được hỏi về Vũ Ngọc Nhạ, ông cho biết, cho đến khi di cư vào Nam ông chưa hề thấy mặt Nhạ lần nào. Nhạ chỉ thực hiện được nhiệm vụ thứ yếu là theo dõi, thu thập tin tức ở vòng ngoài, liên quan đến hoạt động của Lục Lượng Tự Vệ. Mặc dầu vậy, từ khi Nhạ lọt được vào khu An Toàn, sự thiệt hại về nhân mạng của Lục Lượng Tự Vệ Công Giáo Phát Diệm

không ít. Vì những cán bộ của Lực Lượng ra ngoài hoạt động tổ chức, lấy tin tức, đã bị Nhạ báo cho lực lượng Việt cộng truy diệt.

Sau khi hiệp định Geneva có hiệp lực, vì đòi hỏi của tình hình mới, Vũ Ngọc Nhạ lại được điều vào Nam.

Cuộc di cư vĩ đại của hơn một triệu người dân miền Bắc vào miền Nam, xảy ra sau khi Pháp thất trận tại Điện Biên Phủ, buộc phải ký hiệp định đình chiến với Việt cộng tại Genève ngày 20.7.1954. Theo quy định của hiệp định thì nước Việt Nam tạm thời được chia làm hai phần tại vĩ tuyến thứ 17, do hai chính thể quản trị.

Từ vĩ tuyến 17 trở ra về phía Bắc do chính thể cộng sản quản trị.

Từ vĩ tuyến 17 trở vào về phía Nam do chính thể Quốc Gia quản trị.

Một cuộc tổng tuyển cử để dân chúng hai Miền chọn một chính thể, thống nhất đất nước sẽ được tổ chức vào tháng 7.1956, tức là đúng 2 năm sau ngày hiệp định được ký kết.

Trong thời gian hai năm chờ tổng tuyển cử, kể từ ngày hiệp định được ký kết:

- Dân hai Miền được tự do di chuyển đến miền mình chọn để sinh sống trong vòng 300 ngày.

- Lực lượng vũ trang cũng như công chức, cán bộ các ngành của chính thể nào phải rút về vùng do chính thể ấy quản trị, cũng trong thời gian 300 ngày.

Trong khi hòa hội Geneva đang tiến hành, ngày 7 tháng 5.1954 Việt cộng chiến thắng tại Điện Biên Phủ. Thấy trước được phần nào kết quả hòa hội, giữa tháng 7.1954

trung ương đảng cộng sản Việt Nam họp lần thứ 6. Mục đích của khóa họp này nhằm phân tách tình hình trên thế giới và trong nước để đề ra nhiệm vụ mới, đặt kế hoạch ém quân tại miền Nam, vạch ra những công tác thiết thực cần phải tiến hành sau khi hiệp định Genève được ký kết.

Khóa họp này đã đề ra đường hướng và nguyên tắc hoạt động cho các cơ sở được gài lại tại miền Nam mà họ gọi là “cách mạng miền Nam” như sau:

“phải kết hợp chặt chẽ hình thức đấu tranh hợp pháp vào không hợp pháp, nhưng phải lấy hoạt động bí mật hợp pháp là chính. Phải luôn bám sát quần chúng mà hoạt động, chống sự khủng bố của địch, che giấu, giữ gìn lực lượng cách mạng.

- Về hình thức và phương pháp đấu tranh, phải linh hoạt, sáng tạo, khéo kết hợp những khẩu hiệu đấu tranh chính trị, như đòi thi hành hiệp định Genève đòi hiệp thương tổng tuyển cử, thống nhất đất nước v.v... gắn chặt với khẩu hiệu đòi quyền lợi dân sinh, dân chủ”.

Sau khi hiệp định Geneva được ký kết, tháng 9.1954 bộ chính trị đảng cộng sản Việt Nam lại họp để phân tích tình hình, đã bổ sung vào chỉ thị nêu trên mấy điểm như sau:

- Đòi thi hành đầy đủ hiệp định Geneva.
- Đòi không được khủng bố, đàn áp nhân dân và trả thù những người kháng chiến cũ.
- Không được lấy lại ruộng đất đã được cộng sản chia cho dân chúng.
- Phương pháp đấu tranh vẫn là phải nắm lấy cơ sở pháp lý của hiệp định Genève mà lãnh đạo quần chúng đấu tranh chính trị cách hợp pháp”.

Nhằm đáp ứng đòi hỏi phải duy trì tính chất cuộc đấu tranh chính trị theo đường lối được chỉ dẫn trong các chỉ thị trên đây. Đồng thời phải tìm mọi cách làm giảm thiểu đến mức tối đa khả năng chống cộng của khối dân chúng miền Bắc đang ồ ạt chạy trốn cộng sản di cư vào miền Nam. Vì khối dân này là một lực lượng chống cộng nguy hiểm và hữu hiệu mà họ sẽ phải đương đầu trong cuộc đấu tranh tại miền Nam sau này. Cục tình báo chiến lược của Việt cộng đã huy động ngay một lực lượng gồm những điệp viên đã được huấn luyện kỹ lưỡng, hoặc đã có nhiều kinh nghiệm hoạt động hậu địch, như quý độc giả đã thấy trong tóm tắt lý lịch của các điệp viên bị bắt ghi trên. Họ cho số điệp viên này trà trộn trong dân chúng theo làn sóng di cư, vào thiết lập mạng lưới tình báo hoạt động tại miền Nam.

Vũ Ngọc Nhạ, đang âm thầm hoạt động hậu địch trong khu Phát Diệm, tuy không được huấn luyện đặc biệt về tình báo, nhưng thời gian này y đã tỏ ra đặc lực trong công tác săn nhặt tin tức, lại rất thích hợp với sắc thái đặc biệt của khối dân di cư mà 80% là người Công Giáo. Con người y hội đủ các đòi hỏi cần thiết của một gián điệp hoạt động hậu địch trong bối cảnh chính trị và xã hội miền Nam lúc ấy. Ngoài yếu tố vừa kể, cục tình báo chiến lược của Việt cộng còn tin tưởng rằng, dưới lớp vỏ bọc “Dân Công Giáo Phát Diệm di cư” thì không cơ quan An Ninh nào ở miền Nam có thể phát hiện được hoạt động gián điệp của y. Họ đã thành lập một cụm tình báo đặc biệt mang bí số A22 giao cho y điều khiển, theo khối giáo dân Phát Diệm di cư vào miền Nam năm 1954. Cụm tình báo này hoạt động

biệt lập dưới sự chỉ huy trực tiếp của Trần Quốc Hương, chính ủy cục tình báo chiến lược của Việt cộng, người đặc trách chỉ đạo, kiểm soát, tổ chức ngành tình báo chiến lược tại miền Nam và hai nước Miên-Lào như tôi đã kể ở trên.

Vào đến miền Nam, Nhạ được cơ sở Việt cộng tại Sài Gòn chức nghiệp hóa tại Tổng Nha Giao Thông Công Chánh. Trong cuộc sống hàng ngày, ở sở làm cũng như ở gia đình, lúc nào y cũng tỏ ra là một con chiên ngoan đạo, một công chức cần mẫn, gương mẫu, sống đời sống có vẻ thanh bạch. Với tướng mạo lù khù, một nếp sống có vẻ đạo đức, thật thà chất phác, y đã chiếm được lòng tin của Linh Mục Nguyễn Đức Nhuận, Cha Sở Họ Phú Nhuận Bắc và do sự giới thiệu của Linh Mục Nhuận mà y được Linh Mục Phạm Quỳnh tin dùng.

Lợi dụng sự đi lại với hai vị Linh Mục này, cộng với sự ngẫu nhiên rất thuận lợi y gặp được là Linh Mục Hoàng Quỳnh có một người cháu ruột trùng tên với y. Dân di cư Phát Diệm, nhiều người không biết mặt anh Nhạ cháu Cha Quỳnh, nên khi nghe tên Nhạ thì nghĩ đó là cháu của ngài. Nhờ thế mà y gây được sự tín nhiệm với nhiều người xung quanh, tạo nên một vỏ bọc khá kín đáo và vững chắc cho những hoạt động điệp báo của y. Nhưng y cũng không lọt được qua mắt Đoàn Công Tác Đặc Biệt Miền Trung và đã bị bắt năm 1958 như tôi đã kể trên.

Sau khi nền Đệ I Cộng Hòa bị lật đổ, Vũ Ngọc Nhạ cùng đồng bọn từng bị Đoàn Công Tác Đặc Biệt Miền Trung bắt, được trả tự do. Chúng liền tái lập mạng lưới và hoạt động tình báo trở lại.

Khi Trung Tướng Nguyễn Văn Thiệu làm Chủ tịch Ủy Ban Lãnh Đạo Quốc Gia, thời gian chuẩn bị ra ứng cử Tổng Thống, Nhạ biết Trung Tướng Thiệu sẽ rất cần được khối Công Giáo hậu thuẫn. Y liền tìm cách sang tai cho ông Nguyễn Văn Hương, Thủ Lãnh Đảng Đại Việt đang được Trung Tướng Thiệu trọng dụng, rằng y rất tán thành đường lối chống cộng của Trung Tướng Thiệu và sẽ đề nghị Cha Hoàng Quỳnh đưa cả khối Công Giáo ủng hộ ông bất cứ khi nào ông cần. Đây chỉ là một đòn thâu cày của Vũ Ngọc Nhạ, vì thời gian này ai cũng biết không riêng khối Công Giáo, mà tất cả những lực lượng, tổ chức chống cộng và cả người Mỹ, đều ủng hộ liên danh Nguyễn Văn Thiệu-Nguyễn Cao Kỳ, vì thành tích ổn định tình hình của hai ông này, sau mấy năm miền Nam bị xáo trộn triền miên.

Rất tiếc là ông Hương đã không thấy rõ điều đó và đã tin vào Nhạ.

Khi Trung Tướng Thiệu lên ngôi Tổng Thống, ông đã nghe lời ông Nguyễn Văn Hương đề nghị, đem Nhạ vào làm Cố Vấn cho ông. Lợi dụng cương vị này, y cùng với ông Hương đã gây ảnh hưởng với Tổng Thống Thiệu, đưa số người của y: Huỳnh Văn Trọng, Nguyễn Xuân Hòe, Vũ Hữu Ruật vào Phủ Tổng Thống. Người phụ trách về chính trị, người về ngoại giao, người về hành chánh kinh tế.

Từ khi được “xổ lỏng”, nhân viên Đoàn Công Tác Đặc Biệt Miền Trung bị bắt giam, thái hồi. Nhạ tưởng không còn ai biết đến tung tích làm gián điệp cho cộng sản của y nữa, nhưng y đã lầm. Sau khi đưa nốt hai bộ hạ đắc lực nữa trong cụm tình báo của y là:

- Lê Hữu Thúy vào làm Chánh Sự Vụ tại Bộ Chiêu Hồi.

(điệp viên nằm vùng trong Nha An Ninh Quân Đội, thời Đại Tá Đỗ Mậu)

- Hoàng Hồ: Vào Quốc Hội Đệ II Cộng Hòa, thì mạng lưới bủa vây đã thất lại, vết gợn cụm tình báo chiến lược A22 của thủ trưởng Vũ Ngọc Nhạ. (gián điệp hoạt động tình báo trong giới báo chí, chủ nhiệm tờ tuần báo *Trinh Thám*, bị Đoàn Công Tác Đặc Biệt Miền Trung bắt)

Ngày 28.11.1969, Tòa Án Mặt Trận Vùng III Chiến Thuật kết án Nhạ khổ sai chung thân, đày ra Côn Đảo. Nhạ được trao trả cho Bắc Việt trong đợt trao trả tù binh tháng 5 năm 1973, theo thỏa thuận trong hiệp định Paris”.

Chính sách Cải Tạo Và Sử Dụng Những Người Kháng Chiến Cũ không chỉ nhằm đem những người đang kháng chiến vì lý tưởng Quốc Gia, Dân Tộc ra khỏi hàng ngũ cộng sản mà thôi. Nó còn có kế sách đáp ứng đầy đủ cả về mặt tinh thần lẫn vật chất cho những người hưởng ứng cũng như những người không hưởng ứng nó.

Với những người hưởng ứng chính sách, thực sự dứt khoát với chủ nghĩa cộng sản, nếu là cán bộ chuyên ngành, được tuyển dụng vào ngành Công An Cảnh Sát Việt Nam Cộng Hòa theo ngạch trật của ngành Cảnh Sát, tương đương với cấp bậc từ Trung Úy đến Thiếu Tá. Như Nguyễn Đình Chon, được trả cấp bậc Thiếu Tá và được bổ nhậm chức vụ Trưởng Ty Cảnh Sát Đặc Biệt Gia Định. Nguyễn Văn Mão, Trung Tâm Trưởng Trung Tâm Thẩm Vấn Đà Nẵng, tương đương cấp Đại Úy. Lê Đình Khôi, Lê Khắc Lự, Trịnh Thiện Hùng, Nguyễn Văn Thế, Lã Thị Thơ, Tôn Hoàng, Mạc Ly, v.v. đều được trả cấp bậc theo khả năng chuyên môn và chức vụ được giao phó.

Ngoài ra, một số đông cán bộ Việt cộng thuộc các ngành, đảng bộ, được giới thiệu làm việc tại các công ty, xí nghiệp tại Sài Gòn, Đà Nẵng, Huế. Riêng số đảng viên cộng sản cơ sở trong các tổ chức, phong trào quần chúng, thương mại, số này rất đông, sau khi chuyển hướng đều được cho về sinh hoạt theo nghề cũ một cách bình thường.

Đặc biệt với giáo chức, sinh viên, học sinh, sau khi chuyển hướng đều được giúp đỡ cho đi tu nghiệp tại ngoại quốc, được ưu tiên giới thiệu xin học bổng của các quốc gia thân hữu với Việt Nam Cộng Hòa.

Qua trường hợp Vũ Ngọc Nhạ được ông Dương Văn Hiếu, Trưởng Đoàn, Đoàn Công Tác Đặc Biệt Miền Trung, người đã từng bắt nhốt Nhạ, thuật lại trên đây, và một điều mà mọi người đều đã biết: Vũ Ngọc Nhạ đã có thời gian lọt vào Dinh Độc Lập với Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu. Vậy thì tại sao cơ quan tuyên truyền của nhà nước cộng sản không lấy bối cảnh thực ấy bố cục cho cuốn tiểu thuyết gián điệp “ông cố vấn” và dàn dựng thành phim, mà Vũ Ngọc Nhạ lại cứ phải là Cố Vấn của Tổng Thống Ngô Đình Diệm?

Phụ Bản 2

Tác phẩm dự thảo “Bội Phản Hay Chân Chính”

Bằng tác phẩm này tôi muốn nói với Đảng

với người thân và bè bạn

với người yêu và kẻ ghét

Nói thay cho người đã chết và cho cả người còn sống.

XIN GỒI

- Các đồng chí Ủy viên Bộ Chính Trị Trung Ương Đảng

- Các đồng chí Ủy viên Ban Bí Thư Trung Ương Đảng

- Các Ban:

Tổ chức và chính sách Trung Ương và Thành Ủy TP.

HCM

Lịch sử Đảng -nt-

Bảo vệ Đảng -nt-

Tuyên Huấn -nt-

Bộ Tư Lệnh Hải Quân Quân Đội Nhân Dân Việt Nam

Cục Hai Bộ Tổng Tham Mưu Quân Đội Nhân Dân Việt

Nam

Cục Bảo Vệ và Chính Sách -nt-

Cục Bảo Vệ và Chính Sách Quân khu 7

Ban Thường vụ Tỉnh ủy Thừa Thiên và Quảng Trị

Ban Thường vụ Thành ủy Huế và Quảng Nam-Đà Nẵng

Ban Lịch sử Đảng tỉnh Thừa Thiên và Quảng Trị

Ban Lịch sử Đảng thành phố Huế và Quảng Nam-Đà

Nẵng

Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Ban Lịch sử Đảng tỉnh Thủ

Biên cũ

Những người có tên trong tác phẩm này.

Thân nhân những người đã khuất có tên trong tác phẩm

TRẦN QUỐC HƯƠNG

TPHCM, ngày 1 tháng 9 năm 1992 Kính gửi: anh Hai Tân phó bí thư Thành ủy và anh Tư Sang f bí thư trực

Như anh biết trong KC chống Mỹ có hai loại tù một do i e. g điều tra ngục (CA.ANqđ) bắt có sổ sách hồ sơ, một loại do mật vụ bắt cóc o giấy tờ giam ở những nơi... do Mỹ trả tiền 1\$/ngày cho một người để cho ngục khai thác cung cách thủ đoạn khác hẳn nhau về góc độ an ninh thì thủ đoạn mật vụ thật hiểm độc hơn C.A nhiều, chẳng thể tên Lê Văn Du phó đoàn công tác đặc biệt miền Trung (mật vụ Cần) sau 75 đã khai, với các nhà chức trách ta là: chúng tôi đánh giá các ch/s (mật vụ) của ô. Cần đã có hiệu quả lớn, chỉ trong vòng gần 2 năm (58-60) đã phá tan tổ chức T/B

chiến lược miền bắc và làm tê liệt mấy ban tỉnh ủy đã bắt và thuần hóa mấy ngàn (khoảng 5000) cán bộ, đảng viên cơ sở kháng chiến... từ cơ sở đến từng các cấp trong đảng trí thức có công nông có, cán bộ CA, TB có, cán bộ đảng đoàn thể có, một nhóm anh em tù mật vụ họp nhau viết 1 cuốn tiểu thuyết về loại tù hàng đầu...

Địa chỉ: Dư Văn Chất, 450 Nguyễn thị Minh Khai. Q3. TP. HCH (lầu 5...)

(lá thư này viết tay và chụp lại, còn dài xin ngưng ở đây)

Phụ Bản 3

Dụ Số 10

Dụ số 10 được đăng trong *Công Báo Việt Nam* số 33 ngày 19 tháng 8 năm 1950. Toàn văn như sau:

DỤ

Dụ số 10 ngày mồng 6 tháng tám năm 1950 quy định thể lệ lập hội.

ĐỨC BẢO ĐẠI, QUỐC TRƯỞNG

Chiếu Dụ số 4 ngày mồng 1 tháng bảy năm 1949 tổ chức và điều hành các cơ quan công quyền Việt Nam.

Chiếu Dụ số 2 ngày 1 tháng bảy năm 1949 tổ chức quy chế các công sở.

Chiếu Sắc Lệnh số 1-QT ngày mồng 5 tháng giêng năm 1950 thu hồi Sắc Lệnh số 1-CP ngày mồng 1 tháng bảy năm 1949.

Chiếu Sắc Lệnh số 35-QT ngày 27 tháng tư năm 1950
thu hồi Sắc Lệnh số 6-QT ngày 21 tháng giêng năm 1950.

Chiếu Sắc Lệnh 37-QT ngày mồng 6 tháng năm năm
1950 ấn định thành phần chính phủ.

Chiếu các luật lệ hiện hành về việc lập hội

Chiếu đề nghị của Thủ Tướng Chính Phủ.

Sau khi Hội Đồng Tổng Trưởng đã thảo luận.

DỤ

CHƯƠNG THỨ NHẤT

NGUYỄN TẮC

Điều thứ 1: Hội là hiệp ước của hai hay nhiều người thỏa thuận góp kiến thức hay hành lực một cách liên tiếp để theo đuổi mục đích không phải là phân chia lợi tức, như là mục đích thuộc về tế tự, tôn giáo, chính trị, từ thiện, thể thao và đồng nghiệp ái hữu.

Muốn có hiệu lực thì hội nào cũng phải hợp với nguyên tắc chung của pháp luật về khế ước và nghĩa vụ.

Điều thứ 2: Các hội mục đích phi pháp hay trái phong tục đều vô hiệu lực cả.

Điều thứ 3: Hội viên của hội lập vô thời hạn hay có thời hạn nhất định vẫn có quyền ra hội bất cứ lúc nào, sau khi đã nộp và tiền góp thuộc về năm xin ra hội.

CHƯƠNG THỨ HAI

CÁC HỘI ĐƯỢC PHÉP THÀNH LẬP

Điều thứ 4: Những hội nói ở điều thứ nhất Đạo Dụ này phải được Tổng Trưởng Bộ Nội Vụ ra nghị định cho phép thành lập sau khi hỏi ý kiến các thủ hiến, theo như các thể lệ định ở Dụ này mới được hoạt động.

Nếu hội chỉ hoạt động trong phạm vi một phần Việt Nam thì Thủ Hiến chiếu ủy nhiệm của Tổng Trưởng Bộ Nội Vụ mà ra Nghị Định cho phép thành lập, sau khi cho phép, Thủ Hiến phải trình Tổng Trưởng Bộ Nội Vụ tri chiếu.

Riêng đối với các hội thanh niên và thể thao, Bộ Trưởng Bộ Thanh Niên Thể Thao được sử dụng những thẩm quyền dành cho Tổng Trưởng Bộ Nội Vụ nhưng phải ý hiệp với Tổng Trưởng Bộ Nội Vụ.

Điều thứ 5: Những hội được phép thành lập đều có tư cách pháp nhân theo thể lệ Dự này.

Điều thứ 6: Hội sở của hội ở địa hạt Tỉnh nào thì những người sáng lập phải đệ đơn cho ông Tỉnh Trưởng Tỉnh ấy, nếu ở các Thành Phố thì đơn đó Thị Trưởng thu nhận, ở Sài Gòn-Chợ Lớn thì đơn đó Quận Trưởng Sài Gòn-Chợ Lớn thu nhận.

Người sáng lập hội phải đã 21 tuổi (tính theo dương lịch) không can án khinh tội và trọng tội.

Đơn xin phép phải đính theo 3 bản điều lệ và bản tư pháp lý lịch của người sáng lập hội.

Trong điều lệ phải kê rõ các khoản sau này:

- 1.- Mục đích của hội.
- 2.- Tên hiệu của hội
- 3.- Hội sở.
- 4.- Hạn điều ước.
- 5.- Thể lệ vào hội, ra hội và trục xuất khỏi hội.
- 6.- Nghĩa vụ và quyền lợi của hội viên.
- 7.- Tài sản của hội.
- 8.- Thể lệ về động sản và bất động sản của hội.
- 9.- Họ, tên, tuổi các người sáng lập.

10.- Thể lệ về việc cử và bãi những người quản trị và quyền hạn của các người ấy.

11.- Duyên có giải tán hội.

12.- Thể lệ thanh toán và quy dụng tài sản của hội.

Điều thứ 7: (Tổng Trưởng Bộ Nội Vụ), nếu hội hoạt động trong toàn quốc hoặc ngoài địa hạt một phần Việt Nam (hay Thủ Hiến), nếu hội chỉ hoạt động trong địa hạt một phần Việt Nam, có quyền bác khước đi không cho phép lập hội mà không cần phải nói lý do.

Phép cho rồi có thể bãi đi trái điều lệ hay vì lý do trị an.

Việc bãi bỏ do chức vụ có quyền cho phép lập hội quyết định và phải theo thủ tục tương tự như khi cho phép thành lập.

Điều thứ 8: Hạn trong một tháng kể từ ngày nhận được nghị định cho phép, nhân viên trong Ban Trị Sự phải đăng trong Công Báo Việt Nam hay hành chánh tập san trong các phần Việt Nam một bản báo cáo nói rõ ngày được phép thành lập hội, Nghị Định do chức vụ nào ký, danh hiệu, mục đích của hội và hội sở.

Điều thứ 9: Phàm thay đổi khoản gì trong điều lệ thì hạn trong một tháng phải xin phép theo thể thức như khi xin phép thành lập hội và những sự thay đổi ấy chỉ có giá trị sau khi đã được chuẩn y.

Điều thứ 10: Nếu có gì thay đổi trong việc trị sự của hội thì hạn trong một tháng phải trình cho Tỉnh Trưởng, Thị Trưởng, Quận Trưởng Sài Gòn-Chợ Lớn để chiếu hệ thống cai trị tường trình Thủ Hiến và Tổng Trưởng Bộ Nội Vụ biết. Khi nhận được tờ khai, các nhà chức trách phải phát biên lai cho đương sự.

Những tờ khai ấy phải nói rõ:

1.- Những sự thay đổi trong nhân viên Ban Trị Sự hay Giám Đốc.

2.- Những chi nhánh, doanh sở mới lập.

3.- Những sự thay đổi địa chỉ hội sở.

4.- Những việc mua bán bất động sản theo thể lệ nói ở điều thứ 14 Dự này và phải đính theo tờ trình một bản phác tả và kê giá mua, giá bán những bất động sản ấy.

Điều thứ 11: Những sự thay đổi nói ở điều thứ 10 chỉ có giá trị đối với đệ tam nhân kể từ ngày khai trình với nhà chức trách và khi đã báo cáo theo như thể thức định ở điều thứ 8.

Điều thứ 12: Những sự thay đổi trong việc trị sự và những điều thay đổi điều lệ phải biên rõ vào một quyển sổ để trụ sở của hội và phải biên rõ ngày khai và ngày duyệt y những sự thay đổi ấy.

Các nhà chức trách hành chánh, tư pháp có quyền đến trụ sở đòi hỏi xem quyển sổ ấy.

Quyển sổ ấy phải do Tỉnh Trưởng, Thị Trưởng, Quận Trưởng Sài Gòn-Chợ Lớn hoặc những người được các vị ấy ủy nhiệm đánh số trang và ký tên, đóng dấu ở trang đầu, trang cuối.

Các tư nhân cũng có thể xin xem tại Thủ Hiến Phủ, các Tòa Tỉnh Trưởng, Thị Trưởng và Quận Trưởng Sài Gòn-Chợ Lớn những điều lệ, tờ khai và tất cả các điều thay đổi của hội hay xin phép trích lục nhưng phải chịu tiền phí tổn về phát trích lục.

Điều 13: Các hội chính trị và các hội đồng nghiệp ái hữu, mỗi năm, trong tuần lễ sau khi họp đại hội đồng

thường niên, phải theo hệ thống cai trị gửi cho Thủ Hiến sở tại để chuyển lên Tổng Trưởng Bộ Nội Vụ hai bản danh sách các hội viên và hai bản kê tình hình tài chính và tự rõ các căn nguyên cùng việc sử dụng tiền tài của hội.

Điều 14: Không hội nào được quyền nhận tiền trợ cấp của chính phủ, của các quỹ địa phương, quỹ hàng tỉnh và quỹ hàng xã, trừ những hội khoa học, mỹ nghệ, tiêu khiển, từ thiện, thanh niên và thể thao.

Các hội đều có quyền thu và sử dụng tiền góp của hội viên và quyền thừa kiện tại tòa án.

Ngoài ra, các hội chỉ có quyền chiếm hữu, tạo mãi, quản trị, đứng làm sở hữu chủ những bất động sản thật cần thiết để đạt mục đích của hội.

Những người có liên quan và công tố viên có quyền xin tòa án hủy bỏ những việc tạo mãi bất động sản trái với điều này. Bất động sản ấy sẽ đem bán đấu giá và được bao nhiêu tiền sẽ xung vào quỹ hội.

Điều thứ 15: Các hội có thể lập ra trong một thời hạn vĩnh viễn hay tạm thời.

Nếu là thời hạn tạm thời thì trong điều lệ phải nói rõ đến thời kỳ nào hợp đồng của hội sẽ hết hạn.

Có thể định rằng khi nào mục đích của hội đã đạt được rồi thì hợp đồng sẽ hết hiệu lực.

Điều thứ 16: Không cứ là trong điều lệ của hội định về hợp đồng của hội lâu chóng thế nào, phạm có đa số hội viên quyết định giải tán, hội sẽ giải tán.

Tuy nhiên, trong điều lệ của hội có thể buộc rằng sự quyết định ấy phải do đa số hội viên như thế nào hoặc do cả hội viên đồng tình mới được.

Điều 17: Phạm đã mãn thời kỳ định trong điều lệ hoặc đạt mục đích của hội rồi thì hội giải tán như thường.

Khi nào số hội viên giảm xuống dưới số ít nhất đã định trong điều lệ hay là chỉ còn có một hội viên thì tự nhiên chiếu luật, hội sẽ đình chỉ trước thời kỳ đã định.

Điều thứ 18: Điều lệ của hội có thể bắt buộc người vào hội phải có tư cách riêng thế nào hay là phải do một tiểu hội đồng hoặc do toàn thể hội viên hay ít nhất hai phần ba hội viên chuẩn hứa trước mới được.

Điều thứ 19: Điều lệ có thể định rõ các khoản trục xuất hội viên và cách thức thi hành việc ấy.

Cứ lý thì quyền trục xuất ấy là quyền của đa số hội viên.

Điều thứ 20: Điều lệ định rõ nghĩa vụ cùng quyền lợi của các hội viên.

Người nào đã vào hội thì bắt buộc phải tuân theo điều lệ của hội.

Điều thứ 21: Không hội viên nào được quyền lợi riêng về tài sản của hội trong thời kỳ đương còn hội.

Điều thứ 22: Phạm hội là một pháp nhân có những quyền lợi khác với quyền lợi của từng hội viên một.

Hội có tài sản riêng và có thể có hành vi mọi việc về bộ luật đã định trong điều lệ để quản lý tài sản ấy.

Sự thi hành nghĩa vụ của hội có thể trách cứ ở tất cả các tài sản của hội.

Điều thứ 23: Phạm chủ trương trị sự quản lý cùng thay mặt cho hội, thì do một hay nhiều hội viên của hội đã giao cho quyền tổng đại lý đối với đệ tam nhân.

Trong điều lệ có thể tăng hay giảm quyền hạn ấy.

Điều thứ 24: Người nào đã do trong hội giao quyền đại

lý thì trước khi hết hạn có thể xin từ được, nhưng thuộc về việc dân sự người ấy vẫn phải chịu trách nhiệm về công việc làm trong khi quản lý.

Khi người đại lý chết thì do những người thừa kế người ấy phải chịu trách nhiệm về các công việc quản lý của người ấy đã làm cho đến ngày chết.

Điều thứ 25: Đại hội đồng có quyền tuyệt đối trong hội. Đại hội đồng do những người thay mặt hội đứng chiêu tập.

Sự chiêu tập ấy cứ theo như khi đã định trong điều lệ cùng là khi một phần chia tư trong hội viên thỉnh cầu mà làm.

Điều thứ 26: Đại hội đồng sẽ định đoạt về việc nhận hội viên vào hội hay trục xuất hội viên khỏi hội, cử các người thay mặt hội, kiểm soát việc làm của họ và có thể bãi nhiệm vụ họ nếu có duyên cớ chính đáng.

Đại hội đồng xét xử mọi việc không thuộc về các cơ quan khác của hội.

Điều thứ 27: Hội viên nào cũng có quyền bỏ phiếu như nhau trong kỳ đại hội đồng.

Các việc hội nghị do đa số hội viên có mặt quyết định.

Điều thứ 28: Số tiền góp phải định rõ trong điều lệ không định rõ thì các hội viên đều đóng góp như nhau để chi về các khoản cần tiêu theo mục đích của hội và để giả nợ.

Điều 29: Các hội viên ra hội hoặc bị trục xuất thì mất cả quyền lợi về tài sản của hội.

Điều thứ 30: Sau khi hội đã thành lập, Ban Trị Sự phải trình chiếu nhà đương chức sở tại và Tổng Trưởng Bộ Nội Vụ hay Thủ Hiến, theo hệ thống cai trị, bản nội quy của

hội và nếu sau này có điều gì sửa đổi cũng phải trình chiếu những sự sửa đổi ấy.

Điều thứ 31: Các hội đã được thành lập phải hoạt động theo đúng mục đích của hội đã tự trong điều lệ. Khi nào xét ra một hội đã quả thị trực tiếp hay gián tiếp theo những mục đích khác với mục đích trong điều lệ thì hội sẽ bị giải tán và các hội viên, nhân viên Ban Trị Sự có thể bị truy tố tại tòa án.

Điều 32: Những hội không được phép thành lập thì coi như không có và tất cả những hoạt động của hội đều coi như vô hiệu lực và hội sở của hội ấy thuộc quản hạt Tòa Án Tỉnh ấy có quyền giải tán.

Người nào cũng có quyền trình tòa án để xin giải tán những hội không được phép thành lập.

Điều thứ 33: Những hội viên sáng lập, những hội viên giám đốc và quản trị các hội không được phép thành lập hay đã được phép nhưng sau lại bị giải tán, mà vẫn cứ hoạt động hay là tự tiện tái lập trái phép, hay đã hoạt động ra ngoài mục đích định trong điều lệ hội để đạt mục đích trái phép hay trái phong tục sẽ bị phạt từ 50 đồng đến 500 đồng và phạt giam từ 6 ngày đến 6 tháng.

Hội viên thường sẽ bị phạt giam từ 6 ngày đến 2 tháng và phạt bạc từ 50 đồng đến 200 đồng hay trong hai thứ phạt ấy phải chịu một.

Những người dung túng cho họp các hội không được phép thành lập hay đã bị giải tán cũng có thể bị phạt như trên.

Tòa án khi truy tố sẽ ra lệnh giải tán hội.

Những hội viên sáng lập, những nhân viên trong ban

trị sự phạm vào điều thứ 8, 9, 10, 11, 12, 13 và hoạt động ngoài mục đích của hội đã định trong điều lệ sẽ bị phạt từ 50 đồng đến 200 đồng nếu tái phạm có thể bị phạt gấp đôi.

CHƯƠNG THỨ BA

HỘI ĐƯỢC CÔNG NHẬN CÓ ÍCH LỢI CHUNG

Điều thứ 34: Những hội đã được thành lập theo thể lệ Dự này có thể được công nhận là hội có ích lợi chung bằng sắc lệnh của Quốc Trưởng do Tổng Trưởng Bộ Nội Vụ đề nghị và sau khi hỏi ý kiến Hội Đồng Tổng Trưởng.

Điều thứ 35: Đơn xin công nhận có ích lợi chung phải do những người được đại hội đồng ủy nhiệm ký đệ.

Điều thứ 36: Đơn ấy phải kèm theo những theo những bản sau này:

- 1.- 1 Bản Nghị Định cho phép hội thành lập.
- 2.- 1 Bản trình rõ căn do lập hội, sự tiến đạt của hội và mục đích ích lợi chung của hội.
- 3.- 2 Bản điều lệ.
- 4.- 1 Bản kê hội sở, các chi nhánh, các doanh sở của hội cùng địa chỉ.
- 5.- 1 Bản kê các sáng lập hội viên, nhân viên trong Ban Trị Sự có ghi rõ tên tuổi, nghề nghiệp, quốc tịch, cùng sinh trú quán.
- 6.- 1 Bản kê khai tình hình tài chính của hội về 2 năm sau cùng.
- 7.- 1 Bản kê khai các bất động sản, động sản và trái khoán của hội.
- 8.- 1 Bản trích lục biên bản của đại hội đồng cho phép làm đơn xin chính phủ công nhận là hội có ích chung.

Các bản nói ở điều này phải do những người ký đơn đoan nhận là đúng.

Điều thứ 37: Đơn phải đệ trình Quận Trưởng Sài Gòn-Chợ Lớn, Thị Trưởng, Tỉnh Trưởng sở quan.

Các viên chức ấy sẽ hỏi ý kiến Hội Đồng Thị Xã hoặc Hội Đồng hàng Tỉnh, nếu có, rồi đệ hồ sơ lên Thủ Hiến. Thủ Hiến sẽ chuyển đệ lên Tổng Trưởng Bộ Nội Vụ và kèm theo một tờ tường trình nói rõ ý kiến của mình. Tổng Trưởng Bộ Nội Vụ sẽ khởi nghị dự thảo sắc lệnh đệ trình Quốc Trưởng quyết định tại Hội Đồng Tổng Trưởng.

Điều thứ 38: Hội được công nhận có ích chung có thể hành vi mọi việc về hộ luật mà điều lệ không cấm, nhưng hội chỉ có quyền chiếm hữu và tạo mãi các bất động sản cần thiết cho mục đích của hội thôi. Tiền lưu trữ của hội phải đặt lãi bằng phiếu ký danh quốc thái.

Hội có thể thu nhận những tài sản mà hội được người ta tặng lúc sinh thời hay sau khi quá cố, nhưng phải do nghị định Tổng Trưởng Bộ Nội Vụ cho phép.

Nếu trong những tặng vật có những bất động sản xét ra không cần thiết về việc hoạt động của hội thì các bất động sản ấy sẽ phải phát mại theo cách thức và thời hạn định trong nghị định cho phép thu nhận ấy. Phát mại được bao nhiêu sẽ sung vào quỹ hội.

Hội không được nhận các của tặng vật bằng động sản hay bất động sản với điều kiện là người tặng vật vẫn được giữ quyền hưởng dụng.

Điều thứ 39: Những quy tắc ở các điều thứ 8, 9, 10, 11, 12, 30 và 38 ở Dự này đều thi hành cho cả hội được công nhận có ích lợi chung.

CHƯƠNG THỨ TƯ

ĐIỀU KHOẢN CHUNG ÁP DỤNG CHO HỘI ĐƯỢC PHÉP THÀNH LẬP VÀ HỘI ĐƯỢC CÔNG NHẬN CÓ ÍCH CHUNG

Điều thứ 40: Khi hội tự ý giải tán, theo điều lệ mà giải tán, hoặc bị tòa án hay chính phủ giải tán thì tài sản của hội sẽ được thanh toán và quy dụng theo như điều lệ hội và nếu điều lệ hội không nói rõ thì việc thanh toán và quy dụng ấy sẽ do đại hội đồng định đoạt.

Điều thứ 41: Nếu điều lệ hội không định việc thanh toán và quy định tài sản khi giải tán hội khi đại hội đồng quyết định tự ý giải tán mà không định việc thanh toán và quy dụng tài sản của hội, thì tòa án chiếu lời tư của các công tố viên có quyền cử một người quản tài.

Trong thời hạn do tòa án quyết định, người quản tài sẽ chiêu tập đại hội đồng để quyết định một thanh toán và quy dụng tài sản hội.

Nếu vì duyên cớ gì không chiêu tập được đại hội đồng thì người quản tài xin tòa án quyết định việc thanh toán và quy dụng tài sản của hội.

Điều thứ 42: Khi đại hội đồng quyết định về việc thanh toán và quy dụng tài sản hội thì đại hội đồng không có quyền chia cho hội viên một phần nào lấy trong tài sản của hội quá phần hội viên đã góp vào hội mà được thu hồi theo điều lệ.

CHƯƠNG THỨ NĂM

TỔNG TẮC

Điều thứ 43: Những luật lệ nào trái với Đạo Dụ này và nhất là Đạo Dụ số 73 ngày mồng 5 tháng bảy năm 1945 về việc lập nghiệp đoàn đều bãi bỏ đi cả.

Nghệp Đoàn nào đã thành lập rồi, phải tạm ngưng hoạt động và trong thời hạn là một tháng, kể từ ngày ban bố Dự này Ban Quản Trị của các Nghiệp Đoàn ấy, sẽ phải chiếu các thẻ thức lập hội do Đạo Dự này ấn định mà hợp pháp hóa hội đó, nếu không sẽ coi như giải tán.

Điều thứ 44: Chế độ đặc biệt cho các Hội Truyền Giáo Thiên Chúa và Gia-tô và các Hoa Kiều Lý Sự Hội sẽ ấn định sau.

Điều thứ 45: Dự này sẽ đăng vào Công Báo và mang thi hành như Quốc Pháp.

Làm tại Vichy, ngày mồng 6 tháng tám năm 1950.

BẢO ĐẠI

Phó Thụ

T.L. Thủ Tướng chính phủ đi công cán

Tổng Trưởng Bộ Tư Pháp

Xử Lý Thường Vụ

NGUYỄN KHẮC VỆ

Phụ Bản 4 Một thời vang bóng

© **Hà Vĩnh Phương**

Thuở thiếu thời, tôi nghe nói đến thanh danh Người. Là bạn đồng liêu, cha tôi biết rõ và đề cao đức độ ngay thẳng, thanh liêm, trọng dân thương nước của Người. Mới hơn 30 tuổi. Người hiên ngang từ chức Thượng Thư Bộ Lại, không chịu làm bình phong cho một thể chế hữu danh vô thực.

Tôi gặp mặt Người lần đầu tiên tại Phi Trường Nice, chiều 16.6.1954. Tháp tùng Người hôm ấy từ Paris đến chỉ có bào đệ Ngô Đình Luyện. Trên cương vị Chánh Văn Phòng của Thủ Tướng Bửu Lộc, tôi có nhiệm vụ đón tiếp hướng dẫn Người đến yết kiến Quốc Trưởng Bảo Đại lúc ấy “đóng đô” ở Cannes. Người được tấn phong Thủ Tướng với toàn quyền dân sự và quân sự sau cuộc hội kiến ấy.

Đến ngày Song Thất 07.07.1954, tôi ở lại cạnh Người tại Dinh Gia Long, nhận lễ bàn giao chức Chuông giữa nguyên Thủ Tướng và Tân Thủ Tướng Chính Phủ. Người ngó ý giữ tôi ở lại chức vụ cũ, tuy được minh chứng tin cậy như vậy, tôi kính cẩn xin từ nhượng. Người thông cảm lý do tôi trình bày, sau này còn chứng tỏ không chấp nệ tôi về sự xử trí có phần táo bạo như thế.

Ba năm sau, trong lúc giữ chức Chuông Ấn kiêm Đề Nhất Tham Vụ cạnh Đại Sứ Ngô Đình Luyện ở Luân Đôn tôi nhận lệnh hồi hương diện trình Tổng Thống vào đầu tháng 8 năm 1957. Đại Sứ Luyện kín đáo cho tôi hay như vậy là Tổng Thống chấp thuận ủy tôi làm Đồng Lý Văn Phòng theo đề cử của Đại Sứ Luyện.

Trong lần yết kiến tại Dinh Độc Lập ngày 20.8.1957 Người giải thích sự quan trọng kết giao, hợp tác với Cộng Hòa Liên Bang Đức, một quốc gia đang vùng dậy về phát triển kinh tế và chỉ thị tôi chuẩn bị trở lại Âu Châu thiết lập Đại Sứ Quán ở Tây Đức. Tất nhiên tôi không dám tỏ bày ngạc nhiên gì cả trước quyết định bất ngờ ấy. Tôi được ủy nhiệm công tác này vì trước đó tôi đã từ Luân Đôn sang Bonn thương lượng thiết lập quan hệ ngoại giao giữa hai nước.

Từ đó, Đại Diện Ngoại Giao Việt Nam Cộng Hòa cạnh Chính Phủ Liên Bang Đức sáu năm tròn, năm 1961, kiêm nhiệm thêm Đại Diện Việt Nam Cộng Hòa trong Hội Đồng Thống Đốc cơ quan Nguyên Tử Năng Cuộc, và năm sau (1962) đồng thời Đại Sứ Việt Nam Cộng Hòa tại Đan Mạch, Na Uy và Thụy Điển.

Cuối tháng 8 năm 1963, tôi lại được lệnh diện trình Tổng Thống và đây là lần cuối cùng.

Tiếp tôi ở Dinh Gia Long, Người cho biết, chấp thuận đề nghị của Giáo Sư Bửu Hội, tôi được cử làm phụ tá Giáo Sư, Đặc Phái Viên của Tổng Thống cạnh Liên Hiệp Quốc, vì lễ Đại Hội Đồng Liên Hiệp Quốc khóa XVIII đã ghi vấn đề Phật Giáo vào chương trình nghị sự, dưới đề mục “Vi phạm nhân quyền”. Thu thập xong đầy đủ tài liệu liên quan đến vấn đề Phật Giáo, tôi phải lên đường đến Nữu Ước trước ngày Đại Hội Liên Hiệp Quốc Khai Mạc (18.9.1963) vì Đại Sứ Bửu Hội còn lãnh nhận một số công tác ngoại giao trước khi đến Nữu Ước với một Phái Bộ do Đại Sứ đề cử.

Trước ngày lên đường đêm 7.9.1963, tôi nhận điện thoại tại nhà mẹ tôi ở Đường Kỳ Đồng chuyển lệnh yết kiến Tổng Thống. Lúc ấy đã quá 10 giờ đêm, tôi dùng xích lô đến Dinh Gia Long (và gặp khó khăn ở cổng chính với lính phòng vệ vì chưa ai đến đây công vụ mà lại đi xích lô). Tổng Thống tiếp tôi trong phòng ngủ đơn giản của Người (cũng là nơi Người thường làm việc ngoài những cuộc tiếp kiến chính thức). Tôi thoáng nhìn quanh, thấy một giường sắt bình thường và một bàn thờ nhỏ có chân dung Cụ Ngô Đình Khả. Người vẫn còn bận âu phục trắng với cà vạt đậm, ngồi trên một chiếc ghế bành da phai màu, trước một bàn gỗ tròn trên ấy có một bình trà và vài cái tách, bên cạnh một chồng hồ sơ. (Tôi còn nhớ mãi chi tiết ấy vì đấy là minh chứng của cách sống thanh bạch của Người, trước sau vẫn không thay đổi nếp sống giản dị dù ở cương vị Quốc Trưởng) Người mời tôi ngồi đối diện, ra lệnh cho sĩ quan hầu cận lánh đi, ân cần hỏi xem tôi đã nhận đủ tài liệu về công tác ở Liên Hiệp Quốc hay chưa. Người vạch rõ

cho tôi biết nguyên nhân chính yếu của vấn đề Phật Giáo đang tôi an tường mọi khía cạnh của vấn đề. Rồi người bảo tôi ra ban công ở ngay cửa vào phòng để hóng mát (trong phòng không có máy lạnh và cũng không đặt quạt máy).

Trong đêm thanh vắng, từ Dinh Gia Long nhìn xuống con Đường Gia Long rất yên tĩnh, tuy Sài Gòn lúc ấy xôn xao về nhiều tin đảo chính. Người ngồi đó, trầm lặng trên ghế xích đu, nói với tôi ngồi bên cạnh: "... Anh biết không tui còn ngồi đây thì yên tĩnh như rửa đó. Tui mà không còn tui nữa thì nước mình rồi bị thảm họa Thập Nhị Sứ Quân".

Người trầm tư yên lặng với những ý nghĩ của riêng mình. Riêng tôi, không dám và không biết nói gì ở địa vị nhỏ bé phận mình. Câu cuối cùng của Người khi tôi xin cáo từ để kịp đáp phi cơ rời Sài Gòn 12 giờ khuya đêm ấy là:

"Chúc anh lên đường may mắn thành công."

Không đầy hai tháng sau, đây sẽ là di chúc của Người lại cho tôi...

Trên đường về lại nhà mẹ tôi, tâm thần bồn chồn tự hỏi không biết mình có đủ khả năng gánh vác trọng trách Tổng Thống tín nhiệm không.

Từ già mẹ tôi, tôi ra sân bay Tân Sơn Nhất ngay khuya ấy. (Bà Ngô Đình Nhu cũng rời Sài Gòn trên chuyến phi cơ ấy, có chồng bà cùng đông quan khách tiễn chào và nhiều phóng viên báo chí. Tôi nhìn thấy từ xa, không được gặp mặt vì bà lên phi cơ ở phía trước dành cho khách hạng nhất, tôi phía sau dành cho hạng du lịch).

Dừng chân ở Paris ngày sau để gặp gia đình từ Bonn qua, tôi đến Nữ Ước chiều 9.9.1963. Nhìn thấy phóng viên báo chí và truyền thanh đang chờ đợi, tôi linh cảm

thấy công tác tế nhị và phức tạp sắp tới, vì phải “đơn thân độc mã” đương đầu từ đây với một dư luận chống đối mạnh mẽ Việt Nam Cộng Hòa. Chiến lược là do Tổng Thống vạch định, cấp chiến thuật về phần tôi là phải uyển chuyển chèo chống làm sao giảm bớt phần nào cao độ ác cảm trong dư luận ngoại quốc đối với Việt Nam Cộng Hòa. Về vấn đề Phật Giáo, tôi ngần ngại tuyên bố Việt Nam Cộng Hòa sẵn sàng trình bày minh bạch thực hiện trạng vấn đề tự do tín ngưỡng ở trong nước, sẽ không che đậy bất cứ điều gì, nhưng cũng không nề hà vạch rõ âm mưu lật đổ chính quyền nước tôi vì lý do chính trị thiên cận xuất phát từ những mâu thuẫn giữa ngoại viện và quyền tự chủ của một quốc gia nhược tiểu.

Quan Sát Viên Thường Trục Việt Nam Cộng Hòa cạnh Liên Hiệp Quốc đã tự ý rời bỏ nhiệm sở về Washington trước ngày tôi đến Nữu Ước, vì lẽ dễ hiểu “lựa gió phát cò” để bảo đảm tương lai bản thân. Đại Sứ Việt Nam Cộng Hòa ở Thủ Đô Hoa Kỳ cũng đã từ chức và buộc tội gắt gao chính quyền do mình đại diện suốt mười năm. Cuối tháng 8 năm ấy, Bộ Trưởng Ngoại Giao Việt Nam Cộng Hòa xin giải nhiệm rồi cạo đầu sang Ấn Độ hành hương. Xử Lý Thường Vụ Việt Nam Cộng Hòa cạnh Liên Hiệp Quốc lúc ấy là Tô Ngọc Thạch (cựu đồng nghiệp của tôi ở Đại Sứ Quán Paris mười năm về trước) đã tận tình giúp đỡ tôi mọi mặt. Hơn ba mươi năm đã qua, tôi vẫn ghi nhớ mãi đức hạnh của người bạn đường quân tử như Tô Ngọc Thạch (mãi đến năm 1995 chúng tôi mới nối lại được liên lạc với nhau).

Đại Hội Liên Hiệp Quốc khai mạc sáng 18.9.1963, nhưng đến chiều hôm sau tôi mới được mời gặp Đại Diện

14 nước Á Phi ở Liên Hiệp Quốc theo lời tôi yêu cầu, mục đích trình bày rõ ràng vấn đề Phật Giáo. Nhớ mãi chiều hôm ấy, lủi thủi một mình đến gặp nhóm Đại Sứ tôi không quen biết cũng chưa được giới thiệu với một ai. Tham dự phiên họp ở một phòng hội nghị tại trụ sở Liên Hiệp Quốc, tôi có ngay cảm giác là một “tội nhân” trước một tòa án mà các thẩm phán đều đỉnh ninh rằng bị cáo là chính phạm. Tôi được mời vào phòng họp trong một bầu không khí nghiêm trang lạnh lùng, không một ai chào hỏi tôi. Chủ tọa phiên họp là Đại Sứ Thường Trực Ceylan (Siri Lanka hiện nay), ông ta trao lời cho tôi ngay.

Tôi vẫn giữ bình tĩnh, trình bày khiêm tốn lập trường Việt Nam Cộng Hòa bằng cách đề cao nguyên tắc tôn trọng chủ quyền và quốc thể của mọi quốc gia, bất phân cường nhược. Trong khung cảnh đấu tranh quyết liệt giữ vững độc lập, bảo vệ tự do, vấn đề “vi phạm nhân quyền” đã được dùng làm bình phong che đậy một âm mưu lật đổ chính quyền, dưới sự điều động và yểm trợ của ngoại bang. Tôi cũng nói rõ rằng, sinh trưởng trong một gia đình Phật Tử từ mười thế hệ, nếu tôi có chút hoài nghi là tự do tín ngưỡng không được chính quyền tôn trọng đối với Phật Giáo, lương tâm tôi sẽ không cho phép tôi đại diện chính quyền ấy để biện bạch bất cứ điều gì trước dư luận quốc tế. Không một lời bình luận hay câu hỏi nào được nêu lên sau khi tôi kết thúc thuyết trình. Chủ tọa phiên họp tỏ lời cảm tạ, tôi ra về để họ thảo luận với nhau. Sau này, tôi được biết Phái Bộ Maroc cạnh Liên Hiệp Quốc được chỉ thị và đã thuyết phục các nước Phi Châu cựu thuộc địa Pháp “xem vấn đề Phật Giáo” là một vấn đề nội bộ Việt Nam,

Liên Hiệp Quốc không có năng cách can thiệp. Đây là thành quả công trình vận động của Giáo Sư Bửu Hội trên cương vị Đại Sứ Việt Nam Cộng Hòa ở Maroc, Sénégal và Côte d'Ivoire.

Vào thời điểm này, Giáo Sư Bửu Hội đã đến Nữu Ước cầm đầu Phái Bộ Việt Nam Cộng Hòa gồm có: Trần Văn Dĩnh từ Đại Sứ Quán ở Washington đến, Bửu Kính từ Đại Sứ Quán ở Rabat (Maroc), Nguyễn Duy Toàn từ Đại Sứ Quán ở Dakar (Sénégal), Tô Ngọc Thạch ở nhiệm sở Nữu Ước và tôi, Tổng Thư Ký. Giáo Sư Bửu Hội tích cực tiếp xúc với Tổng Thư Ký Liên Hiệp Quốc U Thant, và những nhân vật chính yếu trong Liên Hiệp Quốc, trong số ấy có Đại Sứ Adlai Stevenson, Đại Diện Thường Trực Hoa Kỳ. Công tác cung cấp tin tức cho báo chí do Tô Ngọc Thạch và tôi phụ trách. Đại Sứ Bửu Hội liên lạc trực tiếp với Tổng Thống Phủ qua viễn thông mật điện do tôi đảm nhận. Trong mọi tiếp xúc ở Nữu Ước, các thành viên Phái Bộ kể cả Đại Sứ Trưởng Đoàn đều phải dùng xe taxi. Phái Bộ không có công xa.

Cuối tháng chín, Tổng Thống chấp thuận đề nghị của Đại Sứ Bửu Hội mời một Phái Bộ Liên Hiệp Quốc đến viếng Việt Nam Cộng Hòa để nhận xét thực trạng về tự do tín ngưỡng. Sau khi thỏa thuận với Đại Sứ Vénézuéla, Carlos Sosa Rodriguez, Chủ Tịch Đại Hội Đồng Liên Hiệp Quốc và Tổng Thư Ký Liên Hiệp Quốc U Thant về nội dung văn kiện Việt Nam Cộng Hòa chính thức gởi lời mời Liên Hiệp Quốc nói trên, tuy Việt Nam Cộng Hòa không phải là quốc gia hội viên, việc này đặt một tiền lệ trong lịch sử Liên Hiệp Quốc, ngày 4.10.1963 Đại Sứ Bửu

Hội trao cho Chi Tịch Đại Hội Liên Hiệp Quốc một thông điệp. Ba ngày sau, Đại Sứ Bưu Hội công bố thông điệp ấy và giải thích lập trường của Việt Nam Cộng Hòa là không che đậy gì cả trước dư luận quốc tế về tự do tín ngưỡng ở trong nước. Ngày hôm sau (8.10.1963), Đại Hội Liên Hiệp Quốc chấp thuận đình hoãn thảo luận “Vấn đề Phật Giáo” cho đến khi nhận được phúc trình của Phái Bộ Liên Hiệp Quốc. Ngày 11.10.1963 thành phần Phái Bộ được Chủ Tịch Đại Hội công bố, gồm Đại Diện các nước: Afganistan (Trường Đoàn), Brésil, Ceylan, Costa Rica, Dahomey, Maroc và Népal. Tối 21.10.1963, nhân danh Chính Phủ, tôi tiễn chào Phái Bộ lên đường đi Sài Gòn.

Đến ngày 24.10.1963, Phái Bộ có mặt đầy đủ tại Sài Gòn và bắt tay ngay vào việc. Phái Bộ được các giới hữu trách dành mọi tiện nghi viếng thăm những nơi xét cần và tự do tiếp xúc với các Đại Diện Phật Giáo cùng mọi giới liên quan. (Những sự kiện ấy sau này được Phái Bộ xác nhận trong Phúc Trình tổng kết tháng 12.1963). Trong lúc Phái Bộ còn lưu tại Sài Gòn thì đảo chánh bùng nổ trưa ngày 1.11.1963. Vì lý do dễ hiểu là sáng kiến của Giáo Sư Bưu Hội, với sự chấp thuận sáng suốt của Tổng Thống, đã ngăn chặn âm mưu vận động Liên Hiệp Quốc kết án Việt Nam Cộng Hòa để dọn đường trước dư luận quốc tế cho mưu đồ lật đổ chính quyền pháp định không còn được cường quốc đồng minh chấp thuận quốc sách và chiến lược của mình. Người ta không khỏi không biết trước rằng Phái Bộ Liên Hiệp Quốc sẽ nhận xét (và sẽ đi đến kết luận) là không có minh chứng gì xác đáng về Phật Giáo bị kỳ thị hay đàn áp, đảo chánh vì thế được “cấp phép” thực hiện sớm hơn mưu hoạch dự liệu tại chỗ.

Vào lối 4 giờ sáng 1.11.1963 ở Nữu Ước (lúc ấy độ 17 giờ ở Sài Gòn) Tô Ngọc Thạch công tác ở Los Angeles với bà Ngô Đình Nhu, gọi điện thoại báo cho tôi tin đảo chánh. Tôi liền đến ngay Phòng Thông Tin Báo Chí Liên Hiệp Quốc vào lúc chưa bùng sáng để theo dõi tin tức vì tất nhiên không còn liên lạc với Tổng Thống Phủ ở Sài Gòn được nữa. Túc trực ở Liên Hiệp Quốc cho đến sáng ngày ngày sau, tôi nhận được hung tin Tổng Thống bị sát hại.

Nhớ lại hình ảnh Người vĩnh biệt chào tôi trước khi lên đường, hình dung lại lần tiếp kiến đêm 7.9.1963 với lời nói tiên tri của người, tôi nghĩ đến những gì sẽ xảy ra trong những ngày kế tiếp như sau này đã được lịch sử minh chứng.

Trở lại Liên Hiệp Quốc, ngày 13.12.1963, chủ Tịch Đại Hội thuyết trình rằng vụ đảo chánh Việt Nam Cộng Hòa, các nước Á Phi đã đề xướng ghi vấn đề vi phạm nhân quyền vào chương trình nghị sự, nay đề nghị Đại Hội thông qua điểm ấy, không thảo luận, không biểu quyết. Đại Hội chấp y như thế. Vấn đề Phật Giáo được kết thúc trước diễn đàn Liên Hiệp Quốc.

Cuối tháng 10.1963 Giáo Sư Bữu Hội có mặt ở Việt Nam để khánh thành Trung Tâm Nghiên Cứu Nguyên Tử ở Đà Lạt do Người sáng lập. Trở lại Liên Hiệp Quốc đầu tháng 12, Người ủy tôi thu xếp hoàn tất mọi việc về sứ nhiệm ở Liên Hiệp Quốc và chuyển toàn bộ tài liệu về nước. Giải nhiệm Đặc Phái Bộ Việt Nam Cộng Hòa cạnh Liên Hiệp Quốc ngày 20.12.1963, Người từ già Nữu Ước về Pháp, tôi sẽ không bao giờ nữa gặp lại Người.

Về phần tôi, bàn giao lại nhiệm sở Quan Sát Viên Việt Nam Cộng Hòa cạnh Liên Hiệp Quốc cho Tô Ngọc Thạch,

tôi báo điện cho Bộ Ngoại Giao đã hoàn tất nhiệm vụ và rời Nữu Ước đêm 26.12.1963. Ngay đầu năm sau, tôi từ chức ngành Ngoại Giao chuyển bước sang một giai đoạn khác, hoàn toàn vô định về tương lai bản thân, song chẳng luyến tiếc gì về quá khứ của mình.

Trên ba thập niên đã qua theo mây gió. Nhiều kỷ ức đã vàng úa như lá rụng chiều thu. Với đôi dòng này, tôi mong ướp khô được vài ba lá thu kia để tưởng niệm Tổng Thống Ngô Đình Diệm và Giáo Sư Bửu Hội, mà tôi được phục vụ trong tình thương quý Quê Hương, tuy chỉ một thời đoạn ngắn ngủi một thập niên.

Hồi tưởng công đức hai Người, đọc lại thơ Vân Nương, tuy diễn tả tâm tình phát xuất từ một bi cảnh khác, nhưng vẫn hòa nhịp với kỷ ức của riêng tôi:

Mấy chục năm trời thoáng một giây/Hồi ôi! Hạc đã vút chân mây

Bao la trời đất mà hoang vắng/Thấm lạnh hồn đơn ngọn gió lùa...

Kết thúc hồi ký này, tôi ghi thêm hai câu tuyệt vời ý nghĩa từ bản “Hịch Bình Ngô Đại Cáo” của Nguyễn Trãi:

Dầu cường nhược có lúc khác nhau. Song hào kiệt lúc nào cũng có...

Hà Vĩnh Phương

25.4.1996

Phụ Bản 5

Thượng Viện Hoa Kỳ

Ủy Ban Tư Pháp

Ngày 17 tháng 2 năm 1964

Ngài James O. Eastland,

Chủ Tịch Tiểu Ban Nội Vụ Thượng Viện

Hoa Thịnh Đốn

Thưa Ngài Chủ Tịch,

Vào đầu tháng 9 năm ngoái, vào lúc cao độ của cuộc khủng hoảng Phật Giáo, 16 quốc gia đệ trình bản tuyên cáo lên Ông Tổng Thư Ký Liên Hiệp Quốc, kết án chính phủ Việt Nam đã vi phạm trầm trọng về nhân quyền. Để trả lời, Chính Phủ của Tổng Thống Ngô Đình Diệm đã mời Liên Hiệp Quốc gửi một Ủy Ban đến tìm hiểu sự thật và cam kết đã hợp tác chặt chẽ với Ủy Ban. Đại Hội Đồng Liên Hiệp Quốc chấp nhận lời mời và ngày 11 tháng 10

một Ủy Ban đã được thành lập gồm Đại Diện các Quốc Gia: Afghanistan, Brazil, Costa Rica, Dahomey, Morocco, Ceylan và Népal.

Phúc trình của Ủy Ban về Việt Nam, dù rằng được ấn hành trong nội bộ của Liên Hiệp Quốc vào ngày 9 tháng 12, nhưng chỉ được phổ biến một cách hạn chế cho báo chí. Sự thật bản phúc trình này chỉ được báo chí biết đến hơn hai tuần lễ sau khi được ấn hành do một vài bình luận gia biết được vấn đề.

Theo tôi nghĩ bản phúc trình này có những điểm đáng lưu tâm và tôi đề nghị Tiểu Ban Nội Vụ Thượng Viện ấn hành để các Thượng Nghị Sĩ hiểu rõ vấn đề.

Đây là bản phúc trình bao gồm những lời khai và tài liệu, nhưng không hề có những nhận xét hay kết luận của Ủy Ban, tôi tin rằng bất cứ ai sau khi đọc cũng có thể đưa ra lời kết luận về lời cáo buộc “Phật Giáo đã bị đàn áp”, mà thật ra chỉ là một sự thổi phồng đầy ác ý, và tuyên truyền gian trá.

Tôi cũng lưu tâm quý vị liên hệ sự kiện này với cuộc phỏng vấn của NCWC News Agency vào ngày 20 tháng 12 với Đại Sứ Fernando Volio Jimerez của Costa Rica, một trong những người đã kiến nghị thành lập Ủy Ban Liên Hiệp Quốc và cũng là một thành viên của Ủy Ban Tìm Hiểu Sự Thật.

Tôi trích dẫn lời ông Volio:

“Cá nhân tôi nghĩ rằng không hề có chính sách kỳ thị, đàn áp, ngược đãi đối với Phật Giáo trên căn bản tôn giáo. Lời khai về những sự việc này thường chỉ là những tin đồn vô vô căn cứ hoặc đã được thổi phồng hay phóng đại.

Khi một nhân chứng cố gắng đưa ra những bằng chứng cụ thể, nhưng những sự việc mà nhân chứng viện dẫn chỉ có tính cách cá thể, chứ không phải là chính sách của chính phủ đối với Phật Giáo trên căn bản tôn giáo”.

Sau khi đọc bản phúc trình của Ủy Ban Liên Hiệp Quốc, tôi đã liên lạc với Đại Sứ Volio để hiểu tường tận cảm nghĩ của ông.

Đại Sứ Volio nói với tôi rằng, nếu dựa trên những tin tức đã xuất hiện trên báo chí thế giới, ông đã sửa soạn và sẵn sàng bỏ phiếu lên án chính quyền Ngô Đình Diệm, nhưng khi Ông Ngô Đình Diệm gửi thư mời Liên Hiệp Quốc cử Phái Đoàn đến Việt Nam quan sát, Ông đã nghĩ rằng lời mời này phải được chấp nhận trước khi Liên Hiệp Quốc ghi vào nghị trình thảo luận.

Đại Sứ Volio cũng nói rằng, sau hai tuần lễ tích cực điều tra tại Việt Nam, Ông đã đi đến kết luận: Lời cáo buộc tại Đại Hội Đồng Liên Hiệp Quốc đối với chính quyền của ông Ngô Đình Diệm đã không thể tồn tại, ông nghĩ rằng với những bằng chứng thu thập được đã chứng tỏ rằng không hề có vấn đề kỳ thị tôn giáo hoặc xâm phạm quyền tự do tôn giáo.

Đại Sứ Volio nói rằng Chính Phủ Ngô Đình Diệm đã cộng tác chặt chẽ với Ủy Ban, cho phép Ủy Ban đi bất cứ nơi nào mà Ủy Ban thấy rằng cần thiết. Ông viện dẫn lời tuyên bố của Ông Bộ Trưởng Ngoại Giao và cho rằng lời tuyên bố này đã đem lại cho Ông một cảm nghĩ đặc biệt: “Chính Phủ có thể không hoàn hảo, cũng như các viên chức trong Chính Phủ không phải là những ông thánh. Chúng tôi sẽ lắng nghe những ý kiến của Quý Vị và

sẽ cố gắng sửa đổi những khuyết điểm”. Đại Sứ Volio nhấn mạnh rằng, đây là lần đầu tiên trong lịch sử của Liên Hiệp Quốc, Ủy Ban đã có thể điều tra tại chỗ về những cáo buộc rằng một chính phủ hội viên đã vi phạm nhân quyền. Đại Sứ Volio cũng nói rằng, với lời mời và sự hướng dẫn trong suốt cuộc điều tra, đã cho Ông cảm nghĩ rằng Chính Phủ Ngô Đình Diệm sẵn sàng sửa đổi những sai lầm, nếu có, và tin tưởng vào sự thật sẽ được đưa ra ánh sáng.

Bản phúc trình không đưa ra một kết luận nào, một vài lời khai trong bản phúc trình nêu lên những nghi vấn về tính cách xác thực về sự tự nguyện tự thiêu để bảo vệ Phật pháp. Phúc trình của Ủy Ban đã đề cập đến lời khai của một tăng sĩ 19 tuổi khai với Ủy Ban rằng tăng sĩ này được tuyển mộ bởi một “tiểu đội hiến thân tự thiêu”. Tăng sĩ này khai rằng đã được cho biết rằng Đại Lão Hòa Thượng Giáo Chủ Phật Giáo đã bị giết, và rằng hàng trăm tín đồ Phật Giáo đã bị cho đi “mò tôm” tại Sông Sài Gòn, và rằng nhiều ni cô đã bị mổ bụng giết chết, và rằng Chùa Xá Lợi đã bị thiêu đốt. Tăng sĩ này cũng khai rằng đã được yêu cầu tự nguyện tự thiêu để bảo vệ Phật pháp, được bảo đảm rằng trước khi tự thiêu sẽ được cho uống thuốc để không bị đau đớn khi tự thiêu và ký vào ba bức thư đã được soạn sẵn. Tăng ni này đã bị Cảnh Sát bắt trước khi hành động man rợ này xảy ra.

Ủy Ban cũng đã phỏng vấn một số những nhà lãnh đạo Phật Giáo và những lãnh đạo thanh niên mà theo phúc trình thì đã bị giết. Không thể tìm thấy những bằng chứng những bản tin của các báo chí nói rằng một số tu sĩ Phật Giáo đã bị ném từ trên gác xuống trong cuộc bố ráp Chùa Xá Lợi.

Theo ý tôi, điều cần phải nói thêm rằng nhân dân Hoa Kỳ một lần nữa đã bị một vài tờ báo thông tin một cách sai lạc về tình hình quốc ngoại mà nhân dân Hoa Kỳ hằng lưu tâm đến.

Chúng ta được thông tin rằng Chính Phủ Ngô Đình Diệm đã có những hành động đàn áp, rằng những tu sĩ vô tội đã bị thúc đẩy tự thiêu để phản kháng. Ngược lại, việc đàn áp đã không xảy ra một cách trầm trọng và đó chỉ là một sự khích động mang màu sắc chính trị.

Ủy Ban đã không đi sâu vào động cơ chính trị dẫn đến sự khích động của Phật Giáo. Nhưng tôi nghĩ rằng câu trả lời cho vấn đề này chính là câu trả lời của Thượng Tọa Thích Trí Quang người lãnh đạo cuộc tranh đấu (hiện đang ty nạn tại Tòa Đại Sứ Hoa Kỳ tại Sài Gòn) với Miss Marguerite Higgins: “Chúng tôi chỉ có thể dàn xếp với miền Bắc sau khi đã lật đổ Diệm và Nhu”.

Phần lớn những cuộc biểu tình phản đối của tín đồ Phật Giáo đã không thực hiện được theo ý muốn và chính đó là điều mà tín đồ Phật Giáo bị khích động.

Một vấn đề liên quan đến việc phát hành phúc trình này là vì nó liên quan đến vấn đề an ninh quốc nội.

Báo chí Hoa Kỳ hành diện về truyền thống toàn hảo và khách quan của mình. Thật vậy, có lẽ không quốc gia nào trên thế giới lương tâm của nhà báo được vinh hạnh như vậy hoặc ở đó những cuộc đua tài của các nhà báo đáng được quốc gia tán thưởng. Nhưng đáng tiếc, đã có một số tình hình liên quan đến chính sách đối ngoại ở đó nhân dân Hoa Kỳ, Quốc Hội và ngay cả chính quyền đã bị dẫn dắt một cách sai lầm bởi những báo cáo thiếu chính xác của một số báo chí.

Báo chí Hoa Kỳ trong thời chiến tranh đã bóng gió loan tin Mihailovich là người đáng được cộng tác và rằng Tito là một nhà lãnh đạo quốc gia vĩ đại. Kết cuộc là sự phản bội của Mihailovich và đã áp đặt một chế độ cộng sản tại Yugoslavia.

Trong thời kỳ hậu chiến một vào trong số những tờ báo này nói với chúng ta rằng: Tưởng chỉ là một bù nhìn và cộng sản Trung Quốc chỉ là những kẻ cải cách điền địa, và kết cuộc của một chính sách lầm lẩn đã đưa đến là lục địa Trung Hoa đã bị nhuộm đỏ.

Lần cuối đây có những tờ báo nói với nhân dân Hoa Kỳ rằng: Castro không phải là cộng sản mà là con người có bản chất giữa Robin Hood và Thomas Jefferson, và cuối cùng kết quả là một chính thể cộng sản đã hình thành tại Cuba.

Giờ đây chúng ta lại là nạn nhân của một sự lừa dối khác, hậu quả là Chính Phủ của Ông Ngô Đình Diệm đã bị tiêu diệt và một tình trạng rối loạn đã diễn ra sẽ làm cho việc chống cộng trở nên khó khăn hơn.

Quốc Hội cũng như nhân dân Hoa Kỳ đã quá lệ thuộc vào những tin tức do báo chí loan tải. Ngay cả những viên chức chính quyền dù rằng nắm trong tay những nguồn tin tức đặc biệt cũng bị ảnh hưởng rất nhiều bởi những tin tức đọc trong báo. Do đó, thực tế báo chí giữ vai trò làm chính sách.

Tôi tin rằng, thật là hữu dụng nếu nhân viên báo chí tự hỏi những hậu quả trầm trọng mà báo chí đã làm để hướng dẫn một cách sai lầm chúng ta trong những tình hình như vậy.

Đồng thời, tôi hy vọng rằng mỗi một thành viên Thượng Viện sẽ bỏ thời gian để đọc bản phúc trình và đưa ra những nhận xét của riêng mình.

Chân Thành cảm tạ.

Thomas J. Dodd

Thượng Nghị Sĩ Hoa Kỳ

Phụ Bản 6

Lược đồ một cuộc cải tổ cơ cấu xã hội

1.- Căn bản của lý thuyết Xã Hội Nhân Vị

Tôn trọng nhân cách và thiết lập ích lợi chung

Hai nguyên tắc không thể tách biệt này, chính cũng là những nguyên tắc tự nhiên, di sản ngàn xưa của nhân loại. Điều hòa được tự do cốt yếu của con người với quyền lợi của đoàn thể thì sẽ giải quyết được vấn đề xã hội. Hai nguyên tắc ấy thực hiện trong lịch sử không được quân bình, một phần lớn do ở quan niệm tuyệt đối của phái tự do tư bản và phái tập sản đối với quyền sở hữu. Cần phải cải hóa quan niệm ấy để nhân cách được tôn trọng, đồng thời hạnh phúc chung được thành tựu. Một khi quan niệm về quyền sở hữu đã được cải tổ thì cơ cấu của cả một nền văn minh sẽ phải biến hóa theo.

2.- Phải phân biệt quyền sở hữu ra làm hai loại

Đối với con người là cứu cánh của xã hội và đối với xã hội là khuôn khổ cần thiết của con người, các tài sản của trần thế phải chia làm hai loại: Tài sản để tiêu thụ (biens de consommation) và tài sản để sản xuất (biens de production)

a.- Tài Sản Để Tiêu Thụ: Do tự mình làm ra, cá nhân hay gia đình có đủ quyền quản lý và sử dụng, để sinh sống cho đầy đủ và cho xứng đáng với địa vị của mình. Đó là lĩnh vực thiết yếu cho sự sinh sống cho đầy đủ và cho xứng đáng với địa vị của mình. Đó là lĩnh vực thiết yếu cho sự sinh sống tự và tự do của con người và của gia đình. Chính phủ có quyền kiểm soát và đánh thuế, miễn là cái quyền hạn này đừng đi đến sự thủ tiêu trực tiếp hay gián tiếp các khả năng dành dụm tài sản của cá nhân hay của gia đình. Ngoài bốn phạm pháp chế đối với xã hội, chủ nhân loại tài sản này vẫn còn có bốn phạm tù thiện đối với kẻ thiếu thốn hơn mình. Trong phạm vi ấy, quyền tự do quản lý và sử dụng thứ tài sản này có ích cho bản tính con người, và nếu có lạm dụng đi nữa, thì cũng không sinh hỗn loạn kinh tế, như khi lạm dụng tài sản để sản xuất.

b.- Tài Sản Để Sản Xuất: Là thứ tài sản có dư thừa, sau khi đã thỏa mãn nhu cầu sinh sống xứng đáng của mình rồi. Chủ quyền tài sản này, một mặt phải quân bình với quyền lợi của các cấp lao động cộng tác, một mặt phải ăn khớp với nhu cầu toàn dân. Vì vậy việc sản xuất, quyền quản lý và quyền sử dụng lợi tức của hạng tài sản xuất, quyền quản lý và quyền sử dụng lợi tức của hạng tài sản này phải phụ thuộc định hướng kinh tế của quốc gia và phục tùng công

lý xã hội giữa vốn và sự làm việc (lao động). Như thế mỗi một phần tử của toàn dân có đủ tự do cốt yếu và đủ điều kiện vật chất cần thiết cho một cuộc sống xứng đáng con người và xứng đáng với thiên chức siêu việt của con người, mà đồng thời cũng không làm tê liệt phát triển kinh tế.

3.- Phải tổ chức kinh tế và phân phối lợi tức của Quốc gia cho công bằng

A.- Đối với công cộng

Phải tổ chức kinh tế và các cơ quan điều khiển kinh tế để thỏa mãn nhu cầu sinh hoạt và sinh hóa của nhân dân, mà không đi quá tầm con người (*taille de l'homme*), không đi quá tiết điệu sinh sống của con người (*rythme vital*), không thủ tiêu tự do cốt yếu cần thiết của con người và cho tiến triển kinh tế.

Phải tổ chức theo nguyên tắc: Địa phương phân lục, địa phương phân quyền, và theo hệ thống hướng thượng, từ cấp dưới mà lên, từ gia đình, xứ, khu đến nước, từ xí nghiệp lên đại nghiệp, công nghiệp và ngành công nghiệp.

1.- Tổ chức khuôn khổ kinh tế: Nhằm đích thỏa mãn nhu cầu của toàn dân cho nên phải tổ chức kinh tế biệt khu (*Ecommie de secteurs*)

a.- Khu Vực Sơ Đẳng: Gồm những tài sản cần yếu để sinh sống (*biens essentiels*) lúa gạo, vải bo, vật liệu làm nhà, thuốc men. Khu vực này là khu vực ưu tiên an toàn liên đới công cộng, có thể chương trình hóa.

b.- Khu Vực Phụ Thuộc: Gồm những tài sản tiện nghi (*biens de confort*). Khu vực này được tự do.

c.- Khu Vực Tam Đẳng: Gồm những tài sản phi phạm (*biens de depassement*). Khu vực này do sáng kiến cá nhân.

2.- Tổ chức cơ quan điều khiển kinh tế: Để tránh nạn tiêu diệt tự do cốt yếu cần thiết của con người và để cho kinh tế được phát triển phải phân phối điều khiển, kiểm soát, trọng tài và nghiên cứu kinh tế giữa các nghiệp đoàn và đơn vị lãnh thổ trước khi lên cấp trung ương.

a.- Tổ chức nghiệp đoàn: Chủ xưởng và nhân công. Ưu thế về phía đơn vị lãnh thổ trên nghiệp đoàn.

b.- Tổ chức lãnh thổ: Theo điều kiện địa dư, nhân khẩu, kinh tế và các đơn vị hành chánh địa phương từ dưới mà lên.

Làng

Phường

Xứ, Thành

Khu

Nước

c.- Tổ chức trung ương chính quyền: Theo chính thể đại nghị gồm đại biểu các đoàn thể cử ra và đại biểu chính trị do phổ thông đầu phiếu.

B.- Đối với sự làm việc

Phải tổ chức một hệ thống phân phối lợi tức và phân phối trách nhiệm quản lý: Cho hợp với Công Lý xã hội, hợp với hạnh phúc chung và với tiến triển kinh tế.

Người nào chỉ đầu vốn mà không làm việc, thì đối với lợi tức và đối với quyền quản lý không còn được ưu thế.

Tư bản thụ động (capital passif): Tiền bạc, dầu ở đâu mà đến, và dầu là của tư hay là của chính phủ, tiền bạc tự nó không sinh sản gì được. Có sinh lợi là do sức lao động mà ra. Cho nên vốn tư bản thụ động phải phục tùng sự làm việc (lao động). Và trong việc phân phối lợi tức hay

trong quyền quản lý, sự làm việc, sự làm việc (lao động) được ưu đãi hơn tiền bạc.

1.- Phân phối lợi tức theo công bằng: Nhằm đích làm cho khối lao động vô sản được hưởng quyền sở hữu cơ bản để có thể tiến lên cấp lao động hội viên.

a.- Thuế nạp cho chính phủ.

b.- Quỹ liên đới để giúp những đồng bào bất lực không thể làm việc được.

c.- Thù công cho vốn và sự làm việc. Phải phân biệt các thứ vốn và các hạng lao động.

Vốn:

- Thực vốn (capital réel) như một xưởng có đủ nề nếp.

- Vốn thụ động (capital passif) món tiền cho vay để lấy lãi không có làm việc.

Lao động:

- Lao động sáng tạo (travailleurs créateurs) giám đốc, phát minh gia.

- Lao động hội viên (travailleurs associés)

- Lao động tạm thời (travailleurs passagers, salarités)

2.- Phân phối quyền quản lý (congestion) giữa những người đảm đương trách nhiệm thật sự: Nhằm đích giúp phái lao động có điều kiện văn hóa và kỹ thuật để lãnh trách nhiệm điều khiển xí nghiệp và kinh tế toàn quốc.

a.- Tư bản sáng lập.

b.- Tư bản hội viên sáng tạo.

c.- Lao động sáng tạo.

d.- Lao động hội viên.

PHƯƠNG PHÁP LÀM VIỆC

XÃ HỘI (tức là tạp chí Xã Hội) không phải là một cơ quan thuần túy kiến thức, kiến thức để kiến thức.

XÃ HỘI muốn là: Một đoàn thể chủ trương hoạt động để cùng nhau cố gắng thiết lập hạnh phúc chung.

Bản lược đồ mà XÃ HỘI giới thiệu với các bạn, là lược đồ một giả thuyết để hoạt động, và trong lược đồ ấy, các thực tại kinh tế, xã hội, vật chất và thiêng liêng, các thực tại của những cơ cấu, những lực lượng, những chương trình và những kế hoạch đều phải chính lý, hướng đến một thể quân bình không phải bất động bất biến, mà là một thể quân bình động lực và linh hoạt, nhằm đích đưa tất cả toàn dân đồng loạt tiến đến một chế độ văn minh hoàn thiện hơn.

Mọi hoạt động muốn có hiệu quả thì cần phải dựa vào một kiến thức minh xác và thực tại. Cho nên XÃ HỘI chú trọng một cách đặc biệt việc nghiên cứu và điều tra, để được biết rõ các biểu tượng, các giai đoạn của văn minh và các tiết điệu của tiến triển sản xuất trong các khu vực hoạt động của nước nhà.

Một lý thuyết kinh tế, chủ trương thỏa mãn nhu cầu toàn dân cần phải căn cứ trên sự hiểu biết các mức sống thực tế và phức tạp của quần chúng. Một chủ thuyết chủ trương phân phối các lãnh thổ cho điều hòa với sự sống của toàn dân, phải căn cứ theo những chủ đề địa dư, nhân khẩu và tiến triển kỹ thuật hiện hữu trong nước.

Vì vậy phương pháp làm việc của XÃ HỘI có ba giai đoạn:

- Thứ nhất là nghiên cứu và điều tra.
- Thứ đến là rút ở thực tại những tài liệu khả dĩ thành lập một lý thuyết.
- Giai đoạn thứ ba là lúc đem lý thuyết ấy ra thực hành.

Và đồng thời trong lúc áp dụng lý thuyết vào thực tế, thì chúng ta lại trở lại nghiên cứu và điều tra chính những điều đang thực hành để sửa chữa và bồi bổ cho lý thuyết được hoàn bị hơn, để rồi lại đem ra thực hành cho ăn nhịp với trạng huống xã hội luôn luôn biến hóa không ngừng.

Thực hành ở đâu?

- Thực hành trong những phần đất mà hiện thời chúng ta có thể thực hành được, chẳng hạn như trong địa hạt nghiệp đoàn, cải cách điền thổ, phổ thông đầu phiếu v.v... Dầu thế nào chăng nữa, một khi chúng ta đã có một lược đồ hoạt động, một phương pháp làm việc và nhất là một ý chí hành động, thì chúng ta sẽ nhận biết rõ ràng mục đích, vị trí và tương quan của các hoạt động của chúng ta, tuy bề ngoài rời rạc, nhưng thực ra, nó ăn khớp với nội dung của một cuộc vận động để thực hiện bước đường đồng tiến của nhân loại (*montée humaine universelle*).

- Và biết đâu? Không dám nói là anh hùng để tạo thời thế, nhưng chúng ta tin chắc rằng những hoạt động cương quyết và hữu cơ có thể tạo nên những cơ quan hoạt động.

(Trích Tạp Chí Xã Hội, số ra mắt ngày 8.12.1952)

Sách Báo Trích Dẫn

- *Biến Cố Chính Trị Việt Nam Hiện Đại*-Tập I. Phạm Văn Lưu-Center for Vietnamese Studies P.O. Box 1497 Collingwood-Vic.3066 Australia.

- *Ngô Đình Diệm Và nỗ lực Hòa Bình Dạng Dỏ*. Nguyễn Văn Châu-Nguyễn Vy Khanh chuyển ngữ Xuân Thu-California 1989.

- *Công Và Tội*. Nguyễn Trần-Xuân Thu-California 1992.

- *Nhân Chứng Một Chế Độ*. Huỳnh Văn Lang. Nhà Xuất Bản Văn Nghệ P.O. Box 2301 Westminster, CA 92683.

- *Con Rồng Việt Nam*. Cựu Hoàng Bảo Đại. Xuân Thu Publishing. P.O. Box 97 Los Alamitos, CA 90720.

- *Việt Nam Nhân Chứng*. Trần Văn Đôn. Xuân Thu Publishing. P.O. Box 97 Los Alamitos, Ca 90720.

- *Nhật Ký Đỗ Thọ*. Tổng phát hành Đồng Nai. Sài Gòn 1970.

- *Bội Phản Hay Chân Chính*. Dư Văn Chất chấp bút. Không được phát hành.

- Đoàn Mật Vụ Ngô Đình Cẩn. Văn Phan. Nhà xuất bản công an nhân dân-Hà Nội 1996.

- *Về Cuộc Kháng Chiến Chống Mỹ Cứu Nước*. Văn tiến Dũng. Nhà xuất bản chính trị quốc gia. Hà Nội 1996.

- *Đặc San Tiếng Sông Hương*. 6730 Stuchter St. Dallas, TX 75230. Sổ kỷ niệm 100 năm Trường Quốc Học Huế (1896-1996)

- *Nguyệt San Ngày Nay*.

- *Our Vietnam Nightmare*. Marguerite Higgins Harper& Row-New York. N.Y.10016

- *Vietnam's War*. Vũ Văn Cương alias Tâm. Bruswick Publishing Co.Lawrenceville VA 23868.

- *The Year Of The Hare*. F.X.Winters.University of Georgia Press-Athens, Georgia 32602

- *Our Endless War*. Trần Văn Đôn. Presidio Press-Novato, CA 94947.

- *Les Relations Américano-Vietnamiennes*-Tom I. Trần Minh Tiết-Nouvelles Edition Latines. Paris 1971.

mục lục

Lời giới thiệu của Gs Tiến Sĩ Nguyễn Xuân Vinh	7
Lời tựa của Hà Thượng Nhân	9
Lời nói đầu tác giả Nguyễn Văn Minh	11
Chương I. Ông Ngô Đình Cẩn	15
Chương II. Biến cố “cờ Phật giáo”	149
Chương III. Cuộc đảo chánh 1.11.1963	261
Chương IV. Cái chết của ông Ngô Đình Cẩn	375
Chương V. Cẩn Lao Nhân Vị Cách Mạng Đảng	415
Thay lời kết	441
Phụ Bản 1. Tổ chức, hoạt động “Đoàn công tác đặc biệt” và hiệu quả của “Chính sách cải tạo và sử dụng những người kháng chiến cũ”	445
Phụ Bản 2. Tác phẩm dự thảo “Bội Phản Hay Chân Chính”	485
Phụ Bản 3. Dụ Số 10	488
Phụ Bản 4. Một thời vang bóng	501
Phụ Bản 5. Thư Ủy Ban Tư Pháp	
Thượng Viện Hoa Kỳ gửi Chủ tịch Tiểu Ban	
Nội Vụ Thượng Viện Hoa Thịnh Đốn (17.2.1964)	511
Phụ Bản 6. Lược đồ một cuộc cải tổ cơ cấu xã hội	518
Sách Báo Trích Dẫn	525

